

|    |                                            |     |              |              |
|----|--------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1  | HO KINH DOANH HUYNH THAO HOTEL             | 1   | M00000080726 | M00000080726 |
| 2  | "HKD CUA HANG "" TAN THUY "" "             | 7   | M00000040871 | M00000040877 |
| 3  | "TRUONG MAM NON TU THUC ""BE GAU TEDDY"" " | 11  | M00000006594 | M00000006604 |
| 4  | I THUONG                                   | 2   | M00000086633 | M00000086634 |
| 5  | 99.BAR - KARAOKE                           | 42  | M00000057730 | M00000057771 |
| 6  | AM THUC NHAT BAN BAO TRUC                  | 1   | M00000050875 | M00000050875 |
| 7  | AM THUC PHUONG NAM                         | 10  | M00000083387 | M00000083396 |
| 8  | AN HUNG VUONG                              | 23  | M00000081922 | M00000081944 |
| 9  | ANH DUC                                    | 38  | M00000081105 | M00000081142 |
| 10 | ANH VU BAKERY 4                            | 1   | M00000150715 | M00000150715 |
| 11 | AO DAI RICCA                               | 1   | M00000217467 | M00000217467 |
| 12 | APPLE HOUSE                                | 5   | M00000126394 | M00000126398 |
| 13 | AUSTRALIAN EMBASSY HANOI                   | 58  | M00000017569 | M00000017626 |
| 14 | AWAS NINH BINH                             | 1   | M00000059240 | M00000059240 |
| 15 | B & B PARTY - KTV                          | 26  | M00000059116 | M00000059141 |
| 16 | BA THOI                                    | 2   | M00000124430 | M00000124431 |
| 17 | BA VI                                      | 1   | M00000089981 | M00000089981 |
| 18 | BA ZEN                                     | 1   | M00000217538 | M00000217538 |
| 19 | BABY BON                                   | 3   | M00000210219 | M00000210221 |
| 20 | BABYLON STEAKGARDEN                        | 16  | M00000114585 | M00000114600 |
| 21 | BAN QT CHUNG CU THE EVERRICH INFINITY      | 9   | M00000186056 | M00000186064 |
| 22 | BAN QUAN TRI CAO OC PARKLAND.....          | 1   | M00000171269 | M00000171269 |
| 23 | BAN TAP HOA                                | 4   | M00000043147 | M00000043150 |
| 24 | BANANA FLOWER                              | 1   | M00000128824 | M00000128824 |
| 25 | BANG HIEU MI QUANG BA MUA                  | 3   | M00000146059 | M00000146061 |
| 26 | BANG HIEU MY QUANG BA MUA                  | 3   | M00000146261 | M00000146263 |
| 27 | BANH KEM ANH QUAN 2                        | 2   | M00000223132 | M00000223133 |
| 28 | BEAUTY SALON TAN THE GIOI                  | 4   | M00000193966 | M00000193969 |
| 29 | BEN DO XUA HOMESTAY                        | 2   | M00000084244 | M00000084245 |
| 30 | BEP GIA PHAT                               | 6   | M00000017938 | M00000017943 |
| 31 | BEP HOP                                    | 1   | M00000116924 | M00000116924 |
| 32 | BICH VAN                                   | 1   | M00000146064 | M00000146064 |
| 33 | BIEN DONG 10                               | 12  | M00000200440 | M00000200451 |
| 34 | BIET THU DU LICH GOC VUON XANH             | 14  | M00000019830 | M00000019843 |
| 35 | BIET THU DU LICH I VY                      | 10  | M00000133488 | M00000133497 |
| 36 | BIET THU DU LICH NHA TRANG VEN SONG        | 12  | M00000133611 | M00000133622 |
| 37 | BLESSED                                    | 1   | M00000126115 | M00000126115 |
| 38 | BQT CUM NHA CC MULBERRY LANE               | 20  | M00000014303 | M00000014322 |
| 39 | BTM SPORT                                  | 1   | M00000126167 | M00000126167 |
| 40 | BUI DUC HUYNH                              | 4   | M00000069674 | M00000069677 |
| 41 | BUI QUANG HUY                              | 3   | M00000071239 | M00000071241 |
| 42 | BUN MAM MIEN TAY                           | 6   | M00000216404 | M00000216409 |
| 43 | BUN NUOC LEO CO BA                         | 1   | M00000093419 | M00000093419 |
| 44 | BV MAT KY THUAT CAO HA NOI-CNCT TNHH PHA   | 28  | M00000000907 | M00000000934 |
| 45 | BVCK RANG HAM MAT VIET ANH DUC-CNCTCP VI   | 4   | M00000078582 | M00000078585 |
| 46 | C.TY CP DAU TU KENLI- CHI NHANH TP HCM     | 31  | M00000193746 | M00000193776 |
| 47 | CA PHE HAO                                 | 3   | M00000143284 | M00000143286 |
| 48 | CAFE ANH HUY                               | 2   | M00000042709 | M00000042710 |
| 49 | CAN TIN BENH VIEN DH Y DUOC TPHCM CO SO    | 5   | M00000217237 | M00000217241 |
| 50 | CAO CAO                                    | 7   | M00000124512 | M00000124518 |
| 51 | CASE TOSY                                  | 2   | M00000118822 | M00000118823 |
| 52 | CAT TOC A DOAN HOI AN                      | 14  | M00000125410 | M00000125423 |
| 53 | CAU LAC BO THE HINH 24 GIO                 | 2   | M00000189973 | M00000189974 |
| 54 | CAU LAC BO THE THAO                        | 6   | M00000021606 | M00000021611 |
| 55 | CAU LAC BO THE THAO NEWTIME VAN KHE        | 1   | M00000021777 | M00000021777 |
| 56 | CH BACH HOA TONG HOP SI VA LE HAI DANH     | 49  | M00000195627 | M00000195675 |
| 57 | CHAM SOC DA HA LINH                        | 2   | M00000194587 | M00000194588 |
| 58 | CHAU QUYNH ANH                             | 14  | M00000125803 | M00000125816 |
| 59 | CHAU THI TO TRINH                          | 2   | M00000150025 | M00000150026 |
| 60 | CHENSEA RESORT                             | 113 | M00000158326 | M00000158438 |
| 61 | CHI NHANH - CTY TNHH THEWOLF               | 17  | M00000220213 | M00000220229 |
| 62 | CHI NHANH 1 - CONG TY CO PHAN QUE VIET     | 75  | M00000114018 | M00000114092 |
| 63 | CHI NHANH 1 - CONG TY TNHH TUNG VAN        | 14  | M00000195372 | M00000195385 |
| 64 | CHI NHANH 2 CONG TY TNHH MTV NHA HANG HA   | 28  | M00000211488 | M00000211515 |
| 65 | CHI NHANH 3 CTY TNHH MTV NHA HANG HAN QU   | 40  | M00000211626 | M00000211665 |
| 66 | CHI NHANH 3-CTCP TU VAN DAU TU VA QUAN L   | 2   | M00000031927 | M00000031928 |
| 67 | CHI NHANH 6 CONG TY TNHH MTV NHA HANG HA   | 26  | M00000212535 | M00000212560 |
| 68 | CHI NHANH 8 CTY TNHH XD DV TM TRAN LONG    | 21  | M00000189985 | M00000190005 |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 69  | CHI NHANH CH - CONG TY TNHH EM BIET DOC  | 11  | M00000208445 | M00000208455 |
| 70  | CHI NHANH CONG TY CO PHAN QUE VIET       | 243 | M00000139277 | M00000139519 |
| 71  | CHI NHANH CONG TY CO PHAN BIEN PHU YEN   | 166 | M00000122870 | M00000123035 |
| 72  | CHI NHANH CONG TY CO PHAN THAN BIEN      | 42  | M00000202584 | M00000202625 |
| 73  | CHI NHANH CONG TY CP DAU KHI PETRO DONG  | 7   | M00000037429 | M00000037435 |
| 74  | CHI NHANH CONG TY TNHH BAN BUON BAN LE V | 6   | M00000195071 | M00000195076 |
| 75  | CHI NHANH CONG TY TNHH BINH TAILOR       | 11  | M00000223963 | M00000223973 |
| 76  | CHI NHANH CONG TY TNHH DAU TU DU THUYEN  | 20  | M00000113742 | M00000113761 |
| 77  | CHI NHANH CONG TY TNHH DICH VU AN UONG H | 5   | M00000185601 | M00000185605 |
| 78  | CHI NHANH CONG TY TNHH DUYEN HA-CAM RANH | 2   | M00000111398 | M00000111399 |
| 79  | CHI NHANH CONG TY TNHH GINKGO TAI HA NOI | 7   | M00000198159 | M00000198165 |
| 80  | CHI NHANH CONG TY TNHH KHOI PHAT         | 54  | M00000107709 | M00000107762 |
| 81  | CHI NHANH CONG TY TNHH MEGARIG INDUSTRIE | 3   | M00000117587 | M00000117589 |
| 82  | CHI NHANH CONG TY TNHH NARIS HOLDINGS    | 6   | M00000225595 | M00000225600 |
| 83  | CHI NHANH CONG TY TNHH OIZUMI FOODS VIET | 25  | M00000198356 | M00000198380 |
| 84  | CHI NHANH CONG TY TNHH SAI GON SMILE     | 76  | M00000039636 | M00000039711 |
| 85  | CHI NHANH CONG TY TNHH THE ONLY GROUP -  | 7   | M00000083844 | M00000083850 |
| 86  | CHI NHANH CONG TY TNHH THIEN AN - KHACH  | 6   | M00000100228 | M00000100233 |
| 87  | CHI NHANH CONG TY TNHH VI N VI           | 32  | M00000132016 | M00000132047 |
| 88  | CHI NHANH CT CP IN HOSPITALITY           | 59  | M00000164413 | M00000164471 |
| 89  | CHI NHANH CT TNHH NEW YORK BAGEL         | 5   | M00000190249 | M00000190253 |
| 90  | CHI NHANH CT TNHH THINH PHAT TAM DAO     | 21  | M00000050289 | M00000050309 |
| 91  | CHI NHANH CT TNHH VIET THAI QUAN         | 23  | M00000193608 | M00000193630 |
| 92  | CHI NHANH CT TNHH YAZAWA MEAT VIET NAM T | 71  | M00000024228 | M00000024298 |
| 93  | CHI NHANH CTCP SONG VIET TAI HA NOI      | 9   | M00000011230 | M00000011238 |
| 94  | CHI NHANH CTY TNHH HOA BIEN HCM          | 50  | M00000210341 | M00000210390 |
| 95  | CHI NHANH CTY TNHH OIZUMI FOODS VIET NAM | 8   | M00000183092 | M00000183099 |
| 96  | CHI NHANH CTY TNHH OIZUMI FOODS VIET NAM | 21  | M00000186431 | M00000186451 |
| 97  | CHI NHANH DA NANG - CONG TY TNHH EQUIP V | 2   | M00000130223 | M00000130224 |
| 98  | CHI NHANH DA NANG-CONG TY TNHH TAN PHU   | 13  | M00000108455 | M00000108467 |
| 99  | CHI NHANH GOLDEN DYNASTY VINCOM - CONG T | 32  | M00000203991 | M00000204022 |
| 100 | CHI NHANH GRAND PHAN THIET - CONG TY TNH | 1   | M00000139528 | M00000139528 |
| 101 | CHI NHANH HA TINH - CT TNHH CONG VANG VI | 3   | M00000140142 | M00000140144 |
| 102 | CHI NHANH HAI BOT NOODLES - CONG TY TNHH | 7   | M00000092802 | M00000092808 |
| 103 | CHI NHANH III CT TNHH CONG NGHE THUC PHA | 4   | M00000205207 | M00000205210 |
| 104 | CHI NHANH LONG XUYEN - CT TNHH NASCA     | 2   | M00000081594 | M00000081595 |
| 105 | CHI NHANH METROPOLE CTY TNHH LAHAYE      | 4   | M00000214321 | M00000214324 |
| 106 | CHI NHANH MIEN TRUNG - CONG TY CO PHAN X | 88  | M00000132558 | M00000132645 |
| 107 | CHI NHANH PHAN THIET CONG TY CO PHAN DAU | 3   | M00000155312 | M00000155314 |
| 108 | CHI NHANH PHIA NAM-CTY TNHH TAN PHU      | 45  | M00000167750 | M00000167794 |
| 109 | CHI NHANH SALA CTY TNHH LAHAYE           | 2   | M00000214319 | M00000214320 |
| 110 | CHI NHANH SO 2 CONG TY TNHH JAE JU GARDE | 5   | M00000062345 | M00000062349 |
| 111 | CHI NHANH TAI BINH PHUOC-CT TNHH MTV TM  | 2   | M00000085752 | M00000085753 |
| 112 | CHI NHANH TSN VINH - CONG TY TNHH THUC S | 5   | M00000117503 | M00000117507 |
| 113 | CHI NHANH VAN PHONG LUAT SU KHANG HUNG   | 2   | M00000155868 | M00000155869 |
| 114 | CHI NHANH VO ROOF-CONG TY TNHH BEP VO    | 13  | M00000200418 | M00000200430 |
| 115 | CHIN KIEP                                | 1   | M00000221360 | M00000221360 |
| 116 | CHU ANH DUONG                            | 2   | M00000073505 | M00000073506 |
| 117 | CHU VAN HOA                              | 1   | M00000042748 | M00000042748 |
| 118 | CIGAR CLUB                               | 2   | M00000119389 | M00000119390 |
| 119 | CN 01 - CT TNHH DT VA SX KIM HOANG VU    | 3   | M00000154266 | M00000154268 |
| 120 | CN 02 DNTN HIEU VANG KIM HOA MINH TAI LA | 53  | M00000134727 | M00000134779 |
| 121 | CN 1-CT TNHH SIPS VIET NAM               | 17  | M00000203541 | M00000203557 |
| 122 | CN 2 CONG TY TNHH VIPAMED VIET NAM       | 32  | M00000017851 | M00000017882 |
| 123 | CN 3 CTY TNHH TM DV COBEYA COBE          | 18  | M00000092115 | M00000092132 |
| 124 | CN 4 CT TNHH MTV NHA HANG HAN QUOC MEAT& | 63  | M00000214623 | M00000214685 |
| 125 | CN 4 CTY TNHH TM DV COBEYA COBE          | 2   | M00000093530 | M00000093531 |
| 126 | CN 5 BONTA - CTY TNHH TM DV COBEYA COBE  | 1   | M00000093532 | M00000093532 |
| 127 | CN 5 CT TNHH MTV NHA HANG HAN QUOC MEAT& | 35  | M00000214284 | M00000214318 |
| 128 | CN 5-CTY TNHH TM VA DV QUOC TE TRUONG HI | 60  | M00000093090 | M00000093149 |
| 129 | CN 6-CTY TNHH TM VA DV QUOC TE TRUONG HI | 31  | M00000093058 | M00000093088 |
| 130 | CN 7 CT TNHH MTV NHA HANG HAN QUOC MEAT& | 37  | M00000214247 | M00000214283 |
| 131 | CN AN DUONG VUONG - CT TNHH EM BIET DOC  | 7   | M00000207498 | M00000207504 |
| 132 | CN AU CO-CTCP DT TM VA DV O TO DONG SAI  | 5   | M00000208551 | M00000208555 |
| 133 | CN BINH LOI - CONG TY TNHH EM BIET DOC   | 3   | M00000207490 | M00000207492 |
| 134 | CN BINH THUAN- CTY TNHH NOVA GOLF CLUB   | 70  | M00000119942 | M00000120011 |
| 135 | CN BRVT - CTY CP IMPERIAL DELICACIES     | 52  | M00000201358 | M00000201409 |
| 136 | CN COM TAM SUON XOAN - CT TNHH TM DV XNK | 8   | M00000211559 | M00000211566 |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 137 | CN CONG HOA - CONG TY TNHH EM BIET DOC   | 7   | M00000207505 | M00000207511 |
| 138 | CN CONG TY CP DL DV VA DT XD HOI AN      | 25  | M00000101070 | M00000101094 |
| 139 | CN CONG TY CP NHA THAI                   | 35  | M00000006797 | M00000006831 |
| 140 | CN CONG TY TNHH DAU TU SS VIET NAM       | 5   | M00000011735 | M00000011739 |
| 141 | CN CONG TY TNHH DAU TU TM PHUC LINH TAI  | 86  | M00000126400 | M00000126485 |
| 142 | CN CONG TY TNHH HAI BINH TAI HA NOI      | 2   | M00000012772 | M00000012773 |
| 143 | CN CONG TY TNHH INDOCHINA SAILS HAI PHON | 14  | M00000061138 | M00000061151 |
| 144 | CN CONG TY TNHH NGON NGON CATERING - CHI | 21  | M00000190407 | M00000190427 |
| 145 | CN CONG TY TNHH NHA HANG LAU DE DUNG MAP | 1   | M00000186921 | M00000186921 |
| 146 | CN CONG TY TNHH TAP DE DO TAI TP.HCM     | 63  | M00000160483 | M00000160545 |
| 147 | CN CONG TY TNHH VIET NHON-NHA HANG SEPIA | 109 | M00000183899 | M00000184007 |
| 148 | CN CONG TY TNHH WONDER KITCHEN - NHA HAN | 12  | M00000203273 | M00000203284 |
| 149 | CN CONG TY TNHH XE HOI THE THAO UY TIN T | 52  | M00000192023 | M00000192074 |
| 150 | CN CONGTY TNHH VIET NHON-NHA HANG SE SAN | 146 | M00000167037 | M00000167182 |
| 151 | CN CT CO PHAN THUONG MAI CARPA VIETNAM   | 1   | M00000161873 | M00000161873 |
| 152 | CN CT CP DAO TAO QUOC TE VIET MY UC      | 5   | M00000192775 | M00000192779 |
| 153 | CN CT CP DAU TU THUONG MAI VIET NAM      | 6   | M00000169318 | M00000169323 |
| 154 | CN CT CP DAU TU TM HAI AU TAI TP VT      | 54  | M00000159746 | M00000159799 |
| 155 | CN CT CP DAU TU TM KY THUAT A&T VIET NAM | 323 | M00000168835 | M00000169157 |
| 156 | CN CT CP DT LONG BIEN                    | 116 | M00000166898 | M00000167013 |
| 157 | CN CT CP DT&PT GIAO DUC THE GIOI KT-TPCL | 51  | M00000079946 | M00000079996 |
| 158 | CN CT CP DV DU LICH NHA HANG THUAN PHUON | 17  | M00000200728 | M00000200744 |
| 159 | CN CT CP EVERGREEN DAU TU TAI HUNG YEN   | 15  | M00000051295 | M00000051309 |
| 160 | CN CT CP GD VA GIAI TRI TRE THO-TRUONG M | 19  | M00000191923 | M00000191941 |
| 161 | CN CT CP LAM VIET- KS SEA PEARL CAT BA   | 28  | M00000050750 | M00000050777 |
| 162 | CN CT CP LE GIA HA THANH                 | 4   | M00000124636 | M00000124639 |
| 163 | CN CT CP SACH THAI HA                    | 1   | M00000191249 | M00000191249 |
| 164 | CN CT CP THUONG MAI VA DICH VU KHANH VAN | 3   | M00000051070 | M00000051072 |
| 165 | CN CT CP TMDV DIM TU TAC-NHA HANG DIM TU | 383 | M00000211080 | M00000211462 |
| 166 | CN CT CP VAT TU THIET BI VT-CH SO 1      | 50  | M00000157322 | M00000157371 |
| 167 | CN CT CP VUON PHO-VUON PHO TAN SON NHAT  | 24  | M00000164326 | M00000164349 |
| 168 | CN CT CP VUON PHO-VUON PHO VUNG TAU      | 9   | M00000160598 | M00000160606 |
| 169 | CN CT CP Y DUOC QT NHAN DUC-PKDK ND 2    | 45  | M00000185669 | M00000185713 |
| 170 | CN CT TNHH ASIA EIWA                     | 4   | M00000226414 | M00000226417 |
| 171 | CN CT TNHH CA PHE BONKA                  | 3   | M00000093004 | M00000093006 |
| 172 | CN CT TNHH CONG NGHE THUC PHAM VIET HAN  | 4   | M00000079815 | M00000079818 |
| 173 | CN CT TNHH CORDYCEPS-TTGD NNDT VA SHLX L | 62  | M00000140149 | M00000140210 |
| 174 | CN CT TNHH DA CHAM                       | 1   | M00000170045 | M00000170045 |
| 175 | CN CT TNHH DT GO CHAM-KS KINGSALES T.HOA | 2   | M00000015119 | M00000015120 |
| 176 | CN CT TNHH DTPT TM VA DV DL DAI DUONG    | 3   | M00000006531 | M00000006533 |
| 177 | CN CT TNHH DUONG HAI TAI HAI PHONG       | 18  | M00000052853 | M00000052870 |
| 178 | CN CT TNHH DV GD TOAN CAU HT-TRUONG MAM  | 5   | M00000208261 | M00000208265 |
| 179 | CN CT TNHH HAM RUOU CHAU A TAI TP HOI AN | 4   | M00000102126 | M00000102129 |
| 180 | CN CT TNHH HAM RUOU CHAU A TAI TP NTRANG | 1   | M00000102130 | M00000102130 |
| 181 | CN CT TNHH HAM RUOU CHAU A TAI TP.HCM    | 16  | M00000160467 | M00000160482 |
| 182 | CN CT TNHH JCF VIET NAM TAI QUANG NINH   | 1   | M00000054613 | M00000054613 |
| 183 | CN CT TNHH KHAM CHUA BENH HA NOI HIGHT Q | 56  | M00000046802 | M00000046857 |
| 184 | CN CT TNHH KHU DU LICH HOAN MY TAI NINH  | 5   | M00000119606 | M00000119610 |
| 185 | CN CT TNHH LAU BO TUOI 100 DO C          | 24  | M00000215604 | M00000215627 |
| 186 | CN CT TNHH LAVELLE-TRUONG MAM NON LAM AN | 17  | M00000190232 | M00000190248 |
| 187 | CN CT TNHH LOCK&LOCK HCM                 | 6   | M00000168013 | M00000168018 |
| 188 | CN CT TNHH MINH PHAT TAI TP DA LAT, TINH | 3   | M00000126112 | M00000126114 |
| 189 | CN CT TNHH MTV NHA HANG HAN QUOC MEAT &  | 19  | M00000211463 | M00000211481 |
| 190 | CN CT TNHH MTV TM QUANG NAM DA NANG KHAC | 1   | M00000126086 | M00000126086 |
| 191 | CN CT TNHH MTV TRI HOI TAI PQ            | 4   | M00000082240 | M00000082243 |
| 192 | CN CT TNHH MY PHAM SHISEIDO VN TAI HN    | 194 | M00000013434 | M00000013627 |
| 193 | CN CT TNHH NGOC SUONG-CAN DUOC(QUYEN)    | 26  | M00000089512 | M00000089537 |
| 194 | CN CT TNHH NGOI SAO ALPHA NHA TRANG      | 3   | M00000104611 | M00000104613 |
| 195 | CN CT TNHH NGUYEN DUONG BRAZIL           | 35  | M00000040407 | M00000040441 |
| 196 | CN CT TNHH NGUYEN LIEU LOI TAM           | 16  | M00000143257 | M00000143272 |
| 197 | CN CT TNHH NHA SACH DAN NHI              | 17  | M00000218391 | M00000218407 |
| 198 | CN CT TNHH NHAT LY                       | 3   | M00000055043 | M00000055045 |
| 199 | CN CT TNHH NHAT LY - NHA HANG NUONG LAU  | 2   | M00000063227 | M00000063228 |
| 200 | CN CT TNHH NHAT LY-NHA HANG GIA VIEN HD  | 7   | M00000064904 | M00000064910 |
| 201 | CN CT TNHH PHAT TRIEN-BV CHUYEN KHOA MAT | 4   | M00000019162 | M00000019165 |
| 202 | CN CT TNHH PKDK SAIGON-TT KHAM BENH SO 2 | 1   | M00000169493 | M00000169493 |
| 203 | CN CT TNHH SIVANANDA YOGA VEDANTA        | 4   | M00000105450 | M00000105453 |
| 204 | CN CT TNHH SUC KHOE TRON DOI TAI TP.HCM  | 77  | M00000171443 | M00000171519 |

|     |                                          |      |              |              |
|-----|------------------------------------------|------|--------------|--------------|
| 205 | CN CT TNHH SX TM DV NGOI NHA VUI VE      | 12   | M00000199011 | M00000199022 |
| 206 | CN CT TNHH SX VA TM KIM DAI VUONG        | 1    | M00000009177 | M00000009177 |
| 207 | CN CT TNHH THUONG MAI DICH VU NHA HANG P | 45   | M00000201831 | M00000201875 |
| 208 | CN CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU VMAX    | 2    | M00000191247 | M00000191248 |
| 209 | CN CT TNHH TM DV DU LICH TRIEU HAO       | 8    | M00000035024 | M00000035031 |
| 210 | CN CT TNHH TM HONG BANG                  | 3    | M00000000969 | M00000000971 |
| 211 | CN CT TNHH TM THQ - TOA THAP KHACH SAN   | 1265 | M00000009933 | M00000011197 |
| 212 | CN CT TNHH TM VU TAN-LOTUS SAIGON HOTEL  | 68   | M00000157579 | M00000157646 |
| 213 | CN CT TNHH TM XNK LAM TRAN (TP-HA NOI)   | 7    | M00000013069 | M00000013075 |
| 214 | CN CT TNHH VIEN NHA KHOA THAM MY ANH DEN | 4    | M00000216159 | M00000216162 |
| 215 | CN CTCP DAU TU BDS HOA BINH-KS NOVOTEL S | 104  | M00000012261 | M00000012364 |
| 216 | CN CTCP DAU TU TM VA XNK HAI AN TAI TP D | 286  | M00000127808 | M00000128093 |
| 217 | CN CTCP DAU TU XD THAO DIEN-SILK HOTEL   | 2    | M00000199061 | M00000199062 |
| 218 | CN CTCP DT BDS HOA BINH-KS NOVOTEL THAI  | 334  | M00000013892 | M00000014225 |
| 219 | CN CTCP DTPT TMDV DINH PHONG TAI HA NOI  | 8    | M00000011565 | M00000011572 |
| 220 | CN CTCP DTXD THANG LONG-KHU DL NGHI DUON | 8    | M00000050146 | M00000050153 |
| 221 | CN CTCP DUOC VA VAT TU THU Y TAI HA TINH | 22   | M00000152960 | M00000152981 |
| 222 | CN CTCP GD VA GIAI TRI TRE THO - TRUONG  | 65   | M00000021778 | M00000021842 |
| 223 | CN CTCP GIAO DUC VA GIAI TRI TRE THO-BUS | 76   | M00000017744 | M00000017819 |
| 224 | CN CTCP MANG TRUC TUYEN META             | 50   | M00000028539 | M00000028588 |
| 225 | CN CTCP QH LIBERTY-KS LIBERTY SAIGON GRE | 54   | M00000160413 | M00000160466 |
| 226 | CN CTCP QUE HUONG LIBERTY-KS LIBERTY SAI | 84   | M00000158439 | M00000158522 |
| 227 | CN CTCP QUE HUONG LIBERTY-KS QUE HUONG 2 | 7    | M00000158523 | M00000158529 |
| 228 | CN CTCP SONG VIET TAI HUE                | 4    | M00000108688 | M00000108691 |
| 229 | CN CTCP THANH DUC HOLDING-KS HYATT PLACE | 139  | M00000064436 | M00000064574 |
| 230 | CN CTCP TM DICH VU DIM TU TAC - NHA HANG | 266  | M00000205349 | M00000205614 |
| 231 | CN CTCP TM DV DIM TU TAC - NHA HANG DIM  | 180  | M00000200514 | M00000200693 |
| 232 | CN CTCP TMDV MON AN NGON- TT HNTC QUEEN  | 1    | M00000191497 | M00000191497 |
| 233 | CN CTCP XD&TM VAN PHAT-NH KS VAN PHAT CT | 18   | M00000078594 | M00000078611 |
| 234 | CN CTTNHH DL H.I.S SONG HAN VN TAI TPHN  | 5    | M00000017648 | M00000017652 |
| 235 | CN CTTNHH DT DU THUYEN - SAN GOLF FLC BI | 22   | M00000053699 | M00000053720 |
| 236 | CN CTTNHH LE SG HOTEL-LE SG HOTEL HONGHA | 85   | M00000081162 | M00000081246 |
| 237 | CN CTTNHH TMDVVT KIEN VU-NH HOA LOC VUNG | 17   | M00000196454 | M00000196470 |
| 238 | CN CTY CP DAU TU XAYDUNG A.T.A TAI PHUMY | 12   | M00000158536 | M00000158547 |
| 239 | CN CTY CP DT THUONG MAI CONG HOA         | 559  | M00000188664 | M00000189222 |
| 240 | CN CTY CP THOI TRANG THIEN QUANG - ROSA  | 171  | M00000123048 | M00000123218 |
| 241 | CN CTY CP Y DUOC QUOC TE NHAN DUC-PHONG  | 50   | M00000187509 | M00000187558 |
| 242 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM QT KORE | 73   | M00000213452 | M00000213524 |
| 243 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 41   | M00000212767 | M00000212807 |
| 244 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 52   | M00000212808 | M00000212859 |
| 245 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 69   | M00000212860 | M00000212928 |
| 246 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 57   | M00000212929 | M00000212985 |
| 247 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 71   | M00000212986 | M00000213056 |
| 248 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 49   | M00000213057 | M00000213105 |
| 249 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 79   | M00000213106 | M00000213184 |
| 250 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 61   | M00000213185 | M00000213245 |
| 251 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 50   | M00000213246 | M00000213295 |
| 252 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 97   | M00000213296 | M00000213392 |
| 253 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 59   | M00000213393 | M00000213451 |
| 254 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 58   | M00000213525 | M00000213582 |
| 255 | CN CTY TNHH BEAUTY LEGENDS - VTM SHINHAN | 98   | M00000213583 | M00000213680 |
| 256 | CN CTY TNHH DV AN UONG HOANG TAM - CN 5  | 4    | M00000196449 | M00000196452 |
| 257 | CN CTY TNHH ME KONG PLUS TAI HA NOI      | 3    | M00000027855 | M00000027857 |
| 258 | CN CTY TNHH MOA - NHA HANG VA CA PHE BON | 7    | M00000128451 | M00000128457 |
| 259 | CN CTY TNHH MTV QUYNH NGUYEN GIA LAI TAI | 5    | M00000129047 | M00000129051 |
| 260 | CN CTY TNHH QUAN LY KHACH SAN COSMO      | 7    | M00000087424 | M00000087430 |
| 261 | CN CTY TNHH TAN PHU TAI QUANG NINH       | 1    | M00000050999 | M00000050999 |
| 262 | CN CTY TNHH THANH DAN GIA LAI-CN QUY NHO | 1    | M00000148927 | M00000148927 |
| 263 | CN CTY TNHH THE ALCOVE LIBRARY HOTEL     | 558  | M00000126517 | M00000127074 |
| 264 | CN CTY TNHH THUONG MAI NHAT VU           | 1    | M00000166679 | M00000166679 |
| 265 | CN CTY TNHH TM BACH THU-TT Y KHOA VAN HA | 2    | M00000084904 | M00000084905 |
| 266 | CN CTY TNHH TM VA DV QUOC TE TRUONG HIEN | 87   | M00000093152 | M00000093238 |
| 267 | CN CTY TNHH TMDV TU VAN SAI GON XANH     | 5    | M00000187955 | M00000187959 |
| 268 | CN CTY TNHH VIET NHON-NHA HANG SESAN 2   | 98   | M00000185482 | M00000185579 |
| 269 | CN CTY TNHH XAY DUNG VA KHACH SAN 98     | 11   | M00000076743 | M00000076753 |
| 270 | CN CTY TNHH YOSHINO SHOTEN INTERNATIONAL | 15   | M00000135178 | M00000135192 |
| 271 | CN DA NANG - CONG TY TNHH SHAMBALLA      | 11   | M00000127226 | M00000127236 |
| 272 | CN DIEN HONG -CONG TY CP ROB EDUCATION   | 44   | M00000203490 | M00000203533 |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 273 | CN DNTN KHACH SAN HONG NGOC CHAU A - KH  | 2   | M00000196500 | M00000196501 |
| 274 | CN GARRYA MU CANG CHAI - CONG TY CP PHAT | 103 | M00000068395 | M00000068497 |
| 275 | CN GO VAP - CONG TY TNHH EM BIET DOC     | 5   | M00000207493 | M00000207497 |
| 276 | CN HA NOI - CT TNHH DICH VU TM KHO DO    | 7   | M00000012663 | M00000012669 |
| 277 | CN HA NOI CT TNHH APLUS MATH-TT MATHNASI | 28  | M00000167899 | M00000167926 |
| 278 | CN HA NOI- CT TNHH GENE SOLUTIONS LAB    | 5   | M00000193310 | M00000193314 |
| 279 | CN HA NOI- CTY TNHH XUAT NHAP KHAU THUC  | 5   | M00000021506 | M00000021510 |
| 280 | CN HOA BINH - CONG TY TNHH EM BIET DOC   | 15  | M00000207450 | M00000207464 |
| 281 | CN HOI AN CT CP LUNE PRODUCTION          | 11  | M00000191498 | M00000191508 |
| 282 | CN KIM THINH SON LONG VY- DNTN TIEM VANG | 24  | M00000084488 | M00000084511 |
| 283 | CN L'OR PREMIUM OUTLET-CT TNHH HA NOI OU | 10  | M00000039593 | M00000039602 |
| 284 | CN MACAUS - CT TNHH TM TRAN HONG QUAN    | 3   | M00000009576 | M00000009578 |
| 285 | CN MELIA SERENITY CAM RANH BEACH RESORT- | 1   | M00000140427 | M00000140427 |
| 286 | CN NHA HANG HAO VIET - CONG TY TNHH SUN  | 27  | M00000117138 | M00000117164 |
| 287 | CN NHA XUAT BAN KIM DONG TAI TPHCM       | 34  | M00000163053 | M00000163086 |
| 288 | CN PHAN XICH LONG - CT TNHH EM BIET DOC  | 17  | M00000207512 | M00000207528 |
| 289 | CN PHU MY HUNG - CTY TNHH EM BIET DOC    | 22  | M00000207468 | M00000207489 |
| 290 | CN PK SAI GON Y DUOC 115 THUOC CTY TNHH  | 16  | M00000092058 | M00000092073 |
| 291 | CN QB THUOC CTCP KHI CONG NGHIEP NGHE AN | 5   | M00000126389 | M00000126393 |
| 292 | CN SAIGON CENTRE - CONG TY TNHH UCHU     | 1   | M00000180913 | M00000180913 |
| 293 | CN SCALA - PIZZA & CAFE - CTY TNHH MUMMY | 9   | M00000092134 | M00000092142 |
| 294 | CN SO 1 CTY TNHH DV LANG MEO             | 27  | M00000224063 | M00000224089 |
| 295 | CN TAI TP HCM-CT TNHH TM DL&DV SONG HAN  | 3   | M00000166509 | M00000166511 |
| 296 | CN TAI TPDN-CT TNHH QL TAI SAN ALTARA VN | 145 | M00000134498 | M00000134642 |
| 297 | CN TAI TPHCM - CTY CP TM VA DAU TU KLEVE | 2   | M00000199408 | M00000199409 |
| 298 | CN TAN TRIEU - CTY TNHH LINGCA           | 2   | M00000091977 | M00000091978 |
| 299 | CN THAO DIEN - CT TNHH MTV CHAM SOC SUC  | 53  | M00000159802 | M00000159854 |
| 300 | CN THU DAU MOT - CT CP ROB EDUCATION     | 8   | M00000202647 | M00000202654 |
| 301 | CN TP HCM - CONG TY TNHH THIEN SU VN     | 22  | M00000159724 | M00000159745 |
| 302 | CN TP HO CHI MINH-CT TNHH Y TE HAI LE    | 3   | M00000013851 | M00000013853 |
| 303 | CN TRUONG CHINH-CTCP DT TM VA DV O TO DO | 58  | M00000208320 | M00000208377 |
| 304 | CN XA NHA BE-CONG TY CP ROB EDUCATION    | 7   | M00000203534 | M00000203540 |
| 305 | CN1-CTCP DT BDS TAN KIEN PHAT-KS VA NGHI | 87  | M00000125323 | M00000125409 |
| 306 | CN3 CTCP AV CONNECT VIET NAM - OSAKA SAI | 3   | M00000199601 | M00000199603 |
| 307 | CN7 CT TNHH XD DV TM TRAN LONG           | 1   | M00000191452 | M00000191452 |
| 308 | CNCT- CTY TNHH MTV DV TM VA CN NUGOS     | 30  | M00000090109 | M00000090138 |
| 309 | CNCT TNHH BEAUTY LEGENDS-VTM SHINHAN BEA | 46  | M00000214790 | M00000214835 |
| 310 | CNCT TNHH DAU TU VA DV DU LICH PHUC LONG | 380 | M00000155322 | M00000155701 |
| 311 | CNCT TNHH DV AU QUOC VINH-NH NGOC SUONG3 | 42  | M00000158284 | M00000158325 |
| 312 | CNCT TNHH HAM RUOU CHAU A TAI TP DA NANG | 2   | M00000102131 | M00000102132 |
| 313 | CNCT TNHH NHAT LY- NHA HANG TALATA       | 22  | M00000053749 | M00000053770 |
| 314 | CNCT TNHH THE ONLY GROUP-NHA HANG BEIRUT | 6   | M00000182556 | M00000182561 |
| 315 | CNCT TNHH TM DV MY MY-BENH VIEN QT MY    | 684 | M00000184691 | M00000185374 |
| 316 | CNCTCP DV BAY VA DL BIEN TAN CANG TAI KH | 60  | M00000113215 | M00000113274 |
| 317 | CNCTCP QH LIBERTY-KS LIBERTY CENTRAL SG  | 81  | M00000164068 | M00000164148 |
| 318 | CNCTCP T/THONG&DL T/TOAN AN DU TAI DN    | 213 | M00000108833 | M00000109045 |
| 319 | CNCTCPTM&DV VIET DELI MOI TAI NHA TRANG  | 36  | M00000015418 | M00000015453 |
| 320 | CNCTTNHH DHDLTMDV A AU-NHA HANG QUA NGON | 66  | M00000161912 | M00000161977 |
| 321 | CNCTTNHH MTV QUAN LY AVIA-TT HN& TC GALA | 54  | M00000170595 | M00000170648 |
| 322 | CNCTTNHH TU VAN XD CAO PHONG-KS LA CIGAL | 42  | M00000185914 | M00000185955 |
| 323 | CNCTTNHHMTV DLTM KHKSKH BT CENTRALPALACE | 126 | M00000171857 | M00000171982 |
| 324 | CN-CTY TNHH TM DAU TU AN VIET NAM        | 5   | M00000199046 | M00000199050 |
| 325 | CNTQ CTCP TT MEDIA FBTQ                  | 112 | M00000065638 | M00000065749 |
| 326 | CO MAY                                   | 22  | M00000124481 | M00000124502 |
| 327 | CO SO DA MY NGHE DUNG TUYET              | 2   | M00000114780 | M00000114781 |
| 328 | CO SO DIEU KHAC DA MY NGHE TIEN HIEU     | 41  | M00000139550 | M00000139590 |
| 329 | CO SO DIEU KHAC DA MY NGHE TIEN HIEU 3.  | 123 | M00000109948 | M00000110070 |
| 330 | CO SO SAN XUAT TUONG OT DAM KIM QUY      | 1   | M00000043238 | M00000043238 |
| 331 | CO SO TAP HOA KIM OANH                   | 97  | M00000084079 | M00000084175 |
| 332 | CO SO TIEM CHUNG VAC XIN DICH VU I CARE  | 11  | M00000120352 | M00000120362 |
| 333 | COM TAM CAY DIEP                         | 1   | M00000216311 | M00000216311 |
| 334 | COM TAM SAI GON                          | 1   | M00000068763 | M00000068763 |
| 335 | CON DAO HOUSE                            | 2   | M00000190924 | M00000190925 |
| 336 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN ALY VALLEY   | 1   | M00000038020 | M00000038020 |
| 337 | CONG TY CO PHAN AFTER GROUP              | 1   | M00000201068 | M00000201068 |
| 338 | CONG TY CO PHAN ALEX DUONG               | 1   | M00000129060 | M00000129060 |
| 339 | CONG TY CO PHAN ALS VINA                 | 1   | M00000021586 | M00000021586 |
| 340 | CONG TY CO PHAN AM THUC UNICB            | 11  | M00000037697 | M00000037707 |

|     |                                          |     |              |               |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|---------------|
| 341 | CONG TY CO PHAN ANH EM DAU TU            | 11  | M00000001037 | M000000001047 |
| 342 | CONG TY CO PHAN ATZ LIFE                 | 7   | M00000184187 | M00000184193  |
| 343 | CONG TY CO PHAN AUFTDART                 | 4   | M00000191223 | M00000191226  |
| 344 | CONG TY CO PHAN AUSPI                    | 2   | M00000222647 | M00000222648  |
| 345 | CONG TY CO PHAN BANG ONSEN               | 6   | M00000134780 | M00000134785  |
| 346 | CONG TY CO PHAN BENH VIEN MAT VIET- HA N | 4   | M00000062483 | M00000062486  |
| 347 | CONG TY CO PHAN BEP 12 MUA               | 3   | M00000027858 | M00000027860  |
| 348 | CONG TY CO PHAN BERYBEEGLOBAL            | 73  | M00000065210 | M00000065282  |
| 349 | CONG TY CO PHAN BICH KHUE                | 3   | M00000101103 | M00000101105  |
| 350 | CONG TY CO PHAN BIET THU EDENROC BIEN AN | 28  | M00000126002 | M00000126029  |
| 351 | CONG TY CO PHAN BON NUOC PHUOC THIEN     | 2   | M00000155244 | M00000155245  |
| 352 | CONG TY CO PHAN BONG SEN BAC NINH        | 131 | M00000051749 | M00000051879  |
| 353 | CONG TY CO PHAN CAO DONG                 | 5   | M00000163625 | M00000163629  |
| 354 | CONG TY CO PHAN CARDI PIZZERIA           | 6   | M00000139520 | M00000139525  |
| 355 | CONG TY CO PHAN CBG                      | 7   | M00000195904 | M00000195910  |
| 356 | CONG TY CO PHAN CHAM RIVERSIDE           | 102 | M00000152597 | M00000152698  |
| 357 | CONG TY CO PHAN CHAPTER DNS HANOI        | 48  | M00000019010 | M00000019057  |
| 358 | CONG TY CO PHAN CHUOI HAPPY TRUE         | 490 | M00000023577 | M00000024066  |
| 359 | CONG TY CO PHAN CHUON CHUON KIM          | 17  | M00000212191 | M00000212207  |
| 360 | CONG TY CO PHAN CHUWA VIET NAM           | 5   | M00000032349 | M00000032353  |
| 361 | CONG TY CO PHAN CON ONG                  | 4   | M00000183752 | M00000183755  |
| 362 | CONG TY CO PHAN CONG NGHE CAO X6         | 11  | M00000071486 | M00000071496  |
| 363 | CONG TY CO PHAN CONG NGHE Y TE VIET NHAT | 4   | M00000019771 | M00000019774  |
| 364 | CONG TY CO PHAN COSMO QUAN LY KHACH SAN  | 67  | M00000133323 | M00000133389  |
| 365 | CONG TY CO PHAN CUNG DIEN VANG           | 103 | M00000104710 | M00000104812  |
| 366 | CONG TY CO PHAN DAI HAI                  | 1   | M00000049557 | M00000049557  |
| 367 | CONG TY CO PHAN DAI LAM MOC GROUP        | 28  | M00000037763 | M00000037790  |
| 368 | CONG TY CO PHAN DAI NAM-THAI Y VIEN      | 43  | M00000111783 | M00000111825  |
| 369 | CONG TY CO PHAN DAT MY                   | 203 | M00000166691 | M00000166893  |
| 370 | CONG TY CO PHAN DAT THANH (VIET NAM)     | 39  | M00000051081 | M00000051119  |
| 371 | CONG TY CO PHAN DAU TU DAI VIET CO       | 52  | M00000109243 | M00000109294  |
| 372 | CONG TY CO PHAN DAU TU HAI DUONG         | 94  | M00000112079 | M00000112172  |
| 373 | CONG TY CO PHAN DAU TU HUNG BAC PHAT     | 1   | M00000071878 | M00000071878  |
| 374 | CONG TY CO PHAN DAU TU KENLI             | 39  | M00000013337 | M00000013375  |
| 375 | CONG TY CO PHAN DAU TU LAN ANH DA LAT    | 1   | M00000117787 | M00000117787  |
| 376 | CONG TY CO PHAN DAU TU NHA HANG ZAMBA    | 30  | M00000023236 | M00000023265  |
| 377 | CONG TY CO PHAN DAU TU PGS HUE           | 1   | M00000134790 | M00000134790  |
| 378 | CONG TY CO PHAN DAU TU REGIS BAY VIET NA | 196 | M00000182334 | M00000182529  |
| 379 | CONG TY CO PHAN DAU TU TAM DAT           | 23  | M00000035176 | M00000035198  |
| 380 | CONG TY CO PHAN DAU TU TAN HOA LU        | 106 | M00000015721 | M00000015826  |
| 381 | CONG TY CO PHAN DAU TU THUONG MAI NHAT P | 2   | M00000040386 | M00000040387  |
| 382 | CONG TY CO PHAN DAU TU TONG HOP KY NGUYE | 35  | M00000119332 | M00000119366  |
| 383 | CONG TY CO PHAN DAU TU VA DICH VU NORAH  | 2   | M00000059677 | M00000059678  |
| 384 | CONG TY CO PHAN DAU TU VA PHAT TRIEN LON | 4   | M00000073223 | M00000073226  |
| 385 | CONG TY CO PHAN DAU TU VA PHAT TRIEN TAY | 7   | M00000062423 | M00000062429  |
| 386 | CONG TY CO PHAN DAU TU VA XAY DUNG C.P   | 23  | M00000109364 | M00000109386  |
| 387 | CONG TY CO PHAN DAU TU XAY DUNG HA TANG  | 25  | M00000044298 | M00000044322  |
| 388 | CONG TY CO PHAN DAU TU XAY DUNG THIEN QU | 2   | M00000074266 | M00000074267  |
| 389 | CONG TY CO PHAN DAU TU XAY DUNG, THUONG  | 26  | M00000045904 | M00000045929  |
| 390 | CONG TY CO PHAN DAU TU XOM VANG          | 1   | M00000043977 | M00000043977  |
| 391 | CONG TY CO PHAN DI TRUYEN Y HOC          | 5   | M00000182291 | M00000182295  |
| 392 | CONG TY CO PHAN DICH VU DANG CAP VIET    | 29  | M00000020028 | M00000020056  |
| 393 | CONG TY CO PHAN DICH VU EPAY             | 4   | M00000015115 | M00000015118  |
| 394 | CONG TY CO PHAN DICH VU F.VN             | 14  | M00000046643 | M00000046656  |
| 395 | CONG TY CO PHAN DICH VU GIAI TRI HA NOI  | 11  | M00000003649 | M00000003659  |
| 396 | CONG TY CO PHAN DICH VU GLAD             | 15  | M00000142157 | M00000142171  |
| 397 | CONG TY CO PHAN DICH VU HA LINH          | 121 | M00000006403 | M00000006523  |
| 398 | CONG TY CO PHAN DICH VU HAI LUA SAI GON  | 23  | M00000019807 | M00000019829  |
| 399 | CONG TY CO PHAN DICH VU HANG KHONG SON T | 2   | M00000138034 | M00000138035  |
| 400 | CONG TY CO PHAN DICH VU HANG KHONG TASEC | 123 | M00000082738 | M00000082860  |
| 401 | CONG TY CO PHAN DICH VU THUONG MAI SAN X | 16  | M00000002018 | M00000002033  |
| 402 | CONG TY CO PHAN DICH VU VA GIAI TRI GRAC | 54  | M00000031956 | M00000032009  |
| 403 | CONG TY CO PHAN DICH VU VAN TAI VA DU LI | 1   | M00000040494 | M00000040494  |
| 404 | CONG TY CO PHAN DICH VU Y TE VIET NHAT - | 105 | M00000021236 | M00000021340  |
| 405 | CONG TY CO PHAN DICH VU YTE HIM LAM      | 5   | M00000181688 | M00000181692  |
| 406 | CONG TY CO PHAN DINH DUONG VIET PHAP     | 340 | M00000061418 | M00000061757  |
| 407 | CONG TY CO PHAN DK ENC VIET NAM          | 10  | M00000000879 | M00000000888  |
| 408 | CONG TY CO PHAN DONG PHAT                | 4   | M00000104813 | M00000104816  |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 409 | CONG TY CO PHAN DT VA TM MANH HAI        | 1   | M00000050822 | M00000050822 |
| 410 | CONG TY CO PHAN DU KIM                   | 19  | M00000013050 | M00000013068 |
| 411 | CONG TY CO PHAN DU LICH HA TINH          | 4   | M00000094996 | M00000094999 |
| 412 | CONG TY CO PHAN DU LICH HIEP PHAT        | 1   | M00000107763 | M00000107763 |
| 413 | CONG TY CO PHAN DU LICH KHACH SAN LESTAR | 6   | M00000021230 | M00000021235 |
| 414 | CONG TY CO PHAN DU LICH MINH THANH       | 9   | M00000097768 | M00000097776 |
| 415 | CONG TY CO PHAN DU LICH SAI GON-QUI NHON | 4   | M00000096653 | M00000096656 |
| 416 | CONG TY CO PHAN DU LICH SUN GRAND        | 59  | M00000052897 | M00000052955 |
| 417 | CONG TY CO PHAN DU LICH VA DICH VU LALAG | 1   | M00000049372 | M00000049372 |
| 418 | CONG TY CO PHAN DU LICH VA KHACH SAN THA | 72  | M00000007242 | M00000007313 |
| 419 | CONG TY CO PHAN DU LICH VA THUONG MAI DA | 14  | M00000097513 | M00000097526 |
| 420 | CONG TY CO PHAN DU THUYEN BEN NHA RONG   | 6   | M00000212712 | M00000212717 |
| 421 | CONG TY CO PHAN DU THUYEN CELINA         | 35  | M00000042808 | M00000042842 |
| 422 | CONG TY CO PHAN DU THUYEN HUONG RIVER    | 8   | M00000016475 | M00000016482 |
| 423 | CONG TY CO PHAN DU THUYEN KY NGUYEN XANH | 17  | M00000067117 | M00000067133 |
| 424 | CONG TY CO PHAN DUOC PHAM ATNT           | 33  | M00000213985 | M00000214017 |
| 425 | CONG TY CO PHAN DUOC PHAM SUN PHARMA     | 1   | M00000021505 | M00000021505 |
| 426 | CONG TY CO PHAN DUONG SINH THUONG Y VIEN | 1   | M00000062972 | M00000062972 |
| 427 | CONG TY CO PHAN ECO STAR                 | 2   | M00000065825 | M00000065826 |
| 428 | CONG TY CO PHAN EN VIET                  | 3   | M00000158744 | M00000158746 |
| 429 | CONG TY CO PHAN EYEWEAR HUT              | 43  | M00000187461 | M00000187503 |
| 430 | CONG TY CO PHAN F5 RETAIL                | 23  | M00000028589 | M00000028611 |
| 431 | CONG TY CO PHAN FACIAL BAR VIET NAM      | 113 | M00000029826 | M00000029938 |
| 432 | CONG TY CO PHAN FB NETWORK               | 13  | M00000208687 | M00000208699 |
| 433 | CONG TY CO PHAN FORTUNELAND              | 11  | M00000227325 | M00000227335 |
| 434 | CONG TY CO PHAN GAM COFFEE               | 1   | M00000195483 | M00000195483 |
| 435 | CONG TY CO PHAN GARDEN HOANG GIA         | 7   | M00000071900 | M00000071906 |
| 436 | CONG TY CO PHAN GIAI PHAP CONG NGHE BAT  | 7   | M00000017058 | M00000017064 |
| 437 | CONG TY CO PHAN GIAI TRI CUOI TUAN       | 39  | M00000212571 | M00000212609 |
| 438 | CONG TY CO PHAN GIAI TRI NT              | 89  | M00000169344 | M00000169432 |
| 439 | CONG TY CO PHAN GIAO DUC MAYA            | 18  | M00000015454 | M00000015471 |
| 440 | CONG TY CO PHAN GIAO DUC STEMHOUSE       | 326 | M00000170207 | M00000170532 |
| 441 | CONG TY CO PHAN GIAO DUC XIN CHAO 1      | 15  | M00000224724 | M00000224738 |
| 442 | CONG TY CO PHAN GIAO DUC, DICH THUAT VA  | 1   | M00000030415 | M00000030415 |
| 443 | CONG TY CO PHAN GIONG GIA CAM NGOC MUNG  | 167 | M00000019307 | M00000019473 |
| 444 | CONG TY CO PHAN GLENWOOD HORECA          | 75  | M00000185956 | M00000186030 |
| 445 | CONG TY CO PHAN GOLDEN PAN VIET NAM      | 11  | M00000032198 | M00000032208 |
| 446 | CONG TY CO PHAN GOM SU CURIO             | 42  | M00000208508 | M00000208549 |
| 447 | CONG TY CO PHAN GREENBIZ                 | 13  | M00000169664 | M00000169676 |
| 448 | CONG TY CO PHAN HA NOI CHEF              | 5   | M00000043317 | M00000043321 |
| 449 | CONG TY CO PHAN HAPPY SKY VIET NAM       | 3   | M00000014323 | M00000014325 |
| 450 | CONG TY CO PHAN HLG                      | 3   | M00000142389 | M00000142391 |
| 451 | CONG TY CO PHAN HOANG GIA                | 3   | M00000158254 | M00000158256 |
| 452 | CONG TY CO PHAN HOC VIEN CAFE VIET NAM V | 2   | M00000126168 | M00000126169 |
| 453 | CONG TY CO PHAN HOC VIEN GOLF 72+        | 1   | M00000027026 | M00000027026 |
| 454 | CONG TY CO PHAN HOC VIEN SUN & MOON      | 4   | M00000188619 | M00000188622 |
| 455 | CONG TY CO PHAN HOMELAND                 | 4   | M00000007891 | M00000007894 |
| 456 | CONG TY CO PHAN HS 179                   | 1   | M00000115222 | M00000115222 |
| 457 | CONG TY CO PHAN IMPERIAL                 | 63  | M00000199714 | M00000199776 |
| 458 | CONG TY CO PHAN IMPERIAL CARE            | 76  | M00000189450 | M00000189525 |
| 459 | CONG TY CO PHAN IMPERIAL DELICACIES      | 22  | M00000201233 | M00000201254 |
| 460 | CONG TY CO PHAN INDOCHINE WORLD          | 18  | M00000108236 | M00000108253 |
| 461 | CONG TY CO PHAN ISVN20                   | 1   | M00000001036 | M00000001036 |
| 462 | CONG TY CO PHAN KB HOME VIET NAM         | 5   | M00000187813 | M00000187817 |
| 463 | CONG TY CO PHAN KHACH SAN HONG VAN       | 1   | M00000002375 | M00000002375 |
| 464 | CONG TY CO PHAN KHACH SAN ROSEMARY       | 3   | M00000113143 | M00000113145 |
| 465 | CONG TY CO PHAN KIM THAI                 | 6   | M00000050965 | M00000050970 |
| 466 | CONG TY CO PHAN KIN & CO                 | 24  | M00000204140 | M00000204163 |
| 467 | CONG TY CO PHAN KINDER TALENT            | 10  | M00000183802 | M00000183811 |
| 468 | CONG TY CO PHAN KINH MAT THANH PHO HO CH | 2   | M00000029159 | M00000029160 |
| 469 | CONG TY CO PHAN KIZUNA                   | 23  | M00000163988 | M00000164010 |
| 470 | CONG TY CO PHAN LA SINFONIA VIET NAM     | 11  | M00000032932 | M00000032942 |
| 471 | CONG TY CO PHAN LA WELLNESS GROUP        | 5   | M00000047538 | M00000047542 |
| 472 | CONG TY CO PHAN LAMKWANG                 | 207 | M00000209943 | M00000210149 |
| 473 | CONG TY CO PHAN LDR                      | 14  | M00000210844 | M00000210857 |
| 474 | CONG TY CO PHAN LE ROYAL                 | 6   | M00000224100 | M00000224105 |
| 475 | CONG TY CO PHAN LIEN KET QUOC TE         | 106 | M00000080548 | M00000080653 |
| 476 | CONG TY CO PHAN LIEN KET QUOC TE INKINDY | 20  | M00000085284 | M00000085303 |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 477 | CONG TY CO PHAN LSP VIET NAM             | 46  | M00000020201 | M00000020246 |
| 478 | CONG TY CO PHAN LUXURY INB               | 2   | M00000214457 | M00000214458 |
| 479 | CONG TY CO PHAN MACSTAR HO CHI MINH      | 1   | M00000059936 | M00000059936 |
| 480 | CONG TY CO PHAN MAISON BAGIAN            | 15  | M00000027898 | M00000027912 |
| 481 | CONG TY CO PHAN MAY GB                   | 10  | M00000018041 | M00000018050 |
| 482 | CONG TY CO PHAN MDP GROUP VIET NAM       | 1   | M00000215434 | M00000215434 |
| 483 | CONG TY CO PHAN MEDIC YEN DINH           | 6   | M00000130229 | M00000130234 |
| 484 | CONG TY CO PHAN MINH HOUSEWARES          | 2   | M00000219562 | M00000219563 |
| 485 | CONG TY CO PHAN MINH LONG ICONIC         | 5   | M00000210780 | M00000210784 |
| 486 | CONG TY CO PHAN MINUIT MEDIA             | 2   | M00000037902 | M00000037903 |
| 487 | CONG TY CO PHAN MIRACLE COFFEE           | 48  | M00000040034 | M00000040081 |
| 488 | CONG TY CO PHAN MONADO                   | 1   | M00000206627 | M00000206627 |
| 489 | CONG TY CO PHAN MOOM ORGANIC             | 11  | M00000040658 | M00000040668 |
| 490 | CONG TY CO PHAN MYM VIET NAM             | 1   | M00000165118 | M00000165118 |
| 491 | CONG TY CO PHAN NAM THANH VIET NAM       | 34  | M00000029119 | M00000029152 |
| 492 | CONG TY CO PHAN NAST                     | 16  | M00000117810 | M00000117825 |
| 493 | CONG TY CO PHAN NEWWAY HA NOI            | 103 | M00000044088 | M00000044190 |
| 494 | CONG TY CO PHAN NGAM CANH VIET NAM       | 1   | M00000013801 | M00000013801 |
| 495 | CONG TY CO PHAN NGOC LE F&B              | 17  | M00000159343 | M00000159359 |
| 496 | CONG TY CO PHAN NGOI NHA PHU NU          | 1   | M00000012771 | M00000012771 |
| 497 | CONG TY CO PHAN NGUYEN TO MAY MAN        | 25  | M00000186031 | M00000186055 |
| 498 | CONG TY CO PHAN NHA KHOA BINH AN DA NANG | 48  | M00000133945 | M00000133992 |
| 499 | CONG TY CO PHAN NHA KHOA GLOBAL          | 10  | M00000019627 | M00000019636 |
| 500 | CONG TY CO PHAN NHA KHOA SO              | 9   | M00000013629 | M00000013637 |
| 501 | CONG TY CO PHAN PANDAN LEAF SAIGON       | 25  | M00000204473 | M00000204497 |
| 502 | CONG TY CO PHAN PHAT TRIEN TUNG NAM      | 25  | M00000029574 | M00000029598 |
| 503 | CONG TY CO PHAN PHIM VFG                 | 171 | M00000029398 | M00000029568 |
| 504 | CONG TY CO PHAN PHU GIA                  | 206 | M00000000009 | M00000000214 |
| 505 | CONG TY CO PHAN PITALAND                 | 12  | M00000206393 | M00000206404 |
| 506 | CONG TY CO PHAN PT                       | 64  | M00000018683 | M00000018746 |
| 507 | CONG TY CO PHAN PYRENA TEA               | 3   | M00000031947 | M00000031949 |
| 508 | CONG TY CO PHAN QN-EDEN                  | 28  | M00000104408 | M00000104435 |
| 509 | CONG TY CO PHAN QUAN LY F&B CMH - CHI NH | 52  | M00000030105 | M00000030156 |
| 510 | CONG TY CO PHAN QUAN LY KHACH SAN & DICH | 17  | M00000127775 | M00000127791 |
| 511 | CONG TY CO PHAN QUAN LY KHACH SAN HA LAN | 52  | M00000006628 | M00000006679 |
| 512 | CONG TY CO PHAN QUOC TE 256              | 11  | M00000073431 | M00000073441 |
| 513 | CONG TY CO PHAN QUOC TE BIEN XANH        | 11  | M00000097234 | M00000097244 |
| 514 | CONG TY CO PHAN QUOC TE MEDPRO ASIA      | 79  | M00000032609 | M00000032687 |
| 515 | CONG TY CO PHAN QUOC TE SATRACO          | 7   | M00000079357 | M00000079363 |
| 516 | CONG TY CO PHAN QUOC TE UMI DENTIST      | 1   | M00000191546 | M00000191546 |
| 517 | CONG TY CO PHAN S77 HA NOI               | 1   | M00000071596 | M00000071596 |
| 518 | CONG TY CO PHAN SACH TBI TRUONG HOC HA T | 11  | M00000095000 | M00000095010 |
| 519 | CONG TY CO PHAN SAGA HOI AN              | 136 | M00000103835 | M00000103970 |
| 520 | CONG TY CO PHAN SAIGONESE                | 23  | M00000180914 | M00000180936 |
| 521 | CONG TY CO PHAN SAMSUNGSKY               | 11  | M00000219895 | M00000219905 |
| 522 | CONG TY CO PHAN SAMTEN HILLS DA LAT      | 17  | M00000200072 | M00000200088 |
| 523 | CONG TY CO PHAN SAN GON BA NA SUOI MO    | 2   | M00000108453 | M00000108454 |
| 524 | CONG TY CO PHAN SAN XUAT VA THUONG MAI A | 7   | M00000039544 | M00000039550 |
| 525 | CONG TY CO PHAN SAO MAI PHU YEN          | 30  | M00000120944 | M00000120973 |
| 526 | CONG TY CO PHAN SBS CAR RENTAL           | 2   | M00000220609 | M00000220610 |
| 527 | CONG TY CO PHAN SEMA GROUP               | 9   | M00000011315 | M00000011323 |
| 528 | CONG TY CO PHAN SEN HOI AN               | 3   | M00000032141 | M00000032143 |
| 529 | CONG TY CO PHAN STEVEN VIET NAM          | 6   | M00000065614 | M00000065619 |
| 530 | CONG TY CO PHAN SUBE VIET NAM            | 162 | M00000027480 | M00000027641 |
| 531 | CONG TY CO PHAN TAI PHUC DUC             | 158 | M00000120781 | M00000120938 |
| 532 | CONG TY CO PHAN TAP DOAN DAU TU DO GIA V | 50  | M00000134067 | M00000134116 |
| 533 | CONG TY CO PHAN TAP DOAN KENWIN          | 3   | M00000012398 | M00000012400 |
| 534 | CONG TY CO PHAN TAP DOAN NOSAN           | 6   | M00000037835 | M00000037840 |
| 535 | CONG TY CO PHAN TAP DOAN Y TE HOANG TUAN | 895 | M00000038629 | M00000039523 |
| 536 | CONG TY CO PHAN THANH CONG E & C         | 40  | M00000017962 | M00000018001 |
| 537 | CONG TY CO PHAN THANH TAM                | 5   | M00000102340 | M00000102344 |
| 538 | CONG TY CO PHAN THE 350F                 | 19  | M00000206785 | M00000206803 |
| 539 | CONG TY CO PHAN THE GIOI SOFA            | 19  | M00000019775 | M00000019793 |
| 540 | CONG TY CO PHAN THE LEGEND HANOI         | 50  | M00000030517 | M00000030566 |
| 541 | CONG TY CO PHAN THIEN MOC HUONG          | 2   | M00000183857 | M00000183858 |
| 542 | CONG TY CO PHAN THIET KE THOI TRANG THAI | 3   | M00000038414 | M00000038416 |
| 543 | CONG TY CO PHAN THOI TRANG VIET THANG    | 35  | M00000039925 | M00000039959 |
| 544 | CONG TY CO PHAN THOI TRANG WINNY         | 1   | M00000213773 | M00000213773 |



|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 545 | CONG TY CO PHAN THUC AN CHAN NUOI SAO VI | 66  | M00000062353 | M00000062418 |
| 546 | CONG TY CO PHAN THUC PHAM W&E            | 406 | M00000011809 | M00000012214 |
| 547 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI CARPA VIETNAM | 3   | M00000003464 | M00000003466 |
| 548 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI DAU TU A&H    | 61  | M00000045320 | M00000045380 |
| 549 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI DICH VU V&Q   | 1   | M00000126041 | M00000126041 |
| 550 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI DICH VU VA DU | 24  | M00000134461 | M00000134484 |
| 551 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI LONG BEACH    | 26  | M00000086718 | M00000086743 |
| 552 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI PHU AN        | 15  | M00000094959 | M00000094973 |
| 553 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI UNIK VIET NAM | 13  | M00000017659 | M00000017671 |
| 554 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI VA DICH VU DU | 133 | M00000031227 | M00000031359 |
| 555 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI VA DICH VU VI | 2   | M00000041021 | M00000041022 |
| 556 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI VA DU LICH 72 | 73  | M00000107916 | M00000107988 |
| 557 | CONG TY CO PHAN THUONG MAI XUAT NHAP KHA | 14  | M00000027643 | M00000027656 |
| 558 | CONG TY CO PHAN TIQA HOLDINGS            | 66  | M00000223726 | M00000223791 |
| 559 | CONG TY CO PHAN TM VA DV CAT TAY         | 2   | M00000059576 | M00000059577 |
| 560 | CONG TY CO PHAN TM VA DV LS GRUPO        | 6   | M00000071697 | M00000071702 |
| 561 | CONG TY CO PHAN TONG HOP TUAN MINH ANH   | 3   | M00000113438 | M00000113440 |
| 562 | CONG TY CO PHAN TRIVERA GROUP            | 13  | M00000042508 | M00000042520 |
| 563 | CONG TY CO PHAN TRUE CORE WELLNESS       | 3   | M00000216441 | M00000216443 |
| 564 | CONG TY CO PHAN TRUESKIN VIET NAM        | 17  | M00000011388 | M00000011404 |
| 565 | CONG TY CO PHAN TRUYEN THONG 3T          | 3   | M00000190218 | M00000190220 |
| 566 | CONG TY CO PHAN TU XUYEN                 | 79  | M00000141125 | M00000141203 |
| 567 | CONG TY CO PHAN TUAN CHAU HA NOI         | 1   | M00000003606 | M00000003606 |
| 568 | CONG TY CO PHAN TUAN KIET VIET NAM       | 22  | M00000030355 | M00000030376 |
| 569 | CONG TY CO PHAN VANG DA QUY TIEN NGOC    | 100 | M00000076471 | M00000076570 |
| 570 | CONG TY CO PHAN VEDANA RESORT            | 263 | M00000099097 | M00000099359 |
| 571 | CONG TY CO PHAN VIET NAM TICKETS         | 2   | M00000189448 | M00000189449 |
| 572 | CONG TY CO PHAN VIFAMI                   | 5   | M00000014562 | M00000014566 |
| 573 | CONG TY CO PHAN VILLA OCTAVA             | 23  | M00000041986 | M00000042008 |
| 574 | CONG TY CO PHAN VIRGO NHA TRANG          | 31  | M00000109080 | M00000109110 |
| 575 | CONG TY CO PHAN VNAHOMES                 | 4   | M00000017820 | M00000017823 |
| 576 | CONG TY CO PHAN VOLKSWAGEN HA NOI        | 3   | M00000012602 | M00000012604 |
| 577 | CONG TY CO PHAN V-SIXTYFOUR              | 1   | M00000182639 | M00000182639 |
| 578 | CONG TY CO PHAN WORK FLOW                | 6   | M00000203267 | M00000203272 |
| 579 | CONG TY CO PHAN WORLD MARINE HANOI       | 5   | M00000016398 | M00000016402 |
| 580 | CONG TY CO PHAN XAY DUNG VA THUONG MAI K | 7   | M00000049501 | M00000049507 |
| 581 | CONG TY CO PHAN Y DUOC TAM DUC SINH      | 1   | M00000084722 | M00000084722 |
| 582 | CONG TY CO PHAN Y TE 108 THANG LONG      | 34  | M00000054558 | M00000054591 |
| 583 | CONG TY CO PHAN Y TE DA KHOA NGHE TINH   | 7   | M00000136853 | M00000136859 |
| 584 | CONG TY CO PHAN Y TE HOANG KHANH         | 93  | M00000003513 | M00000003605 |
| 585 | CONG TY CO PHAN Y TE TAM NGUYEN          | 4   | M00000155315 | M00000155318 |
| 586 | CONG TY CO PHAN YOUSCHOOL                | 1   | M00000009176 | M00000009176 |
| 587 | CONG TY CP 24H GROUP                     | 256 | M00000041654 | M00000041909 |
| 588 | CONG TY CP ABCJAPAN NHA TRANG            | 17  | M00000155907 | M00000155923 |
| 589 | CONG TY CP ALFRESCOS A CHAU              | 3   | M00000006044 | M00000006046 |
| 590 | CONG TY CP AYRA VN                       | 9   | M00000156791 | M00000156799 |
| 591 | CONG TY CP BDS CAN HO KS TOKYO GRAND     | 412 | M00000110432 | M00000110843 |
| 592 | CONG TY CP BIG BEAR CONCEPTS             | 1   | M00000208304 | M00000208304 |
| 593 | CONG TY CP CONG NGHIEP-DICH VU CAO CUONG | 3   | M00000049554 | M00000049556 |
| 594 | CONG TY CP DAU TU THUONG MAI PHUOC AN    | 5   | M00000012672 | M00000012676 |
| 595 | CONG TY CP DAU TU TM DUOC PHAM A CHAU    | 1   | M00000188663 | M00000188663 |
| 596 | CONG TY CP DAU TU VA DICH VU DAI VIET    | 5   | M00000124530 | M00000124534 |
| 597 | CONG TY CP DAU TU VA DICH VU Y TE THOI D | 14  | M00000023202 | M00000023215 |
| 598 | CONG TY CP DAU TU VA THUONG MAI LAC LONG | 1   | M00000023576 | M00000023576 |
| 599 | CONG TY CP DAU TU VA TM NGAN HA          | 1   | M00000097549 | M00000097549 |
| 600 | CONG TY CP DAU TU XAY DUNG NAM DAI DUONG | 14  | M00000105275 | M00000105288 |
| 601 | CONG TY CP DICH VU DEKS AIR VIET NAM     | 7   | M00000011643 | M00000011649 |
| 602 | CONG TY CP DICH VU DU LICH DELAMONT SA P | 60  | M00000067488 | M00000067547 |
| 603 | CONG TY CP DICH VU DU LICH THUONG MAI VA | 197 | M00000098305 | M00000098501 |
| 604 | CONG TY CP DICH VU HANG KHONG LONG BINH  | 12  | M00000113366 | M00000113377 |
| 605 | CONG TY CP DICH VU THUONG MAI NGOC LINH  | 1   | M00000054507 | M00000054507 |
| 606 | CONG TY CP DICH VU VA GIAI TRI GS        | 7   | M00000045285 | M00000045291 |
| 607 | CONG TY CP DL VA TM HOA PHUONG           | 77  | M00000124696 | M00000124772 |
| 608 | CONG TY CP DL VA TM SAO BIEN             | 1   | M00000099552 | M00000099552 |
| 609 | CONG TY CP DOVONA COFFEE                 | 1   | M00000049356 | M00000049356 |
| 610 | CONG TY CP DT DV TRUYEN THONG SO VIET NA | 27  | M00000031023 | M00000031049 |
| 611 | CONG TY CP DT VA TM QUOC TE RONG VANG    | 7   | M00000127155 | M00000127161 |
| 612 | CONG TY CP DU LICH HDT NINH BINH         | 14  | M00000053799 | M00000053812 |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 613 | CONG TY CP DU LICH KS SUOI MO            | 2   | M00000049402 | M00000049403 |
| 614 | CONG TY CP DU LICH SINH THAI THANH VAN   | 232 | M00000101436 | M00000101667 |
| 615 | CONG TY CP DU LICH VINH DA NHAY          | 38  | M00000100163 | M00000100200 |
| 616 | CONG TY CP DU THUYEN BIG BAY VIET NAM    | 100 | M00000012950 | M00000013049 |
| 617 | CONG TY CP DV HANG KHONG BACH LOC        | 32  | M00000203787 | M00000203818 |
| 618 | CONG TY CP DV Y TE BAO NHA               | 18  | M00000220309 | M00000220326 |
| 619 | CONG TY CP GIAO DUC KY NANG VICA         | 6   | M00000207154 | M00000207159 |
| 620 | CONG TY CP GIAO DUC SHINING STAR VIET NA | 2   | M00000023570 | M00000023571 |
| 621 | CONG TY CP GIONG VIET NAM                | 370 | M00000036098 | M00000036467 |
| 622 | CONG TY CP HATHACO VINA                  | 19  | M00000071962 | M00000071980 |
| 623 | CONG TY CP HO TIEN NHA TRANG             | 280 | M00000101731 | M00000102010 |
| 624 | CONG TY CP HUNG THINH HOSPITALITY        | 248 | M00000125501 | M00000125748 |
| 625 | CONG TY CP LOP & PHU TUNG O TO XANH      | 12  | M00000049704 | M00000049715 |
| 626 | CONG TY CP NAM HOA FOOD                  | 86  | M00000213891 | M00000213976 |
| 627 | CONG TY CP NGAM CANH VIET NAM - CN TPHCM | 1   | M00000195456 | M00000195456 |
| 628 | CONG TY CP NU CUOI MOI VIET NAM          | 89  | M00000018450 | M00000018538 |
| 629 | CONG TY CP PALM FOREST VIET NAM          | 79  | M00000019474 | M00000019552 |
| 630 | CONG TY CP PHAT TRIEN DIAMOND CUTTER     | 2   | M00000205195 | M00000205196 |
| 631 | CONG TY CP PHAT TRIEN GIAO DUC BAO LINH  | 2   | M00000108261 | M00000108262 |
| 632 | CONG TY CP QNK BAC GIANG                 | 100 | M00000050590 | M00000050689 |
| 633 | CONG TY CP QUAN LY DU LICH TRUNG HOI     | 129 | M00000144556 | M00000144684 |
| 634 | CONG TY CP SAKOS                         | 77  | M00000186772 | M00000186848 |
| 635 | CONG TY CP SAN XUAT - THUONG MAI - DICH  | 13  | M00000156887 | M00000156899 |
| 636 | CONG TY CP SAO VIET BAC                  | 21  | M00000160010 | M00000160030 |
| 637 | CONG TY CP SPREZZY                       | 3   | M00000042306 | M00000042308 |
| 638 | CONG TY CP SX TM DV XNK FAMILY CARE      | 10  | M00000167350 | M00000167359 |
| 639 | CONG TY CP TABIPHAR VIET NAM             | 14  | M00000018749 | M00000018762 |
| 640 | CONG TY CP TCT QUANG TRUNG               | 1   | M00000117119 | M00000117119 |
| 641 | CONG TY CP THIEN PHU DIGITAL             | 1   | M00000038417 | M00000038417 |
| 642 | CONG TY CP THUONG MAI - VINH PLAZA       | 2   | M00000104609 | M00000104610 |
| 643 | CONG TY CP THUONG MAI VA DU LICH A DONG  | 6   | M00000045035 | M00000045040 |
| 644 | CONG TY CP TIEN THINH XANH               | 4   | M00000214430 | M00000214433 |
| 645 | CONG TY CP TM DICH VU DAI NAM PLAZA      | 13  | M00000054187 | M00000054199 |
| 646 | CONG TY CP TM DV MAMA PHO                | 11  | M00000170857 | M00000170867 |
| 647 | CONG TY CP TM QT TRUONG PHUOC            | 7   | M00000113008 | M00000113014 |
| 648 | CONG TY CP TM VA DV DU LICH DUONG MINH   | 37  | M00000136628 | M00000136664 |
| 649 | CONG TY CP TM& XNK DUYEN HAI             | 7   | M00000053721 | M00000053727 |
| 650 | CONG TY CP TM&DV DU LICH ALANI           | 15  | M00000135752 | M00000135766 |
| 651 | CONG TY CP TMDV KHI CONG NGHIEP DINH VU  | 3   | M00000058971 | M00000058973 |
| 652 | CONG TY CP TRAM DUNG CHAN NINH THUAN     | 101 | M00000128518 | M00000128618 |
| 653 | CONG TY CP TRUONG QUOC TE WILLIAM PENN   | 19  | M00000205738 | M00000205756 |
| 654 | CONG TY CP TRUYEN THONG MEDIA FBTQ       | 245 | M00000063394 | M00000063638 |
| 655 | CONG TY CP TT FOOD VIET NAM              | 36  | M00000223927 | M00000223962 |
| 656 | CONG TY CP TU VAN GLOBAL EMBASSY         | 7   | M00000184334 | M00000184340 |
| 657 | CONG TY CP VAN TAI THUONG MAI TAN TIEN   | 45  | M00000054043 | M00000054087 |
| 658 | CONG TY CP VDV NHA TRANG                 | 25  | M00000124432 | M00000124456 |
| 659 | CONG TY CP VIEN RICHES                   | 11  | M00000225211 | M00000225221 |
| 660 | CONG TY CP XANG DAU THANH VAN            | 4   | M00000103531 | M00000103534 |
| 661 | CONG TY CP XD TIEN DAT                   | 317 | M00000101119 | M00000101435 |
| 662 | CONG TY CP XNK DAI BANG                  | 238 | M00000100611 | M00000100848 |
| 663 | CONG TY CP Y TE PW                       | 50  | M00000036537 | M00000036586 |
| 664 | CONG TY DAU GIA HOP DANH BINH PHU        | 7   | M00000106012 | M00000106018 |
| 665 | CONG TY LONG VINH-(TNHH)                 | 1   | M00000050241 | M00000050241 |
| 666 | CONG TY NAM LONG - (TNHH)                | 4   | M00000054625 | M00000054628 |
| 667 | CONG TY TNHH BAMBOO FLORIST              | 2   | M00000195481 | M00000195482 |
| 668 | CONG TY TNHH DICH VU Y KHOA MY VIET      | 2   | M00000093527 | M00000093528 |
| 669 | CONG TY TNHH GIAO DUC VA DAO TAO QUANG   | 9   | M00000137062 | M00000137070 |
| 670 | CONG TY TNHH MTV THUONG MAI TUONG VU     | 11  | M00000040102 | M00000040112 |
| 671 | CONG TY TNHH TAM VI                      | 70  | M00000030285 | M00000030354 |
| 672 | CONG TY TNHH 1986 VIET NAM               | 49  | M00000024604 | M00000024652 |
| 673 | CONG TY TNHH 3 A NHA TRANG               | 78  | M00000125239 | M00000125316 |
| 674 | CONG TY TNHH 3M HOME & KITCHEN           | 2   | M00000148877 | M00000148878 |
| 675 | CONG TY TNHH 4F                          | 14  | M00000188639 | M00000188652 |
| 676 | CONG TY TNHH 4PHARMERS                   | 9   | M00000225426 | M00000225434 |
| 677 | CONG TY TNHH 678 HA NOI                  | 11  | M00000009647 | M00000009657 |
| 678 | CONG TY TNHH 8 FOOD                      | 45  | M00000198381 | M00000198425 |
| 679 | CONG TY TNHH A AU O TO                   | 16  | M00000211674 | M00000211689 |
| 680 | CONG TY TNHH A&B HA NAM                  | 2   | M00000065575 | M00000065576 |

|     |                                          |    |              |              |
|-----|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 681 | CONG TY TNHH A&M                         | 22 | M00000003660 | M00000003681 |
| 682 | CONG TY TNHH AB GROUP                    | 7  | M00000208297 | M00000208303 |
| 683 | CONG TY TNHH AC BEAUTY                   | 36 | M00000035998 | M00000036033 |
| 684 | CONG TY TNHH ACE-W                       | 3  | M00000116934 | M00000116936 |
| 685 | CONG TY TNHH AFHCMC247                   | 71 | M00000198893 | M00000198963 |
| 686 | CONG TY TNHH AGBIG GROUP                 | 3  | M00000129027 | M00000129029 |
| 687 | CONG TY TNHH AGH SALON                   | 6  | M00000198984 | M00000198989 |
| 688 | CONG TY TNHH AGIS                        | 1  | M00000084512 | M00000084512 |
| 689 | CONG TY TNHH AKATAIYO                    | 2  | M00000108796 | M00000108797 |
| 690 | CONG TY TNHH ALOCORP                     | 11 | M00000012886 | M00000012896 |
| 691 | CONG TY TNHH AM THUC 5 VIEN              | 8  | M00000207435 | M00000207442 |
| 692 | CONG TY TNHH AM THUC CHEONG DAM VINA     | 51 | M00000200890 | M00000200940 |
| 693 | CONG TY TNHH AM THUC DUONG PHO 369 YUE Y | 1  | M00000071092 | M00000071092 |
| 694 | CONG TY TNHH AM THUC HAI LINH            | 24 | M00000028615 | M00000028638 |
| 695 | CONG TY TNHH AM THUC HOANG THAI DUONG    | 1  | M00000087059 | M00000087059 |
| 696 | CONG TY TNHH AM THUC LAMBRO              | 5  | M00000208493 | M00000208497 |
| 697 | CONG TY TNHH AM THUC NKC                 | 16 | M00000199563 | M00000199578 |
| 698 | CONG TY TNHH AM THUC SHIBU               | 2  | M00000142358 | M00000142359 |
| 699 | CONG TY TNHH AM THUC TRUC LAM            | 28 | M00000052963 | M00000052990 |
| 700 | CONG TY TNHH AM THUC TU DUONG            | 11 | M00000085115 | M00000085125 |
| 701 | CONG TY TNHH AM THUC XUYEN VIET          | 57 | M00000152849 | M00000152905 |
| 702 | CONG TY TNHH AMANAKI                     | 6  | M00000181214 | M00000181219 |
| 703 | CONG TY TNHH AMOBO                       | 68 | M00000026799 | M00000026866 |
| 704 | CONG TY TNHH AMUSEMENT RJ                | 8  | M00000033294 | M00000033301 |
| 705 | CONG TY TNHH AMV DICH VU Y TE            | 4  | M00000017944 | M00000017947 |
| 706 | CONG TY TNHH AN BINH HA TINH             | 2  | M00000119272 | M00000119273 |
| 707 | CONG TY TNHH AN KHANG HAI                | 7  | M00000150800 | M00000150806 |
| 708 | CONG TY TNHH AN PHU HOC MON              | 21 | M00000209347 | M00000209367 |
| 709 | CONG TY TNHH AN THAI                     | 4  | M00000096580 | M00000096583 |
| 710 | CONG TY TNHH AN TUONG HIEN DAI           | 8  | M00000206662 | M00000206669 |
| 711 | CONG TY TNHH ANCIENT FOREST              | 3  | M00000199781 | M00000199783 |
| 712 | CONG TY TNHH ANH DUC                     | 9  | M00000106701 | M00000106709 |
| 713 | CONG TY TNHH ANH NGUYEN BEAUTY           | 21 | M00000035963 | M00000035983 |
| 714 | CONG TY TNHH ANH SANG QUANG NAM          | 6  | M00000110352 | M00000110357 |
| 715 | CONG TY TNHH ANIMAL FEED                 | 14 | M00000069008 | M00000069021 |
| 716 | CONG TY TNHH ANLAM                       | 9  | M00000225643 | M00000225651 |
| 717 | CONG TY TNHH ANRAKUTEI VIETNAM           | 83 | M00000172399 | M00000172481 |
| 718 | CONG TY TNHH AONIYOSHI VIET NAM          | 3  | M00000207215 | M00000207217 |
| 719 | CONG TY TNHH AQUAZONE                    | 2  | M00000043133 | M00000043134 |
| 720 | CONG TY TNHH ARDENT BAR                  | 36 | M00000206716 | M00000206751 |
| 721 | CONG TY TNHH ARIRANG PURPLE              | 10 | M00000207144 | M00000207153 |
| 722 | CONG TY TNHH ARISA GOLF CHAU A           | 2  | M00000045987 | M00000045988 |
| 723 | CONG TY TNHH ASENA HOTELS - CHI NHANH NH | 2  | M00000135229 | M00000135230 |
| 724 | CONG TY TNHH ASH & LEAF                  | 1  | M00000168052 | M00000168052 |
| 725 | CONG TY TNHH ASIA PET SERVICES           | 3  | M00000085166 | M00000085168 |
| 726 | CONG TY TNHH ASLER                       | 7  | M00000128392 | M00000128398 |
| 727 | CONG TY TNHH ATP THAI DUONG              | 20 | M00000015827 | M00000015846 |
| 728 | CONG TY TNHH AU AESTHETIC                | 4  | M00000203233 | M00000203236 |
| 729 | CONG TY TNHH AUC                         | 40 | M00000128474 | M00000128513 |
| 730 | CONG TY TNHH AURA CLINIC PREMIUM         | 6  | M00000195914 | M00000195919 |
| 731 | CONG TY TNHH AURA MEDICAL                | 99 | M00000187559 | M00000187657 |
| 732 | CONG TY TNHH AUSTIN LABS                 | 1  | M00000186141 | M00000186141 |
| 733 | CONG TY TNHH AVENUE 40QH                 | 1  | M00000196472 | M00000196472 |
| 734 | CONG TY TNHH AVENUE SAIGON               | 2  | M00000193229 | M00000193230 |
| 735 | CONG TY TNHH AXIS SUPPLY                 | 1  | M00000225849 | M00000225849 |
| 736 | CONG TY TNHH BA NHU Y                    | 1  | M00000086672 | M00000086672 |
| 737 | CONG TY TNHH BACH CAT NGUYEN             | 9  | M00000104453 | M00000104461 |
| 738 | CONG TY TNHH BACH HOA TONG HOP 139       | 17 | M00000088285 | M00000088301 |
| 739 | CONG TY TNHH BACH HOA TONG HOP THUY DUON | 38 | M00000226346 | M00000226383 |
| 740 | CONG TY TNHH BACH HOA TU CHON THIN DUNG  | 23 | M00000065312 | M00000065334 |
| 741 | CONG TY TNHH BACH MA VILLAGE             | 2  | M00000108798 | M00000108799 |
| 742 | CONG TY TNHH BAKEHOUSE VIET NAM          | 46 | M00000169618 | M00000169663 |
| 743 | CONG TY TNHH BALI RESTAURANT             | 3  | M00000133579 | M00000133581 |
| 744 | CONG TY TNHH BAN B'LAO                   | 17 | M00000226665 | M00000226681 |
| 745 | CONG TY TNHH BAN LE BANYAN               | 1  | M00000047543 | M00000047543 |
| 746 | CONG TY TNHH BAN LE PHUONG NAM- CHI NHAN | 3  | M00000106433 | M00000106435 |
| 747 | CONG TY TNHH BAN LE SAMMISHOP            | 57 | M00000018586 | M00000018642 |
| 748 | CONG TY TNHH BANH KEM HOAN HAO           | 47 | M00000209424 | M00000209470 |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 749 | CONG TY TNHH BANH TAI THONG              | 5   | M00000197672 | M00000197676 |
| 750 | CONG TY TNHH BANI DENTAL GROUP           | 1   | M00000065812 | M00000065812 |
| 751 | CONG TY TNHH BAO LAM CITY                | 1   | M00000132314 | M00000132314 |
| 752 | CONG TY TNHH BAO MY THU                  | 47  | M00000140869 | M00000140915 |
| 753 | CONG TY TNHH BAO TRAM JEWELERS           | 6   | M00000226468 | M00000226473 |
| 754 | CONG TY TNHH BAO WOW                     | 11  | M00000040481 | M00000040491 |
| 755 | CONG TY TNHH BAODIEN                     | 5   | M00000041117 | M00000041121 |
| 756 | CONG TY TNHH BARBAARD                    | 31  | M00000199248 | M00000199278 |
| 757 | CONG TY TNHH BARTELS                     | 75  | M00000227345 | M00000227419 |
| 758 | CONG TY TNHH BE BADMINTON                | 16  | M00000218697 | M00000218712 |
| 759 | CONG TY TNHH BE CUNG VO HANG             | 355 | M00000088682 | M00000089036 |
| 760 | CONG TY TNHH BEAUTY ENTER                | 1   | M00000029153 | M00000029153 |
| 761 | CONG TY TNHH BEAUTY LEGENDS              | 42  | M00000205635 | M00000205676 |
| 762 | CONG TY TNHH BEAUTYHUB PRO               | 19  | M00000031094 | M00000031112 |
| 763 | CONG TY TNHH BELWEE                      | 17  | M00000201332 | M00000201348 |
| 764 | CONG TY TNHH BEN THANH XUA               | 24  | M00000187307 | M00000187330 |
| 765 | CONG TY TNHH BENH VIEN THAM MY TAO HINH  | 166 | M00000198505 | M00000198670 |
| 766 | CONG TY TNHH BEP AN BAC AI               | 7   | M00000089491 | M00000089497 |
| 767 | CONG TY TNHH BEP VO                      | 10  | M00000191006 | M00000191015 |
| 768 | CONG TY TNHH BETTER BITE                 | 1   | M00000149413 | M00000149413 |
| 769 | CONG TY TNHH BIA HOI HA NOI VBG          | 5   | M00000071950 | M00000071954 |
| 770 | CONG TY TNHH BICH NGOC LT                | 159 | M00000092828 | M00000092986 |
| 771 | CONG TY TNHH BINFRUITS                   | 7   | M00000047370 | M00000047376 |
| 772 | CONG TY TNHH BINH TAILOR                 | 53  | M00000218027 | M00000218079 |
| 773 | CONG TY TNHH BINH THUAN GOLD             | 43  | M00000152770 | M00000152812 |
| 774 | CONG TY TNHH BIZ NOI THAT                | 13  | M00000012365 | M00000012377 |
| 775 | CONG TY TNHH BLANK COMPANY               | 4   | M00000211531 | M00000211534 |
| 776 | CONG TY TNHH BIAHOME                     | 3   | M00000147640 | M00000147642 |
| 777 | CONG TY TNHH BMC COSMETICS               | 8   | M00000212183 | M00000212190 |
| 778 | CONG TY TNHH BOHO                        | 47  | M00000220727 | M00000220773 |
| 779 | CONG TY TNHH BON MUA                     | 29  | M00000098665 | M00000098693 |
| 780 | CONG TY TNHH BON MUA VILLA               | 1   | M00000200135 | M00000200135 |
| 781 | CONG TY TNHH BOX MART                    | 2   | M00000152241 | M00000152242 |
| 782 | CONG TY TNHH BRAVE PEOPLE                | 9   | M00000191227 | M00000191235 |
| 783 | CONG TY TNHH BSI VIET NAM                | 9   | M00000193521 | M00000193529 |
| 784 | CONG TY TNHH BTA BILLIARDS               | 10  | M00000190258 | M00000190267 |
| 785 | CONG TY TNHH BUBBLY BABY SPA             | 11  | M00000223140 | M00000223150 |
| 786 | CONG TY TNHH BUL KKOCH                   | 3   | M00000054614 | M00000054616 |
| 787 | CONG TY TNHH C&W BAC NINH                | 9   | M00000059690 | M00000059698 |
| 788 | CONG TY TNHH CA LANG PHIEU HOAN          | 16  | M00000043172 | M00000043187 |
| 789 | CONG TY TNHH CA VOI BEER - SOJU          | 1   | M00000209060 | M00000209060 |
| 790 | CONG TY TNHH CADOSA VIET NAM             | 4   | M00000040030 | M00000040033 |
| 791 | CONG TY TNHH CANH BUOM HA LONG HAI PHONG | 3   | M00000054740 | M00000054742 |
| 792 | CONG TY TNHH CAO NGHIEM FOODS            | 41  | M00000044325 | M00000044365 |
| 793 | CONG TY TNHH CAO NHUNG ANH               | 6   | M00000217437 | M00000217442 |
| 794 | CONG TY TNHH CAO PHUC MEDIC              | 12  | M00000204461 | M00000204472 |
| 795 | CONG TY TNHH CARE & JOY                  | 5   | M00000041081 | M00000041085 |
| 796 | CONG TY TNHH CASK                        | 1   | M00000171353 | M00000171353 |
| 797 | CONG TY TNHH CAT BA OASIS                | 2   | M00000053072 | M00000053073 |
| 798 | CONG TY TNHH CAT NAM GIANG               | 2   | M00000081321 | M00000081322 |
| 799 | CONG TY TNHH CAT PHU THANH               | 1   | M00000205700 | M00000205700 |
| 800 | CONG TY TNHH CAT TUONG FM                | 52  | M00000087206 | M00000087257 |
| 801 | CONG TY TNHH CATNIS                      | 1   | M00000211673 | M00000211673 |
| 802 | CONG TY TNHH CAU DO HOI AN               | 3   | M00000135602 | M00000135604 |
| 803 | CONG TY TNHH CERAMIC4YOU                 | 16  | M00000210709 | M00000210724 |
| 804 | CONG TY TNHH CG GLOBAL                   | 82  | M00000035199 | M00000035280 |
| 805 | CONG TY TNHH CHABAD SAPA                 | 9   | M00000219551 | M00000219559 |
| 806 | CONG TY TNHH CHAM SOC SAC DEP LAVEDA CEN | 2   | M00000018448 | M00000018449 |
| 807 | CONG TY TNHH CHAMPION DENTAL             | 9   | M00000188653 | M00000188661 |
| 808 | CONG TY TNHH CHAY TUE NGUYEN             | 24  | M00000211535 | M00000211558 |
| 809 | CONG TY TNHH CHE BIEN XNK NONG SAN HONG  | 1   | M00000143282 | M00000143282 |
| 810 | CONG TY TNHH CHESS PLUS                  | 1   | M00000226146 | M00000226146 |
| 811 | CONG TY TNHH CHICHIGO HAI PHONG          | 13  | M00000065754 | M00000065766 |
| 812 | CONG TY TNHH CHILENO                     | 20  | M00000216559 | M00000216578 |
| 813 | CONG TY TNHH CHINPHO CYCLE VIET NAM      | 7   | M00000198426 | M00000198432 |
| 814 | CONG TY TNHH CHON QUE                    | 1   | M00000102133 | M00000102133 |
| 815 | CONG TY TNHH CHUOI LANH LKF              | 105 | M00000072859 | M00000072963 |
| 816 | CONG TY TNHH CITYGROUP VIETNAM           | 4   | M00000204263 | M00000204266 |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 817 | CONG TY TNHH CLASSYC                     | 102 | M00000074501 | M00000074602 |
| 818 | CONG TY TNHH CO KHI CHINH XAC HM VINA    | 3   | M00000019800 | M00000019802 |
| 819 | CONG TY TNHH CO DIEN LONG TAM            | 30  | M00000113307 | M00000113336 |
| 820 | CONG TY TNHH CO KHI KHANH LAM            | 13  | M00000051322 | M00000051334 |
| 821 | CONG TY TNHH CO KHI SONG PHAN            | 6   | M00000054753 | M00000054758 |
| 822 | CONG TY TNHH CO KHI YEN SON              | 5   | M00000064939 | M00000064943 |
| 823 | CONG TY TNHH CO NHiet LANH NGOC LINH     | 34  | M00000064235 | M00000064268 |
| 824 | CONG TY TNHH CO UT QUAN                  | 1   | M00000204569 | M00000204569 |
| 825 | CONG TY TNHH COCO&MAY                    | 1   | M00000169226 | M00000169226 |
| 826 | CONG TY TNHH COM QUE CAU AM              | 2   | M00000093007 | M00000093008 |
| 827 | CONG TY TNHH CONG NGHE GIPYXL            | 2   | M00000040768 | M00000040769 |
| 828 | CONG TY TNHH CONG NGHE NHA SACH          | 2   | M00000013376 | M00000013377 |
| 829 | CONG TY TNHH CONG NGHE PROXYSV           | 10  | M00000072006 | M00000072015 |
| 830 | CONG TY TNHH CONG NGHE SO CHUBINHCAMERA  | 5   | M00000020190 | M00000020194 |
| 831 | CONG TY TNHH CONG NGHE THONG TIN NOVAGAM | 1   | M00000227340 | M00000227340 |
| 832 | CONG TY TNHH CONG NGHE VA DICH VU TIN HO | 1   | M00000048164 | M00000048164 |
| 833 | CONG TY TNHH CONG NGHE VERA              | 5   | M00000156660 | M00000156664 |
| 834 | CONG TY TNHH CONG NGHIEP AN BAO          | 6   | M00000103103 | M00000103108 |
| 835 | CONG TY TNHH CONG OANH HB                | 3   | M00000066636 | M00000066638 |
| 836 | CONG TY TNHH CONG VANG VINH              | 34  | M00000105721 | M00000105754 |
| 837 | CONG TY TNHH COPENHAGEN DELIGHTS         | 23  | M00000006289 | M00000006311 |
| 838 | CONG TY TNHH C-STYLE HUB                 | 5   | M00000202701 | M00000202705 |
| 839 | CONG TY TNHH CUA TU DONG THANH HUNG      | 1   | M00000105720 | M00000105720 |
| 840 | CONG TY TNHH CULCAT                      | 4   | M00000045632 | M00000045635 |
| 841 | CONG TY TNHH CUOC SONG BAI BIEN - CHI NH | 26  | M00000128408 | M00000128433 |
| 842 | CONG TY TNHH CUONG MINH HB               | 10  | M00000071512 | M00000071521 |
| 843 | CONG TY TNHH D VA M HOI AN               | 19  | M00000105223 | M00000105241 |
| 844 | CONG TY TNHH DA LOC                      | 13  | M00000009634 | M00000009646 |
| 845 | CONG TY TNHH DA VIEN                     | 17  | M00000124678 | M00000124694 |
| 846 | CONG TY TNHH DA VIEN-CHI NHANH 1         | 5   | M00000135123 | M00000135127 |
| 847 | CONG TY TNHH DAI MINH KH                 | 17  | M00000136611 | M00000136627 |
| 848 | CONG TY TNHH DAIWA LIVING VIET NAM       | 3   | M00000032346 | M00000032348 |
| 849 | CONG TY TNHH DALINK VIET NAM             | 1   | M00000006610 | M00000006610 |
| 850 | CONG TY TNHH DANA NHAT MINH              | 24  | M00000124640 | M00000124663 |
| 851 | CONG TY TNHH DANG DECOR                  | 19  | M00000207181 | M00000207199 |
| 852 | CONG TY TNHH DAO DAI THANG               | 3   | M00000079914 | M00000079916 |
| 853 | CONG TY TNHH DAO TAO WIKI EDU            | 4   | M00000060848 | M00000060851 |
| 854 | CONG TY TNHH DAT CAO THANH               | 16  | M00000216696 | M00000216711 |
| 855 | CONG TY TNHH DAT HOP                     | 1   | M00000214437 | M00000214437 |
| 856 | CONG TY TNHH DAU TU SS VIET NAM          | 25  | M00000009844 | M00000009868 |
| 857 | CONG TY TNHH DAU TU AN TIEN PHAT         | 21  | M00000113721 | M00000113741 |
| 858 | CONG TY TNHH DAU TU BAO LY               | 2   | M00000107764 | M00000107765 |
| 859 | CONG TY TNHH DAU TU BLUESEA              | 7   | M00000199652 | M00000199658 |
| 860 | CONG TY TNHH DAU TU BTGROUP              | 1   | M00000051419 | M00000051419 |
| 861 | CONG TY TNHH DAU TU DU AN DAI PHU LOC    | 1   | M00000114498 | M00000114498 |
| 862 | CONG TY TNHH DAU TU NGOI SAO PHUONG NAM  | 19  | M00000032511 | M00000032529 |
| 863 | CONG TY TNHH DAU TU PHAT TRIEN NONG SAN  | 4   | M00000066631 | M00000066634 |
| 864 | CONG TY TNHH DAU TU PHAT TRIEN VANG DUC  | 1   | M00000039563 | M00000039563 |
| 865 | CONG TY TNHH DAU TU PHU MINH DELI        | 2   | M00000140145 | M00000140146 |
| 866 | CONG TY TNHH DAU TU QUOC TE NEW ERA      | 14  | M00000064421 | M00000064434 |
| 867 | CONG TY TNHH DAU TU QUOC TE NOVANEX      | 1   | M00000037863 | M00000037863 |
| 868 | CONG TY TNHH DAU TU SAN XUAT TONG HOP BI | 22  | M00000099382 | M00000099403 |
| 869 | CONG TY TNHH DAU TU SAVA GROUP           | 20  | M00000031179 | M00000031198 |
| 870 | CONG TY TNHH DAU TU TAI CHINH DAI XUAN   | 2   | M00000006312 | M00000006313 |
| 871 | CONG TY TNHH DAU TU TAM THUC             | 30  | M00000192101 | M00000192130 |
| 872 | CONG TY TNHH DAU TU THUONG MAI PHUC LINH | 29  | M00000026274 | M00000026302 |
| 873 | CONG TY TNHH DAU TU TM VA DV KIM SON     | 2   | M00000031931 | M00000031932 |
| 874 | CONG TY TNHH DAU TU TQ                   | 21  | M00000058931 | M00000058951 |
| 875 | CONG TY TNHH DAU TU VA DICH VU HT        | 7   | M00000021665 | M00000021671 |
| 876 | CONG TY TNHH DAU TU VA PHAT TRIEN GCOM   | 16  | M00000023220 | M00000023235 |
| 877 | CONG TY TNHH DAU TU VA PHAT TRIEN GIA TH | 2   | M00000043462 | M00000043463 |
| 878 | CONG TY TNHH DAU TU VA THUONG MAI LONGEV | 198 | M00000020247 | M00000020444 |
| 879 | CONG TY TNHH DAU TU VA TM THAI MINH ANH  | 177 | M00000052039 | M00000052215 |
| 880 | CONG TY TNHH DECOS VIETNAM               | 7   | M00000214018 | M00000214024 |
| 881 | CONG TY TNHH DERGO                       | 11  | M00000037867 | M00000037877 |
| 882 | CONG TY TNHH DF KITCHEN VIET NAM         | 41  | M00000182242 | M00000182282 |
| 883 | CONG TY TNHH DH FOOD SERVICE             | 14  | M00000032305 | M00000032318 |
| 884 | CONG TY TNHH DI SAN TRANG AN             | 254 | M00000067148 | M00000067401 |

|     |                                          |     |              |              |
|-----|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 885 | CONG TY TNHH DIA OC-DU LICH DONG HAI     | 114 | M00000100853 | M00000100966 |
| 886 | CONG TY TNHH DIAMOND STAR BEN TRE        | 46  | M00000081829 | M00000081874 |
| 887 | CONG TY TNHH DICH VU & GIAI TRI LQ       | 28  | M00000155745 | M00000155772 |
| 888 | CONG TY TNHH DICH VU AN NGUYEN           | 3   | M00000006360 | M00000006362 |
| 889 | CONG TY TNHH DICH VU AN UONG A-STYLE VIE | 10  | M00000024655 | M00000024664 |
| 890 | CONG TY TNHH DICH VU BICH MY             | 23  | M00000138346 | M00000138368 |
| 891 | CONG TY TNHH DICH VU BIOLAB              | 33  | M00000046396 | M00000046428 |
| 892 | CONG TY TNHH DICH VU CCOMAYA KIDS CAFE   | 8   | M00000199376 | M00000199383 |
| 893 | CONG TY TNHH DICH VU CLUB 33             | 23  | M00000214572 | M00000214594 |
| 894 | CONG TY TNHH DICH VU DO UONG SI          | 146 | M00000227111 | M00000227256 |
| 895 | CONG TY TNHH DICH VU DORIS - MEIMEI      | 1   | M00000207399 | M00000207399 |
| 896 | CONG TY TNHH DICH VU DU LICH BINH NGOC   | 18  | M00000111578 | M00000111595 |
| 897 | CONG TY TNHH DICH VU DU LICH ECO SAN HO  | 12  | M00000080094 | M00000080105 |
| 898 | CONG TY TNHH DICH VU DU LICH NAM BINH    | 1   | M00000067861 | M00000067861 |
| 899 | CONG TY TNHH DICH VU DU LICH QUYNH VIEN  | 70  | M00000097649 | M00000097718 |
| 900 | CONG TY TNHH DICH VU DU LICH VA THUONG M | 5   | M00000126100 | M00000126104 |
| 901 | CONG TY TNHH DICH VU GIAO DUC ESCHOOLING | 2   | M00000191437 | M00000191438 |
| 902 | CONG TY TNHH DICH VU HA VAN              | 19  | M00000124267 | M00000124285 |
| 903 | CONG TY TNHH DICH VU HAI SAN MY HANH     | 331 | M00000119611 | M00000119941 |
| 904 | CONG TY TNHH DICH VU HAN SOL             | 7   | M00000183763 | M00000183769 |
| 905 | CONG TY TNHH DICH VU HD LOC PHAT         | 3   | M00000073019 | M00000073021 |
| 906 | CONG TY TNHH DICH VU HOA MAI XANH        | 3   | M00000112174 | M00000112176 |
| 907 | CONG TY TNHH DICH VU KHACH SAN CITIGO    | 14  | M00000206672 | M00000206685 |
| 908 | CONG TY TNHH DICH VU KYUNG BOK GUNG      | 5   | M00000204233 | M00000204237 |
| 909 | CONG TY TNHH DICH VU LANG MEO            | 19  | M00000215854 | M00000215872 |
| 910 | CONG TY TNHH DICH VU MINH THINH          | 76  | M00000054430 | M00000054505 |
| 911 | CONG TY TNHH DICH VU MY NGHE PHUONG ANH  | 16  | M00000053728 | M00000053743 |
| 912 | CONG TY TNHH DICH VU NHA HANG AN NHIEN   | 10  | M00000217842 | M00000217851 |
| 913 | CONG TY TNHH DICH VU Q SNACK             | 8   | M00000226635 | M00000226642 |
| 914 | CONG TY TNHH DICH VU SEVEN               | 4   | M00000205734 | M00000205737 |
| 915 | CONG TY TNHH DICH VU SHEE                | 8   | M00000212208 | M00000212215 |
| 916 | CONG TY TNHH DICH VU TAN PHUNG           | 5   | M00000129305 | M00000129309 |
| 917 | CONG TY TNHH DICH VU THAM MY BIOCELL     | 8   | M00000046388 | M00000046395 |
| 918 | CONG TY TNHH DICH VU THUONG MAI DAT LIEN | 34  | M00000136919 | M00000136952 |
| 919 | CONG TY TNHH DICH VU THUONG MAI KY THUAT | 4   | M00000227321 | M00000227324 |
| 920 | CONG TY TNHH DICH VU THUONG MAI TO NHAT  | 1   | M00000032354 | M00000032354 |
| 921 | CONG TY TNHH DICH VU TIEP THI BCM        | 5   | M00000193701 | M00000193705 |
| 922 | CONG TY TNHH DICH VU TM NAM KHANH        | 4   | M00000059642 | M00000059645 |
| 923 | CONG TY TNHH DICH VU VA CONG NGHE THIEN  | 1   | M00000047280 | M00000047280 |
| 924 | CONG TY TNHH DICH VU VA DU LICH ANH ANH  | 67  | M00000020117 | M00000020183 |
| 925 | CONG TY TNHH DICH VU VA THUONG MAI DUC B | 7   | M00000032191 | M00000032197 |
| 926 | CONG TY TNHH DICH VU VA THUONG MAI VI HA | 3   | M00000009898 | M00000009900 |
| 927 | CONG TY TNHH DICH VU VA TM LAC HONG      | 24  | M00000134037 | M00000134060 |
| 928 | CONG TY TNHH DICH VU VAN LE              | 4   | M00000113849 | M00000113852 |
| 929 | CONG TY TNHH DICH VU VE MAY BAY ANH TUAN | 1   | M00000058896 | M00000058896 |
| 930 | CONG TY TNHH DIEN LANH HT68              | 1   | M00000063640 | M00000063640 |
| 931 | CONG TY TNHH DIEN LANH THUAN THANH       | 57  | M00000048168 | M00000048224 |
| 932 | CONG TY TNHH DIEN MAY HIEP TRANG         | 8   | M00000154178 | M00000154185 |
| 933 | CONG TY TNHH DIEN MAY PHUC KHANG THINH   | 20  | M00000074316 | M00000074335 |
| 934 | CONG TY TNHH DIEN THOAI CR7 SMARTPHONE   | 9   | M00000136840 | M00000136848 |
| 935 | CONG TY TNHH DIEN TU - DIEN LANH KHANG M | 1   | M00000124874 | M00000124874 |
| 936 | CONG TY TNHH DIEN TU-DIEN LANH PHUONG NA | 8   | M00000060118 | M00000060125 |
| 937 | CONG TY TNHH DIEP XUAN                   | 75  | M00000114096 | M00000114170 |
| 938 | CONG TY TNHH DIEU TIEN SON               | 2   | M00000156711 | M00000156712 |
| 939 | CONG TY TNHH DINH DUONG VIAM             | 1   | M00000013638 | M00000013638 |
| 940 | CONG TY TNHH DINH MINH TRI               | 18  | M00000139255 | M00000139272 |
| 941 | CONG TY TNHH DIRTY FINGERS               | 29  | M00000144865 | M00000144893 |
| 942 | CONG TY TNHH DL & DV PHUOC NGUYEN        | 12  | M00000108429 | M00000108440 |
| 943 | CONG TY TNHH DL DV VA TM VINH HUNG       | 77  | M00000093607 | M00000093683 |
| 944 | CONG TY TNHH DNA CONCEPT                 | 5   | M00000220665 | M00000220669 |
| 945 | CONG TY TNHH DOAN THI                    | 65  | M00000205761 | M00000205825 |
| 946 | CONG TY TNHH DOHA GARDEN                 | 2   | M00000205615 | M00000205616 |
| 947 | CONG TY TNHH DONG DONG CHAU              | 2   | M00000221369 | M00000221370 |
| 948 | CONG TY TNHH DONG DUONG LAM DONG         | 3   | M00000117770 | M00000117772 |
| 949 | CONG TY TNHH DONG GIA PHUC               | 37  | M00000184411 | M00000184447 |
| 950 | CONG TY TNHH DONG HO BINH DUONG          | 23  | M00000191123 | M00000191145 |
| 951 | CONG TY TNHH DONG HO PHO                 | 3   | M00000045983 | M00000045985 |
| 952 | CONG TY TNHH DONG Y KYUNGHEE             | 5   | M00000185457 | M00000185461 |

|      |                                          |      |              |              |
|------|------------------------------------------|------|--------------|--------------|
| 953  | CONG TY TNHH DOOJIN BEAUTY CENTER        | 19   | M00000222911 | M00000222929 |
| 954  | CONG TY TNHH DP THANH PHAT               | 2    | M00000027896 | M00000027897 |
| 955  | CONG TY TNHH DR.HANA'S COVERY LAB        | 2    | M00000147580 | M00000147581 |
| 956  | CONG TY TNHH DR.HUY CLINIC               | 42   | M00000212141 | M00000212182 |
| 957  | CONG TY TNHH DRAGONCELLO VIET NAM        | 60   | M00000031114 | M00000031173 |
| 958  | CONG TY TNHH DSLR DA NANG                | 37   | M00000124333 | M00000124369 |
| 959  | CONG TY TNHH DT TM MINH TOAN PHAT        | 3    | M00000226656 | M00000226658 |
| 960  | CONG TY TNHH DT TM VA SX AMP             | 50   | M00000073231 | M00000073280 |
| 961  | CONG TY TNHH DT VA PT THIEN NHAN         | 2    | M00000113818 | M00000113819 |
| 962  | CONG TY TNHH DTXD VA TM DA NINH          | 22   | M00000133440 | M00000133461 |
| 963  | CONG TY TNHH DU LICH & KHACH SAN AN NGUY | 78   | M00000108699 | M00000108776 |
| 964  | CONG TY TNHH DU LICH ANPHATRIP           | 56   | M00000141976 | M00000142031 |
| 965  | CONG TY TNHH DU LICH BEKA                | 11   | M00000031216 | M00000031226 |
| 966  | CONG TY TNHH DU LICH BIEN HON DAU        | 12   | M00000074005 | M00000074016 |
| 967  | CONG TY TNHH DU LICH BINH TRANG          | 5    | M00000113449 | M00000113453 |
| 968  | CONG TY TNHH DU LICH CAO MINH            | 2    | M00000171520 | M00000171521 |
| 969  | CONG TY TNHH DU LICH DONG DU             | 3    | M00000103984 | M00000103986 |
| 970  | CONG TY TNHH DU LICH DUC VIET            | 16   | M00000002091 | M00000002106 |
| 971  | CONG TY TNHH DU LICH HOA HONG VIETNAM    | 1    | M00000044897 | M00000044897 |
| 972  | CONG TY TNHH DU LICH LU HANH VIET HA     | 5    | M00000113670 | M00000113674 |
| 973  | CONG TY TNHH DU LICH NHAT LAM            | 24   | M00000219907 | M00000219930 |
| 974  | CONG TY TNHH DU LICH THIEN AN BINH THUAN | 3    | M00000099533 | M00000099535 |
| 975  | CONG TY TNHH DU LICH TIEN DAT            | 9    | M00000098222 | M00000098230 |
| 976  | CONG TY TNHH DU LICH TM PHONG CACH MOI   | 16   | M00000002111 | M00000002126 |
| 977  | CONG TY TNHH DU LICH VA DICH VU HAI HOA  | 1    | M00000023271 | M00000023271 |
| 978  | CONG TY TNHH DU LICH VA DICH VU HOA PHAT | 208  | M00000099892 | M00000100099 |
| 979  | CONG TY TNHH DU LICH VA KHACH SAN HOI AN | 40   | M00000147655 | M00000147694 |
| 980  | CONG TY TNHH DU LICH VA KHACH SAN PHUOC  | 17   | M00000009178 | M00000009194 |
| 981  | CONG TY TNHH DU LICH VA LU HANH THAI PHU | 67   | M00000059172 | M00000059238 |
| 982  | CONG TY TNHH DU LICH VA TM HOA BAY       | 7    | M00000018794 | M00000018800 |
| 983  | CONG TY TNHH DU LICH VIETPOWER           | 6    | M00000002200 | M00000002205 |
| 984  | CONG TY TNHH DU LICH WILDBIRD            | 1    | M00000198444 | M00000198444 |
| 985  | CONG TY TNHH DU TAI                      | 57   | M00000015848 | M00000015904 |
| 986  | CONG TY TNHH DU THUYEN OCEAN CRUISES     | 6    | M00000053066 | M00000053071 |
| 987  | CONG TY TNHH DU THUYEN VENUS             | 2    | M00000064984 | M00000064985 |
| 988  | CONG TY TNHH DUC DINH                    | 57   | M00000016771 | M00000016827 |
| 989  | CONG TY TNHH DUC HA MY                   | 49   | M00000111678 | M00000111726 |
| 990  | CONG TY TNHH DUC HAI MOTOR               | 27   | M00000074168 | M00000074194 |
| 991  | CONG TY TNHH DUC TAI                     | 908  | M00000123293 | M00000124200 |
| 992  | CONG TY TNHH DUNG SAT                    | 10   | M00000065199 | M00000065208 |
| 993  | CONG TY TNHH DUNG THANH VIET NAM         | 2    | M00000060766 | M00000060767 |
| 994  | CONG TY TNHH DUOC PHAM FOBIC             | 60   | M00000024783 | M00000024842 |
| 995  | CONG TY TNHH DUOC PHAM TOAN NHUNG        | 114  | M00000143094 | M00000143207 |
| 996  | CONG TY TNHH DUOC PHAM TRUONG HUNG       | 1    | M00000044381 | M00000044381 |
| 997  | CONG TY TNHH DUOC TIEN                   | 16   | M00000113597 | M00000113612 |
| 998  | CONG TY TNHH DUY HOANG MINH              | 8    | M00000007850 | M00000007857 |
| 999  | CONG TY TNHH DUY VIET                    | 9    | M00000034993 | M00000035001 |
| 1000 | CONG TY TNHH DV AN UONG TAN PHAT         | 10   | M00000143849 | M00000143858 |
| 1001 | CONG TY TNHH DV DAI AN PHAT              | 3    | M00000215260 | M00000215262 |
| 1002 | CONG TY TNHH DV GIAI TRI QUEEN           | 3    | M00000141569 | M00000141571 |
| 1003 | CONG TY TNHH DV NHA HANG THIEN CHIEU     | 46   | M00000087766 | M00000087811 |
| 1004 | CONG TY TNHH DV TAM NINH                 | 8    | M00000061039 | M00000061046 |
| 1005 | CONG TY TNHH DV TM DU LICH ANH THONG     | 2    | M00000110411 | M00000110412 |
| 1006 | CONG TY TNHH DV TM GIA HUY               | 15   | M00000073334 | M00000073348 |
| 1007 | CONG TY TNHH DV TM HAO NHIEU             | 13   | M00000135022 | M00000135034 |
| 1008 | CONG TY TNHH DV TM THUONG THIEN          | 16   | M00000076116 | M00000076131 |
| 1009 | CONG TY TNHH DV TM TONG HOP HOANG YEN    | 2    | M00000199246 | M00000199247 |
| 1010 | CONG TY TNHH DV VA TM TONG HOP HOANG MAI | 3    | M00000076233 | M00000076235 |
| 1011 | CONG TY TNHH DV VA TM TONG HOP SON LAM   | 1    | M00000128825 | M00000128825 |
| 1012 | CONG TY TNHH DVTH MAI XUAN               | 1258 | M00000150946 | M00000152203 |
| 1013 | CONG TY TNHH DVTM DUNG LAN               | 12   | M00000125819 | M00000125830 |
| 1014 | CONG TY TNHH DVTM MINH GIANG             | 6    | M00000142373 | M00000142378 |
| 1015 | CONG TY TNHH DVTM VA SX DAI AN           | 2    | M00000061207 | M00000061208 |
| 1016 | CONG TY TNHH DVTM VIET TOAN NB           | 1    | M00000075829 | M00000075829 |
| 1017 | CONG TY TNHH EAT & PLAY                  | 56   | M00000153911 | M00000153966 |
| 1018 | CONG TY TNHH ECHOS                       | 10   | M00000018375 | M00000018384 |
| 1019 | CONG TY TNHH ECO                         | 117  | M00000098105 | M00000098221 |
| 1020 | CONG TY TNHH ECO RING VIET NAM           | 47   | M00000207643 | M00000207689 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 1021 | CONG TY TNHH ECO TEE SPORTS              | 5  | M00000067134 | M00000067138 |
| 1022 | CONG TY TNHH EDELKOCHEN VIET NAM         | 4  | M00000081945 | M00000081948 |
| 1023 | CONG TY TNHH EDEN HOTEL SAI GON          | 98 | M00000165230 | M00000165327 |
| 1024 | CONG TY TNHH ELEK                        | 1  | M00000204165 | M00000204165 |
| 1025 | CONG TY TNHH EM BIET DOC - CN BINH TAN   | 6  | M00000207444 | M00000207449 |
| 1026 | CONG TY TNHH EMERALD AMENTI              | 5  | M00000090076 | M00000090080 |
| 1027 | CONG TY TNHH EM'S NORDIC BAKERY          | 21 | M00000152933 | M00000152953 |
| 1028 | CONG TY TNHH EN HCM                      | 17 | M00000197561 | M00000197577 |
| 1029 | CONG TY TNHH ESTELLE VIET NAM            | 29 | M00000051420 | M00000051448 |
| 1030 | CONG TY TNHH EUREKA VN                   | 4  | M00000208255 | M00000208258 |
| 1031 | CONG TY TNHH F&B KHANH HOA               | 6  | M00000154216 | M00000154221 |
| 1032 | CONG TY TNHH F&B PHUC MINH ANH           | 4  | M00000087379 | M00000087382 |
| 1033 | CONG TY TNHH FAPAS                       | 6  | M00000192076 | M00000192081 |
| 1034 | CONG TY TNHH FARAH                       | 1  | M00000036091 | M00000036091 |
| 1035 | CONG TY TNHH FARLEY SUC KHOE VANG        | 1  | M00000203363 | M00000203363 |
| 1036 | CONG TY TNHH FBC SAI GON                 | 8  | M00000018055 | M00000018062 |
| 1037 | CONG TY TNHH FDG VIET NAM                | 63 | M00000018385 | M00000018447 |
| 1038 | CONG TY TNHH FIREKITCHEN                 | 18 | M00000221335 | M00000221352 |
| 1039 | CONG TY TNHH FITWHEY VIET NAM            | 7  | M00000208966 | M00000208972 |
| 1040 | CONG TY TNHH FLICKA                      | 8  | M00000218413 | M00000218420 |
| 1041 | CONG TY TNHH FLOWER CORNER               | 25 | M00000214122 | M00000214146 |
| 1042 | CONG TY TNHH FMCG PHUC AN                | 79 | M00000068300 | M00000068378 |
| 1043 | CONG TY TNHH FNB TRIDENT                 | 9  | M00000147614 | M00000147622 |
| 1044 | CONG TY TNHH FOODIN GLOBAL               | 10 | M00000012215 | M00000012224 |
| 1045 | CONG TY TNHH FOODS AND BEVERAGES INTERNA | 38 | M00000027705 | M00000027742 |
| 1046 | CONG TY TNHH FRUIT99 KIM PHAT            | 3  | M00000037841 | M00000037843 |
| 1047 | CONG TY TNHH FSC                         | 5  | M00000129068 | M00000129072 |
| 1048 | CONG TY TNHH FSS MANAGEMENT VIET NAM     | 13 | M00000165156 | M00000165168 |
| 1049 | CONG TY TNHH FU CHENG FA VIET NAM        | 3  | M00000087874 | M00000087876 |
| 1050 | CONG TY TNHH FUSION MEKONG               | 8  | M00000203934 | M00000203941 |
| 1051 | CONG TY TNHH G CAFE                      | 7  | M00000041024 | M00000041030 |
| 1052 | CONG TY TNHH G7 TOOLS                    | 2  | M00000181436 | M00000181437 |
| 1053 | CONG TY TNHH G8-MART                     | 1  | M00000227748 | M00000227748 |
| 1054 | CONG TY TNHH GA CUU LONG                 | 94 | M00000209064 | M00000209157 |
| 1055 | CONG TY TNHH GALAXY QUY NHON             | 7  | M00000113431 | M00000113437 |
| 1056 | CONG TY TNHH GAM DONG                    | 27 | M00000206686 | M00000206712 |
| 1057 | CONG TY TNHH GAO NGAN 365                | 7  | M00000152982 | M00000152988 |
| 1058 | CONG TY TNHH GAS BICH HUY                | 4  | M00000154292 | M00000154295 |
| 1059 | CONG TY TNHH GEN I.N.D                   | 19 | M00000012379 | M00000012397 |
| 1060 | CONG TY TNHH GENKI SPA                   | 14 | M00000209402 | M00000209415 |
| 1061 | CONG TY TNHH G-FAC VIET NAM              | 14 | M00000223623 | M00000223636 |
| 1062 | CONG TY TNHH GG ATELIER                  | 8  | M00000046631 | M00000046638 |
| 1063 | CONG TY TNHH GIA DINH ANIA               | 9  | M00000093595 | M00000093603 |
| 1064 | CONG TY TNHH GIA NHAT LINH SU SHIBAR     | 57 | M00000002143 | M00000002199 |
| 1065 | CONG TY TNHH GIA TRUNG                   | 3  | M00000049406 | M00000049408 |
| 1066 | CONG TY TNHH GIAC MO                     | 79 | M00000102011 | M00000102089 |
| 1067 | CONG TY TNHH GIAI PHAP ANH DA DEN        | 2  | M00000225708 | M00000225709 |
| 1068 | CONG TY TNHH GIAI TRI CUOI TUAN HA NOI   | 16 | M00000045888 | M00000045903 |
| 1069 | CONG TY TNHH GIAI TRI HOANG HAI          | 26 | M00000214838 | M00000214863 |
| 1070 | CONG TY TNHH GIAI TRI NHA HANG VOLCANO   | 9  | M00000223991 | M00000223999 |
| 1071 | CONG TY TNHH GIAI TRI WOW HAN QUOC       | 2  | M00000033176 | M00000033177 |
| 1072 | CONG TY TNHH GIANG FNB                   | 30 | M00000224808 | M00000224837 |
| 1073 | CONG TY TNHH GIANG LIEU                  | 48 | M00000135130 | M00000135177 |
| 1074 | CONG TY TNHH GIAO DUC BRIGHT HORIZONS    | 5  | M00000042847 | M00000042851 |
| 1075 | CONG TY TNHH GIAO DUC HOANG LONG         | 20 | M00000203908 | M00000203927 |
| 1076 | CONG TY TNHH GIAO DUC PEEKABOO           | 1  | M00000209160 | M00000209160 |
| 1077 | CONG TY TNHH GIAO DUC VA PHAT TRIEN SPEE | 1  | M00000203050 | M00000203050 |
| 1078 | CONG TY TNHH GIAY PHONG PHU BN           | 7  | M00000061942 | M00000061948 |
| 1079 | CONG TY TNHH GIN A                       | 10 | M00000203437 | M00000203446 |
| 1080 | CONG TY TNHH GINKGO                      | 64 | M00000160086 | M00000160149 |
| 1081 | CONG TY TNHH GINKGO GLOBAL               | 5  | M00000046481 | M00000046485 |
| 1082 | CONG TY TNHH GIO DONG                    | 9  | M00000077560 | M00000077568 |
| 1083 | CONG TY TNHH GLOW INC.                   | 46 | M00000191177 | M00000191222 |
| 1084 | CONG TY TNHH GLOW PIONEER                | 7  | M00000224420 | M00000224426 |
| 1085 | CONG TY TNHH GO DAO GIA                  | 8  | M00000071835 | M00000071842 |
| 1086 | CONG TY TNHH GOM SU CAO CAP GIA THINH    | 1  | M00000165922 | M00000165922 |
| 1087 | CONG TY TNHH GRAND CRU                   | 4  | M00000018667 | M00000018670 |
| 1088 | CONG TY TNHH GRAND HILL                  | 5  | M00000059920 | M00000059924 |



|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1089 | CONG TY TNHH GREEN ANCHOR                | 8   | M00000059142 | M00000059149 |
| 1090 | CONG TY TNHH GREEN BIKE                  | 36  | M00000024082 | M00000024117 |
| 1091 | CONG TY TNHH GREEN FASHION VIET NAM      | 4   | M00000215270 | M00000215273 |
| 1092 | CONG TY TNHH GTA: GREEKSTRAVELABROAD     | 12  | M00000214356 | M00000214367 |
| 1093 | CONG TY TNHH HA DONG HOTEL               | 4   | M00000156039 | M00000156042 |
| 1094 | CONG TY TNHH HA KHAI VY                  | 1   | M00000088476 | M00000088476 |
| 1095 | CONG TY TNHH HA NOI ATV                  | 44  | M00000045478 | M00000045521 |
| 1096 | CONG TY TNHH HA NOI VLC                  | 6   | M00000037742 | M00000037747 |
| 1097 | CONG TY TNHH HA THANH PLAZA              | 11  | M00000127746 | M00000127756 |
| 1098 | CONG TY TNHH HAI CANG                    | 31  | M00000000938 | M00000000968 |
| 1099 | CONG TY TNHH HAI DANG                    | 1   | M00000129067 | M00000129067 |
| 1100 | CONG TY TNHH HAI DANG TDL                | 26  | M00000066694 | M00000066719 |
| 1101 | CONG TY TNHH HAI HA                      | 17  | M00000096528 | M00000096544 |
| 1102 | CONG TY TNHH HAI THANH VIEN H&H VINHOMES | 11  | M00000196708 | M00000196718 |
| 1103 | CONG TY TNHH HAI YEN                     | 91  | M00000099440 | M00000099530 |
| 1104 | CONG TY TNHH HALUNA SKINLAB              | 4   | M00000074342 | M00000074345 |
| 1105 | CONG TY TNHH HAM RUOU VIET NAM           | 45  | M00000028720 | M00000028764 |
| 1106 | CONG TY TNHH HAN YANG VINA               | 13  | M00000027915 | M00000027927 |
| 1107 | CONG TY TNHH HANG ALY                    | 12  | M00000168001 | M00000168012 |
| 1108 | CONG TY TNHH HANG HUY                    | 11  | M00000141508 | M00000141518 |
| 1109 | CONG TY TNHH HANG THO                    | 15  | M00000199024 | M00000199038 |
| 1110 | CONG TY TNHH HANH THAI LUXURY            | 2   | M00000220352 | M00000220353 |
| 1111 | CONG TY TNHH HAO HON                     | 18  | M00000075089 | M00000075106 |
| 1112 | CONG TY TNHH HAPPY LIFE HOTEL            | 3   | M00000198274 | M00000198276 |
| 1113 | CONG TY TNHH HARU FOOD                   | 7   | M00000063204 | M00000063210 |
| 1114 | CONG TY TNHH HASA DONG THANG             | 42  | M00000146859 | M00000146900 |
| 1115 | CONG TY TNHH HD MAI BEAUTY               | 1   | M00000204169 | M00000204169 |
| 1116 | CONG TY TNHH HEALING MESH                | 1   | M00000227070 | M00000227070 |
| 1117 | CONG TY TNHH HEHEHIHI BROTHERS           | 51  | M00000060126 | M00000060176 |
| 1118 | CONG TY TNHH HELLO TRIP VIET NAM         | 6   | M00000120726 | M00000120731 |
| 1119 | CONG TY TNHH HIEU HOI AN                 | 1   | M00000112513 | M00000112513 |
| 1120 | CONG TY TNHH HIEU NUONG                  | 8   | M00000139947 | M00000139954 |
| 1121 | CONG TY TNHH HIEU VANG KIM DUNG THONG    | 417 | M00000146927 | M00000147343 |
| 1122 | CONG TY TNHH HIGUMA FOOD                 | 4   | M00000061198 | M00000061201 |
| 1123 | CONG TY TNHH HIKASA                      | 7   | M00000187806 | M00000187812 |
| 1124 | CONG TY TNHH HINH KHOI CHAU A            | 8   | M00000170962 | M00000170969 |
| 1125 | CONG TY TNHH HJ GROUP                    | 22  | M00000206013 | M00000206034 |
| 1126 | CONG TY TNHH HLA GARMENT (VIET NAM)      | 208 | M00000184483 | M00000184690 |
| 1127 | CONG TY TNHH HMK VISION                  | 136 | M00000212229 | M00000212364 |
| 1128 | CONG TY TNHH HNGS                        | 30  | M00000098694 | M00000098723 |
| 1129 | CONG TY TNHH HO TRO GIAO DUC DANG KHOA   | 6   | M00000063641 | M00000063646 |
| 1130 | CONG TY TNHH HOA BINH DRAGON             | 119 | M00000032688 | M00000032806 |
| 1131 | CONG TY TNHH HOA DIEU AN                 | 61  | M00000038050 | M00000038110 |
| 1132 | CONG TY TNHH HOA HAO                     | 2   | M00000081101 | M00000081102 |
| 1133 | CONG TY TNHH HOA PHAM 62                 | 38  | M00000210786 | M00000210823 |
| 1134 | CONG TY TNHH HOA TIEN FOOD               | 1   | M00000040499 | M00000040499 |
| 1135 | CONG TY TNHH HOAI AN AN                  | 5   | M00000087098 | M00000087102 |
| 1136 | CONG TY TNHH HOANG AN NHA TRANG          | 304 | M00000127320 | M00000127623 |
| 1137 | CONG TY TNHH HOANG DUC LONG KHANH        | 41  | M00000089772 | M00000089812 |
| 1138 | CONG TY TNHH HOANG DUNG                  | 2   | M00000212394 | M00000212395 |
| 1139 | CONG TY TNHH HOANG GIA SEAFOOD           | 6   | M00000150631 | M00000150636 |
| 1140 | CONG TY TNHH HOANG HAC GIA               | 4   | M00000019752 | M00000019755 |
| 1141 | CONG TY TNHH HOANG HAI HUONG             | 134 | M00000049919 | M00000050052 |
| 1142 | CONG TY TNHH HOANG KHANG FOODS           | 41  | M00000091645 | M00000091685 |
| 1143 | CONG TY TNHH HOANG KIM BP                | 1   | M00000036644 | M00000036644 |
| 1144 | CONG TY TNHH HOANG LONG VAN PHAT         | 2   | M00000089324 | M00000089325 |
| 1145 | CONG TY TNHH HOANG MINH INVEST           | 4   | M00000182238 | M00000182241 |
| 1146 | CONG TY TNHH HOANG MY                    | 8   | M00000029612 | M00000029619 |
| 1147 | CONG TY TNHH HOANG NGAN                  | 2   | M00000049744 | M00000049745 |
| 1148 | CONG TY TNHH HOANG THANH F&B             | 13  | M00000203253 | M00000203265 |
| 1149 | CONG TY TNHH HOANG THIEN PHAT LOC        | 17  | M00000089332 | M00000089348 |
| 1150 | CONG TY TNHH HOCK WONG VIET NAM          | 30  | M00000206037 | M00000206066 |
| 1151 | CONG TY TNHH HOI AN LOCAL TOURS          | 1   | M00000134014 | M00000134014 |
| 1152 | CONG TY TNHH HOLA FOOD VIET NAM          | 8   | M00000049373 | M00000049380 |
| 1153 | CONG TY TNHH HOME MART VIET NAM          | 76  | M00000214906 | M00000214981 |
| 1154 | CONG TY TNHH HONG HAI HOTEL              | 4   | M00000134489 | M00000134492 |
| 1155 | CONG TY TNHH HONG XUONG SAI GON          | 51  | M00000220872 | M00000220922 |
| 1156 | CONG TY TNHH HONGKONG VINA               | 2   | M00000057475 | M00000057476 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1157 | CONG TY TNHH HOP HA FOOD                 | 1   | M00000039845 | M00000039845 |
| 1158 | CONG TY TNHH HOTEL INITIAL               | 7   | M00000209416 | M00000209422 |
| 1159 | CONG TY TNHH HOWS                        | 74  | M00000219791 | M00000219864 |
| 1160 | CONG TY TNHH HSH HUE                     | 41  | M00000156612 | M00000156652 |
| 1161 | CONG TY TNHH HT FOOD SERVICE             | 24  | M00000070862 | M00000070885 |
| 1162 | CONG TY TNHH HTC                         | 11  | M00000049716 | M00000049726 |
| 1163 | CONG TY TNHH HTH BIKE                    | 2   | M00000090484 | M00000090485 |
| 1164 | CONG TY TNHH HTV CAY DAU TAM             | 5   | M00000218015 | M00000218019 |
| 1165 | CONG TY TNHH HUBONE VINA                 | 7   | M00000204425 | M00000204431 |
| 1166 | CONG TY TNHH HUNG HUYEN                  | 4   | M00000066640 | M00000066643 |
| 1167 | CONG TY TNHH HUNG THINH M&B              | 26  | M00000136585 | M00000136610 |
| 1168 | CONG TY TNHH HUONG DAO TOM               | 1   | M00000204370 | M00000204370 |
| 1169 | CONG TY TNHH HUONG DUONG VINA            | 3   | M00000064974 | M00000064976 |
| 1170 | CONG TY TNHH HUONG HA PHUONG             | 59  | M00000167238 | M00000167296 |
| 1171 | CONG TY TNHH HUONG PHO PHAT              | 3   | M00000047311 | M00000047313 |
| 1172 | CONG TY TNHH HUONG QUYET                 | 11  | M00000052768 | M00000052778 |
| 1173 | CONG TY TNHH HUYNH TRUONG GIA            | 23  | M00000224870 | M00000224892 |
| 1174 | CONG TY TNHH HWA JUNG                    | 15  | M00000027425 | M00000027439 |
| 1175 | CONG TY TNHH HY VONG SAI GON             | 15  | M00000201183 | M00000201197 |
| 1176 | CONG TY TNHH IIMONO VIET NAM             | 40  | M00000023460 | M00000023499 |
| 1177 | CONG TY TNHH IJANG                       | 26  | M00000063320 | M00000063345 |
| 1178 | CONG TY TNHH IL CORDA                    | 7   | M00000201226 | M00000201232 |
| 1179 | CONG TY TNHH IMPERIAL TASTE VN           | 5   | M00000225020 | M00000225024 |
| 1180 | CONG TY TNHH INDOCHINA SAILS HAI PHONG   | 13  | M00000052779 | M00000052791 |
| 1181 | CONG TY TNHH IZAKAYA LAP                 | 20  | M00000035002 | M00000035021 |
| 1182 | CONG TY TNHH JALJA                       | 1   | M00000204500 | M00000204500 |
| 1183 | CONG TY TNHH JCF VIET HAN                | 7   | M00000053119 | M00000053125 |
| 1184 | CONG TY TNHH JED                         | 8   | M00000184403 | M00000184410 |
| 1185 | CONG TY TNHH JEJU SKIN VIET NAM          | 17  | M00000043790 | M00000043806 |
| 1186 | CONG TY TNHH JO LAM                      | 5   | M00000183687 | M00000183691 |
| 1187 | CONG TY TNHH JT MEATS                    | 12  | M00000132546 | M00000132557 |
| 1188 | CONG TY TNHH JUNGLE BOSS                 | 15  | M00000112473 | M00000112487 |
| 1189 | CONG TY TNHH K EMA                       | 5   | M00000225844 | M00000225848 |
| 1190 | CONG TY TNHH K.N.V                       | 15  | M00000049747 | M00000049761 |
| 1191 | CONG TY TNHH KAPI CAFE                   | 22  | M00000206870 | M00000206891 |
| 1192 | CONG TY TNHH K-CLEAN FOOD VIET NAM       | 68  | M00000018812 | M00000018879 |
| 1193 | CONG TY TNHH KD QUANG NGUYEN GIA LAI     | 1   | M00000112664 | M00000112664 |
| 1194 | CONG TY TNHH KD VANG BAC DA QUY MY NGOC  | 211 | M00000083524 | M00000083734 |
| 1195 | CONG TY TNHH KD VANG VAN HOA THUY        | 118 | M00000080182 | M00000080299 |
| 1196 | CONG TY TNHH K-DAE BAK                   | 29  | M00000064269 | M00000064297 |
| 1197 | CONG TY TNHH KDY                         | 3   | M00000075234 | M00000075236 |
| 1198 | CONG TY TNHH KE SACH THE GIOI            | 2   | M00000029030 | M00000029031 |
| 1199 | CONG TY TNHH KEIKO FASHION               | 186 | M00000042318 | M00000042503 |
| 1200 | CONG TY TNHH KEYELENS                    | 2   | M00000202546 | M00000202547 |
| 1201 | CONG TY TNHH KHACH SAN AN PHU XUAN       | 1   | M00000084792 | M00000084792 |
| 1202 | CONG TY TNHH KHACH SAN ASIAN RUBY CENTER | 3   | M00000191236 | M00000191238 |
| 1203 | CONG TY TNHH KHACH SAN BAO NAM           | 4   | M00000119006 | M00000119009 |
| 1204 | CONG TY TNHH KHACH SAN CITITEL HA NOI    | 22  | M00000014226 | M00000014247 |
| 1205 | CONG TY TNHH KHACH SAN EROS              | 5   | M00000190509 | M00000190513 |
| 1206 | CONG TY TNHH KHACH SAN EROS 2            | 2   | M00000194428 | M00000194429 |
| 1207 | CONG TY TNHH KHACH SAN GRACE             | 1   | M00000052551 | M00000052551 |
| 1208 | CONG TY TNHH KHACH SAN HOA CO MAY        | 1   | M00000109363 | M00000109363 |
| 1209 | CONG TY TNHH KHACH SAN NGOI SAO VIET     | 82  | M00000181891 | M00000181972 |
| 1210 | CONG TY TNHH KHACH SAN VA DU LICH HERITA | 205 | M00000038209 | M00000038413 |
| 1211 | CONG TY TNHH KHACH SAN ZANNIER VIET NAM  | 309 | M00000118509 | M00000118817 |
| 1212 | CONG TY TNHH KHAI DOAN                   | 5   | M00000018071 | M00000018075 |
| 1213 | CONG TY TNHH KHAI THAC-DICH VU B&B       | 1   | M00000155300 | M00000155300 |
| 1214 | CONG TY TNHH KHAM CHUA BENH VAN PHUC     | 19  | M00000065577 | M00000065595 |
| 1215 | CONG TY TNHH KHANG HUYNH PHAT            | 4   | M00000081669 | M00000081672 |
| 1216 | CONG TY TNHH KHANH AN FRUIT              | 91  | M00000224158 | M00000224248 |
| 1217 | CONG TY TNHH KHANH BAO NGA               | 69  | M00000140449 | M00000140517 |
| 1218 | CONG TY TNHH KHANH HOA NEST              | 4   | M00000183783 | M00000183786 |
| 1219 | CONG TY TNHH KHLOE CORP                  | 33  | M00000217539 | M00000217571 |
| 1220 | CONG TY TNHH KHOI KIM KHUYEN             | 21  | M00000145072 | M00000145092 |
| 1221 | CONG TY TNHH KHOI NGUYEN 88              | 1   | M00000067854 | M00000067854 |
| 1222 | CONG TY TNHH KI-EN COMPUTER              | 1   | M00000085372 | M00000085372 |
| 1223 | CONG TY TNHH KIEN TRUC CANH QUAN OXALIS  | 6   | M00000209368 | M00000209373 |
| 1224 | CONG TY TNHH KIEN TRUC XAY DUNG VA THUON | 76  | M00000149507 | M00000149582 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1225 | CONG TY TNHH KIM CHUNG NHA TRANG         | 22  | M00000113867 | M00000113888 |
| 1226 | CONG TY TNHH KIM CUONG FOODS             | 21  | M00000223102 | M00000223122 |
| 1227 | CONG TY TNHH KIM KHI BINH DINH           | 1   | M00000103211 | M00000103211 |
| 1228 | CONG TY TNHH KIM NAM PHUONG PHU QUOC     | 22  | M00000080146 | M00000080167 |
| 1229 | CONG TY TNHH KIMS                        | 3   | M00000195005 | M00000195007 |
| 1230 | CONG TY TNHH KIM'S TAVERN                | 80  | M00000185719 | M00000185798 |
| 1231 | CONG TY TNHH KINGKONG PQ                 | 76  | M00000088604 | M00000088679 |
| 1232 | CONG TY TNHH KING'S GRILL                | 9   | M00000191551 | M00000191559 |
| 1233 | CONG TY TNHH KINH BAC NHA TRANG          | 6   | M00000132048 | M00000132053 |
| 1234 | CONG TY TNHH KINH DOANH BAO TRAN         | 7   | M00000124297 | M00000124303 |
| 1235 | CONG TY TNHH KINH DOANH THUONG MAI HOAN  | 51  | M00000136686 | M00000136736 |
| 1236 | CONG TY TNHH KINH DOANH VA DICH VU E&M   | 54  | M00000124815 | M00000124868 |
| 1237 | CONG TY TNHH KINH DOANH VANG BAC DA QUI  | 61  | M00000085380 | M00000085440 |
| 1238 | CONG TY TNHH KINH DOANH VANG BAC DA QUY  | 5   | M00000192578 | M00000192582 |
| 1239 | CONG TY TNHH KINH DOANH VANG BAC SAU CON | 21  | M00000057454 | M00000057474 |
| 1240 | CONG TY TNHH KINH DOANH VANG BINH HOANG  | 12  | M00000214871 | M00000214882 |
| 1241 | CONG TY TNHH KINH MAT QUANG HUNG         | 93  | M00000001120 | M00000001212 |
| 1242 | CONG TY TNHH KINH VIET QUANG             | 86  | M00000046993 | M00000047078 |
| 1243 | CONG TY TNHH KINH VINH KHANG             | 1   | M00000111621 | M00000111621 |
| 1244 | CONG TY TNHH KIROKUAN VIET NAM           | 11  | M00000016682 | M00000016692 |
| 1245 | CONG TY TNHH KIZUNA VIET NAM             | 4   | M00000047079 | M00000047082 |
| 1246 | CONG TY TNHH KKAvenue VIET NAM           | 1   | M00000009262 | M00000009262 |
| 1247 | CONG TY TNHH K-MIA                       | 1   | M00000209158 | M00000209158 |
| 1248 | CONG TY TNHH KMS VINA PHU THO            | 14  | M00000070051 | M00000070064 |
| 1249 | CONG TY TNHH KOMO WELLNESS BUSINESS      | 15  | M00000223164 | M00000223178 |
| 1250 | CONG TY TNHH KOREAN RESTAURANT-KMARKET   | 3   | M00000114093 | M00000114095 |
| 1251 | CONG TY TNHH KOTTEJI HAI PHONG           | 7   | M00000052956 | M00000052962 |
| 1252 | CONG TY TNHH KRIK VIET NAM               | 406 | M00000035281 | M00000035686 |
| 1253 | CONG TY TNHH KSH GLOBAL                  | 6   | M00000020184 | M00000020189 |
| 1254 | CONG TY TNHH KU MON DI LINH              | 4   | M00000120058 | M00000120061 |
| 1255 | CONG TY TNHH KUBI FRUITS                 | 9   | M00000037799 | M00000037807 |
| 1256 | CONG TY TNHH KY THUAT MINH TUYET         | 2   | M00000021217 | M00000021218 |
| 1257 | CONG TY TNHH KY THUAT NGUYEN MINH ANH    | 63  | M00000113015 | M00000113077 |
| 1258 | CONG TY TNHH KZONE                       | 28  | M00000061895 | M00000061922 |
| 1259 | CONG TY TNHH LA CABANA                   | 3   | M00000125831 | M00000125833 |
| 1260 | CONG TY TNHH LA FLEUR DALAT              | 5   | M00000155900 | M00000155904 |
| 1261 | CONG TY TNHH LA NHA                      | 1   | M00000206869 | M00000206869 |
| 1262 | CONG TY TNHH LA SEN TA                   | 101 | M00000105090 | M00000105190 |
| 1263 | CONG TY TNHH LAFORCE VIET NAM            | 1   | M00000017708 | M00000017708 |
| 1264 | CONG TY TNHH LAGUNA ARTS & CULTURE       | 32  | M00000028399 | M00000028430 |
| 1265 | CONG TY TNHH LALISA FLOWERS AND DECOR    | 7   | M00000209169 | M00000209175 |
| 1266 | CONG TY TNHH LAM DEP JFS SAI GON         | 7   | M00000197938 | M00000197944 |
| 1267 | CONG TY TNHH LAM VI PHU THO              | 4   | M00000076167 | M00000076170 |
| 1268 | CONG TY TNHH LAM XUNG QUAN               | 25  | M00000089879 | M00000089903 |
| 1269 | CONG TY TNHH L'AMOUR                     | 62  | M00000124535 | M00000124596 |
| 1270 | CONG TY TNHH LAN ANH                     | 24  | M00000096504 | M00000096527 |
| 1271 | CONG TY TNHH LAN BIEN NHA TRANG          | 1   | M00000127774 | M00000127774 |
| 1272 | CONG TY TNHH LANG CHAI BEACH             | 2   | M00000076173 | M00000076174 |
| 1273 | CONG TY TNHH LANG DU LICH PHAN THIET     | 73  | M00000157496 | M00000157568 |
| 1274 | CONG TY TNHH LAO TRUONG SA               | 1   | M00000072535 | M00000072535 |
| 1275 | CONG TY TNHH LE ART CAFE WINE BISTRO     | 3   | M00000039970 | M00000039972 |
| 1276 | CONG TY TNHH LE DUC MANH                 | 111 | M00000153638 | M00000153748 |
| 1277 | CONG TY TNHH LE MITCHELL                 | 35  | M00000115245 | M00000115279 |
| 1278 | CONG TY TNHH LE MONT BA VI               | 98  | M00000009064 | M00000009161 |
| 1279 | CONG TY TNHH LE NHAT NAM                 | 38  | M00000138036 | M00000138073 |
| 1280 | CONG TY TNHH LED VIET LIGHTING           | 8   | M00000139052 | M00000139059 |
| 1281 | CONG TY TNHH LEGACY VOYAGES VIET NAM     | 10  | M00000045944 | M00000045953 |
| 1282 | CONG TY TNHH LIBERTA-COMPANY             | 11  | M00000017065 | M00000017075 |
| 1283 | CONG TY TNHH LIEN DOANH TU VAN DTTM BAO  | 2   | M00000018146 | M00000018147 |
| 1284 | CONG TY TNHH LIEU TRINH                  | 5   | M00000147491 | M00000147495 |
| 1285 | CONG TY TNHH LILLIPUT VN                 | 6   | M00000186915 | M00000186920 |
| 1286 | CONG TY TNHH LINH PHUOC AN               | 11  | M00000131838 | M00000131848 |
| 1287 | CONG TY TNHH LITTLE PEOPLE HCM           | 5   | M00000188326 | M00000188330 |
| 1288 | CONG TY TNHH LIVIN                       | 40  | M00000105778 | M00000105817 |
| 1289 | CONG TY TNHH LK SING - VIET              | 2   | M00000036534 | M00000036535 |
| 1290 | CONG TY TNHH LOC PHO                     | 16  | M00000079894 | M00000079909 |
| 1291 | CONG TY TNHH LONG NAM                    | 1   | M00000000444 | M00000000444 |
| 1292 | CONG TY TNHH LOTUS CROWN HOTELS          | 3   | M00000093242 | M00000093244 |

|      |                                           |     |              |              |
|------|-------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1293 | CONG TY TNHH LOVE SUSHI                   | 2   | M00000152956 | M00000152957 |
| 1294 | CONG TY TNHH LTC GROUP                    | 5   | M00000093322 | M00000093326 |
| 1295 | CONG TY TNHH LTL DONG TAM PHAT            | 2   | M00000129311 | M00000129312 |
| 1296 | CONG TY TNHH LUA VIET NAM                 | 59  | M00000195709 | M00000195767 |
| 1297 | CONG TY TNHH LUNA DAUTUNNO                | 4   | M00000042963 | M00000042966 |
| 1298 | CONG TY TNHH LUONG THUC HA CUONG          | 58  | M00000059584 | M00000059641 |
| 1299 | CONG TY TNHH LUU XUAN TOAT                | 2   | M00000075029 | M00000075030 |
| 1300 | CONG TY TNHH LUXEDEN                      | 7   | M00000032504 | M00000032510 |
| 1301 | CONG TY TNHH LUXVISION                    | 5   | M00000139876 | M00000139880 |
| 1302 | CONG TY TNHH MAAZI VIETNAM                | 11  | M00000194383 | M00000194393 |
| 1303 | CONG TY TNHH MAGIC OCEAN                  | 14  | M00000189424 | M00000189437 |
| 1304 | CONG TY TNHH MAI BARBER                   | 1   | M00000192440 | M00000192440 |
| 1305 | CONG TY TNHH MAI HUNG GROUP               | 198 | M00000135834 | M00000136031 |
| 1306 | CONG TY TNHH MAI HUONG HA PHUONG          | 27  | M00000172482 | M00000172508 |
| 1307 | CONG TY TNHH MANCHAN                      | 7   | M00000186208 | M00000186214 |
| 1308 | CONG TY TNHH MANG SKIN                    | 29  | M00000222389 | M00000222417 |
| 1309 | CONG TY TNHH MANGETSU                     | 117 | M00000207282 | M00000207398 |
| 1310 | CONG TY TNHH MANH HIEN DONG THAP          | 1   | M00000088599 | M00000088599 |
| 1311 | CONG TY TNHH MANNU                        | 2   | M00000154238 | M00000154239 |
| 1312 | CONG TY TNHH MARINA CAU RONG              | 164 | M00000145340 | M00000145503 |
| 1313 | CONG TY TNHH MASSAGE KIM CUONG            | 9   | M00000191662 | M00000191670 |
| 1314 | CONG TY TNHH MAT KINH SHADY               | 67  | M00000207025 | M00000207091 |
| 1315 | CONG TY TNHH MATKINHCOM                   | 2   | M00000214226 | M00000214227 |
| 1316 | CONG TY TNHH MATSUKI VIET NAM             | 117 | M00000034850 | M00000034966 |
| 1317 | CONG TY TNHH MAY CONG TRINH YEN BAI       | 6   | M00000065349 | M00000065354 |
| 1318 | CONG TY TNHH MAY MAN LUKE                 | 20  | M00000191511 | M00000191530 |
| 1319 | CONG TY TNHH MAY TRO THINH E.U            | 3   | M00000038206 | M00000038208 |
| 1320 | CONG TY TNHH MD LUXURY                    | 25  | M00000043869 | M00000043893 |
| 1321 | CONG TY TNHH ME BAU VA BE BABY HOUSE      | 5   | M00000144545 | M00000144549 |
| 1322 | CONG TY TNHH ME VA BE MANH KHOI TN        | 53  | M00000071186 | M00000071238 |
| 1323 | CONG TY TNHH MEAT FARM                    | 162 | M00000019866 | M00000020027 |
| 1324 | CONG TY TNHH MEDIVA VIET NAM              | 1   | M00000185803 | M00000185803 |
| 1325 | CONG TY TNHH MEGAGRICO VIET NAM           | 2   | M00000125834 | M00000125835 |
| 1326 | CONG TY TNHH MERCANTILE FINE DRINKS       | 12  | M00000199614 | M00000199625 |
| 1327 | CONG TY TNHH MERRY BLOOMS                 | 1   | M00000215259 | M00000215259 |
| 1328 | CONG TY TNHH METROPOLITAN HA NOI          | 2   | M00000027121 | M00000027122 |
| 1329 | CONG TY TNHH MIANA                        | 15  | M00000041237 | M00000041251 |
| 1330 | CONG TY TNHH MIEN DONG HUONG SEN          | 2   | M00000201004 | M00000201005 |
| 1331 | CONG TY TNHH MIJU VN                      | 3   | M00000208473 | M00000208475 |
| 1332 | CONG TY TNHH MIKESON VIET NAM             | 2   | M00000026771 | M00000026772 |
| 1333 | CONG TY TNHH MIMI LOUNGE                  | 58  | M00000208846 | M00000208903 |
| 1334 | CONG TY TNHH MINH ANH HOTEL               | 1   | M00000084296 | M00000084296 |
| 1335 | CONG TY TNHH MINH ANH KH                  | 24  | M00000134897 | M00000134920 |
| 1336 | CONG TY TNHH MINH CHAU WORKSHOP           | 1   | M00000146268 | M00000146268 |
| 1337 | CONG TY TNHH MINH HIEN JEWELRY            | 12  | M00000153808 | M00000153819 |
| 1338 | CONG TY TNHH MINH HIEN NGA                | 28  | M00000111870 | M00000111897 |
| 1339 | CONG TY TNHH MINH HONG 79                 | 25  | M00000065365 | M00000065389 |
| 1340 | CONG TY TNHH MINH KHAI S.G                | 42  | M00000160664 | M00000160705 |
| 1341 | CONG TY TNHH MINH NGUYEN GLOBAL           | 9   | M00000032296 | M00000032304 |
| 1342 | CONG TY TNHH MINH PHAT                    | 9   | M00000096487 | M00000096495 |
| 1343 | CONG TY TNHH MINH QUANG MARKET            | 2   | M00000070047 | M00000070048 |
| 1344 | CONG TY TNHH MINH VIET HOME               | 2   | M00000220924 | M00000220925 |
| 1345 | CONG TY TNHH MOC NHIEAN FARM - LAN NHA VU | 2   | M00000091828 | M00000091829 |
| 1346 | CONG TY TNHH MOC SINH HOA                 | 40  | M00000109123 | M00000109162 |
| 1347 | CONG TY TNHH MOI TRUONG LIN DA            | 6   | M00000220391 | M00000220396 |
| 1348 | CONG TY TNHH MONGKOK                      | 16  | M00000088197 | M00000088212 |
| 1349 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN CHIN NGHIA P  | 36  | M00000117873 | M00000117908 |
| 1350 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN CON DUONG XA  | 109 | M00000105487 | M00000105595 |
| 1351 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN DIVA SG       | 21  | M00000214769 | M00000214789 |
| 1352 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN KHACH SAN TH  | 77  | M00000097245 | M00000097321 |
| 1353 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN KIM ANH TRUN  | 27  | M00000067869 | M00000067895 |
| 1354 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN KIM THANH LA  | 6   | M00000166252 | M00000166257 |
| 1355 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN MY NGHE       | 4   | M00000169227 | M00000169230 |
| 1356 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN NGUYEN LE GI  | 51  | M00000103406 | M00000103456 |
| 1357 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN NHA HANG      | 19  | M00000160384 | M00000160402 |
| 1358 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN NHA HANG HAN  | 28  | M00000209691 | M00000209718 |
| 1359 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN NHA KHOA QUO  | 37  | M00000100290 | M00000100326 |
| 1360 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN NU TRANG - D  | 1   | M00000085586 | M00000085586 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1361 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN OI DELI      | 19  | M00000193176 | M00000193194 |
| 1362 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN PHUC NHI     | 110 | M00000078822 | M00000078931 |
| 1363 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN TAI LOI      | 2   | M00000084708 | M00000084709 |
| 1364 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN TAN TRANG SU | 23  | M00000075304 | M00000075326 |
| 1365 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN THUONG MAI D | 36  | M00000087893 | M00000087928 |
| 1366 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN THUONG MAI V | 58  | M00000057370 | M00000057427 |
| 1367 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN TIEM VANG KI | 16  | M00000088477 | M00000088492 |
| 1368 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN TM CUONG THI | 7   | M00000153993 | M00000153999 |
| 1369 | CONG TY TNHH MOT THANH VIEN VAC XIN FVC  | 3   | M00000117546 | M00000117548 |
| 1370 | CONG TY TNHH MOTHER MICHIRU              | 3   | M00000204393 | M00000204395 |
| 1371 | CONG TY TNHH MR TEO GARDEN               | 1   | M00000131910 | M00000131910 |
| 1372 | CONG TY TNHH MT NHAT PHAT                | 18  | M00000036053 | M00000036070 |
| 1373 | CONG TY TNHH MTB GLOBAL                  | 163 | M00000073053 | M00000073215 |
| 1374 | CONG TY TNHH MTV AM THUC LUA VANG        | 4   | M00000082246 | M00000082249 |
| 1375 | CONG TY TNHH MTV AN CHANG                | 5   | M00000075599 | M00000075603 |
| 1376 | CONG TY TNHH MTV AN DINH KHOI            | 78  | M00000133635 | M00000133712 |
| 1377 | CONG TY TNHH MTV AN HUNG AN              | 19  | M00000154269 | M00000154287 |
| 1378 | CONG TY TNHH MTV AN TUNG                 | 5   | M00000225027 | M00000225031 |
| 1379 | CONG TY TNHH MTV ANH DUONG NHA TRANG     | 86  | M00000124931 | M00000125016 |
| 1380 | CONG TY TNHH MTV BIBIKIDS VN             | 1   | M00000153513 | M00000153513 |
| 1381 | CONG TY TNHH MTV BINH SINH THUAN         | 85  | M00000113495 | M00000113579 |
| 1382 | CONG TY TNHH MTV BON KHUONG              | 60  | M00000136525 | M00000136584 |
| 1383 | CONG TY TNHH MTV BROTHERS VN             | 31  | M00000224477 | M00000224507 |
| 1384 | CONG TY TNHH MTV BTFOOD                  | 54  | M00000195008 | M00000195061 |
| 1385 | CONG TY TNHH MTV CANG CA MIEN NAM        | 2   | M00000153488 | M00000153489 |
| 1386 | CONG TY TNHH MTV CENTRAL                 | 11  | M00000053638 | M00000053648 |
| 1387 | CONG TY TNHH MTV CONG NGHE SP ONE        | 1   | M00000113706 | M00000113706 |
| 1388 | CONG TY TNHH MTV DAI DUONG               | 21  | M00000128888 | M00000128908 |
| 1389 | CONG TY TNHH MTV DAI HIEP PHAT           | 2   | M00000066567 | M00000066568 |
| 1390 | CONG TY TNHH MTV DAI VY                  | 20  | M00000202627 | M00000202646 |
| 1391 | CONG TY TNHH MTV DAU TU AN'S ECO         | 23  | M00000061175 | M00000061197 |
| 1392 | CONG TY TNHH MTV DDAMOND POWER           | 7   | M00000227100 | M00000227106 |
| 1393 | CONG TY TNHH MTV DICH VU VA DU LICH DAI  | 15  | M00000076727 | M00000076741 |
| 1394 | CONG TY TNHH MTV DIEN NUOC QUOC KHANH    | 7   | M00000117551 | M00000117557 |
| 1395 | CONG TY TNHH MTV DIEN THOI DI DONG HOAN  | 10  | M00000206461 | M00000206470 |
| 1396 | CONG TY TNHH MTV DOANH GIA PHAT          | 11  | M00000082617 | M00000082627 |
| 1397 | CONG TY TNHH MTV DONG DUONG HUE          | 209 | M00000099568 | M00000099776 |
| 1398 | CONG TY TNHH MTV DT TM KHOI NGUYEN       | 13  | M00000127757 | M00000127769 |
| 1399 | CONG TY TNHH MTV DTPT DU LICH XO DANG    | 3   | M00000116925 | M00000116927 |
| 1400 | CONG TY TNHH MTV DU LICH CHAU GIANG      | 2   | M00000105755 | M00000105756 |
| 1401 | CONG TY TNHH MTV DUC DUNG CHU SE         | 104 | M00000105858 | M00000105961 |
| 1402 | CONG TY TNHH MTV DUC LE                  | 85  | M00000155946 | M00000156030 |
| 1403 | CONG TY TNHH MTV ENIGMA GYM              | 8   | M00000152578 | M00000152585 |
| 1404 | CONG TY TNHH MTV GIA HUY HOI AN          | 6   | M00000109343 | M00000109348 |
| 1405 | CONG TY TNHH MTV GIA TRAN PHUC           | 5   | M00000128921 | M00000128925 |
| 1406 | CONG TY TNHH MTV HA AN-VITOURS           | 19  | M00000110413 | M00000110431 |
| 1407 | CONG TY TNHH MTV HAI CAI                 | 12  | M00000078280 | M00000078291 |
| 1408 | CONG TY TNHH MTV HAN GIANG VIET          | 70  | M00000103141 | M00000103210 |
| 1409 | CONG TY TNHH MTV HOANG NAM KON TUM       | 7   | M00000146132 | M00000146138 |
| 1410 | CONG TY TNHH MTV HUE SINH LOC BRIGHT MOO | 3   | M00000083463 | M00000083465 |
| 1411 | CONG TY TNHH MTV HUONG DO                | 14  | M00000074458 | M00000074471 |
| 1412 | CONG TY TNHH MTV KLOUD EDU               | 5   | M00000198500 | M00000198504 |
| 1413 | CONG TY TNHH MTV LINH LAM                | 3   | M00000109297 | M00000109299 |
| 1414 | CONG TY TNHH MTV LINH LINH               | 8   | M00000113441 | M00000113448 |
| 1415 | CONG TY TNHH MTV LOAN QUYEN DAK NONG     | 11  | M00000120556 | M00000120566 |
| 1416 | CONG TY TNHH MTV LT HA NOI               | 230 | M00000006896 | M00000007125 |
| 1417 | CONG TY TNHH MTV LU HANH MAY NGOC        | 3   | M00000129224 | M00000129226 |
| 1418 | CONG TY TNHH MTV MDII GROUP              | 33  | M00000222427 | M00000222459 |
| 1419 | CONG TY TNHH MTV MINH CHAU VP            | 9   | M00000069476 | M00000069484 |
| 1420 | CONG TY TNHH MTV MINH TAM PHAT           | 2   | M00000077829 | M00000077830 |
| 1421 | CONG TY TNHH MTV MODE HOTEL & REALTY     | 13  | M00000108779 | M00000108791 |
| 1422 | CONG TY TNHH MTV MY NGOC GIA LAI         | 1   | M00000097233 | M00000097233 |
| 1423 | CONG TY TNHH MTV MY TRUNG                | 36  | M00000226593 | M00000226628 |
| 1424 | CONG TY TNHH MTV NAM CHAM                | 612 | M00000138421 | M00000139032 |
| 1425 | CONG TY TNHH MTV NAM HUONG               | 1   | M00000112173 | M00000112173 |
| 1426 | CONG TY TNHH MTV NET DUYEN VIET          | 2   | M00000194576 | M00000194577 |
| 1427 | CONG TY TNHH MTV NGOC LONG               | 1   | M00000047309 | M00000047309 |
| 1428 | CONG TY TNHH MTV NHA HANG IITOMO         | 12  | M00000185811 | M00000185822 |

|      |                                          |      |              |              |
|------|------------------------------------------|------|--------------|--------------|
| 1429 | CONG TY TNHH MTV NHUT PHAN               | 2    | M00000087751 | M00000087752 |
| 1430 | CONG TY TNHH MTV NIKUTARO                | 32   | M00000197271 | M00000197302 |
| 1431 | CONG TY TNHH MTV NONG SAN DUNG TUYET     | 39   | M00000139837 | M00000139875 |
| 1432 | CONG TY TNHH MTV NONG SAN KHANH HUONG    | 10   | M00000156521 | M00000156530 |
| 1433 | CONG TY TNHH MTV NY TRINH                | 2    | M00000142379 | M00000142380 |
| 1434 | CONG TY TNHH MTV PHAT DAT PHU QUOC       | 3    | M00000090188 | M00000090190 |
| 1435 | CONG TY TNHH MTV QUANG TUYEN 102         | 7    | M00000128909 | M00000128915 |
| 1436 | CONG TY TNHH MTV QUOC TE PHUC THANH DAT  | 17   | M00000109179 | M00000109195 |
| 1437 | CONG TY TNHH MTV QUOC TE TNG             | 105  | M00000030916 | M00000031020 |
| 1438 | CONG TY TNHH MTV REACHING OUT VIET NAM   | 10   | M00000143816 | M00000143825 |
| 1439 | CONG TY TNHH MTV SANG NHU NGOC           | 2    | M00000080135 | M00000080136 |
| 1440 | CONG TY TNHH MTV SAT THEP TU PHAT        | 6    | M00000218317 | M00000218322 |
| 1441 | CONG TY TNHH MTV SHINYO VINA             | 71   | M00000225519 | M00000225589 |
| 1442 | CONG TY TNHH MTV SURFSHACK               | 7    | M00000112445 | M00000112451 |
| 1443 | CONG TY TNHH MTV TAN C.C QUANG NGAI      | 1    | M00000125957 | M00000125957 |
| 1444 | CONG TY TNHH MTV TAN TIEN DAK NONG       | 10   | M00000131892 | M00000131901 |
| 1445 | CONG TY TNHH MTV THANH HAO PHAT          | 4    | M00000130242 | M00000130245 |
| 1446 | CONG TY TNHH MTV THANH THANH AN          | 30   | M00000109196 | M00000109225 |
| 1447 | CONG TY TNHH MTV THIEN THANH G.A         | 2    | M00000124810 | M00000124811 |
| 1448 | CONG TY TNHH MTV THUAN HOA LIEN          | 15   | M00000154148 | M00000154162 |
| 1449 | CONG TY TNHH MTV THUC PHAM ANH NHI       | 117  | M00000081700 | M00000081816 |
| 1450 | CONG TY TNHH MTV THUC PHAM TUAN PHONG    | 128  | M00000066727 | M00000066854 |
| 1451 | CONG TY TNHH MTV THUONG MAI DICH VU 789  | 2    | M00000092469 | M00000092470 |
| 1452 | CONG TY TNHH MTV THUONG MAI DICH VU GIA  | 222  | M00000117281 | M00000117502 |
| 1453 | CONG TY TNHH MTV THUONG MAI DICH VU THIE | 24   | M00000137823 | M00000137846 |
| 1454 | CONG TY TNHH MTV THUONG MAI DV 3 H&G     | 12   | M00000113378 | M00000113389 |
| 1455 | CONG TY TNHH MTV THUONG MAI HAI NGUYEN   | 50   | M00000059259 | M00000059308 |
| 1456 | CONG TY TNHH MTV THUONG MAI LAN THY      | 23   | M00000128651 | M00000128673 |
| 1457 | CONG TY TNHH MTV THUONG MAI THAO DI      | 5    | M00000159408 | M00000159412 |
| 1458 | CONG TY TNHH MTV TIEN LAN KT             | 3    | M00000147623 | M00000147625 |
| 1459 | CONG TY TNHH MTV TIEP TRINH              | 5    | M00000055047 | M00000055051 |
| 1460 | CONG TY TNHH MTV TM AGRIA GIA LAI        | 4    | M00000133715 | M00000133718 |
| 1461 | CONG TY TNHH MTV TM DL & DV XOAI         | 36   | M00000109307 | M00000109342 |
| 1462 | CONG TY TNHH MTV TM DV PIS SA PA         | 7    | M00000066720 | M00000066726 |
| 1463 | CONG TY TNHH MTV TM GIA PHAT             | 5    | M00000136032 | M00000136036 |
| 1464 | CONG TY TNHH MTV TM HAI THUY             | 6    | M00000141557 | M00000141562 |
| 1465 | CONG TY TNHH MTV TM PHUOC DUNG           | 1    | M00000110071 | M00000110071 |
| 1466 | CONG TY TNHH MTV TM TONG HOP HAO QUANG   | 12   | M00000098725 | M00000098736 |
| 1467 | CONG TY TNHH MTV TMDV GREEN FIELD        | 1    | M00000120351 | M00000120351 |
| 1468 | CONG TY TNHH MTV TMDV ONG MINH           | 20   | M00000139634 | M00000139653 |
| 1469 | CONG TY TNHH MTV TM-DV XUAN OANH         | 24   | M00000168327 | M00000168350 |
| 1470 | CONG TY TNHH MTV TNK                     | 1    | M00000133789 | M00000133789 |
| 1471 | CONG TY TNHH MTV TOAN GIA                | 4    | M00000119422 | M00000119425 |
| 1472 | CONG TY TNHH MTV TOMA FAMILY             | 13   | M00000113078 | M00000113090 |
| 1473 | CONG TY TNHH MTV TRAM BIA                | 2    | M00000128919 | M00000128920 |
| 1474 | CONG TY TNHH MTV TRAN THI KHANH LINH     | 41   | M00000042655 | M00000042695 |
| 1475 | CONG TY TNHH MTV TUE DUC                 | 14   | M00000052250 | M00000052263 |
| 1476 | CONG TY TNHH MTV VANG BAC DA QUY TAM TY  | 4    | M00000078985 | M00000078988 |
| 1477 | CONG TY TNHH MTV VANG BAC NGHIA TIN      | 1507 | M00000130320 | M00000131826 |
| 1478 | CONG TY TNHH MTV VANG BAC THU GIANG      | 170  | M00000060865 | M00000061034 |
| 1479 | CONG TY TNHH MTV VUONG THANH VU          | 1    | M00000213681 | M00000213681 |
| 1480 | CONG TY TNHH MTV XANG DAU KIM TIEN       | 21   | M00000125836 | M00000125856 |
| 1481 | CONG TY TNHH MTV ZAKU                    | 15   | M00000214696 | M00000214710 |
| 1482 | CONG TY TNHH MUINE PIRATE                | 1    | M00000125912 | M00000125912 |
| 1483 | CONG TY TNHH MULTI TECH SOLUTION         | 13   | M00000192780 | M00000192792 |
| 1484 | CONG TY TNHH MUOI PHI QUANG TRI          | 8    | M00000113580 | M00000113587 |
| 1485 | CONG TY TNHH MUSE MEDICAL                | 247  | M00000182740 | M00000182986 |
| 1486 | CONG TY TNHH MY NGHE DAI VIET            | 27   | M00000017227 | M00000017253 |
| 1487 | CONG TY TNHH MY NGHE THIEN THAI          | 282  | M00000061978 | M00000062259 |
| 1488 | CONG TY TNHH MY PHAM XANH                | 1    | M00000165013 | M00000165013 |
| 1489 | CONG TY TNHH N M D                       | 21   | M00000182217 | M00000182237 |
| 1490 | CONG TY TNHH NADESHIKO                   | 5    | M00000037968 | M00000037972 |
| 1491 | CONG TY TNHH NAGOMI THUONG MAI DICH VU   | 9    | M00000017842 | M00000017850 |
| 1492 | CONG TY TNHH NAM HIEN                    | 1    | M00000084176 | M00000084176 |
| 1493 | CONG TY TNHH NAM ITALY STUDIO            | 14   | M00000152906 | M00000152919 |
| 1494 | CONG TY TNHH NAM LUC PHAT                | 11   | M00000156814 | M00000156824 |
| 1495 | CONG TY TNHH NAM TANG                    | 240  | M00000146613 | M00000146852 |
| 1496 | CONG TY TNHH NAMPERFUME                  | 98   | M00000225723 | M00000225820 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1497 | CONG TY TNHH NANA TRAVEL                 | 48  | M00000048265 | M00000048312 |
| 1498 | CONG TY TNHH NARI VIET NAM               | 14  | M00000031393 | M00000031406 |
| 1499 | CONG TY TNHH NEW EASTERN                 | 6   | M00000214329 | M00000214334 |
| 1500 | CONG TY TNHH NEWME                       | 4   | M00000198200 | M00000198203 |
| 1501 | CONG TY TNHH NGA HAI                     | 19  | M00000007859 | M00000007877 |
| 1502 | CONG TY TNHH NGHI SON HOTEL              | 10  | M00000129784 | M00000129793 |
| 1503 | CONG TY TNHH NGO GIA 404                 | 5   | M00000091283 | M00000091287 |
| 1504 | CONG TY TNHH NGOC ANH PHAN THIET         | 8   | M00000120706 | M00000120713 |
| 1505 | CONG TY TNHH NGOC DIEP HI                | 3   | M00000093340 | M00000093342 |
| 1506 | CONG TY TNHH NGOC HANG                   | 3   | M00000077844 | M00000077846 |
| 1507 | CONG TY TNHH NGOI SAO BAN MAI            | 37  | M00000101030 | M00000101066 |
| 1508 | CONG TY TNHH NGOI SAO THUY               | 9   | M00000068188 | M00000068196 |
| 1509 | CONG TY TNHH NGUOI NGHI & NGUOI MO       | 1   | M00000184328 | M00000184328 |
| 1510 | CONG TY TNHH NGUYEN GIA THAI NGUYEN      | 16  | M00000112514 | M00000112529 |
| 1511 | CONG TY TNHH NGUYEN HA MY                | 7   | M00000113359 | M00000113365 |
| 1512 | CONG TY TNHH NGUYEN LE DAK NONG          | 2   | M00000127629 | M00000127630 |
| 1513 | CONG TY TNHH NGUYEN PHUC HOANG           | 3   | M00000111524 | M00000111526 |
| 1514 | CONG TY TNHH NHA HANG BABYLON            | 6   | M00000208305 | M00000208310 |
| 1515 | CONG TY TNHH NHA HANG BAR AMBER          | 13  | M00000203961 | M00000203973 |
| 1516 | CONG TY TNHH NHA HANG BIRDY              | 25  | M00000222688 | M00000222712 |
| 1517 | CONG TY TNHH NHA HANG DUC VI             | 1   | M00000187797 | M00000187797 |
| 1518 | CONG TY TNHH NHA HANG DUONG CHAU         | 5   | M00000166087 | M00000166091 |
| 1519 | CONG TY TNHH NHA HANG EURO NIGHT         | 15  | M00000215965 | M00000215979 |
| 1520 | CONG TY TNHH NHA HANG HAI PHONG          | 4   | M00000068703 | M00000068706 |
| 1521 | CONG TY TNHH NHA HANG HANH PHUC          | 15  | M00000014279 | M00000014293 |
| 1522 | CONG TY TNHH NHA HANG HOI CHAY           | 10  | M00000068178 | M00000068187 |
| 1523 | CONG TY TNHH NHA HANG KEENG              | 38  | M00000085128 | M00000085165 |
| 1524 | CONG TY TNHH NHA HANG KHACH SAN CHAU PHO | 5   | M00000077836 | M00000077840 |
| 1525 | CONG TY TNHH NHA HANG KOGI BBQ           | 7   | M00000192761 | M00000192767 |
| 1526 | CONG TY TNHH NHA HANG KYUNG HEE GUNG     | 1   | M00000204238 | M00000204238 |
| 1527 | CONG TY TNHH NHA HANG LA MI              | 1   | M00000133436 | M00000133436 |
| 1528 | CONG TY TNHH NHA HANG LAGA               | 4   | M00000220801 | M00000220804 |
| 1529 | CONG TY TNHH NHA HANG LAU NAM NGOI NAU   | 2   | M00000132309 | M00000132310 |
| 1530 | CONG TY TNHH NHA HANG MAIC               | 41  | M00000159855 | M00000159895 |
| 1531 | CONG TY TNHH NHA HANG ME                 | 9   | M00000215449 | M00000215457 |
| 1532 | CONG TY TNHH NHA HANG MINH HIEU          | 19  | M00000169290 | M00000169308 |
| 1533 | CONG TY TNHH NHA HANG MUSE               | 2   | M00000196169 | M00000196170 |
| 1534 | CONG TY TNHH NHA HANG MY GIA MY          | 11  | M00000210825 | M00000210835 |
| 1535 | CONG TY TNHH NHA HANG NEW CITY           | 6   | M00000223242 | M00000223247 |
| 1536 | CONG TY TNHH NHA HANG NGON NHA TRANG     | 18  | M00000199358 | M00000199375 |
| 1537 | CONG TY TNHH NHA HANG PHO VIET 86        | 18  | M00000218278 | M00000218295 |
| 1538 | CONG TY TNHH NHA HANG ROS                | 127 | M00000206479 | M00000206605 |
| 1539 | CONG TY TNHH NHA HANG S&H                | 3   | M00000115346 | M00000115348 |
| 1540 | CONG TY TNHH NHA HANG SIGOL JIB          | 1   | M00000061972 | M00000061972 |
| 1541 | CONG TY TNHH NHA HANG SON HA SH          | 62  | M00000182151 | M00000182212 |
| 1542 | CONG TY TNHH NHA HANG SONG HAU           | 2   | M00000079912 | M00000079913 |
| 1543 | CONG TY TNHH NHA HANG TAN TIEN           | 2   | M00000029622 | M00000029623 |
| 1544 | CONG TY TNHH NHA HANG TORASAN            | 10  | M00000217793 | M00000217802 |
| 1545 | CONG TY TNHH NHA HANG TUNG DINING        | 71  | M00000015038 | M00000015108 |
| 1546 | CONG TY TNHH NHA KHOA AMI PHAN THIET     | 8   | M00000144960 | M00000144967 |
| 1547 | CONG TY TNHH NHA KHOA DA NANG IMPLANT    | 4   | M00000139529 | M00000139532 |
| 1548 | CONG TY TNHH NHA KHOA HANH PHUC KON TUM  | 1   | M00000143815 | M00000143815 |
| 1549 | CONG TY TNHH NHA KHOA HUNG MANH          | 7   | M00000067730 | M00000067736 |
| 1550 | CONG TY TNHH NHA KHOA MINH CHAU GLOBAL   | 58  | M00000046134 | M00000046191 |
| 1551 | CONG TY TNHH NHA KHOA NICE SMILE         | 15  | M00000194797 | M00000194811 |
| 1552 | CONG TY TNHH NHA KHOA QUOC TE NHAN TAM   | 29  | M00000207607 | M00000207635 |
| 1553 | CONG TY TNHH NHA KHOA SAI GON B.H        | 47  | M00000077782 | M00000077828 |
| 1554 | CONG TY TNHH NHA KHOA SMART              | 73  | M00000018896 | M00000018968 |
| 1555 | CONG TY TNHH NHA KHOA TUONG VY           | 1   | M00000208296 | M00000208296 |
| 1556 | CONG TY TNHH NHA KHOA VAN HANH BINH THUA | 1   | M00000153447 | M00000153447 |
| 1557 | CONG TY TNHH NHA SACH DAN NHI            | 14  | M00000218374 | M00000218387 |
| 1558 | CONG TY TNHH NHA SAN                     | 1   | M00000124229 | M00000124229 |
| 1559 | CONG TY TNHH NHAM VILLAGE                | 29  | M00000059887 | M00000059915 |
| 1560 | CONG TY TNHH NHAT TRUONG MINH            | 30  | M00000013804 | M00000013833 |
| 1561 | CONG TY TNHH NHAT VIET NHU Y             | 31  | M00000015387 | M00000015417 |
| 1562 | CONG TY TNHH NHU Y MY THO                | 5   | M00000089609 | M00000089613 |
| 1563 | CONG TY TNHH NHUA THUAN THANH            | 3   | M00000062850 | M00000062852 |
| 1564 | CONG TY TNHH NINH TRANG NT               | 11  | M00000138074 | M00000138084 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1565 | CONG TY TNHH NO HONEY, NO MONKEY         | 2   | M00000214106 | M00000214107 |
| 1566 | CONG TY TNHH NOBLE MOMENT                | 1   | M00000044066 | M00000044066 |
| 1567 | CONG TY TNHH NOC BEER                    | 2   | M00000215498 | M00000215499 |
| 1568 | CONG TY TNHH NONG CO VAN HUNG            | 2   | M00000088602 | M00000088603 |
| 1569 | CONG TY TNHH NONG DUOC HUONG NONG        | 2   | M00000141081 | M00000141082 |
| 1570 | CONG TY TNHH NONG DUOC LOI TRANG         | 1   | M00000070578 | M00000070578 |
| 1571 | CONG TY TNHH NONG NGHIEP HON DAT         | 1   | M00000033796 | M00000033796 |
| 1572 | CONG TY TNHH NONG NGU CO TAN PHAT        | 34  | M00000150647 | M00000150680 |
| 1573 | CONG TY TNHH NONG SAN HOANG THIEN LONG   | 71  | M00000201101 | M00000201171 |
| 1574 | CONG TY TNHH NONG SAN NGUOI DONG HANH    | 3   | M00000224262 | M00000224264 |
| 1575 | CONG TY TNHH NONG SY KHOE                | 55  | M00000040573 | M00000040627 |
| 1576 | CONG TY TNHH NP AESTHETIC                | 56  | M00000220471 | M00000220526 |
| 1577 | CONG TY TNHH NRTK                        | 3   | M00000214103 | M00000214105 |
| 1578 | CONG TY TNHH NU RI BAC NINH              | 1   | M00000059166 | M00000059166 |
| 1579 | CONG TY TNHH NUBOKO                      | 39  | M00000017899 | M00000017937 |
| 1580 | CONG TY TNHH NUMBER ONE                  | 2   | M00000197963 | M00000197964 |
| 1581 | CONG TY TNHH NUOC HOA THE HOANG          | 1   | M00000156935 | M00000156935 |
| 1582 | CONG TY TNHH O TO DA LAT                 | 2   | M00000111609 | M00000111610 |
| 1583 | CONG TY TNHH O TO TOAN GIA PHAT          | 121 | M00000054901 | M00000055021 |
| 1584 | CONG TY TNHH OBJ                         | 4   | M00000033792 | M00000033795 |
| 1585 | CONG TY TNHH ODYS                        | 53  | M00000193237 | M00000193289 |
| 1586 | CONG TY TNHH OH SUNG VINA                | 1   | M00000062585 | M00000062585 |
| 1587 | CONG TY TNHH OLIVIA'S PRIME STEAKHOUSE   | 31  | M00000120412 | M00000120442 |
| 1588 | CONG TY TNHH ONE-A                       | 10  | M00000015314 | M00000015323 |
| 1589 | CONG TY TNHH ONG LEE                     | 1   | M00000210824 | M00000210824 |
| 1590 | CONG TY TNHH ONNURI VIET NAM             | 7   | M00000018539 | M00000018545 |
| 1591 | CONG TY TNHH ORO HOLDINGS                | 2   | M00000031414 | M00000031415 |
| 1592 | CONG TY TNHH OTAFUKU SUPER MARKET        | 1   | M00000026264 | M00000026264 |
| 1593 | CONG TY TNHH PACOJI VINA                 | 3   | M00000012401 | M00000012403 |
| 1594 | CONG TY TNHH PALA                        | 7   | M00000036470 | M00000036476 |
| 1595 | CONG TY TNHH PALMFEED VIET NAM           | 37  | M00000027807 | M00000027843 |
| 1596 | CONG TY TNHH PARIS BEAUTY CENTER         | 4   | M00000224249 | M00000224252 |
| 1597 | CONG TY TNHH PARIS DELI                  | 42  | M00000111622 | M00000111663 |
| 1598 | CONG TY TNHH PAWS INTERNATIONAL CLINIC D | 13  | M00000119010 | M00000119022 |
| 1599 | CONG TY TNHH PAY IT FORWARD VIET NAM     | 12  | M00000047377 | M00000047388 |
| 1600 | CONG TY TNHH PDPG                        | 1   | M00000046992 | M00000046992 |
| 1601 | CONG TY TNHH PENCIL PHOTO                | 36  | M00000091986 | M00000092021 |
| 1602 | CONG TY TNHH PET STORY                   | 1   | M00000027642 | M00000027642 |
| 1603 | CONG TY TNHH PETI PET                    | 11  | M00000045592 | M00000045602 |
| 1604 | CONG TY TNHH PHAI AN                     | 46  | M00000186922 | M00000186967 |
| 1605 | CONG TY TNHH PHAN PHOI DO UONG HIEN THIN | 11  | M00000062631 | M00000062641 |
| 1606 | CONG TY TNHH PHAN VIET INVEST            | 8   | M00000032601 | M00000032608 |
| 1607 | CONG TY TNHH PHAP NGU BONJOUR            | 1   | M00000168406 | M00000168406 |
| 1608 | CONG TY TNHH PHARMA NORD VIET NAM        | 1   | M00000199023 | M00000199023 |
| 1609 | CONG TY TNHH PHAT HUY BAO LOC            | 6   | M00000142189 | M00000142194 |
| 1610 | CONG TY TNHH PHAT NGAN NGOC              | 6   | M00000198971 | M00000198976 |
| 1611 | CONG TY TNHH PHAT SON THIEN              | 97  | M00000104462 | M00000104558 |
| 1612 | CONG TY TNHH PHAT TRIEN DICH VU THUONG   | 35  | M00000113091 | M00000113125 |
| 1613 | CONG TY TNHH PHAT TRIEN GIANG VO         | 52  | M00000015472 | M00000015523 |
| 1614 | CONG TY TNHH PHAT TRIEN KINH DOANH PHUON | 1   | M00000018998 | M00000018998 |
| 1615 | CONG TY TNHH PHAT TRIEN SANG KIEN HO TRO | 2   | M00000196227 | M00000196228 |
| 1616 | CONG TY TNHH PHAT TRIEN THUONG MAI NT VI | 182 | M00000045637 | M00000045818 |
| 1617 | CONG TY TNHH PHAT TRIEN THUONG MAI QUOC  | 5   | M00000030470 | M00000030474 |
| 1618 | CONG TY TNHH PHAT TRIEN THUONG MAI VNG   | 5   | M00000029569 | M00000029573 |
| 1619 | CONG TY TNHH PHAU THUAT THAM MY HAPPY    | 19  | M00000207160 | M00000207178 |
| 1620 | CONG TY TNHH PHONG KHAM DA KHOA TAM PHUC | 20  | M00000129648 | M00000129667 |
| 1621 | CONG TY TNHH PHONG KHAM GIA DINH HA NOI  | 1   | M00000013834 | M00000013834 |
| 1622 | CONG TY TNHH PHU KIEN O TO GIA LAI       | 12  | M00000137785 | M00000137796 |
| 1623 | CONG TY TNHH PHUC PHUOC THINH            | 11  | M00000139082 | M00000139092 |
| 1624 | CONG TY TNHH PHUC THANH HAI              | 9   | M00000139541 | M00000139549 |
| 1625 | CONG TY TNHH PHUNG THIEN                 | 3   | M00000051161 | M00000051163 |
| 1626 | CONG TY TNHH PHUONG HOA                  | 4   | M00000006751 | M00000006754 |
| 1627 | CONG TY TNHH PHUONG NAM                  | 1   | M00000099532 | M00000099532 |
| 1628 | CONG TY TNHH PHUSY CHA GLOBAL            | 12  | M00000156730 | M00000156741 |
| 1629 | CONG TY TNHH PIN WEI VIET NAM            | 2   | M00000219383 | M00000219384 |
| 1630 | CONG TY TNHH PKO                         | 8   | M00000112624 | M00000112631 |
| 1631 | CONG TY TNHH PO VA LA                    | 15  | M00000105409 | M00000105423 |
| 1632 | CONG TY TNHH POLY STUDIO & ACADEMY       | 5   | M00000225601 | M00000225605 |



|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1633 | CONG TY TNHH PTM VA DVVT PHU QUY         | 13  | M00000044621 | M00000044633 |
| 1634 | CONG TY TNHH QUACH HONG PHUONG           | 5   | M00000087812 | M00000087816 |
| 1635 | CONG TY TNHH QUAN LUT                    | 1   | M00000191246 | M00000191246 |
| 1636 | CONG TY TNHH QUAN LY KHACH SAN BIEN XANH | 112 | M00000127634 | M00000127745 |
| 1637 | CONG TY TNHH QUAN LY KHACH SAN EHM       | 105 | M00000016849 | M00000016953 |
| 1638 | CONG TY TNHH QUAN LY NICHE               | 32  | M00000197803 | M00000197834 |
| 1639 | CONG TY TNHH QUANG KHAI CAR SERVICE      | 31  | M00000129321 | M00000129351 |
| 1640 | CONG TY TNHH QUANG LOI                   | 1   | M00000102125 | M00000102125 |
| 1641 | CONG TY TNHH QUANG LONG XUYEN            | 142 | M00000144229 | M00000144370 |
| 1642 | CONG TY TNHH QUANG OPTIC                 | 20  | M00000136505 | M00000136524 |
| 1643 | CONG TY TNHH QUANG TRUONG CHARM & CI     | 99  | M00000165823 | M00000165921 |
| 1644 | CONG TY TNHH QUOC KHANH HOMESTAY         | 2   | M00000067852 | M00000067853 |
| 1645 | CONG TY TNHH QUOC TE IBS BAC NINH        | 20  | M00000054405 | M00000054424 |
| 1646 | CONG TY TNHH QUOC TE LUKS (VIET NAM)     | 20  | M00000136996 | M00000137015 |
| 1647 | CONG TY TNHH QUOC TE SOUL EAT            | 21  | M00000015132 | M00000015152 |
| 1648 | CONG TY TNHH QUY HA-HD                   | 4   | M00000052824 | M00000052827 |
| 1649 | CONG TY TNHH QUYEN CHUYEN                | 51  | M00000070147 | M00000070197 |
| 1650 | CONG TY TNHH R HOTEL                     | 113 | M00000225234 | M00000225346 |
| 1651 | CONG TY TNHH RAKUTENCHI VIET NAM         | 21  | M00000187897 | M00000187917 |
| 1652 | CONG TY TNHH RANG HAM MAT TUYET HONG     | 3   | M00000091349 | M00000091351 |
| 1653 | CONG TY TNHH REAL IELTS EXAMS            | 31  | M00000075604 | M00000075634 |
| 1654 | CONG TY TNHH REDPHO                      | 1   | M00000113301 | M00000113301 |
| 1655 | CONG TY TNHH REM MAN THANH NHUNG         | 1   | M00000152244 | M00000152244 |
| 1656 | CONG TY TNHH RESORT TL                   | 14  | M00000133998 | M00000134011 |
| 1657 | CONG TY TNHH RESTAURANT HEBE             | 69  | M00000198204 | M00000198272 |
| 1658 | CONG TY TNHH RESTAURANT THE BRIX THAO DI | 47  | M00000195386 | M00000195432 |
| 1659 | CONG TY TNHH RESTAURANT TINTO            | 15  | M00000200324 | M00000200338 |
| 1660 | CONG TY TNHH ROCKBAR                     | 21  | M00000170879 | M00000170899 |
| 1661 | CONG TY TNHH ROYALMAN                    | 68  | M00000046662 | M00000046729 |
| 1662 | CONG TY TNHH R-SUPPORT VIET NAM          | 8   | M00000023407 | M00000023414 |
| 1663 | CONG TY TNHH S.E.A TRAVEL                | 1   | M00000207636 | M00000207636 |
| 1664 | CONG TY TNHH S.LAB SPORT                 | 24  | M00000048130 | M00000048153 |
| 1665 | CONG TY TNHH SACH LAI                    | 1   | M00000207122 | M00000207122 |
| 1666 | CONG TY TNHH SAFFRONCLUB VIET NAM        | 58  | M00000194921 | M00000194978 |
| 1667 | CONG TY TNHH SAI GON GOLF TABO           | 3   | M00000191239 | M00000191241 |
| 1668 | CONG TY TNHH SAI GON SMILE               | 316 | M00000002474 | M00000002789 |
| 1669 | CONG TY TNHH SAIGONESE BISTRO            | 8   | M00000201198 | M00000201205 |
| 1670 | CONG TY TNHH SAMSUNGBEST CLINIC          | 31  | M00000204532 | M00000204562 |
| 1671 | CONG TY TNHH SAN XUAT - THUONG MAI B.Q   | 152 | M00000122501 | M00000122652 |
| 1672 | CONG TY TNHH SAN XUAT - THUONG MAI VA DI | 2   | M00000124634 | M00000124635 |
| 1673 | CONG TY TNHH SAN XUAT & THUONG MAI KIM M | 97  | M00000153523 | M00000153619 |
| 1674 | CONG TY TNHH SAN XUAT BAO BI TIEN MY     | 15  | M00000128094 | M00000128108 |
| 1675 | CONG TY TNHH SAN XUAT THUONG MAI RAPTOR  | 33  | M00000066137 | M00000066169 |
| 1676 | CONG TY TNHH SAN XUAT VA XNK HOANG DAT   | 3   | M00000030693 | M00000030695 |
| 1677 | CONG TY TNHH SANCH HOLDINGS              | 3   | M00000032148 | M00000032150 |
| 1678 | CONG TY TNHH SANMARU                     | 6   | M00000027114 | M00000027119 |
| 1679 | CONG TY TNHH SANTA BE                    | 3   | M00000047451 | M00000047453 |
| 1680 | CONG TY TNHH SAO BANG                    | 3   | M00000101023 | M00000101025 |
| 1681 | CONG TY TNHH SAO BIEN ABSD               | 38  | M00000106652 | M00000106689 |
| 1682 | CONG TY TNHH SAO HAI TIEN                | 7   | M00000116953 | M00000116959 |
| 1683 | CONG TY TNHH SAO MAI                     | 7   | M00000096497 | M00000096503 |
| 1684 | CONG TY TNHH SAU GAO NGOC TAM            | 27  | M00000153227 | M00000153253 |
| 1685 | CONG TY TNHH SEA STAR                    | 2   | M00000113141 | M00000113142 |
| 1686 | CONG TY TNHH SEEVACEE GLOBAL             | 12  | M00000042944 | M00000042955 |
| 1687 | CONG TY TNHH SENDY SPA                   | 1   | M00000137863 | M00000137863 |
| 1688 | CONG TY TNHH SENTRA                      | 12  | M00000139237 | M00000139248 |
| 1689 | CONG TY TNHH SENTRY SECURITY TECHNOLOGY  | 1   | M00000149917 | M00000149917 |
| 1690 | CONG TY TNHH SEOHAN                      | 2   | M00000070822 | M00000070823 |
| 1691 | CONG TY TNHH SERENE TOWN                 | 6   | M00000037809 | M00000037814 |
| 1692 | CONG TY TNHH SESSIA                      | 70  | M00000196371 | M00000196440 |
| 1693 | CONG TY TNHH SEVEN BRIDGES               | 21  | M00000012834 | M00000012854 |
| 1694 | CONG TY TNHH SG GOLF VINA HAIPHONG       | 1   | M00000054900 | M00000054900 |
| 1695 | CONG TY TNHH SG SAFETY VINA              | 3   | M00000187962 | M00000187964 |
| 1696 | CONG TY TNHH SHAB VINA HA NOI            | 4   | M00000032809 | M00000032812 |
| 1697 | CONG TY TNHH SHADY GROUP                 | 89  | M00000219385 | M00000219473 |
| 1698 | CONG TY TNHH SHAMBALLA                   | 27  | M00000186114 | M00000186140 |
| 1699 | CONG TY TNHH SHAMPOO VIET NAM            | 1   | M00000209379 | M00000209379 |
| 1700 | CONG TY TNHH SHIFT GEARS VIET NAM        | 2   | M00000013802 | M00000013803 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1701 | CONG TY TNHH SHIN SUNG FOOD              | 61  | M00000021517 | M00000021577 |
| 1702 | CONG TY TNHH SHO RESEARCH                | 6   | M00000120370 | M00000120375 |
| 1703 | CONG TY TNHH SHOP HAI NGAN               | 4   | M00000091262 | M00000091265 |
| 1704 | CONG TY TNHH SIBARITA'S                  | 66  | M00000213697 | M00000213762 |
| 1705 | CONG TY TNHH SIEU THI G8 MART            | 58  | M00000214513 | M00000214570 |
| 1706 | CONG TY TNHH SILVER SOUL VIETNAM         | 1   | M00000034835 | M00000034835 |
| 1707 | CONG TY TNHH SINALI                      | 14  | M00000015351 | M00000015364 |
| 1708 | CONG TY TNHH SKY GEM HOTEL - SORA        | 57  | M00000207218 | M00000207274 |
| 1709 | CONG TY TNHH SMART CHOICE ASIA           | 6   | M00000021511 | M00000021516 |
| 1710 | CONG TY TNHH SOL AN BANG                 | 1   | M00000112500 | M00000112500 |
| 1711 | CONG TY TNHH SON BACH                    | 123 | M00000066994 | M00000067116 |
| 1712 | CONG TY TNHH SON HA BASALTO              | 61  | M00000150301 | M00000150361 |
| 1713 | CONG TY TNHH SON NGOC HUNG               | 6   | M00000150083 | M00000150088 |
| 1714 | CONG TY TNHH SON THUAN LAM               | 8   | M00000129313 | M00000129320 |
| 1715 | CONG TY TNHH SOPUNG                      | 15  | M00000070078 | M00000070092 |
| 1716 | CONG TY TNHH SU TRUONG SON               | 3   | M00000002034 | M00000002036 |
| 1717 | CONG TY TNHH SUC KHOE 400                | 37  | M00000141003 | M00000141039 |
| 1718 | CONG TY TNHH SUGAR TOWN                  | 38  | M00000214711 | M00000214748 |
| 1719 | CONG TY TNHH SUNNY JPVN VN               | 2   | M00000032164 | M00000032165 |
| 1720 | CONG TY TNHH SUNNY MART VIET NAM         | 3   | M00000156686 | M00000156688 |
| 1721 | CONG TY TNHH SUNSMILE VIET NAM           | 8   | M00000046464 | M00000046471 |
| 1722 | CONG TY TNHH SUSHI - REN                 | 27  | M00000195676 | M00000195702 |
| 1723 | CONG TY TNHH SUSHI ARASHI                | 5   | M00000215416 | M00000215420 |
| 1724 | CONG TY TNHH SUSHI REI                   | 35  | M00000202049 | M00000202083 |
| 1725 | CONG TY TNHH SWALLY DIPS                 | 14  | M00000226297 | M00000226310 |
| 1726 | CONG TY TNHH SWEET AS                    | 6   | M00000030816 | M00000030821 |
| 1727 | CONG TY TNHH SX - TM - DV PHAM LE        | 2   | M00000213695 | M00000213696 |
| 1728 | CONG TY TNHH SX - TM DONG HOA            | 2   | M00000191253 | M00000191254 |
| 1729 | CONG TY TNHH SX & TM MADAME HUONG        | 31  | M00000026207 | M00000026237 |
| 1730 | CONG TY TNHH SX TM DV XNK THIEN AN       | 1   | M00000186849 | M00000186849 |
| 1731 | CONG TY TNHH SX VA TM HIEP HUNG          | 11  | M00000061127 | M00000061137 |
| 1732 | CONG TY TNHH SX VA TM THEP MANH HUNG     | 14  | M00000134643 | M00000134656 |
| 1733 | CONG TY TNHH SX VA TM VU NGUYEN GIA      | 14  | M00000069345 | M00000069358 |
| 1734 | CONG TY TNHH SX XAY DUNG VA DVTM TUAN NG | 9   | M00000060085 | M00000060093 |
| 1735 | CONG TY TNHH SXTM TUAN DAT               | 2   | M00000067908 | M00000067909 |
| 1736 | CONG TY TNHH SXTMDV LAM PHAT             | 182 | M00000226852 | M00000227033 |
| 1737 | CONG TY TNHH SX-TM-DV PHUC HUY           | 33  | M00000131978 | M00000132010 |
| 1738 | CONG TY TNHH SX-TM-DV XUAT NHAP KHAU GRE | 3   | M00000215185 | M00000215187 |
| 1739 | CONG TY TNHH T.M.T EAK                   | 4   | M00000023216 | M00000023219 |
| 1740 | CONG TY TNHH T20 QUYET THANG             | 1   | M00000130222 | M00000130222 |
| 1741 | CONG TY TNHH TAB BEAUTY                  | 84  | M00000210950 | M00000211033 |
| 1742 | CONG TY TNHH TAM COC GARDEN VILLA        | 5   | M00000052264 | M00000052268 |
| 1743 | CONG TY TNHH TAM DAT HOA                 | 9   | M00000111830 | M00000111838 |
| 1744 | CONG TY TNHH TAM NHIN MAISON             | 7   | M00000069151 | M00000069157 |
| 1745 | CONG TY TNHH TAM VINH HUONG THIEN        | 87  | M00000105296 | M00000105382 |
| 1746 | CONG TY TNHH TAMARIND HOSPITALITIES      | 1   | M00000129310 | M00000129310 |
| 1747 | CONG TY TNHH TAMIRA                      | 4   | M00000214080 | M00000214083 |
| 1748 | CONG TY TNHH TAN DANH NGUYEN             | 30  | M00000208266 | M00000208295 |
| 1749 | CONG TY TNHH TAN HOANG GIA               | 11  | M00000104680 | M00000104690 |
| 1750 | CONG TY TNHH TAN PHU                     | 2   | M00000000440 | M00000000441 |
| 1751 | CONG TY TNHH TAN PHUOC E-BIKE            | 4   | M00000140284 | M00000140287 |
| 1752 | CONG TY TNHH TAN THAM                    | 3   | M00000137608 | M00000137610 |
| 1753 | CONG TY TNHH TAP DOAN Y KHOA BAC TOAN    | 20  | M00000139209 | M00000139228 |
| 1754 | CONG TY TNHH TAPUHO VIET NAM             | 107 | M00000032359 | M00000032465 |
| 1755 | CONG TY TNHH TBC SOCIE VIETNAM           | 7   | M00000207008 | M00000207014 |
| 1756 | CONG TY TNHH TDT.VN                      | 1   | M00000108196 | M00000108196 |
| 1757 | CONG TY TNHH TEMPOLIFE                   | 5   | M00000217242 | M00000217246 |
| 1758 | CONG TY TNHH TEPPAN YAKI VIET NAM        | 21  | M00000027364 | M00000027384 |
| 1759 | CONG TY TNHH TET&TIP                     | 5   | M00000207275 | M00000207279 |
| 1760 | CONG TY TNHH THAI AN VIEN                | 89  | M00000029965 | M00000030053 |
| 1761 | CONG TY TNHH THAI HA                     | 10  | M00000053684 | M00000053693 |
| 1762 | CONG TY TNHH THAM MY NGOC DUNG           | 2   | M00000193683 | M00000193684 |
| 1763 | CONG TY TNHH THAN THIEN NINH BINH        | 64  | M00000006832 | M00000006895 |
| 1764 | CONG TY TNHH THANH LAN                   | 13  | M00000049541 | M00000049553 |
| 1765 | CONG TY TNHH THANH LE                    | 162 | M00000162151 | M00000162312 |
| 1766 | CONG TY TNHH THANH MY                    | 23  | M00000026239 | M00000026261 |
| 1767 | CONG TY TNHH THANH XUAN VINH BMT         | 8   | M00000135531 | M00000135538 |
| 1768 | CONG TY TNHH THAO LOC PHAT               | 1   | M00000083469 | M00000083469 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1769 | CONG TY TNHH THE 47 HOUSE                | 1   | M00000135082 | M00000135082 |
| 1770 | CONG TY TNHH THE A.C.T COLLECTIVE        | 2   | M00000199194 | M00000199195 |
| 1771 | CONG TY TNHH THE BARREL                  | 13  | M00000018230 | M00000018242 |
| 1772 | CONG TY TNHH THE BEAUTY HOUSE            | 5   | M00000187051 | M00000187055 |
| 1773 | CONG TY TNHH THE FIONA                   | 1   | M00000195135 | M00000195135 |
| 1774 | CONG TY TNHH THE GIOI MONG TAY           | 1   | M00000206606 | M00000206606 |
| 1775 | CONG TY TNHH THE HE TUONG LAI            | 5   | M00000134493 | M00000134497 |
| 1776 | CONG TY TNHH THE JUICY                   | 56  | M00000071616 | M00000071671 |
| 1777 | CONG TY TNHH THE MYTH - HANOI            | 2   | M00000035762 | M00000035763 |
| 1778 | CONG TY TNHH THE ONE HOTEL               | 1   | M00000081320 | M00000081320 |
| 1779 | CONG TY TNHH THE SHARD                   | 23  | M00000018243 | M00000018265 |
| 1780 | CONG TY TNHH THE TERROIR                 | 2   | M00000215337 | M00000215338 |
| 1781 | CONG TY TNHH THE THAO PHONG SPORT BMT    | 1   | M00000155906 | M00000155906 |
| 1782 | CONG TY TNHH THE THAO SPORT1             | 18  | M00000006210 | M00000006227 |
| 1783 | CONG TY TNHH THE UPPERJUINE              | 4   | M00000048226 | M00000048229 |
| 1784 | CONG TY TNHH THEP TOAN CAU               | 239 | M00000037445 | M00000037683 |
| 1785 | CONG TY TNHH THIEN TAN DUNG              | 3   | M00000166092 | M00000166094 |
| 1786 | CONG TY TNHH THIEN TRUONG AN             | 7   | M00000107794 | M00000107800 |
| 1787 | CONG TY TNHH THIET BI DIEN - NUOC SAKA   | 1   | M00000059869 | M00000059869 |
| 1788 | CONG TY TNHH THIET BI DIEN ANH TUAN      | 1   | M00000068702 | M00000068702 |
| 1789 | CONG TY TNHH THIET BI NHA BEP ROYAL      | 2   | M00000035022 | M00000035023 |
| 1790 | CONG TY TNHH THIET BI PHUC AN - NGHE AN  | 8   | M00000152255 | M00000152262 |
| 1791 | CONG TY TNHH THIET BI TN                 | 5   | M00000032151 | M00000032155 |
| 1792 | CONG TY TNHH THIET KE THOI TRANG COI     | 5   | M00000014326 | M00000014330 |
| 1793 | CONG TY TNHH THIET KE XAY DUNG AKIHOME   | 3   | M00000054592 | M00000054594 |
| 1794 | CONG TY TNHH THOA THINH                  | 9   | M00000050477 | M00000050485 |
| 1795 | CONG TY TNHH THOI DAI MOI NEWTIME        | 6   | M00000036071 | M00000036076 |
| 1796 | CONG TY TNHH THOI GIAN NHA TRANG         | 11  | M00000127168 | M00000127178 |
| 1797 | CONG TY TNHH THOI TRANG CALIE HOUSE      | 83  | M00000021398 | M00000021480 |
| 1798 | CONG TY TNHH THOI TRANG MAI HA           | 27  | M00000045522 | M00000045548 |
| 1799 | CONG TY TNHH THOI TRANG QUOC TE SAVANI   | 65  | M00000125424 | M00000125488 |
| 1800 | CONG TY TNHH THOI TRANG VMG              | 162 | M00000159414 | M00000159575 |
| 1801 | CONG TY TNHH THREE TREES GROUP           | 5   | M00000040118 | M00000040122 |
| 1802 | CONG TY TNHH THU NGHIA                   | 101 | M00000114290 | M00000114390 |
| 1803 | CONG TY TNHH THUC AN THUY SAN SO 67      | 11  | M00000088310 | M00000088320 |
| 1804 | CONG TY TNHH THUC PHAM MIEN TRUNG FAMILY | 5   | M00000139758 | M00000139762 |
| 1805 | CONG TY TNHH THUC PHAM NVH CONCEPTS      | 12  | M00000200776 | M00000200787 |
| 1806 | CONG TY TNHH THUC PHAM PHUC HOANG        | 14  | M00000156766 | M00000156779 |
| 1807 | CONG TY TNHH THUC PHAM SACH NGOC HUYEN   | 33  | M00000047502 | M00000047534 |
| 1808 | CONG TY TNHH THUC PHAM THIT BO WANGHENIU | 50  | M00000224519 | M00000224568 |
| 1809 | CONG TY TNHH THUC PHAM VA XUAT NHAP KHAU | 15  | M00000032485 | M00000032499 |
| 1810 | CONG TY TNHH THUONG MAI & DICH VU UNITY  | 1   | M00000167489 | M00000167489 |
| 1811 | CONG TY TNHH THUONG MAI & DV VUONG THAO  | 16  | M00000113199 | M00000113214 |
| 1812 | CONG TY TNHH THUONG MAI 128A             | 4   | M00000205703 | M00000205706 |
| 1813 | CONG TY TNHH THUONG MAI AGRI TRAN PHAT   | 14  | M00000137020 | M00000137033 |
| 1814 | CONG TY TNHH THUONG MAI AN DO            | 48  | M00000000346 | M00000000393 |
| 1815 | CONG TY TNHH THUONG MAI AR               | 1   | M00000225475 | M00000225475 |
| 1816 | CONG TY TNHH THUONG MAI AU DELICE        | 1   | M00000032503 | M00000032503 |
| 1817 | CONG TY TNHH THUONG MAI BAO KHANG 68     | 30  | M00000136889 | M00000136918 |
| 1818 | CONG TY TNHH THUONG MAI BAY THANH        | 1   | M00000152958 | M00000152958 |
| 1819 | CONG TY TNHH THUONG MAI BINH ANH         | 59  | M00000061332 | M00000061390 |
| 1820 | CONG TY TNHH THUONG MAI DHA              | 6   | M00000017653 | M00000017658 |
| 1821 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU AI CHI   | 28  | M00000085719 | M00000085746 |
| 1822 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU AM THUC  | 1   | M00000139035 | M00000139035 |
| 1823 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU ANH BINH | 3   | M00000214891 | M00000214893 |
| 1824 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU ASTRIX   | 24  | M00000213813 | M00000213836 |
| 1825 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU DZ       | 27  | M00000191582 | M00000191608 |
| 1826 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU ELLANGO  | 2   | M00000016556 | M00000016557 |
| 1827 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU HA THU   | 33  | M00000134921 | M00000134953 |
| 1828 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU HIEP NHU | 16  | M00000058987 | M00000059002 |
| 1829 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU HMG      | 3   | M00000084589 | M00000084591 |
| 1830 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU HUNG GRO | 9   | M00000083903 | M00000083911 |
| 1831 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU MINH ANH | 1   | M00000033201 | M00000033201 |
| 1832 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU MOI TRUO | 55  | M00000201277 | M00000201331 |
| 1833 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU ONE MORE | 6   | M00000145566 | M00000145571 |
| 1834 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU SANCARA  | 5   | M00000220722 | M00000220726 |
| 1835 | CONG TY TNHH THUONG MAI DICH VU VA XUAT  | 8   | M00000023539 | M00000023546 |
| 1836 | CONG TY TNHH THUONG MAI DU LICH NAM DU   | 1   | M00000125489 | M00000125489 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1837 | CONG TY TNHH THUONG MAI DU LICH OTRIP VI | 84  | M00000032813 | M00000032896 |
| 1838 | CONG TY TNHH THUONG MAI GAS- DIEN TU PHO | 24  | M00000065439 | M00000065462 |
| 1839 | CONG TY TNHH THUONG MAI GIANG KHANG      | 52  | M00000150812 | M00000150863 |
| 1840 | CONG TY TNHH THUONG MAI HAFOCO           | 5   | M00000053679 | M00000053683 |
| 1841 | CONG TY TNHH THUONG MAI HANA FARM        | 196 | M00000047084 | M00000047279 |
| 1842 | CONG TY TNHH THUONG MAI HIEN VY          | 14  | M00000140989 | M00000141002 |
| 1843 | CONG TY TNHH THUONG MAI HOANG PHAT       | 9   | M00000063382 | M00000063390 |
| 1844 | CONG TY TNHH THUONG MAI HONG HAI         | 64  | M00000127251 | M00000127314 |
| 1845 | CONG TY TNHH THUONG MAI HUNG HUYEN CAM X | 27  | M00000136813 | M00000136839 |
| 1846 | CONG TY TNHH THUONG MAI K&K TOAN CAU     | 67  | M00000012704 | M00000012770 |
| 1847 | CONG TY TNHH THUONG MAI LOI PHAT         | 1   | M00000053074 | M00000053074 |
| 1848 | CONG TY TNHH THUONG MAI MINH DANG CONNED | 3   | M00000033302 | M00000033304 |
| 1849 | CONG TY TNHH THUONG MAI NGOC MAI         | 30  | M00000049508 | M00000049537 |
| 1850 | CONG TY TNHH THUONG MAI NGOC TOAN        | 1   | M00000110098 | M00000110098 |
| 1851 | CONG TY TNHH THUONG MAI QUYET HUONG      | 15  | M00000065176 | M00000065190 |
| 1852 | CONG TY TNHH THUONG MAI SAN XUAT THONG N | 16  | M00000117019 | M00000117034 |
| 1853 | CONG TY TNHH THUONG MAI TAN HUNG         | 6   | M00000057712 | M00000057717 |
| 1854 | CONG TY TNHH THUONG MAI THAI SON 68      | 7   | M00000145518 | M00000145524 |
| 1855 | CONG TY TNHH THUONG MAI THAI SON P&L     | 9   | M00000064986 | M00000064994 |
| 1856 | CONG TY TNHH THUONG MAI THANH THAI MOBIL | 77  | M00000054800 | M00000054876 |
| 1857 | CONG TY TNHH THUONG MAI THIEN AN VN      | 1   | M00000075024 | M00000075024 |
| 1858 | CONG TY TNHH THUONG MAI THOM THAO        | 3   | M00000037732 | M00000037734 |
| 1859 | CONG TY TNHH THUONG MAI THUC PHAM LUU TH | 1   | M00000040480 | M00000040480 |
| 1860 | CONG TY TNHH THUONG MAI TINA HOUSE GROUP | 127 | M00000070221 | M00000070347 |
| 1861 | CONG TY TNHH THUONG MAI TONG HOP KIM VIN | 101 | M00000120067 | M00000120167 |
| 1862 | CONG TY TNHH THUONG MAI TONG HOP MAI LAN | 35  | M00000117511 | M00000117545 |
| 1863 | CONG TY TNHH THUONG MAI TONG HOP NAM SON | 84  | M00000072432 | M00000072515 |
| 1864 | CONG TY TNHH THUONG MAI TONG HOP NGOC DU | 4   | M00000109076 | M00000109079 |
| 1865 | CONG TY TNHH THUONG MAI TONG HOP THANH B | 8   | M00000097637 | M00000097644 |
| 1866 | CONG TY TNHH THUONG MAI TONG HOP VA DICH | 5   | M00000125490 | M00000125494 |
| 1867 | CONG TY TNHH THUONG MAI TRAN HUU NGHIA   | 25  | M00000088430 | M00000088454 |
| 1868 | CONG TY TNHH THUONG MAI TTA DAI LOC      | 1   | M00000126170 | M00000126170 |
| 1869 | CONG TY TNHH THUONG MAI TUNG LY          | 3   | M00000061875 | M00000061877 |
| 1870 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU CHAU  | 35  | M00000035811 | M00000035845 |
| 1871 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU DAI T | 1   | M00000061222 | M00000061222 |
| 1872 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU HA TR | 2   | M00000024777 | M00000024778 |
| 1873 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU HUNG  | 25  | M00000066542 | M00000066566 |
| 1874 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU ILRYU | 4   | M00000024152 | M00000024155 |
| 1875 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU LBTD  | 69  | M00000024535 | M00000024603 |
| 1876 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU NGOC  | 5   | M00000054617 | M00000054621 |
| 1877 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU PHUOC | 1   | M00000135231 | M00000135231 |
| 1878 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU THTD  | 24  | M00000024511 | M00000024534 |
| 1879 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU TOCEP | 9   | M00000127209 | M00000127217 |
| 1880 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU TRUON | 1   | M00000139254 | M00000139254 |
| 1881 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DICH VU UMINO | 40  | M00000019260 | M00000019299 |
| 1882 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DU LICH LAXS  | 65  | M00000057787 | M00000057851 |
| 1883 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA DV TUAN KHOI  | 12  | M00000030377 | M00000030388 |
| 1884 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA PHAT TRIEN DU | 70  | M00000117049 | M00000117118 |
| 1885 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA SAN XUAT HA M | 16  | M00000065827 | M00000065842 |
| 1886 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA XAY DUNG T&D  | 1   | M00000067726 | M00000067726 |
| 1887 | CONG TY TNHH THUONG MAI VA XNK TIEN PHAT | 12  | M00000036587 | M00000036598 |
| 1888 | CONG TY TNHH THUONG MAI VANG BAC KIM LIE | 3   | M00000144957 | M00000144959 |
| 1889 | CONG TY TNHH THUONG MAI VINH XUAN        | 1   | M00000053813 | M00000053813 |
| 1890 | CONG TY TNHH THUONG MAI YIJIA            | 10  | M00000216394 | M00000216403 |
| 1891 | CONG TY TNHH THUONG MAI LAP RAP VA SAN X | 5   | M00000059167 | M00000059171 |
| 1892 | CONG TY TNHH THUY DESIGN HOUSE           | 5   | M00000171851 | M00000171855 |
| 1893 | CONG TY TNHH THUY HAI SAN BAO NGUYET     | 1   | M00000147856 | M00000147856 |
| 1894 | CONG TY TNHH THUY TIEN BINH DUONG        | 1   | M00000202524 | M00000202524 |
| 1895 | CONG TY TNHH THUY TRAM                   | 3   | M00000113718 | M00000113720 |
| 1896 | CONG TY TNHH THY BUI                     | 12  | M00000221625 | M00000221636 |
| 1897 | CONG TY TNHH TIEN THANH                  | 11  | M00000100328 | M00000100338 |
| 1898 | CONG TY TNHH TIET U BAKERY               | 1   | M00000090589 | M00000090589 |
| 1899 | CONG TY TNHH TIN HOC THUONG MAI CONG NGH | 5   | M00000000001 | M00000000005 |
| 1900 | CONG TY TNHH TIN HOC VA THUONG MAI TRAN  | 2   | M00000055039 | M00000055040 |
| 1901 | CONG TY TNHH TIN PHAT THINH NINH THUAN   | 1   | M00000150589 | M00000150589 |
| 1902 | CONG TY TNHH TINH GIA                    | 286 | M00000103536 | M00000103821 |
| 1903 | CONG TY TNHH TISM & CO                   | 21  | M00000026990 | M00000027010 |
| 1904 | CONG TY TNHH TM - DT CHAU TIEN           | 8   | M00000156919 | M00000156926 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1905 | CONG TY TNHH TM - DV BUU CHINH DAI NAM   | 5   | M00000145727 | M00000145731 |
| 1906 | CONG TY TNHH TM - DV TAU BEN NGHE        | 8   | M00000226710 | M00000226717 |
| 1907 | CONG TY TNHH TM & DICH VU CHUNG THUYET   | 8   | M00000104696 | M00000104703 |
| 1908 | CONG TY TNHH TM & DV DAI NGAN HA         | 7   | M00000139713 | M00000139719 |
| 1909 | CONG TY TNHH TM & DV DU LICH HOANG HIEN  | 98  | M00000129671 | M00000129768 |
| 1910 | CONG TY TNHH TM & DV HAL DE BEAUTE- MINH | 1   | M00000152531 | M00000152531 |
| 1911 | CONG TY TNHH TM & DV HOANG ANH           | 14  | M00000052017 | M00000052030 |
| 1912 | CONG TY TNHH TM & DV LINH DAT            | 210 | M00000152989 | M00000153198 |
| 1913 | CONG TY TNHH TM & DV NAM HANH            | 5   | M00000069957 | M00000069961 |
| 1914 | CONG TY TNHH TM & DV SONG ANH FOODS      | 2   | M00000150390 | M00000150391 |
| 1915 | CONG TY TNHH TM & DV TAM NGOC            | 74  | M00000118917 | M00000118990 |
| 1916 | CONG TY TNHH TM & DV TONG HOP NHAN TAM   | 2   | M00000140325 | M00000140326 |
| 1917 | CONG TY TNHH TM BACH THU                 | 19  | M00000194557 | M00000194575 |
| 1918 | CONG TY TNHH TM BAT DONG SAN HUNG VIET-C | 5   | M00000105192 | M00000105196 |
| 1919 | CONG TY TNHH TM DICH VU HUONG QUAN       | 8   | M00000099373 | M00000099380 |
| 1920 | CONG TY TNHH TM DICH VU NAM SON          | 8   | M00000065191 | M00000065198 |
| 1921 | CONG TY TNHH TM DV BA MIEN               | 12  | M00000103457 | M00000103468 |
| 1922 | CONG TY TNHH TM DV BUI QUAN              | 12  | M00000140437 | M00000140448 |
| 1923 | CONG TY TNHH TM DV CLEVERLAND COFFEE     | 2   | M00000070590 | M00000070591 |
| 1924 | CONG TY TNHH TM DV DAU TU TAN PHAT       | 43  | M00000211735 | M00000211777 |
| 1925 | CONG TY TNHH TM DV DL DIAMOND HOUSE      | 2   | M00000155246 | M00000155247 |
| 1926 | CONG TY TNHH TM DV DL HOA MAT TROI       | 246 | M00000043544 | M00000043789 |
| 1927 | CONG TY TNHH TM DV DOZMY                 | 4   | M00000212561 | M00000212564 |
| 1928 | CONG TY TNHH TM DV DU LICH UT2           | 2   | M00000186206 | M00000186207 |
| 1929 | CONG TY TNHH TM DV HOANG LIEN NGA        | 17  | M00000087277 | M00000087293 |
| 1930 | CONG TY TNHH TM DV HOANG THUAT           | 5   | M00000215570 | M00000215574 |
| 1931 | CONG TY TNHH TM DV HUE CO                | 14  | M00000098810 | M00000098823 |
| 1932 | CONG TY TNHH TM DV HUNG BIEN             | 7   | M00000079999 | M00000080005 |
| 1933 | CONG TY TNHH TM DV KHACH SAN LION        | 18  | M00000081368 | M00000081385 |
| 1934 | CONG TY TNHH TM DV KNA                   | 2   | M00000136503 | M00000136504 |
| 1935 | CONG TY TNHH TM DV LE GIA HOME           | 6   | M00000156093 | M00000156098 |
| 1936 | CONG TY TNHH TM DV MISS MEKONG           | 12  | M00000192011 | M00000192022 |
| 1937 | CONG TY TNHH TM DV NAM CHAU              | 2   | M00000149410 | M00000149411 |
| 1938 | CONG TY TNHH TM DV NHA HANG THU HIEN     | 5   | M00000199006 | M00000199010 |
| 1939 | CONG TY TNHH TM DV PHU NGAN NAM          | 3   | M00000082724 | M00000082726 |
| 1940 | CONG TY TNHH TM DV SAIGON BOTTLE STORE   | 64  | M00000206327 | M00000206390 |
| 1941 | CONG TY TNHH TM DV THANG LOI             | 4   | M00000058983 | M00000058986 |
| 1942 | CONG TY TNHH TM DV THANH VY              | 62  | M00000128826 | M00000128887 |
| 1943 | CONG TY TNHH TM DV TO GIA                | 2   | M00000210151 | M00000210152 |
| 1944 | CONG TY TNHH TM DV TONG HOP HOANG GIA    | 25  | M00000140117 | M00000140141 |
| 1945 | CONG TY TNHH TM DV TONG HOP TIEN DAT     | 29  | M00000076197 | M00000076225 |
| 1946 | CONG TY TNHH TM DV TONG HOP XUAN HOA     | 30  | M00000109046 | M00000109075 |
| 1947 | CONG TY TNHH TM DV TRAN KIM PHUNG        | 3   | M00000089540 | M00000089542 |
| 1948 | CONG TY TNHH TM DV VA DAU TU THINH TIN   | 107 | M00000072295 | M00000072401 |
| 1949 | CONG TY TNHH TM DV VU KHOA               | 4   | M00000125958 | M00000125961 |
| 1950 | CONG TY TNHH TM DV XE MAY HOA THUAN      | 14  | M00000203146 | M00000203159 |
| 1951 | CONG TY TNHH TM DV XNK DAI HONG THANG    | 5   | M00000083457 | M00000083461 |
| 1952 | CONG TY TNHH TM DV XNK PHUC KHANH        | 1   | M00000140983 | M00000140983 |
| 1953 | CONG TY TNHH TM DV XNK THUY LOC          | 4   | M00000111826 | M00000111829 |
| 1954 | CONG TY TNHH TM DV YEN BEE               | 51  | M00000069193 | M00000069243 |
| 1955 | CONG TY TNHH TM KHANG THINH BN           | 32  | M00000069046 | M00000069077 |
| 1956 | CONG TY TNHH TM KIM CUONG MART           | 1   | M00000140095 | M00000140095 |
| 1957 | CONG TY TNHH TM MTV THAI DUONG           | 2   | M00000206670 | M00000206671 |
| 1958 | CONG TY TNHH TM THE GIOI TO LUA          | 2   | M00000075591 | M00000075592 |
| 1959 | CONG TY TNHH TM TONG HOP VIET SKY        | 8   | M00000065559 | M00000065566 |
| 1960 | CONG TY TNHH TM VA DICH VU DUY TAN       | 3   | M00000111749 | M00000111751 |
| 1961 | CONG TY TNHH TM VA DICH VU TNL           | 7   | M00000168358 | M00000168364 |
| 1962 | CONG TY TNHH TM VA DV BACH DAI DUNG      | 152 | M00000126180 | M00000126331 |
| 1963 | CONG TY TNHH TM VA DV BAO MINH TRANG     | 12  | M00000133391 | M00000133402 |
| 1964 | CONG TY TNHH TM VA DV BLUE SKY           | 21  | M00000063298 | M00000063318 |
| 1965 | CONG TY TNHH TM VA DV DAO LY             | 48  | M00000144104 | M00000144151 |
| 1966 | CONG TY TNHH TM VA DV DU LICH PHAT THINH | 37  | M00000125965 | M00000126001 |
| 1967 | CONG TY TNHH TM VA DV HUNG THINH VUONG   | 1   | M00000114255 | M00000114255 |
| 1968 | CONG TY TNHH TM VA DV KIM BAO            | 1   | M00000063319 | M00000063319 |
| 1969 | CONG TY TNHH TM VA DV LEMAN              | 8   | M00000037437 | M00000037444 |
| 1970 | CONG TY TNHH TM VA DV MITAI VIET NHAT    | 3   | M00000009769 | M00000009771 |
| 1971 | CONG TY TNHH TM VA DV NHA HANG SUSHI TAK | 13  | M00000059060 | M00000059072 |
| 1972 | CONG TY TNHH TM VA DV THUC PHAM SO 1     | 3   | M00000195703 | M00000195705 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 1973 | CONG TY TNHH TM VA DV TNK                | 25  | M00000147381 | M00000147405 |
| 1974 | CONG TY TNHH TM VA DV TONG HOP MANH HAI  | 2   | M00000120382 | M00000120383 |
| 1975 | CONG TY TNHH TM VA DV TRUNG VIET         | 4   | M00000059916 | M00000059919 |
| 1976 | CONG TY TNHH TM VA DV TTM                | 17  | M00000133419 | M00000133435 |
| 1977 | CONG TY TNHH TM VA DV TUAN ANH HT        | 16  | M00000139060 | M00000139075 |
| 1978 | CONG TY TNHH TM VA DV VTNN DUNG YEN      | 4   | M00000136804 | M00000136807 |
| 1979 | CONG TY TNHH TM VA DV VU MINH NHAT       | 54  | M00000061223 | M00000061276 |
| 1980 | CONG TY TNHH TM VA DV XANG DAU THAO NHI  | 12  | M00000155285 | M00000155296 |
| 1981 | CONG TY TNHH TM VA PT BAO HAN            | 7   | M00000071055 | M00000071061 |
| 1982 | CONG TY TNHH TM VA PT MANH PHAT          | 92  | M00000033202 | M00000033293 |
| 1983 | CONG TY TNHH TM VA TH TAN DUONG          | 7   | M00000104839 | M00000104845 |
| 1984 | CONG TY TNHH TM VA VTNN QUYNH TRANG      | 1   | M00000140532 | M00000140532 |
| 1985 | CONG TY TNHH TM VA XD LY HUNG ANH        | 5   | M00000155236 | M00000155240 |
| 1986 | CONG TY TNHH TM VA XD SON LONG THUAN     | 53  | M00000113146 | M00000113198 |
| 1987 | CONG TY TNHH TM VANG BAC LINH AN         | 3   | M00000135808 | M00000135810 |
| 1988 | CONG TY TNHH TM VANG BAC PHU THANH       | 19  | M00000152532 | M00000152550 |
| 1989 | CONG TY TNHH TM -VT VA DV LONG HAI       | 74  | M00000098231 | M00000098304 |
| 1990 | CONG TY TNHH TM XD DV HOANG KIM PHUC     | 2   | M00000187920 | M00000187921 |
| 1991 | CONG TY TNHH TM XUANLAN ACADEMY          | 22  | M00000222503 | M00000222524 |
| 1992 | CONG TY TNHH TM YIJA-CHI NHANH BEN CAT   | 6   | M00000216412 | M00000216417 |
| 1993 | CONG TY TNHH TM&DV CUONG THUY            | 101 | M00000074749 | M00000074849 |
| 1994 | CONG TY TNHH TM&DV THU Y THANH THAO      | 12  | M00000135767 | M00000135778 |
| 1995 | CONG TY TNHH TM&DV TONG HOP HOANG PHAT   | 58  | M00000112558 | M00000112615 |
| 1996 | CONG TY TNHH TM&DV TUNG THAN HIEP        | 48  | M00000125754 | M00000125801 |
| 1997 | CONG TY TNHH TM-DV &DL PHUC THUAN THAO   | 1   | M00000117837 | M00000117837 |
| 1998 | CONG TY TNHH TMDV 1992 BISTRO VN         | 11  | M00000226398 | M00000226408 |
| 1999 | CONG TY TNHH TMDV BAO NGAN               | 9   | M00000126171 | M00000126179 |
| 2000 | CONG TY TNHH TMDV BINH AN TRAVEL         | 41  | M00000068603 | M00000068643 |
| 2001 | CONG TY TNHH TMDV COUNTRY HOUSE          | 23  | M00000086695 | M00000086717 |
| 2002 | CONG TY TNHH TMDV DIEU VY 2              | 9   | M00000144519 | M00000144527 |
| 2003 | CONG TY TNHH TMDV DU LICH GIANG SON QUAN | 27  | M00000216517 | M00000216543 |
| 2004 | CONG TY TNHH TM-DV DUBAI                 | 6   | M00000224783 | M00000224788 |
| 2005 | CONG TY TNHH TMDV DUNG RANG              | 4   | M00000149947 | M00000149950 |
| 2006 | CONG TY TNHH TMDV HIEU DUC               | 31  | M00000136746 | M00000136776 |
| 2007 | CONG TY TNHH TMDV KENSI                  | 1   | M00000226683 | M00000226683 |
| 2008 | CONG TY TNHH TMDV KIEN TRANG             | 12  | M00000135588 | M00000135599 |
| 2009 | CONG TY TNHH TMDV KIM NGOC KHANH         | 26  | M00000192490 | M00000192515 |
| 2010 | CONG TY TNHH TMDV KING BABY              | 3   | M00000138388 | M00000138390 |
| 2011 | CONG TY TNHH TMDV KY NGHI VANG           | 61  | M00000111944 | M00000112004 |
| 2012 | CONG TY TNHH TMDV LE TAN                 | 2   | M00000087386 | M00000087387 |
| 2013 | CONG TY TNHH TMDV LUONG VAN              | 9   | M00000134960 | M00000134968 |
| 2014 | CONG TY TNHH TMDV MANH PHAT              | 4   | M00000134660 | M00000134663 |
| 2015 | CONG TY TNHH TMDV ME & BE DANG QUANG     | 219 | M00000138115 | M00000138333 |
| 2016 | CONG TY TNHH TMDV MY VANG                | 22  | M00000133462 | M00000133483 |
| 2017 | CONG TY TNHH TMDV NAM VIET AUTO          | 4   | M00000204217 | M00000204220 |
| 2018 | CONG TY TNHH TMDV NHA HANG AN THINH      | 13  | M00000216747 | M00000216759 |
| 2019 | CONG TY TNHH TMDV NHUNG SPORT            | 4   | M00000155832 | M00000155835 |
| 2020 | CONG TY TNHH TMDV PHAT TAI PHAT LOC      | 2   | M00000134341 | M00000134342 |
| 2021 | CONG TY TNHH TMDV SX AN PHAT F&B         | 146 | M00000150424 | M00000150569 |
| 2022 | CONG TY TNHH TMDV TAN MINH KHANH         | 24  | M00000137639 | M00000137662 |
| 2023 | CONG TY TNHH TMDV THANH DAI              | 10  | M00000149726 | M00000149735 |
| 2024 | CONG TY TNHH TMDV TRUONG PHAT HT         | 11  | M00000138086 | M00000138096 |
| 2025 | CONG TY TNHH TMDV TU VAN TRUONG MINH- CN | 7   | M00000114488 | M00000114494 |
| 2026 | CONG TY TNHH TMDV VA DAU TU AN HIDEAWAY  | 55  | M00000075664 | M00000075718 |
| 2027 | CONG TY TNHH TMDV VA Y TE ROMIE          | 1   | M00000203360 | M00000203360 |
| 2028 | CONG TY TNHH TMDV VI-IN SOURCING         | 1   | M00000080319 | M00000080319 |
| 2029 | CONG TY TNHH TMDV VUONG NGHI             | 8   | M00000090954 | M00000090961 |
| 2030 | CONG TY TNHH TM-DV-DT-XD TRUONG KHA      | 3   | M00000188131 | M00000188133 |
| 2031 | CONG TY TNHH TMPT NHAT AN                | 1   | M00000138369 | M00000138369 |
| 2032 | CONG TY TNHH TMS HOTEL DA NANG           | 223 | M00000014815 | M00000015037 |
| 2033 | CONG TY TNHH TMTH DUY TIEN               | 2   | M00000080723 | M00000080724 |
| 2034 | CONG TY TNHH TOKYOCAMERA VIET NAM        | 21  | M00000032019 | M00000032039 |
| 2035 | CONG TY TNHH TON DAI LOC                 | 175 | M00000119087 | M00000119261 |
| 2036 | CONG TY TNHH TON THEP HOANG THACH        | 27  | M00000136777 | M00000136803 |
| 2037 | CONG TY TNHH TON THEP HUNG THINH 1250    | 1   | M00000141310 | M00000141310 |
| 2038 | CONG TY TNHH TON THEP THIEN HUNG         | 1   | M00000156684 | M00000156684 |
| 2039 | CONG TY TNHH TON THEP VLXD THANH TUYEN   | 120 | M00000133817 | M00000133936 |
| 2040 | CONG TY TNHH TONG HOP DUNG THANH THANH   | 32  | M00000119055 | M00000119086 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2041 | CONG TY TNHH TONG HOP HOA PHAT LOC       | 3   | M00000113680 | M00000113682 |
| 2042 | CONG TY TNHH TONG HOP KHANH DAT          | 15  | M00000117838 | M00000117852 |
| 2043 | CONG TY TNHH TONG HOP TRUNG PHU          | 3   | M00000134454 | M00000134456 |
| 2044 | CONG TY TNHH TONG HOP VAN TIN            | 18  | M00000133799 | M00000133816 |
| 2045 | CONG TY TNHH TONIC                       | 18  | M00000225501 | M00000225518 |
| 2046 | CONG TY TNHH TOSCANA                     | 16  | M00000059994 | M00000060009 |
| 2047 | CONG TY TNHH TRA CHANH COM CHAY          | 5   | M00000088467 | M00000088471 |
| 2048 | CONG TY TNHH TRAI HOA                    | 1   | M00000089282 | M00000089282 |
| 2049 | CONG TY TNHH TRAM LOP TIN THANH          | 9   | M00000215275 | M00000215283 |
| 2050 | CONG TY TNHH TRAN LAM DA LAT             | 4   | M00000120032 | M00000120035 |
| 2051 | CONG TY TNHH TRAN QUANG KHAI             | 35  | M00000046199 | M00000046233 |
| 2052 | CONG TY TNHH TRANG MINH DA LAT           | 1   | M00000149972 | M00000149972 |
| 2053 | CONG TY TNHH TRANG SUC TOAN CAU GINKGO   | 770 | M00000033797 | M00000034566 |
| 2054 | CONG TY TNHH TRI PHAM                    | 76  | M00000019167 | M00000019242 |
| 2055 | CONG TY TNHH TROPICAL COFFEE ENTERTAINME | 4   | M00000129052 | M00000129055 |
| 2056 | CONG TY TNHH TRUMVPS                     | 7   | M00000059710 | M00000059716 |
| 2057 | CONG TY TNHH TRUNG TAM QUOC TE KHOA HOC  | 28  | M00000100261 | M00000100288 |
| 2058 | CONG TY TNHH TRUNG THUAN PT              | 6   | M00000150384 | M00000150389 |
| 2059 | CONG TY TNHH TRUONG HAI TOURIST          | 26  | M00000065463 | M00000065488 |
| 2060 | CONG TY TNHH TRUONG THANH TC             | 21  | M00000069244 | M00000069264 |
| 2061 | CONG TY TNHH TRUWELL                     | 7   | M00000093376 | M00000093382 |
| 2062 | CONG TY TNHH TTD VIET NAM                | 1   | M00000005006 | M00000005006 |
| 2063 | CONG TY TNHH TTD86                       | 1   | M00000063266 | M00000063266 |
| 2064 | CONG TY TNHH TU VAN A AU                 | 48  | M00000098057 | M00000098104 |
| 2065 | CONG TY TNHH TU VAN THIET KE & XAY DUNG  | 10  | M00000134791 | M00000134800 |
| 2066 | CONG TY TNHH TU VAN VA DAO TAO SPA TINH  | 2   | M00000042745 | M00000042746 |
| 2067 | CONG TY TNHH TU VAN VA DAU TU MIRAI ASIA | 1   | M00000084513 | M00000084513 |
| 2068 | CONG TY TNHH TU VAN VA DICH VU HONG THIE | 6   | M00000086958 | M00000086963 |
| 2069 | CONG TY TNHH TU VAN VA PT GIAO DUC RED   | 10  | M00000015368 | M00000015377 |
| 2070 | CONG TY TNHH TUAN TU                     | 2   | M00000117508 | M00000117509 |
| 2071 | CONG TY TNHH TUANA HOTELS                | 16  | M00000154010 | M00000154025 |
| 2072 | CONG TY TNHH TUE NHI BH                  | 12  | M00000153895 | M00000153906 |
| 2073 | CONG TY TNHH TUYET NGAN VU               | 6   | M00000086674 | M00000086679 |
| 2074 | CONG TY TNHH TUYET VINH                  | 50  | M00000104559 | M00000104608 |
| 2075 | CONG TY TNHH TVC PICKLEBALL VIET NAM     | 2   | M00000043341 | M00000043342 |
| 2076 | CONG TY TNHH UNAGI VIETNAM               | 31  | M00000219207 | M00000219237 |
| 2077 | CONG TY TNHH UT KIET                     | 4   | M00000208461 | M00000208464 |
| 2078 | CONG TY TNHH UY TIN HOANG SON            | 10  | M00000144219 | M00000144228 |
| 2079 | CONG TY TNHH UYEN NGO BEAUTY             | 90  | M00000084793 | M00000084882 |
| 2080 | CONG TY TNHH V ENTERPRISES               | 52  | M00000030844 | M00000030895 |
| 2081 | CONG TY TNHH V WELLNESS                  | 6   | M00000032069 | M00000032074 |
| 2082 | CONG TY TNHH VAN GIAI NHA VIEN           | 11  | M00000226135 | M00000226145 |
| 2083 | CONG TY TNHH VAN HOMES                   | 20  | M00000133769 | M00000133788 |
| 2084 | CONG TY TNHH VAN LONG MART               | 3   | M00000210455 | M00000210457 |
| 2085 | CONG TY TNHH VAN LONG PHAT               | 2   | M00000195442 | M00000195443 |
| 2086 | CONG TY TNHH VAN PHAT JEWELRY            | 6   | M00000218874 | M00000218879 |
| 2087 | CONG TY TNHH VAN TAI LOGISTICS KAI FENG  | 11  | M00000219931 | M00000219941 |
| 2088 | CONG TY TNHH VAN TAI PHUONG HUNG PHU THO | 2   | M00000076573 | M00000076574 |
| 2089 | CONG TY TNHH VAN TAI THAO MANH HUNG      | 2   | M00000143833 | M00000143834 |
| 2090 | CONG TY TNHH VAN TAI VA TM THUAN LOI     | 1   | M00000113707 | M00000113707 |
| 2091 | CONG TY TNHH VANG 62                     | 1   | M00000209061 | M00000209061 |
| 2092 | CONG TY TNHH VANG BAC DA QUY HUONG CHI   | 57  | M00000075247 | M00000075303 |
| 2093 | CONG TY TNHH VANG BAC DA QUY KIM DANG    | 39  | M00000091753 | M00000091791 |
| 2094 | CONG TY TNHH VANG BAC DA QUY KIM GIA THI | 113 | M00000132433 | M00000132545 |
| 2095 | CONG TY TNHH VANG BAC DA QUY KIM HOAN AL | 49  | M00000144465 | M00000144513 |
| 2096 | CONG TY TNHH VANG BAC DA QUY KIM PHUC KH | 12  | M00000215695 | M00000215706 |
| 2097 | CONG TY TNHH VANG BAC DA QUY MAO THIET   | 2   | M00000050997 | M00000050998 |
| 2098 | CONG TY TNHH VANG BAC DA QUY PHU HUE     | 2   | M00000133719 | M00000133720 |
| 2099 | CONG TY TNHH VANG BAC DINH NHUONG        | 229 | M00000069712 | M00000069940 |
| 2100 | CONG TY TNHH VANG BAC HANG CHAU          | 472 | M00000143287 | M00000143758 |
| 2101 | CONG TY TNHH VANG BAC H-KHAI             | 923 | M00000154313 | M00000155235 |
| 2102 | CONG TY TNHH VANG BAC H-KHAI HOANG       | 204 | M00000156305 | M00000156508 |
| 2103 | CONG TY TNHH VANG BAC HOANG DIEU 2       | 21  | M00000062503 | M00000062523 |
| 2104 | CONG TY TNHH VANG BAC HUY HOANG          | 618 | M00000142476 | M00000143093 |
| 2105 | CONG TY TNHH VANG BAC HUYEN HUNG         | 43  | M00000109387 | M00000109429 |
| 2106 | CONG TY TNHH VANG BAC HUYNH HUONG        | 2   | M00000100201 | M00000100202 |
| 2107 | CONG TY TNHH VANG BAC HUYNH HUONG TUYEN  | 4   | M00000111611 | M00000111614 |
| 2108 | CONG TY TNHH VANG BAC KIM NGUYEN         | 11  | M00000112452 | M00000112462 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2109 | CONG TY TNHH VANG BAC KIM THANH KHANH    | 17  | M00000200089 | M00000200105 |
| 2110 | CONG TY TNHH VANG BAC NGHIA TIN          | 18  | M00000140962 | M00000140979 |
| 2111 | CONG TY TNHH VANG BAC NGOC NINH 6        | 52  | M00000149420 | M00000149471 |
| 2112 | CONG TY TNHH VANG BAC PHONG HONG         | 10  | M00000141477 | M00000141486 |
| 2113 | CONG TY TNHH VANG BAC PHU NGUYEN TAM     | 371 | M00000136132 | M00000136502 |
| 2114 | CONG TY TNHH VANG BAC PHUONG XUAN        | 111 | M00000141330 | M00000141440 |
| 2115 | CONG TY TNHH VANG BAC QUANG HUONG        | 191 | M00000053814 | M00000054004 |
| 2116 | CONG TY TNHH VANG BAO VIET               | 186 | M00000069487 | M00000069672 |
| 2117 | CONG TY TNHH VANG DA QUY KIM KIM THANH K | 31  | M00000084611 | M00000084641 |
| 2118 | CONG TY TNHH VAT LIEU VA XAY DUNG A-Z    | 4   | M00000065304 | M00000065307 |
| 2119 | CONG TY TNHH VAT TU DIEN LANH AN PHAT    | 8   | M00000070547 | M00000070554 |
| 2120 | CONG TY TNHH VENUS GAME COOPERATION      | 108 | M00000120579 | M00000120686 |
| 2121 | CONG TY TNHH VHAN GROUP                  | 1   | M00000218096 | M00000218096 |
| 2122 | CONG TY TNHH VI TINH DONG NAI            | 3   | M00000080137 | M00000080139 |
| 2123 | CONG TY TNHH VIEN THONG HOANG NAM        | 2   | M00000097414 | M00000097415 |
| 2124 | CONG TY TNHH VIEN THONG Q.V.T.C          | 24  | M00000110844 | M00000110867 |
| 2125 | CONG TY TNHH VIET CARMEN                 | 36  | M00000159360 | M00000159395 |
| 2126 | CONG TY TNHH VIET HAN - BON VINA         | 7   | M00000057273 | M00000057279 |
| 2127 | CONG TY TNHH VINA F&B                    | 71  | M00000200001 | M00000200071 |
| 2128 | CONG TY TNHH VINEGRETTE 1 GOURMET        | 10  | M00000139612 | M00000139621 |
| 2129 | CONG TY TNHH VINH CUONG                  | 7   | M00000099824 | M00000099830 |
| 2130 | CONG TY TNHH VINH LE                     | 1   | M00000192336 | M00000192336 |
| 2131 | CONG TY TNHH VINH NGUYEN HUNG            | 20  | M00000113339 | M00000113358 |
| 2132 | CONG TY TNHH VINH PHAT QUY NHON          | 4   | M00000117558 | M00000117561 |
| 2133 | CONG TY TNHH VINH THACH TRUONG SON       | 1   | M00000109242 | M00000109242 |
| 2134 | CONG TY TNHH VINH THUY                   | 4   | M00000104638 | M00000104641 |
| 2135 | CONG TY TNHH VINH XUAN                   | 4   | M00000101026 | M00000101029 |
| 2136 | CONG TY TNHH VINMIK VIET NAM             | 1   | M00000209719 | M00000209719 |
| 2137 | CONG TY TNHH VIOME SOLUTIONS             | 2   | M00000043810 | M00000043811 |
| 2138 | CONG TY TNHH VIP KIM DUNG                | 1   | M00000209159 | M00000209159 |
| 2139 | CONG TY TNHH VLXD HOANG LAN              | 3   | M00000127631 | M00000127633 |
| 2140 | CONG TY TNHH VLXD KHANH NGAN             | 3   | M00000090808 | M00000090810 |
| 2141 | CONG TY TNHH VLXD THINH PHAT VP          | 8   | M00000072403 | M00000072410 |
| 2142 | CONG TY TNHH VLXD TRUONG TAN             | 47  | M00000134375 | M00000134421 |
| 2143 | CONG TY TNHH VLXD-TTNT HO PHONG          | 1   | M00000089310 | M00000089310 |
| 2144 | CONG TY TNHH VO THUAT VIET NAM K.O       | 11  | M00000223649 | M00000223659 |
| 2145 | CONG TY TNHH VOU CAFE EATERY             | 34  | M00000024665 | M00000024698 |
| 2146 | CONG TY TNHH VTI EDUCATION               | 3   | M00000021760 | M00000021762 |
| 2147 | CONG TY TNHH VTM DR.LINH CLINIC          | 2   | M00000213977 | M00000213978 |
| 2148 | CONG TY TNHH VU THAI QUYNH               | 1   | M00000204415 | M00000204415 |
| 2149 | CONG TY TNHH VUNG TAU AUTO               | 8   | M00000209176 | M00000209183 |
| 2150 | CONG TY TNHH VUONG NGOC LUCIES           | 2   | M00000032129 | M00000032130 |
| 2151 | CONG TY TNHH WABE SABE                   | 11  | M00000197518 | M00000197528 |
| 2152 | CONG TY TNHH WAKANA                      | 2   | M00000188295 | M00000188296 |
| 2153 | CONG TY TNHH WELL TOUCH                  | 2   | M00000032227 | M00000032228 |
| 2154 | CONG TY TNHH WINKEY MEDICAL              | 61  | M00000215984 | M00000216044 |
| 2155 | CONG TY TNHH WJCD                        | 2   | M00000060852 | M00000060853 |
| 2156 | CONG TY TNHH WONDER KITCHEN-CN NHA HANG  | 13  | M00000199639 | M00000199651 |
| 2157 | CONG TY TNHH XANG DAU HOA SEN            | 6   | M00000128730 | M00000128735 |
| 2158 | CONG TY TNHH XANG DAU LONG BINH          | 1   | M00000097989 | M00000097989 |
| 2159 | CONG TY TNHH XANG DAU PHUOC TOAN         | 52  | M00000077730 | M00000077781 |
| 2160 | CONG TY TNHH XANH PHO HIEN               | 49  | M00000066569 | M00000066617 |
| 2161 | CONG TY TNHH XAY DUNG THUONG MAI TOAN TI | 14  | M00000036477 | M00000036490 |
| 2162 | CONG TY TNHH XAY DUNG THUONG MAI VA DU L | 171 | M00000119435 | M00000119605 |
| 2163 | CONG TY TNHH XAY DUNG VA THUONG MAI DUNG | 1   | M00000139140 | M00000139140 |
| 2164 | CONG TY TNHH XD TM & DV MTV MONA LISA VN | 2   | M00000113716 | M00000113717 |
| 2165 | CONG TY TNHH XD VA TM NAM LONG KON TUM   | 5   | M00000113708 | M00000113712 |
| 2166 | CONG TY TNHH XDTM QUANG MINH             | 3   | M00000133403 | M00000133405 |
| 2167 | CONG TY TNHH XE MAY NHAP KHAU DUY HUNG   | 43  | M00000197579 | M00000197621 |
| 2168 | CONG TY TNHH XIEM ANH                    | 58  | M00000043256 | M00000043313 |
| 2169 | CONG TY TNHH XNK DAU NHOT THANH GIANG    | 5   | M00000078932 | M00000078936 |
| 2170 | CONG TY TNHH XNK HOA CHAT MIEN BAC D.A.P | 5   | M00000046984 | M00000046988 |
| 2171 | CONG TY TNHH XNK THUONG MAI MINH HA      | 21  | M00000024700 | M00000024720 |
| 2172 | CONG TY TNHH XNK TM KOREA LIGHTING       | 1   | M00000091307 | M00000091307 |
| 2173 | CONG TY TNHH XNK VA DAU TU KIM ANH       | 57  | M00000113613 | M00000113669 |
| 2174 | CONG TY TNHH XNK VA DICH VU ANH MINH     | 389 | M00000026382 | M00000026770 |
| 2175 | CONG TY TNHH XNK VIETTRANSIMEX           | 14  | M00000036491 | M00000036504 |
| 2176 | CONG TY TNHH XOI YEN                     | 31  | M00000035712 | M00000035742 |



|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2177 | CONG TY TNHH XUAT NHAP KHAU AB AUTO      | 2   | M00000187804 | M00000187805 |
| 2178 | CONG TY TNHH XUAT NHAP KHAU AGRIVIVA     | 2   | M00000071508 | M00000071509 |
| 2179 | CONG TY TNHH XUAT NHAP KHAU BIEN VIET    | 15  | M00000194673 | M00000194687 |
| 2180 | CONG TY TNHH XUAT NHAP KHAU EDISON       | 62  | M00000058834 | M00000058895 |
| 2181 | CONG TY TNHH XUAT NHAP KHAU VA TM MOMAI  | 17  | M00000200987 | M00000201003 |
| 2182 | CONG TY TNHH XUC TIEN DU LICH AN BINH    | 15  | M00000009918 | M00000009932 |
| 2183 | CONG TY TNHH XUC TIEN THUONG MAI VA XAY  | 2   | M00000049352 | M00000049353 |
| 2184 | CONG TY TNHH Y HOC TRUONG THO            | 30  | M00000061078 | M00000061107 |
| 2185 | CONG TY TNHH Y KHOA TAM PHUC BINH DUONG  | 1   | M00000200323 | M00000200323 |
| 2186 | CONG TY TNHH Y KHOA VA THAM MY NCB       | 10  | M00000214447 | M00000214456 |
| 2187 | CONG TY TNHH Y TE DAT THANG              | 4   | M00000147459 | M00000147462 |
| 2188 | CONG TY TNHH Y TE STAMFORD               | 22  | M00000167322 | M00000167343 |
| 2189 | CONG TY TNHH YANGOO GROUP                | 2   | M00000046795 | M00000046796 |
| 2190 | CONG TY TNHH YEN QUY                     | 1   | M00000070546 | M00000070546 |
| 2191 | CONG TY TNHH YEN SA                      | 46  | M00000026320 | M00000026365 |
| 2192 | CONG TY TNHH YMR                         | 1   | M00000059004 | M00000059004 |
| 2193 | CONG TY TNHH YOLO VIET NAM               | 2   | M00000046620 | M00000046621 |
| 2194 | CONG TY TNHH YOUNG CARE                  | 5   | M00000044508 | M00000044512 |
| 2195 | CONG TY TNHH YUE HAO VIET NAM            | 3   | M00000054726 | M00000054728 |
| 2196 | CONG TY TNHH YUMMY VN                    | 32  | M00000021619 | M00000021650 |
| 2197 | CONG TY TNHH ZACHI FOODS                 | 2   | M00000084280 | M00000084281 |
| 2198 | CONG TY TNHH ZERA7                       | 1   | M00000028398 | M00000028398 |
| 2199 | CONG TY TNHH ZHANG SCREEN GOLF           | 1   | M00000059868 | M00000059868 |
| 2200 | CONG TY TNHH ZHENG YUANYUAN              | 28  | M00000218833 | M00000218860 |
| 2201 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN BINITIS      | 4   | M00000106714 | M00000106717 |
| 2202 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN DAU TU VA PH | 54  | M00000032075 | M00000032128 |
| 2203 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN DISB         | 7   | M00000108254 | M00000108260 |
| 2204 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN HABANA SPA   | 1   | M00000206761 | M00000206761 |
| 2205 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN ISN-JUTEC    | 1   | M00000015109 | M00000015109 |
| 2206 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN MTV TRUNG TH | 116 | M00000132193 | M00000132308 |
| 2207 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN RUOU NGON    | 3   | M00000104707 | M00000104709 |
| 2208 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI A | 42  | M00000214380 | M00000214421 |
| 2209 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN TRAN BINH GI | 2   | M00000133633 | M00000133634 |
| 2210 | CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN VICTORIA HOI | 379 | M00000096854 | M00000097232 |
| 2211 | CONGTY TNHH THUONG MAI DICH VU HAU GIANG | 6   | M00000167228 | M00000167233 |
| 2212 | CONSULATE GENERAL OF FRANCE              | 2   | M00000156962 | M00000156963 |
| 2213 | CPS CHAPS                                | 4   | M00000113683 | M00000113686 |
| 2214 | CT TNHH DV VA TM HUNG MINH               | 10  | M00000069943 | M00000069952 |
| 2215 | CT CO PHAN BAO ANH ANH                   | 7   | M00000182629 | M00000182635 |
| 2216 | CT CO PHAN DAU TU BAO THACH              | 54  | M00000164359 | M00000164412 |
| 2217 | CT CO PHAN DAU TU DU LICH HUE            | 54  | M00000102378 | M00000102431 |
| 2218 | CT CO PHAN DICH VU THUONG MAI 3AE        | 104 | M00000050486 | M00000050589 |
| 2219 | CT CO PHAN DKH-HOLDINGS                  | 5   | M00000017500 | M00000017504 |
| 2220 | CT CO PHAN DMARIS PHU MY HUNG            | 197 | M00000181480 | M00000181676 |
| 2221 | CT CO PHAN DU LICH VNIMPRESSIVETOURS     | 2   | M00000030834 | M00000030835 |
| 2222 | CT CO PHAN EM VIET NAM                   | 1   | M00000187458 | M00000187458 |
| 2223 | CT CO PHAN NHA HANG YEEBO                | 38  | M00000157675 | M00000157712 |
| 2224 | CT CO PHAN PIZZA 4PS                     | 2   | M00000169231 | M00000169232 |
| 2225 | CT CO PHAN QUAN LY KHACH SAN THE GIOI    | 37  | M00000017463 | M00000017499 |
| 2226 | CT CO PHAN SAN GON DAI LAI               | 152 | M00000051451 | M00000051602 |
| 2227 | CT CO PHAN SAO MAI SAI GON               | 7   | M00000159717 | M00000159723 |
| 2228 | CT CO PHAN SQ PLASTICS                   | 54  | M00000053007 | M00000053060 |
| 2229 | CT CO PHAN THAI HOA PHU                  | 11  | M00000104120 | M00000104130 |
| 2230 | CT CO PHAN TMDV PHUC LAM MON             | 1   | M00000071834 | M00000071834 |
| 2231 | CT CO PHAN VAN TAI QUOC TE HUU NGHI EXPR | 2   | M00000074273 | M00000074274 |
| 2232 | CT CO PHAN VAN XUAN                      | 8   | M00000114782 | M00000114789 |
| 2233 | CT CO PHAN VIET HEALTHY                  | 7   | M00000013836 | M00000013842 |
| 2234 | CT CO PHAN Y KHOA PHUOC THINH SAI GON    | 1   | M00000079941 | M00000079941 |
| 2235 | CT CP ALPHA APPAREL GROUP                | 31  | M00000192347 | M00000192377 |
| 2236 | CT CP AMAI SAIGON                        | 43  | M00000186065 | M00000186107 |
| 2237 | CT CP AMERICANO COFFEE                   | 405 | M00000190519 | M00000190923 |
| 2238 | CT CP AT HOANG CAU                       | 34  | M00000017672 | M00000017705 |
| 2239 | CT CP AT LANG AM THUC                    | 5   | M00000225467 | M00000225471 |
| 2240 | CT CP BAI BIEN NANG TIEN CA              | 11  | M00000184467 | M00000184477 |
| 2241 | CT CP BANH NGOT THU HUONG                | 1   | M00000008699 | M00000008699 |
| 2242 | CT CP BAO TON & PT DL BAT TRANG          | 27  | M00000050723 | M00000050749 |
| 2243 | CT CP BENH VIEN DA KHOA NAM ANH          | 5   | M00000172308 | M00000172312 |
| 2244 | CT CP BENH VIEN MAT QUOC TE ANH DUONG    | 210 | M00000027125 | M00000027334 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2245 | CT CP BENH VIEN QUOC TE KAIYEN           | 6   | M00000181183 | M00000181188 |
| 2246 | CT CP BENH VIEN TE BAO GOC PARKWAY CARE  | 1   | M00000207781 | M00000207781 |
| 2247 | CT CP BENH VIEN THU Y SAOVET TRUNG UONG  | 1   | M00000026934 | M00000026934 |
| 2248 | CT CP BIEN XANH HLT                      | 6   | M00000120052 | M00000120057 |
| 2249 | CT CP BINH AN                            | 2   | M00000000442 | M00000000443 |
| 2250 | CT CP BV PHAU THUAT THAM MY-RANG HAM MAT | 221 | M00000180948 | M00000181168 |
| 2251 | CT CP CAM RANH RIVIERA RESORT            | 486 | M00000102474 | M00000102959 |
| 2252 | CT CP CANH NUOC                          | 14  | M00000009368 | M00000009381 |
| 2253 | CT CP CAU KIEN BE TONG K168              | 6   | M00000074378 | M00000074383 |
| 2254 | CT CP CHE BIEN LAM THUY SAN KHANH HOA    | 1   | M00000096496 | M00000096496 |
| 2255 | CT CP CHE YEN NHA TRANG                  | 8   | M00000152755 | M00000152762 |
| 2256 | CT CP CHEZ NOUS                          | 72  | M00000169507 | M00000169578 |
| 2257 | CT CP CHIC-LAND                          | 2   | M00000011563 | M00000011564 |
| 2258 | CT CP CHK HOSPITALITY                    | 11  | M00000074245 | M00000074255 |
| 2259 | CT CP CONG NGHE BEAUTY WORLD             | 6   | M00000060079 | M00000060084 |
| 2260 | CT CP CONG NGHE HENO                     | 4   | M00000208469 | M00000208472 |
| 2261 | CT CP CONG NGHE OTO UY TIN               | 2   | M00000013383 | M00000013384 |
| 2262 | CT CP CSD LAND                           | 5   | M00000080672 | M00000080676 |
| 2263 | CT CP DAO TAO AIMACADEMY                 | 2   | M00000171270 | M00000171271 |
| 2264 | CT CP DAO TAO TAM TRI LUC                | 2   | M00000182735 | M00000182736 |
| 2265 | CT CP DAO TAO TU VAN PDCA VUNG TAU       | 1   | M00000205689 | M00000205689 |
| 2266 | CT CP DAO TAO VA CUNG UNG NHAN LUC HOANG | 6   | M00000055144 | M00000055149 |
| 2267 | CT CP DAU TU BINH THUAN                  | 4   | M00000097990 | M00000097993 |
| 2268 | CT CP DAU TU CON SON                     | 74  | M00000194593 | M00000194666 |
| 2269 | CT CP DAU TU DU LICH NGUYEN QUYEN        | 179 | M00000114601 | M00000114779 |
| 2270 | CT CP DAU TU DV BDS HANAH HOMETEL        | 4   | M00000032319 | M00000032322 |
| 2271 | CT CP DAU TU MY DUC                      | 12  | M00000108313 | M00000108324 |
| 2272 | CT CP DAU TU PHAT TRIEN DU LICH XANH     | 60  | M00000012774 | M00000012833 |
| 2273 | CT CP DAU TU QUOC TE TINH HOA            | 31  | M00000171074 | M00000171104 |
| 2274 | CT CP DAU TU THANH LINH QUY NHON         | 11  | M00000104817 | M00000104827 |
| 2275 | CT CP DAU TU THIET KE VA XAY DUNG HOA KY | 15  | M00000049899 | M00000049913 |
| 2276 | CT CP DAU TU TM DV THANH PHO XANH        | 28  | M00000013639 | M00000013666 |
| 2277 | CT CP DAU TU VA DICH VU A&T SERVICES     | 3   | M00000220672 | M00000220674 |
| 2278 | CT CP DAU TU VA DICH VU CANG HANG KHONG  | 10  | M00000167986 | M00000167995 |
| 2279 | CT CP DAU TU VA DICH VU TAN PHAT DAT     | 2   | M00000019305 | M00000019306 |
| 2280 | CT CP DAU TU VA PT GIAO DUC DUONG MAI    | 4   | M00000063711 | M00000063714 |
| 2281 | CT CP DAU TU VA THUONG MAI PHUC KHANG    | 28  | M00000013387 | M00000013414 |
| 2282 | CT CP DAU TU VE NGUON                    | 2   | M00000166488 | M00000166489 |
| 2283 | CT CP DFURNI                             | 1   | M00000169212 | M00000169212 |
| 2284 | CT CP DICH VU & AM THUC PHO 79           | 13  | M00000217315 | M00000217327 |
| 2285 | CT CP DICH VU CIRCO                      | 5   | M00000170900 | M00000170904 |
| 2286 | CT CP DICH VU DU LICH & THUONG MAI TST   | 21  | M00000158632 | M00000158652 |
| 2287 | CT CP DICH VU EZY                        | 1   | M00000168558 | M00000168558 |
| 2288 | CT CP DICH VU HANG KHONG HPQ             | 26  | M00000105197 | M00000105222 |
| 2289 | CT CP DICH VU VA THUONG MAI THAI PHU TAI | 6   | M00000111527 | M00000111532 |
| 2290 | CT CP DL HUE                             | 1   | M00000099439 | M00000099439 |
| 2291 | CT CP DL QT HANH TRINH CHAU A            | 1   | M00000000757 | M00000000757 |
| 2292 | CT CP DL VINH THIEN NGA                  | 8   | M00000014554 | M00000014561 |
| 2293 | CT CP DONA                               | 1   | M00000078312 | M00000078312 |
| 2294 | CT CP DT & XD 3TC                        | 33  | M00000009335 | M00000009367 |
| 2295 | CT CP DT PHAT TRIEN GIAO THONG DAI PHAT  | 149 | M00000129497 | M00000129645 |
| 2296 | CT CP DT PHAT TRIEN VA DV DL BAO LONG    | 66  | M00000158188 | M00000158253 |
| 2297 | CT CP DT TAM DAO                         | 88  | M00000049409 | M00000049496 |
| 2298 | CT CP DT TM & DICH VU VAN TAI DUC PHUC   | 22  | M00000057643 | M00000057664 |
| 2299 | CT CP DT TM VA DL XUAN MINH              | 32  | M00000016182 | M00000016213 |
| 2300 | CT CP DT TM&DICH VU THU DO               | 2   | M00000006331 | M00000006332 |
| 2301 | CT CP DT VA PT CONG NGHE MSC VIET NAM    | 121 | M00000024335 | M00000024455 |
| 2302 | CT CP DT VA PT SUNKIDS GOLD VIET NAM     | 1   | M00000060050 | M00000060050 |
| 2303 | CT CP DT XAY DUNG TM DV KY THUAT H & V   | 2   | M00000165821 | M00000165822 |
| 2304 | CT CP DT&PT HA TANG PPC AN THINH VN      | 148 | M00000015166 | M00000015313 |
| 2305 | CT CP DTU VA QLY TS PCLAND-CN T.NGUYEN   | 4   | M00000059107 | M00000059110 |
| 2306 | CT CP DU LICH - THUONG MAI HOA GIANG     | 15  | M00000078192 | M00000078206 |
| 2307 | CT CP DU LICH & KHACH SAN HOANG DUONG    | 94  | M00000016229 | M00000016322 |
| 2308 | CT CP DU LICH & THUONG MAI CONG THANG    | 23  | M00000105383 | M00000105405 |
| 2309 | CT CP DU LICH BAC LIEU                   | 3   | M00000077575 | M00000077577 |
| 2310 | CT CP DU LICH KHACH SAN HOANG YEN        | 8   | M00000097777 | M00000097784 |
| 2311 | CT CP DU LICH TAN PHU                    | 118 | M00000005018 | M00000005135 |
| 2312 | CT CP DU LICH THIEN NHIEU                | 22  | M00000158609 | M00000158630 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2313 | CT CP DU LICH TIEN GIANG                 | 33  | M00000078950 | M00000078982 |
| 2314 | CT CP DUONG SONG ME KONG                 | 13  | M00000160546 | M00000160558 |
| 2315 | CT CP DV - BENH VIEN DK QT THIEN DUC     | 30  | M00000012231 | M00000012260 |
| 2316 | CT CP DV GIAI TRI NHA HANG CHAMPION SPOR | 7   | M00000224000 | M00000224006 |
| 2317 | CT CP DV GIAI TRI NHA HANG SAHARA        | 33  | M00000224008 | M00000224040 |
| 2318 | CT CP DV KS KIM THANH-CN SONG HAN DA NAN | 3   | M00000114495 | M00000114497 |
| 2319 | CT CP DV PP THOP QTE                     | 764 | M00000160991 | M00000161754 |
| 2320 | CT CP DV TM NEWSO SKIN                   | 66  | M00000194491 | M00000194556 |
| 2321 | CT CP DV TU VAN GD VA DAO TAO S.E.T      | 5   | M00000203400 | M00000203404 |
| 2322 | CT CP DV Y TE BENH VIEN AU CO            | 35  | M00000164020 | M00000164054 |
| 2323 | CT CP E.KLM                              | 55  | M00000000981 | M00000001035 |
| 2324 | CT CP EDUCATION ELEVATION VIET NAM       | 2   | M00000039542 | M00000039543 |
| 2325 | CT CP GIAO DUC AN DONG                   | 1   | M00000159925 | M00000159925 |
| 2326 | CT CP GIAO DUC FUJIKIDS                  | 1   | M00000052794 | M00000052794 |
| 2327 | CT CP GIAO DUC POPODOO QUOC DAT          | 1   | M00000005005 | M00000005005 |
| 2328 | CT CP GIAO DUC QUOC TE BLUE RIDGE        | 91  | M00000189225 | M00000189315 |
| 2329 | CT CP GIAO DUC TAN DAI PHAT HA TINH      | 13  | M00000115031 | M00000115043 |
| 2330 | CT CP GIAO DUC TOAN CAU IEG              | 13  | M00000183505 | M00000183517 |
| 2331 | CT CP GLOBAL EDUCATION SOLUTIONS         | 23  | M00000163591 | M00000163613 |
| 2332 | CT CP GOOD DAY HOSPITALITY               | 9   | M00000170905 | M00000170913 |
| 2333 | CT CP HAI TRINH DI SAN                   | 10  | M00000039583 | M00000039592 |
| 2334 | CT CP HE THONG NHA SACH LAC HONG         | 47  | M00000219738 | M00000219784 |
| 2335 | CT CP HOAN CAU RESORT VINH KIM CUONG     | 79  | M00000102168 | M00000102246 |
| 2336 | CT CP KHACH SAN HUU NGHII                | 1   | M00000096486 | M00000096486 |
| 2337 | CT CP KHAN HOANG                         | 11  | M00000015121 | M00000015131 |
| 2338 | CT CP KIDZONE EDUCATION                  | 9   | M00000166078 | M00000166086 |
| 2339 | CT CP KIMS LIVING                        | 4   | M00000034567 | M00000034570 |
| 2340 | CT CP KINH DOANH DICH VU THIEN NGAN      | 76  | M00000008185 | M00000008260 |
| 2341 | CT CP K-MEDICAL GROUP                    | 4   | M00000225712 | M00000225715 |
| 2342 | CT CP KT- CN NONG NGHIEP ANH PHAT        | 14  | M00000113687 | M00000113700 |
| 2343 | CT CP LAMSCOOTER                         | 16  | M00000193900 | M00000193915 |
| 2344 | CT CP LANGUAGE LINK VIET NAM             | 7   | M00000000493 | M00000000499 |
| 2345 | CT CP LIBRA NHA TRANG                    | 9   | M00000124801 | M00000124809 |
| 2346 | CT CP LUNE PRODUCTION                    | 12  | M00000191477 | M00000191488 |
| 2347 | CT CP MANG TRUYEN THONG QUOC TE          | 4   | M00000158690 | M00000158693 |
| 2348 | CT CP MY PHAM HONG XINH                  | 3   | M00000191658 | M00000191660 |
| 2349 | CT CP NGOI SAO THIEN HA                  | 31  | M00000002037 | M00000002067 |
| 2350 | CT CP NGUYEN PHAT HA NOI                 | 31  | M00000014248 | M00000014278 |
| 2351 | CT CP NHA KHOA BINH AN                   | 44  | M00000169164 | M00000169207 |
| 2352 | CT CP NHA KHOA CAM TU                    | 80  | M00000165368 | M00000165447 |
| 2353 | CT CP NHA KHOA MOT CHAM SOC              | 75  | M00000198693 | M00000198767 |
| 2354 | CT CP NHA KHOA VA CHAM SOC VE DEP VIET   | 1   | M00000037436 | M00000037436 |
| 2355 | CT CP NHA TRANG BAY                      | 160 | M00000114816 | M00000114975 |
| 2356 | CT CP NHUNG TRE EM VANG                  | 18  | M00000161834 | M00000161851 |
| 2357 | CT CP NOI THAT PHU AN                    | 1   | M00000009869 | M00000009869 |
| 2358 | CT CP NONG NGHIEP FARMCARE               | 48  | M00000074893 | M00000074940 |
| 2359 | CT CP NORA                               | 1   | M00000169284 | M00000169284 |
| 2360 | CT CP O PLANT - BASED FOOD               | 1   | M00000203849 | M00000203849 |
| 2361 | CT CP ONELOVE CATERING                   | 1   | M00000197405 | M00000197405 |
| 2362 | CT CP PARIS GATEAUX VN                   | 87  | M00000013081 | M00000013167 |
| 2363 | CT CP PHAN PHOI DUNG CU THE THAO TL      | 7   | M00000015550 | M00000015556 |
| 2364 | CT CP PHAT HANH SACH DONG NAI            | 50  | M00000078230 | M00000078279 |
| 2365 | CT CP PHAT TRIEN LUA VAN PHUC            | 2   | M00000011573 | M00000011574 |
| 2366 | CT CP PHAT TRIEN TRI THUC VIET           | 74  | M00000079105 | M00000079178 |
| 2367 | CT CP PHONG KHAM DA KHOA QUOC TE VIET MY | 3   | M00000119380 | M00000119382 |
| 2368 | CT CP PONAGA                             | 4   | M00000102134 | M00000102137 |
| 2369 | CT CP PRODIGY PACIFIC VIET NAM           | 7   | M00000008503 | M00000008509 |
| 2370 | CT CP PT DT & DVU VIET NHAT              | 23  | M00000002068 | M00000002090 |
| 2371 | CT CP PT GD BRITISH ACADEMY VIET NAM     | 5   | M00000187504 | M00000187508 |
| 2372 | CT CP PT GIAO DUC QUOC TE DONG DUONG     | 233 | M00000195936 | M00000196168 |
| 2373 | CT CP QL DV CAO CAP DOI NGOC SAPA        | 84  | M00000051335 | M00000051418 |
| 2374 | CT CP QUAN LY KHACH SAN EHG VIET NAM     | 29  | M00000200826 | M00000200854 |
| 2375 | CT CP QUOC TE DT VA PT CN THANH CONG     | 16  | M00000009800 | M00000009815 |
| 2376 | CT CP ROXY VIET NAM                      | 401 | M00000020770 | M00000021170 |
| 2377 | CT CP SACH - THIET BI VINH LONG          | 3   | M00000079819 | M00000079821 |
| 2378 | CT CP SACH VA THIET BI GIAO DUC TRI TUE  | 54  | M00000001065 | M00000001118 |
| 2379 | CT CP SAHAX                              | 117 | M00000035846 | M00000035962 |
| 2380 | CT CP SAI GON - DONG NAI                 | 7   | M00000160589 | M00000160595 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2381 | CT CP SAI GON KIM LIEN                   | 9   | M00000094987 | M00000094995 |
| 2382 | CT CP SAINT - HONORE DAU TU VA THUONG MA | 92  | M00000008406 | M00000008497 |
| 2383 | CT CP SANDALS                            | 3   | M00000113703 | M00000113705 |
| 2384 | CT CP SATIS GROUP                        | 46  | M00000201971 | M00000202016 |
| 2385 | CT CP SONG VIET .....                    | 78  | M00000158790 | M00000158867 |
| 2386 | CT CP STARBAY VIET NAM                   | 101 | M00000166349 | M00000166449 |
| 2387 | CT CP SX DV HUNG PHAT                    | 21  | M00000157475 | M00000157495 |
| 2388 | CT CP SX VA THUONG MAI SUC VIET          | 5   | M00000006792 | M00000006796 |
| 2389 | CT CP SX VAT TU LIEN KET CONG NGHIEP VIE | 344 | M00000202706 | M00000203049 |
| 2390 | CT CP TAP DOAN BAO HIEM DBV- CN PHU MY H | 3   | M00000214510 | M00000214512 |
| 2391 | CT CP TAP DOAN GIAO DUC QUOC TE VIET MY  | 1   | M00000182674 | M00000182674 |
| 2392 | CT CP THE COZY HOLDINGS                  | 2   | M00000219948 | M00000219949 |
| 2393 | CT CP THE THAO UNITY FITNESS             | 46  | M00000204094 | M00000204139 |
| 2394 | CT CP THE THAO VA DU LICH BIEN DA NANG   | 117 | M00000135624 | M00000135740 |
| 2395 | CT CP THIET BI THAM MY Y TE AEMED        | 3   | M00000183627 | M00000183629 |
| 2396 | CT CP THOI TRANG PHAN NGUYEN             | 27  | M00000006333 | M00000006359 |
| 2397 | CT CP THUC PHAM SEN VIET                 | 2   | M00000167348 | M00000167349 |
| 2398 | CT CP THUC PHAM SUC KHOE MIND&MEAL       | 15  | M00000039978 | M00000039992 |
| 2399 | CT CP THUONG MAI DV SEN VANG             | 8   | M00000030395 | M00000030402 |
| 2400 | CT CP THUONG MAI HANG KHONG HOA LU       | 70  | M00000016701 | M00000016770 |
| 2401 | CT CP THUONG MAI KAZUKO                  | 3   | M00000182297 | M00000182299 |
| 2402 | CT CP THUONG MAI SAN XUAT SEIKO          | 51  | M00000082412 | M00000082462 |
| 2403 | CT CP THUONG MAI VA DAU TU TRE VIET      | 9   | M00000008677 | M00000008685 |
| 2404 | CT CP THUONG MAI VA DICH VU DU LICH VU L | 142 | M00000209205 | M00000209346 |
| 2405 | CT CP THUONG MAI VA DICH VU TOAN TINH    | 2   | M00000052792 | M00000052793 |
| 2406 | CT CP TM & DU LICH XUAN NAM              | 27  | M00000105831 | M00000105857 |
| 2407 | CT CP TM DAI PHAT - DAPHACO              | 8   | M00000054629 | M00000054636 |
| 2408 | CT CP TM DICH VU SONG HONG               | 11  | M00000006278 | M00000006288 |
| 2409 | CT CP TM DICH VU XNK PNC                 | 26  | M00000015557 | M00000015582 |
| 2410 | CT CP TM DINH CAM                        | 1   | M00000100339 | M00000100339 |
| 2411 | CT CP TM DL NU CUOI ME KONG              | 23  | M00000080019 | M00000080041 |
| 2412 | CT CP TM DL THANH LOI                    | 4   | M00000000532 | M00000000535 |
| 2413 | CT CP TM DU LICH CAM THI GIANG           | 299 | M00000079394 | M00000079692 |
| 2414 | CT CP TM DV AM THUC SON HAI              | 4   | M00000225486 | M00000225489 |
| 2415 | CT CP TM DV THUAN PHU                    | 54  | M00000096584 | M00000096637 |
| 2416 | CT CP TM DV TRUYEN THONG KHANG VIET      | 64  | M00000191782 | M00000191845 |
| 2417 | CT CP TM HANG KHONG NHA TRANG            | 1   | M00000100849 | M00000100849 |
| 2418 | CT CP TM KHAI HOAN                       | 1   | M00000077841 | M00000077841 |
| 2419 | CT CP TM THIEN HOA                       | 3   | M00000006524 | M00000006526 |
| 2420 | CT CP TM VA CONG NGHE MAY XANH           | 3   | M00000163622 | M00000163624 |
| 2421 | CT CP TM VA DL SAN HO DA NANG            | 128 | M00000103988 | M00000104115 |
| 2422 | CT CP TM VA DV AM THUC XANH              | 104 | M00000197689 | M00000197792 |
| 2423 | CT CP TM VA DV CONG NGHE SO DINH CAO     | 58  | M00000162991 | M00000163048 |
| 2424 | CT CP TM VA DV DAI DUONG                 | 3   | M00000099799 | M00000099801 |
| 2425 | CT CP TM VA DV FAIFO HOSPITALITY         | 5   | M00000156786 | M00000156790 |
| 2426 | CT CP TM VA DV SABI VIET NAM             | 17  | M00000195346 | M00000195362 |
| 2427 | CT CP TM VA DV VU HAI THUAN              | 6   | M00000080840 | M00000080845 |
| 2428 | CT CP TM VA PHAT TRIEN QUOC TE A CHAU    | 187 | M00000032965 | M00000033151 |
| 2429 | CT CP TM-DV DU LICH NGOI SAO VIET        | 15  | M00000157373 | M00000157387 |
| 2430 | CT CP TRI TUE                            | 1   | M00000000492 | M00000000492 |
| 2431 | CT CP TRUONG DOANH NHAN DAC NHAN TAM     | 1   | M00000158535 | M00000158535 |
| 2432 | CT CP TRUONG QUOC TE TRINITY ONTARIO     | 24  | M00000203413 | M00000203436 |
| 2433 | CT CP TRUYEN HINH TUONG TAC VN           | 33  | M00000012898 | M00000012930 |
| 2434 | CT CP TRUYEN THONG DIEN ANH SAI GON      | 1   | M00000157062 | M00000157062 |
| 2435 | CT CP TU VAN PHAT TRIEN VI               | 206 | M00000187056 | M00000187261 |
| 2436 | CT CP TUE LUC                            | 6   | M00000013331 | M00000013336 |
| 2437 | CT CP TV DT-PT GIAO DUC B.R.E.N.D.O.N    | 80  | M00000000799 | M00000000878 |
| 2438 | CT CP VAN HANH GIAO DUC MAM NON SAI GON  | 26  | M00000081673 | M00000081698 |
| 2439 | CT CP VAN HOA SACH SAI GON               | 1   | M00000170558 | M00000170558 |
| 2440 | CT CP VAN HOA TONG HOP BEN THANH         | 16  | M00000157046 | M00000157061 |
| 2441 | CT CP VAN HOA VA AM THUC LOA LOA         | 8   | M00000223799 | M00000223806 |
| 2442 | CT CP VAT TU TONG HOP NGHE TINH          | 13  | M00000094974 | M00000094986 |
| 2443 | CT CP VINAFIT                            | 10  | M00000018648 | M00000018657 |
| 2444 | CT CP WISDOM GARDEN                      | 28  | M00000184229 | M00000184256 |
| 2445 | CT CP XANG DAU VIET DUNG HUNG YEN        | 75  | M00000016973 | M00000017047 |
| 2446 | CT CP XANG DAU VIET DUNG SO 5            | 34  | M00000018552 | M00000018585 |
| 2447 | CT CP XAY DUNG CO KHI TIEN DAT           | 153 | M00000079179 | M00000079331 |
| 2448 | CT CP XAY DUNG VA DAU TU LONG THUAN PHAT | 4   | M00000047361 | M00000047364 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2449 | CT CP XAY DUNG VA THUONG MAI GIA THINH   | 7   | M00000019253 | M00000019259 |
| 2450 | CT CP Y TE ISHII                         | 28  | M00000201943 | M00000201970 |
| 2451 | CT CP ZEPHYR GOURMET                     | 7   | M00000043329 | M00000043335 |
| 2452 | CT CPDV KHACH SAN KIM THANH-CN DA NANG   | 382 | M00000109431 | M00000109812 |
| 2453 | CT LD TNHH DONG HO NUOC ZENNER-COMA      | 21  | M00000000325 | M00000000345 |
| 2454 | CT THHH TMDV LANG THANG QUAN             | 6   | M00000224396 | M00000224401 |
| 2455 | CT TM & CUNG UNG NHAN LUC                | 40  | M00000000445 | M00000000484 |
| 2456 | CT TM DIA OC HOANG TAM - TNHH            | 2   | M00000079074 | M00000079075 |
| 2457 | CT TNHH DA NIEM TIN                      | 20  | M00000167017 | M00000167036 |
| 2458 | CT TNHH EMIC HOSPITALITY                 | 1   | M00000103535 | M00000103535 |
| 2459 | CT TNHH LI & DU                          | 6   | M00000058672 | M00000058677 |
| 2460 | CT TNHH PHAN MEM INET                    | 24  | M00000001884 | M00000001907 |
| 2461 | CT TNHH 199 AM THUC TU GIA               | 3   | M00000224253 | M00000224255 |
| 2462 | CT TNHH 1TV C.NGHE G.DUC SOTATEK VN      | 5   | M00000063267 | M00000063271 |
| 2463 | CT TNHH 1TV HUONG LOAN                   | 1   | M00000049898 | M00000049898 |
| 2464 | CT TNHH 1TV NHA KHOA QUOC TE PHU HOA     | 14  | M00000043498 | M00000043511 |
| 2465 | CT TNHH 2 THANH VIEN H.A                 | 8   | M00000043951 | M00000043958 |
| 2466 | CT TNHH 257                              | 1   | M00000081827 | M00000081827 |
| 2467 | CT TNHH 2CCLINIC VA SPA                  | 9   | M00000223416 | M00000223424 |
| 2468 | CT TNHH 48 BISTRO                        | 18  | M00000181746 | M00000181763 |
| 2469 | CT TNHH 4P MANAGEMENT                    | 2   | M00000191509 | M00000191510 |
| 2470 | CT TNHH 777 VIET PHUC                    | 44  | M00000053075 | M00000053118 |
| 2471 | CT TNHH A SQUARE                         | 22  | M00000204239 | M00000204260 |
| 2472 | CT TNHH AAC VN                           | 11  | M00000111596 | M00000111606 |
| 2473 | CT TNHH ABV VIETNAM                      | 6   | M00000193231 | M00000193236 |
| 2474 | CT TNHH ACCOUNTING OFFICE CLEAR VIETNAM  | 34  | M00000163557 | M00000163590 |
| 2475 | CT TNHH ACE ANIMAL MEDICAL CENTER        | 2   | M00000203746 | M00000203747 |
| 2476 | CT TNHH ADG PHUONG NAM                   | 2   | M00000182570 | M00000182571 |
| 2477 | CT TNHH AGROCHEM AN GIANG                | 2   | M00000088237 | M00000088238 |
| 2478 | CT TNHH ALPHA POLY POTTERY               | 27  | M00000079867 | M00000079893 |
| 2479 | CT TNHH AM THUC HANWOORI                 | 10  | M00000057852 | M00000057861 |
| 2480 | CT TNHH AM THUC NAM NGON TAY             | 1   | M00000083263 | M00000083263 |
| 2481 | CT TNHH AM THUC NO96 MON NGON HN PHO     | 6   | M00000190287 | M00000190292 |
| 2482 | CT TNHH AM THUC VIET GROUP               | 1   | M00000069095 | M00000069095 |
| 2483 | CT TNHH AMASVIN                          | 3   | M00000183005 | M00000183007 |
| 2484 | CT TNHH AN GIA ANH                       | 5   | M00000170021 | M00000170025 |
| 2485 | CT TNHH AN HAI VN                        | 49  | M00000181220 | M00000181268 |
| 2486 | CT TNHH AN NAM PHUONG                    | 21  | M00000018274 | M00000018294 |
| 2487 | CT TNHH AN UONG DE TUOI VINH LOC         | 11  | M00000195581 | M00000195591 |
| 2488 | CT TNHH ANDA VIET NAM                    | 1   | M00000009768 | M00000009768 |
| 2489 | CT TNHH ANGEL BEAUTY                     | 12  | M00000158568 | M00000158579 |
| 2490 | CT TNHH ANH ANH BINH                     | 1   | M00000089291 | M00000089291 |
| 2491 | CT TNHH ANH DUONG PHU YEN                | 1   | M00000117045 | M00000117045 |
| 2492 | CT TNHH ANH LAP                          | 23  | M00000100203 | M00000100225 |
| 2493 | CT TNHH ANH NGU BRILLIANT VIET NAM       | 14  | M00000166258 | M00000166271 |
| 2494 | CT TNHH ANH QUAN BAKERY                  | 319 | M00000141597 | M00000141915 |
| 2495 | CT TNHH ANH TU 79                        | 41  | M00000068712 | M00000068752 |
| 2496 | CT TNHH ANH VIET HOP ON-HOP OFF VIET NAM | 50  | M00000164199 | M00000164248 |
| 2497 | CT TNHH ANIMAL DOCTORS INTERNATIONAL VN  | 79  | M00000170128 | M00000170206 |
| 2498 | CT TNHH ANNA COCO                        | 12  | M00000219527 | M00000219538 |
| 2499 | CT TNHH ANVI SAIGON HOTEL                | 12  | M00000214068 | M00000214079 |
| 2500 | CT TNHH ARIRANG VINA                     | 12  | M00000059048 | M00000059059 |
| 2501 | CT TNHH ART ERA NGUYEN THUY              | 1   | M00000167237 | M00000167237 |
| 2502 | CT TNHH ARTISAN BAKERY CAFE              | 7   | M00000191949 | M00000191955 |
| 2503 | CT TNHH ASIA LINH GIANG                  | 3   | M00000007171 | M00000007173 |
| 2504 | CT TNHH ASTOP                            | 2   | M00000113337 | M00000113338 |
| 2505 | CT TNHH ATLAS FITNESS                    | 2   | M00000089409 | M00000089410 |
| 2506 | CT TNHH AU LAC THINH                     | 7   | M00000101109 | M00000101115 |
| 2507 | CT TNHH AUSTIN GLOBAL HOLDINGS           | 3   | M00000017055 | M00000017057 |
| 2508 | CT TNHH AVANA MAI CHAU                   | 28  | M00000011611 | M00000011638 |
| 2509 | CT TNHH AVENUE VIET NAM                  | 2   | M00000184352 | M00000184353 |
| 2510 | CT TNHH BAA TRAINING VIET NAM            | 6   | M00000182675 | M00000182680 |
| 2511 | CT TNHH BABA KITCHEN                     | 3   | M00000191260 | M00000191262 |
| 2512 | CT TNHH BABILAND HA NOI                  | 1   | M00000018110 | M00000018110 |
| 2513 | CT TNHH BAEKJE VINA                      | 3   | M00000052850 | M00000052852 |
| 2514 | CT TNHH BAMBOO BISTRO                    | 1   | M00000204498 | M00000204498 |
| 2515 | CT TNHH BAN ME TECHNOLOGY                | 3   | M00000134988 | M00000134990 |
| 2516 | CT TNHH BANH KEM QUYNH CHI               | 116 | M00000210222 | M00000210337 |

|      |                                          |      |              |              |
|------|------------------------------------------|------|--------------|--------------|
| 2517 | CT TNHH BANH KEM QUYNH HUONG             | 99   | M00000209843 | M00000209941 |
| 2518 | CT TNHH BANH KEM QUYNH THU               | 66   | M00000210153 | M00000210218 |
| 2519 | CT TNHH BANYAN VIET NAM                  | 35   | M00000183692 | M00000183726 |
| 2520 | CT TNHH BAO TANG ROBERT TAYLOR           | 1    | M00000193592 | M00000193592 |
| 2521 | CT TNHH BAOLAU                           | 208  | M00000170649 | M00000170856 |
| 2522 | CT TNHH BAOZI & CHU                      | 13   | M00000223819 | M00000223831 |
| 2523 | CT TNHH BARBER SHOP JADE-007             | 4    | M00000208639 | M00000208642 |
| 2524 | CT TNHH BAT DONG SAN AVMT                | 1    | M00000081463 | M00000081463 |
| 2525 | CT TNHH BB HEALTHY FOOD                  | 9    | M00000118991 | M00000118999 |
| 2526 | CT TNHH BBQ AM THUC HAN QUOC             | 22   | M00000203748 | M00000203769 |
| 2527 | CT TNHH BBQ KANG KO JIP                  | 21   | M00000170046 | M00000170066 |
| 2528 | CT TNHH BDS NINH KIEU                    | 2    | M00000093251 | M00000093252 |
| 2529 | CT TNHH BDS TRUNG PHUONG                 | 9    | M00000190268 | M00000190276 |
| 2530 | CT TNHH BEAUTYCREA VIET NAM              | 31   | M00000027057 | M00000027087 |
| 2531 | CT TNHH BEESCHOOL HA LONG                | 1    | M00000052795 | M00000052795 |
| 2532 | CT TNHH BELGICA                          | 23   | M00000181438 | M00000181460 |
| 2533 | CT TNHH BEN NGOC TRI                     | 36   | M00000109909 | M00000109944 |
| 2534 | CT TNHH BEN STORE                        | 17   | M00000089749 | M00000089765 |
| 2535 | CT TNHH BEN THANH HOANG THANH            | 86   | M00000181350 | M00000181435 |
| 2536 | CT TNHH BENH VIEN A AU                   | 60   | M00000197306 | M00000197365 |
| 2537 | CT TNHH BENH VIEN DA KHOA PHUONG CHI     | 21   | M00000192885 | M00000192905 |
| 2538 | CT TNHH BENH VIEN DA KHOA TAM TRI SAIGON | 157  | M00000157811 | M00000157967 |
| 2539 | CT TNHH BENH VIEN DK TAM TRI NHA TRANG   | 112  | M00000106037 | M00000106148 |
| 2540 | CT TNHH BENH VIEN GAYA VIET HAN          | 5    | M00000183000 | M00000183004 |
| 2541 | CT TNHH BENH VIEN MAT KHAI HOAN          | 23   | M00000126332 | M00000126354 |
| 2542 | CT TNHH BENH VIEN MAT QUOC TE NHAT BAN   | 75   | M00000008510 | M00000008584 |
| 2543 | CT TNHH BENH VIEN MAT TAY NGUYEN         | 13   | M00000103822 | M00000103834 |
| 2544 | CT TNHH BENH VIEN PHUONG DONG            | 9    | M00000159983 | M00000159991 |
| 2545 | CT TNHH BENH VIEN SAI GON YOUNG          | 19   | M00000197653 | M00000197671 |
| 2546 | CT TNHH BIA THU CONG MIEN NAM            | 7    | M00000183756 | M00000183762 |
| 2547 | CT TNHH BIBO KIDS THAI BINH              | 10   | M00000069996 | M00000070005 |
| 2548 | CT TNHH BIET THU VANG                    | 85   | M00000000626 | M00000000710 |
| 2549 | CT TNHH BINH MINH SONG HAN               | 1    | M00000106436 | M00000106436 |
| 2550 | CT TNHH BIZ DL & DICH VU                 | 14   | M00000009162 | M00000009175 |
| 2551 | CT TNHH BOI DUONG VAN HOA TRI VIET       | 1    | M00000220648 | M00000220648 |
| 2552 | CT TNHH BULMAKYEOLSAM THD                | 17   | M00000204338 | M00000204354 |
| 2553 | CT TNHH BURGUNDY SERVICES                | 2    | M00000203906 | M00000203907 |
| 2554 | CT TNHH BV MAT QUOC TE CUNG HONG SON     | 469  | M00000027928 | M00000028396 |
| 2555 | CT TNHH CA PHE KHANH HUONG               | 7    | M00000141216 | M00000141222 |
| 2556 | CT TNHH CAFE HABAKUK X DCODES            | 1    | M00000016636 | M00000016636 |
| 2557 | CT TNHH CAJUN CUA                        | 18   | M00000185651 | M00000185668 |
| 2558 | CT TNHH CAN HO DICH VU NAM SAI GON       | 398  | M00000183107 | M00000183504 |
| 2559 | CT TNHH CAO BOI NAM MY                   | 28   | M00000160058 | M00000160085 |
| 2560 | CT TNHH CAT MINH QUANG                   | 13   | M00000227306 | M00000227318 |
| 2561 | CT TNHH CAU LAC BO BENARAS               | 5    | M00000013076 | M00000013080 |
| 2562 | CT TNHH CAU LAC BO HA NOI                | 45   | M00000007126 | M00000007170 |
| 2563 | CT TNHH CAY DAO DO                       | 6    | M00000182994 | M00000182999 |
| 2564 | CT TNHH CEDARS LEBANESE & INTERNATIONAL  | 2    | M00000040774 | M00000040775 |
| 2565 | CT TNHH CHAM SOC SUC KHOE TH             | 8    | M00000201070 | M00000201077 |
| 2566 | CT TNHH CHAN DOAN VA DV CHAM SOC TRE EM  | 2    | M00000226033 | M00000226034 |
| 2567 | CT TNHH CHAN DOAN Y KHOA PHONG CHAU      | 2    | M00000108555 | M00000108556 |
| 2568 | CT TNHH CHANEL VIET NAM                  | 7370 | M00000173249 | M00000180618 |
| 2569 | CT TNHH CHATERAISE VIET NAM-CN TAI TPHCM | 96   | M00000195209 | M00000195304 |
| 2570 | CT TNHH CHAU PHUC PHAT                   | 2    | M00000207206 | M00000207207 |
| 2571 | CT TNHH CHE BIEN THUC PHAM NHAN HOA      | 26   | M00000009870 | M00000009895 |
| 2572 | CT TNHH CHERRYBLOSSOM NHA TRANG          | 8    | M00000109111 | M00000109118 |
| 2573 | CT TNHH CHI AN MINH                      | 12   | M00000017826 | M00000017837 |
| 2574 | CT TNHH CHIEC MUONG VANG                 | 150  | M00000165923 | M00000166072 |
| 2575 | CT TNHH CHILLFRUITS MARKET               | 2    | M00000216936 | M00000216937 |
| 2576 | CT TNHH CHLOE HOSPITALITY                | 24   | M00000184374 | M00000184397 |
| 2577 | CT TNHH CHULA                            | 3    | M00000000935 | M00000000937 |
| 2578 | CT TNHH CN NHAN KHOA KINH MAT VIET TIN   | 644  | M00000001220 | M00000001863 |
| 2579 | CT TNHH CO KHI VA TM DICH VU ANH DUC     | 24   | M00000057325 | M00000057348 |
| 2580 | CT TNHH COCO SIN                         | 27   | M00000167360 | M00000167386 |
| 2581 | CT TNHH COLLECTIVE                       | 31   | M00000188100 | M00000188130 |
| 2582 | CT TNHH COMPASS OFFICES VIET NAM         | 6    | M00000187818 | M00000187823 |
| 2583 | CT TNHH CONG DOAN HANG KHONG MIEN NAM    | 2    | M00000188351 | M00000188352 |
| 2584 | CT TNHH CONG DUNG LAM DONG               | 1    | M00000104838 | M00000104838 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2585 | CT TNHH CONG NGHE BIGSUN                 | 1   | M00000059478 | M00000059478 |
| 2586 | CT TNHH CONG NGHE DI DONG MAI NGUYEN     | 98  | M00000167801 | M00000167898 |
| 2587 | CT TNHH CONG NGHE HALO                   | 3   | M00000164163 | M00000164165 |
| 2588 | CT TNHH CONG NGHE LE TRINH               | 3   | M00000080177 | M00000080179 |
| 2589 | CT TNHH CONG NGHE THUC PHAM NGAY NAY     | 6   | M00000219785 | M00000219790 |
| 2590 | CT TNHH CONG NGHE TM THANH ANH           | 7   | M00000071604 | M00000071610 |
| 2591 | CT TNHH CONG NGHIEP KNG VIET NAM         | 62  | M00000072041 | M00000072102 |
| 2592 | CT TNHH CONG NGHIEP PHU KIM              | 15  | M00000012931 | M00000012945 |
| 2593 | CT TNHH CONG NGHIEP VA TM LONG VAN GROUP | 145 | M00000137864 | M00000138008 |
| 2594 | CT TNHH CP SOLUTION                      | 8   | M00000052031 | M00000052038 |
| 2595 | CT TNHH CRHCMC                           | 108 | M00000168450 | M00000168557 |
| 2596 | CT TNHH CS SK NU CUOI TRUNG TAM          | 3   | M00000195911 | M00000195913 |
| 2597 | CT TNHH CSSK VA SAC DEP MTV MINH AN PHAT | 16  | M00000220230 | M00000220245 |
| 2598 | CT TNHH CUA CUON DUC THANH               | 4   | M00000155864 | M00000155867 |
| 2599 | CT TNHH CUNG CAP THUC PHAM               | 2   | M00000165011 | M00000165012 |
| 2600 | CT TNHH CUNG UNG ONLINE                  | 29  | M00000162517 | M00000162545 |
| 2601 | CT TNHH CUONG TRANG BAO LOC              | 6   | M00000104642 | M00000104647 |
| 2602 | CT TNHH CUSTOM ASIA TRAVEL               | 11  | M00000005007 | M00000005017 |
| 2603 | CT TNHH D PRIVATE COLLECTION             | 2   | M00000199110 | M00000199111 |
| 2604 | CT TNHH DA HOSPITALITY                   | 1   | M00000203145 | M00000203145 |
| 2605 | CT TNHH DAEWON PHARMACEUTICAL            | 1   | M00000168405 | M00000168405 |
| 2606 | CT TNHH DAI HOANG MINH QUANG NINH        | 2   | M00000060010 | M00000060011 |
| 2607 | CT TNHH DAI TOAN THANG                   | 27  | M00000077874 | M00000077900 |
| 2608 | CT TNHH DAN TI                           | 1   | M00000192879 | M00000192879 |
| 2609 | CT TNHH DANG QUANG PHUONG                | 1   | M00000078989 | M00000078989 |
| 2610 | CT TNHH DAPHALE                          | 18  | M00000224741 | M00000224758 |
| 2611 | CT TNHH DAT THANG HOME                   | 145 | M00000051604 | M00000051748 |
| 2612 | CT TNHH DAU TU & TU VAN DL A CHAU        | 90  | M00000000536 | M00000000625 |
| 2613 | CT TNHH DAU TU CHAU A TBD BAC NINH       | 231 | M00000053126 | M00000053356 |
| 2614 | CT TNHH DAU TU DUONG QUYEN               | 7   | M00000218478 | M00000218484 |
| 2615 | CT TNHH DAU TU GIAO DUC THOI DAI MOI     | 29  | M00000203820 | M00000203848 |
| 2616 | CT TNHH DAU TU KD VA TM DAI VIET         | 26  | M00000023415 | M00000023440 |
| 2617 | CT TNHH DAU TU PHAT TRIEN AN VIET TIN    | 86  | M00000183541 | M00000183626 |
| 2618 | CT TNHH DAU TU PHAT TRIEN GEM            | 4   | M00000199384 | M00000199387 |
| 2619 | CT TNHH DAU TU PHAT TRIEN TMDV HONG LOAN | 10  | M00000065537 | M00000065546 |
| 2620 | CT TNHH DAU TU SAI GON SO HO             | 10  | M00000169274 | M00000169283 |
| 2621 | CT TNHH DAU TU THUAN NHAN                | 2   | M00000184400 | M00000184401 |
| 2622 | CT TNHH DAU TU THUONG MAI DIGIWORLD HN   | 120 | M00000008261 | M00000008380 |
| 2623 | CT TNHH DAU TU THUONG MAI KOVINA         | 5   | M00000018661 | M00000018665 |
| 2624 | CT TNHH DAU TU THUONG MAI TRE A CHAU     | 2   | M00000018747 | M00000018748 |
| 2625 | CT TNHH DAU TU THUONG MAI VA DICH VU DW  | 30  | M00000027395 | M00000027424 |
| 2626 | CT TNHH DAU TU THUONG MAI VA XUAT NHAP K | 3   | M00000011239 | M00000011241 |
| 2627 | CT TNHH DAU TU TIN NGHIA                 | 4   | M00000134434 | M00000134437 |
| 2628 | CT TNHH DAU TU TM DV DU LICH THIEN AN    | 7   | M00000164352 | M00000164358 |
| 2629 | CT TNHH DAU TU TM NAM THIEN PHU          | 3   | M00000184008 | M00000184010 |
| 2630 | CT TNHH DAU TU TM VA DICH VU ANH TIEN    | 3   | M00000007847 | M00000007849 |
| 2631 | CT TNHH DAU TU TM VA DICH VU LOC VIET    | 24  | M00000011539 | M00000011562 |
| 2632 | CT TNHH DAU TU TM VA DV HOP THANH        | 18  | M00000054595 | M00000054612 |
| 2633 | CT TNHH DAU TU TM VA DV NAM THANH        | 2   | M00000050721 | M00000050722 |
| 2634 | CT TNHH DAU TU TM&DV TONG HOP BAO NGAN   | 92  | M00000009665 | M00000009756 |
| 2635 | CT TNHH DAU TU TM-DV & XD PHU THINH      | 2   | M00000161755 | M00000161756 |
| 2636 | CT TNHH DAU TU VA BAN LE HATO VIET NAM   | 2   | M00000030479 | M00000030480 |
| 2637 | CT TNHH DAU TU VA KHAI THAC DL DAI THANH | 3   | M00000033789 | M00000033791 |
| 2638 | CT TNHH DAU TU VA KINH DOANH THIEN SON   | 2   | M00000029154 | M00000029155 |
| 2639 | CT TNHH DAU TU VA PHAT TRIEN DICH VU MOO | 24  | M00000033152 | M00000033175 |
| 2640 | CT TNHH DAU TU VA PHAT TRIEN GIAO DUC HU | 1   | M00000032345 | M00000032345 |
| 2641 | CT TNHH DAU TU VA PHAT TRIEN THANH CHAU  | 3   | M00000106710 | M00000106712 |
| 2642 | CT TNHH DAU TU VA PT DV DL NGOC DIEP     | 17  | M00000058954 | M00000058970 |
| 2643 | CT TNHH DAU TU VA SAN XUAT THUC PHAM PHU | 2   | M00000030475 | M00000030476 |
| 2644 | CT TNHH DAU TU VA THUONG MAI DUOC MY PHA | 41  | M00000069387 | M00000069427 |
| 2645 | CT TNHH DAU TU VA THUONG MAI PHAN DANG G | 7   | M00000191569 | M00000191575 |
| 2646 | CT TNHH DAU TU VA THUONG MAI THIEN HOAN  | 14  | M00000071787 | M00000071800 |
| 2647 | CT TNHH DAU TU VA TM DUC LINH            | 20  | M00000009816 | M00000009835 |
| 2648 | CT TNHH DAU TU VA TM TONG HOP HK VN      | 5   | M00000037397 | M00000037401 |
| 2649 | CT TNHH DAU TU XAY DUNG TM DV THO AN     | 199 | M00000160150 | M00000160348 |
| 2650 | CT TNHH DAU TU XD VA TM NGOC MINH CHAU   | 41  | M00000113390 | M00000113430 |
| 2651 | CT TNHH DAU TU&PHAT TRIEN GIA KHANG      | 61  | M00000173099 | M00000173159 |
| 2652 | CT TNHH DE SOIE                          | 16  | M00000069976 | M00000069991 |

|      |                                           |     |              |              |
|------|-------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2653 | CT TNHH DEN MOTORCYCLE                    | 1   | M00000090457 | M00000090457 |
| 2654 | CT TNHH DIA CAU XANH                      | 8   | M00000000972 | M00000000979 |
| 2655 | CT TNHH DICH VU AM THUC HALE VN           | 1   | M00000045603 | M00000045603 |
| 2656 | CT TNHH DICH VU AM THUC VIET AN           | 25  | M00000201907 | M00000201931 |
| 2657 | CT TNHH DICH VU AN UONG MIEN TAY BAC      | 16  | M00000018880 | M00000018895 |
| 2658 | CT TNHH DICH VU AN UONG NGUYEN VAN        | 5   | M00000181821 | M00000181825 |
| 2659 | CT TNHH DICH VU DONG HAI HOTEL            | 1   | M00000081828 | M00000081828 |
| 2660 | CT TNHH DICH VU DT VINH HANH              | 1   | M00000000215 | M00000000215 |
| 2661 | CT TNHH DICH VU DU LICH JM VINA           | 14  | M00000050791 | M00000050804 |
| 2662 | CT TNHH DICH VU DU LICH TAN THANH DAT     | 2   | M00000059083 | M00000059084 |
| 2663 | CT TNHH DICH VU GIAI TRI NNICE            | 7   | M00000219672 | M00000219678 |
| 2664 | CT TNHH DICH VU GIAO DUC KLLK(TP HCM)     | 81  | M00000185376 | M00000185456 |
| 2665 | CT TNHH DICH VU HANG KHONG PHUONG HOANG   | 3   | M00000062726 | M00000062728 |
| 2666 | CT TNHH DICH VU KHACH SAN NHA HANG SU TU  | 85  | M00000021675 | M00000021759 |
| 2667 | CT TNHH DICH VU KOREA VV                  | 7   | M00000081401 | M00000081407 |
| 2668 | CT TNHH DICH VU LOGITEM VN MIEN BAC       | 1   | M00000013628 | M00000013628 |
| 2669 | CT TNHH DICH VU LOOP                      | 31  | M00000047462 | M00000047492 |
| 2670 | CT TNHH DICH VU MAI HA                    | 12  | M00000011324 | M00000011335 |
| 2671 | CT TNHH DICH VU NHA HANG TRE              | 11  | M00000182542 | M00000182552 |
| 2672 | CT TNHH DICH VU NHA KHOA YTEETH           | 3   | M00000040559 | M00000040561 |
| 2673 | CT TNHH DICH VU PHAN PHOI TUE MINH        | 17  | M00000047285 | M00000047301 |
| 2674 | CT TNHH DICH VU PHAT TRIEN ANH KIET       | 8   | M00000072421 | M00000072428 |
| 2675 | CT TNHH DICH VU SEN SPA                   | 20  | M00000191157 | M00000191176 |
| 2676 | CT TNHH DICH VU SUNRISE                   | 6   | M00000204210 | M00000204215 |
| 2677 | CT TNHH DICH VU SYDNEY VIET NAM           | 10  | M00000011270 | M00000011279 |
| 2678 | CT TNHH DICH VU TAN PHI VAN               | 21  | M00000167965 | M00000167985 |
| 2679 | CT TNHH DICH VU THE GIOI NUONG (HANA)     | 96  | M00000168118 | M00000168213 |
| 2680 | CT TNHH DICH VU THUONG MAI AMIDA          | 28  | M00000038111 | M00000038138 |
| 2681 | CT TNHH DICH VU THUONG MAI LE KAFFE       | 26  | M00000042279 | M00000042304 |
| 2682 | CT TNHH DICH VU THUONG MAI NAM QUAN       | 24  | M00000128674 | M00000128697 |
| 2683 | CT TNHH DICH VU TM TIEN CUONG             | 117 | M00000049769 | M00000049885 |
| 2684 | CT TNHH DICH VU VA PHAT TRIEN NAM ANH     | 7   | M00000064977 | M00000064983 |
| 2685 | CT TNHH DICH VU VA THAM MY HYE-ONG        | 84  | M00000035089 | M00000035172 |
| 2686 | CT TNHH DICH VU VA THUONG MAI KHOI TIN    | 10  | M00000065015 | M00000065024 |
| 2687 | CT TNHH DICH VU VA THUONG MAI TH FOOD     | 3   | M00000038622 | M00000038624 |
| 2688 | CT TNHH DICH VU Y TE PHONG KHAM DA KHOA   | 1   | M00000170987 | M00000170987 |
| 2689 | CT TNHH DIEN MAY NONG NGHIEP MINH DAT     | 2   | M00000069941 | M00000069942 |
| 2690 | CT TNHH DIEP HUNG PHU                     | 32  | M00000164166 | M00000164197 |
| 2691 | CT TNHH DINH VUONG GIA                    | 1   | M00000134340 | M00000134340 |
| 2692 | CT TNHH DL & THOI TRANG DONG TAY          | 2   | M00000104389 | M00000104390 |
| 2693 | CT TNHH DL NGHI DUONG SINH THAI CAN THO   | 41  | M00000168773 | M00000168813 |
| 2694 | CT TNHH DL NGHI DUONG SINH THAI MAI CHAU  | 31  | M00000006534 | M00000006564 |
| 2695 | CT TNHH DL VA TM HANH TRINH DAT VIET      | 5   | M00000020196 | M00000020200 |
| 2696 | CT TNHH DL VA TM TAN HONG HA              | 4   | M00000002444 | M00000002447 |
| 2697 | CT TNHH DL& TM AUTHENTIK VN               | 17  | M00000006774 | M00000006790 |
| 2698 | CT TNHH DL&TM NAM VIET                    | 1   | M00000158187 | M00000158187 |
| 2699 | CT TNHH DN XH HANH TRINH CAC GIAC QUAN    | 11  | M00000190012 | M00000190022 |
| 2700 | CT TNHH DNXXH BENH VIEN CHUYEN KHOA MAT A | 8   | M00000054892 | M00000054899 |
| 2701 | CT TNHH DO DUNG NHA BEP HOS               | 1   | M00000182150 | M00000182150 |
| 2702 | CT TNHH DOANH NGHIEP XA HOI SIMPLE COFFE  | 2   | M00000027805 | M00000027806 |
| 2703 | CT TNHH DOI TAC PHAT TRIEN M2             | 4   | M00000173160 | M00000173163 |
| 2704 | CT TNHH DON GIAN HOA CHUYEN DI            | 49  | M00000226040 | M00000226088 |
| 2705 | CT TNHH DONG ANH                          | 1   | M00000078580 | M00000078580 |
| 2706 | CT TNHH DONG DI SAN                       | 11  | M00000158759 | M00000158769 |
| 2707 | CT TNHH DONG HO THANH PHAT                | 16  | M00000158660 | M00000158675 |
| 2708 | CT TNHH DONQUIJOTE                        | 11  | M00000193690 | M00000193700 |
| 2709 | CT TNHH DORIAN                            | 5   | M00000068523 | M00000068527 |
| 2710 | CT TNHH DR JUNDERMA                       | 8   | M00000214688 | M00000214695 |
| 2711 | CT TNHH DR TONY                           | 71  | M00000216220 | M00000216290 |
| 2712 | CT TNHH DT & PT DU LICH NGUYEN HOANG      | 2   | M00000013201 | M00000013202 |
| 2713 | CT TNHH DT & PT SHINBI DENTAL HAI PHONG   | 16  | M00000067705 | M00000067720 |
| 2714 | CT TNHH DT & PT TCT                       | 1   | M00000000980 | M00000000980 |
| 2715 | CT TNHH DT & PT TTM FARM                  | 32  | M00000052518 | M00000052549 |
| 2716 | CT TNHH DT & TM TAN TAN PHAT              | 1   | M00000162990 | M00000162990 |
| 2717 | CT TNHH DT DL & TM DAM SAN                | 8   | M00000096846 | M00000096853 |
| 2718 | CT TNHH DT DU LICH TRUNG NGUYEN HEALING   | 1   | M00000160596 | M00000160596 |
| 2719 | CT TNHH DT GD VA DAO TAO QTE VINAEDU      | 20  | M00000186186 | M00000186205 |
| 2720 | CT TNHH DT KD TM DV MAT TROI MOI          | 9   | M00000212220 | M00000212228 |



|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2721 | CT TNHH DT KS VA DL NHA TRANG            | 103 | M00000108326 | M00000108428 |
| 2722 | CT TNHH DT NGOC HAI YEN                  | 3   | M00000016841 | M00000016843 |
| 2723 | CT TNHH DT PHAT TRIEN VA DL SAM SON      | 10  | M00000149962 | M00000149971 |
| 2724 | CT TNHH DT PT DU LICH AN TRUONG PHAT     | 3   | M00000015365 | M00000015367 |
| 2725 | CT TNHH DT TM DV AQUILA RENATUS HOLDINGS | 29  | M00000036505 | M00000036533 |
| 2726 | CT TNHH DT TM DV DAI NAM                 | 7   | M00000158653 | M00000158659 |
| 2727 | CT TNHH DT TM DV DAT LOI                 | 69  | M00000196639 | M00000196707 |
| 2728 | CT TNHH DT TM DV DL KHACH SAN BINH MINH  | 3   | M00000184478 | M00000184480 |
| 2729 | CT TNHH DT TM DV TRANG AN                | 34  | M00000050242 | M00000050275 |
| 2730 | CT TNHH DT TM HUONG TRAM HERITAGE        | 17  | M00000065283 | M00000065299 |
| 2731 | CT TNHH DT TM NAM NINH                   | 23  | M00000050823 | M00000050845 |
| 2732 | CT TNHH DT TM THUAN AN                   | 4   | M00000002107 | M00000002110 |
| 2733 | CT TNHH DT VA DV VLXD HIEN HUNG          | 33  | M00000154026 | M00000154058 |
| 2734 | CT TNHH DT VA PT DAI THIEN PHUC          | 6   | M00000187798 | M00000187803 |
| 2735 | CT TNHH DT VA PT TM DV MINH ANH          | 3   | M00000015110 | M00000015112 |
| 2736 | CT TNHH DT VA PT VU ANH                  | 19  | M00000046435 | M00000046453 |
| 2737 | CT TNHH DT VA TM HA LAN                  | 5   | M00000015905 | M00000015909 |
| 2738 | CT TNHH DT VA TM NHAT HUONG              | 6   | M00000009757 | M00000009762 |
| 2739 | CT TNHH DT VA XNK PROCERA                | 53  | M00000067610 | M00000067662 |
| 2740 | CT TNHH DT XD TM DV AM THUC ATV          | 8   | M00000214422 | M00000214429 |
| 2741 | CT TNHH DU AN HO TRAM                    | 49  | M00000191609 | M00000191657 |
| 2742 | CT TNHH DU LICH ALO D TRAVEL             | 2   | M00000203171 | M00000203172 |
| 2743 | CT TNHH DU LICH- DICH VU DAU AN VIET     | 78  | M00000028432 | M00000028509 |
| 2744 | CT TNHH DU LICH DICH VU SIGNATURE        | 5   | M00000042992 | M00000042996 |
| 2745 | CT TNHH DU LICH DV TAM DAO               | 111 | M00000059327 | M00000059437 |
| 2746 | CT TNHH DU LICH HAI THANH                | 20  | M00000180893 | M00000180912 |
| 2747 | CT TNHH DU LICH IZITOUR                  | 6   | M00000024464 | M00000024469 |
| 2748 | CT TNHH DU LICH LUCKY SUN                | 21  | M00000111400 | M00000111420 |
| 2749 | CT TNHH DU LICH MAT MEKONG               | 20  | M00000077686 | M00000077705 |
| 2750 | CT TNHH DU LICH QUOC TE FANSIPAN-SAO BAC | 7   | M00000044642 | M00000044648 |
| 2751 | CT TNHH DU LICH TAN MEKONG               | 30  | M00000157286 | M00000157315 |
| 2752 | CT TNHH DU LICH VA DICH VU ANH LINH      | 3   | M00000012605 | M00000012607 |
| 2753 | CT TNHH DU LICH VA DICH VU LA AN         | 110 | M00000071247 | M00000071356 |
| 2754 | CT TNHH DU LICH VA KHACH SAN DUC DUNG    | 32  | M00000020062 | M00000020093 |
| 2755 | CT TNHH DU LICH VA SU KIEN ODIDI         | 1   | M00000154215 | M00000154215 |
| 2756 | CT TNHH DU LICH VA THUONG MAI A DONG     | 448 | M00000095011 | M00000095458 |
| 2757 | CT TNHH DU LICH VA THUONG MAI HOAN KIEM  | 38  | M00000013854 | M00000013891 |
| 2758 | CT TNHH DU LICH VA TM NAM HOANG ANH      | 12  | M00000062826 | M00000062837 |
| 2759 | CT TNHH DU LICH VAN TAI SONG MA          | 2   | M00000080546 | M00000080547 |
| 2760 | CT TNHH DU LICH VIET NGHIA               | 5   | M00000009250 | M00000009254 |
| 2761 | CT TNHH DU LICH VINH TOAN                | 5   | M00000040552 | M00000040556 |
| 2762 | CT TNHH DU LICH VUNG NHIEU DOI           | 13  | M00000038609 | M00000038621 |
| 2763 | CT TNHH DUC NHAN                         | 3   | M00000000889 | M00000000891 |
| 2764 | CT TNHH DUNG DIEM                        | 18  | M00000112632 | M00000112649 |
| 2765 | CT TNHH DUOC LIEU HA NOI GMP             | 1   | M00000018295 | M00000018295 |
| 2766 | CT TNHH DUOC PHAM MINH TIEN PHAT         | 5   | M00000170067 | M00000170071 |
| 2767 | CT TNHH DUOC PHAM T & B                  | 14  | M00000017555 | M00000017568 |
| 2768 | CT TNHH DUONG MAY                        | 4   | M00000170567 | M00000170570 |
| 2769 | CT TNHH DUONG MON CAO NGUYEN             | 2   | M00000164350 | M00000164351 |
| 2770 | CT TNHH DUY BAO FOODS                    | 29  | M00000113820 | M00000113848 |
| 2771 | CT TNHH DV AN UONG COCO 137              | 2   | M00000220367 | M00000220368 |
| 2772 | CT TNHH DV AN UONG HOANG TAM             | 5   | M00000183053 | M00000183057 |
| 2773 | CT TNHH DV AN UONG QUOC VINH             | 11  | M00000157968 | M00000157978 |
| 2774 | CT TNHH DV AN UONG TAI PHAT              | 2   | M00000134487 | M00000134488 |
| 2775 | CT TNHH DV AN UONG THANG LONG            | 31  | M00000204501 | M00000204531 |
| 2776 | CT TNHH DV AN UONG VA NH PHAM VI         | 2   | M00000203353 | M00000203354 |
| 2777 | CT TNHH DV AN UONG YUE QIAN HUI          | 7   | M00000225407 | M00000225413 |
| 2778 | CT TNHH DV BENH VIEN THU Y VPET'S        | 4   | M00000222377 | M00000222380 |
| 2779 | CT TNHH DV BIEN SO THUY TAN              | 1   | M00000150571 | M00000150571 |
| 2780 | CT TNHH DV BINH AN DONG SAI GON          | 1   | M00000216388 | M00000216388 |
| 2781 | CT TNHH DV CHAM SOC SUC KHOE LA TRA      | 38  | M00000169579 | M00000169616 |
| 2782 | CT TNHH DV CONG NGHE TM DAI VIET         | 15  | M00000092185 | M00000092199 |
| 2783 | CT TNHH DV DAU TU VA PHAT TRIEN TIEN SON | 73  | M00000194723 | M00000194795 |
| 2784 | CT TNHH DV DL CONG DOAN TINH BRVT        | 6   | M00000157316 | M00000157321 |
| 2785 | CT TNHH DV DL NHA TRANG                  | 5   | M00000110358 | M00000110362 |
| 2786 | CT TNHH DV DL-TM-TVAN QTE TAN TAN        | 26  | M00000158258 | M00000158283 |
| 2787 | CT TNHH DV DONG GIAO                     | 3   | M00000152279 | M00000152281 |
| 2788 | CT TNHH DV DU LICH & TM HOANG TUNG       | 20  | M00000001864 | M00000001883 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2789 | CT TNHH DV DU LICH PHI DAT               | 4   | M00000166894 | M00000166897 |
| 2790 | CT TNHH DV DUONG CAO TOC VRS             | 229 | M00000062974 | M00000063202 |
| 2791 | CT TNHH DV GIAI TRI KARAOKE NNICE        | 14  | M00000169433 | M00000169446 |
| 2792 | CT TNHH DV GIAI TRI VCLUB                | 1   | M00000125500 | M00000125500 |
| 2793 | CT TNHH DV HANG KHONG DAI DONG DUONG     | 11  | M00000157800 | M00000157810 |
| 2794 | CT TNHH DV KY THUAT VA PHU TUNG DPS      | 235 | M00000029163 | M00000029397 |
| 2795 | CT TNHH DV LOGITEM VIET NAM MIEN NAM     | 3   | M00000182562 | M00000182564 |
| 2796 | CT TNHH DV LUU TRU NGOI NHA VIET         | 9   | M00000204297 | M00000204305 |
| 2797 | CT TNHH DV NHA HANG BINH PHAT            | 1   | M00000191460 | M00000191460 |
| 2798 | CT TNHH DV NHA HANG NHAT AN              | 30  | M00000166319 | M00000166348 |
| 2799 | CT TNHH DV NHA HANG SECRET               | 26  | M00000207409 | M00000207434 |
| 2800 | CT TNHH DV NHA HANG THI TAM              | 6   | M00000223409 | M00000223414 |
| 2801 | CT TNHH DV O TO QUANG TRUNG              | 232 | M00000106185 | M00000106416 |
| 2802 | CT TNHH DV SX VA TM PHUONG THAO          | 5   | M00000054425 | M00000054429 |
| 2803 | CT TNHH DV THUONG MAI PHAM ANH TRANG     | 15  | M00000109226 | M00000109240 |
| 2804 | CT TNHH DV TM & VIEN THONG TUAN HUNG     | 12  | M00000108197 | M00000108208 |
| 2805 | CT TNHH DV TM DU LICH TOAN THANG         | 10  | M00000112463 | M00000112472 |
| 2806 | CT TNHH DV TM HOANG LOI                  | 17  | M00000088493 | M00000088509 |
| 2807 | CT TNHH DV TM NHA HANG NNICE             | 14  | M00000169447 | M00000169460 |
| 2808 | CT TNHH DV TM PHUONG NAM BIKE            | 1   | M00000223130 | M00000223130 |
| 2809 | CT TNHH DV TM TA KE                      | 6   | M00000164683 | M00000164688 |
| 2810 | CT TNHH DV TM TONG HOP MAT KINH CAMY EYE | 2   | M00000203406 | M00000203407 |
| 2811 | CT TNHH DV TM VA DU LICH KHANH HUYEN     | 12  | M00000043095 | M00000043106 |
| 2812 | CT TNHH DV TRUYEN HINH HD VIET NAM       | 4   | M00000042956 | M00000042959 |
| 2813 | CT TNHH DV TU VAN PHAT TRIEN H VA T      | 1   | M00000207443 | M00000207443 |
| 2814 | CT TNHH DV VA DIEN TU TAN TAN            | 68  | M00000163301 | M00000163368 |
| 2815 | CT TNHH DV VA PHAT TRIEN TM SAO HA NOI   | 10  | M00000039835 | M00000039844 |
| 2816 | CT TNHH DV VA PT TM T GROUP              | 16  | M00000039620 | M00000039635 |
| 2817 | CT TNHH DV VA THAM MY HYE - ONG SAI GON  | 29  | M00000035042 | M00000035070 |
| 2818 | CT TNHH DV VA THIET KE TRAN NGUYEN HUY   | 7   | M00000168351 | M00000168357 |
| 2819 | CT TNHH DV VA TM H&V BAC NINH            | 12  | M00000050779 | M00000050790 |
| 2820 | CT TNHH DV VA TM JA KUM SUNG             | 6   | M00000062743 | M00000062748 |
| 2821 | CT TNHH DV VA TM LE MINH - CN VINH PHUC  | 2   | M00000064359 | M00000064360 |
| 2822 | CT TNHH DV VA TM MINH THANH              | 53  | M00000145007 | M00000145059 |
| 2823 | CT TNHH DV VA TM OCEAN FOOD VIET NAM     | 3   | M00000037864 | M00000037866 |
| 2824 | CT TNHH DV VA TM QUOC KHANH VINH QUANG   | 28  | M00000073293 | M00000073320 |
| 2825 | CT TNHH DV VA TM QUOC TE HA MINH ANH     | 1   | M00000029105 | M00000029105 |
| 2826 | CT TNHH DV VA TM TONG HOP HOANG DAT      | 72  | M00000113942 | M00000114013 |
| 2827 | CT TNHH DV VA TM TONG HOP KHANH MINH     | 50  | M00000060671 | M00000060720 |
| 2828 | CT TNHH DV VA TO CHUC SU KIEN NGHI SON   | 8   | M00000134118 | M00000134125 |
| 2829 | CT TNHH DV VAN TAI VA THUONG MAI HK      | 4   | M00000032232 | M00000032235 |
| 2830 | CT TNHH DV&TM MINH TRI                   | 1   | M00000117272 | M00000117272 |
| 2831 | CT TNHH DV&DL KHACH SAN VIETSKY          | 1   | M00000043081 | M00000043081 |
| 2832 | CT TNHH DV-DL VIET SUN                   | 1   | M00000158631 | M00000158631 |
| 2833 | CT TNHH DV-TM GIA HUY                    | 62  | M00000193530 | M00000193591 |
| 2834 | CT TNHH DVU VA THUONG MAI PT THAI SON    | 3   | M00000193221 | M00000193223 |
| 2835 | CT TNHH E VI TA                          | 15  | M00000158580 | M00000158594 |
| 2836 | CT TNHH EAST TAN PHAT                    | 16  | M00000200201 | M00000200216 |
| 2837 | CT TNHH EDUCATION MB VIET NAM-CN TPHCM   | 26  | M00000015524 | M00000015549 |
| 2838 | CT TNHH EIKOH VIET NAM                   | 3   | M00000005154 | M00000005156 |
| 2839 | CT TNHH EK COMPANY VN                    | 18  | M00000183831 | M00000183848 |
| 2840 | CT TNHH EM BIET DOC                      | 34  | M00000160892 | M00000160925 |
| 2841 | CT TNHH ENGLISH LANGUAGE INSTITUTE VIETN | 4   | M00000207140 | M00000207143 |
| 2842 | CT TNHH ENOY REVE                        | 1   | M00000215421 | M00000215421 |
| 2843 | CT TNHH EPCO FOODS                       | 16  | M00000169678 | M00000169693 |
| 2844 | CT TNHH EURO VIET PERFUMERY              | 1   | M00000173248 | M00000173248 |
| 2845 | CT TNHH EUROHAUS                         | 8   | M00000041623 | M00000041630 |
| 2846 | CT TNHH EVEREST EDUCATION                | 63  | M00000188232 | M00000188294 |
| 2847 | CT TNHH EYE WANT                         | 2   | M00000018372 | M00000018373 |
| 2848 | CT TNHH FAIRY                            | 6   | M00000190355 | M00000190360 |
| 2849 | CT TNHH FGG VIET NAM                     | 12  | M00000204221 | M00000204232 |
| 2850 | CT TNHH FLAMINGO BAY                     | 18  | M00000117120 | M00000117137 |
| 2851 | CT TNHH FLC SAMSON GOLF & RESORT         | 5   | M00000108191 | M00000108195 |
| 2852 | CT TNHH FLYING PHOENIX                   | 153 | M00000199410 | M00000199562 |
| 2853 | CT TNHH FOOD LINK VIET NAM               | 26  | M00000182640 | M00000182665 |
| 2854 | CT TNHH G & G                            | 49  | M00000103469 | M00000103517 |
| 2855 | CT TNHH GC LOUNGE BAR                    | 29  | M00000193653 | M00000193681 |
| 2856 | CT TNHH GD VA DT PHOENIX TALENT          | 1   | M00000093416 | M00000093416 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2857 | CT TNHH GDDT-PT VA HOP TAC QT KHANH LINH | 6   | M00000059683 | M00000059688 |
| 2858 | CT TNHH GIA NHIEN                        | 1   | M00000158608 | M00000158608 |
| 2859 | CT TNHH GIAI PHAP E2E                    | 8   | M00000002206 | M00000002213 |
| 2860 | CT TNHH GIAI PHAP SUC KHOE               | 8   | M00000182283 | M00000182290 |
| 2861 | CT TNHH GIAI PHAP SUC KHOE VA LAM DEP AN | 6   | M00000045962 | M00000045967 |
| 2862 | CT TNHH GIAI TRI NGHE THUAT NICE         | 18  | M00000170533 | M00000170550 |
| 2863 | CT TNHH GIAI TRI NHA HANG BIG NIGHT OUT  | 101 | M00000217656 | M00000217756 |
| 2864 | CT TNHH GIAI TRI NNICE                   | 15  | M00000169464 | M00000169478 |
| 2865 | CT TNHH GIAO DUC CAT TUONG               | 5   | M00000135016 | M00000135020 |
| 2866 | CT TNHH GIAO DUC DAO TAO GIANTS          | 7   | M00000083266 | M00000083272 |
| 2867 | CT TNHH GIAO DUC HI-WAY                  | 1   | M00000120066 | M00000120066 |
| 2868 | CT TNHH GIAO DUC KY NANG VA HO TRO GIAO  | 1   | M00000092046 | M00000092046 |
| 2869 | CT TNHH GIAO DUC NHAC HOA SUNFLOWER      | 2   | M00000211778 | M00000211779 |
| 2870 | CT TNHH GIAO DUC PTNELC                  | 4   | M00000207639 | M00000207642 |
| 2871 | CT TNHH GIAO DUC QUOC TE HOA BACH HOP    | 12  | M00000204198 | M00000204209 |
| 2872 | CT TNHH GIAO DUC QUOC TE IRIS            | 10  | M00000189438 | M00000189447 |
| 2873 | CT TNHH GIAO DUC QUOC TE THIEN MINH      | 5   | M00000187293 | M00000187297 |
| 2874 | CT TNHH GIAO DUC VA CONG NGHE ETC        | 1   | M00000030403 | M00000030403 |
| 2875 | CT TNHH GIAO DUC VA DAO TAO PTS GLOBAL   | 3   | M00000226659 | M00000226661 |
| 2876 | CT TNHH GIAO LO                          | 10  | M00000163978 | M00000163987 |
| 2877 | CT TNHH GIAP BINH-CHI NHANH SO 3         | 4   | M00000166074 | M00000166077 |
| 2878 | CT TNHH GKY INTERNATIONAL - HCMC         | 5   | M00000204355 | M00000204359 |
| 2879 | CT TNHH GLOBAL TOSERCO                   | 95  | M00000014567 | M00000014661 |
| 2880 | CT TNHH GLORY INVESTMENT HOLDING (VIET   | 320 | M00000169701 | M00000170020 |
| 2881 | CT TNHH GOM SU AN PHUC                   | 1   | M00000070785 | M00000070785 |
| 2882 | CT TNHH GOM SU QUANG VINH                | 1   | M00000063391 | M00000063391 |
| 2883 | CT TNHH GP NHA KHOA NU CUOI              | 114 | M00000070353 | M00000070466 |
| 2884 | CT TNHH G-PROS VINA                      | 3   | M00000064935 | M00000064937 |
| 2885 | CT TNHH GRADO INSPIRED                   | 20  | M00000208826 | M00000208845 |
| 2886 | CT TNHH GRANITE TAN GIA HUY              | 8   | M00000104828 | M00000104835 |
| 2887 | CT TNHH GROWGANIC                        | 2   | M00000183859 | M00000183860 |
| 2888 | CT TNHH H.T NHA TRANG LOGISTICS          | 106 | M00000112177 | M00000112282 |
| 2889 | CT TNHH HA KIM BEAUTY CLINIC             | 10  | M00000227841 | M00000227850 |
| 2890 | CT TNHH HA NOI BON MUA                   | 16  | M00000006314 | M00000006329 |
| 2891 | CT TNHH HA PHONG                         | 16  | M00000002332 | M00000002347 |
| 2892 | CT TNHH HAI DANG                         | 66  | M00000100340 | M00000100405 |
| 2893 | CT TNHH HAI DUONG                        | 1   | M00000006330 | M00000006330 |
| 2894 | CT TNHH HAI LONG HL26                    | 1   | M00000076465 | M00000076465 |
| 2895 | CT TNHH HAI THANH VIEN TUAN LAN          | 12  | M00000065025 | M00000065036 |
| 2896 | CT TNHH HAI VAN KHANH HOA                | 171 | M00000130001 | M00000130171 |
| 2897 | CT TNHH HAISANQUANGNINH.VN               | 4   | M00000073535 | M00000073538 |
| 2898 | CT TNHH HAM RUOU TPHCM                   | 40  | M00000184266 | M00000184305 |
| 2899 | CT TNHH HAMILIFE VIET NAM                | 8   | M00000054363 | M00000054370 |
| 2900 | CT TNHH HAPYRES VN                       | 21  | M00000225822 | M00000225842 |
| 2901 | CT TNHH HARMONY HOTEL                    | 154 | M00000166098 | M00000166251 |
| 2902 | CT TNHH HAT GIONG TY PHAT                | 4   | M00000091357 | M00000091360 |
| 2903 | CT TNHH HELEN AIRPORT HOTEL              | 1   | M00000216732 | M00000216732 |
| 2904 | CT TNHH HMK HOLDINGS                     | 13  | M00000212128 | M00000212140 |
| 2905 | CT TNHH HOA AN HD                        | 65  | M00000060777 | M00000060841 |
| 2906 | CT TNHH HOA MAI NT                       | 2   | M00000106690 | M00000106691 |
| 2907 | CT TNHH HOA TUC                          | 444 | M00000162546 | M00000162989 |
| 2908 | CT TNHH HOANG DAT                        | 1   | M00000008694 | M00000008694 |
| 2909 | CT TNHH HOANG HAI PHAT                   | 7   | M00000077901 | M00000077907 |
| 2910 | CT TNHH HOANG HAI VINH PHUC              | 11  | M00000061794 | M00000061804 |
| 2911 | CT TNHH HOANG LAN SPA & CLINIC           | 1   | M00000192452 | M00000192452 |
| 2912 | CT TNHH HOANG MINH DAT                   | 5   | M00000049764 | M00000049768 |
| 2913 | CT TNHH HOANG QUAN                       | 5   | M00000158739 | M00000158743 |
| 2914 | CT TNHH HOANG THANH NGOC                 | 3   | M00000080088 | M00000080090 |
| 2915 | CT TNHH HOANG VAN BMT                    | 9   | M00000122423 | M00000122431 |
| 2916 | CT TNHH HOANG VIEN QUANG BA              | 151 | M00000017076 | M00000017226 |
| 2917 | CT TNHH HOANG VY KIEN GIANG              | 4   | M00000079811 | M00000079814 |
| 2918 | CT TNHH HOC VIEN KHUNG LONG              | 26  | M00000192545 | M00000192570 |
| 2919 | CT TNHH HOD LTT                          | 43  | M00000172335 | M00000172377 |
| 2920 | CT TNHH HOKKAIDO MEKONG-CHI NHANH 1      | 2   | M00000090170 | M00000090171 |
| 2921 | CT TNHH HONG TRUNG NGHIA                 | 1   | M00000078593 | M00000078593 |
| 2922 | CT TNHH HONG'S RESTAURANT                | 8   | M00000193410 | M00000193417 |
| 2923 | CT TNHH HOOLALA VIET NAM                 | 20  | M00000038418 | M00000038437 |
| 2924 | CT TNHH HOP GIA VI                       | 8   | M00000172383 | M00000172390 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2925 | CT TNHH HOP THANH                        | 234 | M00000052269 | M00000052502 |
| 2926 | CT TNHH HOSAKI                           | 6   | M00000197548 | M00000197553 |
| 2927 | CT TNHH HT PHONG KHAM Y HOC CO TRUYEN SG | 23  | M00000182578 | M00000182600 |
| 2928 | CT TNHH HTV QUANG THU THIEN PHONG        | 32  | M00000040443 | M00000040474 |
| 2929 | CT TNHH HUNG MO                          | 26  | M00000113275 | M00000113300 |
| 2930 | CT TNHH HUNG PHU                         | 1   | M00000169677 | M00000169677 |
| 2931 | CT TNHH HUU NGHI                         | 1   | M00000049746 | M00000049746 |
| 2932 | CT TNHH HUU THANH                        | 15  | M00000099553 | M00000099567 |
| 2933 | CT TNHH HUY HOANG                        | 2   | M00000107801 | M00000107802 |
| 2934 | CT TNHH HUY HOANG RACH GIA               | 5   | M00000089277 | M00000089281 |
| 2935 | CT TNHH HUYEN THIEN NAM                  | 50  | M00000195157 | M00000195206 |
| 2936 | CT TNHH HYGGE LIFE                       | 1   | M00000199600 | M00000199600 |
| 2937 | CT TNHH ICONSPHERE INN                   | 88  | M00000207690 | M00000207777 |
| 2938 | CT TNHH IMPERIAL HERBAL INSTITUTE        | 6   | M00000039919 | M00000039924 |
| 2939 | CT TNHH INTERNATIONAL MEDICARE           | 27  | M00000015324 | M00000015350 |
| 2940 | CT TNHH ISAN FOOD AND BEVERAGE           | 1   | M00000169214 | M00000169214 |
| 2941 | CT TNHH ISTANBUL ANATOLIAN KEBAB HOUSE   | 64  | M00000115282 | M00000115345 |
| 2942 | CT TNHH JAPAN HOSPITALITY MANAGEMENT     | 6   | M00000008398 | M00000008403 |
| 2943 | CT TNHH JFS VIET NAM                     | 8   | M00000012677 | M00000012684 |
| 2944 | CT TNHH JIN VIET NAM                     | 72  | M00000016403 | M00000016474 |
| 2945 | CT TNHH JOLI COSMETIC                    | 3   | M00000082596 | M00000082598 |
| 2946 | CT TNHH JOMA VIET NAM                    | 13  | M00000015915 | M00000015927 |
| 2947 | CT TNHH JOSHUA HAIR AND BEAUTY           | 12  | M00000205211 | M00000205222 |
| 2948 | CT TNHH JUNG MI                          | 40  | M00000000758 | M00000000797 |
| 2949 | CT TNHH KD DIA OC AN CAT                 | 2   | M00000220427 | M00000220428 |
| 2950 | CT TNHH KD DICH VU VAN TAI HT            | 1   | M00000225500 | M00000225500 |
| 2951 | CT TNHH KD NHA KHOA QT VIET PHAP         | 3   | M00000049358 | M00000049360 |
| 2952 | CT TNHH KD TONG HOP AN DIEN              | 1   | M00000100289 | M00000100289 |
| 2953 | CT TNHH KD VA TM THU DONG                | 40  | M00000065885 | M00000065924 |
| 2954 | CT TNHH KD VANG BAC DA QUY DINH DANG     | 1   | M00000147573 | M00000147573 |
| 2955 | CT TNHH KD VANG BAC DA QUY KIM CHAU      | 19  | M00000195592 | M00000195610 |
| 2956 | CT TNHH KDTM VANG BAC ANH QUAN           | 1   | M00000068707 | M00000068707 |
| 2957 | CT TNHH KEANGNAM KOREA                   | 1   | M00000181461 | M00000181461 |
| 2958 | CT TNHH KEM Y VIET NAM                   | 3   | M00000012608 | M00000012610 |
| 2959 | CT TNHH KHACH SAN BONITA SIGNATURE       | 1   | M00000209058 | M00000209058 |
| 2960 | CT TNHH KHACH SAN DL SAIGON STAR         | 4   | M00000156964 | M00000156967 |
| 2961 | CT TNHH KHACH SAN GRAND CITIVIEW DA NANG | 15  | M00000129769 | M00000129783 |
| 2962 | CT TNHH KHACH SAN KIM CUONG XANH         | 17  | M00000158772 | M00000158788 |
| 2963 | CT TNHH KHACH SAN NGOC HA NOI            | 69  | M00000007769 | M00000007837 |
| 2964 | CT TNHH KHACH SAN NGUYEN HUYNH KHAI HOAN | 3   | M00000157043 | M00000157045 |
| 2965 | CT TNHH KHACH SAN NHAT HA L'OPERA        | 91  | M00000219566 | M00000219656 |
| 2966 | CT TNHH KHACH SAN NU HOANG ELIZABETH     | 5   | M00000190006 | M00000190010 |
| 2967 | CT TNHH KHACH SAN PARADISE SAI GON       | 148 | M00000165502 | M00000165649 |
| 2968 | CT TNHH KHACH SAN PARAGON SAI GON        | 95  | M00000157989 | M00000158083 |
| 2969 | CT TNHH KHACH SAN ROSELAND SWEET         | 17  | M00000184354 | M00000184370 |
| 2970 | CT TNHH KHACH SAN SILVERLAND MAY         | 407 | M00000201413 | M00000201819 |
| 2971 | CT TNHH KHACH SAN SKY GEM CENTRAL        | 13  | M00000183770 | M00000183782 |
| 2972 | CT TNHH KHACH SAN SUN KISS               | 12  | M00000111664 | M00000111675 |
| 2973 | CT TNHH KHACH SAN TAN HAI LONG           | 395 | M00000158875 | M00000159269 |
| 2974 | CT TNHH KHACH SAN THIEN BAO BINH         | 55  | M00000162459 | M00000162513 |
| 2975 | CT TNHH KHACH SAN VA DU LICH BACH MA     | 35  | M00000096545 | M00000096579 |
| 2976 | CT TNHH KHACH SAN VA DU LICH KET NOI     | 3   | M00000011405 | M00000011407 |
| 2977 | CT TNHH KHAI THAC DICH VU KCN THINH VUON | 4   | M00000071451 | M00000071454 |
| 2978 | CT TNHH KHANG DI AN                      | 5   | M00000191882 | M00000191886 |
| 2979 | CT TNHH KHO GAO QUANG VIET THAM          | 5   | M00000093330 | M00000093334 |
| 2980 | CT TNHH KHOI HA NAM                      | 50  | M00000075171 | M00000075220 |
| 2981 | CT TNHH KHU GON                          | 89  | M00000167387 | M00000167475 |
| 2982 | CT TNHH KIDS TIME                        | 3   | M00000191548 | M00000191550 |
| 2983 | CT TNHH KIEN TRUC XD NOI THAT VAN VU     | 2   | M00000138343 | M00000138344 |
| 2984 | CT TNHH KILEE GROUP                      | 6   | M00000040731 | M00000040736 |
| 2985 | CT TNHH KIM BAO DE NHAT                  | 75  | M00000226479 | M00000226553 |
| 2986 | CT TNHH KIM HUNG GOLD                    | 213 | M00000135298 | M00000135510 |
| 2987 | CT TNHH KIM LOAN JEWELRY                 | 2   | M00000083240 | M00000083241 |
| 2988 | CT TNHH KIM MY TIEN                      | 8   | M00000092818 | M00000092825 |
| 2989 | CT TNHH KIM QUY PHU QUOC                 | 6   | M00000092027 | M00000092032 |
| 2990 | CT TNHH KIM THANH NAM                    | 2   | M00000049762 | M00000049763 |
| 2991 | CT TNHH KING COFFEE                      | 4   | M00000184306 | M00000184309 |
| 2992 | CT TNHH KING LUXURY VIET NAM             | 3   | M00000002376 | M00000002378 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 2993 | CT TNHH KINGS KNOW VIET NAM              | 13  | M00000187942 | M00000187954 |
| 2994 | CT TNHH KINH DOANH DIA OC DAI TIEN PHAT  | 47  | M00000212720 | M00000212766 |
| 2995 | CT TNHH KINH DOANH DICH VU THUONG MAI TH | 15  | M00000048371 | M00000048385 |
| 2996 | CT TNHH KINH DOANH DONG HO TOAN CAU      | 26  | M00000019695 | M00000019720 |
| 2997 | CT TNHH KINH DOANH DV THUONG MAI THANH T | 20  | M00000044833 | M00000044852 |
| 2998 | CT TNHH KINH DOANH HOANG PHUOC LOC       | 2   | M00000187331 | M00000187332 |
| 2999 | CT TNHH KINH DOANH KHACH SAN LEE         | 2   | M00000185804 | M00000185805 |
| 3000 | CT TNHH KINH DOANH TM LTS VIET NAM       | 100 | M00000009382 | M00000009481 |
| 3001 | CT TNHH KINH DOANH TM QUANG THANG TG     | 3   | M00000074232 | M00000074234 |
| 3002 | CT TNHH KINH DOANH VA DICH VU QUOC MINH  | 3   | M00000030173 | M00000030175 |
| 3003 | CT TNHH KINH DOANH VAN TAI TAN LIEN      | 1   | M00000039977 | M00000039977 |
| 3004 | CT TNHH KINH DOANH VANG CARA JEWELRY     | 15  | M00000226450 | M00000226464 |
| 3005 | CT TNHH KINH DOANH VLXD PHUONG NAM       | 24  | M00000069452 | M00000069475 |
| 3006 | CT TNHH KINH DOANH VLXD VA DV QUANG HA   | 9   | M00000167300 | M00000167308 |
| 3007 | CT TNHH KINH MAT HMK VIETNAM             | 53  | M00000212478 | M00000212530 |
| 3008 | CT TNHH KIWAMI VIET NAM                  | 50  | M00000108263 | M00000108312 |
| 3009 | CT TNHH KORYI JAPANESE                   | 2   | M00000027123 | M00000027124 |
| 3010 | CT TNHH KS KINH THANH                    | 189 | M00000096657 | M00000096845 |
| 3011 | CT TNHH KSAN DU LICH & DVU NGOC HIEU     | 24  | M00000047330 | M00000047353 |
| 3012 | CT TNHH KUROYA VIETNAM                   | 7   | M00000205677 | M00000205683 |
| 3013 | CT TNHH KY THUAT CONG NGHE DUONG LONG    | 1   | M00000077917 | M00000077917 |
| 3014 | CT TNHH L2A SAIGON BAGS                  | 7   | M00000200489 | M00000200495 |
| 3015 | CT TNHH LA PHONG QUOC TE                 | 70  | M00000163487 | M00000163556 |
| 3016 | CT TNHH LAGUNA BEACH                     | 79  | M00000011655 | M00000011733 |
| 3017 | CT TNHH LAI HUONG2                       | 8   | M00000117273 | M00000117280 |
| 3018 | CT TNHH L'AIMERONT HOTEL                 | 1   | M00000105719 | M00000105719 |
| 3019 | CT TNHH LALISA PLUS                      | 1   | M00000117039 | M00000117039 |
| 3020 | CT TNHH LAM CA PHE VIETBEANS             | 1   | M00000158748 | M00000158748 |
| 3021 | CT TNHH LAM DEP JBA VIET NAM             | 12  | M00000167216 | M00000167227 |
| 3022 | CT TNHH LAM HO NGUYEN                    | 5   | M00000113302 | M00000113306 |
| 3023 | CT TNHH LAM HOA THUY                     | 5   | M00000200855 | M00000200859 |
| 3024 | CT TNHH LAM NGOC DONG A-CN KHANH HOA     | 3   | M00000140521 | M00000140523 |
| 3025 | CT TNHH LAN DA HOAN HAO 1                | 20  | M00000187768 | M00000187787 |
| 3026 | CT TNHH LAVASIA7                         | 1   | M00000190353 | M00000190353 |
| 3027 | CT TNHH LAVENDER HA NOI                  | 200 | M00000017263 | M00000017462 |
| 3028 | CT TNHH LE COMPTOIR                      | 21  | M00000193632 | M00000193652 |
| 3029 | CT TNHH LE LIEN MONDIAL                  | 5   | M00000213684 | M00000213688 |
| 3030 | CT TNHH LE SAI GON HOTEL                 | 31  | M00000080481 | M00000080511 |
| 3031 | CT TNHH LIEN DOANH SOMERSET HOA BINH     | 47  | M00000020723 | M00000020769 |
| 3032 | CT TNHH LILLIPUT DIAMOND                 | 27  | M00000198473 | M00000198499 |
| 3033 | CT TNHH LINH LAM HUNG PHAT               | 14  | M00000124206 | M00000124219 |
| 3034 | CT TNHH LLC HANH TINH XANH               | 6   | M00000186215 | M00000186220 |
| 3035 | CT TNHH LMN GLOBAL VIET NAM              | 13  | M00000029599 | M00000029611 |
| 3036 | CT TNHH LONG DIEP PHAT                   | 3   | M00000080091 | M00000080093 |
| 3037 | CT TNHH LORRAINE                         | 2   | M00000196447 | M00000196448 |
| 3038 | CT TNHH LOTS                             | 3   | M00000188021 | M00000188023 |
| 3039 | CT TNHH LOTTE RENT-A-CAR VINA            | 7   | M00000012692 | M00000012698 |
| 3040 | CT TNHH LP SMILE                         | 4   | M00000191942 | M00000191945 |
| 3041 | CT TNHH L'S PLACE                        | 131 | M00000011408 | M00000011538 |
| 3042 | CT TNHH LUA TO TAM BAO LOC               | 18  | M00000167183 | M00000167200 |
| 3043 | CT TNHH LUC CAT                          | 1   | M00000192075 | M00000192075 |
| 3044 | CT TNHH LUCA                             | 25  | M00000194394 | M00000194418 |
| 3045 | CT TNHH LUCIA BAKERY COFFEE              | 11  | M00000133312 | M00000133322 |
| 3046 | CT TNHH LUSINE                           | 28  | M00000168420 | M00000168447 |
| 3047 | CT TNHH M GROUP                          | 10  | M00000185641 | M00000185650 |
| 3048 | CT TNHH MAC NHA TRANG                    | 6   | M00000108692 | M00000108697 |
| 3049 | CT TNHH MAISON BUI                       | 4   | M00000037845 | M00000037848 |
| 3050 | CT TNHH MAM NON TUAN VU                  | 2   | M00000129276 | M00000129277 |
| 3051 | CT TNHH MARCEL GROUP                     | 26  | M00000194979 | M00000195004 |
| 3052 | CT TNHH MARGHERI DI CIRO SORRENTINO      | 2   | M00000220397 | M00000220398 |
| 3053 | CT TNHH MARGHERI DI MAI VO               | 5   | M00000201256 | M00000201260 |
| 3054 | CT TNHH MASU                             | 14  | M00000018027 | M00000018040 |
| 3055 | CT TNHH MAT KINH QUANG LOC               | 9   | M00000106692 | M00000106700 |
| 3056 | CT TNHH MAY THEU TAY KIM PHUONG          | 4   | M00000157471 | M00000157474 |
| 3057 | CT TNHH MAY THEU TM LAN ANH              | 50  | M00000156993 | M00000157042 |
| 3058 | CT TNHH MAY TUI XACH THAI DUONG          | 10  | M00000160403 | M00000160412 |
| 3059 | CT TNHH ME BAU VA BE MAM                 | 21  | M00000147710 | M00000147730 |
| 3060 | CT TNHH ME KONG PLUS                     | 12  | M00000166512 | M00000166523 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3061 | CT TNHH MEAT WORKS                       | 48  | M00000170914 | M00000170961 |
| 3062 | CT TNHH MEGA GS CINEMAS                  | 9   | M00000169309 | M00000169317 |
| 3063 | CT TNHH MEKONG GOURMET                   | 2   | M00000193322 | M00000193323 |
| 3064 | CT TNHH MEMEGURUU                        | 5   | M00000024470 | M00000024474 |
| 3065 | CT TNHH MERIDIEM                         | 43  | M00000193921 | M00000193963 |
| 3066 | CT TNHH MI RAE HYANG                     | 1   | M00000059717 | M00000059717 |
| 3067 | CT TNHH MIKASAKAIKAN VIETNAM             | 28  | M00000206634 | M00000206661 |
| 3068 | CT TNHH MINAMOTO                         | 2   | M00000183812 | M00000183813 |
| 3069 | CT TNHH MINH THU                         | 172 | M00000077920 | M00000078091 |
| 3070 | CT TNHH MINH TRANG PATISSERIE            | 4   | M00000071165 | M00000071168 |
| 3071 | CT TNHH MINH VU VINH PHUC                | 10  | M00000053649 | M00000053658 |
| 3072 | CT TNHH MIRABELLE                        | 114 | M00000002214 | M00000002327 |
| 3073 | CT TNHH MITISA                           | 12  | M00000108441 | M00000108452 |
| 3074 | CT TNHH MO LI CHA                        | 17  | M00000080512 | M00000080528 |
| 3075 | CT TNHH MOC BEAUTY GROUP                 | 13  | M00000220327 | M00000220339 |
| 3076 | CT TNHH MOC HUONG WELLNESS               | 115 | M00000218108 | M00000218222 |
| 3077 | CT TNHH MOC VIET HIEN                    | 3   | M00000093486 | M00000093488 |
| 3078 | CT TNHH MOI TRUONG VINH PHAT             | 2   | M00000220036 | M00000220037 |
| 3079 | CT TNHH MONGO LAND                       | 10  | M00000141071 | M00000141080 |
| 3080 | CT TNHH MOONSTONE WELLNESS VN            | 13  | M00000029106 | M00000029118 |
| 3081 | CT TNHH MOT THANH VIEN ANH THU           | 2   | M00000098772 | M00000098773 |
| 3082 | CT TNHH MOT THANH VIEN NA TO             | 1   | M00000158749 | M00000158749 |
| 3083 | CT TNHH MOT THANH VIEN NHA HANG JEIL     | 4   | M00000062491 | M00000062494 |
| 3084 | CT TNHH MOT THANH VIEN TM TUAN ANH HD    | 216 | M00000052552 | M00000052767 |
| 3085 | CT TNHH MOT THANH VIEN TRUNG TIEN        | 8   | M00000080065 | M00000080072 |
| 3086 | CT TNHH MOT THANH VIEN VAN HOA PHAM CHAU | 5   | M00000187046 | M00000187050 |
| 3087 | CT TNHH MOT THANH VIEN VIET SAO MAI      | 1   | M00000217186 | M00000217186 |
| 3088 | CT TNHH MT NEST                          | 18  | M00000129377 | M00000129394 |
| 3089 | CT TNHH MTV ANVI                         | 1   | M00000153199 | M00000153199 |
| 3090 | CT TNHH MTV AON VINA                     | 887 | M00000005157 | M00000006043 |
| 3091 | CT TNHH MTV BAC AN YEN                   | 3   | M00000139669 | M00000139671 |
| 3092 | CT TNHH MTV BAY BANG                     | 3   | M00000167234 | M00000167236 |
| 3093 | CT TNHH MTV BENH VIEN PHU SAN ME KONG    | 121 | M00000157165 | M00000157285 |
| 3094 | CT TNHH MTV CA PHE HUNG DUNG             | 36  | M00000106149 | M00000106184 |
| 3095 | CT TNHH MTV CHICKEN PLUS SU VAN HANH     | 10  | M00000217853 | M00000217862 |
| 3096 | CT TNHH MTV CHIKARA                      | 84  | M00000196233 | M00000196316 |
| 3097 | CT TNHH MTV CONG XANH                    | 2   | M00000003460 | M00000003461 |
| 3098 | CT TNHH MTV CUNG UNG VTNL KHANH HOA      | 1   | M00000112005 | M00000112005 |
| 3099 | CT TNHH MTV DA CAO SON                   | 9   | M00000080168 | M00000080176 |
| 3100 | CT TNHH MTV DAU TU & PHAT TRIEN BG HOLDI | 20  | M00000224108 | M00000224127 |
| 3101 | CT TNHH MTV DAU TU VA TM SAO PHUONG BAC  | 29  | M00000012856 | M00000012884 |
| 3102 | CT TNHH MTV DG GOLF                      | 8   | M00000104391 | M00000104398 |
| 3103 | CT TNHH MTV DICH VU BAO PHAT             | 3   | M00000153491 | M00000153493 |
| 3104 | CT TNHH MTV DICH VU THU Y AN VIET        | 6   | M00000160052 | M00000160057 |
| 3105 | CT TNHH MTV DL APRIL                     | 8   | M00000110336 | M00000110343 |
| 3106 | CT TNHH MTV DO MINH GIA AN               | 4   | M00000091221 | M00000091224 |
| 3107 | CT TNHH MTV DT TM TRAM HUONG BAC VIET    | 10  | M00000067910 | M00000067919 |
| 3108 | CT TNHH MTV DU LICH ANH DUONG            | 3   | M00000078116 | M00000078118 |
| 3109 | CT TNHH MTV DU LICH DONG DA              | 40  | M00000097374 | M00000097413 |
| 3110 | CT TNHH MTV DU LICH KHACH SAN THAN THIEN | 3   | M00000100850 | M00000100852 |
| 3111 | CT TNHH MTV DU LICH NGHI DUONG SINH THAI | 35  | M00000160349 | M00000160383 |
| 3112 | CT TNHH MTV DU LICH PHUONG NGUYEN        | 24  | M00000079917 | M00000079940 |
| 3113 | CT TNHH MTV DU LICH VIETRAVEL HUE        | 26  | M00000126138 | M00000126163 |
| 3114 | CT TNHH MTV DUC PHAT FOODS               | 23  | M00000088404 | M00000088426 |
| 3115 | CT TNHH MTV DUC PHAT HOANG GIA           | 29  | M00000080106 | M00000080134 |
| 3116 | CT TNHH MTV DV & TM BAO NGAN VINH PHUC   | 4   | M00000049886 | M00000049889 |
| 3117 | CT TNHH MTV DV DL DAI DUONG XANH         | 298 | M00000082917 | M00000083214 |
| 3118 | CT TNHH MTV DV DO UONG BOSS OI           | 87  | M00000227423 | M00000227509 |
| 3119 | CT TNHH MTV DV HANG KHONG PHU BINH       | 9   | M00000083912 | M00000083920 |
| 3120 | CT TNHH MTV DV NHA HANG-KS PHAM VAN      | 6   | M00000190077 | M00000190082 |
| 3121 | CT TNHH MTV DV TANG KHA                  | 2   | M00000114391 | M00000114392 |
| 3122 | CT TNHH MTV DV TM NGOC ANH SPA           | 20  | M00000206765 | M00000206784 |
| 3123 | CT TNHH MTV DV VA TM TONG HOP HUAN QUYNH | 8   | M00000065767 | M00000065774 |
| 3124 | CT TNHH MTV DV DL VA MARKETING THE KY    | 1   | M00000158789 | M00000158789 |
| 3125 | CT TNHH MTV ECO BACKPACKERS HOSTEL       | 1   | M00000186452 | M00000186452 |
| 3126 | CT TNHH MTV GN VT VA TM CHAU AU VANG     | 51  | M00000165179 | M00000165229 |
| 3127 | CT TNHH MTV H A PHU QUOC                 | 2   | M00000080045 | M00000080046 |
| 3128 | CT TNHH MTV HAI HIEP GLOBAL              | 31  | M00000045442 | M00000045472 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3129 | CT TNHH MTV HAI PHAN DQ                  | 2   | M00000090477 | M00000090478 |
| 3130 | CT TNHH MTV HAN QUOC QUE HUONG           | 17  | M00000162026 | M00000162042 |
| 3131 | CT TNHH MTV HOA TRA PHU QUOC             | 13  | M00000080006 | M00000080018 |
| 3132 | CT TNHH MTV HOANG LAN CPQN               | 4   | M00000065392 | M00000065395 |
| 3133 | CT TNHH MTV HOANG TIEN LAM               | 15  | M00000069078 | M00000069092 |
| 3134 | CT TNHH MTV I MOBI                       | 8   | M00000079092 | M00000079099 |
| 3135 | CT TNHH MTV KAWASHIMA SHOTEN             | 22  | M00000218236 | M00000218257 |
| 3136 | CT TNHH MTV KHACH SAN ANH KIET           | 4   | M00000226700 | M00000226703 |
| 3137 | CT TNHH MTV KHACH SAN CAP TOWN           | 2   | M00000160008 | M00000160009 |
| 3138 | CT TNHH MTV KHACH SAN HOANG HAI LONG BA  | 161 | M00000160706 | M00000160866 |
| 3139 | CT TNHH MTV KHACH SAN LAC VIEN           | 1   | M00000159657 | M00000159657 |
| 3140 | CT TNHH MTV KHACH SAN LE HANG            | 2   | M00000084908 | M00000084909 |
| 3141 | CT TNHH MTV KHACH SAN SILVERLAND YEN     | 164 | M00000171105 | M00000171268 |
| 3142 | CT TNHH MTV KHACH SAN SUN FLOWER         | 37  | M00000161797 | M00000161833 |
| 3143 | CT TNHH MTV KHACH SAN SUNWAY HA NOI      | 13  | M00000008727 | M00000008739 |
| 3144 | CT TNHH MTV KHACH SAN THE MYST DONG KHOI | 587 | M00000172512 | M00000173098 |
| 3145 | CT TNHH MTV KHACH SAN VICTORIA HANG CHAU | 90  | M00000076866 | M00000076955 |
| 3146 | CT TNHH MTV KHANH TRANG                  | 8   | M00000101722 | M00000101729 |
| 3147 | CT TNHH MTV KH-CN THUOC TRUONG DHCT      | 1   | M00000079997 | M00000079997 |
| 3148 | CT TNHH MTV KIEN GIANG VINH PHUC         | 2   | M00000057725 | M00000057726 |
| 3149 | CT TNHH MTV KIM CUONG HONG               | 1   | M00000163773 | M00000163773 |
| 3150 | CT TNHH MTV KIMNANA GROUP                | 6   | M00000137034 | M00000137039 |
| 3151 | CT TNHH MTV KS HOANG HAI LONG            | 193 | M00000164707 | M00000164899 |
| 3152 | CT TNHH MTV KS TAN HAI LONG HAI          | 197 | M00000164481 | M00000164677 |
| 3153 | CT TNHH MTV KS TAN HAI LONG SAU          | 256 | M00000167490 | M00000167745 |
| 3154 | CT TNHH MTV KY THUAT-TM-DICH VU BAO AN   | 12  | M00000158727 | M00000158738 |
| 3155 | CT TNHH MTV LANG AM THUC BINH DUONG      | 9   | M00000164151 | M00000164159 |
| 3156 | CT TNHH MTV LONG HOA FURNILAND           | 9   | M00000059966 | M00000059974 |
| 3157 | CT TNHH MTV LUOT VAN DIEU LANG MY HOA    | 3   | M00000141235 | M00000141237 |
| 3158 | CT TNHH MTV MAY MAC&KD DO TAM XUAN THU   | 29  | M00000159896 | M00000159924 |
| 3159 | CT TNHH MTV MINH QUAN THOAI SON          | 4   | M00000077553 | M00000077556 |
| 3160 | CT TNHH MTV MINH TAM                     | 1   | M00000080044 | M00000080044 |
| 3161 | CT TNHH MTV MSPACE                       | 10  | M00000062473 | M00000062482 |
| 3162 | CT TNHH MTV MYREHAB CENTER               | 1   | M00000020061 | M00000020061 |
| 3163 | CT TNHH MTV MYUNG GA FOOD                | 21  | M00000160031 | M00000160051 |
| 3164 | CT TNHH MTV NGOI SAO CINEPLEX BHD VN     | 8   | M00000009910 | M00000009917 |
| 3165 | CT TNHH MTV NHA HANG MOT HAI LAM         | 11  | M00000203057 | M00000203067 |
| 3166 | CT TNHH MTV NHA HANG PHUC HAI            | 1   | M00000222724 | M00000222724 |
| 3167 | CT TNHH MTV NHA HANG QUAN NEM            | 63  | M00000173180 | M00000173242 |
| 3168 | CT TNHH MTV NHA HANG SOC NAU             | 6   | M00000082120 | M00000082125 |
| 3169 | CT TNHH MTV NHA HANG TREN SONG           | 41  | M00000159942 | M00000159982 |
| 3170 | CT TNHH MTV NHA HANG YUKI                | 9   | M00000195062 | M00000195070 |
| 3171 | CT TNHH MTV NHA KHOA HOA SU              | 15  | M00000224767 | M00000224781 |
| 3172 | CT TNHH MTV NHAHANG AMTHUC SANVUON MAILA | 23  | M00000199200 | M00000199222 |
| 3173 | CT TNHH MTV NHIET LANH HAI NAM           | 31  | M00000111839 | M00000111869 |
| 3174 | CT TNHH MTV NHU TUYET                    | 11  | M00000078990 | M00000079000 |
| 3175 | CT TNHH MTV ODP SOLUTION                 | 5   | M00000194578 | M00000194582 |
| 3176 | CT TNHH MTV PARIS DELI SAI GON           | 23  | M00000201078 | M00000201100 |
| 3177 | CT TNHH MTV PHAN THANH AKURUHI DA NANG   | 14  | M00000117198 | M00000117211 |
| 3178 | CT TNHH MTV PHAT TRIEN GIAO DUC HONG MIN | 1   | M00000059722 | M00000059722 |
| 3179 | CT TNHH MTV PHEVA                        | 9   | M00000103113 | M00000103121 |
| 3180 | CT TNHH MTV PHI HUNG ANH - QUAN AN SAU H | 2   | M00000081103 | M00000081104 |
| 3181 | CT TNHH MTV PHONG KHAM DA KHOA AN PHUC   | 3   | M00000159336 | M00000159338 |
| 3182 | CT TNHH MTV PHONG KHAM THAM MY TT BEAUTY | 16  | M00000216295 | M00000216310 |
| 3183 | CT TNHH MTV PHU KIEN PHU QUOC            | 129 | M00000080344 | M00000080472 |
| 3184 | CT TNHH MTV PHU NHAT TAM                 | 5   | M00000079806 | M00000079810 |
| 3185 | CT TNHH MTV QC TM XAY DUNG NAM VIET      | 1   | M00000077684 | M00000077684 |
| 3186 | CT TNHH MTV QUANG NAM QUY TIN - CN DAKLA | 4   | M00000124870 | M00000124873 |
| 3187 | CT TNHH MTV QUEEN ANN                    | 5   | M00000167996 | M00000168000 |
| 3188 | CT TNHH MTV QUOC LOAN                    | 6   | M00000195433 | M00000195438 |
| 3189 | CT TNHH MTV SACH BAO VAN HOA PHAM HA NOI | 14  | M00000165329 | M00000165342 |
| 3190 | CT TNHH MTV SAT THEP HOANG HUY PHAT      | 22  | M00000207585 | M00000207606 |
| 3191 | CT TNHH MTV SKYD CORPORATION             | 13  | M00000202525 | M00000202537 |
| 3192 | CT TNHH MTV SU KIEN - KHACH SAN - NHA HA | 7   | M00000040084 | M00000040090 |
| 3193 | CT TNHH MTV SUA VIET PHUONG TRANG        | 2   | M00000187922 | M00000187923 |
| 3194 | CT TNHH MTV SUSHIBUN                     | 31  | M00000200285 | M00000200315 |
| 3195 | CT TNHH MTV SX THIET BI CA PHE LAM VI TA | 2   | M00000185890 | M00000185891 |
| 3196 | CT TNHH MTV SX TM DV VANG THE HUNG CUONG | 66  | M00000089417 | M00000089482 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3197 | CT TNHH MTV SX TMDV GIAI TRI TRAN MANH T | 6   | M00000203928 | M00000203933 |
| 3198 | CT TNHH MTV T.BI NGANH ANH QUANG MINH    | 7   | M00000110344 | M00000110350 |
| 3199 | CT TNHH MTV THAI CHAU KIEN GIANG         | 1   | M00000079356 | M00000079356 |
| 3200 | CT TNHH MTV THANH VUONG PHAT             | 2   | M00000166635 | M00000166636 |
| 3201 | CT TNHH MTV THAO NHAN FOOD               | 4   | M00000091006 | M00000091009 |
| 3202 | CT TNHH MTV THE GIOI MAY TINH BANG       | 7   | M00000165495 | M00000165501 |
| 3203 | CT TNHH MTV THI KHANH                    | 6   | M00000192453 | M00000192458 |
| 3204 | CT TNHH MTV THU CONG TRUC LAM            | 9   | M00000015378 | M00000015386 |
| 3205 | CT TNHH MTV THUAN PHAT                   | 61  | M00000100100 | M00000100160 |
| 3206 | CT TNHH MTV THUONG MAI & KHACH SAN MINDY | 50  | M00000029049 | M00000029098 |
| 3207 | CT TNHH MTV THUONG MAI DAI NIEN CAT      | 5   | M00000192284 | M00000192288 |
| 3208 | CT TNHH MTV THUONG MAI DICH VU HG        | 29  | M00000102445 | M00000102473 |
| 3209 | CT TNHH MTV THUONG MAI DICH VU MINH TRAM | 28  | M00000186142 | M00000186169 |
| 3210 | CT TNHH MTV THUONG MAI KY THUAT ALICO    | 28  | M00000112530 | M00000112557 |
| 3211 | CT TNHH MTV THUONG MAI& VAN TAI TAN DAT  | 162 | M00000112283 | M00000112444 |
| 3212 | CT TNHH MTV TM & DV TONG HOP CHAN THANH  | 5   | M00000113454 | M00000113458 |
| 3213 | CT TNHH MTV TM DL MINH HUY PHU QUOC      | 3   | M00000079100 | M00000079102 |
| 3214 | CT TNHH MTV TM DV 131 KG                 | 1   | M00000080665 | M00000080665 |
| 3215 | CT TNHH MTV TM DV DANG KHOA              | 1   | M00000164149 | M00000164149 |
| 3216 | CT TNHH MTV TM DV MY DI                  | 19  | M00000166490 | M00000166508 |
| 3217 | CT TNHH MTV TM DV PHUC AN THINH BD       | 5   | M00000224839 | M00000224843 |
| 3218 | CT TNHH MTV TM DV THAM MY HOANG MY       | 27  | M00000200694 | M00000200720 |
| 3219 | CT TNHH MTV TM DV TIN HOC DUC ANH        | 21  | M00000159313 | M00000159333 |
| 3220 | CT TNHH MTV TM DV VAN TAI THANH NHUNG    | 2   | M00000100234 | M00000100235 |
| 3221 | CT TNHH MTV TM DV VIET DUC 518           | 6   | M00000225675 | M00000225680 |
| 3222 | CT TNHH MTV TM DV XD THANH NGHIEP        | 8   | M00000078612 | M00000078619 |
| 3223 | CT TNHH MTV TM HANH PHUONG               | 63  | M00000097994 | M00000098056 |
| 3224 | CT TNHH MTV TM MY LOI                    | 5   | M00000164678 | M00000164682 |
| 3225 | CT TNHH MTV TM NHA HANG LINH QUAN        | 16  | M00000159618 | M00000159633 |
| 3226 | CT TNHH MTV TM NHKS HOA BINH             | 8   | M00000078207 | M00000078214 |
| 3227 | CT TNHH MTV TM QUOC VIET                 | 5   | M00000065863 | M00000065867 |
| 3228 | CT TNHH MTV TM TH GREENBOOK VIET NAM     | 118 | M00000045989 | M00000046106 |
| 3229 | CT TNHH MTV TM VA DICH VU SON MA         | 3   | M00000098737 | M00000098739 |
| 3230 | CT TNHH MTV TM VA DV NHA HANG CHAY PHUON | 3   | M00000205965 | M00000205967 |
| 3231 | CT TNHH MTV TM VA DV PHONG DO -CN HA NOI | 7   | M00000011740 | M00000011746 |
| 3232 | CT TNHH MTV TM VA DV XE MAY HUU TINH     | 4   | M00000194690 | M00000194693 |
| 3233 | CT TNHH MTV TMDV C.NGANH NHA CUONG NHAN  | 26  | M00000190051 | M00000190076 |
| 3234 | CT TNHH MTV TMDV DAU TU NHUNG NGUOI BAN  | 107 | M00000163369 | M00000163475 |
| 3235 | CT TNHH MTV TMDV DONG PHUONG             | 4   | M00000092516 | M00000092519 |
| 3236 | CT TNHH MTV TMDV KACHUSA..               | 12  | M00000105707 | M00000105718 |
| 3237 | CT TNHH MTV TMDV MOTOXEMAY AN THANH PHAT | 2   | M00000169697 | M00000169698 |
| 3238 | CT TNHH MTV TMDV THUCPHAM DUYEN DAI PHAT | 52  | M00000208388 | M00000208439 |
| 3239 | CT TNHH MTV TMDV XD VIET HOANG PHUC      | 3   | M00000169694 | M00000169696 |
| 3240 | CT TNHH MTV TOKUSHIN VIET NAM            | 3   | M00000223638 | M00000223640 |
| 3241 | CT TNHH MTV TRAI CAY VA THUC PHAM NHAP K | 2   | M00000205994 | M00000205995 |
| 3242 | CT TNHH MTV TRI HOI                      | 10  | M00000160981 | M00000160990 |
| 3243 | CT TNHH MTV TRUNG GIA THINH..            | 5   | M00000111421 | M00000111425 |
| 3244 | CT TNHH MTV TRUONG QUOC TE DREAM         | 2   | M00000031058 | M00000031059 |
| 3245 | CT TNHH MTV TUYET NGAN K G               | 1   | M00000080963 | M00000080963 |
| 3246 | CT TNHH MTV VANG BAC DA QUY KHUONG MAI   | 27  | M00000058721 | M00000058747 |
| 3247 | CT TNHH MTV VANG BAC KIM THANH HUNG PHAT | 57  | M00000210652 | M00000210708 |
| 3248 | CT TNHH MTV VANG BAC VA DV CAM DO UT THU | 11  | M00000192441 | M00000192451 |
| 3249 | CT TNHH MTV VANG BAC XUAN SANG           | 68  | M00000054224 | M00000054291 |
| 3250 | CT TNHH MTV VIEN GUT                     | 15  | M00000161852 | M00000161866 |
| 3251 | CT TNHH MTV VIET NHAT KHANH HOA          | 39  | M00000108516 | M00000108554 |
| 3252 | CT TNHH MTV VIET THANH                   | 20  | M00000159637 | M00000159656 |
| 3253 | CT TNHH MTV VO DAT PHAT                  | 6   | M00000081954 | M00000081959 |
| 3254 | CT TNHH MTV XAY DUNG- TM& DV HOANG GIA   | 7   | M00000078937 | M00000078943 |
| 3255 | CT TNHH MTV XE MAY HUU TINH              | 3   | M00000164016 | M00000164018 |
| 3256 | CT TNHH MTV XNK SACH BAO VN-XUNHASABA    | 1   | M00000000008 | M00000000008 |
| 3257 | CT TNHH MU BAO HIEM TRON VEN             | 42  | M00000214468 | M00000214509 |
| 3258 | CT TNHH MUC IN BAO TIN                   | 2   | M00000165699 | M00000165700 |
| 3259 | CT TNHH MUSCLE FUEL                      | 2   | M00000191921 | M00000191922 |
| 3260 | CT TNHH MW MOTHER AND BABY VIET NAM      | 38  | M00000200788 | M00000200825 |
| 3261 | CT TNHH MY BANH MI                       | 1   | M00000166615 | M00000166615 |
| 3262 | CT TNHH MY NGHE HONG NGOC                | 4   | M00000002413 | M00000002416 |
| 3263 | CT TNHH MY PHAM VIET UC                  | 47  | M00000008585 | M00000008631 |
| 3264 | CT TNHH MY VIEN QUOC TE HIEU CHAU KOREA  | 7   | M00000080787 | M00000080793 |



|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3265 | CT TNHH NAM KHANH NAM                    | 5   | M00000091513 | M00000091517 |
| 3266 | CT TNHH NAP SAIGON                       | 1   | M00000191459 | M00000191459 |
| 3267 | CT TNHH NASCA                            | 3   | M00000080140 | M00000080142 |
| 3268 | CT TNHH NBC JEWELRY & DIAMOND            | 45  | M00000211690 | M00000211734 |
| 3269 | CT TNHH NEW AGE SPORTS                   | 5   | M00000184329 | M00000184333 |
| 3270 | CT TNHH NEW YORK BAGEL                   | 6   | M00000181289 | M00000181294 |
| 3271 | CT TNHH NEXUS HOUSE                      | 14  | M00000218082 | M00000218095 |
| 3272 | CT TNHH NGAN DUNG                        | 7   | M00000092997 | M00000093003 |
| 3273 | CT TNHH NGHI DUONG BIEN PEPPERCORN       | 6   | M00000080716 | M00000080721 |
| 3274 | CT TNHH NGOAI NGU READING Q              | 19  | M00000203456 | M00000203474 |
| 3275 | CT TNHH NGOC DUNG                        | 87  | M00000097550 | M00000097636 |
| 3276 | CT TNHH NGOC PHAT F&B                    | 1   | M00000154174 | M00000154174 |
| 3277 | CT TNHH NGOC TRANG DAK LAK               | 4   | M00000156832 | M00000156835 |
| 3278 | CT TNHH NGOC VIET PMS                    | 228 | M00000143865 | M00000144092 |
| 3279 | CT TNHH NGU LONG                         | 19  | M00000103122 | M00000103140 |
| 3280 | CT TNHH NGUOI SANH AN QUOC TE            | 17  | M00000172318 | M00000172334 |
| 3281 | CT TNHH NGUYEN ANH QUAN                  | 3   | M00000077908 | M00000077910 |
| 3282 | CT TNHH NGUYEN HONG                      | 4   | M00000002328 | M00000002331 |
| 3283 | CT TNHH NGUYEN KHOA B2B                  | 9   | M00000143227 | M00000143235 |
| 3284 | CT TNHH NGUYEN LIEU THUY SAN BINH DUONG  | 30  | M00000216480 | M00000216509 |
| 3285 | CT TNHH NGUYEN QUAN CUONG                | 20  | M00000093573 | M00000093592 |
| 3286 | CT TNHH NGUYEN SON                       | 1   | M00000100327 | M00000100327 |
| 3287 | CT TNHH NHA KHOA THAM MY QUOC TE META    | 2   | M00000044810 | M00000044811 |
| 3288 | CT TNHH NHA HANG 30 BO SONG              | 7   | M00000205939 | M00000205945 |
| 3289 | CT TNHH NHA HANG AN DO GANESH HAI PHONG  | 1   | M00000058754 | M00000058754 |
| 3290 | CT TNHH NHA HANG APERO                   | 29  | M00000187264 | M00000187292 |
| 3291 | CT TNHH NHA HANG ARIRANG BBQ             | 12  | M00000184316 | M00000184327 |
| 3292 | CT TNHH NHA HANG BOM                     | 8   | M00000192276 | M00000192283 |
| 3293 | CT TNHH NHA HANG BUKCHON VIET HAN-CN DL  | 8   | M00000142203 | M00000142210 |
| 3294 | CT TNHH NHA HANG CHEERS                  | 4   | M00000170563 | M00000170566 |
| 3295 | CT TNHH NHA HANG CHUYEN BA BUA - CN SAI  | 19  | M00000217338 | M00000217356 |
| 3296 | CT TNHH NHA HANG DONG LAM                | 9   | M00000117826 | M00000117834 |
| 3297 | CT TNHH NHA HANG ENYA                    | 3   | M00000169461 | M00000169463 |
| 3298 | CT TNHH NHA HANG HAIYAN                  | 1   | M00000124241 | M00000124241 |
| 3299 | CT TNHH NHA HANG KAI SE RIN              | 38  | M00000078119 | M00000078156 |
| 3300 | CT TNHH NHA HANG KHACH SAN BIEU TUONG SA | 176 | M00000184011 | M00000184186 |
| 3301 | CT TNHH NHA HANG KHACH SAN KIM DO        | 1   | M00000077847 | M00000077847 |
| 3302 | CT TNHH NHA HANG KHACH SAN NAM BO        | 15  | M00000078215 | M00000078229 |
| 3303 | CT TNHH NHA HANG ME KONG                 | 25  | M00000160867 | M00000160891 |
| 3304 | CT TNHH NHA HANG MISS SAIGON             | 44  | M00000217264 | M00000217307 |
| 3305 | CT TNHH NHA HANG NGON                    | 40  | M00000161757 | M00000161796 |
| 3306 | CT TNHH NHA HANG OT DO                   | 5   | M00000170988 | M00000170992 |
| 3307 | CT TNHH NHA HANG SONG BIEN               | 4   | M00000082387 | M00000082390 |
| 3308 | CT TNHH NHA HANG THE ONE CM              | 5   | M00000089315 | M00000089319 |
| 3309 | CT TNHH NHA HANG THI TAM                 | 13  | M00000215531 | M00000215543 |
| 3310 | CT TNHH NHA HANG THIET MOC LAN           | 10  | M00000078313 | M00000078322 |
| 3311 | CT TNHH NHA HANG THO NHI KY PASHA BISTRO | 33  | M00000181858 | M00000181890 |
| 3312 | CT TNHH NHA HANG TIPTOP                  | 27  | M00000043900 | M00000043926 |
| 3313 | CT TNHH NHA HANG VA SU KIEN PHUONG HOANG | 12  | M00000024118 | M00000024129 |
| 3314 | CT TNHH NHA HANG VUON THO NHI KY PASHA   | 3   | M00000193318 | M00000193320 |
| 3315 | CT TNHH NHA HANG WOORIGA                 | 7   | M00000129794 | M00000129800 |
| 3316 | CT TNHH NHA HANG Z1                      | 27  | M00000224130 | M00000224156 |
| 3317 | CT TNHH NHA KHOA DONG NAM                | 10  | M00000157979 | M00000157988 |
| 3318 | CT TNHH NHA KHOA DR.SMILE                | 40  | M00000017506 | M00000017545 |
| 3319 | CT TNHH NHA KHOA ELITE                   | 146 | M00000162313 | M00000162458 |
| 3320 | CT TNHH NHA KHOA HAI NGUYEN              | 2   | M00000192001 | M00000192002 |
| 3321 | CT TNHH NHA KHOA HOA HONG                | 2   | M00000163049 | M00000163050 |
| 3322 | CT TNHH NHA KHOA I-DENT                  | 42  | M00000166637 | M00000166678 |
| 3323 | CT TNHH NHA KHOA IMPLANT I-DENT          | 22  | M00000196343 | M00000196364 |
| 3324 | CT TNHH NHA KHOA INTECH                  | 67  | M00000206918 | M00000206984 |
| 3325 | CT TNHH NHA KHOA KO.SE.I.KAI             | 3   | M00000159634 | M00000159636 |
| 3326 | CT TNHH NHA KHOA LE THANH TAM            | 49  | M00000187965 | M00000188013 |
| 3327 | CT TNHH NHA KHOA LEE                     | 4   | M00000181994 | M00000181997 |
| 3328 | CT TNHH NHA KHOA NGO TUAN ANH            | 19  | M00000214604 | M00000214622 |
| 3329 | CT TNHH NHA KHOA PLUM DENTAL CLINIC      | 32  | M00000217804 | M00000217835 |
| 3330 | CT TNHH NHA KHOA SAI GON - SEOUL         | 13  | M00000167476 | M00000167488 |
| 3331 | CT TNHH NHA KHOA SUNLEAF                 | 1   | M00000170044 | M00000170044 |
| 3332 | CT TNHH NHA KHOA VIEN DONG               | 97  | M00000191025 | M00000191121 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3333 | CT TNHH NHA KHOA VIET NGÀ                | 11  | M00000169215 | M00000169225 |
| 3334 | CT TNHH NHA NHA TRÀNG                    | 22  | M00000117562 | M00000117583 |
| 3335 | CT TNHH NHA THANH PHO SÀI GON            | 6   | M00000160001 | M00000160006 |
| 3336 | CT TNHH NHA THUOC HONG LINH              | 9   | M00000226024 | M00000226032 |
| 3337 | CT TNHH NHA VIET PREMIER DENTAL          | 13  | M00000157787 | M00000157799 |
| 3338 | CT TNHH NHAHANG AN DO KERALA PALACE AUTH | 3   | M00000153974 | M00000153976 |
| 3339 | CT TNHH NHAKHOASAI GON S.T               | 3   | M00000192873 | M00000192875 |
| 3340 | CT TNHH NHAT LY                          | 52  | M00000050154 | M00000050205 |
| 3341 | CT TNHH NHIP CAU DONG DUONG              | 1   | M00000006402 | M00000006402 |
| 3342 | CT TNHH NHOM GIA SU QUOC TE              | 21  | M00000171357 | M00000171377 |
| 3343 | CT TNHH NHU VUI GIA AN                   | 16  | M00000089354 | M00000089369 |
| 3344 | CT TNHH NHUNG NGUOI BAN BIEN HOA         | 13  | M00000088223 | M00000088235 |
| 3345 | CT TNHH NICE TECH VINA                   | 6   | M00000059468 | M00000059473 |
| 3346 | CT TNHH NOEL PREMIUM BAKERY              | 11  | M00000209512 | M00000209522 |
| 3347 | CT TNHH NOI SOI KY THUAT CAO BS TUAN     | 3   | M00000088455 | M00000088457 |
| 3348 | CT TNHH NOVA TOAN PHAT                   | 2   | M00000091818 | M00000091819 |
| 3349 | CT TNHH OBSERVATORY                      | 2   | M00000185639 | M00000185640 |
| 3350 | CT TNHH OC CHUNG CU                      | 3   | M00000218296 | M00000218298 |
| 3351 | CT TNHH OCA VIET NHAT                    | 2   | M00000206067 | M00000206068 |
| 3352 | CT TNHH OFCO VIET NAM                    | 28  | M00000164971 | M00000164998 |
| 3353 | CT TNHH OI A OI                          | 1   | M00000036643 | M00000036643 |
| 3354 | CT TNHH ONE CLICK                        | 1   | M00000203405 | M00000203405 |
| 3355 | CT TNHH OSM VIET NAM                     | 47  | M00000076805 | M00000076851 |
| 3356 | CT TNHH PCT Y HOC CO TRUYEN TAM DUC      | 4   | M00000167746 | M00000167749 |
| 3357 | CT TNHH PEARL HA                         | 7   | M00000006587 | M00000006593 |
| 3358 | CT TNHH PEONY COFFEE & BAKERY            | 26  | M00000223216 | M00000223241 |
| 3359 | CT TNHH PERFETTO VIET NAM                | 7   | M00000197366 | M00000197372 |
| 3360 | CT TNHH PERSON'S INNOVATION VIET NAM     | 15  | M00000008740 | M00000008754 |
| 3361 | CT TNHH PHAM THAI PHAT                   | 20  | M00000093267 | M00000093286 |
| 3362 | CT TNHH PHAN LE HUY                      | 6   | M00000167795 | M00000167800 |
| 3363 | CT TNHH PHAN PHOI TM DAI AN              | 16  | M00000071536 | M00000071551 |
| 3364 | CT TNHH PHAN PHOI TM THUAN AN            | 131 | M00000051164 | M00000051294 |
| 3365 | CT TNHH PHAT TRIEN AM THUC AN VIET       | 2   | M00000040116 | M00000040117 |
| 3366 | CT TNHH PHAT TRIEN CONG NGHE TIEN DUONG  | 1   | M00000040551 | M00000040551 |
| 3367 | CT TNHH PHAT TRIEN DICH VU DIAMOND BEAUT | 83  | M00000044412 | M00000044494 |
| 3368 | CT TNHH PHAT TRIEN GIAO DUC TRI TUE VIET | 2   | M00000111607 | M00000111608 |
| 3369 | CT TNHH PHAT TRIEN THUONG MAI SINH Y     | 5   | M00000043230 | M00000043234 |
| 3370 | CT TNHH PHAT TRIEN TM VA DV VINH PHAT    | 2   | M00000020548 | M00000020549 |
| 3371 | CT TNHH PHAT TRIEN VA DAU TU TM SAO VIET | 4   | M00000012688 | M00000012691 |
| 3372 | CT TNHH PHI HUNG THUAN PHAT              | 2   | M00000089313 | M00000089314 |
| 3373 | CT TNHH PHONG KHAM CHUYEN KHOA THAM MY A | 47  | M00000213837 | M00000213883 |
| 3374 | CT TNHH PHONG KHAM DA KHOA QT HANG XANH  | 4   | M00000165364 | M00000165367 |
| 3375 | CT TNHH PHONG KHAM DA KHOA TULIP         | 2   | M00000184310 | M00000184311 |
| 3376 | CT TNHH PHONG KHAM DA KHOA VA BAC SI GIA | 6   | M00000111615 | M00000111620 |
| 3377 | CT TNHH PHONG KHAM VIBRANT               | 41  | M00000169233 | M00000169273 |
| 3378 | CT TNHH PHONG THUY MINH TUAN             | 9   | M00000068198 | M00000068206 |
| 3379 | CT TNHH PHU KIM PHU YEN                  | 6   | M00000112488 | M00000112493 |
| 3380 | CT TNHH PHU MY                           | 43  | M00000049572 | M00000049614 |
| 3381 | CT TNHH PHU NGUYEN VANG BAC DA QUY 1928  | 483 | M00000137125 | M00000137607 |
| 3382 | CT TNHH PHUC HOI CHUC NANG KY UC HOUSTON | 2   | M00000203488 | M00000203489 |
| 3383 | CT TNHH PHUC HUNG THINH                  | 441 | M00000003019 | M00000003459 |
| 3384 | CT TNHH PHUOC BAO NAM                    | 1   | M00000108325 | M00000108325 |
| 3385 | CT TNHH PHUONG ANH DUC                   | 202 | M00000078620 | M00000078821 |
| 3386 | CT TNHH PHUONG THAO FRUIT                | 9   | M00000210938 | M00000210946 |
| 3387 | CT TNHH PHUONG THUY EDUCATION            | 2   | M00000135779 | M00000135780 |
| 3388 | CT TNHH PING SHENG FENG (PING GROUP)     | 38  | M00000161874 | M00000161911 |
| 3389 | CT TNHH PK LIEN CHUYEN KHOA LIANS MMC    | 29  | M00000168365 | M00000168393 |
| 3390 | CT TNHH PK SUC KHOE BEWELL SAI GON       | 1   | M00000226631 | M00000226631 |
| 3391 | CT TNHH PKDK SAI GON TAN THUAN           | 14  | M00000192831 | M00000192844 |
| 3392 | CT TNHH PP VA PT THUONG MAI DANG KHOA    | 1   | M00000183741 | M00000183741 |
| 3393 | CT TNHH PRETTY LITTLE SHOP VIET NAM      | 3   | M00000205707 | M00000205709 |
| 3394 | CT TNHH PRIME LIFE VIETNAM               | 3   | M00000032065 | M00000032067 |
| 3395 | CT TNHH PSL VINA                         | 13  | M00000168407 | M00000168419 |
| 3396 | CT TNHH PT GD VA HOP TAC QTE THANH HANG  | 194 | M00000060477 | M00000060670 |
| 3397 | CT TNHH PT KHACH SAN VA DV DAT QUANG ANH | 26  | M00000036599 | M00000036624 |
| 3398 | CT TNHH PT NGOC HOANG                    | 6   | M00000169158 | M00000169163 |
| 3399 | CT TNHH PT NHA KHOA QT VIET PHAP         | 1   | M00000035757 | M00000035757 |
| 3400 | CT TNHH PT THUONG MAI HOANG HA           | 27  | M00000002348 | M00000002374 |

|      |                                          |      |              |              |
|------|------------------------------------------|------|--------------|--------------|
| 3401 | CT TNHH PT TM VA DT AN KHANH             | 16   | M00000018111 | M00000018126 |
| 3402 | CT TNHH PTRIEN DTU & T/MAI A.LP          | 36   | M00000011336 | M00000011371 |
| 3403 | CT TNHH QL                               | 78   | M00000016558 | M00000016635 |
| 3404 | CT TNHH QL NHA HANG LAU GA DUONG THI     | 34   | M00000156531 | M00000156564 |
| 3405 | CT TNHH QUA DAU DO                       | 2    | M00000187662 | M00000187663 |
| 3406 | CT TNHH QUA TANG PHA LE                  | 1    | M00000184257 | M00000184257 |
| 3407 | CT TNHH QUAN AN TRUONG THO               | 6    | M00000181189 | M00000181194 |
| 3408 | CT TNHH QUAN LY DICH VU AN UONG VI KHANG | 11   | M00000209680 | M00000209690 |
| 3409 | CT TNHH QUAN LY DV AN UONG PANG PANG VN  | 39   | M00000222859 | M00000222897 |
| 3410 | CT TNHH QUAN LY KHACH SAN BESPOKE        | 135  | M00000023272 | M00000023406 |
| 3411 | CT TNHH QUAN LY KHACH SAN HUAZHU (VIET N | 39   | M00000226096 | M00000226134 |
| 3412 | CT TNHH QUEEN ANN NHA TRANG              | 46   | M00000105966 | M00000106011 |
| 3413 | CT TNHH QUOC BAO TUAN AN VIEN            | 75   | M00000090211 | M00000090285 |
| 3414 | CT TNHH QUOC TE BUTO BUTO                | 2    | M00000032131 | M00000032132 |
| 3415 | CT TNHH QUOC TE COPAHA                   | 7    | M00000054089 | M00000054095 |
| 3416 | CT TNHH QUOC TE DA KHUC                  | 13   | M00000167309 | M00000167321 |
| 3417 | CT TNHH QUOC TE LE KIEN                  | 14   | M00000170970 | M00000170983 |
| 3418 | CT TNHH QUOC TE MTV NHA KHOA GOOD SMILE  | 27   | M00000195319 | M00000195345 |
| 3419 | CT TNHH QUOC TUAN DA LAT                 | 22   | M00000136860 | M00000136881 |
| 3420 | CT TNHH RAISE GLOBAL                     | 5    | M00000215198 | M00000215202 |
| 3421 | CT TNHH RAK THAI                         | 32   | M00000198324 | M00000198355 |
| 3422 | CT TNHH RAMPO 73                         | 7    | M00000214597 | M00000214603 |
| 3423 | CT TNHH REM CUA CAU VONG HAN QUOC HAPPY  | 1    | M00000203478 | M00000203478 |
| 3424 | CT TNHH RESTAURANT NIKKEI                | 44   | M00000202465 | M00000202508 |
| 3425 | CT TNHH RESTAURANT TINTO - CN HAI BA TRU | 27   | M00000215230 | M00000215256 |
| 3426 | CT TNHH RETRO SAIGON CAFE                | 1    | M00000188014 | M00000188014 |
| 3427 | CT TNHH RICE FIELD FLAVOR                | 20   | M00000220691 | M00000220710 |
| 3428 | CT TNHH RIDE PLUS                        | 29   | M00000166450 | M00000166478 |
| 3429 | CT TNHH RNFA                             | 2    | M00000117549 | M00000117550 |
| 3430 | CT TNHH ROSELAND CORP HOTEL              | 20   | M00000169324 | M00000169343 |
| 3431 | CT TNHH S.A.S.-CTAMAD                    | 1093 | M00000003912 | M00000005004 |
| 3432 | CT TNHH S.J SEONG JIU                    | 17   | M00000127136 | M00000127152 |
| 3433 | CT TNHH SAI GON GLASS TECH               | 6    | M00000220633 | M00000220638 |
| 3434 | CT TNHH SAIGON CRAFT                     | 5    | M00000173243 | M00000173247 |
| 3435 | CT TNHH SAIGON LUMIERE                   | 8    | M00000166524 | M00000166531 |
| 3436 | CT TNHH SAIGON WATERGO                   | 1    | M00000203286 | M00000203286 |
| 3437 | CT TNHH SAMSAN BBQ                       | 6    | M00000030803 | M00000030808 |
| 3438 | CT TNHH SAN XUAT DICH VU LANG VIET       | 42   | M00000216588 | M00000216629 |
| 3439 | CT TNHH SAN XUAT KINH DOANH TAN DAI VIET | 11   | M00000059728 | M00000059738 |
| 3440 | CT TNHH SAN XUAT NOI THAT XUAT NHAP KHAU | 3    | M00000190277 | M00000190279 |
| 3441 | CT TNHH SAN XUAT THUONG MAI DICH VU 43 - | 28   | M00000195768 | M00000195795 |
| 3442 | CT TNHH SAN XUAT THUONG MAI DICH VU 43   | 1    | M00000155863 | M00000155863 |
| 3443 | CT TNHH SAN XUAT THUONG MAI LA THU SO    | 1    | M00000001119 | M00000001119 |
| 3444 | CT TNHH SAN XUAT THUONG MAI VA DICH VU A | 1    | M00000018130 | M00000018130 |
| 3445 | CT TNHH SAN XUAT THUONG MAI VINH PHAT BN | 1    | M00000214195 | M00000214195 |
| 3446 | CT TNHH SAN XUAT VA DICH VU TOAN CAU     | 54   | M00000039846 | M00000039899 |
| 3447 | CT TNHH SAN XUAT VA THUONG MAI LAN CHI   | 2    | M00000039993 | M00000039994 |
| 3448 | CT TNHH SAN XUAT VA THUONG MAI NHUA MINH | 1    | M00000062973 | M00000062973 |
| 3449 | CT TNHH SAN XUAT VA TM DUC BAC           | 1    | M00000104704 | M00000104704 |
| 3450 | CT TNHH SAO MAI QUOC TE                  | 2    | M00000009896 | M00000009897 |
| 3451 | CT TNHH SECRET GARDEN                    | 9    | M00000168053 | M00000168061 |
| 3452 | CT TNHH SEIBU NOUSAN VIET NAM            | 7    | M00000009658 | M00000009664 |
| 3453 | CT TNHH SEN HOANG GIA                    | 17   | M00000050805 | M00000050821 |
| 3454 | CT TNHH SEN VIET BEAUTY                  | 31   | M00000168021 | M00000168051 |
| 3455 | CT TNHH SHABUSSAM KOREA                  | 13   | M00000203773 | M00000203785 |
| 3456 | CT TNHH SHICHIDA                         | 3    | M00000162514 | M00000162516 |
| 3457 | CT TNHH SIMI KHANH HOA                   | 8    | M00000110273 | M00000110280 |
| 3458 | CT TNHH SIWOO VINAPHATS                  | 18   | M00000046759 | M00000046776 |
| 3459 | CT TNHH SMT VENTURES                     | 4    | M00000188226 | M00000188229 |
| 3460 | CT TNHH SOLID VIET NAM                   | 16   | M00000013169 | M00000013184 |
| 3461 | CT TNHH SOMME TERRACE                    | 20   | M00000220818 | M00000220837 |
| 3462 | CT TNHH SON MAI NET VIET                 | 17   | M00000221392 | M00000221408 |
| 3463 | CT TNHH SOVICO KHANH HOA                 | 964  | M00000095522 | M00000096485 |
| 3464 | CT TNHH SPLE VN                          | 21   | M00000185580 | M00000185600 |
| 3465 | CT TNHH SPLE VN - CHI NHANH CT TNHH SPLE | 6    | M00000199039 | M00000199044 |
| 3466 | CT TNHH SUC KHOE VA CON NGUOI            | 2    | M00000061205 | M00000061206 |
| 3467 | CT TNHH SUMMER EXPERIMENT                | 20   | M00000185606 | M00000185625 |
| 3468 | CT TNHH SUNFLOWER APARTMENT              | 2    | M00000212392 | M00000212393 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3469 | CT TNHH SUROAFURO                        | 6   | M00000144550 | M00000144555 |
| 3470 | CT TNHH SWAN CLINIC                      | 79  | M00000223536 | M00000223614 |
| 3471 | CT TNHH SWIM SERVICES ASIA               | 22  | M00000202548 | M00000202569 |
| 3472 | CT TNHH SX & TM NGOC TRAI XUAT KHAU NATU | 6   | M00000225494 | M00000225499 |
| 3473 | CT TNHH SX & TMDV TRANG ANH              | 10  | M00000015689 | M00000015698 |
| 3474 | CT TNHH SX & XK HANG TCMN THANG LOI      | 204 | M00000097785 | M00000097988 |
| 3475 | CT TNHH SX KD THUC PHAM VA DO UONG WINBE | 8   | M00000083432 | M00000083439 |
| 3476 | CT TNHH SX KD VANG KIM TY                | 106 | M00000077578 | M00000077683 |
| 3477 | CT TNHH SX MAY MAC VA XNK NHAT VIET      | 10  | M00000011597 | M00000011606 |
| 3478 | CT TNHH SX NOI THAT VA TM KIM THANH PHAT | 20  | M00000062564 | M00000062583 |
| 3479 | CT TNHH SX TM DICH VU SANH O SAI GON     | 13  | M00000163945 | M00000163957 |
| 3480 | CT TNHH SX TM DV BDS PHU CUONG           | 36  | M00000187010 | M00000187045 |
| 3481 | CT TNHH SX TM DV DAI HONG AN             | 1   | M00000158747 | M00000158747 |
| 3482 | CT TNHH SX TM DV NGOI NHA VUI VE         | 19  | M00000184448 | M00000184466 |
| 3483 | CT TNHH SX TM DV PHU HAI                 | 8   | M00000182666 | M00000182673 |
| 3484 | CT TNHH SX TM DV THOI TRANG PHAM GIA     | 1   | M00000205197 | M00000205197 |
| 3485 | CT TNHH SX TM MINH DAI PHAT              | 2   | M00000108468 | M00000108469 |
| 3486 | CT TNHH SX TM NGOC THUONG                | 17  | M00000154198 | M00000154214 |
| 3487 | CT TNHH SX TM VIET HUNG                  | 32  | M00000062599 | M00000062630 |
| 3488 | CT TNHH SX VA TM NHUA PLASTIC DUC MINH   | 19  | M00000074277 | M00000074295 |
| 3489 | CT TNHH SX VA TM TAP HOA THIN TRANG      | 12  | M00000070614 | M00000070625 |
| 3490 | CT TNHH SX XNK JISHENG PLYWOOD           | 34  | M00000061760 | M00000061793 |
| 3491 | CT TNHH SX, XAY DUNG VA DV TM DOAN BINH  | 21  | M00000110231 | M00000110251 |
| 3492 | CT TNHH SXTM MINH AN FOOD                | 1   | M00000089827 | M00000089827 |
| 3493 | CT TNHH SX-TM TRANG TRI NOI THAT AN PHAT | 40  | M00000224669 | M00000224708 |
| 3494 | CT TNHH SX-TM VA DICH VU CHAU THONG      | 4   | M00000103109 | M00000103112 |
| 3495 | CT TNHH SX-TM-DV LE GIA PHAT (..)        | 47  | M00000100970 | M00000101016 |
| 3496 | CT TNHH T.MAI D.VU CHUNG DUNG NHA TRANG  | 22  | M00000099802 | M00000099823 |
| 3497 | CT TNHH T.MAI VA D.V DU LICH THUY DUONG  | 13  | M00000103518 | M00000103530 |
| 3498 | CT TNHH TABLE STAR VINA                  | 3   | M00000028612 | M00000028614 |
| 3499 | CT TNHH TAI NANG                         | 282 | M00000172026 | M00000172307 |
| 3500 | CT TNHH TAI PHU FOOD                     | 13  | M00000091310 | M00000091322 |
| 3501 | CT TNHH TAI THANH CONG                   | 983 | M00000106724 | M00000107706 |
| 3502 | CT TNHH TAM COC VALLEY RESORT            | 45  | M00000054312 | M00000054356 |
| 3503 | CT TNHH TAM NHIN MOI A CHAU              | 18  | M00000215480 | M00000215497 |
| 3504 | CT TNHH TAN VINH HUY                     | 2   | M00000080342 | M00000080343 |
| 3505 | CT TNHH TANACHIRA VIET NAM               | 20  | M00000188331 | M00000188350 |
| 3506 | CT TNHH TAO MAU TOC VA THAM MY LIEN DOAN | 4   | M00000011242 | M00000011245 |
| 3507 | CT TNHH TAO MAU TOC VA TM TOAN CAU ONO   | 10  | M00000009790 | M00000009799 |
| 3508 | CT TNHH TAP DE DO                        | 42  | M00000003607 | M00000003648 |
| 3509 | CT TNHH TAP DOAN DU THUYEN HANG SANG     | 1   | M00000050778 | M00000050778 |
| 3510 | CT TNHH TAP DOAN DU THUYEN HANG SANG - C | 4   | M00000070207 | M00000070210 |
| 3511 | CT TNHH TAP DOAN HOANG LINH MAI PHA      | 2   | M00000047327 | M00000047328 |
| 3512 | CT TNHH TAP DOAN KHACH SAN AMIRA         | 5   | M00000044070 | M00000044074 |
| 3513 | CT TNHH TAP DOAN KOTAVA VIET NAM         | 4   | M00000017644 | M00000017647 |
| 3514 | CT TNHH TAP DOAN PHAT TRIEN AM THUC VN   | 460 | M00000207789 | M00000208248 |
| 3515 | CT TNHH TAP DOAN PHU HO GIA              | 241 | M00000015928 | M00000016168 |
| 3516 | CT TNHH TB BAO AN PHAT                   | 1   | M00000199317 | M00000199317 |
| 3517 | CT TNHH TBL CONCEPTS                     | 62  | M00000195504 | M00000195565 |
| 3518 | CT TNHH TD VIEN THAM MY QT GREEN WORLD   | 154 | M00000218993 | M00000219146 |
| 3519 | CT TNHH TD VIEN THAM MY QT KATHLEEN LUXU | 81  | M00000212397 | M00000212477 |
| 3520 | CT TNHH TERRA PONAGAR                    | 1   | M00000125802 | M00000125802 |
| 3521 | CT TNHH TERRISA                          | 2   | M00000201224 | M00000201225 |
| 3522 | CT TNHH TH HOSPITALITY & INVESTMENT      | 4   | M00000017838 | M00000017841 |
| 3523 | CT TNHH THAI HOUSE                       | 11  | M00000168394 | M00000168404 |
| 3524 | CT TNHH THAI VI                          | 46  | M00000003467 | M00000003512 |
| 3525 | CT TNHH THAM MY BLOSSOM                  | 76  | M00000170993 | M00000171068 |
| 3526 | CT TNHH THAM MY HAIR BEAUTY              | 4   | M00000216390 | M00000216393 |
| 3527 | CT TNHH THAM MY QUOC TE KOKO             | 15  | M00000191531 | M00000191545 |
| 3528 | CT TNHH THANG TIEN VIET NAM              | 54  | M00000160927 | M00000160980 |
| 3529 | CT TNHH THANH HUNG TH                    | 2   | M00000078948 | M00000078949 |
| 3530 | CT TNHH THANH THIEN HONG                 | 1   | M00000113588 | M00000113588 |
| 3531 | CT TNHH THANH TRANG-CAY DUA              | 17  | M00000089984 | M00000090000 |
| 3532 | CT TNHH THAO DUOC SHAN HEALTH            | 1   | M00000199045 | M00000199045 |
| 3533 | CT TNHH THAO TO TAM                      | 29  | M00000000711 | M00000000739 |
| 3534 | CT TNHH THE TASTEVERSE +84               | 27  | M00000041254 | M00000041280 |
| 3535 | CT TNHH THE DUC VA THE THAO BODY UP      | 4   | M00000223615 | M00000223618 |
| 3536 | CT TNHH THE EXECUTIVE CENTRE VIET NAM    | 1   | M00000185375 | M00000185375 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3537 | CT TNHH THE GLOBE                        | 18  | M00000214084 | M00000214101 |
| 3538 | CT TNHH THE GREAT WALL HOTEL MANAGEMENT  | 11  | M00000062839 | M00000062849 |
| 3539 | CT TNHH THE ONE VIETNAM M-I              | 2   | M00000218960 | M00000218961 |
| 3540 | CT TNHH THE ONLY GROUP - CN 5 SENSES     | 1   | M00000196232 | M00000196232 |
| 3541 | CT TNHH THE SHED SAIGON                  | 33  | M00000211047 | M00000211079 |
| 3542 | CT TNHH THE THAO & THOI TRANG HOAN VU    | 79  | M00000191703 | M00000191781 |
| 3543 | CT TNHH THE THAO TUAN HANH               | 41  | M00000027763 | M00000027803 |
| 3544 | CT TNHH THE TOOL CENTER                  | 2   | M00000201275 | M00000201276 |
| 3545 | CT TNHH THE WIN STAR                     | 18  | M00000214335 | M00000214352 |
| 3546 | CT TNHH THEP HOANG MINH KHOI             | 10  | M00000091443 | M00000091452 |
| 3547 | CT TNHH THIEN GIANG VA LB                | 12  | M00000017883 | M00000017894 |
| 3548 | CT TNHH THIEN NHAN BAO LOC               | 5   | M00000147551 | M00000147555 |
| 3549 | CT TNHH THIET BI CONG NGHE VA XAY DUNG   | 8   | M00000007314 | M00000007321 |
| 3550 | CT TNHH THIET BI DIEN- DIEN LANH AN BINH | 20  | M00000057282 | M00000057301 |
| 3551 | CT TNHH THIET BI DIEN NUOC BIEN LOAN     | 1   | M00000054088 | M00000054088 |
| 3552 | CT TNHH THIET BI VE SINH THANH LICH      | 42  | M00000150751 | M00000150792 |
| 3553 | CT TNHH THIET BI VUI CHOI PHU LONG       | 7   | M00000173173 | M00000173179 |
| 3554 | CT TNHH THIET KE ICONISTA                | 60  | M00000211793 | M00000211852 |
| 3555 | CT TNHH THIET KE THOI TRANG TAN MY       | 81  | M00000006129 | M00000006209 |
| 3556 | CT TNHH THINH VUONG PHAT                 | 20  | M00000078292 | M00000078311 |
| 3557 | CT TNHH THO PHIEN                        | 13  | M00000059561 | M00000059573 |
| 3558 | CT TNHH THOI TRANG AO TAM THU BOUTIQUE   | 7   | M00000163281 | M00000163287 |
| 3559 | CT TNHH THOI TRANG CAI O                 | 1   | M00000160607 | M00000160607 |
| 3560 | CT TNHH THOI TRANG DAN CHAU              | 7   | M00000158720 | M00000158726 |
| 3561 | CT TNHH THOI TRANG HEBOSZ                | 86  | M00000218584 | M00000218669 |
| 3562 | CT TNHH THOI TRANG KISUHI                | 1   | M00000215980 | M00000215980 |
| 3563 | CT TNHH THOI TRANG L.A                   | 9   | M00000209670 | M00000209678 |
| 3564 | CT TNHH THOI TRANG SOMEHOW               | 115 | M00000215735 | M00000215849 |
| 3565 | CT TNHH THONG QUYNH                      | 7   | M00000141289 | M00000141295 |
| 3566 | CT TNHH THUAN CHINH DAI LAI              | 6   | M00000064957 | M00000064962 |
| 3567 | CT TNHH THUC PHAM A - Z BMT              | 7   | M00000152245 | M00000152251 |
| 3568 | CT TNHH THUC PHAM COBALA                 | 2   | M00000209062 | M00000209063 |
| 3569 | CT TNHH THUC PHAM GIA HUNG FOODS         | 31  | M00000071455 | M00000071485 |
| 3570 | CT TNHH THUC PHAM HOANG TRI              | 39  | M00000084205 | M00000084243 |
| 3571 | CT TNHH THUC PHAM MINH LOC               | 1   | M00000202583 | M00000202583 |
| 3572 | CT TNHH THUC PHAM MOI TRUONG XANH VN     | 5   | M00000217582 | M00000217586 |
| 3573 | CT TNHH THUC PHAM NGUYEN HA              | 4   | M00000158564 | M00000158567 |
| 3574 | CT TNHH THUC PHAM VA NHA HANG LOVE STEAK | 2   | M00000206035 | M00000206036 |
| 3575 | CT TNHH THUC PHAM VA NUOC GIAI KHAT COOL | 13  | M00000202570 | M00000202582 |
| 3576 | CT TNHH THUC PHAM&DO UONG BELGO          | 16  | M00000181273 | M00000181288 |
| 3577 | CT TNHH THUNG LUNG VUA                   | 10  | M00000000430 | M00000000439 |
| 3578 | CT TNHH THUONG MAI & DAU TU TIEN MANH    | 7   | M00000001213 | M00000001219 |
| 3579 | CT TNHH THUONG MAI & DICH VU SEA PHOENIX | 50  | M00000103356 | M00000103405 |
| 3580 | CT TNHH THUONG MAI & SU KIEN THUY NGA    | 2   | M00000009248 | M00000009249 |
| 3581 | CT TNHH THUONG MAI AN CAT                | 152 | M00000181998 | M00000182149 |
| 3582 | CT TNHH THUONG MAI AN KHANH BABY HUNG YE | 80  | M00000046883 | M00000046962 |
| 3583 | CT TNHH THUONG MAI ANT                   | 16  | M00000113924 | M00000113939 |
| 3584 | CT TNHH THUONG MAI B&B BAKERY            | 55  | M00000210725 | M00000210779 |
| 3585 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU 9999 HA VY    | 6   | M00000084063 | M00000084068 |
| 3586 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU BAC HUONG     | 1   | M00000064419 | M00000064419 |
| 3587 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU DAO TAO NGHE  | 6   | M00000024771 | M00000024776 |
| 3588 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU DIEN CO HUY   | 12  | M00000165119 | M00000165130 |
| 3589 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU DL VIET NAM   | 1   | M00000216587 | M00000216587 |
| 3590 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU DU LICH MANEV | 62  | M00000040669 | M00000040730 |
| 3591 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU DUYEN ANH     | 29  | M00000102096 | M00000102124 |
| 3592 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU HUNG DOAN     | 82  | M00000046527 | M00000046608 |
| 3593 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU LIEN KET VIET | 1   | M00000133755 | M00000133755 |
| 3594 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU MAI CUONG     | 22  | M00000137040 | M00000137061 |
| 3595 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU MINH HIEN     | 15  | M00000016214 | M00000016228 |
| 3596 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU NHI ANH       | 35  | M00000184194 | M00000184228 |
| 3597 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU OI NHA TRANG  | 31  | M00000129100 | M00000129130 |
| 3598 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU PHAM LYNN     | 1   | M00000204166 | M00000204166 |
| 3599 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU PHO DEM       | 2   | M00000132311 | M00000132312 |
| 3600 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU TP FOODS      | 90  | M00000136042 | M00000136131 |
| 3601 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU TRUONG SA     | 320 | M00000196780 | M00000197099 |
| 3602 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU VAN NHAT MINH | 4   | M00000065634 | M00000065637 |
| 3603 | CT TNHH THUONG MAI DICH VU VECTOR        | 1   | M00000199703 | M00000199703 |
| 3604 | CT TNHH THUONG MAI DIEN MAY CUONG VINH   | 14  | M00000065868 | M00000065881 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3605 | CT TNHH THUONG MAI DU LICH GIA PHUC      | 60  | M00000114499 | M00000114558 |
| 3606 | CT TNHH THUONG MAI DU LICH HOANG HAI     | 4   | M00000049497 | M00000049500 |
| 3607 | CT TNHH THUONG MAI HANH CHI              | 2   | M00000009902 | M00000009903 |
| 3608 | CT TNHH THUONG MAI HM GROUP              | 18  | M00000073397 | M00000073414 |
| 3609 | CT TNHH THUONG MAI HOANG ANH VINA        | 1   | M00000051603 | M00000051603 |
| 3610 | CT TNHH THUONG MAI HUONG QUANG VINH      | 27  | M00000135545 | M00000135571 |
| 3611 | CT TNHH THUONG MAI KHIEM THUONG SON      | 1   | M00000113940 | M00000113940 |
| 3612 | CT TNHH THUONG MAI KY NGAN               | 2   | M00000104836 | M00000104837 |
| 3613 | CT TNHH THUONG MAI LONG PHUONG HD        | 3   | M00000054401 | M00000054403 |
| 3614 | CT TNHH THUONG MAI MY HOA DANG           | 4   | M00000057477 | M00000057480 |
| 3615 | CT TNHH THUONG MAI NGUYEN HUE            | 2   | M00000077848 | M00000077849 |
| 3616 | CT TNHH THUONG MAI NHA HANG BINH MINH    | 4   | M00000012642 | M00000012645 |
| 3617 | CT TNHH THUONG MAI NHA HANG TOKYO SUSHI  | 33  | M00000063229 | M00000063261 |
| 3618 | CT TNHH THUONG MAI PHUC ANH MINH         | 142 | M00000163139 | M00000163280 |
| 3619 | CT TNHH THUONG MAI QUOC TE EMPEROR       | 2   | M00000064303 | M00000064304 |
| 3620 | CT TNHH THUONG MAI QUOC TE FBC           | 62  | M00000011747 | M00000011808 |
| 3621 | CT TNHH THUONG MAI QUOC TE TOAN CAU      | 4   | M00000047302 | M00000047305 |
| 3622 | CT TNHH THUONG MAI SAN XUAT VA DICH VU D | 20  | M00000072993 | M00000073012 |
| 3623 | CT TNHH THUONG MAI SEOUL MARKET          | 2   | M00000065991 | M00000065992 |
| 3624 | CT TNHH THUONG MAI TAN TUONG             | 3   | M00000220454 | M00000220456 |
| 3625 | CT TNHH THUONG MAI THE RE SE             | 31  | M00000217471 | M00000217501 |
| 3626 | CT TNHH THUONG MAI THUC PHAM VIET AU     | 6   | M00000110330 | M00000110335 |
| 3627 | CT TNHH THUONG MAI TONG HOP THU HUNG     | 21  | M00000064911 | M00000064931 |
| 3628 | CT TNHH THUONG MAI TONG HOP VA DICH VU H | 61  | M00000042559 | M00000042619 |
| 3629 | CT TNHH THUONG MAI UNIFRIEND VIETNAM     | 3   | M00000218470 | M00000218472 |
| 3630 | CT TNHH THUONG MAI VA DAU TU M&G         | 16  | M00000008169 | M00000008184 |
| 3631 | CT TNHH THUONG MAI VA DAU TU THONG PHAT  | 1   | M00000117809 | M00000117809 |
| 3632 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU AUTO365    | 15  | M00000203238 | M00000203252 |
| 3633 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU GOOD PEOP  | 4   | M00000021488 | M00000021491 |
| 3634 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU HA THAI AN | 4   | M00000012946 | M00000012949 |
| 3635 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU HANI STORE | 1   | M00000051321 | M00000051321 |
| 3636 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU JY VINA    | 10  | M00000051126 | M00000051135 |
| 3637 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU LINH TRANG | 447 | M00000007322 | M00000007768 |
| 3638 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU MAHASOL    | 1   | M00000224454 | M00000224454 |
| 3639 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU MATTA      | 1   | M00000119378 | M00000119378 |
| 3640 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU MINH TUYET | 10  | M00000034840 | M00000034849 |
| 3641 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU QUOC THIEN | 2   | M00000128720 | M00000128721 |
| 3642 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU RED FATHER | 7   | M00000090015 | M00000090021 |
| 3643 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU SLP VN - C | 6   | M00000055075 | M00000055080 |
| 3644 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU TEAVIO     | 5   | M00000227035 | M00000227039 |
| 3645 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU TU NANG    | 205 | M00000106437 | M00000106641 |
| 3646 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU VBB        | 8   | M00000057362 | M00000057369 |
| 3647 | CT TNHH THUONG MAI VA DICH VU XANG DAU B | 2   | M00000072986 | M00000072987 |
| 3648 | CT TNHH THUONG MAI VA DIEN TU BAO CHAU   | 4   | M00000040388 | M00000040391 |
| 3649 | CT TNHH THUONG MAI VA DU LICH COCO ISLAN | 59  | M00000064575 | M00000064633 |
| 3650 | CT TNHH THUONG MAI VA DU LICH DONG HOA   | 1   | M00000026773 | M00000026773 |
| 3651 | CT TNHH THUONG MAI VA DU LICH HOA ANH    | 5   | M00000011225 | M00000011229 |
| 3652 | CT TNHH THUONG MAI VA DU LICH THANH MOC  | 31  | M00000012571 | M00000012601 |
| 3653 | CT TNHH THUONG MAI VA VAN TAI SAO        | 3   | M00000111941 | M00000111943 |
| 3654 | CT TNHH THUONG MAI VA VAN TAI TAN CUONG  | 125 | M00000120226 | M00000120350 |
| 3655 | CT TNHH THUONG MAI VA XAY DUNG NGOC MINH | 7   | M00000104399 | M00000104405 |
| 3656 | CT TNHH THUONG MAI VA XUAT NHAP KHAU NMP | 49  | M00000067439 | M00000067487 |
| 3657 | CT TNHH THUONG MAI VA XUAT NHAP KHAU THI | 55  | M00000046253 | M00000046307 |
| 3658 | CT TNHH THUONG MAI VAT TU WSA HUNG YEN   | 8   | M00000070013 | M00000070020 |
| 3659 | CT TNHH THUONG MAI VINH DUC              | 11  | M00000066618 | M00000066628 |
| 3660 | CT TNHH THUONG MAI XNK HAO DANG          | 2   | M00000066629 | M00000066630 |
| 3661 | CT TNHH THUONG MAI XUAT NHAP KHAU LITTLE | 17  | M00000214206 | M00000214222 |
| 3662 | CT TNHH THUONG MAI& DICH VU HONG NGOC    | 13  | M00000007878 | M00000007890 |
| 3663 | CT TNHH THUONG MAI&DICH VU D.U.O.D.E.S   | 4   | M00000105962 | M00000105965 |
| 3664 | CT TNHH THUY SAKURA HOTEL                | 2   | M00000189223 | M00000189224 |
| 3665 | CT TNHH THUY THIEN THANH                 | 23  | M00000103308 | M00000103330 |
| 3666 | CT TNHH TICH HOP HE THONG IN SITU        | 1   | M00000182565 | M00000182565 |
| 3667 | CT TNHH TIEM CHUNG AN KHANG              | 49  | M00000065936 | M00000065984 |
| 3668 | CT TNHH TIEM CHUNG VAC XIN DICH VU KRONG | 15  | M00000150878 | M00000150892 |
| 3669 | CT TNHH TIEN THANH                       | 2   | M00000099541 | M00000099542 |
| 3670 | CT TNHH TINY HOUSE                       | 5   | M00000185806 | M00000185810 |
| 3671 | CT TNHH TM - DV MTV NHT                  | 7   | M00000141316 | M00000141322 |
| 3672 | CT TNHH TM - DV OANH HIEU                | 3   | M00000158750 | M00000158752 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3673 | CT TNHH TM & DL THANH VIET               | 5   | M00000008498 | M00000008502 |
| 3674 | CT TNHH TM & DU LICH HOA ANH DAO         | 2   | M00000000905 | M00000000906 |
| 3675 | CT TNHH TM & DV CHAO HA NOI              | 27  | M00000003885 | M00000003911 |
| 3676 | CT TNHH TM & DV CHINVIN                  | 94  | M00000109815 | M00000109908 |
| 3677 | CT TNHH TM & DV CONG DUNG                | 2   | M00000068764 | M00000068765 |
| 3678 | CT TNHH TM & DV DAT LAN                  | 10  | M00000075077 | M00000075086 |
| 3679 | CT TNHH TM & DV DUNG QUY VAN             | 11  | M00000146041 | M00000146051 |
| 3680 | CT TNHH TM & DV HONG HAI                 | 31  | M00000012611 | M00000012641 |
| 3681 | CT TNHH TM & DV KHACH SAN DAI HOANG LONG | 5   | M00000157388 | M00000157392 |
| 3682 | CT TNHH TM & DV KNK                      | 5   | M00000099536 | M00000099540 |
| 3683 | CT TNHH TM & DV NAM VIET HAI DUONG       | 5   | M00000068592 | M00000068596 |
| 3684 | CT TNHH TM & DV SEN- SENRES CO.,LTD      | 16  | M00000000500 | M00000000515 |
| 3685 | CT TNHH TM & DV SUA CHUA VIET DANG       | 1   | M00000051073 | M00000051073 |
| 3686 | CT TNHH TM & DV TONG HOP BAC TRUNG NAM   | 35  | M00000011280 | M00000011314 |
| 3687 | CT TNHH TM & SX THANH DAT                | 4   | M00000051121 | M00000051124 |
| 3688 | CT TNHH TM & XNK XE DAP XANH             | 7   | M00000017709 | M00000017715 |
| 3689 | CT TNHH TM AN THINH VUONG VP             | 21  | M00000058813 | M00000058833 |
| 3690 | CT TNHH TM BEP BANH                      | 2   | M00000200107 | M00000200108 |
| 3691 | CT TNHH TM DAU TU AN VIET NAM            | 20  | M00000185462 | M00000185481 |
| 3692 | CT TNHH TM DAU TU SUOI NGUON             | 30  | M00000199328 | M00000199357 |
| 3693 | CT TNHH TM DICH VU DU LICH TRIEU HAO     | 56  | M00000160608 | M00000160663 |
| 3694 | CT TNHH TM DICH VU HUNG THINH BAC NINH   | 6   | M00000051075 | M00000051080 |
| 3695 | CT TNHH TM DICH VU LITTLE MOON           | 9   | M00000183822 | M00000183830 |
| 3696 | CT TNHH TM DICH VU QUOC TE THIEN DUC     | 16  | M00000008381 | M00000008396 |
| 3697 | CT TNHH TM DICH VU QUY TUNG              | 6   | M00000109300 | M00000109305 |
| 3698 | CT TNHH TM DICH VU SINH THAI CAT BA      | 1   | M00000071958 | M00000071958 |
| 3699 | CT TNHH TM DICH VU TRI LINH              | 43  | M00000159658 | M00000159700 |
| 3700 | CT TNHH TM DICH VU XNK KHAI THINH PHAT   | 3   | M00000170984 | M00000170986 |
| 3701 | CT TNHH TM DICH VU& DU LICH TRUNG THIEN  | 14  | M00000158676 | M00000158689 |
| 3702 | CT TNHH TM DIEM LY                       | 9   | M00000088458 | M00000088466 |
| 3703 | CT TNHH TM DT SAI GON HERITAGE           | 12  | M00000215507 | M00000215518 |
| 3704 | CT TNHH TM DT VA DU LICH RONG VIET       | 2   | M00000182738 | M00000182739 |
| 3705 | CT TNHH TM DU LICH ANH MAI               | 8   | M00000200882 | M00000200889 |
| 3706 | CT TNHH TM DU LICH NHU Y                 | 5   | M00000053061 | M00000053065 |
| 3707 | CT TNHH TM DUOC MY PHAM D&D              | 14  | M00000195612 | M00000195625 |
| 3708 | CT TNHH TM DUY KHANH                     | 1   | M00000099777 | M00000099777 |
| 3709 | CT TNHH TM DV GIA TIEN                   | 28  | M00000157647 | M00000157674 |
| 3710 | CT TNHH TM DV & PT TIEN DAT              | 15  | M00000051136 | M00000051150 |
| 3711 | CT TNHH TM DV AN UONG TU NHO 3           | 1   | M00000193520 | M00000193520 |
| 3712 | CT TNHH TM DV CHAM SOC SUC KHOE THINH MY | 8   | M00000183814 | M00000183821 |
| 3713 | CT TNHH TM DV CHEF THIEN                 | 2   | M00000191699 | M00000191700 |
| 3714 | CT TNHH TM DV CO KHI O TO LY DUONG       | 3   | M00000167213 | M00000167215 |
| 3715 | CT TNHH TM DV COM GA HONG XUONG          | 6   | M00000196317 | M00000196322 |
| 3716 | CT TNHH TM DV CON VOI                    | 2   | M00000163051 | M00000163052 |
| 3717 | CT TNHH TM DV CONTAINER SEN VANG         | 123 | M00000209720 | M00000209842 |
| 3718 | CT TNHH TM DV DAI HOANG BAO              | 1   | M00000222632 | M00000222632 |
| 3719 | CT TNHH TM DV DAU TU LOC VUNG            | 2   | M00000085306 | M00000085307 |
| 3720 | CT TNHH TM DV DIEN ANH HUY               | 14  | M00000206444 | M00000206457 |
| 3721 | CT TNHH TM DV DL AN TUONG                | 1   | M00000157393 | M00000157393 |
| 3722 | CT TNHH TM DV DL ANCIENT ORIENT JOURNEYS | 16  | M00000170026 | M00000170041 |
| 3723 | CT TNHH TM DV DL NH QUOC THANH - NHA HAN | 20  | M00000217624 | M00000217643 |
| 3724 | CT TNHH TM DV DL SAO BIEN NHA TRANG      | 18  | M00000106019 | M00000106036 |
| 3725 | CT TNHH TM DV DL THE HAPPY FIRM          | 2   | M00000190339 | M00000190340 |
| 3726 | CT TNHH TM DV DL VA TRUYEN THONG VIET    | 5   | M00000011650 | M00000011654 |
| 3727 | CT TNHH TM DV DL XD GIA HUY              | 18  | M00000157713 | M00000157730 |
| 3728 | CT TNHH TM DV DO RAN                     | 8   | M00000222850 | M00000222857 |
| 3729 | CT TNHH TM DV DT CONG NGHE PHUONG NAM    | 3   | M00000158872 | M00000158874 |
| 3730 | CT TNHH TM DV DT VA PT TUMRONGBEER       | 46  | M00000215284 | M00000215329 |
| 3731 | CT TNHH TM DV DU LICH DUC TIEN MANG DEN  | 1   | M00000139033 | M00000139033 |
| 3732 | CT TNHH TM DV DU LICH ORCHIDS            | 1   | M00000184402 | M00000184402 |
| 3733 | CT TNHH TM DV DU LICH SAND HILL MUI NE   | 5   | M00000029958 | M00000029962 |
| 3734 | CT TNHH TM DV DU LICH THC                | 5   | M00000124777 | M00000124781 |
| 3735 | CT TNHH TM DV ELSA                       | 6   | M00000209548 | M00000209553 |
| 3736 | CT TNHH TM DV FM CONCEPT                 | 2   | M00000187664 | M00000187665 |
| 3737 | CT TNHH TM DV HOA MAY                    | 6   | M00000199229 | M00000199234 |
| 3738 | CT TNHH TM DV HOP GIU AM                 | 22  | M00000159291 | M00000159312 |
| 3739 | CT TNHH TM DV HUONG VI                   | 3   | M00000183742 | M00000183744 |
| 3740 | CT TNHH TM DV KHACH SAN QUY PHUONG BAC   | 3   | M00000192398 | M00000192400 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 3741 | CT TNHH TM DV LA LUMIERE                 | 1  | M00000074950 | M00000074950 |
| 3742 | CT TNHH TM DV LA MAISON                  | 9  | M00000166479 | M00000166487 |
| 3743 | CT TNHH TM DV LION SAUNA                 | 4  | M00000201876 | M00000201879 |
| 3744 | CT TNHH TM DV LU HANH LIEN DAI DUONG     | 26 | M00000158694 | M00000158719 |
| 3745 | CT TNHH TM DV LUCKY STAR                 | 2  | M00000201355 | M00000201356 |
| 3746 | CT TNHH TM DV NEW LIFE CLINIC            | 31 | M00000204042 | M00000204072 |
| 3747 | CT TNHH TM DV NGOC HOANG VU              | 3  | M00000083414 | M00000083416 |
| 3748 | CT TNHH TM DV NGOC SON                   | 13 | M00000169494 | M00000169506 |
| 3749 | CT TNHH TM DV NGOC THANH 68              | 15 | M00000090989 | M00000091003 |
| 3750 | CT TNHH TM DV NHA HANG ANH VU            | 1  | M00000223448 | M00000223448 |
| 3751 | CT TNHH TM DV NHA HANG INDIGO            | 19 | M00000223018 | M00000223036 |
| 3752 | CT TNHH TM DV NHA KHOA TADASHI           | 9  | M00000142440 | M00000142448 |
| 3753 | CT TNHH TM DV OTO NGUYEN GIA             | 19 | M00000192082 | M00000192100 |
| 3754 | CT TNHH TM DV PHUC THUAN PHU YEN         | 11 | M00000155805 | M00000155815 |
| 3755 | CT TNHH TM DV PHUC TRAN P&T              | 53 | M00000181693 | M00000181745 |
| 3756 | CT TNHH TM DV PHUONG LINH VIET PHAT      | 10 | M00000219288 | M00000219297 |
| 3757 | CT TNHH TM DV QUOC TE QR                 | 2  | M00000043054 | M00000043055 |
| 3758 | CT TNHH TM DV SAI GON NAIL DUONG SINH    | 3  | M00000204412 | M00000204414 |
| 3759 | CT TNHH TM DV SAIGON MEMORY              | 3  | M00000214353 | M00000214355 |
| 3760 | CT TNHH TM DV SAN XUAT TINH HOA          | 1  | M00000224739 | M00000224739 |
| 3761 | CT TNHH TM DV SX XNK HIEP HOA            | 5  | M00000053744 | M00000053748 |
| 3762 | CT TNHH TM DV TAN HUY PHONG VN           | 10 | M00000142174 | M00000142183 |
| 3763 | CT TNHH TM DV TH THAI BINH DUONG         | 28 | M00000210544 | M00000210571 |
| 3764 | CT TNHH TM DV THAO FRUITS                | 5  | M00000201932 | M00000201936 |
| 3765 | CT TNHH TM DV THIEN TUNG                 | 18 | M00000164689 | M00000164706 |
| 3766 | CT TNHH TM DV THOI TRANG THIEN HUONG     | 11 | M00000181677 | M00000181687 |
| 3767 | CT TNHH TM DV TONG HOP MAISON MING       | 6  | M00000223686 | M00000223691 |
| 3768 | CT TNHH TM DV TOUR VIET                  | 7  | M00000183745 | M00000183751 |
| 3769 | CT TNHH TM DV TRANG BEAUTY CENTER        | 11 | M00000184341 | M00000184351 |
| 3770 | CT TNHH TM DV TU VAN TRUONG MINH         | 47 | M00000165448 | M00000165494 |
| 3771 | CT TNHH TM DV TV TRUONG MINH - CN PQ     | 22 | M00000080320 | M00000080341 |
| 3772 | CT TNHH TM DV URBAN BITES                | 17 | M00000204267 | M00000204283 |
| 3773 | CT TNHH TM DV VA CONG NGHE HA NGUYEN     | 4  | M00000182566 | M00000182569 |
| 3774 | CT TNHH TM DV VA DU LICH TRUONG GIANG    | 35 | M00000099404 | M00000099438 |
| 3775 | CT TNHH TM DV VA MAY XD HUNG THINH PHAT  | 14 | M00000216461 | M00000216474 |
| 3776 | CT TNHH TM DV VAN PHONG PHU              | 1  | M00000158770 | M00000158770 |
| 3777 | CT TNHH TM DV VAN TAI TAN HONG TRAN      | 11 | M00000167937 | M00000167947 |
| 3778 | CT TNHH TM DV VEGA VN                    | 5  | M00000048355 | M00000048359 |
| 3779 | CT TNHH TM DV VINH PHUNG                 | 1  | M00000210931 | M00000210931 |
| 3780 | CT TNHH TM DV VINH QUANG MINH            | 2  | M00000006276 | M00000006277 |
| 3781 | CT TNHH TM DV XE DIEN TKH                | 37 | M00000225352 | M00000225388 |
| 3782 | CT TNHH TM DV XNK EBISU GROUP            | 9  | M00000024500 | M00000024508 |
| 3783 | CT TNHH TM DV XNK GIA DAT                | 11 | M00000180937 | M00000180947 |
| 3784 | CT TNHH TM DV XNK PHAN GIA               | 5  | M00000207529 | M00000207533 |
| 3785 | CT TNHH TM ELISA                         | 31 | M00000171412 | M00000171442 |
| 3786 | CT TNHH TM GAS HONG SON                  | 3  | M00000116930 | M00000116932 |
| 3787 | CT TNHH TM GIAO NHAN VAN TAI HNT         | 2  | M00000184372 | M00000184373 |
| 3788 | CT TNHH TM GOLDA HOTEL                   | 1  | M00000193321 | M00000193321 |
| 3789 | CT TNHH TM H&D NGUYEN KHOI               | 26 | M00000126355 | M00000126380 |
| 3790 | CT TNHH TM HOA HIEN                      | 58 | M00000075111 | M00000075168 |
| 3791 | CT TNHH TM HOAN SINH                     | 4  | M00000116960 | M00000116963 |
| 3792 | CT TNHH TM HOANG HANG                    | 23 | M00000050123 | M00000050145 |
| 3793 | CT TNHH TM HONG AN                       | 5  | M00000098740 | M00000098744 |
| 3794 | CT TNHH TM KHACH SAN DV AN UONG HONG PHA | 6  | M00000129021 | M00000129026 |
| 3795 | CT TNHH TM KIM YEN                       | 1  | M00000156992 | M00000156992 |
| 3796 | CT TNHH TM LE ANH HUY                    | 16 | M00000109163 | M00000109178 |
| 3797 | CT TNHH TM LONG HAI                      | 7  | M00000212365 | M00000212371 |
| 3798 | CT TNHH TM NHA HANG MAY NGAN             | 5  | M00000207116 | M00000207120 |
| 3799 | CT TNHH TM NHA SACH HOANG PHUC           | 12 | M00000227267 | M00000227278 |
| 3800 | CT TNHH TM PHAT TRIEN THINH VUONG PHAT   | 38 | M00000080677 | M00000080714 |
| 3801 | CT TNHH TM PHAT TRIEN VA DICH VU AN BINH | 1  | M00000016828 | M00000016828 |
| 3802 | CT TNHH TM PHT SAIGON                    | 20 | M00000186565 | M00000186584 |
| 3803 | CT TNHH TM PHU HOA                       | 8  | M00000113589 | M00000113596 |
| 3804 | CT TNHH TM PHU HOAN CAU                  | 1  | M00000158771 | M00000158771 |
| 3805 | CT TNHH TM QUANG HUY TT                  | 65 | M00000070468 | M00000070532 |
| 3806 | CT TNHH TM QUOC TE AU CHAU               | 1  | M00000169617 | M00000169617 |
| 3807 | CT TNHH TM QUOC TE MOC DUC               | 2  | M00000187459 | M00000187460 |
| 3808 | CT TNHH TM SAN XUAT HO NGUYEN            | 7  | M00000181169 | M00000181175 |



|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3809 | CT TNHH TM SON DAI HA NAM                | 15  | M00000080073 | M00000080087 |
| 3810 | CT TNHH TM SX PHUOC TOAN                 | 36  | M00000083921 | M00000083956 |
| 3811 | CT TNHH TM SX ZENIO                      | 2   | M00000205701 | M00000205702 |
| 3812 | CT TNHH TM TBI THONG MINH QUANG NINH     | 1   | M00000072419 | M00000072419 |
| 3813 | CT TNHH TM THUAN LUONG                   | 1   | M00000140080 | M00000140080 |
| 3814 | CT TNHH TM TONKIN                        | 1   | M00000218542 | M00000218542 |
| 3815 | CT TNHH TM TU VAN DAU TU HONG PHAT       | 1   | M00000190507 | M00000190507 |
| 3816 | CT TNHH TM VA DAU TU NINH HAI            | 242 | M00000098855 | M00000099096 |
| 3817 | CT TNHH TM VA DICH VU BICH THU           | 4   | M00000021341 | M00000021344 |
| 3818 | CT TNHH TM VA DICH VU RIVERBAR CAN THO   | 10  | M00000223692 | M00000223701 |
| 3819 | CT TNHH TM VA DICH VU SON THUY HOANG     | 5   | M00000173164 | M00000173168 |
| 3820 | CT TNHH TM VA DICH VU TAN THANH          | 73  | M00000112006 | M00000112078 |
| 3821 | CT TNHH TM VA DICH VU THU ANH            | 17  | M00000000740 | M00000000756 |
| 3822 | CT TNHH TM VA DL HOANG SON               | 12  | M00000006090 | M00000006101 |
| 3823 | CT TNHH TM VA DL SONGLONG                | 66  | M00000007174 | M00000007239 |
| 3824 | CT TNHH TM VA DT BAT DONG SAN AN DOANH   | 11  | M00000166680 | M00000166690 |
| 3825 | CT TNHH TM VA DT DOLPHIN-CN TPHCM        | 2   | M00000182553 | M00000182554 |
| 3826 | CT TNHH TM VA DT LUXOLIVING              | 5   | M00000201349 | M00000201353 |
| 3827 | CT TNHH TM VA DT TTNT-CN HA NOI          | 9   | M00000017546 | M00000017554 |
| 3828 | CT TNHH TM VA DU LICH GIA BACH           | 14  | M00000109349 | M00000109362 |
| 3829 | CT TNHH TM VA DU LICH JET BLUE           | 5   | M00000013378 | M00000013382 |
| 3830 | CT TNHH TM VA DU LICH M&C VIET NAM       | 55  | M00000009579 | M00000009633 |
| 3831 | CT TNHH TM VA DU LICH PANORAMA DA NANG   | 6   | M00000019759 | M00000019764 |
| 3832 | CT TNHH TM VA DV BACH LAM                | 1   | M00000158186 | M00000158186 |
| 3833 | CT TNHH TM VA DV BEN THUYEN              | 26  | M00000146206 | M00000146231 |
| 3834 | CT TNHH TM VA DV DAI DOAN                | 117 | M00000066855 | M00000066971 |
| 3835 | CT TNHH TM VA DV DAU TU DUYEN DUYEN      | 1   | M00000027854 | M00000027854 |
| 3836 | CT TNHH TM VA DV DAU TU KHANH LINH       | 5   | M00000074850 | M00000074854 |
| 3837 | CT TNHH TM VA DV DIEN MAY XUAN HANG      | 3   | M00000218532 | M00000218534 |
| 3838 | CT TNHH TM VA DV DIEN TU HONG NHAN       | 10  | M00000157569 | M00000157578 |
| 3839 | CT TNHH TM VA DV DU LICH DOAN KET        | 23  | M00000224571 | M00000224593 |
| 3840 | CT TNHH TM VA DV DU LICH LANH            | 2   | M00000187918 | M00000187919 |
| 3841 | CT TNHH TM VA DV DUC LONG QN             | 1   | M00000070350 | M00000070350 |
| 3842 | CT TNHH TM VA DV EM HA NOI               | 22  | M00000046735 | M00000046756 |
| 3843 | CT TNHH TM VA DV HOA THIEN LY NINH THUAN | 13  | M00000103971 | M00000103983 |
| 3844 | CT TNHH TM VA DV HOANG HAI HIEN          | 2   | M00000059492 | M00000059493 |
| 3845 | CT TNHH TM VA DV JENEA BY JENNY          | 1   | M00000218235 | M00000218235 |
| 3846 | CT TNHH TM VA DV LE NGUYEN               | 5   | M00000101018 | M00000101022 |
| 3847 | CT TNHH TM VA DV MINH ANH PHAT NHA TRANG | 3   | M00000167297 | M00000167299 |
| 3848 | CT TNHH TM VA DV MINH QUOC               | 1   | M00000222643 | M00000222643 |
| 3849 | CT TNHH TM VA DV MOI TRUONG HAN VIET     | 24  | M00000060094 | M00000060117 |
| 3850 | CT TNHH TM VA DV NAM BIEN                | 136 | M00000051881 | M00000052016 |
| 3851 | CT TNHH TM VA DV NGOC THACH 12 NTMK      | 58  | M00000140810 | M00000140867 |
| 3852 | CT TNHH TM VA DV NGOC THACH 205 NTT      | 142 | M00000140668 | M00000140809 |
| 3853 | CT TNHH TM VA DV NGOC THACH 96 TP        | 127 | M00000140541 | M00000140667 |
| 3854 | CT TNHH TM VA DV NONG NGHIEP PHUONG LINH | 109 | M00000043353 | M00000043461 |
| 3855 | CT TNHH TM VA DV PERFUME LOUIS           | 13  | M00000218428 | M00000218440 |
| 3856 | CT TNHH TM VA DV PHUC LAM NHA TRANG      | 354 | M00000132958 | M00000133311 |
| 3857 | CT TNHH TM VA DV PHUONG DONG BAC NINH    | 1   | M00000062838 | M00000062838 |
| 3858 | CT TNHH TM VA DV QUOC KHANH VINH PHUC    | 2   | M00000053597 | M00000053598 |
| 3859 | CT TNHH TM VA DV QUOC TE                 | 1   | M00000097648 | M00000097648 |
| 3860 | CT TNHH TM VA DV SAI GON PHUONG DONG     | 6   | M00000207209 | M00000207214 |
| 3861 | CT TNHH TM VA DV SMART HOME              | 8   | M00000068691 | M00000068698 |
| 3862 | CT TNHH TM VA DV TAM DUC BAC GIANG       | 4   | M00000059150 | M00000059153 |
| 3863 | CT TNHH TM VA DV TAN DAI LOC             | 104 | M00000105596 | M00000105699 |
| 3864 | CT TNHH TM VA DV TARA HANG VY            | 104 | M00000019058 | M00000019161 |
| 3865 | CT TNHH TM VA DV TRUNG HUONG             | 17  | M00000102247 | M00000102263 |
| 3866 | CT TNHH TM VA DV TRUNG VIET-DIA DIEM KIN | 11  | M00000059925 | M00000059935 |
| 3867 | CT TNHH TM VA PT KS DL TINH HOA VN       | 2   | M00000015153 | M00000015154 |
| 3868 | CT TNHH TM VA SX BAO BI HUNG HIEN        | 47  | M00000064305 | M00000064351 |
| 3869 | CT TNHH TM VA SX CO KHI HOANG NGUYEN     | 3   | M00000097645 | M00000097647 |
| 3870 | CT TNHH TM VA SX GDT THINH VU            | 14  | M00000065335 | M00000065348 |
| 3871 | CT TNHH TM VA SX KIM THANH LONG          | 1   | M00000164150 | M00000164150 |
| 3872 | CT TNHH TM VA SX LYLAN DECOSY            | 11  | M00000202513 | M00000202523 |
| 3873 | CT TNHH TM VA XAY DUNG DUY VU            | 13  | M00000050276 | M00000050288 |
| 3874 | CT TNHH TM VA XD TOAN PHAT               | 6   | M00000074959 | M00000074964 |
| 3875 | CT TNHH TM VAN TAI DUC LAM               | 520 | M00000063715 | M00000064234 |
| 3876 | CT TNHH TM VI LONG                       | 9   | M00000108209 | M00000108217 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 3877 | CT TNHH TM VIBRANT                       | 2   | M00000169288 | M00000169289 |
| 3878 | CT TNHH TM VO XE TRIEU HAI               | 7   | M00000187790 | M00000187796 |
| 3879 | CT TNHH TM VT DAI PHU SI                 | 247 | M00000206080 | M00000206326 |
| 3880 | CT TNHH TM XANG DAU DONG CHIEU           | 19  | M00000201887 | M00000201905 |
| 3881 | CT TNHH TM XAY DUNG HOANG LONG SON       | 1   | M00000159576 | M00000159576 |
| 3882 | CT TNHH TM XD DV VA TTNNT HOANG NAM      | 34  | M00000157394 | M00000157427 |
| 3883 | CT TNHH TM XNK HAI TRIEU                 | 18  | M00000187924 | M00000187941 |
| 3884 | CT TNHH TM XNK LINH KIEN DIEN THOAI DI D | 2   | M00000215203 | M00000215204 |
| 3885 | CT TNHH TM XUAT NHAP KHAU SENYUE         | 1   | M00000076106 | M00000076106 |
| 3886 | CT TNHH TM&DICH VU MANH LONG             | 1   | M00000049538 | M00000049538 |
| 3887 | CT TNHH TM&DL KHACH SAN PHUONG DONG HN   | 2   | M00000008162 | M00000008163 |
| 3888 | CT TNHH TM&DV HOANG TRAN                 | 9   | M00000099543 | M00000099551 |
| 3889 | CT TNHH TM&DV KHANG VUONG                | 3   | M00000001051 | M00000001053 |
| 3890 | CT TNHH TM&DV MINH ANH N.H.T             | 11  | M00000065800 | M00000065810 |
| 3891 | CT TNHH TM&DV SONG XANH PHU YEN          | 1   | M00000117268 | M00000117268 |
| 3892 | CT TNHH TM&DV THU Y LE NAM               | 6   | M00000141548 | M00000141553 |
| 3893 | CT TNHH TM&DV TRUONG HOANG JSC           | 235 | M00000042041 | M00000042275 |
| 3894 | CT TNHH TM&SX NEM MOUSSE LIEN A          | 9   | M00000159992 | M00000160000 |
| 3895 | CT TNHH TM-DL-XNK THANH AN               | 1   | M00000109241 | M00000109241 |
| 3896 | CT TNHH TM-DV AN UONG -DL DAI THU        | 6   | M00000122416 | M00000122421 |
| 3897 | CT TNHH TMDV ART BARBER SHOP             | 1   | M00000220676 | M00000220676 |
| 3898 | CT TNHH TMDV BIEN RUNG NHA TRANG         | 5   | M00000144154 | M00000144158 |
| 3899 | CT TNHH TMDV BIGBANG HANG HIEU           | 20  | M00000192289 | M00000192308 |
| 3900 | CT TNHH TM-DV BON TE                     | 5   | M00000158530 | M00000158534 |
| 3901 | CT TNHH TMDV DIEN MAY DIEN LANH HUNG TAN | 2   | M00000159334 | M00000159335 |
| 3902 | CT TNHH TM-DV DIEN TU AM NHAC DOREMI     | 2   | M00000077842 | M00000077843 |
| 3903 | CT TNHH TMDV GIA PHAT PHU                | 8   | M00000211039 | M00000211046 |
| 3904 | CT TNHH TMDV H VA C                      | 31  | M00000111752 | M00000111782 |
| 3905 | CT TNHH TM-DV HNH                        | 8   | M00000186178 | M00000186185 |
| 3906 | CT TNHH TMDV HOA THANG PHAT              | 161 | M00000153282 | M00000153442 |
| 3907 | CT TNHH TMDV HUNG NGA                    | 48  | M00000156836 | M00000156883 |
| 3908 | CT TNHH TMDV KHACH SAN CAM RANH          | 1   | M00000103987 | M00000103987 |
| 3909 | CT TNHH TMDV LE KHANH TAN LAP            | 14  | M00000205980 | M00000205993 |
| 3910 | CT TNHH TM-DV MTV HOA MY PHAM THIEN CHAU | 7   | M00000216733 | M00000216739 |
| 3911 | CT TNHH TMDV NS TRUNG HUNG               | 31  | M00000111898 | M00000111928 |
| 3912 | CT TNHH TMDV SAO MAI VANG                | 9   | M00000164472 | M00000164480 |
| 3913 | CT TNHH TMDV SUOI NHAC                   | 2   | M00000202047 | M00000202048 |
| 3914 | CT TNHH TMDV SX MINH CHAU                | 32  | M00000150682 | M00000150713 |
| 3915 | CT TNHH TMDV TAN THE GIOI                | 15  | M00000221606 | M00000221620 |
| 3916 | CT TNHH TM-DV THANH A DONG               | 1   | M00000227531 | M00000227531 |
| 3917 | CT TNHH TM-DV THANH DAT PHU              | 9   | M00000124254 | M00000124262 |
| 3918 | CT TNHH TMDV THINH LAM PHAT              | 2   | M00000092090 | M00000092091 |
| 3919 | CT TNHH TMDV THUC PHAM PHAT TRIEN MINH A | 4   | M00000214196 | M00000214199 |
| 3920 | CT TNHH TMDV THUC PHAM THANH PHAT        | 36  | M00000137085 | M00000137120 |
| 3921 | CT TNHH TMDV TONG HOP PHAT DAT           | 13  | M00000211780 | M00000211792 |
| 3922 | CT TNHH TMDV VA DU LICH LY BANG          | 33  | M00000105454 | M00000105486 |
| 3923 | CT TNHH TMDV XNK NGUYEN ANH              | 2   | M00000153510 | M00000153511 |
| 3924 | CT TNHH TMDV XUAT NHAP KHAU WAX RELATION | 6   | M00000197677 | M00000197682 |
| 3925 | CT TNHH TM-SX HAI NAM                    | 21  | M00000156968 | M00000156988 |
| 3926 | CT TNHH TM-XNK LAM TRAN                  | 47  | M00000157740 | M00000157786 |
| 3927 | CT TNHH TO CHUC PT THUONG HIEU VN        | 1   | M00000000798 | M00000000798 |
| 3928 | CT TNHH TO CHUC SU KIEN GIAI TRI YBA PRO | 1   | M00000085219 | M00000085219 |
| 3929 | CT TNHH TOAN HUNG NHA TRANG              | 34  | M00000114256 | M00000114289 |
| 3930 | CT TNHH TON THEP TOAN THANG PHU TAI      | 2   | M00000111676 | M00000111677 |
| 3931 | CT TNHH TON THEP TRAN KIEN               | 1   | M00000184315 | M00000184315 |
| 3932 | CT TNHH TONG HOP THUONG MAI HAI THUY     | 2   | M00000128728 | M00000128729 |
| 3933 | CT TNHH TOPAS ECOLODGE                   | 157 | M00000002790 | M00000002946 |
| 3934 | CT TNHH TORISHO - CON GA CUOI            | 15  | M00000183787 | M00000183801 |
| 3935 | CT TNHH TOT PHUOC HAI                    | 13  | M00000163288 | M00000163300 |
| 3936 | CT TNHH TRA PHU SY                       | 4   | M00000117035 | M00000117038 |
| 3937 | CT TNHH TRA VA DAC SAN TAY BAC           | 1   | M00000019799 | M00000019799 |
| 3938 | CT TNHH TRAM HUONG MINH LAM              | 5   | M00000212123 | M00000212127 |
| 3939 | CT TNHH TRAN MEN - DI PHUC BAO           | 72  | M00000087474 | M00000087545 |
| 3940 | CT TNHH TRANG AN ECO HOMESTAY            | 4   | M00000054357 | M00000054360 |
| 3941 | CT TNHH TRANG PHUC HAI DUONG             | 4   | M00000070555 | M00000070558 |
| 3942 | CT TNHH TRANG SUC LILY                   | 1   | M00000155721 | M00000155721 |
| 3943 | CT TNHH TRANG SUC VA KIM CUONG THE C     | 2   | M00000225492 | M00000225493 |
| 3944 | CT TNHH TRG F&B                          | 1   | M00000170562 | M00000170562 |

|      |                                          |      |               |               |
|------|------------------------------------------|------|---------------|---------------|
| 3945 | CT TNHH TRIPLE TREE AROMA                | 9    | M00000187298  | M00000187306  |
| 3946 | CT TNHH TRUC PHUONG RF                   | 2    | M00000188134  | M00000188135  |
| 3947 | CT TNHH TRUFFLE                          | 42   | M00000186968  | M00000187009  |
| 3948 | CT TNHH TRUNG TAM ASTRA ENGLISH          | 2    | M00000205698  | M00000205699  |
| 3949 | CT TNHH TRUNG TAM DA LIEU SAI GON        | 62   | M00000216630  | M00000216691  |
| 3950 | CT TNHH TRUONG DAO TAO KINH DOANH VA DAU | 13   | M00000032237  | M00000032249  |
| 3951 | CT TNHH TRUONG KHAI                      | 33   | M00000217055  | M00000217087  |
| 3952 | CT TNHH TRUONG SON                       | 1    | M00000013835  | M00000013835  |
| 3953 | CT TNHH TRUONG VIET ANH                  | 24   | M00000077706  | M00000077729  |
| 3954 | CT TNHH TRUYEN THONG QUANG CAO VA IN THA | 26   | M00000024199  | M00000024224  |
| 3955 | CT TNHH TT NOI THAT TIEN PHAT AUTO       | 14   | M00000217171  | M00000217184  |
| 3956 | CT TNHH T-T-H-L                          | 2    | M00000013185  | M00000013186  |
| 3957 | CT TNHH TU VAN DU HOC VA DICH VU TOMATO  | 2    | M00000058897  | M00000058898  |
| 3958 | CT TNHH TU VAN VA GIAO DUC KY NANG SPECI | 9    | M00000199183  | M00000199191  |
| 3959 | CT TNHH TUAN OANH                        | 5    | M00000049914  | M00000049918  |
| 3960 | CT TNHH TUAN VAN                         | 61   | M000000095461 | M000000095521 |
| 3961 | CT TNHH TUE LAM BAC GIANG                | 84   | M00000073912  | M00000073995  |
| 3962 | CT TNHH TUI XACH & HANH LY TOAN CAU      | 10   | M00000182530  | M00000182539  |
| 3963 | CT TNHH TUKTUK THAI BISTRO HA NOI        | 16   | M00000192413  | M00000192428  |
| 3964 | CT TNHH TUYEN & NHUNG NGUOI CONG TAC     | 7    | M00000105443  | M00000105449  |
| 3965 | CT TNHH TUYET                            | 6    | M00000077911  | M00000077916  |
| 3966 | CT TNHH TV, DT VA LUYEN THI THANG LONG   | 7    | M00000141240  | M00000141246  |
| 3967 | CT TNHH TWO ELEPHANTS                    | 4    | M00000024135  | M00000024138  |
| 3968 | CT TNHH UK TECH                          | 18   | M00000185872  | M00000185889  |
| 3969 | CT TNHH UNCLE K MART                     | 8    | M00000131902  | M00000131909  |
| 3970 | CT TNHH UNI INTERNATIONAL                | 17   | M00000040737  | M00000040753  |
| 3971 | CT TNHH UNIVERSAL ORIENT TWO             | 26   | M00000192464  | M00000192489  |
| 3972 | CT TNHH VALLEY BEACH CLUB                | 8    | M00000063290  | M00000063297  |
| 3973 | CT TNHH VAN LOI CAR SERVICE              | 12   | M00000225681  | M00000225692  |
| 3974 | CT TNHH VAN PHONG VA KHACH SAN TIEN DUNG | 56   | M00000168062  | M00000168117  |
| 3975 | CT TNHH VANG BAC ANH NHAT SON            | 1    | M00000071566  | M00000071566  |
| 3976 | CT TNHH VANG BAC DA QUY DUONG HONG       | 31   | M00000113464  | M00000113494  |
| 3977 | CT TNHH VANG BAC DA QUY KIM NGOC MAI     | 56   | M00000186509  | M00000186564  |
| 3978 | CT TNHH VANG BAC DA QUY NGOC THUY TRANG  | 1    | M00000214571  | M00000214571  |
| 3979 | CT TNHH VANG BAC DA QUY PHU DUONG        | 11   | M00000200865  | M00000200875  |
| 3980 | CT TNHH VANG BAC DA QUY PHUONG HA        | 7    | M00000218485  | M00000218491  |
| 3981 | CT TNHH VANG BAC DA QUY QUOC BAO TUAN J  | 192  | M00000089037  | M00000089228  |
| 3982 | CT TNHH VANG BAC DA QUY THINH MAI        | 267  | M00000007895  | M00000008161  |
| 3983 | CT TNHH VANG BAC DA QUY TIEN NGOC        | 2079 | M00000055173  | M00000057251  |
| 3984 | CT TNHH VANG BAC DA QUY VAN LOC - VLJ    | 26   | M00000030431  | M00000030456  |
| 3985 | CT TNHH VANG BAC DA QUY VUONG ANH        | 4    | M00000062419  | M00000062422  |
| 3986 | CT TNHH VANG BAC NGOC HUONG QB           | 131  | M00000108557  | M00000108687  |
| 3987 | CT TNHH VANG BAC THAI TUAN               | 43   | M00000073457  | M00000073499  |
| 3988 | CT TNHH VANG BAC THUAN THUY              | 13   | M00000102432  | M00000102444  |
| 3989 | CT TNHH VANG BAC TUAN HANG PHUONG ANH    | 10   | M00000133598  | M00000133607  |
| 3990 | CT TNHH VANG KIM BINH QUI                | 5    | M00000091937  | M00000091941  |
| 3991 | CT TNHH VAT LIEU XAY DUNG DONG KHANH     | 2    | M00000080922  | M00000080923  |
| 3992 | CT TNHH VAT LIEU XAY DUNG KHOI NGUYEN    | 1    | M00000032018  | M00000032018  |
| 3993 | CT TNHH VAT TU NONG NGHIEP HHV GREEN     | 65   | M00000206804  | M00000206868  |
| 3994 | CT TNHH VAT TU THIET BI Y TE TTY         | 4    | M00000057704  | M00000057707  |
| 3995 | CT TNHH VE MAY BAY TRUC TUYEN ABAY       | 34   | M00000006228  | M00000006261  |
| 3996 | CT TNHH VI NA DONG THANG                 | 2    | M00000079103  | M00000079104  |
| 3997 | CT TNHH VI THAI FOODS                    | 1    | M00000215274  | M00000215274  |
| 3998 | CT TNHH VIAS PICKLEBALL ACADEMY          | 12   | M00000214894  | M00000214905  |
| 3999 | CT TNHH VICTORIA PRESCHOOL               | 65   | M00000163637  | M00000163701  |
| 4000 | CT TNHH VIEN THAM MY AQUA                | 54   | M00000195079  | M00000195132  |
| 4001 | CT TNHH VIEN THAM MY QUOC TE AA          | 57   | M00000183630  | M00000183686  |
| 4002 | CT TNHH VIEN THONG QUANG TRUNG           | 16   | M00000000516  | M00000000531  |
| 4003 | CT TNHH VIET- HAN DADA                   | 1    | M00000060024  | M00000060024  |
| 4004 | CT TNHH VIET MOT                         | 4    | M00000158868  | M00000158871  |
| 4005 | CT TNHH VIET NAM INTERNATIONAL INSTITUTE | 4    | M00000199196  | M00000199199  |
| 4006 | CT TNHH VIET NAM KHAM PHA                | 2    | M00000012670  | M00000012671  |
| 4007 | CT TNHH VIET NGUYEN NHA TRANG            | 3    | M00000109945  | M00000109947  |
| 4008 | CT TNHH VILLA SONG SAI GON               | 71   | M00000163702  | M00000163772  |
| 4009 | CT TNHH VINA HORECA                      | 6    | M00000080986  | M00000080991  |
| 4010 | CT TNHH VINA MART PHU CUONG              | 33   | M00000093025  | M00000093057  |
| 4011 | CT TNHH VINATRIPS                        | 1    | M00000012885  | M00000012885  |
| 4012 | CT TNHH VINH HIEN                        | 1    | M00000076115  | M00000076115  |

|      |                                          |      |              |              |
|------|------------------------------------------|------|--------------|--------------|
| 4013 | CT TNHH VINH THIEN DUONG CAM RANH        | 1573 | M00000115351 | M00000116923 |
| 4014 | CT TNHH VIPAMED VIET NAM                 | 21   | M00000009227 | M00000009247 |
| 4015 | CT TNHH VIVA YOGA & FITNESS              | 5    | M00000172313 | M00000172317 |
| 4016 | CT TNHH VLXD & TT NOI THAT THANH MINH    | 5    | M00000140112 | M00000140116 |
| 4017 | CT TNHH VN EXPRESS TOUR HUNG YEN         | 4    | M00000076686 | M00000076689 |
| 4018 | CT TNHH VO XE VAN LOI                    | 4    | M00000181269 | M00000181272 |
| 4019 | CT TNHH VT TM VA DV O TO DUC PHAT        | 1    | M00000070589 | M00000070589 |
| 4020 | CT TNHH VTTB XDTH THE ANH                | 1    | M00000099381 | M00000099381 |
| 4021 | CT TNHH VUONG PHAT PHAT                  | 5    | M00000215193 | M00000215197 |
| 4022 | CT TNHH VYOGA WORLD                      | 3    | M00000188018 | M00000188020 |
| 4023 | CT TNHH WAGWEL RESCUE                    | 3    | M00000190514 | M00000190516 |
| 4024 | CT TNHH WAKYO                            | 7    | M00000197554 | M00000197560 |
| 4025 | CT TNHH WALKIE-TALKIE VIET NAM           | 19   | M00000166616 | M00000166634 |
| 4026 | CT TNHH WAPANG VINA                      | 1    | M00000049355 | M00000049355 |
| 4027 | CT TNHH WARDROBE ARC                     | 20   | M00000223081 | M00000223100 |
| 4028 | CT TNHH WESET ENGLISH CENTER             | 43   | M00000186221 | M00000186263 |
| 4029 | CT TNHH WEWORK VIET NAM                  | 56   | M00000186453 | M00000186508 |
| 4030 | CT TNHH WHAT'S UP ENGLISH                | 4    | M00000046380 | M00000046383 |
| 4031 | CT TNHH WINWIN STORE                     | 1    | M00000181857 | M00000181857 |
| 4032 | CT TNHH WORKSHOP                         | 26   | M00000166293 | M00000166318 |
| 4033 | CT TNHH XAY DUNG TONG HOP DUONG THUY     | 33   | M00000102345 | M00000102377 |
| 4034 | CT TNHH XAY DUNG VA TM NAM DUONG         | 30   | M00000065492 | M00000065521 |
| 4035 | CT TNHH XD & DV DU LICH MAT TROI         | 1    | M00000166073 | M00000166073 |
| 4036 | CT TNHH XD & KD XANG DAU ANH HUY         | 1    | M00000164019 | M00000164019 |
| 4037 | CT TNHH XD DV THUONG MAI VU HANG         | 8    | M00000090326 | M00000090333 |
| 4038 | CT TNHH XD DV VA TM XANH THUY            | 2    | M00000120062 | M00000120063 |
| 4039 | CT TNHH XD VA NT XANH HOUSE              | 24   | M00000134665 | M00000134688 |
| 4040 | CT TNHH XE DIEN DUC HUAN                 | 117  | M00000070626 | M00000070742 |
| 4041 | CT TNHH XE MAY AN PHU                    | 81   | M00000171272 | M00000171352 |
| 4042 | CT TNHH XE MAY DIEN ANH KHOI             | 53   | M00000063647 | M00000063699 |
| 4043 | CT TNHH XE MAY GIA MINH                  | 26   | M00000006725 | M00000006750 |
| 4044 | CT TNHH XE MAY MINH LONG PHAT            | 57   | M00000181764 | M00000181820 |
| 4045 | CT TNHH XE MAY NHAP KHAU DAI THANH CONG  | 106  | M00000197412 | M00000197517 |
| 4046 | CT TNHH XE MAY THANH NAM                 | 6    | M00000077569 | M00000077574 |
| 4047 | CT TNHH XET NGHIEM BENH LY HOC VIET NAM  | 3    | M00000166095 | M00000166097 |
| 4048 | CT TNHH XNK DAI PHAT 88                  | 3    | M00000073216 | M00000073218 |
| 4049 | CT TNHH XNK HAI SAN LE GIA               | 4    | M00000134954 | M00000134957 |
| 4050 | CT TNHH XNK THIET BI MAY MOC THUAN PHAT  | 9    | M00000192800 | M00000192808 |
| 4051 | CT TNHH XNK THUC PHAM DONG LANH          | 10   | M00000065547 | M00000065556 |
| 4052 | CT TNHH XNK TM VA DT AN KHANH            | 11   | M00000201820 | M00000201830 |
| 4053 | CT TNHH XNK TM VA DV DAI TAN PHAT GROUP  | 1    | M00000091017 | M00000091017 |
| 4054 | CT TNHH XNK VA TM KIM KHI HOANG KHANH    | 17   | M00000037715 | M00000037731 |
| 4055 | CT TNHH XQ SAI GON                       | 20   | M00000157451 | M00000157470 |
| 4056 | CT TNHH XUAN ANH                         | 21   | M00000166272 | M00000166292 |
| 4057 | CT TNHH XUAN TU F&B                      | 5    | M00000224951 | M00000224955 |
| 4058 | CT TNHH XUAT NHAP KHAU KAVR              | 54   | M00000182681 | M00000182734 |
| 4059 | CT TNHH XUAT NHAP KHAU THUC PHAM BINH MI | 2    | M00000192274 | M00000192275 |
| 4060 | CT TNHH Y DUOC ANH KHOI                  | 1    | M00000047329 | M00000047329 |
| 4061 | CT TNHH Y KHOA VUNG TAU LAB              | 1    | M00000194382 | M00000194382 |
| 4062 | CT TNHH Y TE SHOUBIKAI VIET NAM          | 71   | M00000164900 | M00000164970 |
| 4063 | CT TNHH Y.I GROUP                        | 4    | M00000046613 | M00000046616 |
| 4064 | CT TNHH YAMANAKA RESTAURANT              | 10   | M00000045220 | M00000045229 |
| 4065 | CT TNHH YASHODA                          | 3    | M00000127792 | M00000127794 |
| 4066 | CT TNHH YAZAWA MEAT VIET NAM             | 125  | M00000187333 | M00000187457 |
| 4067 | CT TNHH YC VIET NAM                      | 14   | M00000040754 | M00000040767 |
| 4068 | CT TNHH YEN SAO BAO NGU VI CA SAI GON    | 6    | M00000036092 | M00000036097 |
| 4069 | CT TNHH YEN SAO MIEN TRUNG               | 1    | M00000214102 | M00000214102 |
| 4070 | CT TNHH ZENTO VIET NAM                   | 1    | M00000018551 | M00000018551 |
| 4071 | CT TNHH ZEROISM                          | 6    | M00000191430 | M00000191435 |
| 4072 | CT TNHH ZINA VIET NAM                    | 4    | M00000044261 | M00000044264 |
| 4073 | CTCP 88 GROUP VIET NAM                   | 2    | M00000024729 | M00000024730 |
| 4074 | CTCP AM THUC MAN BY UNICB                | 7    | M00000036635 | M00000036641 |
| 4075 | CTCP AM THUC Q9                          | 14   | M00000195305 | M00000195318 |
| 4076 | CTCP APOCALYPSE NOW SAIGON               | 16   | M00000200496 | M00000200511 |
| 4077 | CTCP BACH MINH                           | 7    | M00000000485 | M00000000491 |
| 4078 | CTCP BAT DONG SAN BAO HUNG               | 6    | M00000009904 | M00000009909 |
| 4079 | CTCP BAT DONG SAN SON VA HOA CHAT A CHAU | 28   | M00000052796 | M00000052823 |
| 4080 | CTCP BENH VIEN DA KHOA SUN MEDICAL VIET  | 5    | M00000032530 | M00000032534 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4081 | CTCP BENH VIEN DONG DO                   | 38  | M00000006047 | M00000006084 |
| 4082 | CTCP BENH VIEN THAI THINH                | 5   | M00000006085 | M00000006089 |
| 4083 | CTCP BENH VIEN Y HOC CO TRUYEN HUNG VUON | 2   | M00000059046 | M00000059047 |
| 4084 | CTCP BLUESEA GROUP                       | 1   | M00000042909 | M00000042909 |
| 4085 | CTCP BOSGAURUS COFFEE                    | 29  | M00000170072 | M00000170100 |
| 4086 | CTCP CAO NGUYEN BAC NINH - CN KHACH SAN  | 3   | M00000074603 | M00000074605 |
| 4087 | CTCP CHAM SOC SK VA SAC DEP PHU THAI     | 4   | M00000011639 | M00000011642 |
| 4088 | CTCP CHU THAP XANH                       | 2   | M00000007240 | M00000007241 |
| 4089 | CTCP CO KHI XAY DUNG VA TM LINH HIEP     | 46  | M00000108470 | M00000108515 |
| 4090 | CTCP CONG NGHE CAO QUOC TE THT MEDICAL   | 447 | M00000031446 | M00000031892 |
| 4091 | CTCP CONG NGHE ELIFE                     | 4   | M00000038605 | M00000038608 |
| 4092 | CTCP CONG NGHE TONG HOP                  | 61  | M00000033618 | M00000033678 |
| 4093 | CTCP D/TU XD T/MAI VA DICH VU SEN VIET   | 2   | M00000015155 | M00000015156 |
| 4094 | CTCP DAI GIANG LAM                       | 7   | M00000043942 | M00000043948 |
| 4095 | CTCP DAU TU BDS KHACH SAN THAI DUONG     | 33  | M00000183020 | M00000183052 |
| 4096 | CTCP DAU TU DICH VU THUONG MAI NAM SON   | 1   | M00000076804 | M00000076804 |
| 4097 | CTCP DAU TU HBR HOLDINGS                 | 8   | M00000024456 | M00000024463 |
| 4098 | CTCP DAU TU MINH DANG HA LONG            | 17  | M00000053621 | M00000053637 |
| 4099 | CTCP DAU TU PHAT TRIEN TRUONG TIN        | 45  | M00000144372 | M00000144416 |
| 4100 | CTCP DAU TU THUONG MAI ANH DUC HA NOI    | 1   | M00000012570 | M00000012570 |
| 4101 | CTCP DAU TU THUONG MAI VA DV WOW         | 1   | M00000070831 | M00000070831 |
| 4102 | CTCP DAU TU THUONG MAI VA KY THUAT HUY H | 47  | M00000075719 | M00000075765 |
| 4103 | CTCP DAU TU TM VA DV DU LICH BAI THO     | 59  | M00000049637 | M00000049695 |
| 4104 | CTCP DAU TU VA CONG NGHE DUNG DAT        | 26  | M00000052871 | M00000052896 |
| 4105 | CTCP DAU TU VA DICH VU TIN PHAT          | 4   | M00000066972 | M00000066975 |
| 4106 | CTCP DAU TU VA DL VAN HUONG              | 7   | M00000060017 | M00000060023 |
| 4107 | CTCP DAU TU VA DU LICH THIEN SON         | 11  | M00000001054 | M00000001064 |
| 4108 | CTCP DAU TU VA PHAT TRIEN GIAO DUC TAN T | 4   | M00000126037 | M00000126040 |
| 4109 | CTCP DAU TU VA PHAT TRIEN KHACH SAN THAN | 102 | M00000132055 | M00000132156 |
| 4110 | CTCP DAU TU VA SX ONG NHUA CAO CAP ASEAN | 2   | M00000051449 | M00000051450 |
| 4111 | CTCP DAU TU VA THUONG MAI CHAU THANH     | 203 | M00000003682 | M00000003884 |
| 4112 | CTCP DAU TU VA TM DV PHUC VINH           | 1   | M00000043496 | M00000043496 |
| 4113 | CTCP DAU TU Y TE HA NOI SMILE            | 51  | M00000044198 | M00000044248 |
| 4114 | CTCP DAU TU Y TE PHONG PHU               | 22  | M00000209380 | M00000209401 |
| 4115 | CTCP DICH VU SAKURA HOTEL                | 71  | M00000009264 | M00000009334 |
| 4116 | CTCP DICH VU TDN GROUP                   | 3   | M00000030810 | M00000030812 |
| 4117 | CTCP DICH VU THUOC VA TRANG THIET BI Y T | 2   | M00000057710 | M00000057711 |
| 4118 | CTCP DICH VU THUONG MAI NEWCIME          | 4   | M00000073372 | M00000073375 |
| 4119 | CTCP DICH VU THUONG MAI VA SAN XUAT CHI  | 12  | M00000018098 | M00000018109 |
| 4120 | CTCP DICH VU VA DU LICH BINH AN          | 1   | M00000012378 | M00000012378 |
| 4121 | CTCP DICH VU VA THUONG MAI XUAN KHIEU    | 2   | M00000003462 | M00000003463 |
| 4122 | CTCP DIEN TU AM THANH PHUC ANH           | 7   | M00000048388 | M00000048394 |
| 4123 | CTCP DMARIS                              | 310 | M00000171526 | M00000171835 |
| 4124 | CTCP DO UONG MOI                         | 75  | M00000016323 | M00000016397 |
| 4125 | CTCP DOCTOR SKILLS COACHING              | 49  | M00000185823 | M00000185871 |
| 4126 | CTCP DT & TM QTE NGOC CUONG              | 38  | M00000062307 | M00000062344 |
| 4127 | CTCP DT DV VUICHOI GIAITRITHETHAO HA NOI | 11  | M00000002433 | M00000002443 |
| 4128 | CTCP DT PT SOHEE HAN QUOC                | 5   | M00000008164 | M00000008168 |
| 4129 | CTCP DT TM VA DV KHANG HOA               | 1   | M00000046858 | M00000046858 |
| 4130 | CTCP DT VA PT GD TG KY THUAT DONG THAP   | 15  | M00000171836 | M00000171850 |
| 4131 | CTCP DT VA PT GIAO DUC LUMINA ACADEMY    | 6   | M00000043033 | M00000043038 |
| 4132 | CTCP DT VA PT TAY THIEN PHU              | 47  | M00000066644 | M00000066690 |
| 4133 | CTCP DT&PT DINH DUONG HUU CO POWER VIRAL | 721 | M00000036645 | M00000037365 |
| 4134 | CTCP DTU XD VA XNK MINH PHAT             | 1   | M00000031022 | M00000031022 |
| 4135 | CTCP DU LICH DICH VU NHAT MINH VIET NAM  | 81  | M00000062642 | M00000062722 |
| 4136 | CTCP DU LICH DMZ                         | 1   | M00000099531 | M00000099531 |
| 4137 | CTCP DU LICH HOANG CUONG                 | 73  | M00000130247 | M00000130319 |
| 4138 | CTCP DU LICH KSN BACH DANG               | 21  | M00000049381 | M00000049401 |
| 4139 | CTCP DU LICH THUONG MAI MY KINH          | 32  | M00000009195 | M00000009226 |
| 4140 | CTCP DU LICH THUONG MAI TAY HO           | 34  | M00000000394 | M00000000427 |
| 4141 | CTCP DU LICH VA THUONG MAI LAM SON       | 3   | M00000111533 | M00000111535 |
| 4142 | CTCP DU LICH VA VUI CHOI GIAI TRI DO SON | 7   | M00000063283 | M00000063289 |
| 4143 | CTCP DU THUYEN NAM SAO CAT BA-CN CAT BA  | 5   | M00000053694 | M00000053698 |
| 4144 | CTCP DV THE THAO VANPHUC CITY PICKLEBALL | 6   | M00000217587 | M00000217592 |
| 4145 | CTCP DV TM TRUONG THUAN PHAT             | 1   | M00000124510 | M00000124510 |
| 4146 | CTCP DV VA PP NAM THAI BINH DUONG        | 14  | M00000006262 | M00000006275 |
| 4147 | CTCP EMPIRE GLOBAL INVESTMENTS           | 42  | M00000190361 | M00000190402 |
| 4148 | CTCP FNB GLOBAL GROUP                    | 105 | M00000205826 | M00000205930 |

|      |                                          |      |              |              |
|------|------------------------------------------|------|--------------|--------------|
| 4149 | CTCP FOODIE NEST                         | 22   | M00000147827 | M00000147848 |
| 4150 | CTCP GIAI PHAP MANG BACH KIM             | 17   | M00000009772 | M00000009788 |
| 4151 | CTCP GIAI TRI DAO HONG                   | 4    | M00000063211 | M00000063214 |
| 4152 | CTCP GIAO DUC HA NOI THUY THANH          | 12   | M00000039551 | M00000039562 |
| 4153 | CTCP GIAO DUC QUOC TE ICS                | 53   | M00000190929 | M00000190981 |
| 4154 | CTCP GIAO DUC THE HE TRE                 | 17   | M00000012646 | M00000012662 |
| 4155 | CTCP GIAO DUC VA DAO TAO BRAINCLICK VIET | 5    | M00000012699 | M00000012703 |
| 4156 | CTCP GIAO DUC VA DAO TAO POPODOO HA NOI  | 1    | M00000006611 | M00000006611 |
| 4157 | CTCP GIAO DUC VA GIAI TRI TRE THO        | 309  | M00000008755 | M00000009063 |
| 4158 | CTCP HE THONG GIAO DUC EMILIA ELITE      | 22   | M00000015699 | M00000015720 |
| 4159 | CTCP HIHAKA                              | 1    | M00000008397 | M00000008397 |
| 4160 | CTCP HOA KY.                             | 209  | M00000104136 | M00000104344 |
| 4161 | CTCP HOC VIEN GIAO DUC QUOC TE VICTORIA  | 7    | M00000225476 | M00000225482 |
| 4162 | CTCP HOC VIEN PE                         | 2    | M00000191947 | M00000191948 |
| 4163 | CTCP IEG TOAN CAU                        | 4    | M00000011607 | M00000011610 |
| 4164 | CTCP JUMP ARENA                          | 21   | M00000181973 | M00000181993 |
| 4165 | CTCP KA KONCEPT                          | 3    | M00000181195 | M00000181197 |
| 4166 | CTCP KHACH SAN - DICH VU HA NOI DREAM    | 25   | M00000008700 | M00000008724 |
| 4167 | CTCP KHACH SAN ATHENA                    | 4    | M00000167344 | M00000167347 |
| 4168 | CTCP KHACH SAN FUSION SUITES SAI GON     | 206  | M00000168559 | M00000168764 |
| 4169 | CTCP KHACH SAN HA LONG DREAM             | 2    | M00000000006 | M00000000007 |
| 4170 | CTCP KHACH SAN HAI BA TRUNG              | 7    | M00000105289 | M00000105295 |
| 4171 | CTCP KHAO SAT VA DAU TU XAY DUNG DONG TI | 1    | M00000040029 | M00000040029 |
| 4172 | CTCP KHU DU LICH BAC MY AN               | 1275 | M00000093684 | M00000094958 |
| 4173 | CTCP KINH DOANH DICH VU DAI HUNG         | 76   | M00000190428 | M00000190503 |
| 4174 | CTCP KINH DOANH DICH VU HA DO            | 13   | M00000000892 | M00000000904 |
| 4175 | CTCP KINH DOANH TM VA DV THUAN HUNG      | 9    | M00000007838 | M00000007846 |
| 4176 | CTCP LEGEND PEARL                        | 241  | M00000067920 | M00000068160 |
| 4177 | CTCP LOTUS HOSPITALITY                   | 3    | M00000012685 | M00000012687 |
| 4178 | CTCP MARINA HOLDINGS VIETNAM             | 6    | M00000048124 | M00000048129 |
| 4179 | CTCP MAX COFFEE ORGANIC                  | 27   | M00000024161 | M00000024187 |
| 4180 | CTCP MIEN DAT XE                         | 6    | M00000030389 | M00000030394 |
| 4181 | CTCP MIEN THUE HUU NGHI QUOC TE LANG SON | 30   | M00000061280 | M00000061309 |
| 4182 | CTCP MY THUAT & VAT PHAM VAN HOA         | 2    | M00000000428 | M00000000429 |
| 4183 | CTCP NGHI DUONG DAO                      | 12   | M00000063215 | M00000063226 |
| 4184 | CTCP NGOC TRAI HA LONG                   | 167  | M00000050310 | M00000050476 |
| 4185 | CTCP NHA KHOA ORION SMILE VIET NAM       | 2    | M00000214686 | M00000214687 |
| 4186 | CTCP NHA TRANH-GIA VI                    | 35   | M00000050206 | M00000050240 |
| 4187 | CTCP NHAT MINH SPORTS                    | 26   | M00000030259 | M00000030284 |
| 4188 | CTCP NOI THAT ERADO VIET NAM             | 7    | M00000018091 | M00000018097 |
| 4189 | CTCP NU CUOI VIET                        | 3    | M00000001048 | M00000001050 |
| 4190 | CTCP PHAN PHOI CONG NGHE KM              | 4    | M00000205690 | M00000205693 |
| 4191 | CTCP PHAP VIET-K/S HA LONG PALACE        | 8    | M00000049890 | M00000049897 |
| 4192 | CTCP PHAT TRIEN HA TANG VA DV GIAO DUC V | 3    | M00000021502 | M00000021504 |
| 4193 | CTCP PHAT TRIEN HUONG VI VIET            | 3    | M00000046790 | M00000046792 |
| 4194 | CTCP PHAT TRIEN TMDV MANH HUNG           | 2    | M00000039609 | M00000039610 |
| 4195 | CTCP PHONG KHAM RANG HAM MAT NHA KHOA GI | 7    | M00000047354 | M00000047360 |
| 4196 | CTCP PRIMEHOMES                          | 2    | M00000013415 | M00000013416 |
| 4197 | CTCP PROKITCHEN VA BAR SOLUTIONS VIET NA | 17   | M00000068766 | M00000068782 |
| 4198 | CTCP PYNT                                | 5    | M00000201026 | M00000201030 |
| 4199 | CTCP QUAN LY F&B CMH                     | 93   | M00000024848 | M00000024940 |
| 4200 | CTCP QUAN LY KHACH SAN TGL               | 53   | M00000023149 | M00000023201 |
| 4201 | CTCP QUAN LY KHACH SAN VA DICH VU MANDAL | 40   | M00000062524 | M00000062563 |
| 4202 | CTCP QUAN LY VAN HANH KS SUPER HOTEL CAN | 49   | M00000026867 | M00000026915 |
| 4203 | CTCP QUOC TE BLUE SEA EDUCATION          | 5    | M00000015910 | M00000015914 |
| 4204 | CTCP QUOC TE BLUESTAR                    | 28   | M00000041504 | M00000041531 |
| 4205 | CTCP QUOC TE DAI MINH PHAT               | 16   | M00000011372 | M00000011387 |
| 4206 | CTCP SACH -TBTH KON TUM                  | 43   | M00000099847 | M00000099889 |
| 4207 | CTCP SAIGON CONTEMPORARY AND BALLET DANC | 2    | M00000199192 | M00000199193 |
| 4208 | CTCP SAIGON INDOCHINE CRUISE             | 33   | M00000067762 | M00000067794 |
| 4209 | CTCP SAN GIAO DICH BDS TERA              | 2    | M00000187788 | M00000187789 |
| 4210 | CTCP SAN XUAT VAT LIEU XAY DUNG LOC AN   | 4    | M00000112987 | M00000112990 |
| 4211 | CTCP SANNA TOUR                          | 2    | M00000112662 | M00000112663 |
| 4212 | CTCP SIEU THI PHAT GIAO TRANG NHA        | 21   | M00000213774 | M00000213794 |
| 4213 | CTCP SONG LOC H&H                        | 1    | M00000052550 | M00000052550 |
| 4214 | CTCP SOUL                                | 52   | M00000163087 | M00000163138 |
| 4215 | CTCP SU KIEN & TRUYEN THONG ZONE B       | 9    | M00000198435 | M00000198443 |
| 4216 | CTCP SX TM THUC PHAM QT FRIENDSHIP CAKES | 210  | M00000202247 | M00000202456 |

|      |                                            |     |              |              |
|------|--------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4217 | CTCP SX TM XUAT NHAP KHAU NAM ANH          | 2   | M00000008404 | M00000008405 |
| 4218 | CTCP SX VA TM THUC PHAM CAO NGUYEN         | 2   | M00000107792 | M00000107793 |
| 4219 | CTCP SXTM Y & DUOC TOAN CAU                | 1   | M00000030501 | M00000030501 |
| 4220 | CTCP TALES BY CHAPTER                      | 19  | M00000030896 | M00000030914 |
| 4221 | CTCP TAP DOAN BAO HIEM DBV-SO GIAO DICH    | 32  | M00000207534 | M00000207565 |
| 4222 | CTCP TAP DOAN DT GIAO DUC QUOC TE PASCAL   | 18  | M00000206900 | M00000206917 |
| 4223 | CTCP TAP DOAN DUOC PHAM MINH PHUC          | 310 | M00000033305 | M00000033614 |
| 4224 | CTCP TAP DOAN GOLF TRUONG AN               | 94  | M00000009482 | M00000009575 |
| 4225 | CTCP TAP DOAN LAM NGOC DUONG - CN HA NOI   | 1   | M00000072154 | M00000072154 |
| 4226 | CTCP TAP DOAN NEM ESEUN VIET NAM           | 72  | M00000062853 | M00000062924 |
| 4227 | CTCP TAP DOAN ROYAL AI - AP                | 33  | M00000064361 | M00000064393 |
| 4228 | CTCP TAP DOAN SEJUNG                       | 33  | M00000047412 | M00000047444 |
| 4229 | CTCP TAP DOAN THAI TUAN-CHI NHANH MIEN T   | 2   | M00000104117 | M00000104118 |
| 4230 | CTCP THE THAO PHUONG DONG                  | 14  | M00000002419 | M00000002432 |
| 4231 | CTCP THIET BI CHAM SOC SUC KHOE SO 1       | 1   | M00000015583 | M00000015583 |
| 4232 | CTCP THIET KE VA SAN XUAT KHUON MAU VIET   | 170 | M00000034571 | M00000034740 |
| 4233 | CTCP THOI TRANG QUOC TE HUONG GIANG INTE   | 1   | M00000037808 | M00000037808 |
| 4234 | CTCP THUC PHAM & DICH VU MY WAY            | 6   | M00000008671 | M00000008676 |
| 4235 | CTCP THUONG MAI CONG NGHE SO TECHSPOT V    | 14  | M00000019655 | M00000019668 |
| 4236 | CTCP THUONG MAI CA PHE AN VIEN             | 5   | M00000193224 | M00000193228 |
| 4237 | CTCP THUONG MAI DICH VU 79 QUANG NAM       | 25  | M00000150920 | M00000150944 |
| 4238 | CTCP THUONG MAI DICH VU EGGYOLK VIET NAM   | 10  | M00000035986 | M00000035995 |
| 4239 | CTCP THUONG MAI DICH VU THE ONLY WAY       | 10  | M00000200136 | M00000200145 |
| 4240 | CTCP THUONG MAI DIEN TU AN PHU             | 167 | M00000038438 | M00000038604 |
| 4241 | CTCP THUONG MAI DU LICH CHIEN THANG        | 17  | M00000050106 | M00000050122 |
| 4242 | CTCP THUONG MAI IBL                        | 14  | M00000122386 | M00000122399 |
| 4243 | CTCP THUONG MAI MTA VIET NAM               | 7   | M00000034982 | M00000034988 |
| 4244 | CTCP THUONG MAI TONG HOP THAI HUNG         | 2   | M00000104406 | M00000104407 |
| 4245 | CTCP THUONG MAI VA DICH VU EASY MART       | 171 | M00000020552 | M00000020722 |
| 4246 | CTCP THUONG MAI VA DV DND VIET NAM         | 91  | M00000030696 | M00000030786 |
| 4247 | CTCP THUONG MAI VA DV HUYEN NGAN           | 20  | M00000145924 | M00000145943 |
| 4248 | CTCP THUONG MAI VA DV XAY LAP HOANG SON    | 22  | M00000018005 | M00000018026 |
| 4249 | CTCP THUONG MAI VA XNK TAN HOANG HA        | 1   | M00000012855 | M00000012855 |
| 4250 | CTCP TIEN BO CONG NGHE VIGIN INTERNATIONAL | 9   | M00000024143 | M00000024151 |
| 4251 | CTCP TM DAU TU QUOC TE JMC&CO VIET NAM     | 2   | M00000042555 | M00000042556 |
| 4252 | CTCP TM DAU TU VA PHAT TRIEN PHOENIX       | 2   | M00000031929 | M00000031930 |
| 4253 | CTCP TM DU LICH HAI PHONG                  | 1   | M00000064358 | M00000064358 |
| 4254 | CTCP TM DV SAO MINH TAN                    | 12  | M00000023558 | M00000023569 |
| 4255 | CTCP TM SAVIN VIET NAM                     | 4   | M00000008695 | M00000008698 |
| 4256 | CTCP TM SX DARLING                         | 19  | M00000192845 | M00000192863 |
| 4257 | CTCP TM VA DICH VU NAM PHONG VIET NAM      | 934 | M00000021845 | M00000022778 |
| 4258 | CTCP TM VA DV CONG NGHE THOI DAI SO        | 9   | M00000199630 | M00000199638 |
| 4259 | CTCP TM VA DV HA HUNG PHAT                 | 5   | M00000065609 | M00000065613 |
| 4260 | CTCP TM VA DV HANG KHONG AU LAC            | 13  | M00000026366 | M00000026378 |
| 4261 | CTCP TM VA DV KGT GL                       | 6   | M00000133792 | M00000133797 |
| 4262 | CTCP TM VA DV XAY DUNG KIM TIEN            | 32  | M00000071419 | M00000071450 |
| 4263 | CTCP TM VA VT XANG DAU DONG LOI            | 107 | M00000041130 | M00000041236 |
| 4264 | CTCP TM&DV 196 INTERNATIONAL               | 4   | M00000074085 | M00000074088 |
| 4265 | CTCP TO HE                                 | 5   | M00000006605 | M00000006609 |
| 4266 | CTCP TONG HOP SAO BIEN                     | 90  | M00000114393 | M00000114482 |
| 4267 | CTCP TRUONG QUOC TE WINSTON                | 9   | M00000014294 | M00000014302 |
| 4268 | CTCP TTAM CHAMSOC SUCKHOE CONGDONG CHAC    | 41  | M00000159577 | M00000159617 |
| 4269 | CTCP TU VAN VA DT PEGASUS - CN HA NOI      | 1   | M00000011734 | M00000011734 |
| 4270 | CTCP VAN HOA DAK LAK                       | 188 | M00000156116 | M00000156303 |
| 4271 | CTCP VANG BAC DA QUY KIM BACH NGAN         | 4   | M00000064415 | M00000064418 |
| 4272 | CTCP VAT TU TRUONG HUNG                    | 60  | M00000034766 | M00000034825 |
| 4273 | CTCP VIEN THONG GIA MINH                   | 15  | M00000059975 | M00000059989 |
| 4274 | CTCP XAY DUNG VA THUONG MAI ANH CUONG      | 5   | M00000102335 | M00000102339 |
| 4275 | CTCP XAY DUNG VA THUONG MAI VIET DUC       | 1   | M00000109430 | M00000109430 |
| 4276 | CTCP XNK VA TM AN GIA GLOBAL               | 10  | M00000042975 | M00000042984 |
| 4277 | CTCP Y DUOC AN BINH HUNG                   | 4   | M00000135575 | M00000135578 |
| 4278 | CTCP Y DUOC HAI NAM                        | 11  | M00000044496 | M00000044506 |
| 4279 | CTCP Y TE NHA TRANG UNI CARE               | 2   | M00000109295 | M00000109296 |
| 4280 | CTCP Y TE VIP12                            | 7   | M00000006680 | M00000006686 |
| 4281 | CTCP YM TRIBE                              | 17  | M00000005137 | M00000005153 |
| 4282 | CTCP YOUNG HIT YOUNG BEAT                  | 7   | M00000009255 | M00000009261 |
| 4283 | CTCPDAU TU DICH VU Y TE THE MEDCARE-CNHP   | 2   | M00000050876 | M00000050877 |
| 4284 | CTCPPT GIAI PHAP GIAO DUC VIVI EDUCATION   | 2   | M00000195363 | M00000195364 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4285 | CTTNHH CONG NGHE TIN HOC PHI LONG-CN HUE | 9   | M00000104627 | M00000104635 |
| 4286 | CTTNHH DICHVU DU LICH GOLF VA SU KIEN LL | 2   | M00000203361 | M00000203362 |
| 4287 | CTTNHH DU LICH DICH VU THIEN HONG PHAT   | 8   | M00000050713 | M00000050720 |
| 4288 | CTTNHH DV AN UONG VA TC SU KIEN THU HANG | 5   | M00000009763 | M00000009767 |
| 4289 | CTTNHH HUY HOANG ANH-HHA                 | 1   | M00000069283 | M00000069283 |
| 4290 | CTTNHH KHACHSAN THUY ANH NINHBINH LEGEND | 38  | M00000050068 | M00000050105 |
| 4291 | CTTNHH MTV TM DV DU LICH NGO PHUONG DONG | 1   | M00000079004 | M00000079004 |
| 4292 | CTTNHH NHAHANG KHACHSAN DAIViet-THE RICE | 6   | M00000199223 | M00000199228 |
| 4293 | CTTNHH PHAT TRIEN SX VA DV TM DUC ANH    | 11  | M00000051310 | M00000051320 |
| 4294 | CTTNHH PHONG KHAM DA KHOA QUOC TE AN PHU | 4   | M00000185799 | M00000185802 |
| 4295 | CTTNHH PK YHOCCOTRUYEN BA MUONG-HOA BINH | 2   | M00000214836 | M00000214837 |
| 4296 | CTTNHH TM DU LICH VA DICH VU GIA HUY     | 1   | M00000058900 | M00000058900 |
| 4297 | CTTNHH TM VA DV GIAI TRI PHONG CACH VIET | 102 | M00000033679 | M00000033780 |
| 4298 | CTTNHH TM VA DV THANH DU-NHAHANG AMAKONG | 1   | M00000050690 | M00000050690 |
| 4299 | CTTNHH TM VA DV VUA RUY BANG             | 13  | M00000044004 | M00000044016 |
| 4300 | CTTNHH VAN TAI HA VAN LINH               | 1   | M00000226421 | M00000226421 |
| 4301 | CTTNHH VC KHACH DL PHI LONG              | 3   | M00000156989 | M00000156991 |
| 4302 | CTTNHHDV NUOC GIAI KHAT BUI VAN          | 4   | M00000212216 | M00000212219 |
| 4303 | CTTNHHMTV DV SUAT AN HANG NHAT-CN TAI HN | 8   | M00000013843 | M00000013850 |
| 4304 | CTTNHHTHIETBIVAVATTUTNDENTAL             | 1   | M00000145179 | M00000145179 |
| 4305 | CTY CO PHAN BENH VIEN THIEN NHAN QUANG N | 5   | M00000120208 | M00000120212 |
| 4306 | CTY CO PHAN DAU TU THUONG MAI DICH VU    | 9   | M00000203981 | M00000203989 |
| 4307 | CTY CO PHAN DICH VU DU LICH BIET THU CHA | 49  | M00000097719 | M00000097767 |
| 4308 | CTY CO PHAN GIAO DUC QUOC TE ZIKA        | 2   | M00000061391 | M00000061392 |
| 4309 | CTY CO PHAN KHACH SAN ISE                | 1   | M00000124695 | M00000124695 |
| 4310 | CTY CO PHAN KHU DU LICH DAO CAT BA       | 17  | M00000049727 | M00000049743 |
| 4311 | CTY CO PHAN LU HANH QUOC TE HAI VAN CAT  | 6   | M00000106718 | M00000106723 |
| 4312 | CTY CO PHAN MANG TRUC TUYEN META         | 16  | M00000002127 | M00000002142 |
| 4313 | CTY CO PHAN MARCHE DALAT                 | 18  | M00000135210 | M00000135227 |
| 4314 | CTY CO PHAN NHA KHOA BSC                 | 10  | M00000086767 | M00000086776 |
| 4315 | CTY CO PHAN PHONG KHAM DA KHOA THIEN NAM | 17  | M00000197107 | M00000197123 |
| 4316 | CTY CO PHAN PNP HOAN VU                  | 1   | M00000113889 | M00000113889 |
| 4317 | CTY CO PHAN SAN HO DO-HO TRAM            | 3   | M00000195439 | M00000195441 |
| 4318 | CTY CO PHAN TAN THUAN PHAT GROUP         | 2   | M00000084960 | M00000084961 |
| 4319 | CTY CO PHAN THUONG MAI AN NGOC TAM       | 2   | M00000217189 | M00000217190 |
| 4320 | CTY CO PHAN THUONG MAI AN PHA SAI GON    | 3   | M00000165343 | M00000165345 |
| 4321 | CTY CO PHAN THUONG MAI NOI THAT KTD      | 8   | M00000204396 | M00000204403 |
| 4322 | CTY CO PHAN TRIEU HOSPITALITY            | 2   | M00000193783 | M00000193784 |
| 4323 | CTY CO PHAN TU VAN GIAO DUC VA TRUYEN TH | 10  | M00000156701 | M00000156710 |
| 4324 | CTY CO PHAN Y DUOC TAM AN BINH           | 142 | M00000014412 | M00000014553 |
| 4325 | CTY CP 136 DT                            | 38  | M00000092147 | M00000092184 |
| 4326 | CTY CP ASPIRE                            | 4   | M00000185627 | M00000185630 |
| 4327 | CTY CP BEER STUDIO                       | 5   | M00000193916 | M00000193920 |
| 4328 | CTY CP BENH VIEN DA KHOA MEDIC HAU LOC   | 10  | M00000128753 | M00000128762 |
| 4329 | CTY CP BENH VIEN DA KHOA NHAN DUC BINH T | 1   | M00000156087 | M00000156087 |
| 4330 | CTY CP BENH VIEN MAT BT                  | 58  | M00000196573 | M00000196630 |
| 4331 | CTY CP BENH VIEN MAT SAI GON TIEN GIANG  | 1   | M00000199388 | M00000199388 |
| 4332 | CTY CP BIA THU CONG BRAUHOFF SAIGON      | 1   | M00000214982 | M00000214982 |
| 4333 | CTY CP BV DA KHOA QUOC TE NAM AN         | 194 | M00000199794 | M00000199987 |
| 4334 | CTY CP CAT TUONG DALAT                   | 1   | M00000097548 | M00000097548 |
| 4335 | CTY CP CHAM SOC SUC KHOE AMY             | 11  | M00000164057 | M00000164067 |
| 4336 | CTY CP DA LAN                            | 5   | M00000102091 | M00000102095 |
| 4337 | CTY CP DAO TAO QUOC TE VIET MY UC        | 108 | M00000162043 | M00000162150 |
| 4338 | CTY CP DAU KHI QUOC TE PHUONG DONG       | 7   | M00000163630 | M00000163636 |
| 4339 | CTY CP DAU TU DICH VU DU LICH QUANG MINH | 28  | M00000053771 | M00000053798 |
| 4340 | CTY CP DAU TU T.MAI DVU & SX HIEN TANG   | 2   | M00000049539 | M00000049540 |
| 4341 | CTY CP DAU TU TM DV DONG NAM HAI         | 24  | M00000170571 | M00000170594 |
| 4342 | CTY CP DAU TU VA DL TOAN CAU             | 8   | M00000105757 | M00000105764 |
| 4343 | CTY CP DAU TU VA DV HUONG QUE            | 5   | M00000018546 | M00000018550 |
| 4344 | CTY CP DAU TU VAN HOA THIEN SAMTENLING   | 5   | M00000193290 | M00000193294 |
| 4345 | CTY CP DICH VU DIA OC PQR                | 4   | M00000183088 | M00000183091 |
| 4346 | CTY CP DICH VU DL BIEN TROI MUI NE       | 31  | M00000098824 | M00000098854 |
| 4347 | CTY CP DICH VU NGHI DUONG VQG            | 3   | M00000016838 | M00000016840 |
| 4348 | CTY CP DICH VU THUONG MAI VITAL GO       | 171 | M00000041283 | M00000041453 |
| 4349 | CTY CP DICH VU VAN TAI OTO SO 8          | 13  | M00000016169 | M00000016181 |
| 4350 | CTY CP DMARIS CONG HOA                   | 274 | M00000180619 | M00000180892 |
| 4351 | CTY CP DT THUONG MAI VA DICH VU HMD      | 9   | M00000037402 | M00000037410 |
| 4352 | CTY CP DT VA PT PHO THIN HA NOI          | 15  | M00000016957 | M00000016971 |



|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4353 | CTY CP DT VA PT THUONG MAI, DICH VU PHU  | 6   | M00000093295 | M00000093300 |
| 4354 | CTY CP DT VA TM I.A.G VIET NAM           | 18  | M00000002456 | M00000002473 |
| 4355 | CTY CP DU LICH DAU KHI SAPA              | 15  | M00000050691 | M00000050705 |
| 4356 | CTY CP DU LICH POLANG KON TUM            | 1   | M00000103102 | M00000103102 |
| 4357 | CTY CP DU LICH QUOC TE T&Q               | 1   | M00000051125 | M00000051125 |
| 4358 | CTY CP DU LICH SAI GON - VINH LONG       | 8   | M00000080473 | M00000080480 |
| 4359 | CTY CP DU LICH SINH THAI TAM COC         | 2   | M00000013385 | M00000013386 |
| 4360 | CTY CP DU LICH TM V & R                  | 111 | M00000110120 | M00000110230 |
| 4361 | CTY CP DV DU LICH NHA HANG THUAN PHUONG  | 6   | M00000202540 | M00000202545 |
| 4362 | CTY CP ECLAT VIET NAM                    | 15  | M00000037748 | M00000037762 |
| 4363 | CTY CP ECOCEN HONG LINH                  | 1   | M00000108698 | M00000108698 |
| 4364 | CTY CP GIAI PHAP PHUC HOI CHUC NANG      | 5   | M00000184258 | M00000184262 |
| 4365 | CTY CP GIAI TRI EMES                     | 4   | M00000212531 | M00000212534 |
| 4366 | CTY CP GIAO DUC CONG NGHE TH             | 1   | M00000012897 | M00000012897 |
| 4367 | CTY CP GIAO DUC POPODOO VIET NAM(VIETNAM | 34  | M00000002379 | M00000002412 |
| 4368 | CTY CP GIAO DUC QUOC TE PHU DONG         | 8   | M00000185631 | M00000185638 |
| 4369 | CTY CP GIAO DUC VA TM CO HOANG GIA       | 3   | M00000167014 | M00000167016 |
| 4370 | CTY CP GIAO DUC VIET MY VATC CAN THO     | 3   | M00000080143 | M00000080145 |
| 4371 | CTY CP GIAO NHA QUOC TE VAN VINH LIEN    | 144 | M00000065993 | M00000066136 |
| 4372 | CTY CP KHAI THAC KHOANG SAN KIEN NGOC    | 1   | M00000072650 | M00000072650 |
| 4373 | CTY CP KINH DOANH BAT DONG SAN SINGA     | 56  | M00000196171 | M00000196226 |
| 4374 | CTY CP LIEN KET QUOC TE-INSCHOOL BEN CAT | 25  | M00000200109 | M00000200133 |
| 4375 | CTY CP MAJESTIC GRACE SPEED SHIP         | 1   | M00000087764 | M00000087764 |
| 4376 | CTY CP MOMKID VIET NAM                   | 12  | M00000111929 | M00000111940 |
| 4377 | CTY CP NHA KHOA LAC VIET INTECH          | 42  | M00000065397 | M00000065438 |
| 4378 | CTY CP NHA KHOA QUOC TE BIK              | 4   | M00000182213 | M00000182216 |
| 4379 | CTY CP NHA KHOA THE GIOI NU CUOI         | 1   | M00000225821 | M00000225821 |
| 4380 | CTY CP NHU NGOC                          | 7   | M00000105700 | M00000105706 |
| 4381 | CTY CP NQ O TO TAY NINH - SAI GON        | 18  | M00000086748 | M00000086765 |
| 4382 | CTY CP PHAT TRIEN Y KHOA HA NOI          | 2   | M00000015687 | M00000015688 |
| 4383 | CTY CP QUATANG DAT VANG                  | 2   | M00000227839 | M00000227840 |
| 4384 | CTY CP QUAN LY KHACH SAN & DICH VU MANDA | 8   | M00000125103 | M00000125110 |
| 4385 | CTY CP QUAN LY VA PHAT TRIEN NHA HANG KH | 79  | M00000030567 | M00000030645 |
| 4386 | CTY CP ROOTY TRIP PHU QUOC               | 9   | M00000084285 | M00000084293 |
| 4387 | CTY CP SAN XUAT THUONG MAI NEM VIET HAN  | 633 | M00000221710 | M00000222342 |
| 4388 | CTY CP SAN XUAT THUONG MAI VA DICH VU RP | 5   | M00000030688 | M00000030692 |
| 4389 | CTY CP SAN XUAT VA DAU TU DAI VIET       | 4   | M00000119391 | M00000119394 |
| 4390 | CTY CP SENSORIAL SOARE                   | 7   | M00000122841 | M00000122847 |
| 4391 | CTY CP SGD BAT DONG SAN SAO VIET         | 8   | M00000163614 | M00000163621 |
| 4392 | CTY CP SONG THINH PHAT                   | 5   | M00000020532 | M00000020536 |
| 4393 | CTY CP SX TM DV HUNG THANH PHAT          | 13  | M00000080306 | M00000080318 |
| 4394 | CTY CP SX VA KD THANH PHAT               | 18  | M00000006756 | M00000006773 |
| 4395 | CTY CP SX VA TM ALAFOOD                  | 10  | M00000194476 | M00000194485 |
| 4396 | CTY CP TAP DOAN CON DAO                  | 52  | M00000083851 | M00000083902 |
| 4397 | CTY CP TAP DOAN DAU TU Y KHOA DVA        | 136 | M00000134126 | M00000134261 |
| 4398 | CTY CP THAM MY QUOC TE DENCOS            | 1   | M00000164198 | M00000164198 |
| 4399 | CTY CP THONG DUC                         | 17  | M00000159274 | M00000159290 |
| 4400 | CTY CP THUONG MAI VA DICH VU DHTS        | 3   | M00000191243 | M00000191245 |
| 4401 | CTY CP THUONG MAI VA DICH VU DQ GLOBAL   | 9   | M00000027696 | M00000027704 |
| 4402 | CTY CP THUONG MAI VA DICH VU DU LICH MDT | 1   | M00000156659 | M00000156659 |
| 4403 | CTY CP THUONG MAI VA DICH VU XU HUONG A  | 17  | M00000021381 | M00000021397 |
| 4404 | CTY CP TIN HOC TRAN LAM                  | 5   | M00000077831 | M00000077835 |
| 4405 | CTY CP TM - DICH VU KY THUAT O TO HA NOI | 4   | M00000037711 | M00000037714 |
| 4406 | CTY CP TM & DV AN HUNG                   | 2   | M00000117774 | M00000117775 |
| 4407 | CTY CP TM DV KTL                         | 22  | M00000198671 | M00000198692 |
| 4408 | CTY CP TM PHAT TRIEN DICH VU BIEN XANH   | 79  | M00000198768 | M00000198846 |
| 4409 | CTY CP TM TONG HOP XUAN SINH MI MAS      | 6   | M00000012225 | M00000012230 |
| 4410 | CTY CP TM VA CONG NGHE HA VIET           | 1   | M00000183856 | M00000183856 |
| 4411 | CTY CP TM VA DV EMALL                    | 10  | M00000165169 | M00000165178 |
| 4412 | CTY CP TM VA DV LOTUS CENTER             | 178 | M00000115044 | M00000115221 |
| 4413 | CTY CP TM VA DV THE HIDEAWAY             | 1   | M00000224007 | M00000224007 |
| 4414 | CTY CP TRUNG VIET                        | 71  | M00000102264 | M00000102334 |
| 4415 | CTY CP TRUONG NHAT                       | 13  | M00000104614 | M00000104626 |
| 4416 | CTY CP TRUONG QUOC TE SAO MAI            | 20  | M00000008632 | M00000008651 |
| 4417 | CTY CP TRUONG QUOC TE SYDNEY             | 11  | M00000195570 | M00000195580 |
| 4418 | CTY CP TU VAN DAU TU DAI TRUONG GIANG    | 29  | M00000131863 | M00000131891 |
| 4419 | CTY CP TU VAN DAU TU VA QLY TAI SAN FIDT | 7   | M00000181176 | M00000181182 |
| 4420 | CTY CP VIAS VUNG TAU HOTEL               | 163 | M00000191263 | M00000191425 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4421 | CTY CP VIET NAM BOOKING                  | 4   | M00000159270 | M00000159273 |
| 4422 | CTY CP WARNINGZONE                       | 266 | M00000188353 | M00000188618 |
| 4423 | CTY CP XD TM VAN XUAN                    | 35  | M00000126051 | M00000126085 |
| 4424 | CTY CP XD VA TM TUAN PHAT                | 3   | M00000100967 | M00000100969 |
| 4425 | CTY CP XUAT NHAP KHAU FUJI               | 56  | M00000032545 | M00000032600 |
| 4426 | CTY CP Y KHOA NGOC MINH                  | 48  | M00000161978 | M00000162025 |
| 4427 | CTY CP Y KHOA QUOC TE HTH                | 20  | M00000021353 | M00000021372 |
| 4428 | CTY CP Y TE VIET NHAT - HA NOI           | 18  | M00000061314 | M00000061331 |
| 4429 | CTY DAU GIA HOP DANH TAI CHINH VA GIA CA | 304 | M00000132651 | M00000132954 |
| 4430 | CTY LUAT TNHH TAM NGAN KHANG             | 9   | M00000223471 | M00000223479 |
| 4431 | CTY TNHH KIM CUC 79                      | 8   | M00000149979 | M00000149986 |
| 4432 | CTY TNHH 1TV TM VLXD THAO DUNG           | 17  | M00000112991 | M00000113007 |
| 4433 | CTY TNHH A MA KITCHEN                    | 147 | M00000197124 | M00000197270 |
| 4434 | CTY TNHH AB HEALTH AND BEAUTY            | 12  | M00000223425 | M00000223436 |
| 4435 | CTY TNHH ALFAER                          | 101 | M00000218732 | M00000218832 |
| 4436 | CTY TNHH AM THUC DONG QUE PHU THO        | 1   | M00000071615 | M00000071615 |
| 4437 | CTY TNHH AM THUC NHA HANG TAY DO         | 30  | M00000091169 | M00000091198 |
| 4438 | CTY TNHH AM THUC NHAT HA                 | 27  | M00000224984 | M00000225010 |
| 4439 | CTY TNHH AN HONG VUONG                   | 11  | M00000218670 | M00000218680 |
| 4440 | CTY TNHH AN UONG PHA ANH RANG CHIEU      | 45  | M00000158141 | M00000158185 |
| 4441 | CTY TNHH AN UONG VA AM THUC LA XANH      | 1   | M00000087097 | M00000087097 |
| 4442 | CTY TNHH ANH HAO PHAN THIET              | 23  | M00000103331 | M00000103353 |
| 4443 | CTY TNHH AUTO VAN HIEN                   | 5   | M00000225453 | M00000225457 |
| 4444 | CTY TNHH BAC ANH KIM (SILVERY)           | 3   | M00000154175 | M00000154177 |
| 4445 | CTY TNHH BAN BUON BAN LE VI VE           | 48  | M00000188052 | M00000188099 |
| 4446 | CTY TNHH BAN LE MEAT24                   | 22  | M00000067549 | M00000067570 |
| 4447 | CTY TNHH BANDOVINA KOREA - CN KHANH HOA  | 68  | M00000140332 | M00000140399 |
| 4448 | CTY TNHH BAO DUYEN 68                    | 3   | M00000118497 | M00000118499 |
| 4449 | CTY TNHH BAO VE THUC VAT TUAN CUC        | 12  | M00000113762 | M00000113773 |
| 4450 | CTY TNHH BAT DONG SAN HAPPY LIGHT        | 3   | M00000199990 | M00000199992 |
| 4451 | CTY TNHH BAYOU                           | 7   | M00000183849 | M00000183855 |
| 4452 | CTY TNHH BENH VIEN DA KHOA TAM MINH DUC  | 17  | M00000079032 | M00000079048 |
| 4453 | CTY TNHH BENH VIEN MAT QUOC TE CUNG HONG | 12  | M00000030093 | M00000030104 |
| 4454 | CTY TNHH BENH VIEN NAM HOC               | 7   | M00000018785 | M00000018791 |
| 4455 | CTY TNHH BEP XANH AN DUYEN               | 10  | M00000208378 | M00000208387 |
| 4456 | CTY TNHH BISTRO VINCENT                  | 2   | M00000226629 | M00000226630 |
| 4457 | CTY TNHH BO TO NAM SANH 27               | 13  | M00000080052 | M00000080064 |
| 4458 | CTY TNHH BOTE A                          | 15  | M00000120397 | M00000120411 |
| 4459 | CTY TNHH BYSOL BEAUTY                    | 2   | M00000205223 | M00000205224 |
| 4460 | CTY TNHH CAO BOI NAM MY - CHI NHANH HIKA | 5   | M00000201172 | M00000201176 |
| 4461 | CTY TNHH CAPHE TIEN DI                   | 1   | M00000105089 | M00000105089 |
| 4462 | CTY TNHH CAR CARE HOA THUAN              | 1   | M00000195796 | M00000195796 |
| 4463 | CTY TNHH CAT TOUR VIET NAM               | 22  | M00000006565 | M00000006586 |
| 4464 | CTY TNHH CAY SU QUAN PHONG CUA           | 21  | M00000168814 | M00000168834 |
| 4465 | CTY TNHH C'EST SIBON VIET NAM            | 5   | M00000014344 | M00000014348 |
| 4466 | CTY TNHH CHIDORI HOSPITALITY             | 3   | M00000212565 | M00000212567 |
| 4467 | CTY TNHH CIEL                            | 116 | M00000209554 | M00000209669 |
| 4468 | CTY TNHH CN TRUYENTHONG CHIEUDUONG       | 10  | M00000192337 | M00000192346 |
| 4469 | CTY TNHH CO KHI CHE TAO ANH DUY          | 18  | M00000222541 | M00000222558 |
| 4470 | CTY TNHH CO KHI CHINH XAC HC VINA        | 2   | M00000015113 | M00000015114 |
| 4471 | CTY TNHH CO KHI VA THUONG MAI LAN SAU    | 11  | M00000039712 | M00000039722 |
| 4472 | CTY TNHH COCONUT GARDEN                  | 3   | M00000113675 | M00000113677 |
| 4473 | CTY TNHH CON CA MAN                      | 3   | M00000093508 | M00000093510 |
| 4474 | CTY TNHH CON HEO BAY                     | 31  | M00000198862 | M00000198892 |
| 4475 | CTY TNHH CONG NGHE KY THUAT SO NHA TRANG | 5   | M00000145326 | M00000145330 |
| 4476 | CTY TNHH CONG NGHE TIN HOC HOANG MINH    | 4   | M00000003013 | M00000003016 |
| 4477 | CTY TNHH CONG NGHE VAT LIEU XD A CHAU    | 14  | M00000104436 | M00000104449 |
| 4478 | CTY TNHH CONG NGHE VIEN THONG LIBRA      | 1   | M00000015847 | M00000015847 |
| 4479 | CTY TNHH CONG NGHE XANH MINH CHAU        | 5   | M00000205630 | M00000205634 |
| 4480 | CTY TNHH CS SUC KHOE VA SAC DEP NHAN TAM | 7   | M00000200721 | M00000200727 |
| 4481 | CTY TNHH CUA HANG XANH FRUITS            | 7   | M00000224389 | M00000224395 |
| 4482 | CTY TNHH DAI LY THUE SONG HOANG          | 2   | M00000089406 | M00000089407 |
| 4483 | CTY TNHH DAI VAN PHAT                    | 33  | M00000203367 | M00000203399 |
| 4484 | CTY TNHH DAU TU - PHAT TRIEN PHUONG DONG | 27  | M00000006102 | M00000006128 |
| 4485 | CTY TNHH DAU TU BAT DONG SAN PHUC AN GIA | 4   | M00000214443 | M00000214446 |
| 4486 | CTY TNHH DAU TU DICH VU DU LICH ZEN      | 4   | M00000054099 | M00000054102 |
| 4487 | CTY TNHH DAU TU DU LICH HOA SEN          | 39  | M00000128109 | M00000128147 |
| 4488 | CTY TNHH DAU TU GIAO DUC TUE MINH        | 6   | M00000061408 | M00000061413 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4489 | CTY TNHH DAU TU KINH DOANH VA DICH VU NG | 1   | M00000129131 | M00000129131 |
| 4490 | CTY TNHH DAU TU QUOC TE ANH KHOI         | 3   | M00000217232 | M00000217234 |
| 4491 | CTY TNHH DAU TU TM DV DANG PHONG         | 3   | M00000181198 | M00000181200 |
| 4492 | CTY TNHH DAU TU TM ONG GAO               | 10  | M00000223851 | M00000223860 |
| 4493 | CTY TNHH DAU TU VA PHAT TRIEN PHU MINH   | 1   | M00000054886 | M00000054886 |
| 4494 | CTY TNHH DAU TU VA THUONG MAI TH ORGANIC | 35  | M00000040783 | M00000040817 |
| 4495 | CTY TNHH DAU TU VAN TAI PHUONG LINH      | 29  | M00000050846 | M00000050874 |
| 4496 | CTY TNHH DAU TU VU GIA BAO               | 63  | M00000064841 | M00000064903 |
| 4497 | CTY TNHH DAU TU XAY DUNG VA THUONG MAI D | 4   | M00000150416 | M00000150419 |
| 4498 | CTY TNHH DAU TU&KD QUOC TE MIB GROUP     | 529 | M00000110869 | M00000111397 |
| 4499 | CTY TNHH DE DESIGNER DESIRES             | 4   | M00000115241 | M00000115244 |
| 4500 | CTY TNHH DHAMTRIP.COM                    | 27  | M00000085192 | M00000085218 |
| 4501 | CTY TNHH DICH THUAT - VISA KHANH AN      | 1   | M00000079385 | M00000079385 |
| 4502 | CTY TNHH DICH VU BACH SU THONG           | 19  | M00000069169 | M00000069187 |
| 4503 | CTY TNHH DICH VU DIEP NGUYEN             | 14  | M00000013187 | M00000013200 |
| 4504 | CTY TNHH DICH VU MODJO                   | 7   | M00000119409 | M00000119415 |
| 4505 | CTY TNHH DICH VU NHA HANG DRAGON-K       | 114 | M00000208700 | M00000208813 |
| 4506 | CTY TNHH DICH VU NHA HANG HA             | 32  | M00000052218 | M00000052249 |
| 4507 | CTY TNHH DICH VU NHA HANG HH             | 70  | M00000051000 | M00000051069 |
| 4508 | CTY TNHH DICH VU OTO SAO KIM             | 20  | M00000053659 | M00000053678 |
| 4509 | CTY TNHH DICH VU PHUC BAO AN             | 3   | M00000139737 | M00000139739 |
| 4510 | CTY TNHH DICH VU SHIMAI                  | 9   | M00000216045 | M00000216053 |
| 4511 | CTY TNHH DICH VU THUONG MAI HUONG SEN    | 1   | M00000110351 | M00000110351 |
| 4512 | CTY TNHH DICH VU THUONG MAI KHANG ANH    | 1   | M00000005136 | M00000005136 |
| 4513 | CTY TNHH DICH VU THUONG MAI TO CHAU HA T | 7   | M00000088525 | M00000088531 |
| 4514 | CTY TNHH DICH VU TM MINCQ THINH PHAT     | 5   | M00000113459 | M00000113463 |
| 4515 | CTY TNHH DICH VU TM TONG HOP HAI AN      | 1   | M00000113701 | M00000113701 |
| 4516 | CTY TNHH DICH VU VA THUONG MAI GUBDANG V | 10  | M00000030083 | M00000030092 |
| 4517 | CTY TNHH DICH VU VA TM SONG HAN          | 5   | M00000019566 | M00000019570 |
| 4518 | CTY TNHH DICH VU Y TE QUANG DUONG        | 2   | M00000039540 | M00000039541 |
| 4519 | CTY TNHH DICH VU ZIGZAG                  | 22  | M00000217771 | M00000217792 |
| 4520 | CTY TNHH DICH VU-KHACH SAN CANARY        | 21  | M00000122775 | M00000122795 |
| 4521 | CTY TNHH DIDAMAX                         | 22  | M00000128698 | M00000128719 |
| 4522 | CTY TNHH DIEN MAY NOI THAT 123 LAGI      | 2   | M00000117592 | M00000117593 |
| 4523 | CTY TNHH DL SINH THAI MY KHANH           | 6   | M00000077547 | M00000077552 |
| 4524 | CTY TNHH DL SWEETS                       | 4   | M00000171522 | M00000171525 |
| 4525 | CTY TNHH DT DU LICH KHACH SAN KING PALAC | 11  | M00000061931 | M00000061941 |
| 4526 | CTY TNHH DT KD DICH VU DAI VIET          | 14  | M00000036077 | M00000036090 |
| 4527 | CTY TNHH DT SX TM DV PHUONG VIET         | 20  | M00000182314 | M00000182333 |
| 4528 | CTY TNHH DT TM DV LA.SAIGON              | 1   | M00000220664 | M00000220664 |
| 4529 | CTY TNHH DT TM DV THANH DAT              | 4   | M00000203051 | M00000203054 |
| 4530 | CTY TNHH DT TM VAN TAI HONG HAI          | 1   | M00000200745 | M00000200745 |
| 4531 | CTY TNHH DT VA DVTM MINH KHANH           | 4   | M00000045940 | M00000045943 |
| 4532 | CTY TNHH DT VA PHAT TRIEN FLC HA LONG    | 233 | M00000053364 | M00000053596 |
| 4533 | CTY TNHH DT XNK TRUONG NGUYEN            | 10  | M00000221524 | M00000221533 |
| 4534 | CTY TNHH DT-TM-DV NGAN LONG GROUP        | 1   | M00000082245 | M00000082245 |
| 4535 | CTY TNHH DU LICH & TM PHUONG DUNG        | 85  | M00000050878 | M00000050962 |
| 4536 | CTY TNHH DU LICH ANH MINH ANH            | 7   | M00000182987 | M00000182993 |
| 4537 | CTY TNHH DU LICH BA THAT                 | 2   | M00000099890 | M00000099891 |
| 4538 | CTY TNHH DU LICH BEN THANH-PHU XUAN      | 21  | M00000097527 | M00000097547 |
| 4539 | CTY TNHH DU LICH BIEN GIOI VIET NAM      | 1   | M00000021484 | M00000021484 |
| 4540 | CTY TNHH DU LICH DOI HONG                | 10  | M00000106642 | M00000106651 |
| 4541 | CTY TNHH DU LICH NGHI DUONG ECO & RUSTIC | 2   | M00000209188 | M00000209189 |
| 4542 | CTY TNHH DU LICH PHONG NHA HERITAGE      | 12  | M00000112501 | M00000112512 |
| 4543 | CTY TNHH DU LICH QUOC TE VIETSTAR        | 2   | M00000182540 | M00000182541 |
| 4544 | CTY TNHH DU LICH THIEN PHU               | 50  | M00000101669 | M00000101718 |
| 4545 | CTY TNHH DU LICH THUONG MAI CHINH THUY - | 12  | M00000039571 | M00000039582 |
| 4546 | CTY TNHH DU THUYEN CAN THO               | 27  | M00000081640 | M00000081666 |
| 4547 | CTY TNHH DUC MINH - NHA KHOA VIET CHI    | 13  | M00000014331 | M00000014343 |
| 4548 | CTY TNHH DUONG HUNG TUAN HT              | 84  | M00000114171 | M00000114254 |
| 4549 | CTY TNHH DV DU LICH MAI VU               | 1   | M00000067548 | M00000067548 |
| 4550 | CTY TNHH DV ENGLISH HOUSE                | 15  | M00000197373 | M00000197387 |
| 4551 | CTY TNHH DV GIAI TRI QUEEN PALACE        | 9   | M00000141965 | M00000141973 |
| 4552 | CTY TNHH DV KS PHUONG DONG TINH TUY      | 56  | M00000158085 | M00000158140 |
| 4553 | CTY TNHH DV NHA KHOA QUOC TE SAI GON     | 201 | M00000214984 | M00000215184 |
| 4554 | CTY TNHH DV NHA KHOA QUOC TE SMILUX DENT | 122 | M00000220038 | M00000220159 |
| 4555 | CTY TNHH DV ROOSTER                      | 13  | M00000226643 | M00000226655 |
| 4556 | CTY TNHH DV THE HINH & DINH DUONG SISLAB | 10  | M00000040092 | M00000040101 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4557 | CTY TNHH DV TM AUTO ANH SANG             | 57  | M00000087294 | M00000087350 |
| 4558 | CTY TNHH DV TM DUONG MINH NGOC           | 1   | M00000009263 | M00000009263 |
| 4559 | CTY TNHH DV TM PHAT TRIEN ECO GREEN      | 1   | M00000086673 | M00000086673 |
| 4560 | CTY TNHH DV TM TONG HOP THANH TAM        | 1   | M00000139138 | M00000139138 |
| 4561 | CTY TNHH DV TM VAN TAI TRUONG HUY        | 3   | M00000217358 | M00000217360 |
| 4562 | CTY TNHH DV TRO THINH QUANG DUC          | 12  | M00000183008 | M00000183019 |
| 4563 | CTY TNHH DV VA DU LICH ELITE             | 14  | M00000169479 | M00000169492 |
| 4564 | CTY TNHH DV VA PHAT TRIEN TM LINH ANH    | 12  | M00000075002 | M00000075013 |
| 4565 | CTY TNHH DV VA PT GIAO DUC TOAN CAU JOLO | 1   | M00000007858 | M00000007858 |
| 4566 | CTY TNHH DV VA THUONG MAI TOAN CAU TTH   | 2   | M00000067737 | M00000067738 |
| 4567 | CTY TNHH DV VA TM HIEP NGA               | 1   | M00000202626 | M00000202626 |
| 4568 | CTY TNHH DV VA TM XNK TIEN DUNG          | 13  | M00000067668 | M00000067680 |
| 4569 | CTY TNHH DV Y TE NUTIVAC                 | 75  | M00000154072 | M00000154146 |
| 4570 | CTY TNHH DV-VAN TAI & LU HANH QTE COACH  | 8   | M00000008686 | M00000008693 |
| 4571 | CTY TNHH E-FRESHMART VIET NAM            | 1   | M00000145948 | M00000145948 |
| 4572 | CTY TNHH EIGHT HANDS                     | 4   | M00000015631 | M00000015634 |
| 4573 | CTY TNHH EM BIET DOC-CN DAO KIM CUONG    | 12  | M00000208616 | M00000208627 |
| 4574 | CTY TNHH EMAI DALAT                      | 12  | M00000138370 | M00000138381 |
| 4575 | CTY TNHH EU FURNITURE VIET NAM           | 2   | M00000169699 | M00000169700 |
| 4576 | CTY TNHH F&B KHANG GIA                   | 18  | M00000075933 | M00000075950 |
| 4577 | CTY TNHH G.I.E.N                         | 11  | M00000170868 | M00000170878 |
| 4578 | CTY TNHH GAG AUTOMEKONG                  | 1   | M00000090014 | M00000090014 |
| 4579 | CTY TNHH GALLERY THANG LONG              | 1   | M00000006755 | M00000006755 |
| 4580 | CTY TNHH GARAGE O TO AN GIANG            | 3   | M00000086835 | M00000086837 |
| 4581 | CTY TNHH GASTRONOMIA                     | 9   | M00000124230 | M00000124238 |
| 4582 | CTY TNHH GC WELLNESS VIET NAM            | 20  | M00000192171 | M00000192190 |
| 4583 | CTY TNHH GERMANBOLD VIET NAM             | 23  | M00000044650 | M00000044672 |
| 4584 | CTY TNHH GF CAPITAL (VIET NAM)           | 187 | M00000186585 | M00000186771 |
| 4585 | CTY TNHH GIAI TRI GO GO                  | 5   | M00000164011 | M00000164015 |
| 4586 | CTY TNHH GIAO DUC CAU VONG               | 3   | M00000170559 | M00000170561 |
| 4587 | CTY TNHH GIAO DUC QUOC TE START          | 2   | M00000187960 | M00000187961 |
| 4588 | CTY TNHH GIAO DUC VA DAO TAO JOHA        | 2   | M00000200432 | M00000200433 |
| 4589 | CTY TNHH GIAO DUC WORDPLAY VIET NAM      | 1   | M00000013168 | M00000013168 |
| 4590 | CTY TNHH GIAO DUC YAART                  | 7   | M00000215330 | M00000215336 |
| 4591 | CTY TNHH GLOBAL DENTAL MINH CHAU         | 1   | M00000214158 | M00000214158 |
| 4592 | CTY TNHH GLOW PLACE                      | 16  | M00000205949 | M00000205964 |
| 4593 | CTY TNHH GOLDEN CENTRAL HOTEL            | 2   | M00000090438 | M00000090439 |
| 4594 | CTY TNHH HA TUAN JEWELRY                 | 8   | M00000084727 | M00000084734 |
| 4595 | CTY TNHH HAI DUONG                       | 2   | M00000078983 | M00000078984 |
| 4596 | CTY TNHH HAI SAN HOANG QUY NGU LAM VIEN  | 8   | M00000087435 | M00000087442 |
| 4597 | CTY TNHH HAUS PHU QUOC                   | 5   | M00000089231 | M00000089235 |
| 4598 | CTY TNHH HINOMARU                        | 3   | M00000184263 | M00000184265 |
| 4599 | CTY TNHH HOA THANH DAKLAK                | 243 | M00000104846 | M00000105088 |
| 4600 | CTY TNHH HOANG OANH                      | 1   | M00000102090 | M00000102090 |
| 4601 | CTY TNHH HOUSEWARES VIET NAM             | 2   | M00000198433 | M00000198434 |
| 4602 | CTY TNHH HTV GARA OTO PHAM CHI           | 1   | M00000150072 | M00000150072 |
| 4603 | CTY TNHH IFURNI.VN                       | 1   | M00000220445 | M00000220445 |
| 4604 | CTY TNHH IMPLANT NHA KHOA I-DENT         | 85  | M00000193325 | M00000193409 |
| 4605 | CTY TNHH JANGGUN                         | 10  | M00000074982 | M00000074991 |
| 4606 | CTY TNHH JATUJAK RETRO BAR               | 4   | M00000196323 | M00000196326 |
| 4607 | CTY TNHH JH KIM                          | 5   | M00000087053 | M00000087057 |
| 4608 | CTY TNHH KARAOKE MIN                     | 21  | M00000204073 | M00000204093 |
| 4609 | CTY TNHH KCB DK AN BINH                  | 6   | M00000150899 | M00000150904 |
| 4610 | CTY TNHH KD VANG VA DA QUY NGOC THO      | 26  | M00000093533 | M00000093558 |
| 4611 | CTY TNHH KHACH SAN A25 HA NOI            | 6   | M00000032943 | M00000032948 |
| 4612 | CTY TNHH KHACH SAN CONG DOAN HA TINH     | 52  | M00000097322 | M00000097373 |
| 4613 | CTY TNHH KHACH SAN EEA SAIGON            | 6   | M00000202674 | M00000202679 |
| 4614 | CTY TNHH KHACH SAN MONDIAL HUE           | 23  | M00000139680 | M00000139702 |
| 4615 | CTY TNHH KHACH SAN THANG MUOI HAI        | 4   | M00000145723 | M00000145726 |
| 4616 | CTY TNHH KHACH SAN VU GIA                | 1   | M00000190508 | M00000190508 |
| 4617 | CTY TNHH KHOA KHANH NGUYEN               | 102 | M00000129395 | M00000129496 |
| 4618 | CTY TNHH KIEN TRUC NOI THAT TRONG XUAN   | 3   | M00000080731 | M00000080733 |
| 4619 | CTY TNHH KIM DUNG NEW                    | 12  | M00000211567 | M00000211578 |
| 4620 | CTY TNHH KIM KHI VA VAT TU T.HOP HUNG HA | 5   | M00000044597 | M00000044601 |
| 4621 | CTY TNHH KINH DOANH DICH VU TM TONG HOP  | 8   | M00000065529 | M00000065536 |
| 4622 | CTY TNHH KINH DOANH TM&DV AHQ VINA       | 8   | M00000030457 | M00000030464 |
| 4623 | CTY TNHH KINH DOANH VA DAU TU BINH MINH  | 1   | M00000058720 | M00000058720 |
| 4624 | CTY TNHH KINH DOANH VANG BAC DA QUY KIM  | 1   | M00000201906 | M00000201906 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4625 | CTY TNHH KND VA TIEP THI KG VN           | 15  | M00000113126 | M00000113140 |
| 4626 | CTY TNHH KOMATSUSUISAN VIET NAM          | 6   | M00000026191 | M00000026196 |
| 4627 | CTY TNHH KOREA FOOD VIET NAM             | 74  | M00000018298 | M00000018371 |
| 4628 | CTY TNHH KTTB THAM MY Y KHOA THIEN PHUC  | 30  | M00000190188 | M00000190217 |
| 4629 | CTY TNHH KY THUAT SAN XUAT O TO AN KHOA  | 27  | M00000170101 | M00000170127 |
| 4630 | CTY TNHH LA XANH PHAN THIET              | 2   | M00000104705 | M00000104706 |
| 4631 | CTY TNHH LAGOON COLLECTION               | 1   | M00000090074 | M00000090074 |
| 4632 | CTY TNHH LAM HAI 15                      | 2   | M00000125963 | M00000125964 |
| 4633 | CTY TNHH LILUX                           | 1   | M00000221570 | M00000221570 |
| 4634 | CTY TNHH LOTTERIA - CS2K PQ              | 35  | M00000083963 | M00000083997 |
| 4635 | CTY TNHH LU HANH QTE CHAN TROI VIET      | 66  | M00000002947 | M00000003012 |
| 4636 | CTY TNHH LUCASTA HOTEL                   | 6   | M00000084476 | M00000084481 |
| 4637 | CTY TNHH LUMINA HOSPITALITY              | 8   | M00000144211 | M00000144218 |
| 4638 | CTY TNHH LUU TRU SO                      | 20  | M00000163958 | M00000163977 |
| 4639 | CTY TNHH MAKELEADER VIET NAM             | 73  | M00000016483 | M00000016555 |
| 4640 | CTY TNHH MAM NON SUNFLOWER ACADEMY       | 1   | M00000225232 | M00000225232 |
| 4641 | CTY TNHH MANABIE VIET NAM                | 76  | M00000188149 | M00000188224 |
| 4642 | CTY TNHH MANH LY PHAT                    | 15  | M00000106417 | M00000106431 |
| 4643 | CTY TNHH MAY MAC UNLIM VIET NAM          | 1   | M00000018175 | M00000018175 |
| 4644 | CTY TNHH ME VA BE ABC                    | 1   | M00000088681 | M00000088681 |
| 4645 | CTY TNHH MEKONG XUAN PHUC                | 6   | M00000081247 | M00000081252 |
| 4646 | CTY TNHH MI CAY HA-SE-YO                 | 4   | M00000187658 | M00000187661 |
| 4647 | CTY TNHH MIEN DAT CONG NGHE SO           | 14  | M00000030417 | M00000030430 |
| 4648 | CTY TNHH MINH TRIET                      | 3   | M00000099796 | M00000099798 |
| 4649 | CTY TNHH MONGKOK CAN THO                 | 3   | M00000088302 | M00000088304 |
| 4650 | CTY TNHH MOT THANH VIEN 9999             | 1   | M00000078581 | M00000078581 |
| 4651 | CTY TNHH MOT THANH VIEN DUONGPRECIOUS    | 47  | M00000015584 | M00000015630 |
| 4652 | CTY TNHH MOT THANH VIEN MANH HUY PHAT    | 22  | M00000111727 | M00000111748 |
| 4653 | CTY TNHH MOT THANH VIEN SKM VIET NAM     | 17  | M00000165139 | M00000165155 |
| 4654 | CTY TNHH MOT TV XD-TM TRUONG PHUOC       | 2   | M00000119049 | M00000119050 |
| 4655 | CTY TNHH MR. MOC BUFFET DA NANG          | 16  | M00000139988 | M00000140003 |
| 4656 | CTY TNHH MTV AKAKOI                      | 7   | M00000186170 | M00000186176 |
| 4657 | CTY TNHH MTV AM THUC KHONG GIAN XANH     | 8   | M00000081143 | M00000081150 |
| 4658 | CTY TNHH MTV AN PHAT LOC GL              | 10  | M00000139042 | M00000139051 |
| 4659 | CTY TNHH MTV ANH SANG CUA BIEN           | 28  | M00000075894 | M00000075921 |
| 4660 | CTY TNHH MTV AUTO BA SAU NAM BIEN HOA    | 42  | M00000080795 | M00000080836 |
| 4661 | CTY TNHH MTV BAO TRANG                   | 2   | M00000100226 | M00000100227 |
| 4662 | CTY TNHH MTV BINH HOA - NHA HANG NIKUTAR | 9   | M00000220611 | M00000220619 |
| 4663 | CTY TNHH MTV BITT'S LAO CAI              | 7   | M00000050706 | M00000050712 |
| 4664 | CTY TNHH MTV CO KHI THANH TRUNG KIEN GIA | 96  | M00000084998 | M00000085093 |
| 4665 | CTY TNHH MTV CONG NGHE TAM LOAN          | 7   | M00000079850 | M00000079856 |
| 4666 | CTY TNHH MTV CONG NGHE VIET TRUNG        | 14  | M00000148879 | M00000148892 |
| 4667 | CTY TNHH MTV CORNER                      | 17  | M00000135105 | M00000135121 |
| 4668 | CTY TNHH MTV DICH VU KY THUAT DAI DUC    | 4   | M00000079942 | M00000079945 |
| 4669 | CTY TNHH MTV DOAN MINH TOC               | 33  | M00000078159 | M00000078191 |
| 4670 | CTY TNHH MTV DONG OANH                   | 1   | M00000106432 | M00000106432 |
| 4671 | CTY TNHH MTV DU LICH NGUYEN BICH         | 2   | M00000079865 | M00000079866 |
| 4672 | CTY TNHH MTV DUNG KE DONG                | 3   | M00000188015 | M00000188017 |
| 4673 | CTY TNHH MTV DV GOLF CHAU DUC            | 102 | M00000216938 | M00000217039 |
| 4674 | CTY TNHH MTV GAS THANH PHONG DH          | 2   | M00000089505 | M00000089506 |
| 4675 | CTY TNHH MTV HONG HAI NAM                | 2   | M00000077918 | M00000077919 |
| 4676 | CTY TNHH MTV HONG PHUONG LAM             | 15  | M00000088510 | M00000088524 |
| 4677 | CTY TNHH MTV HUNG LOC PHAT               | 1   | M00000080794 | M00000080794 |
| 4678 | CTY TNHH MTV HUNG TUE PHAT               | 16  | M00000079076 | M00000079091 |
| 4679 | CTY TNHH MTV HUYEN QUY                   | 2   | M00000136882 | M00000136883 |
| 4680 | CTY TNHH MTV IDIM HCM                    | 4   | M00000201880 | M00000201883 |
| 4681 | CTY TNHH MTV KHACH SAN PHUNG HOANG VU    | 3   | M00000080837 | M00000080839 |
| 4682 | CTY TNHH MTV KHANH NGOC GIA LAI          | 2   | M00000142436 | M00000142437 |
| 4683 | CTY TNHH MTV KINH DOANH VANG TU HONG ANH | 4   | M00000207400 | M00000207403 |
| 4684 | CTY TNHH MTV LE HOUSE                    | 2   | M00000129374 | M00000129375 |
| 4685 | CTY TNHH MTV LU HANH HOI AN              | 8   | M00000112616 | M00000112623 |
| 4686 | CTY TNHH MTV MAY COSMETIC                | 17  | M00000207092 | M00000207108 |
| 4687 | CTY TNHH MTV MINDY                       | 25  | M00000035687 | M00000035711 |
| 4688 | CTY TNHH MTV NANG LUONG THUAN HOA        | 3   | M00000084883 | M00000084885 |
| 4689 | CTY TNHH MTV NGUYEN HUU DAT              | 13  | M00000105765 | M00000105777 |
| 4690 | CTY TNHH MTV NHA HANG AM THUC PHO        | 2   | M00000078945 | M00000078946 |
| 4691 | CTY TNHH MTV NHA HANG DONG PHO           | 49  | M00000165650 | M00000165698 |
| 4692 | CTY TNHH MTV NHA HANG NAM LUA            | 4   | M00000159339 | M00000159342 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4693 | CTY TNHH MTV PHONG KHAM DA KHOA TAM DUC  | 43  | M00000080734 | M00000080776 |
| 4694 | CTY TNHH MTV PRUDI                       | 1   | M00000156955 | M00000156955 |
| 4695 | CTY TNHH MTV PTD DURIAN                  | 57  | M00000223867 | M00000223923 |
| 4696 | CTY TNHH MTV QUOC BINH AN TG             | 6   | M00000082605 | M00000082610 |
| 4697 | CTY TNHH MTV SAGOCOM                     | 77  | M00000164249 | M00000164325 |
| 4698 | CTY TNHH MTV SODINHA                     | 5   | M00000104131 | M00000104135 |
| 4699 | CTY TNHH MTV SONG QUAN NT                | 32  | M00000146008 | M00000146039 |
| 4700 | CTY TNHH MTV SUNRISE SAI GON HOTEL       | 16  | M00000192155 | M00000192170 |
| 4701 | CTY TNHH MTV SX - TM - DV TRAN DE        | 2   | M00000088195 | M00000088196 |
| 4702 | CTY TNHH MTV SX TM DV HA XUAN            | 1   | M00000160926 | M00000160926 |
| 4703 | CTY TNHH MTV SX TMDV VANG THE HUNG       | 107 | M00000092659 | M00000092765 |
| 4704 | CTY TNHH MTV THAM MY HANSAN MY THO       | 5   | M00000093559 | M00000093563 |
| 4705 | CTY TNHH MTV THE DUC THE THAO VA SUC KHO | 16  | M00000141259 | M00000141274 |
| 4706 | CTY TNHH MTV THIET BI DIEN MINH HUY      | 9   | M00000065600 | M00000065608 |
| 4707 | CTY TNHH MTV THIEU QUANG KHANH           | 93  | M00000165701 | M00000165793 |
| 4708 | CTY TNHH MTV THUAN NHL                   | 25  | M00000100236 | M00000100260 |
| 4709 | CTY TNHH MTV THUONG MAI & DAU TU KIM     | 4   | M00000185892 | M00000185895 |
| 4710 | CTY TNHH MTV THUONG MAI DICH VU KY PHAT  | 13  | M00000192142 | M00000192154 |
| 4711 | CTY TNHH MTV THUONG MAI DICH VU TORISHO  | 17  | M00000167948 | M00000167964 |
| 4712 | CTY TNHH MTV THUONG MAI VA DICH VU KHOA  | 84  | M00000059784 | M00000059867 |
| 4713 | CTY TNHH MTV TIEM VANG KIM SUNG          | 24  | M00000079049 | M00000079072 |
| 4714 | CTY TNHH MTV TK                          | 2   | M00000078157 | M00000078158 |
| 4715 | CTY TNHH MTV TM & DV DUC TAI             | 6   | M00000112494 | M00000112499 |
| 4716 | CTY TNHH MTV TM DV HA RU                 | 4   | M00000079334 | M00000079337 |
| 4717 | CTY TNHH MTV TM DV PHU MINH              | 10  | M00000076855 | M00000076864 |
| 4718 | CTY TNHH MTV TM DV PT XE THANH TRUNG     | 5   | M00000090345 | M00000090349 |
| 4719 | CTY TNHH MTV TM DV TP MANH TOAN BINH PHU | 18  | M00000093489 | M00000093506 |
| 4720 | CTY TNHH MTV TM VA DV HAPPY BILL         | 2   | M00000087391 | M00000087392 |
| 4721 | CTY TNHH MTV TM VA DV THIEN AN           | 133 | M00000102969 | M00000103101 |
| 4722 | CTY TNHH MTV TMDV KIM LOAN PHAT          | 3   | M00000118903 | M00000118905 |
| 4723 | CTY TNHH MTV TMDV LAI XUAN THINH         | 84  | M00000208973 | M00000209056 |
| 4724 | CTY TNHH MTV TMDV T&T TIEN GIANG         | 10  | M00000083441 | M00000083450 |
| 4725 | CTY TNHH MTV TMDV TAN TIEN DAT           | 4   | M00000081097 | M00000081100 |
| 4726 | CTY TNHH MTV TRI YEN                     | 38  | M00000104351 | M00000104388 |
| 4727 | CTY TNHH MTV TU MINH DIAMOND             | 45  | M00000082255 | M00000082299 |
| 4728 | CTY TNHH MTV TUAN BICH                   | 11  | M00000142360 | M00000142370 |
| 4729 | CTY TNHH MTV VAT LIEU XD PHUC AN NGUYEN  | 11  | M00000139599 | M00000139609 |
| 4730 | CTY TNHH MTV VLXD HOANG TAN              | 2   | M00000089269 | M00000089270 |
| 4731 | CTY TNHH MTV XE DIEN XE MAY PHAT SANG    | 1   | M00000087765 | M00000087765 |
| 4732 | CTY TNHH MTV Y KHOA MEKONG               | 2   | M00000079332 | M00000079333 |
| 4733 | CTY TNHH MTV-HE THONG NHA HANG BPG       | 1   | M00000182572 | M00000182572 |
| 4734 | CTY TNHH MUNCH BISTRO                    | 1   | M00000193631 | M00000193631 |
| 4735 | CTY TNHH MY NHAN MIEN TAY                | 2   | M00000086689 | M00000086690 |
| 4736 | CTY TNHH MY PHAM ANH SUONG               | 6   | M00000080300 | M00000080305 |
| 4737 | CTY TNHH MY QUANG CO SAU                 | 18  | M00000156585 | M00000156602 |
| 4738 | CTY TNHH MY THUAT VA THU CONG MAI VIET N | 1   | M00000209942 | M00000209942 |
| 4739 | CTY TNHH MYEONG DONG QUAN Q7             | 8   | M00000206471 | M00000206478 |
| 4740 | CTY TNHH NADESHIKO JAPAN                 | 9   | M00000220204 | M00000220212 |
| 4741 | CTY TNHH NAMA SUSHI LINH ANH             | 200 | M00000029624 | M00000029823 |
| 4742 | CTY TNHH NANOMEDICAL INSTITUTE           | 22  | M00000218448 | M00000218469 |
| 4743 | CTY TNHH NATUQUEEN ACADEMY               | 4   | M00000222656 | M00000222659 |
| 4744 | CTY TNHH NEXSHOP                         | 26  | M00000011199 | M00000011224 |
| 4745 | CTY TNHH NGOC HUE KHOE & DEP             | 13  | M00000158595 | M00000158607 |
| 4746 | CTY TNHH NGOI TRUONG EM                  | 167 | M00000186264 | M00000186430 |
| 4747 | CTY TNHH NGUYEN HUYNH PHAT               | 28  | M00000079822 | M00000079849 |
| 4748 | CTY TNHH NGUYEN LIEU PHA CHE KIEU DUNG   | 18  | M00000154240 | M00000154257 |
| 4749 | CTY TNHH NGUYEN PHU LIEU CHI DEP         | 20  | M00000220936 | M00000220955 |
| 4750 | CTY TNHH NH CON GA MAI MON NGON PHU YEN  | 9   | M00000224460 | M00000224468 |
| 4751 | CTY TNHH NHA HANG HUY BEO                | 2   | M00000164055 | M00000164056 |
| 4752 | CTY TNHH NHA HANG KAISERIN 3             | 41  | M00000083792 | M00000083832 |
| 4753 | CTY TNHH NHA HANG KIM QUANG THUY         | 27  | M00000079005 | M00000079031 |
| 4754 | CTY TNHH NHA HANG LEENDE                 | 15  | M00000214749 | M00000214763 |
| 4755 | CTY TNHH NHA HANG NHAT BAN HOA CUC VANG  | 7   | M00000053357 | M00000053363 |
| 4756 | CTY TNHH NHA HANG RECALL 1987            | 4   | M00000089320 | M00000089323 |
| 4757 | CTY TNHH NHA HANG RUMOR                  | 28  | M00000028639 | M00000028666 |
| 4758 | CTY TNHH NHA HANG SEN VANG               | 17  | M00000084180 | M00000084196 |
| 4759 | CTY TNHH NHA HANG SO 5 BRIX              | 6   | M00000157734 | M00000157739 |
| 4760 | CTY TNHH NHA HANG SONAMU HAN QUOC        | 6   | M00000186108 | M00000186113 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4761 | CTY TNHH NHA HANG SONG SAO               | 31  | M00000181826 | M00000181856 |
| 4762 | CTY TNHH NHA HANG TRONG DONG SON         | 23  | M00000024299 | M00000024321 |
| 4763 | CTY TNHH NHA HANG TRUONG THINH PHAT      | 3   | M00000224611 | M00000224613 |
| 4764 | CTY TNHH NHA HANG XOM BIEN               | 6   | M00000204036 | M00000204041 |
| 4765 | CTY TNHH NHA HANG YOUNG CHAN             | 8   | M00000002448 | M00000002455 |
| 4766 | CTY TNHH NHA KHOA EUREKA                 | 1   | M00000185626 | M00000185626 |
| 4767 | CTY TNHH NHA KHOA MIEN TAY               | 2   | M00000080180 | M00000080181 |
| 4768 | CTY TNHH NHA KHOA NU CUOI VIET GO VAP    | 1   | M00000182296 | M00000182296 |
| 4769 | CTY TNHH NHA KHOA PHU THO                | 3   | M00000164160 | M00000164162 |
| 4770 | CTY TNHH NHA KHOA PHUC THINH TAY NGUYEN  | 18  | M00000142032 | M00000142049 |
| 4771 | CTY TNHH NHA KHOA SAI GON PHU TAN        | 8   | M00000090935 | M00000090942 |
| 4772 | CTY TNHH NHA KHOA SUNRISE CITY           | 7   | M00000199787 | M00000199793 |
| 4773 | CTY TNHH NHAN THANH HUNG                 | 51  | M00000091383 | M00000091433 |
| 4774 | CTY TNHH NHOM KIM DA LAT                 | 2   | M00000144159 | M00000144160 |
| 4775 | CTY TNHH NHOM SAT MINH NGHIA             | 2   | M00000090053 | M00000090054 |
| 4776 | CTY TNHH NHUT LOP NINH THUAN             | 14  | M00000113853 | M00000113866 |
| 4777 | CTY TNHH NI HAO                          | 7   | M00000183100 | M00000183106 |
| 4778 | CTY TNHH NICHU ETSU HOMU                 | 1   | M00000006791 | M00000006791 |
| 4779 | CTY TNHH NOI THAT T-HOME                 | 2   | M00000184481 | M00000184482 |
| 4780 | CTY TNHH NONG SAN DUNG BINH BAN ME       | 869 | M00000148003 | M00000148871 |
| 4781 | CTY TNHH NONG SAN PHUONG THE             | 40  | M00000088239 | M00000088278 |
| 4782 | CTY TNHH O TO MINH THOI                  | 1   | M00000078947 | M00000078947 |
| 4783 | CTY TNHH OCEAN GYM                       | 25  | M00000210418 | M00000210442 |
| 4784 | CTY TNHH OLIVIA'S PRIME STEAKHOUSE SAI G | 4   | M00000139273 | M00000139276 |
| 4785 | CTY TNHH OSHIMAS                         | 5   | M00000214438 | M00000214442 |
| 4786 | CTY TNHH OTO LUU GIA PHAT                | 1   | M00000091820 | M00000091820 |
| 4787 | CTY TNHH OTO QUY                         | 2   | M00000168448 | M00000168449 |
| 4788 | CTY TNHH OTO XE MAY XE DIEN BAC NAM      | 1   | M00000064956 | M00000064956 |
| 4789 | CTY TNHH PARAGON LASER AND AESTHETIC     | 12  | M00000084521 | M00000084532 |
| 4790 | CTY TNHH PHAN BON TAM SO                 | 33  | M00000089236 | M00000089268 |
| 4791 | CTY TNHH PHAN MEM VA DICH VU BEE STUDIO  | 1   | M00000227073 | M00000227073 |
| 4792 | CTY TNHH PHAN PHOI DUC HANH HUONG        | 52  | M00000120504 | M00000120555 |
| 4793 | CTY TNHH PHAT TRIEN DV TM TRANG AN       | 8   | M00000041478 | M00000041485 |
| 4794 | CTY TNHH PHAT TRIEN GIAO DUC LY DAI LOI  | 3   | M00000050971 | M00000050973 |
| 4795 | CTY TNHH PHONG KHAM DA KHOA DR.VU        | 7   | M00000145511 | M00000145517 |
| 4796 | CTY TNHH PHONG KHAM NHA KHOA I-CARE      | 4   | M00000219541 | M00000219544 |
| 4797 | CTY TNHH PHONG KHAM THAM MY DOLIFE       | 8   | M00000210536 | M00000210543 |
| 4798 | CTY TNHH PHONG VE PHUONG DONG            | 8   | M00000009836 | M00000009843 |
| 4799 | CTY TNHH PHU NGOC BAO                    | 3   | M00000018127 | M00000018129 |
| 4800 | CTY TNHH PHUC HOA                        | 13  | M00000078103 | M00000078115 |
| 4801 | CTY TNHH PHUONG HONG LINH                | 14  | M00000183727 | M00000183740 |
| 4802 | CTY TNHH PHUONG NAM STAR                 | 3   | M00000157731 | M00000157733 |
| 4803 | CTY TNHH PHUONG VIET BINH DUONG          | 13  | M00000188136 | M00000188148 |
| 4804 | CTY TNHH PHUONG VIET INTERNATIONAL       | 102 | M00000187666 | M00000187767 |
| 4805 | CTY TNHH PILATES VIET NAM                | 33  | M00000193713 | M00000193745 |
| 4806 | CTY TNHH PRIMAVERA AURORA                | 7   | M00000199707 | M00000199713 |
| 4807 | CTY TNHH PT DICH VU & THUONG MAI THUY DU | 74  | M00000074665 | M00000074738 |
| 4808 | CTY TNHH QL NHA HANG LONG KY VET NAM     | 1   | M00000075830 | M00000075830 |
| 4809 | CTY TNHH QUAN LY AM THUC DIEM10          | 46  | M00000224893 | M00000224938 |
| 4810 | CTY TNHH QUOC TE ARMY NINH BINH          | 4   | M00000073568 | M00000073571 |
| 4811 | CTY TNHH QUOC TE BEDORI                  | 2   | M00000217088 | M00000217089 |
| 4812 | CTY TNHH QUOC TE HIKAMI                  | 10  | M00000067898 | M00000067907 |
| 4813 | CTY TNHH QUOC TE RHM                     | 1   | M00000206620 | M00000206620 |
| 4814 | CTY TNHH QUOC TOAN QUOC TUAN SUN         | 3   | M00000214159 | M00000214161 |
| 4815 | CTY TNHH RABBIT CARNIVAL                 | 6   | M00000226704 | M00000226709 |
| 4816 | CTY TNHH RED BUFFALO HUB                 | 8   | M00000141589 | M00000141596 |
| 4817 | CTY TNHH ROM OCEAN GEMS                  | 3   | M00000139232 | M00000139234 |
| 4818 | CTY TNHH RUOU PHUONG NAM                 | 12  | M00000159396 | M00000159407 |
| 4819 | CTY TNHH SAN XUAT THUONG MAI DAI VIET    | 19  | M00000045416 | M00000045434 |
| 4820 | CTY TNHH SAN XUAT TMDV MINTS             | 15  | M00000224844 | M00000224858 |
| 4821 | CTY TNHH SAT THEP NGHIA NINH             | 17  | M00000183518 | M00000183534 |
| 4822 | CTY TNHH SAVVY GOURMET                   | 2   | M00000037366 | M00000037367 |
| 4823 | CTY TNHH SERENTO FITNESS VIETNAM         | 28  | M00000188024 | M00000188051 |
| 4824 | CTY TNHH SIAN AKL                        | 65  | M00000186850 | M00000186914 |
| 4825 | CTY TNHH SOMA PUB & DINING               | 5   | M00000045473 | M00000045477 |
| 4826 | CTY TNHH SOMERSET CENTRAL TD             | 56  | M00000058757 | M00000058812 |
| 4827 | CTY TNHH SON FARM PACAMARA               | 1   | M00000110363 | M00000110363 |
| 4828 | CTY TNHH SON HAI BAN ME                  | 6   | M00000145760 | M00000145765 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4829 | CTY TNHH SONG TY TAY NINH                | 4   | M00000078092 | M00000078095 |
| 4830 | CTY TNHH SPA HAMITA GROUP                | 8   | M00000224939 | M00000224946 |
| 4831 | CTY TNHH SRT VIET NAM                    | 30  | M00000183058 | M00000183087 |
| 4832 | CTY TNHH STR TSUITERU-CN SO 1            | 9   | M00000191560 | M00000191568 |
| 4833 | CTY TNHH STUDY CORNER VIET NAM           | 5   | M00000024724 | M00000024728 |
| 4834 | CTY TNHH SUA GAU CON                     | 4   | M00000088219 | M00000088222 |
| 4835 | CTY TNHH SUA MINH TAM                    | 88  | M00000089628 | M00000089715 |
| 4836 | CTY TNHH SUGOI SUGOI                     | 1   | M00000200106 | M00000200106 |
| 4837 | CTY TNHH SUNSET HOSPITALITY PHU QUOC     | 8   | M00000090197 | M00000090204 |
| 4838 | CTY TNHH SUONG SONG GROUP                | 31  | M00000045843 | M00000045873 |
| 4839 | CTY TNHH SUSHITO RESTAURANT              | 38  | M00000219474 | M00000219511 |
| 4840 | CTY TNHH SX TM DICH VU SANH LOC          | 5   | M00000083405 | M00000083409 |
| 4841 | CTY TNHH SX TM DV ANH BAO PHUONG         | 3   | M00000182636 | M00000182638 |
| 4842 | CTY TNHH SX TM DV ATNS                   | 36  | M00000187824 | M00000187859 |
| 4843 | CTY TNHH SX TM DV HIEN THANH PHAT        | 2   | M00000090688 | M00000090689 |
| 4844 | CTY TNHH SX TM DV THANH BINH LAM DONG    | 77  | M00000118826 | M00000118902 |
| 4845 | CTY TNHH SX TM GIAY TAN DUC-PHAT         | 3   | M00000210947 | M00000210949 |
| 4846 | CTY TNHH SX TM HOP HOA                   | 4   | M00000221416 | M00000221419 |
| 4847 | CTY TNHH SX TM VA DV CUONG THINH DUNG    | 3   | M00000223841 | M00000223843 |
| 4848 | CTY TNHH SX VA TM DICH VU PHAM DUC       | 2   | M00000065526 | M00000065527 |
| 4849 | CTY TNHH SX VA TM NHAT THU               | 2   | M00000047456 | M00000047457 |
| 4850 | CTY TNHH SX VA XNK ASUKA VN              | 101 | M00000076576 | M00000076676 |
| 4851 | CTY TNHH SX&TM TRUNG HA                  | 2   | M00000041972 | M00000041973 |
| 4852 | CTY TNHH T&T-PHONG KHAM DA KHOA 30/4 PHU | 36  | M00000088532 | M00000088567 |
| 4853 | CTY TNHH T.H.T                           | 3   | M00000101719 | M00000101721 |
| 4854 | CTY TNHH TAN KIM DINH-NS                 | 113 | M00000079693 | M00000079805 |
| 4855 | CTY TNHH TAP DOAN QUOC TE PHUONG HOANG   | 17  | M00000049620 | M00000049636 |
| 4856 | CTY TNHH TAP DOAN SAPON                  | 22  | M00000011575 | M00000011596 |
| 4857 | CTY TNHH TAUREAN                         | 43  | M00000171983 | M00000172025 |
| 4858 | CTY TNHH TEAM UNISON                     | 18  | M00000181462 | M00000181479 |
| 4859 | CTY TNHH TH HOANG PHUONG                 | 7   | M00000170551 | M00000170557 |
| 4860 | CTY TNHH THAM MY KHANG ANH               | 26  | M00000200383 | M00000200408 |
| 4861 | CTY TNHH THAM MY VA DA LIEU DK           | 112 | M00000039723 | M00000039834 |
| 4862 | CTY TNHH THAM MY VIEN OSHUN BIEN HOA     | 3   | M00000082300 | M00000082302 |
| 4863 | CTY TNHH THANH AN AUTOCARE               | 3   | M00000206458 | M00000206460 |
| 4864 | CTY TNHH THANH DAT                       | 1   | M00000076865 | M00000076865 |
| 4865 | CTY TNHH THANH KS                        | 150 | M00000216772 | M00000216921 |
| 4866 | CTY TNHH THANH LONG HOME                 | 22  | M00000053599 | M00000053620 |
| 4867 | CTY TNHH THANH MAI VINH PHUC             | 16  | M00000059742 | M00000059757 |
| 4868 | CTY TNHH THANH NHAN                      | 1   | M00000101730 | M00000101730 |
| 4869 | CTY TNHH THANH VY                        | 1   | M00000009789 | M00000009789 |
| 4870 | CTY TNHH THE GIOI DIEN THOAI MINH HUNG 6 | 11  | M00000199098 | M00000199108 |
| 4871 | CTY TNHH THE SCENT                       | 2   | M00000170042 | M00000170043 |
| 4872 | CTY TNHH THEU REN MAT TROI XANH          | 38  | M00000006687 | M00000006724 |
| 4873 | CTY TNHH THEWOLF                         | 1   | M00000199998 | M00000199998 |
| 4874 | CTY TNHH THIEN KIM VU                    | 2   | M00000109813 | M00000109814 |
| 4875 | CTY TNHH THIEN MINH THUY                 | 13  | M00000205617 | M00000205629 |
| 4876 | CTY TNHH THIEN NGOC PHU                  | 115 | M00000092543 | M00000092657 |
| 4877 | CTY TNHH THIET BI CONG NGHIEP T VIET     | 3   | M00000188623 | M00000188625 |
| 4878 | CTY TNHH THOI TRANG GIOR                 | 81  | M00000168214 | M00000168294 |
| 4879 | CTY TNHH THU HAPPY FOODS                 | 4   | M00000195566 | M00000195569 |
| 4880 | CTY TNHH THUC MY                         | 21  | M00000110252 | M00000110272 |
| 4881 | CTY TNHH THUC PHAM NAM HAN STAR          | 1   | M00000055035 | M00000055035 |
| 4882 | CTY TNHH THUC PHAM NHU FOOD              | 2   | M00000133484 | M00000133485 |
| 4883 | CTY TNHH THUC PHAM SACH BIGGREEN VIETNAM | 2   | M00000002417 | M00000002418 |
| 4884 | CTY TNHH THUC PHAM VA DO UONG BBQ MASTER | 13  | M00000052991 | M00000053003 |
| 4885 | CTY TNHH THUC PHAM VIET NAM-KOREA        | 24  | M00000011246 | M00000011269 |
| 4886 | CTY TNHH THUOC BTV BONG SEN VANG         | 16  | M00000159701 | M00000159716 |
| 4887 | CTY TNHH THUONG MAI & DICH VU NHUT VO    | 67  | M00000131911 | M00000131977 |
| 4888 | CTY TNHH THUONG MAI BICH PHUC            | 1   | M00000090336 | M00000090336 |
| 4889 | CTY TNHH THUONG MAI DAI TRUNG            | 18  | M00000099778 | M00000099795 |
| 4890 | CTY TNHH THUONG MAI DAU KHI NAM TIN PHAT | 8   | M00000091199 | M00000091206 |
| 4891 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU ECHO HOUSE   | 48  | M00000226801 | M00000226848 |
| 4892 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU GLAMOUR      | 5   | M00000214764 | M00000214768 |
| 4893 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU LE 68        | 3   | M00000084536 | M00000084538 |
| 4894 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU LUU NGHIA VU | 9   | M00000082727 | M00000082735 |
| 4895 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU MYK          | 1   | M00000090483 | M00000090483 |
| 4896 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU NGAY HOM QUA | 22  | M00000144434 | M00000144455 |



|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 4897 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU TONG HOP NHA | 808 | M00000057864 | M00000058671 |
| 4898 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU TU VAN TRUON | 5   | M00000114976 | M00000114980 |
| 4899 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU VA DAU TU VI | 2   | M00000118820 | M00000118821 |
| 4900 | CTY TNHH THUONG MAI DICH VU XAY DUNG AN  | 2   | M00000082716 | M00000082717 |
| 4901 | CTY TNHH THUONG MAI DIEN TU VIET MINH    | 2   | M00000034750 | M00000034751 |
| 4902 | CTY TNHH THUONG MAI DU LICH DIORA        | 1   | M00000133630 | M00000133630 |
| 4903 | CTY TNHH THUONG MAI DUC ANH TUAN         | 46  | M00000068532 | M00000068577 |
| 4904 | CTY TNHH THUONG MAI GO GO VIET NAM       | 3   | M00000215227 | M00000215229 |
| 4905 | CTY TNHH THUONG MAI HIEN TOAN            | 1   | M00000068211 | M00000068211 |
| 4906 | CTY TNHH THUONG MAI HUY VINH             | 1   | M00000051880 | M00000051880 |
| 4907 | CTY TNHH THUONG MAI LIEN HOAN            | 6   | M00000049696 | M00000049701 |
| 4908 | CTY TNHH THUONG MAI MAI LINH PHAT        | 5   | M00000199993 | M00000199997 |
| 4909 | CTY TNHH THUONG MAI MAT KINH 999         | 10  | M00000167927 | M00000167936 |
| 4910 | CTY TNHH THUONG MAI NONG SAN GIA HUY     | 49  | M00000067803 | M00000067851 |
| 4911 | CTY TNHH THUONG MAI SARA                 | 4   | M00000006527 | M00000006530 |
| 4912 | CTY TNHH THUONG MAI THE VINH             | 1   | M00000124304 | M00000124304 |
| 4913 | CTY TNHH THUONG MAI VA DAU TU MINH GIA V | 9   | M00000224714 | M00000224722 |
| 4914 | CTY TNHH THUONG MAI VA DAU TU XNK VN     | 128 | M00000013203 | M00000013330 |
| 4915 | CTY TNHH THUONG MAI VA DICH VU AD LUXURY | 3   | M00000198981 | M00000198983 |
| 4916 | CTY TNHH THUONG MAI VA DICH VU AGILE     | 28  | M00000084447 | M00000084474 |
| 4917 | CTY TNHH THUONG MAI VA DICH VU HUNG HUNG | 6   | M00000124220 | M00000124225 |
| 4918 | CTY TNHH THUONG MAI VA DICH VU NEW PAGE  | 27  | M00000028510 | M00000028536 |
| 4919 | CTY TNHH THUONG MAI VA DICH VU QUOC THIU | 98  | M00000111426 | M00000111523 |
| 4920 | CTY TNHH THUONG MAI VA DICH VU QUY DUNG  | 3   | M00000076798 | M00000076800 |
| 4921 | CTY TNHH THUONG MAI VA DICH VU Y TE ORIS | 1   | M00000214108 | M00000214108 |
| 4922 | CTY TNHH THUONG MAI VA DU LICH 359       | 6   | M00000135522 | M00000135527 |
| 4923 | CTY TNHH THUONG MAI VA DU LICH LINH LAN  | 3   | M00000140288 | M00000140290 |
| 4924 | CTY TNHH THUONG MAI VA SAN XUAT MUA VANG | 2   | M00000050963 | M00000050964 |
| 4925 | CTY TNHH THUONG MAI VA SAN XUAT PULSE    | 21  | M00000165800 | M00000165820 |
| 4926 | CTY TNHH THUONG MAI VA THOI TRANG LEADOS | 3   | M00000046486 | M00000046488 |
| 4927 | CTY TNHH THUONG MAI VA XNK CUONG SOAN    | 13  | M00000059479 | M00000059491 |
| 4928 | CTY TNHH THUONG MAI VEGAN BEAUTY         | 1   | M00000018792 | M00000018792 |
| 4929 | CTY TNHH THUONG MAI VU HAI DUONG         | 7   | M00000065925 | M00000065931 |
| 4930 | CTY TNHH THUONG MAI XNK MINH PHU         | 2   | M00000052216 | M00000052217 |
| 4931 | CTY TNHH THUONG NGUYEN EYEBROWS BEAUTY   | 19  | M00000021587 | M00000021605 |
| 4932 | CTY TNHH TIEM VANG SY LINH DIAMOND JEWEL | 9   | M00000156104 | M00000156112 |
| 4933 | CTY TNHH TIEN PHAT RETAIL                | 11  | M00000084886 | M00000084896 |
| 4934 | CTY TNHH TIMES CORNER PHU QUOC           | 58  | M00000083998 | M00000084055 |
| 4935 | CTY TNHH TIN THANH AUTO                  | 1   | M00000091827 | M00000091827 |
| 4936 | CTY TNHH TIN TRAN FURNITURE              | 128 | M00000225896 | M00000226023 |
| 4937 | CTY TNHH TINH THUC QUAN CHAY THANH CAO   | 13  | M00000033188 | M00000033200 |
| 4938 | CTY TNHH TM - DV - DU LICH NHA HANG THUA | 61  | M00000215349 | M00000215409 |
| 4939 | CTY TNHH TM - DV 389 WORKSHOP            | 1   | M00000137124 | M00000137124 |
| 4940 | CTY TNHH TM & DV T3Q GROUP               | 15  | M00000139740 | M00000139754 |
| 4941 | CTY TNHH TM BACH HOA NGUYEN KHANH        | 2   | M00000188230 | M00000188231 |
| 4942 | CTY TNHH TM BONARD                       | 17  | M00000225435 | M00000225451 |
| 4943 | CTY TNHH TM BUU NGOC                     | 3   | M00000223641 | M00000223643 |
| 4944 | CTY TNHH TM CAY CO                       | 11  | M00000059876 | M00000059886 |
| 4945 | CTY TNHH TM CHE BIEN HAI SAN DAM SEN     | 8   | M00000102961 | M00000102968 |
| 4946 | CTY TNHH TM DICH VU DAN ANH AUTO PARTS   | 1   | M00000087258 | M00000087258 |
| 4947 | CTY TNHH TM DICH VU DU LICH HAN          | 6   | M00000165794 | M00000165799 |
| 4948 | CTY TNHH TM DICH VU G MART               | 3   | M00000090352 | M00000090354 |
| 4949 | CTY TNHH TM DICH VU PHUC THINH TIEN      | 6   | M00000079857 | M00000079862 |
| 4950 | CTY TNHH TM DL TH GROUP PHU QUOC         | 16  | M00000085176 | M00000085191 |
| 4951 | CTY TNHH TM DUY YEN MOTO                 | 5   | M00000064944 | M00000064948 |
| 4952 | CTY TNHH TM DV BEURRE VIET NAM           | 1   | M00000182737 | M00000182737 |
| 4953 | CTY TNHH TM DV BUTTERFLY                 | 18  | M00000213795 | M00000213812 |
| 4954 | CTY TNHH TM DV DAU TU XAY DUNG SANG TAO  | 1   | M00000169213 | M00000169213 |
| 4955 | CTY TNHH TM DV DIEN LANH PHAN THU 2      | 6   | M00000200317 | M00000200322 |
| 4956 | CTY TNHH TM DV DL MOTORBIKE MEKONG TOUR  | 1   | M00000090476 | M00000090476 |
| 4957 | CTY TNHH TM DV DL SONG THINH             | 1   | M00000158257 | M00000158257 |
| 4958 | CTY TNHH TM DV DU LICH LU HANH DIEM SANG | 2   | M00000079863 | M00000079864 |
| 4959 | CTY TNHH TM DV DU LICH TRUONG THINH PHAT | 5   | M00000102138 | M00000102142 |
| 4960 | CTY TNHH TM DV GIANG ANH THAI            | 5   | M00000185714 | M00000185718 |
| 4961 | CTY TNHH TM DV GIGGLE BEANS              | 20  | M00000200746 | M00000200765 |
| 4962 | CTY TNHH TM DV HAI LAM                   | 6   | M00000147366 | M00000147371 |
| 4963 | CTY TNHH TM DV HAN BI                    | 16  | M00000159926 | M00000159941 |
| 4964 | CTY TNHH TM DV HUE CHIEU                 | 82  | M00000088322 | M00000088403 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 4965 | CTY TNHH TM DV HUYNH NGHIA MIEN TAY      | 39 | M00000081963 | M00000082001 |
| 4966 | CTY TNHH TM DV KHACH SAN VUONG TAI       | 7  | M00000197100 | M00000197106 |
| 4967 | CTY TNHH TM DV KHANH VY PHU QUOC         | 7  | M00000093369 | M00000093375 |
| 4968 | CTY TNHH TM DV KL VIET UC                | 2  | M00000214869 | M00000214870 |
| 4969 | CTY TNHH TM DV MINH MINH ANH             | 22 | M00000145301 | M00000145322 |
| 4970 | CTY TNHH TM DV MINH SANG PHAT            | 20 | M00000221315 | M00000221334 |
| 4971 | CTY TNHH TM DV MUA VE NHANH              | 3  | M00000172509 | M00000172511 |
| 4972 | CTY TNHH TM DV NHA HANG LANG VIET        | 4  | M00000207571 | M00000207574 |
| 4973 | CTY TNHH TM DV PHAN THUY TRANG           | 2  | M00000202538 | M00000202539 |
| 4974 | CTY TNHH TM DV QUAN AN A CHON            | 4  | M00000086954 | M00000086957 |
| 4975 | CTY TNHH TM DV SX HOA MY PHAM ANNIE YEP  | 3  | M00000171354 | M00000171356 |
| 4976 | CTY TNHH TM DV THAI HOA PHAT             | 5  | M00000078098 | M00000078102 |
| 4977 | CTY TNHH TM DV TV SMART LIFE             | 3  | M00000134034 | M00000134036 |
| 4978 | CTY TNHH TM DV XNK THON TUYEN TRUC       | 3  | M00000191255 | M00000191257 |
| 4979 | CTY TNHH TM DVDL HUNG PHAT NHA TRANG     | 12 | M00000112650 | M00000112661 |
| 4980 | CTY TNHH TM DV-DU LICH KHAI HOANG        | 83 | M00000166532 | M00000166614 |
| 4981 | CTY TNHH TM GRAND MART PHU QUOC          | 21 | M00000090081 | M00000090101 |
| 4982 | CTY TNHH TM HI MART                      | 3  | M00000195444 | M00000195446 |
| 4983 | CTY TNHH TM HOANG NAM                    | 2  | M00000099831 | M00000099832 |
| 4984 | CTY TNHH TM NHA HANG HAN HUYN            | 66 | M00000215875 | M00000215940 |
| 4985 | CTY TNHH TM SX XAY DUNG DA MY NGHE HUY H | 1  | M00000221640 | M00000221640 |
| 4986 | CTY TNHH TM TONG HOP & XNK HOANG PHUC    | 13 | M00000052837 | M00000052849 |
| 4987 | CTY TNHH TM TONG HOP MOC TRA             | 1  | M00000184371 | M00000184371 |
| 4988 | CTY TNHH TM VA CONG NGHE SAO HA NOI      | 26 | M00000042999 | M00000043024 |
| 4989 | CTY TNHH TM VA CUNG CAP DV BAO CHAU      | 51 | M00000140028 | M00000140078 |
| 4990 | CTY TNHH TM VA DICH VU BAU NGA           | 5  | M00000076722 | M00000076726 |
| 4991 | CTY TNHH TM VA DICH VU HOANG NAM GIANG   | 38 | M00000054005 | M00000054042 |
| 4992 | CTY TNHH TM VA DV AN THANH TAT           | 13 | M00000067692 | M00000067704 |
| 4993 | CTY TNHH TM VA DV AN UONG THANH CA       | 3  | M00000139654 | M00000139656 |
| 4994 | CTY TNHH TM VA DV BAO PHONG              | 3  | M00000101106 | M00000101108 |
| 4995 | CTY TNHH TM VA DV DU LICH ATZ            | 3  | M00000077557 | M00000077559 |
| 4996 | CTY TNHH TM VA DV DU LICH LUCKY STAR     | 1  | M00000203819 | M00000203819 |
| 4997 | CTY TNHH TM VA DV DUC THANH GIA LAI      | 4  | M00000097509 | M00000097512 |
| 4998 | CTY TNHH TM VA DV K.J.C                  | 12 | M00000201263 | M00000201274 |
| 4999 | CTY TNHH TM VA DV MINH PHUONG.MP         | 27 | M00000098745 | M00000098771 |
| 5000 | CTY TNHH TM VA DV QUOC TE TRUONG HIEN    | 76 | M00000084371 | M00000084446 |
| 5001 | CTY TNHH TM VA DV TAN THUONG             | 51 | M00000066491 | M00000066541 |
| 5002 | CTY TNHH TM VA DV TH GROUP               | 1  | M00000089967 | M00000089967 |
| 5003 | CTY TNHH TM VA DV THANH LUONG            | 4  | M00000071357 | M00000071360 |
| 5004 | CTY TNHH TM VA DV THANH NGUYEN           | 44 | M00000113774 | M00000113817 |
| 5005 | CTY TNHH TM VA DV TONG HOP MINH PHUC     | 15 | M00000139194 | M00000139208 |
| 5006 | CTY TNHH TM VA DV VAN TAI BINH TUONG     | 6  | M00000145250 | M00000145255 |
| 5007 | CTY TNHH TM VA DV VAN TAI VIET KHOA      | 6  | M00000129278 | M00000129283 |
| 5008 | CTY TNHH TM VA DV VIET NAM               | 36 | M00000139093 | M00000139128 |
| 5009 | CTY TNHH TM VA DVU DU LICH TRUONG ANH    | 10 | M00000050055 | M00000050064 |
| 5010 | CTY TNHH TM VA KT HOANG LAN VP           | 9  | M00000073624 | M00000073632 |
| 5011 | CTY TNHH TM VA PHAT TRIEN DV LINH PHAT   | 1  | M00000009901 | M00000009901 |
| 5012 | CTY TNHH TM VA XAY DUNG MILI-HOME        | 5  | M00000135199 | M00000135203 |
| 5013 | CTY TNHH TM VA XNK NEW ERA               | 2  | M00000039973 | M00000039974 |
| 5014 | CTY TNHH TM XD - DV DU LICH PHI YEN      | 10 | M00000087878 | M00000087887 |
| 5015 | CTY TNHH TM XUAT NHAP KHAU PHUONG THINH  | 2  | M00000050053 | M00000050054 |
| 5016 | CTY TNHH TMDV DU LICH VA VAN TAI MINH KH | 1  | M00000193324 | M00000193324 |
| 5017 | CTY TNHH TMDV HOA VIET PRINTING COFFEE   | 2  | M00000220461 | M00000220462 |
| 5018 | CTY TNHH TMDV HUONG TRANG BL             | 5  | M00000136884 | M00000136888 |
| 5019 | CTY TNHH TMDV KIEN HOANG GIA             | 2  | M00000187262 | M00000187263 |
| 5020 | CTY TNHH TMDV MINH MINH THANH            | 64 | M00000219963 | M00000220026 |
| 5021 | CTY TNHH TMDV MINH THANH PHAT            | 31 | M00000082565 | M00000082595 |
| 5022 | CTY TNHH TMDV NALI                       | 5  | M00000215520 | M00000215524 |
| 5023 | CTY TNHH TMDV NHA HANG DAI PHU           | 16 | M00000224648 | M00000224663 |
| 5024 | CTY TNHH TMDV NHA KHOA SAI GON CHO LACH  | 1  | M00000091830 | M00000091830 |
| 5025 | CTY TNHH TMDV NHA KHOA SAI GON TAM PHUOC | 2  | M00000092102 | M00000092103 |
| 5026 | CTY TNHH TMDV NOI THAT TOAN CAU NEW RICH | 2  | M00000223151 | M00000223152 |
| 5027 | CTY TNHH TMDV SAO PHUONG BAC             | 3  | M00000217191 | M00000217193 |
| 5028 | CTY TNHH TMDV TAM TAM                    | 1  | M00000101017 | M00000101017 |
| 5029 | CTY TNHH TM-DV TRUC LAM VIEN             | 8  | M00000101095 | M00000101102 |
| 5030 | CTY TNHH TMDV TRUONG PHAT LOC            | 10 | M00000220681 | M00000220690 |
| 5031 | CTY TNHH TMDV VA XNK LINH AN             | 1  | M00000074296 | M00000074296 |
| 5032 | CTY TNHH TMDV VANG BAC DA QUY HOANG KIM  | 34 | M00000039995 | M00000040028 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 5033 | CTY TNHH TMDV VIEN NGOC AN               | 15  | M00000093009 | M00000093023 |
| 5034 | CTY TNHH TMDV VIMED                      | 27  | M00000188299 | M00000188325 |
| 5035 | CTY TNHH TMDV XNK HOANG LONG             | 3   | M00000087388 | M00000087390 |
| 5036 | CTY TNHH TM-DV-DU LICH-DU THUYEN XOAI    | 8   | M00000079386 | M00000079393 |
| 5037 | CTY TNHH TM-SX CO KHI PHUOC HUNG         | 6   | M00000083957 | M00000083962 |
| 5038 | CTY TNHH TOM HUM XANH                    | 3   | M00000040328 | M00000040330 |
| 5039 | CTY TNHH TON SAT GO PHUOC HOAI           | 1   | M00000090286 | M00000090286 |
| 5040 | CTY TNHH TON THEP NGA SON                | 3   | M00000197800 | M00000197802 |
| 5041 | CTY TNHH TON THEP PHONG PHU              | 19  | M00000105424 | M00000105442 |
| 5042 | CTY TNHH TONG HOP HUE ROSY               | 64  | M00000139773 | M00000139836 |
| 5043 | CTY TNHH TOTO FOOD                       | 46  | M00000030176 | M00000030221 |
| 5044 | CTY TNHH TRAI CAY BUOI SANG              | 2   | M00000212718 | M00000212719 |
| 5045 | CTY TNHH TRANG SUC MEKONG                | 1   | M00000090191 | M00000090191 |
| 5046 | CTY TNHH TRANSVIEW GOLF VIET NAM         | 13  | M00000181201 | M00000181213 |
| 5047 | CTY TNHH TRUNG DO DAKLAK                 | 15  | M00000120732 | M00000120746 |
| 5048 | CTY TNHH TRUONG AN TOAN                  | 5   | M00000172378 | M00000172382 |
| 5049 | CTY TNHH TRUONG DINH 68                  | 3   | M00000137121 | M00000137123 |
| 5050 | CTY TNHH TRUONG HOC QUOC TE              | 19  | M00000204306 | M00000204324 |
| 5051 | CTY TNHH TRUYEN THONG DU LICH VIET MY    | 1   | M00000171856 | M00000171856 |
| 5052 | CTY TNHH TT THAM MY SKY DIAMOND          | 16  | M00000171378 | M00000171393 |
| 5053 | CTY TNHH TU VAN DAU TU TM DV AN PHU GIA  | 64  | M00000084644 | M00000084707 |
| 5054 | CTY TNHH TU VAN DAU TU XD HOANG GIA      | 1   | M00000101668 | M00000101668 |
| 5055 | CTY TNHH TU VAN THIET KE THI CONG XAY DU | 14  | M00000082308 | M00000082321 |
| 5056 | CTY TNHH TU VAN TKXD LINH LUCKY          | 2   | M00000140980 | M00000140981 |
| 5057 | CTY TNHH TUNG HUNG HOI AN                | 12  | M00000139657 | M00000139668 |
| 5058 | CTY TNHH TV DU HOC VA DT THUONG DINH     | 2   | M00000083276 | M00000083277 |
| 5059 | CTY TNHH VAN CHUYEN KHACH BAI THO        | 2   | M00000049404 | M00000049405 |
| 5060 | CTY TNHH VAN HOA AM THUC DIA PHUONG PHUQ | 2   | M00000084366 | M00000084367 |
| 5061 | CTY TNHH VANG BAC - KHACH SAN KIM CHUNG  | 123 | M00000144692 | M00000144814 |
| 5062 | CTY TNHH VANG BAC DA QUY ANH SANG        | 576 | M00000076956 | M00000077531 |
| 5063 | CTY TNHH VANG BAC DA QUY KIM NHAT LINH   | 9   | M00000087060 | M00000087068 |
| 5064 | CTY TNHH VANG BAC DA QUY KIM THANH PHUOC | 44  | M00000199659 | M00000199702 |
| 5065 | CTY TNHH VANG BAC DA QUY MY LONG         | 27  | M00000152705 | M00000152731 |
| 5066 | CTY TNHH VANG BAC DA QUY NINH THO        | 7   | M00000126043 | M00000126049 |
| 5067 | CTY TNHH VANG BAC DA QUY TRUC KIM CUC    | 107 | M00000090811 | M00000090917 |
| 5068 | CTY TNHH VANG BAC KIM BAO NAM (SON )     | 26  | M00000155248 | M00000155273 |
| 5069 | CTY TNHH VANG BAC QUY KIM                | 20  | M00000223057 | M00000223076 |
| 5070 | CTY TNHH VAT LIEU-TRANG TRI NOI THAT HUN | 5   | M00000088574 | M00000088578 |
| 5071 | CTY TNHH VERSAILLES PHU QUOC             | 50  | M00000086777 | M00000086826 |
| 5072 | CTY TNHH VFS GLOBAL VIET NAM-CN TAI TP D | 3   | M00000204937 | M00000204939 |
| 5073 | CTY TNHH VFS GLOBAL VIET NAM-CN TAI TP H | 217 | M00000204720 | M00000204936 |
| 5074 | CTY TNHH VFS GLOBAL VIET NAM-CN TAI TP H | 255 | M00000204940 | M00000205194 |
| 5075 | CTY TNHH VI TINH NGUYEN THANG BIEN HOA   | 48  | M00000082339 | M00000082386 |
| 5076 | CTY TNHH VIEN NHA KHOA THAM MY ANH DENTA | 7   | M00000195496 | M00000195502 |
| 5077 | CTY TNHH VIET DUNG YEN MY                | 63  | M00000014349 | M00000014411 |
| 5078 | CTY TNHH VIN3SST SOC TRANG               | 109 | M00000086843 | M00000086951 |
| 5079 | CTY TNHH VINADAY GOREISE VIET NAM        | 2   | M00000159800 | M00000159801 |
| 5080 | CTY TNHH VINH HAO GROUP                  | 1   | M00000209057 | M00000209057 |
| 5081 | CTY TNHH VINH MANH                       | 93  | M00000097416 | M00000097508 |
| 5082 | CTY TNHH VINTAGE COLLECTION              | 23  | M00000183861 | M00000183883 |
| 5083 | CTY TNHH VITAFAT                         | 26  | M00000227715 | M00000227740 |
| 5084 | CTY TNHH VLXD THIEN PHUONG               | 8   | M00000204417 | M00000204424 |
| 5085 | CTY TNHH VN SPA ENTERPRISE               | 11  | M00000218573 | M00000218583 |
| 5086 | CTY TNHH V-ORGANIC                       | 1   | M00000011198 | M00000011198 |
| 5087 | CTY TNHH VT-TM THANH THU                 | 1   | M00000102960 | M00000102960 |
| 5088 | CTY TNHH WHOLE FOOD LAND                 | 7   | M00000080777 | M00000080783 |
| 5089 | CTY TNHH XANG DAU BINH HOANG             | 24  | M00000077850 | M00000077873 |
| 5090 | CTY TNHH XAY DUNG BAY NGOC               | 197 | M00000100406 | M00000100602 |
| 5091 | CTY TNHH XAY DUNG NGUYEN TRAM            | 4   | M00000108792 | M00000108795 |
| 5092 | CTY TNHH XAY DUNG SON DUC TAI            | 9   | M00000144856 | M00000144864 |
| 5093 | CTY TNHH XAY DUNG TM VA DV PHUC AN       | 16  | M00000073380 | M00000073395 |
| 5094 | CTY TNHH XAY DUNG VA DU LICH THANH VINH  | 2   | M00000100161 | M00000100162 |
| 5095 | CTY TNHH XAY DUNG VA TM VAN TAI HUY HUNG | 45  | M00000016637 | M00000016681 |
| 5096 | CTY TNHH XD- TM VUONG SAU                | 179 | M00000129808 | M00000129986 |
| 5097 | CTY TNHH XD VA KD TONG HOP HOAN PHU      | 24  | M00000124457 | M00000124480 |
| 5098 | CTY TNHH XD VA KD TONG HOP VIET ANH      | 17  | M00000084246 | M00000084262 |
| 5099 | CTY TNHH XE DIEN HONG ANH                | 30  | M00000091018 | M00000091047 |
| 5100 | CTY TNHH XE DIEN PHI HUNG                | 6   | M00000083513 | M00000083518 |

|      |                                           |      |              |              |
|------|-------------------------------------------|------|--------------|--------------|
| 5101 | CTY TNHH XE MAY XE DIEN THIEN PHUOC       | 2    | M00000089813 | M00000089814 |
| 5102 | CTY TNHH XNK HK VINA-CN HCM               | 7    | M00000197793 | M00000197799 |
| 5103 | CTY TNHH XNK KHOANG SAN LAM SAN HOA BINH  | 264  | M00000087931 | M00000088194 |
| 5104 | CTY TNHH XNK NGUYET PHONG                 | 50   | M00000226239 | M00000226288 |
| 5105 | CTY TNHH XNK NONG SAN HONG KHANG          | 10   | M00000070111 | M00000070120 |
| 5106 | CTY TNHH XNK TM DV TRUC VAN               | 8    | M00000204360 | M00000204367 |
| 5107 | CTY TNHH XQ DA LAT                        | 7    | M00000099366 | M00000099372 |
| 5108 | CTY TNHH XUAT NHAP KHAU MBG               | 134  | M00000013667 | M00000013800 |
| 5109 | CTY TNHH XUAT NHAP KHAU THUONG MAI CIC    | 2    | M00000074872 | M00000074873 |
| 5110 | CTY TNHH XUAT NHAP KHAU VA THUONG MAI AK  | 1250 | M00000024941 | M00000026190 |
| 5111 | CTY TNHH XUYEN MEKONG                     | 15   | M00000077532 | M00000077546 |
| 5112 | CTY TNHH Y KHOA PERFECT U                 | 5    | M00000214109 | M00000214113 |
| 5113 | CTY TNHH Y KHOA SAI GON AN PHU            | 1    | M00000197578 | M00000197578 |
| 5114 | CTY TNHH Y KHOA VA THAM MY TUAN LINH      | 1    | M00000182555 | M00000182555 |
| 5115 | CTY TNHH Y KHOA VIET UC                   | 6    | M00000084515 | M00000084520 |
| 5116 | CTY TNHH YEN SAO SAI GON                  | 6    | M00000018677 | M00000018682 |
| 5117 | CTY TNHH YOSHINO SHOTEN INTERNATIONAL     | 5    | M00000134022 | M00000134026 |
| 5118 | CTY TNHH YOUNG AND NICE AFRO HAIR SALON   | 2    | M00000024509 | M00000024510 |
| 5119 | CTY TNHH YSL INTERNATIONAL                | 17   | M00000013417 | M00000013433 |
| 5120 | CTY TNHH ZWILLING J.A HENCKELS VIET NAM   | 18   | M00000165346 | M00000165363 |
| 5121 | CTY TRUNG THANH - TNHH                    | 2    | M00000049702 | M00000049703 |
| 5122 | CTY TNHH QT GIAODUC & PT NANG KHIEU VIET  | 3    | M00000191461 | M00000191463 |
| 5123 | CTY TNHH TMXNK TP&THUCAN CHANNUOI DONGTAM | 3    | M00000169285 | M00000169287 |
| 5124 | CU THI XIEM                               | 2    | M00000071561 | M00000071562 |
| 5125 | CUA HANG BACH HOA PHUONG NGHI             | 18   | M00000194438 | M00000194455 |
| 5126 | CUA HANG BACH HOA PHUONG NGHI MART BD     | 20   | M00000194456 | M00000194475 |
| 5127 | CUA HANG BINH HOA                         | 2    | M00000091212 | M00000091213 |
| 5128 | CUA HANG BV DIEN BIEN PHU                 | 1    | M00000186177 | M00000186177 |
| 5129 | CUA HANG CA PHE DOM DOM                   | 65   | M00000020465 | M00000020529 |
| 5130 | CUA HANG DAC SAN MIEN TRUNG XU QUANG      | 4    | M00000127315 | M00000127318 |
| 5131 | CUA HANG DI DONG KHOI                     | 63   | M00000203290 | M00000203352 |
| 5132 | CUA HANG DIEN NUOC TINH KHOI              | 5    | M00000150012 | M00000150016 |
| 5133 | CUA HANG DIEN THOAI ANH HAI               | 2    | M00000057302 | M00000057303 |
| 5134 | CUA HANG DIEN THOAI DI DONG GIA HUNG      | 5    | M00000200771 | M00000200775 |
| 5135 | CUA HANG DIEN THOAI DI DONG HUNG PHAT     | 3    | M00000191250 | M00000191252 |
| 5136 | CUA HANG DIEN THOAI DI DONG TAO TRANG     | 1    | M00000127224 | M00000127224 |
| 5137 | CUA HANG DIEN THOAI DI DONG THUY VY       | 19   | M00000080993 | M00000081011 |
| 5138 | CUA HANG DIEN THOAI HG MOBILE             | 9    | M00000058974 | M00000058982 |
| 5139 | CUA HANG DIEN THOAI HOANG NAM             | 2    | M00000080670 | M00000080671 |
| 5140 | CUA HANG DIEN THOAI MAY TINH THANH TU     | 7    | M00000199279 | M00000199285 |
| 5141 | CUA HANG DIEN THOAI PHUONG BAO            | 3    | M00000128725 | M00000128727 |
| 5142 | CUA HANG DIEN THOAI TAN TIEN              | 2    | M00000139076 | M00000139077 |
| 5143 | CUA HANG DIEN THOAI TRUNG MOBIFONE        | 107  | M00000083278 | M00000083384 |
| 5144 | CUA HANG DTDD TAI NGUYEN 3                | 2    | M00000199784 | M00000199785 |
| 5145 | CUA HANG DUNG LAN                         | 3    | M00000146116 | M00000146118 |
| 5146 | CUA HANG GIONG CT TRUONG LE               | 1    | M00000149414 | M00000149414 |
| 5147 | CUA HANG HOA LIEN                         | 3    | M00000054309 | M00000054311 |
| 5148 | CUA HANG HOANG DUNG                       | 4    | M00000215422 | M00000215425 |
| 5149 | CUA HANG HUNG LOC PHAT                    | 12   | M00000167201 | M00000167212 |
| 5150 | CUA HANG HUY TRANG                        | 1    | M00000059741 | M00000059741 |
| 5151 | CUA HANG LE MANH THANG                    | 3    | M00000076771 | M00000076773 |
| 5152 | CUA HANG LONG VY                          | 6    | M00000125317 | M00000125322 |
| 5153 | CUA HANG LUU NIEM 186                     | 5    | M00000127246 | M00000127250 |
| 5154 | CUA HANG LUU NIEM NGUYEN VAN TRUNG        | 1    | M00000142125 | M00000142125 |
| 5155 | CUA HANG LUU NIEM TRE XUA                 | 13   | M00000127795 | M00000127807 |
| 5156 | CUA HANG LUU NIEM(GIFT HOUSE)             | 59   | M00000054103 | M00000054161 |
| 5157 | CUA HANG MINH LONG                        | 3    | M00000137082 | M00000137084 |
| 5158 | CUA HANG NAM THUAN                        | 15   | M00000071567 | M00000071581 |
| 5159 | CUA HANG NGAN - HA                        | 46   | M00000200941 | M00000200986 |
| 5160 | CUA HANG PHU TUNG O TO TOAN               | 1    | M00000090947 | M00000090947 |
| 5161 | CUA HANG QUAN AO CP2                      | 1    | M00000023536 | M00000023536 |
| 5162 | CUA HANG QUAN AO SON 2020                 | 1    | M00000147442 | M00000147442 |
| 5163 | CUA HANG SHOWROOM 123                     | 1    | M00000122413 | M00000122413 |
| 5164 | CUA HANG TAP HOA PT                       | 5    | M00000017048 | M00000017052 |
| 5165 | CUA HANG THAO NHUNG                       | 12   | M00000190341 | M00000190352 |
| 5166 | CUA HANG THIET BI DIEN MINH NHUT          | 2    | M00000090791 | M00000090792 |
| 5167 | CUA HANG THOI TRANG A VA NA               | 15   | M00000124597 | M00000124611 |
| 5168 | CUA HANG THOI TRANG BAM BI                | 2    | M00000147859 | M00000147860 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 5169 | CUA HANG THUAN MIEN                      | 17  | M00000150037 | M00000150053 |
| 5170 | CUA HANG TIEN LOI GIA DINH               | 14  | M00000190992 | M00000191005 |
| 5171 | CUA HANG TM DV BHTH, VPP NGUYEN PHUC     | 15  | M00000083495 | M00000083509 |
| 5172 | CUA HANG TU CHON BAO THY                 | 11  | M00000080654 | M00000080664 |
| 5173 | CUA HANG TU CHON KIM HOANG               | 28  | M00000082092 | M00000082119 |
| 5174 | CUA HANG TU CHON PHUONG NGHI             | 5   | M00000194486 | M00000194490 |
| 5175 | CUA HANG TU CHON TUAN HIEN               | 6   | M00000147448 | M00000147453 |
| 5176 | CUA HANG TUTI MART                       | 2   | M00000130240 | M00000130241 |
| 5177 | CUA HANG VAN CHUYEN - SHOP SHIP          | 6   | M00000120571 | M00000120576 |
| 5178 | CUA HANG VANG MA HA NOI                  | 6   | M00000149883 | M00000149888 |
| 5179 | CUA HANG XE MAY NAM CUONG                | 5   | M00000057350 | M00000057354 |
| 5180 | CUA HANG YEN GAO                         | 12  | M00000193295 | M00000193306 |
| 5181 | DADDYS HOUSE                             | 13  | M00000217201 | M00000217213 |
| 5182 | DAI LY GAS THAI THUAN                    | 12  | M00000091099 | M00000091110 |
| 5183 | DAI LY GAS VA BEP GAS XUAN CANH          | 1   | M00000152236 | M00000152236 |
| 5184 | DAI LY MINH TUAN                         | 4   | M00000200766 | M00000200769 |
| 5185 | DAI LY VE MAY BAY - TAU HOA KHUE THUY    | 2   | M00000192222 | M00000192223 |
| 5186 | DAI LY VE MAY BAY THU HIEN               | 6   | M00000191576 | M00000191581 |
| 5187 | DAI SU QUAN HUNGARY TAI HA NOI           | 9   | M00000015157 | M00000015165 |
| 5188 | DAI THANH PHAT                           | 4   | M00000088472 | M00000088475 |
| 5189 | DAM THI HANG                             | 5   | M00000072016 | M00000072020 |
| 5190 | DAM THI HONG LOC                         | 1   | M00000145323 | M00000145323 |
| 5191 | DAM THI KIM ANH                          | 20  | M00000059657 | M00000059676 |
| 5192 | DANG HONG TRUONG (SA PA ECO VILLAS & SPA | 19  | M00000023441 | M00000023459 |
| 5193 | DANG THI DU                              | 1   | M00000149501 | M00000149501 |
| 5194 | DANG VAN GIANG                           | 3   | M00000072140 | M00000072142 |
| 5195 | DAO THI HOANG YEN                        | 2   | M00000089979 | M00000089980 |
| 5196 | DAO THUY NGAN                            | 2   | M00000018969 | M00000018970 |
| 5197 | DAPHALE STUDIOS                          | 3   | M00000188636 | M00000188638 |
| 5198 | DAT PHAT                                 | 3   | M00000196365 | M00000196367 |
| 5199 | DAU THI HOAI THANH                       | 2   | M00000147486 | M00000147487 |
| 5200 | DDKD - CONG TY TNHH LAN DA HOAN HAO I    | 3   | M00000018002 | M00000018004 |
| 5201 | DIA DIEM KD CT TNHH DV TM HOA PHUC       | 7   | M00000222633 | M00000222639 |
| 5202 | DIAMOND CAFE                             | 1   | M00000084487 | M00000084487 |
| 5203 | DICH VU BUU CHINH VIEN THONG QUOC BAO    | 27  | M00000197623 | M00000197649 |
| 5204 | DICH VU CAM DO VINH PHAT                 | 3   | M00000225640 | M00000225642 |
| 5205 | DIEN MAY DUC THINH                       | 50  | M00000040818 | M00000040867 |
| 5206 | DIEN THOAI DI DONG - CAM DO QUANG BIEN   | 6   | M00000200434 | M00000200439 |
| 5207 | DIEN THOAI DI DONG LONG QUANG III        | 1   | M00000081822 | M00000081822 |
| 5208 | DIEN TU- DIEN MAY QUANG TRUNG            | 3   | M00000190086 | M00000190088 |
| 5209 | DIEN TU HUNG PHAT                        | 2   | M00000078096 | M00000078097 |
| 5210 | DINH TUAN VU                             | 2   | M00000031925 | M00000031926 |
| 5211 | DN TN VANG BAC DV TM HOAI DUONG          | 170 | M00000150095 | M00000150264 |
| 5212 | DN TU NHAN HIEU VANG NGOC THANH VY       | 9   | M00000153836 | M00000153844 |
| 5213 | DN TU NHAN VANG BAC KIM TRUNG TH         | 50  | M00000139889 | M00000139938 |
| 5214 | DN TU NHAN VANG BAC MANH HOAI            | 5   | M00000139939 | M00000139943 |
| 5215 | DN TU NHAN VANG BAC MINH DUC PHU THO     | 8   | M00000076188 | M00000076195 |
| 5216 | DN TU NHAN VANG BAC THUY HUNG            | 75  | M00000062751 | M00000062825 |
| 5217 | DNTN CAPHE HAO LIEN                      | 26  | M00000110072 | M00000110097 |
| 5218 | DNTN DICH VU VA THUONG MAI THANH HUE     | 1   | M00000098724 | M00000098724 |
| 5219 | DNTN DU LICH THUONG MAI HUNG PHU         | 1   | M00000109306 | M00000109306 |
| 5220 | DNTN DUNG TY                             | 20  | M00000122805 | M00000122824 |
| 5221 | DNTN DV KS HHL MOT-KS ALAGON CITY        | 104 | M00000165014 | M00000165117 |
| 5222 | DNTN HA TRINH                            | 1   | M00000077685 | M00000077685 |
| 5223 | DNTN HANG VANG KIM YEN PHUOC             | 1   | M00000143836 | M00000143836 |
| 5224 | DNTN HIEN HUYNH                          | 255 | M00000078325 | M00000078579 |
| 5225 | DNTN HIEU VANG HOA TUNG                  | 3   | M00000132315 | M00000132317 |
| 5226 | DNTN HIEU VANG HONG DUC                  | 9   | M00000142071 | M00000142079 |
| 5227 | DNTN HIEU VANG HUYNH MAI                 | 2   | M00000101068 | M00000101069 |
| 5228 | DNTN HIEU VANG KIM HOA LUAN              | 960 | M00000121422 | M00000122381 |
| 5229 | DNTN HIEU VANG KIM HOA MINH              | 172 | M00000117594 | M00000117765 |
| 5230 | DNTN HIEU VANG MAI LINH                  | 50  | M00000149823 | M00000149872 |
| 5231 | DNTN HIEU VANG MINH TIN                  | 18  | M00000107989 | M00000108006 |
| 5232 | DNTN HIEU VANG NGOC HUNG                 | 8   | M00000141208 | M00000141215 |
| 5233 | DNTN HIEU VANG TAN TIEN                  | 7   | M00000143275 | M00000143281 |
| 5234 | DNTN HIEU VANG TIN DUNG DANH             | 3   | M00000105406 | M00000105408 |
| 5235 | DNTN HIEU VANG VINH THANH                | 18  | M00000108218 | M00000108235 |
| 5236 | DNTN HIEU VANG VINH THANH 2              | 27  | M00000098774 | M00000098800 |

|      |                                         |     |              |              |
|------|-----------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 5237 | DNTN HOANG GIANG                        | 6   | M00000138009 | M00000138014 |
| 5238 | DNTN HOANG NHAT MINH                    | 14  | M00000049558 | M00000049571 |
| 5239 | DNTN KD NU TRANG VB DA QUY KIM VINH     | 2   | M00000184398 | M00000184399 |
| 5240 | DNTN KD VANG NGOC HUE HUY               | 10  | M00000206069 | M00000206078 |
| 5241 | DNTN KD VB DQ VA CAM VANG KIM NGOC 4    | 14  | M00000182300 | M00000182313 |
| 5242 | DNTN KHACH SAN DUC VUONG                | 30  | M00000160559 | M00000160588 |
| 5243 | DNTN KHACH SAN PHI NGA                  | 2   | M00000209377 | M00000209378 |
| 5244 | DNTN KHACH SAN XUAN HUYNH 3             | 5   | M00000080047 | M00000080051 |
| 5245 | DNTN KIM CHAU                           | 7   | M00000079349 | M00000079355 |
| 5246 | DNTN KIM DUNG BAC LIEU                  | 2   | M00000084906 | M00000084907 |
| 5247 | DNTN KIM HOAN HUE                       | 33  | M00000108800 | M00000108832 |
| 5248 | DNTN KIM OANH BA HON                    | 6   | M00000079378 | M00000079383 |
| 5249 | DNTN KIM PHUONG CAI LAY                 | 13  | M00000081386 | M00000081398 |
| 5250 | DNTN KIM SANG - NGOC HOI                | 21  | M00000107771 | M00000107791 |
| 5251 | DNTN KIM TAI                            | 68  | M00000082172 | M00000082239 |
| 5252 | DNTN KIM TIEN DUY THANH                 | 17  | M00000089293 | M00000089309 |
| 5253 | DNTN KINH DOANH VANG KIM LOC PHAT       | 2   | M00000080042 | M00000080043 |
| 5254 | DNTN KINH DOANH VANG KIM THANH DUONG    | 21  | M00000219679 | M00000219699 |
| 5255 | DNTN KINH DOANH VANG KIM THANH PHAT     | 1   | M00000191436 | M00000191436 |
| 5256 | DNTN KINH DOANH VANG NGOC THAM          | 2   | M00000168019 | M00000168020 |
| 5257 | DNTN KINH DOANH VANG TIEN VIEN          | 184 | M00000152301 | M00000152484 |
| 5258 | DNTN KINH DOANH VANG TUYET KIEU         | 6   | M00000161867 | M00000161872 |
| 5259 | DNTN K-NGOC BINH SINH                   | 6   | M00000139674 | M00000139679 |
| 5260 | DNTN LAI KIM ANH                        | 1   | M00000223214 | M00000223214 |
| 5261 | DNTN LAN HUONG                          | 8   | M00000082322 | M00000082329 |
| 5262 | DNTN MY THU                             | 9   | M00000227054 | M00000227062 |
| 5263 | DNTN NAM HAI NHAM                       | 1   | M00000051074 | M00000051074 |
| 5264 | DNTN NGOC HOA                           | 6   | M00000081522 | M00000081527 |
| 5265 | DNTN NGOC THAO                          | 8   | M00000084197 | M00000084204 |
| 5266 | DNTN NHA HANG AN UONG THIEN TAN         | 7   | M00000078586 | M00000078592 |
| 5267 | DNTN PHUNG THUY                         | 9   | M00000200409 | M00000200417 |
| 5268 | DNTN PHUONG YEN                         | 33  | M00000105242 | M00000105274 |
| 5269 | DNTN SUA BIM NHUNG SU RI                | 8   | M00000089283 | M00000089290 |
| 5270 | DNTN TAM NGOC THUAN                     | 95  | M00000082463 | M00000082557 |
| 5271 | DNTN THANH HUONG VINH LONG              | 7   | M00000090667 | M00000090673 |
| 5272 | DNTN THUC PHAM DINH DUONG XUAN HANH     | 6   | M00000137071 | M00000137076 |
| 5273 | DNTN THUONG MAI 114                     | 8   | M00000100603 | M00000100610 |
| 5274 | DNTN THUONG MAI KIM LONG                | 182 | M00000203564 | M00000203745 |
| 5275 | DNTN THUONG MAI PHONG SINH              | 13  | M00000068940 | M00000068952 |
| 5276 | DNTN THUONG MAI THANH LONG              | 1   | M00000105191 | M00000105191 |
| 5277 | DNTN THUONG MAI THANH THANH             | 1   | M00000106713 | M00000106713 |
| 5278 | DNTN TIEM VANG DUC LINH VINH BINH       | 17  | M00000085098 | M00000085114 |
| 5279 | DNTN TIEM VANG HOANG LOC                | 17  | M00000092205 | M00000092221 |
| 5280 | DNTN TIEM VANG HONG PHUONG - PHUONG LAI | 15  | M00000084910 | M00000084924 |
| 5281 | DNTN TIEM VANG KIM ANH - PHAN THIET     | 11  | M00000138018 | M00000138028 |
| 5282 | DNTN TIEM VANG KIM CHI                  | 9   | M00000084298 | M00000084306 |
| 5283 | DNTN TIEM VANG KIM MINH CHAU THANH      | 1   | M00000086635 | M00000086635 |
| 5284 | DNTN TIEM VANG KIM NGAI                 | 14  | M00000079364 | M00000079377 |
| 5285 | DNTN TIEM VANG KIM THANH                | 1   | M00000090804 | M00000090804 |
| 5286 | DNTN TIEM VANG NGOC TUYET               | 2   | M00000078323 | M00000078324 |
| 5287 | DNTN TIEM VANG VINH HANG                | 6   | M00000083399 | M00000083404 |
| 5288 | DNTN TIEN HAI                           | 6   | M00000122863 | M00000122868 |
| 5289 | DNTN TM DV TUAN DUC                     | 1   | M00000158084 | M00000158084 |
| 5290 | DNTN TM KINH DOANH VANG UYEN NHI NHI    | 2   | M00000206628 | M00000206629 |
| 5291 | DNTN TM VA DV DUC THANG                 | 17  | M00000144528 | M00000144544 |
| 5292 | DNTN TM VA DV VANG BAC KIM VINH         | 29  | M00000128790 | M00000128818 |
| 5293 | DNTN TM XANG DAU HUYNH HIEP HUNG        | 83  | M00000226156 | M00000226238 |
| 5294 | DNTN TM&DV HIEU VANG KIM DUNG II - TIEN | 1   | M00000141285 | M00000141285 |
| 5295 | DNTN TRAM XANG DAU HOANG NGUYEN         | 15  | M00000183884 | M00000183898 |
| 5296 | DNTN TRAN GIA                           | 15  | M00000096638 | M00000096652 |
| 5297 | DNTN TRAN MEN                           | 50  | M00000084539 | M00000084588 |
| 5298 | DNTN TRAN NHO TAN HOI                   | 14  | M00000083242 | M00000083255 |
| 5299 | DNTN TRANG SUC KIM HONG PHUC            | 113 | M00000107803 | M00000107915 |
| 5300 | DNTN VANG BAC ANH DUC LOC               | 41  | M00000127075 | M00000127115 |
| 5301 | DNTN VANG BAC DA QUY BAO TIN KIM HA VY  | 5   | M00000107766 | M00000107770 |
| 5302 | DNTN VANG BAC DA QUY KIM DANG NGUYEN    | 1   | M00000131862 | M00000131862 |
| 5303 | DNTN VANG BAC DA QUY KIM HOANG KHOI     | 17  | M00000215644 | M00000215660 |
| 5304 | DNTN VANG BAC DA QUY XUAN HOA           | 5   | M00000067721 | M00000067725 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 5305 | DNTN VANG BAC DUC TIN HUONG              | 46  | M00000140916 | M00000140961 |
| 5306 | DNTN VANG BAC HAI KHOA                   | 1   | M00000061892 | M00000061892 |
| 5307 | DNTN VANG BAC HIEU DUYEN                 | 16  | M00000137847 | M00000137862 |
| 5308 | DNTN VANG BAC HUY HOANG LUC NAM          | 203 | M00000064634 | M00000064836 |
| 5309 | DNTN VANG BAC KIM CUONG 9999             | 65  | M00000147733 | M00000147797 |
| 5310 | DNTN VANG BAC KIM NGOC HAN               | 33  | M00000071381 | M00000071413 |
| 5311 | DNTN VANG BAC KIM THACH PHAT             | 1   | M00000144371 | M00000144371 |
| 5312 | DNTN VANG BAC KIM TUAN HAI               | 15  | M00000152740 | M00000152754 |
| 5313 | DNTN VANG BAC PHU QUANG                  | 112 | M00000070922 | M00000071033 |
| 5314 | DNTN VANG BAC THU LUYEN                  | 1   | M00000074167 | M00000074167 |
| 5315 | DNTN VANG BAC TRUNG HIEU VU              | 184 | M00000108007 | M00000108190 |
| 5316 | DNTN VANG BAC TUAN LUONG                 | 194 | M00000076254 | M00000076447 |
| 5317 | DNTN VANG BAC VAN ANH                    | 23  | M00000050974 | M00000050996 |
| 5318 | DNTN VANG DA QUY KIM TUNG                | 76  | M00000082629 | M00000082704 |
| 5319 | DNTN VANG KIM THANH NGAN                 | 2   | M00000220595 | M00000220596 |
| 5320 | DNTN VAT LIEU XAY DUNG DINH THANH        | 2   | M00000093249 | M00000093250 |
| 5321 | DNTN VINH HUNG HOANG YEN                 | 11  | M00000079338 | M00000079348 |
| 5322 | DNTN XUAN THANH                          | 14  | M00000099833 | M00000099846 |
| 5323 | DO DUNG CA NHAN CHO ME VA BE THE PHUONG  | 8   | M00000154258 | M00000154265 |
| 5324 | DO HOANG VIET                            | 1   | M00000122414 | M00000122414 |
| 5325 | DO THI HOA                               | 2   | M00000145795 | M00000145796 |
| 5326 | DO THI MAI THU                           | 2   | M00000018189 | M00000018190 |
| 5327 | DO VAN TUYEN                             | 2   | M00000149894 | M00000149895 |
| 5328 | DOAN QUANG CHINH                         | 3   | M00000058680 | M00000058682 |
| 5329 | DOAN THI TUAN NGOC -HKD                  | 2   | M00000019571 | M00000019572 |
| 5330 | DOANH NGHIEP TN CO MAY                   | 2   | M00000080966 | M00000080967 |
| 5331 | DOANH NGHIEP TN CUC - BA DANH            | 418 | M00000148989 | M00000149406 |
| 5332 | DOANH NGHIEP TN NAM LONG QUANG BINH      | 1   | M00000104116 | M00000104116 |
| 5333 | DOANH NGHIEP TN TIEM VANG HAI QUAN       | 9   | M00000081528 | M00000081536 |
| 5334 | DOANH NGHIEP TN TIEM VANG THANH SON      | 205 | M00000087546 | M00000087750 |
| 5335 | DOANH NGHIEP TN VANG BAC BAC HAO         | 47  | M00000110364 | M00000110410 |
| 5336 | DOANH NGHIEP TN VANG BAC BAY LY          | 35  | M00000074386 | M00000074420 |
| 5337 | DOANH NGHIEP TN VANG BAC DUC THINH       | 139 | M00000065037 | M00000065175 |
| 5338 | DOANH NGHIEP TN VANG BAC HAI HUE         | 6   | M00000150282 | M00000150287 |
| 5339 | DOANH NGHIEP TN VANG BAC PHU QUY LUC NGA | 47  | M00000054668 | M00000054714 |
| 5340 | DOANH NGHIEP TN VANG KIM VAN             | 5   | M00000104691 | M00000104695 |
| 5341 | DOANH NGHIEP TU NHAN CONG THANH HUE      | 3   | M00000081960 | M00000081962 |
| 5342 | DOANH NGHIEP TU NHAN DAI DOAN            | 1   | M00000083462 | M00000083462 |
| 5343 | DOANH NGHIEP TU NHAN DUC MAU KG          | 82  | M00000081015 | M00000081096 |
| 5344 | DOANH NGHIEP TU NHAN HANH HOA            | 3   | M00000122796 | M00000122798 |
| 5345 | DOANH NGHIEP TU NHAN HIEU VANG MY THANH  | 16  | M00000137769 | M00000137784 |
| 5346 | DOANH NGHIEP TU NHAN KD VANG BAC DA QUY  | 5   | M00000192459 | M00000192463 |
| 5347 | DOANH NGHIEP TU NHAN KIM HONG NGU        | 1   | M00000132313 | M00000132313 |
| 5348 | DOANH NGHIEP TU NHAN KIM NGOC THUY       | 340 | M00000189615 | M00000189954 |
| 5349 | DOANH NGHIEP TU NHAN KIM PHU             | 1   | M00000080722 | M00000080722 |
| 5350 | DOANH NGHIEP TU NHAN KIM THANH HIEN      | 49  | M00000110281 | M00000110329 |
| 5351 | DOANH NGHIEP TU NHAN NAM HOA             | 1   | M00000057535 | M00000057535 |
| 5352 | DOANH NGHIEP TU NHAN NGUYEN KIEM HUONG   | 17  | M00000199389 | M00000199405 |
| 5353 | DOANH NGHIEP TU NHAN NGUYEN THI HUE      | 15  | M00000018763 | M00000018777 |
| 5354 | DOANH NGHIEP TU NHAN QUANG DUNG PHO YEN  | 52  | M00000075539 | M00000075590 |
| 5355 | DOANH NGHIEP TU NHAN THANH LAN           | 3   | M00000101116 | M00000101118 |
| 5356 | DOANH NGHIEP TU NHAN THANH SANG GCD      | 26  | M00000091882 | M00000091907 |
| 5357 | DOANH NGHIEP TU NHAN TIEM VANG NGOC HUY  | 24  | M00000083215 | M00000083238 |
| 5358 | DOANH NGHIEP TU NHAN TM HUONG SANG       | 2   | M00000227837 | M00000227838 |
| 5359 | DOANH NGHIEP TU NHAN TM VA DV HIEU VANG  | 12  | M00000139622 | M00000139633 |
| 5360 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC BAO PHONG  | 2   | M00000059582 | M00000059583 |
| 5361 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC DA QUY KIM | 11  | M00000092047 | M00000092057 |
| 5362 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC DINH CHIEU | 49  | M00000054508 | M00000054556 |
| 5363 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC DOAN DUC M | 6   | M00000074157 | M00000074162 |
| 5364 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC DUY HA     | 48  | M00000059513 | M00000059560 |
| 5365 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC HAI TUYEN  | 4   | M00000074428 | M00000074431 |
| 5366 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC HOANG TRUO | 25  | M00000060721 | M00000060745 |
| 5367 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC KIM HOAN   | 2   | M00000108777 | M00000108778 |
| 5368 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC KIM LY DAN | 1   | M00000203285 | M00000203285 |
| 5369 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC NGOC DUY P | 1   | M00000141275 | M00000141275 |
| 5370 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC NGOC MAI - | 33  | M00000083735 | M00000083767 |
| 5371 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC THINH HANG | 14  | M00000063347 | M00000063360 |
| 5372 | DOANH NGHIEP TU NHAN VANG BAC TIEN DAT B | 212 | M00000075327 | M00000075538 |

|      |                                           |    |              |              |
|------|-------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 5373 | DOANH NGHIỆP TU NHÂN VÀNG BẠC TRUNG QUYẾT | 1  | M00000082091 | M00000082091 |
| 5374 | DOANH NGHIỆP TU NHÂN VÀNG NGÂN CHÁU       | 1  | M00000191846 | M00000191846 |
| 5375 | DOANH NGHIỆP TU NHÂN VINH HOA PHƯƠNG      | 53 | M00000139141 | M00000139193 |
| 5376 | DOANH NGHIỆP TU NHÂN XINH XINH            | 1  | M00000124511 | M00000124511 |
| 5377 | ĐÔI VẠN HÙNG                              | 55 | M00000200146 | M00000200200 |
| 5378 | DÔNG HỒ MẶT KINH ĐK WATCH MY THO          | 2  | M00000082719 | M00000082720 |
| 5379 | DORIS COSMETICS                           | 2  | M00000120463 | M00000120464 |
| 5380 | ĐI ĐÓNG NGUYỄN VŨ ĐIỆN THOẠI 3            | 8  | M00000128619 | M00000128626 |
| 5381 | DUBAI SHOP                                | 5  | M00000152214 | M00000152218 |
| 5382 | DUNG TRẦN ĐÀ SÁR                          | 18 | M00000134321 | M00000134338 |
| 5383 | DUONG SINH HÀ NÀ                          | 1  | M00000199109 | M00000199109 |
| 5384 | DUONG THI HONG THANH                      | 1  | M00000019626 | M00000019626 |
| 5385 | DUY LUÂN                                  | 4  | M00000202509 | M00000202512 |
| 5386 | EASY TRIP AND VISA COMPANY LIMITED        | 15 | M00000155790 | M00000155804 |
| 5387 | ECH XANH QUANG NGAI                       | 1  | M00000117769 | M00000117769 |
| 5388 | EMBASSY OF FINLAND                        | 64 | M00000000261 | M00000000324 |
| 5389 | FAMILY COFFEE & TEA                       | 10 | M00000092034 | M00000092043 |
| 5390 | GARA O TỎ SƠN HẢI                         | 3  | M00000070021 | M00000070023 |
| 5391 | GEN TLEMAN                                | 9  | M00000059023 | M00000059031 |
| 5392 | GIO CHÁ TƯỜNG VY                          | 24 | M00000216135 | M00000216158 |
| 5393 | GOYUHAN                                   | 2  | M00000129056 | M00000129057 |
| 5394 | GREEN MART 1                              | 6  | M00000020542 | M00000020547 |
| 5395 | GREENFIELD ECOSTAY                        | 2  | M00000132649 | M00000132650 |
| 5396 | GREY HOUZ                                 | 3  | M00000192876 | M00000192878 |
| 5397 | GU CÁ PHÉ                                 | 2  | M00000133486 | M00000133487 |
| 5398 | HÀ HUY KHANH                              | 14 | M00000120017 | M00000120030 |
| 5399 | HÀ PHƯƠNG VASCARA                         | 2  | M00000190049 | M00000190050 |
| 5400 | HÀ VÂN HOÀN (HKD)                         | 2  | M00000020096 | M00000020097 |
| 5401 | HẢI DƯƠNG LA MARINA                       | 1  | M00000104452 | M00000104452 |
| 5402 | HANH LÊ                                   | 2  | M00000081520 | M00000081521 |
| 5403 | HAO NGHI                                  | 14 | M00000091111 | M00000091124 |
| 5404 | HỆ THỐNG PHÂN PHỐI SỮA MỸ BABY            | 2  | M00000202084 | M00000202085 |
| 5405 | HIỆP HỘI CÁC DOANH NGHIỆP ƯC TẠI VN       | 6  | M00000183535 | M00000183540 |
| 5406 | HIỆU BẠCH HOA TÔNG HỢP TỬ HUÔNG           | 2  | M00000156517 | M00000156518 |
| 5407 | HIỆU BUỒN THANH TỈNH                      | 3  | M00000145918 | M00000145920 |
| 5408 | HIỆU CHÉ XUAN HUNG                        | 2  | M00000064353 | M00000064354 |
| 5409 | HIỆU KỶ                                   | 11 | M00000124666 | M00000124676 |
| 5410 | HIỆU MẶT KINH VIỆN DƯƠNG II               | 6  | M00000125049 | M00000125054 |
| 5411 | HIỆU VAI HOA THUẬN                        | 1  | M00000130239 | M00000130239 |
| 5412 | HIỆU VAI PHONG CÁCH THỜI TRANG            | 2  | M00000124773 | M00000124774 |
| 5413 | HIỆU VAI THỎ MÀY TRUNG TÂM NY             | 31 | M00000126486 | M00000126516 |
| 5414 | HIỆU VÀNG VŨ PHONG                        | 6  | M00000104345 | M00000104350 |
| 5415 | HKD - BUI VÂN TƯỜNG                       | 2  | M00000055150 | M00000055151 |
| 5416 | HKD - CỬA HÀNG VIETTEL HOÀ LỢI 5          | 4  | M00000200876 | M00000200879 |
| 5417 | HKD - ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG BÌNH NGÁ         | 44 | M00000200339 | M00000200382 |
| 5418 | HKD - ĐỎ VIỆT DUNG                        | 1  | M00000149475 | M00000149475 |
| 5419 | HKD - HOANG LAN HOTEL (LY VÂN BÌNH)       | 2  | M00000224971 | M00000224972 |
| 5420 | HKD - LUONG THI PHUONG                    | 1  | M00000153907 | M00000153907 |
| 5421 | HKD - NGUYỄN CÔNG HÙNG 1994               | 1  | M00000044584 | M00000044584 |
| 5422 | HKD NGUYỄN HƯƠNG GIANG                    | 6  | M00000057304 | M00000057309 |
| 5423 | HKD - NGUYỄN THIÊN THÁI                   | 4  | M00000047458 | M00000047461 |
| 5424 | HKD NGUYỄN VÂN TỬ                         | 2  | M00000042650 | M00000042651 |
| 5425 | HKD - PHO THINH                           | 2  | M00000154310 | M00000154311 |
| 5426 | HKD - THE GIOI TRÁ GÓP                    | 19 | M00000196473 | M00000196491 |
| 5427 | HKD - TIỀN DUNG 02                        | 2  | M00000221604 | M00000221605 |
| 5428 | HKD - TRẦN ANH DUNG                       | 5  | M00000038021 | M00000038025 |
| 5429 | HKD - TRẦN MINH PHÚC                      | 22 | M00000199076 | M00000199097 |
| 5430 | HKD - VIỆN THÔNG TÂN HOÀ PHÁT             | 1  | M00000196453 | M00000196453 |
| 5431 | HKD 12/7 MOBILE                           | 1  | M00000223702 | M00000223702 |
| 5432 | HKD 121 TÔN DỤC THANG                     | 4  | M00000142218 | M00000142221 |
| 5433 | HKD 138KNITWEAR                           | 5  | M00000215188 | M00000215192 |
| 5434 | HKD 153 BUI THI XUAN                      | 15 | M00000141533 | M00000141547 |
| 5435 | HKD 191 MOBILE                            | 1  | M00000115280 | M00000115280 |
| 5436 | HKD 1983 TRÁ THẢO MỘC                     | 1  | M00000046734 | M00000046734 |
| 5437 | HKD 1989 WEDDING                          | 4  | M00000041615 | M00000041618 |
| 5438 | HKD 222 BOUTIQUE-TRẦN THỊ NGỌC VÂN        | 4  | M00000054729 | M00000054732 |
| 5439 | HKD 2D BEAUTY                             | 1  | M00000043254 | M00000043254 |
| 5440 | HKD 2T BILLIARD MILANO COFFEE             | 1  | M00000226662 | M00000226662 |



|      |                                             |    |              |              |
|------|---------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 5441 | HKD 2X-XINH XINH HOUSE                      | 1  | M00000215661 | M00000215661 |
| 5442 | HKD 365 PRIVATE TRAINING                    | 5  | M00000145583 | M00000145587 |
| 5443 | HKD 69 KIM NGAN                             | 17 | M00000216172 | M00000216188 |
| 5444 | HKD 79 MART                                 | 28 | M00000119304 | M00000119331 |
| 5445 | HKD 79 MART 3                               | 24 | M00000125025 | M00000125048 |
| 5446 | HKD 7SENS                                   | 6  | M00000207200 | M00000207205 |
| 5447 | HKD 83B+39A                                 | 10 | M00000204710 | M00000204719 |
| 5448 | HKD A D A M L U X U R Y S T O R E P H U Q U | 1  | M00000083256 | M00000083256 |
| 5449 | HKD A DINH                                  | 1  | M00000221594 | M00000221594 |
| 5450 | HKD A DOPO CAFE                             | 8  | M00000144456 | M00000144463 |
| 5451 | HKD A TASTE OF SAIGON                       | 3  | M00000226849 | M00000226851 |
| 5452 | HKD A66 GAMING                              | 4  | M00000073619 | M00000073622 |
| 5453 | HKD ACADEMY ESPORTS                         | 11 | M00000071765 | M00000071775 |
| 5454 | HKD ADAM STORE BAO LOC                      | 5  | M00000153968 | M00000153972 |
| 5455 | HKD ADAM STORE LAM DONG                     | 5  | M00000150915 | M00000150919 |
| 5456 | HKD ADAM STORE VCT                          | 14 | M00000141519 | M00000141532 |
| 5457 | HKD ADIUVAT COFFEE ROASTERS QUI NHON        | 2  | M00000156067 | M00000156068 |
| 5458 | HKD AEFL                                    | 26 | M00000225178 | M00000225203 |
| 5459 | HKD AI PHUONG                               | 2  | M00000084642 | M00000084643 |
| 5460 | HKD AI THANH                                | 1  | M00000090803 | M00000090803 |
| 5461 | HKD AI VAN SPA                              | 1  | M00000072024 | M00000072024 |
| 5462 | HKD AM THUC 123 DZ00                        | 2  | M00000081567 | M00000081568 |
| 5463 | HKD AM THUC 9999                            | 4  | M00000093515 | M00000093518 |
| 5464 | HKD AM THUC CHAY PHAP TANG                  | 4  | M00000120500 | M00000120503 |
| 5465 | HKD AM THUC CHIM RUNG 2                     | 7  | M00000215342 | M00000215348 |
| 5466 | HKD AM THUC NAM BO                          | 1  | M00000087431 | M00000087431 |
| 5467 | HKD AM THUC QUAN NHA                        | 15 | M00000224402 | M00000224416 |
| 5468 | HKD AM THUC SAN VUON BA LUA                 | 4  | M00000081635 | M00000081638 |
| 5469 | HKD AMAZING COFFEE                          | 1  | M00000226313 | M00000226313 |
| 5470 | HKD AME SPA AND WELLNESS                    | 5  | M00000148893 | M00000148897 |
| 5471 | HKD AMELIA SS BOUTIQUE HOTELS               | 1  | M00000152237 | M00000152237 |
| 5472 | HKD AMIGO                                   | 4  | M00000091691 | M00000091694 |
| 5473 | HKD AMY HAIR SALON                          | 1  | M00000044067 | M00000044067 |
| 5474 | HKD AMY SPA                                 | 2  | M00000203451 | M00000203452 |
| 5475 | HKD AMY STORE                               | 9  | M00000041072 | M00000041080 |
| 5476 | HKD AMY STORE                               | 15 | M00000043818 | M00000043832 |
| 5477 | HKD AN COFFEE                               | 1  | M00000221675 | M00000221675 |
| 5478 | HKD AN FRUITS                               | 36 | M00000082872 | M00000082907 |
| 5479 | HKD AN NHAT QUAN                            | 5  | M00000089498 | M00000089502 |
| 5480 | HKD AN NHI                                  | 4  | M00000146004 | M00000146007 |
| 5481 | HKD AN PHAM                                 | 21 | M00000204371 | M00000204391 |
| 5482 | HKD AN PHAT FOOD                            | 1  | M00000145140 | M00000145140 |
| 5483 | HKD AN SPA SG                               | 2  | M00000215205 | M00000215206 |
| 5484 | HKD AN THINH PHAT - 1990                    | 22 | M00000067740 | M00000067761 |
| 5485 | HKD AN UONG SEA SHELL                       | 2  | M00000125138 | M00000125139 |
| 5486 | HKD AN VAT TIA LA TRA                       | 1  | M00000092074 | M00000092074 |
| 5487 | HKD AN VAT TRANG HUONG                      | 1  | M00000093420 | M00000093420 |
| 5488 | HKD AN VIEN CAFE LAB                        | 3  | M00000141327 | M00000141329 |
| 5489 | HKD AN YEN VILLA                            | 1  | M00000134117 | M00000134117 |
| 5490 | HKD ANH 3 FOOD                              | 1  | M00000092078 | M00000092078 |
| 5491 | HKD ANH CUC                                 | 9  | M00000120443 | M00000120451 |
| 5492 | HKD ANH DUONG                               | 5  | M00000198166 | M00000198170 |
| 5493 | HKD ANH HOUSE HOMESTAY                      | 5  | M00000222530 | M00000222534 |
| 5494 | HKD ANH KHOA                                | 6  | M00000071081 | M00000071086 |
| 5495 | HKD ANH VU BAKERY                           | 3  | M00000147361 | M00000147363 |
| 5496 | HKD ANN QUAN                                | 1  | M00000145716 | M00000145716 |
| 5497 | HKD ANNA MART 100 TRAN PHU                  | 9  | M00000126121 | M00000126129 |
| 5498 | HKD ANNA MART 98A4 TRAN PHU                 | 2  | M00000135832 | M00000135833 |
| 5499 | HKD ANNA WANG                               | 3  | M00000018972 | M00000018974 |
| 5500 | HKD ANNA'S COFFEE HOUSE                     | 4  | M00000124306 | M00000124309 |
| 5501 | HKD ANNAVA HOTEL & COFFEE                   | 1  | M00000074978 | M00000074978 |
| 5502 | HKD ANTA                                    | 2  | M00000127153 | M00000127154 |
| 5503 | HKD ANVANO                                  | 3  | M00000223444 | M00000223446 |
| 5504 | HKD AO CUOI HOANG VY                        | 1  | M00000222931 | M00000222931 |
| 5505 | HKD AO CUOI SUN WEDDING                     | 1  | M00000091309 | M00000091309 |
| 5506 | HKD AO DAI DIEP                             | 10 | M00000057428 | M00000057437 |
| 5507 | HKD AO DAI HA MY                            | 1  | M00000071931 | M00000071931 |
| 5508 | HKD AO DAI HUE-BICH THUY                    | 2  | M00000150089 | M00000150090 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 5509 | HKD AO DAI HUY HONG                      | 3  | M00000217982 | M00000217984 |
| 5510 | HKD AO DAI MAI TAM                       | 2  | M00000220369 | M00000220370 |
| 5511 | HKD AO QUAN MAY SAN THU THU (TRAN THI TH | 2  | M00000147638 | M00000147639 |
| 5512 | HKD AO THANH TUAN                        | 3  | M00000190221 | M00000190223 |
| 5513 | HKD APARTMENT HOME VU                    | 3  | M00000146265 | M00000146267 |
| 5514 | HKD ARMY FITNESS-YOGA                    | 8  | M00000033781 | M00000033788 |
| 5515 | HKD ART SHOP 39                          | 24 | M00000037878 | M00000037901 |
| 5516 | HKD ART SPA NHA TRANG                    | 8  | M00000140081 | M00000140088 |
| 5517 | HKD ATIM HAIR STUDIO                     | 1  | M00000189984 | M00000189984 |
| 5518 | HKD AU CHAU 2                            | 3  | M00000217090 | M00000217092 |
| 5519 | HKD AU THI PHUOC                         | 1  | M00000222582 | M00000222582 |
| 5520 | HKD AUDI STORE                           | 3  | M00000143759 | M00000143761 |
| 5521 | HKD AV NAIL STUDIO.LASHES                | 1  | M00000076100 | M00000076100 |
| 5522 | HKD AZURA MAKEUP VA ACADEMY              | 3  | M00000044191 | M00000044193 |
| 5523 | HKD BA BA BA PHU QUOC                    | 13 | M00000091144 | M00000091156 |
| 5524 | HKD BA CUONG 2                           | 14 | M00000223492 | M00000223505 |
| 5525 | HKD BA HANH BANH KHOAI - NEM LUI         | 11 | M00000118906 | M00000118916 |
| 5526 | HKD BABYLON STEAK GARDEN                 | 8  | M00000139881 | M00000139888 |
| 5527 | HKD BAC NAM 2                            | 2  | M00000070559 | M00000070560 |
| 5528 | HKD BACH HOA KHAI HOAN                   | 1  | M00000222535 | M00000222535 |
| 5529 | HKD BACH HOA KIM NGOC                    | 4  | M00000216131 | M00000216134 |
| 5530 | HKD BACH HOA LY NHA KY                   | 56 | M00000203850 | M00000203905 |
| 5531 | HKD BACH HOA PHUONG LINH                 | 3  | M00000090973 | M00000090975 |
| 5532 | HKD BACH HOA TONG HOP THIEN HUONG        | 2  | M00000206610 | M00000206611 |
| 5533 | HKD BACH HOA TONG HOP VUA GAO CHIN HOA 2 | 2  | M00000092521 | M00000092522 |
| 5534 | HKD BACH HOA TRUONG THANH                | 6  | M00000091234 | M00000091239 |
| 5535 | HKD BACH THAO                            | 24 | M00000217443 | M00000217466 |
| 5536 | HKD BAMBOO NAIL SPA                      | 1  | M00000222930 | M00000222930 |
| 5537 | HKD BAN ME VET PETSHOP                   | 2  | M00000149889 | M00000149890 |
| 5538 | HKD BANH CANH BAT DA                     | 3  | M00000140535 | M00000140537 |
| 5539 | HKD BANH CANH CA LOC MIEN TRUNG 366      | 3  | M00000219888 | M00000219890 |
| 5540 | HKD BANH CANH CUA BEP TRUONG             | 3  | M00000226090 | M00000226092 |
| 5541 | HKD BANH CANH CUA O HANG                 | 1  | M00000223850 | M00000223850 |
| 5542 | HKD BANH CANH NGO                        | 12 | M00000224959 | M00000224970 |
| 5543 | HKD BANH CUON HUE                        | 1  | M00000074020 | M00000074020 |
| 5544 | HKD BANH CUON TRUNG QUOC LONGFAN         | 2  | M00000075925 | M00000075926 |
| 5545 | HKD BANH FLAN NGOC NGAN                  | 2  | M00000091352 | M00000091353 |
| 5546 | HKD BANH KEM TIEN                        | 3  | M00000218931 | M00000218933 |
| 5547 | HKD BANH LOC SON LY                      | 2  | M00000147814 | M00000147815 |
| 5548 | HKD BANH MI BA PHUONG G                  | 1  | M00000091826 | M00000091826 |
| 5549 | HKD BANH MY HOANG ANH                    | 3  | M00000093287 | M00000093289 |
| 5550 | HKD BANH MY LAP VINH 2                   | 1  | M00000152240 | M00000152240 |
| 5551 | HKD BANH MY PATE COT DEN PHAM THI LE GIA | 4  | M00000043847 | M00000043850 |
| 5552 | HKD BANH SU QUE                          | 4  | M00000216291 | M00000216294 |
| 5553 | HKD BANH TRANG CHAM CO GANH              | 2  | M00000217889 | M00000217890 |
| 5554 | HKD BANH TRANG CHAM CO GANH              | 1  | M00000220308 | M00000220308 |
| 5555 | HKD BANH TRANG TRON SACH CO THAO         | 1  | M00000216332 | M00000216332 |
| 5556 | HKD BANH TRUNG THU TA QUYET              | 3  | M00000076791 | M00000076793 |
| 5557 | HKD BANH UOT BAN ME GIANG VUONG          | 66 | M00000210466 | M00000210531 |
| 5558 | HKD BAO BAO                              | 15 | M00000200474 | M00000200488 |
| 5559 | HKD BAO BROWS                            | 2  | M00000156917 | M00000156918 |
| 5560 | HKD BAO DUONG SHOP                       | 1  | M00000070588 | M00000070588 |
| 5561 | HKD BAO NGOC                             | 2  | M00000093593 | M00000093594 |
| 5562 | HKD BAO NGOC SUA                         | 37 | M00000090751 | M00000090787 |
| 5563 | HKD BAO THU TAP HOA                      | 1  | M00000065209 | M00000065209 |
| 5564 | HKD BAO YEN 1997                         | 24 | M00000042774 | M00000042797 |
| 5565 | HKD BB TRANG                             | 19 | M00000226314 | M00000226332 |
| 5566 | HKD BE ANH GALLERIA                      | 20 | M00000129285 | M00000129304 |
| 5567 | HKD BE KEM                               | 2  | M00000068922 | M00000068923 |
| 5568 | HKD BE MY HOA                            | 6  | M00000152925 | M00000152930 |
| 5569 | HKD BE THUI 68                           | 8  | M00000091268 | M00000091275 |
| 5570 | HKD BE THUI CAU MONG 2                   | 1  | M00000227812 | M00000227812 |
| 5571 | HKD BE Y BI CO S ME TI C                 | 1  | M00000082077 | M00000082077 |
| 5572 | HKD BEEFSTEAK ONLY                       | 2  | M00000090448 | M00000090449 |
| 5573 | HKD BEESHoes (CHUA BOC)                  | 2  | M00000024139 | M00000024140 |
| 5574 | HKD BEN THANH ART                        | 10 | M00000188626 | M00000188635 |
| 5575 | HKD BENH VIEN THU Y SAOVET LAO CAI       | 3  | M00000068297 | M00000068299 |
| 5576 | HKD BEP BANH 01                          | 2  | M00000226337 | M00000226338 |

|      |                                 |    |              |              |
|------|---------------------------------|----|--------------|--------------|
| 5577 | HKD BEP CA ROT                  | 3  | M00000093245 | M00000093247 |
| 5578 | HKD BEP NGON MOI NGAY           | 17 | M00000205996 | M00000206012 |
| 5579 | HKD BEPBANH                     | 1  | M00000195078 | M00000195078 |
| 5580 | HKD BI-A D8 - NGUYEN TRUNG DUNG | 3  | M00000150069 | M00000150071 |
| 5581 | HKD BIA HOI CO TAN 2            | 5  | M00000045255 | M00000045259 |
| 5582 | HKD BIDA DUC MINH 1             | 1  | M00000091795 | M00000091795 |
| 5583 | HKD BIDA NHA BICH               | 1  | M00000090142 | M00000090142 |
| 5584 | HKD BIDA TUONG THANH 5          | 2  | M00000220781 | M00000220782 |
| 5585 | HKD BIEN DONG                   | 3  | M00000082078 | M00000082080 |
| 5586 | HKD BIEN HAT TIEU               | 2  | M00000083264 | M00000083265 |
| 5587 | HKD BIKER 176                   | 3  | M00000222728 | M00000222730 |
| 5588 | HKD BILLIARDS 88 CLUB           | 7  | M00000045213 | M00000045219 |
| 5589 | HKD BIM SUA TRUC LINH           | 2  | M00000139235 | M00000139236 |
| 5590 | HKD BIN HOUSE                   | 1  | M00000147351 | M00000147351 |
| 5591 | HKD BINH AUTO TECH              | 2  | M00000076176 | M00000076177 |
| 5592 | HKD BINH DUC 2                  | 2  | M00000207280 | M00000207281 |
| 5593 | HKD BL AUTO DETAILING           | 1  | M00000145701 | M00000145701 |
| 5594 | HKD BLISS SPA                   | 1  | M00000040475 | M00000040475 |
| 5595 | HKD BLUE PARROT MEXICAN GRILL   | 2  | M00000127134 | M00000127135 |
| 5596 | HKD BLVD                        | 1  | M00000017961 | M00000017961 |
| 5597 | HKD BO SOT SEOUL                | 4  | M00000214325 | M00000214328 |
| 5598 | HKD BO TO NAM SANH (8 BIEU)     | 8  | M00000089620 | M00000089627 |
| 5599 | HKD BO TO NAM SANH 9            | 9  | M00000223483 | M00000223491 |
| 5600 | HKD BOBBY WORLD SPA             | 1  | M00000227749 | M00000227749 |
| 5601 | HKD BOI CLOTHING                | 2  | M00000090796 | M00000090797 |
| 5602 | HKD BON COFFEE                  | 8  | M00000030163 | M00000030170 |
| 5603 | HKD BOT NGU COC VUON SAO BANG   | 1  | M00000147631 | M00000147631 |
| 5604 | HKD BOY STORE                   | 1  | M00000223079 | M00000223079 |
| 5605 | HKD BREAD FACTORY TRAN DUY HUNG | 32 | M00000035766 | M00000035797 |
| 5606 | HKD BS HONG NHUNG 1             | 7  | M00000043047 | M00000043053 |
| 5607 | HKD BUBU COFFEE AND JUICE       | 19 | M00000135605 | M00000135623 |
| 5608 | HKD BUDDHA CHAY PVT             | 5  | M00000217507 | M00000217511 |
| 5609 | HKD BUI DINH NGOC               | 1  | M00000220670 | M00000220670 |
| 5610 | HKD BUI DUC QUYEN               | 3  | M00000068956 | M00000068958 |
| 5611 | HKD BUI DUY DIEP 7985           | 3  | M00000044001 | M00000044003 |
| 5612 | HKD BUI GIA KIET                | 1  | M00000209423 | M00000209423 |
| 5613 | HKD BUI HUU HUAN                | 1  | M00000076110 | M00000076110 |
| 5614 | HKD BUI HUY PHONG               | 3  | M00000227510 | M00000227512 |
| 5615 | HKD BUI HUYEN TRANG 1990        | 1  | M00000074298 | M00000074298 |
| 5616 | HKD BUI KHAC TUAN               | 1  | M00000071888 | M00000071888 |
| 5617 | HKD BUI MART GIA RE             | 45 | M00000093430 | M00000093474 |
| 5618 | HKD BUI TAN QUY                 | 1  | M00000221353 | M00000221353 |
| 5619 | HKD BUI THANH LONG              | 1  | M00000204023 | M00000204023 |
| 5620 | HKD BUI THANH VU                | 2  | M00000058755 | M00000058756 |
| 5621 | HKD BUI THI HANG                | 6  | M00000071154 | M00000071159 |
| 5622 | HKD BUI THI HANG                | 1  | M00000074064 | M00000074064 |
| 5623 | HKD BUI THI HUE 1986            | 1  | M00000074664 | M00000074664 |
| 5624 | HKD BUI THI KHUYEN              | 5  | M00000074744 | M00000074748 |
| 5625 | HKD BUI THI MINH TRANG          | 2  | M00000091703 | M00000091704 |
| 5626 | HKD BUI THI NHU Y               | 1  | M00000149812 | M00000149812 |
| 5627 | HKD BUI THI PHUONG              | 2  | M00000061399 | M00000061400 |
| 5628 | HKD BUI THI PHUONG LIEN         | 2  | M00000024194 | M00000024195 |
| 5629 | HKD BUI THI THANH HUONG         | 3  | M00000068984 | M00000068986 |
| 5630 | HKD BUI THI TUYET 1994          | 1  | M00000076770 | M00000076770 |
| 5631 | HKD BUI THUY PHUONG             | 7  | M00000192255 | M00000192261 |
| 5632 | HKD BUI TIEN THINH 1            | 1  | M00000220410 | M00000220410 |
| 5633 | HKD BUI VAN CHINH               | 11 | M00000072269 | M00000072279 |
| 5634 | HKD BUI VAN DIEN                | 2  | M00000055142 | M00000055143 |
| 5635 | HKD BUI VAN DUY                 | 1  | M00000072029 | M00000072029 |
| 5636 | HKD BUI VAN HAI 1967            | 1  | M00000070759 | M00000070759 |
| 5637 | HKD BUI VAN KHOI                | 4  | M00000071688 | M00000071691 |
| 5638 | HKD BUI VAN THIEU               | 1  | M00000091750 | M00000091750 |
| 5639 | HKD BUI VIET ANH                | 8  | M00000090064 | M00000090071 |
| 5640 | HKD BUI XUAN DAT 2003           | 2  | M00000156693 | M00000156694 |
| 5641 | HKD BUN BO HUE CO XUAN DONG BA  | 4  | M00000222720 | M00000222723 |
| 5642 | HKD BUN BO HUE DONG BA          | 12 | M00000221375 | M00000221386 |
| 5643 | HKD BUN BO HUE DONG BA 1        | 1  | M00000222677 | M00000222677 |
| 5644 | HKD BUN BO HUE UT TAM           | 2  | M00000225695 | M00000225696 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 5645 | HKD BUN CA MIEN LUON MAI NGA             | 1  | M00000048403 | M00000048403 |
| 5646 | HKD BUN CA NGO DUONG                     | 1  | M00000215578 | M00000215578 |
| 5647 | HKD BUN CHA HO TAY                       | 1  | M00000218303 | M00000218303 |
| 5648 | HKD BUN CHA XUAN TU                      | 1  | M00000227080 | M00000227080 |
| 5649 | HKD BUN DAU BUN CHA TRANG AN 18          | 4  | M00000219514 | M00000219517 |
| 5650 | HKD BUN DAU MAM TOM PE LU CHI NHANH 5    | 1  | M00000090192 | M00000090192 |
| 5651 | HKD BUN DAU MAM TOM VA BUN CHA HA NOI    | 1  | M00000200134 | M00000200134 |
| 5652 | HKD BUN DAU PHO                          | 2  | M00000018296 | M00000018297 |
| 5653 | HKD BUN HAI SAN NGOC THUC                | 2  | M00000074124 | M00000074125 |
| 5654 | HKD BUN HAI SAN UMI                      | 5  | M00000048231 | M00000048235 |
| 5655 | HKD BUN MOC HO NAI 2                     | 2  | M00000091729 | M00000091730 |
| 5656 | HKD BUN MOC ROM MAP                      | 4  | M00000197934 | M00000197937 |
| 5657 | HKD BUN NGAN HOA BEO                     | 2  | M00000044595 | M00000044596 |
| 5658 | HKD BUN THANG- PHO GA 81                 | 1  | M00000072103 | M00000072103 |
| 5659 | HKD BUN THIT NUONG CHI TUYEN             | 1  | M00000222581 | M00000222581 |
| 5660 | HKD BUN TUOI NGUYEN TRUONG GIANG         | 2  | M00000222424 | M00000222425 |
| 5661 | HKD BUTTERFLY TRAP                       | 2  | M00000225720 | M00000225721 |
| 5662 | HKD C LAUDI COFFEE                       | 9  | M00000041977 | M00000041985 |
| 5663 | HKD CA CANH MINH HIEU                    | 1  | M00000223674 | M00000223674 |
| 5664 | HKD CA CANH TRONG NHAN                   | 1  | M00000220935 | M00000220935 |
| 5665 | HKD CA GIONG VAN TAY                     | 4  | M00000148985 | M00000148988 |
| 5666 | HKD CA PHE - LUU TRU NGAN HAN THE HOMILA | 2  | M00000149934 | M00000149935 |
| 5667 | HKD CA PHE & BAN                         | 1  | M00000070211 | M00000070211 |
| 5668 | HKD CA PHE GIAI KHAT PHU GIA             | 3  | M00000201884 | M00000201886 |
| 5669 | HKD CA PHE NHUNG TRUNG (LE THI HONG NHUN | 1  | M00000049370 | M00000049370 |
| 5670 | HKD CA PHE RUNG NHiet DOI (NGUYEN THI TU | 3  | M00000156783 | M00000156785 |
| 5671 | HKD CA PHE TAN BINH MINH                 | 3  | M00000211604 | M00000211606 |
| 5672 | HKD CA PHE TAY NGUYEN                    | 1  | M00000091455 | M00000091455 |
| 5673 | HKD CA PHE VA BANH HIEN NGUYEN           | 14 | M00000092493 | M00000092506 |
| 5674 | HKD CA PHE WHITE ENTERTAINMENT CENTER    | 4  | M00000032266 | M00000032269 |
| 5675 | HKD CA THE BH                            | 23 | M00000074198 | M00000074220 |
| 5676 | HKD CACAO MINH NAM NHAT                  | 2  | M00000217162 | M00000217163 |
| 5677 | HKD CACTUS HO BAO SON                    | 8  | M00000073594 | M00000073601 |
| 5678 | HKD CAFE BICH LOAN                       | 1  | M00000128946 | M00000128946 |
| 5679 | HKD CAFE NGOC LINH                       | 2  | M00000032807 | M00000032808 |
| 5680 | HKD CAFE NHAT NGUYEN                     | 1  | M00000120690 | M00000120690 |
| 5681 | HKD CAGA                                 | 1  | M00000024131 | M00000024131 |
| 5682 | HKD CAM DO 158                           | 3  | M00000224041 | M00000224043 |
| 5683 | HKD CAM DO 88                            | 4  | M00000093410 | M00000093413 |
| 5684 | HKD CAM DO MAI XINH                      | 2  | M00000222714 | M00000222715 |
| 5685 | HKD CAM DO MINH THAO                     | 15 | M00000227085 | M00000227099 |
| 5686 | HKD CAM DO NGOC TIN 1                    | 13 | M00000220163 | M00000220175 |
| 5687 | HKD CAM DO TAN PHAT                      | 7  | M00000093519 | M00000093525 |
| 5688 | HKD CAM DO TIEN PHAT 6                   | 80 | M00000091532 | M00000091611 |
| 5689 | HKD CAM DO TIEN PHAT 6                   | 5  | M00000220421 | M00000220425 |
| 5690 | HKD CAM DO VA MUA BAN SUA CHUA DIEN THOA | 50 | M00000089904 | M00000089953 |
| 5691 | HKD CAM QUOC HIEP                        | 2  | M00000202672 | M00000202673 |
| 5692 | HKD CAN HO BERLIN - HAUS                 | 1  | M00000141961 | M00000141961 |
| 5693 | HKD CANG TIN DICH VU SUSAN               | 3  | M00000062350 | M00000062352 |
| 5694 | HKD CANG TIN HD                          | 4  | M00000222838 | M00000222841 |
| 5695 | HKD CANH BUN CO SI                       | 3  | M00000091981 | M00000091983 |
| 5696 | HKD CAO BUI NGOC QUYNH                   | 1  | M00000089770 | M00000089770 |
| 5697 | HKD CAO DANG CUONG - AN DUC              | 1  | M00000147654 | M00000147654 |
| 5698 | HKD CAO DUC KHUONG                       | 10 | M00000070847 | M00000070856 |
| 5699 | HKD CAO MINH SON                         | 3  | M00000086744 | M00000086746 |
| 5700 | HKD CAO NGUYEN                           | 2  | M00000222539 | M00000222540 |
| 5701 | HKD CAO THI HOA                          | 1  | M00000073426 | M00000073426 |
| 5702 | HKD CAO THI KIEU CHINH                   | 3  | M00000140316 | M00000140318 |
| 5703 | HKD CAO THI THUY NHUNG                   | 1  | M00000130246 | M00000130246 |
| 5704 | HKD CAO THI THUY QUYNH                   | 8  | M00000059316 | M00000059323 |
| 5705 | HKD CAO THI TUYET                        | 1  | M00000147995 | M00000147995 |
| 5706 | HKD CAO THI TUYET MAI                    | 1  | M00000054738 | M00000054738 |
| 5707 | HKD CAO TIEN ANH                         | 2  | M00000092826 | M00000092827 |
| 5708 | HKD CAO VAN NGHIEM                       | 9  | M00000063702 | M00000063710 |
| 5709 | HKD CAPY'S HOUSE                         | 2  | M00000139763 | M00000139764 |
| 5710 | HKD CARE MOBILE                          | 25 | M00000087069 | M00000087093 |
| 5711 | HKD CASA BLU EATERY QUAN AN NGOI NHA XAN | 2  | M00000086952 | M00000086953 |
| 5712 | HKD CASAMI RELAX BEAUTY AND SPA          | 2  | M00000220527 | M00000220528 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 5713 | HKD CATWALK                              | 1  | M00000222767 | M00000222767 |
| 5714 | HKD CAU LAC BO BAI BIEN SORRENTO         | 4  | M00000126134 | M00000126137 |
| 5715 | HKD CAY CANH THAI BINH                   | 1  | M00000073357 | M00000073357 |
| 5716 | HKD CECI CELA 72                         | 7  | M00000221083 | M00000221089 |
| 5717 | HKD CERA                                 | 21 | M00000223705 | M00000223725 |
| 5718 | HKD CH BAN DUNG CU THE THAO TRAN BA DUC  | 2  | M00000219891 | M00000219892 |
| 5719 | HKD CH CHAN GRA GOI NEM CHAU MINH TRAM   | 1  | M00000227081 | M00000227081 |
| 5720 | HKD CH DIEN NUOC - DC DO NGHE BINH LONG  | 5  | M00000223153 | M00000223157 |
| 5721 | HKD CH DIEN THOAI DI DONG CLICK BUY      | 3  | M00000043223 | M00000043225 |
| 5722 | HKD CH DT TRONG CHI MOBILE               | 4  | M00000090742 | M00000090745 |
| 5723 | HKD CH DTDD HUYNH PHAT                   | 6  | M00000087271 | M00000087276 |
| 5724 | HKD CH DTDD P-T                          | 1  | M00000220377 | M00000220377 |
| 5725 | HKD CH DUNG CU TDTT BINH HOANG SWIM      | 1  | M00000206079 | M00000206079 |
| 5726 | HKD CH KIM KHI TONG HOP DAI DUONG        | 1  | M00000042009 | M00000042009 |
| 5727 | HKD CH PHAN BON THUOC B.V.T.V VA THU MUA | 2  | M00000140296 | M00000140297 |
| 5728 | HKD CH TBI DIEN DAN DUNG VIET HUNG       | 1  | M00000043212 | M00000043212 |
| 5729 | HKD CH THOI TRANG ADAM STORE             | 5  | M00000083519 | M00000083523 |
| 5730 | HKD CH THOI TRANG QUAN AO TUYET          | 1  | M00000092512 | M00000092512 |
| 5731 | HKD CH THUOC THU Y VA TA GIA SUC KHANH L | 4  | M00000146109 | M00000146112 |
| 5732 | HKD CH TIEN ICH SO 1 HOA PHU             | 5  | M00000081876 | M00000081880 |
| 5733 | HKD CH TIEN LOI SAIGON GATEWAY           | 1  | M00000224094 | M00000224094 |
| 5734 | HKD CH VTNN NHAT HUYNH                   | 7  | M00000090005 | M00000090011 |
| 5735 | HKD CH XE DIEN THIEN TAM                 | 1  | M00000091863 | M00000091863 |
| 5736 | HKD CHA CA PHU YEN NHA XUAN              | 1  | M00000142400 | M00000142400 |
| 5737 | HKD CHAM SOC DA RAINBOW FOR MEN          | 1  | M00000220384 | M00000220384 |
| 5738 | HKD CHAM SOC SUC KHOE NGOI NHA A YEN     | 7  | M00000213884 | M00000213890 |
| 5739 | HKD CHAM SPA                             | 1  | M00000223832 | M00000223832 |
| 5740 | HKD CHAMSOC SUCKHOE TOANDAN TAM AN       | 2  | M00000155283 | M00000155284 |
| 5741 | HKD CHAN GA GOI DEM EVERON HAN QUOC      | 1  | M00000029104 | M00000029104 |
| 5742 | HKD CHANG COFFEE                         | 1  | M00000043970 | M00000043970 |
| 5743 | HKD CHAN-GA-GOI                          | 3  | M00000040402 | M00000040404 |
| 5744 | HKD CHAO GA TA HOI DO                    | 1  | M00000090976 | M00000090976 |
| 5745 | HKD CHAO LONG NGOC HIEU                  | 1  | M00000225703 | M00000225703 |
| 5746 | HKD CHAO VIT THANH DA GOC THU NGA        | 4  | M00000220644 | M00000220647 |
| 5747 | HKD CHATS BY C.DAM                       | 1  | M00000018793 | M00000018793 |
| 5748 | HKD CHAU BINH DUONG                      | 1  | M00000150945 | M00000150945 |
| 5749 | HKD CHAU NGOC THANH                      | 2  | M00000222640 | M00000222641 |
| 5750 | HKD CHAU NHU NGOC                        | 6  | M00000119000 | M00000119005 |
| 5751 | HKD CHAU TUYEN STORE                     | 3  | M00000081819 | M00000081821 |
| 5752 | HKD CHE BIEN MON NGON TIEN LOI           | 7  | M00000041635 | M00000041641 |
| 5753 | HKD CHE HOA GIAY                         | 4  | M00000150368 | M00000150371 |
| 5754 | HKD CHERRY APARTMENT 2                   | 12 | M00000214368 | M00000214379 |
| 5755 | HKD CHI THAT TOC                         | 7  | M00000223529 | M00000223535 |
| 5756 | HKD CHIEC VAY                            | 1  | M00000093414 | M00000093414 |
| 5757 | HKD CHIEN LE                             | 8  | M00000122855 | M00000122862 |
| 5758 | HKD CHIEN MOTOR                          | 2  | M00000222578 | M00000222579 |
| 5759 | HKD CHIEU ANH                            | 3  | M00000128783 | M00000128785 |
| 5760 | HKD CHIN AN                              | 1  | M00000089724 | M00000089724 |
| 5761 | HKD CHIN HOA                             | 7  | M00000090516 | M00000090522 |
| 5762 | HKD CHIP XINH                            | 2  | M00000071992 | M00000071993 |
| 5763 | HKD CHO HANG NHAT-SIEU THI THUC PHAM HAN | 10 | M00000120771 | M00000120780 |
| 5764 | HKD CHU BA                               | 2  | M00000133713 | M00000133714 |
| 5765 | HKD CHU KHANH THANH                      | 3  | M00000059680 | M00000059682 |
| 5766 | HKD CHU SUKI 1                           | 2  | M00000219700 | M00000219701 |
| 5767 | HKD CHU THI HOA 1980                     | 1  | M00000074859 | M00000074859 |
| 5768 | HKD CHU THI HUONG GIANG                  | 8  | M00000191439 | M00000191446 |
| 5769 | HKD CHU THI MAY MAN                      | 1  | M00000074195 | M00000074195 |
| 5770 | HKD CHU THI THU HIEN                     | 1  | M00000216693 | M00000216693 |
| 5771 | HKD CHU TRAN PHUC                        | 4  | M00000124370 | M00000124373 |
| 5772 | HKD CHU VAN TU                           | 4  | M00000054397 | M00000054400 |
| 5773 | HKD CHU VAN TUAN                         | 2  | M00000076802 | M00000076803 |
| 5774 | HKD CHUYEN CUNG CAP CAC LOAI BO AO ANH T | 2  | M00000220598 | M00000220599 |
| 5775 | HKD CHUYEN GIA DIEN MAY PHI TRUONG       | 1  | M00000073623 | M00000073623 |
| 5776 | HKD CHUYEN TIEN NGAN PHAN                | 6  | M00000226425 | M00000226430 |
| 5777 | HKD CLB BILLIARDS GIA HAN                | 1  | M00000218106 | M00000218106 |
| 5778 | HKD CLEENA BEAUTY CENTER&ACADEMY         | 8  | M00000032010 | M00000032017 |
| 5779 | HKD CLUB BILLIARD & CAFE LUC CUONG       | 2  | M00000217534 | M00000217535 |
| 5780 | HKD CLUB BILLIARD 286 LEGEND             | 3  | M00000217617 | M00000217619 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 5781 | HKD CO CHANG BEO CHUYEN DO BIGSIZE       | 2   | M00000035984 | M00000035985 |
| 5782 | HKD CO HIEN QUAN CHO                     | 1   | M00000224093 | M00000224093 |
| 5783 | HKD CO SO BANH MI QUYNH CHI              | 1   | M00000227337 | M00000227337 |
| 5784 | HKD CO SO DA MY NGHE QUOC HIEP           | 17  | M00000124782 | M00000124798 |
| 5785 | HKD CO SO GO XE TAN PHUOC                | 2   | M00000145509 | M00000145510 |
| 5786 | HKD CO SO HOANG PHAT                     | 35  | M00000210896 | M00000210930 |
| 5787 | HKD CO SO IN AN QUANG CAO PHUC THINH     | 1   | M00000220870 | M00000220870 |
| 5788 | HKD CO SO KINH DOANH TIEM TRA SOLI (CHI  | 1   | M00000090108 | M00000090108 |
| 5789 | HKD CO SO PHUC HOI CHUC NANG             | 2   | M00000071530 | M00000071531 |
| 5790 | HKD CO SO SAN XUAT BANH GIA MINH         | 4   | M00000065308 | M00000065311 |
| 5791 | HKD CO SO SAN XUAT BANH KEO MUT BICH NGO | 8   | M00000076178 | M00000076185 |
| 5792 | HKD CO SO THUC PHAM LUONG THI HA         | 2   | M00000070009 | M00000070010 |
| 5793 | HKD CO SO THUC PHAM TOAN CAU             | 1   | M00000222367 | M00000222367 |
| 5794 | HKD CO SO THUONG MAI-DICH VU HOANG ANH   | 3   | M00000083428 | M00000083430 |
| 5795 | HKD CO SO VUI CHOI DAU TRUONG PHO CO     | 2   | M00000145766 | M00000145767 |
| 5796 | HKD CO SO VY QUAN                        | 6   | M00000220030 | M00000220035 |
| 5797 | HKD COC RETREAT                          | 1   | M00000086691 | M00000086691 |
| 5798 | HKD COCO MART                            | 4   | M00000142214 | M00000142217 |
| 5799 | HKD COFFEE - BILLIARDS CLUB 289          | 1   | M00000146258 | M00000146258 |
| 5800 | HKD COFFEE 1988                          | 2   | M00000043028 | M00000043029 |
| 5801 | HKD COFFEE TIGER                         | 1   | M00000207570 | M00000207570 |
| 5802 | HKD COFFEE VAPE BABIBO                   | 7   | M00000086828 | M00000086834 |
| 5803 | HKD COM BEP THAO 3 MIEN                  | 4   | M00000156713 | M00000156716 |
| 5804 | HKD COM GA DUNG KY                       | 5   | M00000215690 | M00000215694 |
| 5805 | HKD COM GA GIA VINH 04                   | 1   | M00000150092 | M00000150092 |
| 5806 | HKD COM HEO QUAY 59                      | 1   | M00000091743 | M00000091743 |
| 5807 | HKD COM NIEU CO LAN                      | 1   | M00000197305 | M00000197305 |
| 5808 | HKD COM NIEU CUA DONG                    | 1   | M00000081563 | M00000081563 |
| 5809 | HKD COM NIEU HANH PHUC                   | 2   | M00000087094 | M00000087095 |
| 5810 | HKD COM PHO MINH HAI                     | 1   | M00000076039 | M00000076039 |
| 5811 | HKD COM TAM CAU SON                      | 1   | M00000217231 | M00000217231 |
| 5812 | HKD COM TAM GARLIC                       | 1   | M00000218421 | M00000218421 |
| 5813 | HKD COM TAM PHUONG ANH                   | 1   | M00000045571 | M00000045571 |
| 5814 | HKD COM TAM TRONG LU                     | 3   | M00000090487 | M00000090489 |
| 5815 | HKD CON KET DO (RED PARROT)              | 3   | M00000205686 | M00000205688 |
| 5816 | HKD CON SAO QUAN                         | 2   | M00000083397 | M00000083398 |
| 5817 | HKD CON TAU DEN VESHIA (VESHIA BLACK SHI | 1   | M00000061204 | M00000061204 |
| 5818 | HKD CONG CA PHE                          | 1   | M00000070533 | M00000070533 |
| 5819 | HKD CONG THINH 1                         | 2   | M00000042924 | M00000042925 |
| 5820 | HKD CONG THUONG PICKLEBALL               | 3   | M00000227064 | M00000227066 |
| 5821 | HKD COSE CLOTHES                         | 8   | M00000145693 | M00000145700 |
| 5822 | HKD COZY HOME                            | 1   | M00000156812 | M00000156812 |
| 5823 | HKD CRAZY SHOP - CRAZY COFFEE            | 1   | M00000133597 | M00000133597 |
| 5824 | HKD CREPE COMPTOIR                       | 6   | M00000217863 | M00000217868 |
| 5825 | HKD CRIS BARBER SHOP                     | 3   | M00000217757 | M00000217759 |
| 5826 | HKD CS SX KD HOA TUOI-CAY CANH HOA VIET  | 3   | M00000090948 | M00000090950 |
| 5827 | HKD CSCBL TDL TTDL THUOC CO TRUYEN AN BI | 108 | M00000189316 | M00000189423 |
| 5828 | HKD CSSX BANH MI HEO QUAY TUYEN KY 9     | 9   | M00000220926 | M00000220934 |
| 5829 | HKD CUA HANG ANH TUAN 1                  | 1   | M00000223469 | M00000223469 |
| 5830 | HKD CUA HANG BACH HOA THANH CHUONG       | 2   | M00000222661 | M00000222662 |
| 5831 | HKD CUA HANG BACH HOA TONG HOP VAN DUNG  | 1   | M00000220417 | M00000220417 |
| 5832 | HKD CUA HANG CAM VAN                     | 1   | M00000117510 | M00000117510 |
| 5833 | HKD CUA HANG CAT TOC NAM VI THAO         | 2   | M00000044405 | M00000044406 |
| 5834 | HKD CUA HANG CHAM ART & HANDICRAFT       | 2   | M00000024191 | M00000024192 |
| 5835 | HKD CUA HANG CHOCOLINE BINH DUONG        | 8   | M00000202457 | M00000202464 |
| 5836 | HKD CUA HANG CIAO CAFE ESTELLA HEIGHTS   | 2   | M00000220720 | M00000220721 |
| 5837 | HKD CUA HANG CONG NGHE THEGIOIMOBILE     | 8   | M00000120389 | M00000120396 |
| 5838 | HKD CUA HANG DI DONG XANH 2              | 12  | M00000123036 | M00000123047 |
| 5839 | HKD CUA HANG DIEN HAI                    | 4   | M00000089719 | M00000089722 |
| 5840 | HKD CUA HANG DIEN NUOC ANH KHANG         | 3   | M00000043209 | M00000043211 |
| 5841 | HKD CUA HANG DIEN NUOC PHUC SON          | 21  | M00000146300 | M00000146320 |
| 5842 | HKD CUA HANG DIEN NUOC XUAN AN           | 2   | M00000221602 | M00000221603 |
| 5843 | HKD CUA HANG DIEN THOAI DI DONG PHONG    | 1   | M00000191122 | M00000191122 |
| 5844 | HKD CUA HANG DIEN THOAI DUNG PHAT        | 100 | M00000195804 | M00000195903 |
| 5845 | HKD CUA HANG DIEN TU-DIEN LANH NAM MINH  | 1   | M00000061279 | M00000061279 |
| 5846 | HKD CUA HANG DO UONG SOPHIE              | 2   | M00000030468 | M00000030469 |
| 5847 | HKD CUA HANG DORAEMON                    | 1   | M00000152924 | M00000152924 |
| 5848 | HKD CUA HANG DT TRIEU THUY MOBILE        | 3   | M00000221641 | M00000221643 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 5849 | HKD CUA HANG DTDD MAY TINH THUAN 2       | 1  | M00000209059 | M00000209059 |
| 5850 | HKD CUA HANG DTDD THANH TUAN             | 4  | M00000087267 | M00000087270 |
| 5851 | HKD CUA HANG DUNG LOI                    | 2  | M00000215529 | M00000215530 |
| 5852 | HKD CUA HANG FLC                         | 2  | M00000018984 | M00000018985 |
| 5853 | HKD CUA HANG GIA DUNG THU PHUNG          | 1  | M00000216130 | M00000216130 |
| 5854 | HKD CUA HANG GIA DUNG TONG HOP 319       | 1  | M00000090051 | M00000090051 |
| 5855 | HKD CUA HANG GIAY DEP HONG NGHI          | 2  | M00000091879 | M00000091880 |
| 5856 | HKD CUA HANG GO NOI THAT GRAND BOIS      | 1  | M00000192768 | M00000192768 |
| 5857 | HKD CUA HANG GOM HUNG ANH                | 1  | M00000058919 | M00000058919 |
| 5858 | HKD CUA HANG GUONG KINH PHU QUANG        | 1  | M00000043939 | M00000043939 |
| 5859 | HKD CUA HANG H.A.R.E.Y.A                 | 5  | M00000191877 | M00000191881 |
| 5860 | HKD CUA HANG HAI THANG                   | 1  | M00000074197 | M00000074197 |
| 5861 | HKD CUA HANG HOA QUA TRAN THI A          | 2  | M00000046860 | M00000046861 |
| 5862 | HKD CUA HANG HOA TUOI HOAI NAM           | 1  | M00000220716 | M00000220716 |
| 5863 | HKD CUA HANG HOANG LINH                  | 1  | M00000216930 | M00000216930 |
| 5864 | HKD CUA HANG HOME MARKET                 | 1  | M00000155720 | M00000155720 |
| 5865 | HKD CUA HANG HONG SON 2                  | 7  | M00000089970 | M00000089976 |
| 5866 | HKD CUA HANG HUNG THUY                   | 1  | M00000092145 | M00000092145 |
| 5867 | HKD CUA HANG KD TAP HOA CHO QUE          | 14 | M00000027011 | M00000027024 |
| 5868 | HKD CUA HANG KEM TU CHON PHUOC HUYNH - Y | 4  | M00000199626 | M00000199629 |
| 5869 | HKD CUA HANG LAPTOP DIEN THOAI HOANG MOB | 1  | M00000221313 | M00000221313 |
| 5870 | HKD CUA HANG LAVIE KIDS                  | 23 | M00000225610 | M00000225632 |
| 5871 | HKD CUA HANG LINH KIEN, PHU KIEN MAY TIN | 3  | M00000154289 | M00000154291 |
| 5872 | HKD CUA HANG LUU NIEM BAO HAN            | 21 | M00000063361 | M00000063381 |
| 5873 | HKD CUA HANG LY 3                        | 1  | M00000089826 | M00000089826 |
| 5874 | HKD CUA HANG MAC CTO                     | 28 | M00000221094 | M00000221121 |
| 5875 | HKD CUA HANG MAI THI THAM                | 2  | M00000040776 | M00000040777 |
| 5876 | HKD CUA HANG MINH - PHUONG               | 1  | M00000045319 | M00000045319 |
| 5877 | HKD CUA HANG MINI MAX TIEN DAT           | 2  | M00000071856 | M00000071857 |
| 5878 | HKD CUA HANG PHU KIEN MOC HUNG           | 5  | M00000219951 | M00000219955 |
| 5879 | HKD CUA HANG PHU TUNG OTO TRUNG TRUC     | 1  | M00000133798 | M00000133798 |
| 5880 | HKD CUA HANG PHUONG ANH                  | 81 | M00000205266 | M00000205346 |
| 5881 | HKD CUA HANG PHUONG NGOC                 | 5  | M00000226409 | M00000226413 |
| 5882 | HKD CUA HANG QUAN AO ALFA                | 4  | M00000189610 | M00000189613 |
| 5883 | HKD CUA HANG RAU SACH DA LAT-BEAN MART   | 5  | M00000125882 | M00000125886 |
| 5884 | HKD CUA HANG TAN PHUOC (HOANG NHU DUC)   | 17 | M00000142242 | M00000142258 |
| 5885 | HKD CUA HANG TAP HOA                     | 1  | M00000072145 | M00000072145 |
| 5886 | HKD CUA HANG TAP HOA                     | 4  | M00000072849 | M00000072852 |
| 5887 | HKD CUA HANG TAP HOA HUNG - HANG         | 3  | M00000069380 | M00000069382 |
| 5888 | HKD CUA HANG TAP HOA THANH MAI           | 1  | M00000073578 | M00000073578 |
| 5889 | HKD CUA HANG THACH CAO - SON NUOC XUAN T | 1  | M00000146903 | M00000146903 |
| 5890 | HKD CUA HANG THE DUC THE THAO BINH HOANG | 6  | M00000196441 | M00000196446 |
| 5891 | HKD CUA HANG THE DUC THE THAO NHAN SPORT | 3  | M00000146287 | M00000146289 |
| 5892 | HKD CUA HANG THE THAO CHUYEN NGHIEP SPOR | 1  | M00000125962 | M00000125962 |
| 5893 | HKD CUA HANG THOI TRANG LO BOUTIQUE      | 4  | M00000192203 | M00000192206 |
| 5894 | HKD CUA HANG THU THAO                    | 11 | M00000201207 | M00000201217 |
| 5895 | HKD CUA HANG THUC PHAM CHUONG HUONG      | 1  | M00000221414 | M00000221414 |
| 5896 | HKD CUA HANG THUC PHAM SUC KHOE NAM PHUO | 2  | M00000203411 | M00000203412 |
| 5897 | HKD CUA HANG THUC PHAM TIEN LOI          | 6  | M00000117192 | M00000117197 |
| 5898 | HKD CUA HANG THUOC THU Y HOANG CHIEN     | 5  | M00000090046 | M00000090050 |
| 5899 | HKD CUA HANG THUOC THU Y THU THUY        | 2  | M00000142240 | M00000142241 |
| 5900 | HKD CUA HANG TIEN ICH ME VA BE BABY PLUS | 12 | M00000150865 | M00000150876 |
| 5901 | HKD CUA HANG TIEN ICH TUNG LINH MART     | 3  | M00000024843 | M00000024845 |
| 5902 | HKD CUA HANG TIEN LOI SS                 | 5  | M00000142381 | M00000142385 |
| 5903 | HKD CUA HANG TIEN LOI H-O-L-L-Y          | 29 | M00000191848 | M00000191876 |
| 5904 | HKD CUA HANG TIEN LOI PHUOC THINH        | 1  | M00000198158 | M00000198158 |
| 5905 | HKD CUA HANG TIEN LOI TRANG LINH         | 8  | M00000043039 | M00000043046 |
| 5906 | HKD CUA HANG TRANG TRI O TO LE HAO       | 2  | M00000091518 | M00000091519 |
| 5907 | HKD CUA HANG TRI THUC                    | 48 | M00000217389 | M00000217436 |
| 5908 | HKD CUA HANG TRUNG TIN                   | 1  | M00000214225 | M00000214225 |
| 5909 | HKD CUA HANG TU CHON ECOMART HIEP BINH   | 1  | M00000218936 | M00000218936 |
| 5910 | HKD CUA HANG TU CHON NGOC KHANH          | 6  | M00000020459 | M00000020464 |
| 5911 | HKD CUA HANG TUAN ANH                    | 3  | M00000217361 | M00000217363 |
| 5912 | HKD CUA HANG TUYET PHUNG (JOJO HOME)     | 1  | M00000088321 | M00000088321 |
| 5913 | HKD CUA HANG VAN PHONG PHAM HUNG LOAN    | 2  | M00000059655 | M00000059656 |
| 5914 | HKD CUA HANG VAT TU NONG NGHIEP SAU LUU  | 3  | M00000156800 | M00000156802 |
| 5915 | HKD CUA HANG VAT TU NONG NGHIEP THINH VU | 2  | M00000140528 | M00000140529 |
| 5916 | HKD CUA HANG VAT TU Y TE QUANG NAM       | 6  | M00000145959 | M00000145964 |

|      |                                         |     |              |              |
|------|-----------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 5917 | HKD CUA HANG VIET TIEN                  | 250 | M00000146331 | M00000146580 |
| 5918 | HKD CUA HANG VIETTEL                    | 102 | M00000193418 | M00000193519 |
| 5919 | HKD CUA HANG VIETTEL HOA PHU            | 106 | M00000194815 | M00000194920 |
| 5920 | HKD CUA HANG VIETTEL HOA PHU 79         | 144 | M00000202086 | M00000202229 |
| 5921 | HKD CUA HANG VLXD ANH BUU               | 3   | M00000090492 | M00000090494 |
| 5922 | HKD CUA HANG VLXD VA TTNT NGOC HAI (DAO | 8   | M00000220433 | M00000220440 |
| 5923 | HKD CUA HANG VTNN DUC THINH             | 1   | M00000147464 | M00000147464 |
| 5924 | HKD CUA HANG VTNN PHU XUAN              | 4   | M00000148907 | M00000148910 |
| 5925 | HKD CUA HANG WELLMART - WELLMART SHOP   | 4   | M00000109119 | M00000109122 |
| 5926 | HKD CUA HANG XE DAP DIEN THANH CONG     | 2   | M00000221595 | M00000221596 |
| 5927 | HKD CUA HANG XE DAP HONG ANH            | 9   | M00000091134 | M00000091142 |
| 5928 | HKD CUA HANG XE DIEN CHUC               | 4   | M00000150579 | M00000150582 |
| 5929 | HKD CUA HANG XE GAN MAY KHUONG VY       | 2   | M00000088579 | M00000088580 |
| 5930 | HKD CUA HANG XE MAY LUU DUNG 1          | 4   | M00000220529 | M00000220532 |
| 5931 | HKD CUA HANG XE MAY NHA TRUONG          | 2   | M00000147526 | M00000147527 |
| 5932 | HKD CUA HANG XUKA                       | 10  | M00000198991 | M00000199000 |
| 5933 | HKD CUA HANG YEN GAO                    | 1   | M00000216200 | M00000216200 |
| 5934 | HKD CUA HANG YEN GAO                    | 4   | M00000217646 | M00000217649 |
| 5935 | HKD CUA HANG YEWON                      | 1   | M00000032190 | M00000032190 |
| 5936 | HKD CUC CUNG                            | 4   | M00000081823 | M00000081826 |
| 5937 | HKD CUC SINH                            | 2   | M00000218695 | M00000218696 |
| 5938 | HKD CUNG NAM AUTO CAR                   | 1   | M00000085220 | M00000085220 |
| 5939 | HKD CUONG SG DECAL                      | 1   | M00000090943 | M00000090943 |
| 5940 | HKD CUONG THUY                          | 1   | M00000042646 | M00000042646 |
| 5941 | HKD DA HOA CUONG - GO NOI THAT LAM NHAT | 2   | M00000090644 | M00000090645 |
| 5942 | HKD DA MY NGHE THANG LONG               | 14  | M00000136967 | M00000136980 |
| 5943 | HKD DAC SAN DE NINH BINH                | 1   | M00000152290 | M00000152290 |
| 5944 | HKD DAC SAN GIO XUAN DAI                | 1   | M00000142401 | M00000142401 |
| 5945 | HKD DAC SAN VIT CO VAN DINH THUONG VIT  | 1   | M00000044545 | M00000044545 |
| 5946 | HKD DAI DUONG MOI                       | 1   | M00000026796 | M00000026796 |
| 5947 | HKD DAI LAN CHAU                        | 9   | M00000226441 | M00000226449 |
| 5948 | HKD DAI LY BAO HIEM TRINH THU THUY      | 21  | M00000027875 | M00000027895 |
| 5949 | HKD DAI LY BAO VE THUC VAT THANH HA     | 1   | M00000154003 | M00000154003 |
| 5950 | HKD DAI LY GAS DINH                     | 4   | M00000133994 | M00000133997 |
| 5951 | HKD DAI LY VAT LIEU XAY DUNG CAO DA 2   | 1   | M00000150278 | M00000150278 |
| 5952 | HKD DAI LY VE SO MINH HOA               | 879 | M00000085754 | M00000086632 |
| 5953 | HKD DAI MOBILE 3                        | 1   | M00000150091 | M00000150091 |
| 5954 | HKD DAI PHAT 1                          | 9   | M00000149791 | M00000149799 |
| 5955 | HKD DAI THANH                           | 6   | M00000206612 | M00000206617 |
| 5956 | HKD DAKSOM GA RAN HAN QUOC              | 4   | M00000073366 | M00000073369 |
| 5957 | HKD DAM LINH SALON                      | 1   | M00000019798 | M00000019798 |
| 5958 | HKD DAM THAN CHINH                      | 2   | M00000070204 | M00000070205 |
| 5959 | HKD DAM THI HUYEN                       | 7   | M00000071714 | M00000071720 |
| 5960 | HKD DAMBRI COFFEEAND LAND               | 1   | M00000227076 | M00000227076 |
| 5961 | HKD DANG DIEN                           | 1   | M00000092513 | M00000092513 |
| 5962 | HKD DANG HUU CHIEN                      | 4   | M00000075658 | M00000075661 |
| 5963 | HKD DANG HUU CHUONG                     | 1   | M00000223817 | M00000223817 |
| 5964 | HKD DANG HUU PHUC                       | 34  | M00000210858 | M00000210891 |
| 5965 | HKD DANG KHOA                           | 2   | M00000091048 | M00000091049 |
| 5966 | HKD DANG MINH DUC 1994                  | 3   | M00000152813 | M00000152815 |
| 5967 | HKD DANG MINH HOANG ( DALAT SNEAKER )   | 2   | M00000125497 | M00000125498 |
| 5968 | HKD DANG NGOC DUNG                      | 8   | M00000127237 | M00000127244 |
| 5969 | HKD DANG NGUYEN                         | 1   | M00000092514 | M00000092514 |
| 5970 | HKD DANG PHAT                           | 20  | M00000086636 | M00000086655 |
| 5971 | HKD DANG THAI NINH                      | 1   | M00000068294 | M00000068294 |
| 5972 | HKD DANG THANH QUANG                    | 3   | M00000069096 | M00000069098 |
| 5973 | HKD DANG THANH TUNG NGOT                | 4   | M00000074227 | M00000074230 |
| 5974 | HKD DANG THI AI                         | 1   | M00000222577 | M00000222577 |
| 5975 | HKD DANG THI HIEN                       | 4   | M00000150000 | M00000150003 |
| 5976 | HKD DANG THI HONG BICH                  | 2   | M00000045841 | M00000045842 |
| 5977 | HKD DANG THI LUAN                       | 1   | M00000071960 | M00000071960 |
| 5978 | HKD DANG THI MO                         | 2   | M00000070860 | M00000070861 |
| 5979 | HKD DANG THI PHUONG ANH                 | 1   | M00000074311 | M00000074311 |
| 5980 | HKD DANG THI THANH SAO                  | 2   | M00000045879 | M00000045880 |
| 5981 | HKD DANG THI THU                        | 6   | M00000069962 | M00000069967 |
| 5982 | HKD DANG THI THU ANH                    | 1   | M00000222772 | M00000222772 |
| 5983 | HKD DANG THI THU HUONG                  | 4   | M00000073515 | M00000073518 |
| 5984 | HKD DANG THUY DUONG                     | 3   | M00000203475 | M00000203477 |



|      |                                       |     |              |              |
|------|---------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 5985 | HKD DANG TIEN THUY                    | 5   | M00000125907 | M00000125911 |
| 5986 | HKD DANG VAN LUU                      | 8   | M00000048241 | M00000048248 |
| 5987 | HKD DANG XUAN ANH                     | 20  | M00000145832 | M00000145851 |
| 5988 | HKD DANG XUAN CUONG                   | 1   | M00000067897 | M00000067897 |
| 5989 | HKD DAO CHI HIEU 1987                 | 3   | M00000044675 | M00000044677 |
| 5990 | HKD DAO DINH TOAN                     | 8   | M00000068382 | M00000068389 |
| 5991 | HKD DAO DUC HANH                      | 2   | M00000073288 | M00000073289 |
| 5992 | HKD DAO MANH HUNG                     | 1   | M00000153446 | M00000153446 |
| 5993 | HKD DAO NGOC CHAU                     | 6   | M00000071994 | M00000071999 |
| 5994 | HKD DAO QUANG CHINH K.A.Y.D.E.N       | 1   | M00000072031 | M00000072031 |
| 5995 | HKD DAO TAT THANG                     | 2   | M00000055082 | M00000055083 |
| 5996 | HKD DAO THI ANH                       | 3   | M00000071169 | M00000071171 |
| 5997 | HKD DAO THI BA                        | 2   | M00000220160 | M00000220161 |
| 5998 | HKD DAO THI BICH HONG                 | 2   | M00000042521 | M00000042522 |
| 5999 | HKD DAO THI DUYEN                     | 5   | M00000017632 | M00000017636 |
| 6000 | HKD DAO THI HAI YEN 1978              | 2   | M00000045234 | M00000045235 |
| 6001 | HKD DAO THI MAI HUONG                 | 2   | M00000149945 | M00000149946 |
| 6002 | HKD DAO THI MAY                       | 3   | M00000224709 | M00000224711 |
| 6003 | HKD DAO THI NGOC DIEP                 | 23  | M00000068785 | M00000068807 |
| 6004 | HKD DAO THI NHUNG                     | 1   | M00000220179 | M00000220179 |
| 6005 | HKD DAO VAN DONG                      | 8   | M00000058702 | M00000058709 |
| 6006 | HKD DAO VAN DUYET                     | 3   | M00000070601 | M00000070603 |
| 6007 | HKD DAO XUAN THANG                    | 5   | M00000149600 | M00000149604 |
| 6008 | HKD DAU THI HUONG 3181                | 1   | M00000071160 | M00000071160 |
| 6009 | HKD DAU THI PHUONG HANH               | 4   | M00000128514 | M00000128517 |
| 6010 | HKD DAU VIET LAM                      | 2   | M00000147872 | M00000147873 |
| 6011 | HKD DAVIS NGUYEN                      | 3   | M00000206713 | M00000206715 |
| 6012 | HKD DE HUONG SON 47 CAO THANG         | 6   | M00000117791 | M00000117796 |
| 6013 | HKD DE LA JOLIE BEAUTY& SPA           | 20  | M00000201006 | M00000201025 |
| 6014 | HKD DE NUI 68                         | 7   | M00000071728 | M00000071734 |
| 6015 | HKD DE PHU QUY                        | 1   | M00000226699 | M00000226699 |
| 6016 | HKD DE TAN CANG                       | 12  | M00000225394 | M00000225405 |
| 6017 | HKD DEN LED THONG NGUYEN              | 6   | M00000215555 | M00000215560 |
| 6018 | HKD DEN PHU LOC                       | 1   | M00000091800 | M00000091800 |
| 6019 | HKD DEVESUN BOUTIQUE HOTEL PHU QUOC   | 1   | M00000093266 | M00000093266 |
| 6020 | HKD DI DU LICH VUI VE                 | 8   | M00000093302 | M00000093309 |
| 6021 | HKD DI TOI                            | 23  | M00000225852 | M00000225874 |
| 6022 | HKD DIAMOND COFFEE                    | 1   | M00000091875 | M00000091875 |
| 6023 | HKD DICH VU AN UONG HUNG CUONG        | 1   | M00000092022 | M00000092022 |
| 6024 | HKD DICH VU AN UONG I AM COFFEE       | 2   | M00000089311 | M00000089312 |
| 6025 | HKD DICH VU NGUYEN THI PHUONG         | 1   | M00000047558 | M00000047558 |
| 6026 | HKD DICH VU NGUYEN THI THU VAN        | 4   | M00000156725 | M00000156728 |
| 6027 | HKD DICH VU NGUYEN VAN CHINH          | 1   | M00000049371 | M00000049371 |
| 6028 | HKD DICH VU THANH TUNG                | 3   | M00000045836 | M00000045838 |
| 6029 | HKD DICH VU TIN HOC INTERNET NHAT TIN | 4   | M00000082861 | M00000082864 |
| 6030 | HKD DICH VU VIEN THONG DUY LINH       | 192 | M00000197966 | M00000198157 |
| 6031 | HKD DIEM DUNG CHAN GIA KHIEM          | 1   | M00000144153 | M00000144153 |
| 6032 | HKD DIEM GIAO DICH VIETTEL P.PHU TAN  | 49  | M00000196502 | M00000196550 |
| 6033 | HKD DIEM GIAO DICH VIETTEL VINH TAN   | 22  | M00000196551 | M00000196572 |
| 6034 | HKD DIEM MY                           | 1   | M00000092987 | M00000092987 |
| 6035 | HKD DIEN DAN DUNG THANH TU            | 1   | M00000043897 | M00000043897 |
| 6036 | HKD DIEN LANH HT LONG BIEN            | 1   | M00000044649 | M00000044649 |
| 6037 | HKD DIEN LANH O TO THANH TUNG         | 6   | M00000043188 | M00000043193 |
| 6038 | HKD DIEN LANH QUANG TRUNG             | 3   | M00000090183 | M00000090185 |
| 6039 | HKD DIEN MAY BAC HA                   | 4   | M00000071067 | M00000071070 |
| 6040 | HKD DIEN MAY HAI NA                   | 4   | M00000119426 | M00000119429 |
| 6041 | HKD DIEN MAY HUONG BANG               | 1   | M00000061890 | M00000061890 |
| 6042 | HKD DIEN MAY LONG THANH               | 1   | M00000090633 | M00000090633 |
| 6043 | HKD DIEN MAY PHUONG TRANG             | 10  | M00000128627 | M00000128636 |
| 6044 | HKD DIEN NUOC HUNG XUYEN 2            | 1   | M00000149992 | M00000149992 |
| 6045 | HKD DIEN NUOC MINH HA                 | 8   | M00000084962 | M00000084969 |
| 6046 | HKD DIEN THOAI BANG IPHONE            | 1   | M00000071361 | M00000071361 |
| 6047 | HKD DIEN THOAI DI DONG A CHAU         | 4   | M00000120767 | M00000120770 |
| 6048 | HKD DIEN THOAI DI DONG HANG DAU       | 3   | M00000221676 | M00000221678 |
| 6049 | HKD DIEN THOAI DUC PHI                | 1   | M00000220351 | M00000220351 |
| 6050 | HKD DIEN THOAI MINH XUAN              | 1   | M00000065811 | M00000065811 |
| 6051 | HKD DIEUTHANH BOUTIQUE                | 1   | M00000200316 | M00000200316 |
| 6052 | HKD DINH DUY PHUC 81                  | 3   | M00000071037 | M00000071039 |

|      |                                        |    |              |              |
|------|----------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6053 | HKD DINH HIEU                          | 4  | M00000200861 | M00000200864 |
| 6054 | HKD DINH THI HUONG THAO                | 4  | M00000073376 | M00000073379 |
| 6055 | HKD DINH THI KIM XUYEN                 | 1  | M00000076679 | M00000076679 |
| 6056 | HKD DINH THI NGAT                      | 1  | M00000042855 | M00000042855 |
| 6057 | HKD DINH THI QUYNH TRANG (NHA CUA NEP) | 1  | M00000129046 | M00000129046 |
| 6058 | HKD DINH THI SOAN                      | 1  | M00000065303 | M00000065303 |
| 6059 | HKD DINH THI THOA                      | 5  | M00000057556 | M00000057560 |
| 6060 | HKD DINH THI VIET TRINH                | 1  | M00000073519 | M00000073519 |
| 6061 | HKD DINH TUAN AN                       | 1  | M00000068939 | M00000068939 |
| 6062 | HKD DINH VAN HUNG                      | 2  | M00000059578 | M00000059579 |
| 6063 | HKD DINH VIET HA                       | 4  | M00000060759 | M00000060762 |
| 6064 | HKD DINH XUAN DAN                      | 2  | M00000058920 | M00000058921 |
| 6065 | HKD DINH XUAN VUONG                    | 2  | M00000044372 | M00000044373 |
| 6066 | HKD DL GYM                             | 4  | M00000047445 | M00000047448 |
| 6067 | HKD DL SINH THAI AM THUC LOC VUNG DO   | 4  | M00000084592 | M00000084595 |
| 6068 | HKD DL THUOC TS HUYNH QUAN             | 1  | M00000091220 | M00000091220 |
| 6069 | HKD DO BO NHA MUN                      | 8  | M00000090172 | M00000090179 |
| 6070 | HKD DO CHOI DUY LIEU                   | 1  | M00000126399 | M00000126399 |
| 6071 | HKD DO CHOI GIANG YEN 94               | 6  | M00000046454 | M00000046459 |
| 6072 | HKD DO CHOI XE QUY LE I                | 1  | M00000152518 | M00000152518 |
| 6073 | HKD DO DONG MY NGHE                    | 3  | M00000221660 | M00000221662 |
| 6074 | HKD DO GO TRIEU VY                     | 32 | M00000092768 | M00000092799 |
| 6075 | HKD DO HONG NGOC                       | 1  | M00000039526 | M00000039526 |
| 6076 | HKD DO LOT HANG HIEU VS                | 1  | M00000225177 | M00000225177 |
| 6077 | HKD DO MINH AN                         | 1  | M00000145068 | M00000145068 |
| 6078 | HKD DO NGOC HA                         | 10 | M00000068647 | M00000068656 |
| 6079 | HKD DO NGOC THAO                       | 1  | M00000150276 | M00000150276 |
| 6080 | HKD DO QUOC MANH                       | 3  | M00000042010 | M00000042012 |
| 6081 | HKD DO QUYEN                           | 4  | M00000090600 | M00000090603 |
| 6082 | HKD DO THANH TUAN 1607                 | 3  | M00000223683 | M00000223685 |
| 6083 | HKD DO THI BICH HUE                    | 2  | M00000059073 | M00000059074 |
| 6084 | HKD DO THI BICH THUY                   | 4  | M00000146609 | M00000146612 |
| 6085 | HKD DO THI HAI ANH                     | 13 | M00000054162 | M00000054174 |
| 6086 | HKD DO THI HONG RD                     | 1  | M00000043835 | M00000043835 |
| 6087 | HKD DO THI HUE 1993                    | 3  | M00000070582 | M00000070584 |
| 6088 | HKD DO THI HUYEN 1970                  | 3  | M00000071532 | M00000071534 |
| 6089 | HKD DO THI KIM NGAN 1994               | 16 | M00000076702 | M00000076717 |
| 6090 | HKD DO THI LE HANG                     | 6  | M00000192809 | M00000192814 |
| 6091 | HKD DO THI MAI HUONG                   | 1  | M00000019166 | M00000019166 |
| 6092 | HKD DO THI THANH                       | 6  | M00000071781 | M00000071786 |
| 6093 | HKD DO THI THIEN TRAN                  | 1  | M00000219548 | M00000219548 |
| 6094 | HKD DO THI XUAN 1987                   | 11 | M00000068832 | M00000068842 |
| 6095 | HKD DO THI HUYEN - 1988                | 1  | M00000075108 | M00000075108 |
| 6096 | HKD DO VAN CHUNG                       | 2  | M00000021617 | M00000021618 |
| 6097 | HKD DO VAN SANG                        | 1  | M00000146067 | M00000146067 |
| 6098 | HKD DO VIET KIEM                       | 1  | M00000150578 | M00000150578 |
| 6099 | HKD DO XUAN TUNG                       | 9  | M00000070569 | M00000070577 |
| 6100 | HKD DOAN THI BAY                       | 3  | M00000074472 | M00000074474 |
| 6101 | HKD DOAN THI BICH NHUNG                | 2  | M00000155278 | M00000155279 |
| 6102 | HKD DOAN THI HOA                       | 1  | M00000041058 | M00000041058 |
| 6103 | HKD DOAN THI HOA I                     | 4  | M00000074865 | M00000074868 |
| 6104 | HKD DOAN THI HUONG                     | 3  | M00000073361 | M00000073363 |
| 6105 | HKD DOAN THI KIM DUNG                  | 6  | M00000150909 | M00000150914 |
| 6106 | HKD DOAN THI NHAT MINH                 | 2  | M00000220253 | M00000220254 |
| 6107 | HKD DOAN THI NHINH                     | 10 | M00000048361 | M00000048370 |
| 6108 | HKD DOAN THI NHU THUY                  | 5  | M00000140422 | M00000140426 |
| 6109 | HKD DOAN THI PHUONG                    | 68 | M00000200217 | M00000200284 |
| 6110 | HKD DOAN THI THANH HA                  | 1  | M00000068213 | M00000068213 |
| 6111 | HKD DOAN THI THU 74                    | 1  | M00000223447 | M00000223447 |
| 6112 | HKD DOAN THI THU LE                    | 4  | M00000046192 | M00000046195 |
| 6113 | HKD DOAN VO THANH PHU                  | 7  | M00000128937 | M00000128943 |
| 6114 | HKD DOI NHAU HOTEL                     | 1  | M00000226422 | M00000226422 |
| 6115 | HKD DOI THI THO                        | 1  | M00000073422 | M00000073422 |
| 6116 | HKD DOLPHIN SPA NGOAI GIAO DOAN        | 1  | M00000045233 | M00000045233 |
| 6117 | HKD DOME                               | 1  | M00000084721 | M00000084721 |
| 6118 | HKD DONG COFFEE & TEA                  | 2  | M00000084933 | M00000084934 |
| 6119 | HKD DONG HANG QUAN                     | 1  | M00000147517 | M00000147517 |
| 6120 | HKD DONG HO KINH MAT THE WATCH         | 2  | M00000041122 | M00000041123 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6121 | HKD DONG HO LONG PHUONG 7 LOC            | 2  | M00000082615 | M00000082616 |
| 6122 | HKD DONG PHUONG FATIMA                   | 3  | M00000220441 | M00000220443 |
| 6123 | HKD DONG PHUONG NAM 2                    | 5  | M00000081464 | M00000081468 |
| 6124 | HKD DONG QUE QUAN                        | 1  | M00000156911 | M00000156911 |
| 6125 | HKD DONG XUAN TRONG                      | 2  | M00000076776 | M00000076777 |
| 6126 | HKD DORIS SPA                            | 2  | M00000040543 | M00000040544 |
| 6127 | HKD DOUBLE BUBBLE-TRA SUA PHO MAI VIEN   | 1  | M00000223924 | M00000223924 |
| 6128 | HKD DR DINH HANG BEAUTY                  | 2  | M00000118824 | M00000118825 |
| 6129 | HKD DR PHUONG THAO BEAUTY CENTER         | 1  | M00000201206 | M00000201206 |
| 6130 | HKD DR SUU                               | 1  | M00000090292 | M00000090292 |
| 6131 | HKD DRAFTSMAN                            | 3  | M00000035173 | M00000035175 |
| 6132 | HKD DREAM HOME                           | 1  | M00000218559 | M00000218559 |
| 6133 | HKD DREAM TOWN COFFEE                    | 2  | M00000041252 | M00000041253 |
| 6134 | HKD DT MARKET                            | 34 | M00000124382 | M00000124415 |
| 6135 | HKD DT MARKETT                           | 41 | M00000129182 | M00000129222 |
| 6136 | HKD DTDD DANG GIA                        | 20 | M00000129352 | M00000129371 |
| 6137 | HKD DUBAI                                | 9  | M00000093564 | M00000093572 |
| 6138 | HKD DUC HA                               | 1  | M00000071582 | M00000071582 |
| 6139 | HKD DUC HANH                             | 1  | M00000146040 | M00000146040 |
| 6140 | HKD DUC HUY                              | 1  | M00000216692 | M00000216692 |
| 6141 | HKD DUC NHUAN TUAN                       | 18 | M00000090458 | M00000090475 |
| 6142 | HKD DUC THINH                            | 2  | M00000120724 | M00000120725 |
| 6143 | HKD DUC THU MOBILE                       | 2  | M00000059739 | M00000059740 |
| 6144 | HKD DUC TRI                              | 3  | M00000220027 | M00000220029 |
| 6145 | HKD DUC VIET DUC                         | 2  | M00000091917 | M00000091918 |
| 6146 | HKD DUNG - PHAM THI THOM                 | 6  | M00000220862 | M00000220867 |
| 6147 | HKD DUNG - PHAM TRUYEN PHONG             | 4  | M00000223007 | M00000223010 |
| 6148 | HKD DUNG CU CHINH HINH 368               | 7  | M00000220246 | M00000220252 |
| 6149 | HKD DUNG CU Y KHOA VA THAM MY HONG KHANG | 1  | M00000197965 | M00000197965 |
| 6150 | HKD DUNG HAU                             | 2  | M00000156913 | M00000156914 |
| 6151 | HKD DUNG HIEN                            | 1  | M00000040113 | M00000040113 |
| 6152 | HKD DUNG THUAN                           | 8  | M00000031085 | M00000031092 |
| 6153 | HKD DUOC PHAM GIA VINH                   | 2  | M00000224665 | M00000224666 |
| 6154 | HKD DUOI TAN THONG-AFTERNOON             | 1  | M00000144855 | M00000144855 |
| 6155 | HKD DUONG ANH KHIEM                      | 8  | M00000060071 | M00000060078 |
| 6156 | HKD DUONG CHI DUNG                       | 10 | M00000059699 | M00000059708 |
| 6157 | HKD DUONG DINH HIEP                      | 1  | M00000152554 | M00000152554 |
| 6158 | HKD DUONG HA NATURAL GEMSTONE AND JADE   | 3  | M00000042552 | M00000042554 |
| 6159 | HKD DUONG MY HAI                         | 11 | M00000044751 | M00000044761 |
| 6160 | HKD DUONG QUOC DAI                       | 2  | M00000029102 | M00000029103 |
| 6161 | HKD DUONG SINH SPA                       | 1  | M00000203786 | M00000203786 |
| 6162 | HKD DUONG TAN DUC                        | 1  | M00000215466 | M00000215466 |
| 6163 | HKD DUONG THI HONG VAN                   | 4  | M00000146098 | M00000146101 |
| 6164 | HKD DUONG THI HUONG                      | 1  | M00000073051 | M00000073051 |
| 6165 | HKD DUONG THI MINH HANG                  | 3  | M00000124427 | M00000124429 |
| 6166 | HKD DUONG THI OANH                       | 6  | M00000072694 | M00000072699 |
| 6167 | HKD DUONG THI QUYNH HUONG                | 2  | M00000122773 | M00000122774 |
| 6168 | HKD DUONG THI SAU                        | 2  | M00000072989 | M00000072990 |
| 6169 | HKD DUONG THI THAM                       | 3  | M00000071807 | M00000071809 |
| 6170 | HKD DUONG THI THU HA                     | 6  | M00000147531 | M00000147536 |
| 6171 | HKD DUONG THI THU HOAI                   | 3  | M00000057355 | M00000057357 |
| 6172 | HKD DUONG THI VAN ANH ( VAN ANH LUXURY C | 2  | M00000114560 | M00000114561 |
| 6173 | HKD DUONG TRONG VANG                     | 2  | M00000192131 | M00000192132 |
| 6174 | HKD DUONG VAN HAN                        | 4  | M00000074422 | M00000074425 |
| 6175 | HKD DUONG VAN HUNG                       | 9  | M00000133744 | M00000133752 |
| 6176 | HKD DUONG VAN LAM                        | 3  | M00000071825 | M00000071827 |
| 6177 | HKD DUONG VAN LOI                        | 2  | M00000054361 | M00000054362 |
| 6178 | HKD DUONG VAN MINH                       | 1  | M00000059937 | M00000059937 |
| 6179 | HKD DUONG VAN TUNG 2000                  | 9  | M00000076755 | M00000076763 |
| 6180 | HKD DUONG XUAN ANH                       | 11 | M00000215590 | M00000215600 |
| 6181 | HKD DUONG XUAN TRUNG                     | 7  | M00000147849 | M00000147855 |
| 6182 | HKD DUY ANH                              | 3  | M00000146139 | M00000146141 |
| 6183 | HKD DUY GIA PHAT                         | 3  | M00000217096 | M00000217098 |
| 6184 | HKD DUY KHOA BARBERSHOP                  | 3  | M00000215641 | M00000215643 |
| 6185 | HKD DUY LINH AUTO                        | 1  | M00000146097 | M00000146097 |
| 6186 | HKD DUY NGUYEN STUDIO                    | 2  | M00000150807 | M00000150808 |
| 6187 | HKD DUY NHAT MOBILE 99                   | 1  | M00000152527 | M00000152527 |
| 6188 | HKD DV TIEC CUOI OANH HUY                | 2  | M00000091127 | M00000091128 |

|      |                                       |    |              |              |
|------|---------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6189 | HKD DV TIEM CHUNG PHUONG THAO         | 1  | M00000091233 | M00000091233 |
| 6190 | HKD EGGYOLK                           | 26 | M00000027088 | M00000027113 |
| 6191 | HKD ELITE STUDIO                      | 1  | M00000226148 | M00000226148 |
| 6192 | HKD EMDY SPA                          | 2  | M00000156908 | M00000156909 |
| 6193 | HKD EMMA SPA                          | 1  | M00000090945 | M00000090945 |
| 6194 | HKD ESCO BEACH                        | 8  | M00000120698 | M00000120705 |
| 6195 | HKD E-VOICE                           | 1  | M00000217099 | M00000217099 |
| 6196 | HKD FAMI CHAO NGUYEN TRAI             | 2  | M00000042549 | M00000042550 |
| 6197 | HKD FASHION MENS                      | 4  | M00000146327 | M00000146330 |
| 6198 | HKD FIGHT STATION 4                   | 2  | M00000227746 | M00000227747 |
| 6199 | HKD FLOWER & FROG HOMESTAY HUNG TRANG | 1  | M00000080984 | M00000080984 |
| 6200 | HKD FONCI BEAUTY SPA                  | 8  | M00000030836 | M00000030843 |
| 6201 | HKD FOODSHOP 45 - INDIAN CUISINE      | 1  | M00000042744 | M00000042744 |
| 6202 | HKD FOR IPHONE X                      | 5  | M00000129079 | M00000129083 |
| 6203 | HKD FOURTEEN VIET NAM                 | 2  | M00000046129 | M00000046130 |
| 6204 | HKD GA                                | 1  | M00000119379 | M00000119379 |
| 6205 | HKD GA DONG QUE 2                     | 2  | M00000091216 | M00000091217 |
| 6206 | HKD GA NUONG COM CHAY MUOI SA CAU 3   | 1  | M00000220671 | M00000220671 |
| 6207 | HKD GA STORE                          | 1  | M00000091308 | M00000091308 |
| 6208 | HKD GA TA MAI VANG                    | 9  | M00000226431 | M00000226439 |
| 6209 | HKD GA TA TUONG VY 6                  | 8  | M00000219190 | M00000219197 |
| 6210 | HKD GA TA TUONG VY 661                | 6  | M00000219147 | M00000219152 |
| 6211 | HKD GA TAM KY QUYNH NHU               | 1  | M00000220426 | M00000220426 |
| 6212 | HKD GACH MEN TOAN MY PHAT             | 1  | M00000089977 | M00000089977 |
| 6213 | HKD GACH SON HUNG THINH HA TINH       | 22 | M00000150609 | M00000150630 |
| 6214 | HKD GAKKA GALLERY                     | 1  | M00000135528 | M00000135528 |
| 6215 | HKD GAO BA XUONG                      | 1  | M00000093359 | M00000093359 |
| 6216 | HKD GAO TRUONG KHA 2                  | 3  | M00000090193 | M00000090195 |
| 6217 | HKD GARAGE LY DOI THONG GIA LAI       | 8  | M00000152263 | M00000152270 |
| 6218 | HKD GAS MINH DE                       | 3  | M00000193315 | M00000193317 |
| 6219 | HKD GEN SUSHI                         | 7  | M00000147518 | M00000147524 |
| 6220 | HKD GENTLEMAN BESPOKE TAILOR          | 4  | M00000155836 | M00000155839 |
| 6221 | HKD GIA BAO ART GALLERY               | 4  | M00000046639 | M00000046642 |
| 6222 | HKD GIA DINH HOUSE                    | 1  | M00000152225 | M00000152225 |
| 6223 | HKD GIA DINH VIET                     | 4  | M00000059309 | M00000059312 |
| 6224 | HKD GIA DUNG THANH BINH               | 1  | M00000093301 | M00000093301 |
| 6225 | HKD GIA DUNG VY TAI                   | 1  | M00000155943 | M00000155943 |
| 6226 | HKD GIANG COSMETICS                   | 1  | M00000115231 | M00000115231 |
| 6227 | HKD GIANG DONG PHONG SALON            | 5  | M00000044407 | M00000044411 |
| 6228 | HKD GIANG VI STUDIO                   | 1  | M00000073454 | M00000073454 |
| 6229 | HKD GIAT LA PHUONG LINH               | 1  | M00000043899 | M00000043899 |
| 6230 | HKD GIAY DEP HOANG ANH                | 1  | M00000041631 | M00000041631 |
| 6231 | HKD GIAY DEP TAN KY                   | 1  | M00000226663 | M00000226663 |
| 6232 | HKD GO NHUA HONG QUAN                 | 2  | M00000043250 | M00000043251 |
| 6233 | HKD GOI DAU DUONG SINH                | 1  | M00000223836 | M00000223836 |
| 6234 | HKD GOLD QUAN (0787666515)            | 2  | M00000156653 | M00000156654 |
| 6235 | HKD GOLDEN FUSION                     | 2  | M00000092538 | M00000092539 |
| 6236 | HKD GOM COFFEE                        | 5  | M00000070093 | M00000070097 |
| 6237 | HKD GOM SU BINH MINH                  | 1  | M00000142150 | M00000142150 |
| 6238 | HKD GOM SU QUANG THUY                 | 1  | M00000044196 | M00000044196 |
| 6239 | HKD GRAPE BY ORIMOST                  | 1  | M00000046864 | M00000046864 |
| 6240 | HKD GREEN BAMBOO                      | 6  | M00000043514 | M00000043519 |
| 6241 | HKD GREEN HAIR SALON                  | 6  | M00000048157 | M00000048162 |
| 6242 | HKD GREEN HILL VILLA MANG DEN         | 4  | M00000156665 | M00000156668 |
| 6243 | HKD GREEN MART                        | 14 | M00000021651 | M00000021664 |
| 6244 | HKD GREENTECH FOOD ORGANIC MART       | 2  | M00000114794 | M00000114795 |
| 6245 | HKD GUNG SPA 625                      | 2  | M00000070612 | M00000070613 |
| 6246 | HKD GUNG SPA DUONG SINH YEN THY       | 1  | M00000211579 | M00000211579 |
| 6247 | HKD H2B A LA MODE H2B MAISON MATCHA   | 5  | M00000214864 | M00000214868 |
| 6248 | HKD HA ANH                            | 15 | M00000145525 | M00000145539 |
| 6249 | HKD HA CA PHE                         | 2  | M00000135573 | M00000135574 |
| 6250 | HKD HA CHI MART                       | 1  | M00000043864 | M00000043864 |
| 6251 | HKD HA DONG SILK                      | 50 | M00000042856 | M00000042905 |
| 6252 | HKD HA NGOC THANH (XE DAP THANH HOA)  | 2  | M00000222497 | M00000222498 |
| 6253 | HKD HA NOI GOURMET                    | 5  | M00000031174 | M00000031178 |
| 6254 | HKD HA NOI OLD QUARTER SPA            | 11 | M00000021219 | M00000021229 |
| 6255 | HKD HA THANH HIEN                     | 4  | M00000074997 | M00000075000 |
| 6256 | HKD HA THI LIEN                       | 6  | M00000060051 | M00000060056 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 6257 | HKD HA THI LOI                           | 1   | M00000072256 | M00000072256 |
| 6258 | HKD HA THI SONG                          | 8   | M00000052828 | M00000052835 |
| 6259 | HKD HA THI THAO                          | 4   | M00000059957 | M00000059960 |
| 6260 | HKD HA TUNG LAM 3568                     | 1   | M00000071687 | M00000071687 |
| 6261 | HKD HA VAN BAY                           | 1   | M00000091872 | M00000091872 |
| 6262 | HKD HA VAN TOI                           | 48  | M00000208904 | M00000208951 |
| 6263 | HKD HA VAN TRAO                          | 7   | M00000073587 | M00000073593 |
| 6264 | HKD HAI RAU BARBER SHOP                  | 1   | M00000092801 | M00000092801 |
| 6265 | HKD HAI SAN ANH BA CUA                   | 1   | M00000225406 | M00000225406 |
| 6266 | HKD HAI SAN CHIN KHANG                   | 10  | M00000155710 | M00000155719 |
| 6267 | HKD HAI SAN KHANH UYEN                   | 2   | M00000227071 | M00000227072 |
| 6268 | HKD HAI SAN NHA TRANG                    | 40  | M00000153849 | M00000153888 |
| 6269 | HKD HAI SAN TAI CA BAT TRANG             | 6   | M00000043933 | M00000043938 |
| 6270 | HKD HAI TRANG                            | 1   | M00000054298 | M00000054298 |
| 6271 | HKD HAI YEN COSMETICS                    | 7   | M00000082558 | M00000082564 |
| 6272 | HKD HAIR SALON CHI CHI                   | 2   | M00000092143 | M00000092144 |
| 6273 | HKD HAIR SALON DUC CUONG                 | 1   | M00000218014 | M00000218014 |
| 6274 | HKD HAIR SALON NGUYEN                    | 1   | M00000091706 | M00000091706 |
| 6275 | HKD HAKATA YATAI CHAN CHAN               | 3   | M00000225472 | M00000225474 |
| 6276 | HKD HAN THI DIEU HUONG                   | 1   | M00000055141 | M00000055141 |
| 6277 | HKD HANA                                 | 2   | M00000090634 | M00000090635 |
| 6278 | HKD HANA SHOP                            | 1   | M00000202020 | M00000202020 |
| 6279 | HKD HANG HAIR                            | 1   | M00000224782 | M00000224782 |
| 6280 | HKD HANG NHAT NOI DIA DIEM TRANG BUI     | 1   | M00000083385 | M00000083385 |
| 6281 | HKD HANG PHUNG 88                        | 3   | M00000071093 | M00000071095 |
| 6282 | HKD HANH HIEN                            | 1   | M00000076114 | M00000076114 |
| 6283 | HKD HANH NHUNG                           | 12  | M00000068819 | M00000068830 |
| 6284 | HKD HANH NOI THAT DO GIA DUNG            | 1   | M00000043837 | M00000043837 |
| 6285 | HKD HANOI OLD QUARTER SPA                | 16  | M00000035071 | M00000035086 |
| 6286 | HKD HAO NGHI BAKERY ONE                  | 5   | M00000091257 | M00000091261 |
| 6287 | HKD HAPPY BEAUTY CARE                    | 6   | M00000196719 | M00000196724 |
| 6288 | HKD HARIS HONG ANH BEAUTY & CLINIC       | 4   | M00000223179 | M00000223182 |
| 6289 | HKD HAT CA PHE MO UOC                    | 7   | M00000019617 | M00000019623 |
| 6290 | HKD HAVANA LIEN CHIEU                    | 37  | M00000137665 | M00000137701 |
| 6291 | HKD HAVANA STORE                         | 67  | M00000137702 | M00000137768 |
| 6292 | HKD HE IN TOWN                           | 3   | M00000018051 | M00000018053 |
| 6293 | HKD HE THONG SUA TA ME VA BE BHG         | 3   | M00000217595 | M00000217597 |
| 6294 | HKD HEAVEN HEALTHY & RELAX               | 1   | M00000216389 | M00000216389 |
| 6295 | HKD HEBE SALON & BEAUTY                  | 2   | M00000021763 | M00000021764 |
| 6296 | HKD HEEG BEAUTY                          | 1   | M00000153637 | M00000153637 |
| 6297 | HKD HELLO BABY 1988                      | 1   | M00000071923 | M00000071923 |
| 6298 | HKD HEM QUAN 29                          | 7   | M00000090674 | M00000090680 |
| 6299 | HKD HENNY THUE DO HA NOI                 | 1   | M00000046609 | M00000046609 |
| 6300 | HKD HIEN CAO - HC                        | 11  | M00000019855 | M00000019865 |
| 6301 | HKD HIEN GARDEN                          | 3   | M00000221354 | M00000221356 |
| 6302 | HKD HIEN LUONG                           | 1   | M00000142429 | M00000142429 |
| 6303 | HKD HIEN TRANG                           | 4   | M00000127625 | M00000127628 |
| 6304 | HKD HIEP HAI                             | 2   | M00000042557 | M00000042558 |
| 6305 | HKD HIEP TAN                             | 1   | M00000227336 | M00000227336 |
| 6306 | HKD HIEU AO QUAN THUY TIEN (VO THI TIEN) | 12  | M00000142059 | M00000142070 |
| 6307 | HKD HIEU AO QUAN YALY II (TRINH HAI UNG) | 105 | M00000121297 | M00000121401 |
| 6308 | HKD HIEU BUON MINH PHUONG                | 4   | M00000146077 | M00000146080 |
| 6309 | HKD HIEU CUC MINI MART                   | 2   | M00000153625 | M00000153626 |
| 6310 | HKD HIEU SACH HOANG LONG                 | 2   | M00000061071 | M00000061072 |
| 6311 | HKD HIEU THUOC HP - NHA THUOC DONG CUC   | 1   | M00000073500 | M00000073500 |
| 6312 | HKD HIEU THUOC HP-NHA THUOC HONG THAM    | 1   | M00000072516 | M00000072516 |
| 6313 | HKD HIEU TUYET                           | 12  | M00000142464 | M00000142475 |
| 6314 | HKD HIEU VAI A DONG II (BUI THI MINH NG  | 5   | M00000126116 | M00000126120 |
| 6315 | HKD HIEU VAI KEN TRAN (TRAN THAI HUY)    | 2   | M00000132191 | M00000132192 |
| 6316 | HKD HIEU VAI KIM MY (TRUONG THI KIM MAI) | 10  | M00000150057 | M00000150066 |
| 6317 | HKD HIEU VAI NGO VAN THUONG              | 1   | M00000156915 | M00000156915 |
| 6318 | HKD HIEU VAI NGU THOI(NGUYEN THI BICH HO | 12  | M00000124919 | M00000124930 |
| 6319 | HKD HIEU VAI O CHE (LE TUAN ANH)         | 17  | M00000121275 | M00000121291 |
| 6320 | HKD HIEU VAI VA AO QUAN MAY SAN LA LUA ( | 11  | M00000134268 | M00000134278 |
| 6321 | HKD HIEU VAI VA MAY DO YALY (TRINH DIEM  | 296 | M00000120976 | M00000121271 |
| 6322 | HKD HITOKI BBQ-SUSHI                     | 4   | M00000224947 | M00000224950 |
| 6323 | HKD HKD HEART & HUSTLE PRIVATE GYM       | 3   | M00000046107 | M00000046109 |
| 6324 | HKD HKD NGUYEN THI THU HONG              | 2   | M00000045236 | M00000045237 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 6325 | HKD HKD NOI THAT O TO THANH MINH         | 1   | M00000043027 | M00000043027 |
| 6326 | HKD HKD OME HOME                         | 1   | M00000223480 | M00000223480 |
| 6327 | HKD HKD TO BAO VINH                      | 3   | M00000224981 | M00000224983 |
| 6328 | HKD HL-GREEN TERRARIUM                   | 2   | M00000040492 | M00000040493 |
| 6329 | HKD HLS DA LAT LODGE                     | 1   | M00000133390 | M00000133390 |
| 6330 | HKD HO CANH CUONG                        | 8   | M00000215458 | M00000215465 |
| 6331 | HKD HO KINH DOANH CUA HANG TIEN LOI H-MA | 2   | M00000045439 | M00000045440 |
| 6332 | HKD HO KINH DOANH MIXUE DAN PHUONG       | 4   | M00000044401 | M00000044404 |
| 6333 | HKD HO KINH DOANH PHUONG THAO            | 3   | M00000153908 | M00000153910 |
| 6334 | HKD HO MINH TIEN                         | 2   | M00000222560 | M00000222561 |
| 6335 | HKD HO NGOC THIEN                        | 1   | M00000090612 | M00000090612 |
| 6336 | HKD HO THI KIEU 1989                     | 5   | M00000226339 | M00000226343 |
| 6337 | HKD HO TRUNG HIEP                        | 20  | M00000074644 | M00000074663 |
| 6338 | HKD HO VAN DINH 391                      | 2   | M00000071929 | M00000071930 |
| 6339 | HKD HO VAN MINH                          | 1   | M00000124253 | M00000124253 |
| 6340 | HKD HOA CHAU                             | 4   | M00000148933 | M00000148936 |
| 6341 | HKD HOA CU DA DEN                        | 1   | M00000217235 | M00000217235 |
| 6342 | HKD HOA DIEM MUOI TRUNG TAM BOI DUONG KI | 1   | M00000223482 | M00000223482 |
| 6343 | HKD HOA KIENG THIEN NHIEU                | 4   | M00000080666 | M00000080669 |
| 6344 | HKD HOA LINH BEAUTY                      | 2   | M00000224604 | M00000224605 |
| 6345 | HKD HOA QUA DO HOANG LINH                | 11  | M00000145772 | M00000145782 |
| 6346 | HKD HOA QUA PHAM THI NGOC HUYEN          | 3   | M00000048249 | M00000048251 |
| 6347 | HKD HOA QUA PHAM THI THU HUYEN           | 19  | M00000032171 | M00000032189 |
| 6348 | HKD HOA TUOI 88                          | 11  | M00000048254 | M00000048264 |
| 6349 | HKD HOA TUOI DIEM TRANG I                | 2   | M00000191450 | M00000191451 |
| 6350 | HKD HOA TUOI HUYNH HOA                   | 5   | M00000222751 | M00000222755 |
| 6351 | HKD HOA TUOI MAI BA MOI                  | 3   | M00000220198 | M00000220200 |
| 6352 | HKD HOA TUOI PHUONG ANH NGUYEN           | 3   | M00000074862 | M00000074864 |
| 6353 | HKD HOAI QUAN                            | 2   | M00000045549 | M00000045550 |
| 6354 | HKD HOAN NGUYEN                          | 16  | M00000217214 | M00000217229 |
| 6355 | HKD HOANG DIEP THANH HIEU                | 5   | M00000128467 | M00000128471 |
| 6356 | HKD HOANG DUC                            | 2   | M00000220620 | M00000220621 |
| 6357 | HKD HOANG DUC THANG                      | 4   | M00000149928 | M00000149931 |
| 6358 | HKD HOANG GIA HAN                        | 29  | M00000026935 | M00000026963 |
| 6359 | HKD HOANG HA                             | 6   | M00000043486 | M00000043491 |
| 6360 | HKD HOANG HANH                           | 3   | M00000043483 | M00000043485 |
| 6361 | HKD HOANG HIEN                           | 3   | M00000073998 | M00000074000 |
| 6362 | HKD HOANG HUU HUY                        | 1   | M00000057358 | M00000057358 |
| 6363 | HKD HOANG KHAC TU                        | 18  | M00000070804 | M00000070821 |
| 6364 | HKD HOANG LIEN COFFEE                    | 2   | M00000026262 | M00000026263 |
| 6365 | HKD HOANG LOC                            | 1   | M00000221546 | M00000221546 |
| 6366 | HKD HOANG LOI                            | 6   | M00000156956 | M00000156961 |
| 6367 | HKD HOANG LONG KY (HOLOKY)               | 1   | M00000128944 | M00000128944 |
| 6368 | HKD HOANG MANH TUNG 1995                 | 9   | M00000074257 | M00000074265 |
| 6369 | HKD HOANG NAM PHAT                       | 2   | M00000091984 | M00000091985 |
| 6370 | HKD HOANG NGOC PHAT                      | 2   | M00000089737 | M00000089738 |
| 6371 | HKD HOANG NGOC TIEN                      | 2   | M00000042771 | M00000042772 |
| 6372 | HKD HOANG QUAN 93                        | 2   | M00000220256 | M00000220257 |
| 6373 | HKD HOANG QUANG THANG                    | 1   | M00000074067 | M00000074067 |
| 6374 | HKD HOANG SY NGUYEN                      | 1   | M00000075997 | M00000075997 |
| 6375 | HKD HOANG THI BE                         | 3   | M00000074164 | M00000074166 |
| 6376 | HKD HOANG THI CHINH 1990                 | 1   | M00000042652 | M00000042652 |
| 6377 | HKD HOANG THI HA                         | 5   | M00000065570 | M00000065574 |
| 6378 | HKD HOANG THI HA 1992                    | 1   | M00000073539 | M00000073539 |
| 6379 | HKD HOANG THI HAI                        | 1   | M00000074024 | M00000074024 |
| 6380 | HKD HOANG THI HANG 87                    | 4   | M00000075073 | M00000075076 |
| 6381 | HKD HOANG THI HUONG                      | 1   | M00000069192 | M00000069192 |
| 6382 | HKD HOANG THI HUONG 1                    | 1   | M00000072032 | M00000072032 |
| 6383 | HKD HOANG THI LY 89                      | 9   | M00000128399 | M00000128407 |
| 6384 | HKD HOANG THI MAN 1970                   | 3   | M00000073228 | M00000073230 |
| 6385 | HKD HOANG THI NGOC LUAT                  | 12  | M00000139955 | M00000139966 |
| 6386 | HKD HOANG THI NHI                        | 13  | M00000065002 | M00000065014 |
| 6387 | HKD HOANG THI NU                         | 1   | M00000074297 | M00000074297 |
| 6388 | HKD HOANG THI THANH                      | 7   | M00000064995 | M00000065001 |
| 6389 | HKD HOANG THI THANH THAO                 | 2   | M00000041281 | M00000041282 |
| 6390 | HKD HOANG THI THIN                       | 5   | M00000135090 | M00000135094 |
| 6391 | HKD HOANG THUC TRINH                     | 3   | M00000074070 | M00000074072 |
| 6392 | HKD HOANG THUY NGA                       | 262 | M00000028765 | M00000029026 |

|      |                                   |    |              |              |
|------|-----------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6393 | HKD HOANG TRONG BINH              | 8  | M00000036627 | M00000036634 |
| 6394 | HKD HOANG TUAN CUONG 1999         | 5  | M00000068587 | M00000068591 |
| 6395 | HKD HOANG VAN CAO                 | 12 | M00000065813 | M00000065824 |
| 6396 | HKD HOANG VAN CHIEN               | 1  | M00000073554 | M00000073554 |
| 6397 | HKD HOANG VAN DUC                 | 5  | M00000059961 | M00000059965 |
| 6398 | HKD HOANG VAN HA                  | 1  | M00000042305 | M00000042305 |
| 6399 | HKD HOANG VAN LAM                 | 1  | M00000147890 | M00000147890 |
| 6400 | HKD HOANG VAN SON                 | 7  | M00000057774 | M00000057780 |
| 6401 | HKD HOANG VAN TINH                | 1  | M00000043521 | M00000043521 |
| 6402 | HKD HOANG VAN TRUONG              | 1  | M00000043863 | M00000043863 |
| 6403 | HKD HOANG VAN TUAN                | 1  | M00000148940 | M00000148940 |
| 6404 | HKD HOANG VIET NGAN               | 2  | M00000120692 | M00000120693 |
| 6405 | HKD HOI NGO QUAN                  | 8  | M00000092107 | M00000092114 |
| 6406 | HKD HOI QUAN DE NGON              | 1  | M00000146058 | M00000146058 |
| 6407 | HKD HOLA VIETNAMESE CUISINE       | 3  | M00000128779 | M00000128781 |
| 6408 | HKD HOLATACOS DUONG KHUE          | 1  | M00000043093 | M00000043093 |
| 6409 | HKD HOME KITCHEN                  | 1  | M00000068507 | M00000068507 |
| 6410 | HKD HOME SAIGON                   | 1  | M00000217236 | M00000217236 |
| 6411 | HKD HOMEHOLIC STUDIO              | 1  | M00000143835 | M00000143835 |
| 6412 | HKD HOMESTAYVANMIEU25             | 2  | M00000046865 | M00000046866 |
| 6413 | HKD HOMIE                         | 8  | M00000120759 | M00000120766 |
| 6414 | HKD HOMIE SPA                     | 1  | M00000199786 | M00000199786 |
| 6415 | HKD HONG HA HOTEL                 | 1  | M00000075225 | M00000075225 |
| 6416 | HKD HONG HAI FASHION              | 1  | M00000029027 | M00000029027 |
| 6417 | HKD HONG HAI SON                  | 47 | M00000090528 | M00000090574 |
| 6418 | HKD HONG KONG-1                   | 4  | M00000042988 | M00000042991 |
| 6419 | HKD HONG NGOC                     | 1  | M00000223863 | M00000223863 |
| 6420 | HKD HONG NGOC BEAUTY CENTER       | 4  | M00000139535 | M00000139538 |
| 6421 | HKD HONG NGUYEN-2000              | 1  | M00000042653 | M00000042653 |
| 6422 | HKD HONG NGUYET DUONG             | 1  | M00000043141 | M00000043141 |
| 6423 | HKD HONG NHUNG 19                 | 1  | M00000072005 | M00000072005 |
| 6424 | HKD HONG PHAT SPORT               | 2  | M00000217040 | M00000217041 |
| 6425 | HKD HONG QUAN STORE               | 25 | M00000134350 | M00000134374 |
| 6426 | HKD HONG TAM                      | 6  | M00000222666 | M00000222671 |
| 6427 | HKD HONG TRA NGO GIA H457         | 6  | M00000090029 | M00000090034 |
| 6428 | HKD HONG VAN                      | 3  | M00000084282 | M00000084284 |
| 6429 | HKD HOSTEL LOTUS-HOA SEN          | 1  | M00000150864 | M00000150864 |
| 6430 | HKD HOT TOC KIM LONG              | 1  | M00000223158 | M00000223158 |
| 6431 | HKD HOTEL AURORA                  | 1  | M00000156782 | M00000156782 |
| 6432 | HKD HOUSE OF LENS                 | 2  | M00000145713 | M00000145714 |
| 6433 | HKD HOUSE OF RECHIC               | 4  | M00000138029 | M00000138032 |
| 6434 | HKD HOWS VINCOM                   | 5  | M00000215426 | M00000215430 |
| 6435 | HKD HT GYM                        | 2  | M00000044772 | M00000044773 |
| 6436 | HKD HT. NAILS & EYELASH           | 1  | M00000224265 | M00000224265 |
| 6437 | HKD HU TIEU GO KIM BAO            | 1  | M00000226147 | M00000226147 |
| 6438 | HKD HU TIEU NAM VANG              | 1  | M00000223840 | M00000223840 |
| 6439 | HKD HU TIEU NAM VANG 80 CAO THANG | 4  | M00000218299 | M00000218302 |
| 6440 | HKD HU TIU CO 9                   | 5  | M00000091731 | M00000091735 |
| 6441 | HKD HUA THI BICH 1990             | 1  | M00000074226 | M00000074226 |
| 6442 | HKD HUANG JI SIEU THI TRUNG QUOC  | 9  | M00000045619 | M00000045627 |
| 6443 | HKD HUE - HUGO                    | 2  | M00000091478 | M00000091479 |
| 6444 | HKD HUNG DECAL                    | 1  | M00000223835 | M00000223835 |
| 6445 | HKD HUNG KY MI GIA                | 1  | M00000221572 | M00000221572 |
| 6446 | HKD HUNG LE                       | 1  | M00000072004 | M00000072004 |
| 6447 | HKD HUNG NGO                      | 2  | M00000091161 | M00000091162 |
| 6448 | HKD HUNG PHAT 79                  | 3  | M00000196368 | M00000196370 |
| 6449 | HKD HUNG THANH THINH              | 1  | M00000226693 | M00000226693 |
| 6450 | HKD HUNG VINH HOANG               | 1  | M00000074993 | M00000074993 |
| 6451 | HKD HUONG GIANG MIA RITTA         | 64 | M00000037904 | M00000037967 |
| 6452 | HKD HUONG HONGKONG                | 1  | M00000043816 | M00000043816 |
| 6453 | HKD HUONG MOC SEN SPA             | 6  | M00000215208 | M00000215213 |
| 6454 | HKD HUONG NGUYEN 248              | 2  | M00000074384 | M00000074385 |
| 6455 | HKD HUONG VI QUE NHA              | 1  | M00000087929 | M00000087929 |
| 6456 | HKD HUSA SPA                      | 8  | M00000217603 | M00000217610 |
| 6457 | HKD HUY MINH HAI                  | 1  | M00000044594 | M00000044594 |
| 6458 | HKD HUY MINH PHAT                 | 11 | M00000076780 | M00000076790 |
| 6459 | HKD HUY THANH                     | 2  | M00000090481 | M00000090482 |
| 6460 | HKD HUY VU                        | 51 | M00000203175 | M00000203225 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6461 | HKD HUYNH KIM VUNG                       | 1  | M00000081699 | M00000081699 |
| 6462 | HKD HUYNH LE HUU TOAN                    | 1  | M00000135209 | M00000135209 |
| 6463 | HKD HUYNH MOBILE                         | 5  | M00000071692 | M00000071696 |
| 6464 | HKD HUYNH NGUYEN THU QUYNH               | 1  | M00000090595 | M00000090595 |
| 6465 | HKD HUYNH THI KIM LINH (NHA KHOA QUOC TE | 2  | M00000145798 | M00000145799 |
| 6466 | HKD HUYNH THI KIM PHUONG                 | 5  | M00000088581 | M00000088585 |
| 6467 | HKD HUYNH THI NGOC TRAN                  | 2  | M00000221622 | M00000221623 |
| 6468 | HKD HUYNH THI OANH                       | 13 | M00000223449 | M00000223461 |
| 6469 | HKD HUYNH THI THUY LINH                  | 5  | M00000224044 | M00000224048 |
| 6470 | HKD HYCLOSET                             | 4  | M00000038625 | M00000038628 |
| 6471 | HKD HYUNA FRUITS                         | 1  | M00000070206 | M00000070206 |
| 6472 | HKD IDC WHITE HOUSE DA NANG              | 27 | M00000017717 | M00000017743 |
| 6473 | HKD INTECHCO LUXURY HOTEL                | 3  | M00000153204 | M00000153206 |
| 6474 | HKD IZUMI MART                           | 1  | M00000041069 | M00000041069 |
| 6475 | HKD JARDIN BADMINTON                     | 1  | M00000225843 | M00000225843 |
| 6476 | HKD JASMINE HAIR AND SPA                 | 6  | M00000192864 | M00000192869 |
| 6477 | HKD JONI                                 | 1  | M00000124875 | M00000124875 |
| 6478 | HKD JPORIVN                              | 1  | M00000201354 | M00000201354 |
| 6479 | HKD JUST HAIR & NAILS                    | 4  | M00000207136 | M00000207139 |
| 6480 | HKD KA PO                                | 8  | M00000082081 | M00000082088 |
| 6481 | HKD KARAOKE AN PHU STAR                  | 1  | M00000197304 | M00000197304 |
| 6482 | HKD KARAOKE DEM GALA                     | 6  | M00000152206 | M00000152211 |
| 6483 | HKD KARAOKE DUY NGHIA I                  | 1  | M00000073358 | M00000073358 |
| 6484 | HKD KARAOKE F5 PLUS                      | 2  | M00000029824 | M00000029825 |
| 6485 | HKD KARAOKE KING DOM                     | 2  | M00000091305 | M00000091306 |
| 6486 | HKD KEM MIXUE                            | 1  | M00000156905 | M00000156905 |
| 6487 | HKD KEM TUYET                            | 1  | M00000087930 | M00000087930 |
| 6488 | HKD KEN ANH                              | 3  | M00000082303 | M00000082305 |
| 6489 | HKD KHACH SAN KIM SON KG                 | 5  | M00000092523 | M00000092527 |
| 6490 | HKD KHACH SAN M SIGNATURE PHU QUOC       | 4  | M00000093343 | M00000093346 |
| 6491 | HKD KHACH SAN PHAN ANH                   | 5  | M00000223125 | M00000223129 |
| 6492 | HKD KHAM CHUA BENH CK TAI MUI HONG       | 1  | M00000152513 | M00000152513 |
| 6493 | HKD KHANG SHOP 281                       | 1  | M00000217869 | M00000217869 |
| 6494 | HKD KHANH HIEN                           | 4  | M00000120567 | M00000120570 |
| 6495 | HKD KHANH KY                             | 34 | M00000113890 | M00000113923 |
| 6496 | HKD KHANH TRINH STORE                    | 4  | M00000153749 | M00000153752 |
| 6497 | HKD KHO BIA BO KE                        | 10 | M00000190982 | M00000190991 |
| 6498 | HKD KHOANG LANG                          | 3  | M00000073290 | M00000073292 |
| 6499 | HKD KHOI JAPANESE RESTAURANT             | 1  | M00000074017 | M00000074017 |
| 6500 | HKD KHONG GIAN NGHE THUAT MANZI          | 1  | M00000019803 | M00000019803 |
| 6501 | HKD KHUAT TRUNG HIEU                     | 1  | M00000045819 | M00000045819 |
| 6502 | HKD KHUC THI HANG                        | 2  | M00000070011 | M00000070012 |
| 6503 | HKD KIEU DINH HOA                        | 1  | M00000146089 | M00000146089 |
| 6504 | HKD KIEU OANH                            | 3  | M00000087383 | M00000087385 |
| 6505 | HKD KIEU VAN KHANH                       | 4  | M00000057635 | M00000057638 |
| 6506 | HKD KIM CHI MI CAY LAU DO                | 2  | M00000091792 | M00000091793 |
| 6507 | HKD KIM HONG PHAT                        | 5  | M00000223192 | M00000223196 |
| 6508 | HKD KIM KHI THUY HIEN                    | 3  | M00000043206 | M00000043208 |
| 6509 | HKD KIM SKINCARE                         | 5  | M00000197684 | M00000197688 |
| 6510 | HKD KIM THUONG CHUYEN THIT BO, THIT TRAU | 1  | M00000089723 | M00000089723 |
| 6511 | HKD KIM TOAN TOI                         | 7  | M00000221653 | M00000221659 |
| 6512 | HKD KINH AU                              | 2  | M00000036468 | M00000036469 |
| 6513 | HKD KINH MAT QUANG NHAN                  | 2  | M00000072412 | M00000072413 |
| 6514 | HKD KINH MAT QUANG NHAN HA NAM           | 5  | M00000076690 | M00000076694 |
| 6515 | HKD KINH MAT THANH HA                    | 2  | M00000040656 | M00000040657 |
| 6516 | HKD KINH MAT THIEN HA                    | 5  | M00000043972 | M00000043976 |
| 6517 | HKD KINH THUOC                           | 1  | M00000139036 | M00000139036 |
| 6518 | HKD KINH THUOC PHUONG LONG SAI GON       | 2  | M00000192871 | M00000192872 |
| 6519 | HKD KINH THUOC SON HA                    | 1  | M00000206405 | M00000206405 |
| 6520 | HKD KKUM KKUM                            | 2  | M00000152223 | M00000152224 |
| 6521 | HKD K-N                                  | 1  | M00000194689 | M00000194689 |
| 6522 | HKD KOFWORLD                             | 2  | M00000048166 | M00000048167 |
| 6523 | HKD KOIKOKORO                            | 12 | M00000047546 | M00000047557 |
| 6524 | HKD KOMBO VINH PHUC                      | 2  | M00000071813 | M00000071814 |
| 6525 | HKD KS REGAL SAPA BOUTIQUE               | 2  | M00000070198 | M00000070199 |
| 6526 | HKD KYOTO BLEND                          | 2  | M00000207779 | M00000207780 |
| 6527 | HKD KYUSHYU UDON HITOYOSHI               | 3  | M00000193785 | M00000193787 |
| 6528 | HKD LA MAISON 1929                       | 10 | M00000027657 | M00000027666 |



|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6529 | HKD LA MING DAY                          | 20 | M00000072806 | M00000072825 |
| 6530 | HKD LA NI BEAUTY                         | 1  | M00000156742 | M00000156742 |
| 6531 | HKD LA THI THUY                          | 1  | M00000045822 | M00000045822 |
| 6532 | HKD LA VEGARIE                           | 5  | M00000027443 | M00000027447 |
| 6533 | HKD LABOHO SPA                           | 25 | M00000222472 | M00000222496 |
| 6534 | HKD LABUBU KID'S COFFEE                  | 34 | M00000208650 | M00000208683 |
| 6535 | HKD LAC DINH TEA                         | 1  | M00000091282 | M00000091282 |
| 6536 | HKD LADY SPA                             | 1  | M00000190028 | M00000190028 |
| 6537 | HKD LAI THI HOA                          | 12 | M00000045572 | M00000045583 |
| 6538 | HKD LAI TRUONG MINH                      | 1  | M00000075922 | M00000075922 |
| 6539 | HKD LAM CHAU                             | 10 | M00000150739 | M00000150748 |
| 6540 | HKD LAM HONG COFFEE TRUNG NGUYEN         | 1  | M00000090681 | M00000090681 |
| 6541 | HKD LAM TUOI                             | 4  | M00000071598 | M00000071601 |
| 6542 | HKD LAMER BAR & HOMESTAY                 | 4  | M00000128447 | M00000128450 |
| 6543 | HKD LAMERLA BEAUTY                       | 2  | M00000042960 | M00000042961 |
| 6544 | HKD LAN SPA                              | 1  | M00000043807 | M00000043807 |
| 6545 | HKD LAN TRUONG PHAT                      | 2  | M00000080964 | M00000080965 |
| 6546 | HKD LANG CHAI BO KE                      | 1  | M00000141224 | M00000141224 |
| 6547 | HKD LANG FACE                            | 2  | M00000213689 | M00000213690 |
| 6548 | HKD LANG TUYET NHUNG                     | 2  | M00000071174 | M00000071175 |
| 6549 | HKD LAPTOP TUAN VO                       | 1  | M00000220585 | M00000220585 |
| 6550 | HKD LAPTOP,MAY TINH                      | 13 | M00000195468 | M00000195480 |
| 6551 | HKD LAU BO CAY XOAI                      | 14 | M00000090308 | M00000090321 |
| 6552 | HKD LAU CA 340 PHA HUY ICH               | 9  | M00000217762 | M00000217770 |
| 6553 | HKD LAU CHAY 30K                         | 1  | M00000091910 | M00000091910 |
| 6554 | HKD LAU ECH AO TA-LAU GA LA E            | 1  | M00000071044 | M00000071044 |
| 6555 | HKD LAU GA LA E SU MIU                   | 5  | M00000216925 | M00000216929 |
| 6556 | HKD LAU HAN QUOC S.P.I.C.Y B.O.X SO 1 GO | 21 | M00000091832 | M00000091852 |
| 6557 | HKD LAU KIM CHI                          | 2  | M00000091751 | M00000091752 |
| 6558 | HKD LAU NAM GIA KHANH CS MY DINH         | 1  | M00000040115 | M00000040115 |
| 6559 | HKD LAU NAM THIEN NHIEU ANH QUAN         | 14 | M00000074110 | M00000074123 |
| 6560 | HKD LAU NUONG TRUNG HOA                  | 2  | M00000076186 | M00000076187 |
| 6561 | HKD LE BICH TRUYEN                       | 3  | M00000144426 | M00000144428 |
| 6562 | HKD LE CASTELLA                          | 1  | M00000204392 | M00000204392 |
| 6563 | HKD LE CONG THANH                        | 1  | M00000090440 | M00000090440 |
| 6564 | HKD LE DANH TUAN                         | 3  | M00000147932 | M00000147934 |
| 6565 | HKD LE DAO TRANG                         | 10 | M00000154164 | M00000154173 |
| 6566 | HKD LE DIEM TRUC HOA                     | 1  | M00000145553 | M00000145553 |
| 6567 | HKD LE DINH HUNG (NHA THUOC HOANG NGUYEN | 1  | M00000145715 | M00000145715 |
| 6568 | HKD LE DINH SON                          | 3  | M00000057310 | M00000057312 |
| 6569 | HKD LE DINH TRONG                        | 4  | M00000218308 | M00000218311 |
| 6570 | HKD LE DUC LINH                          | 6  | M00000091050 | M00000091055 |
| 6571 | HKD LE DUC THO                           | 57 | M00000057578 | M00000057634 |
| 6572 | HKD LE DUC TRUNG                         | 2  | M00000119262 | M00000119263 |
| 6573 | HKD LE GHE 2                             | 2  | M00000223703 | M00000223704 |
| 6574 | HKD LE HIEU TRUM SI                      | 1  | M00000223664 | M00000223664 |
| 6575 | HKD LE HOANG SON                         | 2  | M00000040654 | M00000040655 |
| 6576 | HKD LE HONG NHU                          | 1  | M00000222758 | M00000222758 |
| 6577 | HKD LE HUU THUAN                         | 2  | M00000042941 | M00000042942 |
| 6578 | HKD LE HUY                               | 3  | M00000220411 | M00000220413 |
| 6579 | HKD LE KHAC HUNG                         | 1  | M00000073609 | M00000073609 |
| 6580 | HKD LE KHANH HUNG                        | 58 | M00000041914 | M00000041971 |
| 6581 | HKD LE KIEU DIEM                         | 9  | M00000208953 | M00000208961 |
| 6582 | HKD LE KIM HUE                           | 5  | M00000090930 | M00000090934 |
| 6583 | HKD LE LY TRAM ANH                       | 1  | M00000145978 | M00000145978 |
| 6584 | HKD LE MINH HAI                          | 3  | M00000147881 | M00000147883 |
| 6585 | HKD LE MINH VUONG                        | 2  | M00000076778 | M00000076779 |
| 6586 | HKD LE NA 1984                           | 1  | M00000152954 | M00000152954 |
| 6587 | HKD LE NGOC GIANG                        | 1  | M00000071776 | M00000071776 |
| 6588 | HKD LE NGOC HUYEN                        | 1  | M00000071907 | M00000071907 |
| 6589 | HKD LE NGOC THU                          | 2  | M00000147892 | M00000147893 |
| 6590 | HKD LE PHI HUNG                          | 4  | M00000090654 | M00000090657 |
| 6591 | HKD LE PHUONG THAO                       | 1  | M00000055172 | M00000055172 |
| 6592 | HKD LE QUANG DAT                         | 1  | M00000224668 | M00000224668 |
| 6593 | HKD LE QUANG HUY                         | 2  | M00000074360 | M00000074361 |
| 6594 | HKD LE QUOC BAO (BACH HOA BAO TRANG)     | 11 | M00000090297 | M00000090307 |
| 6595 | HKD LE QUOC TUAN                         | 5  | M00000083452 | M00000083456 |
| 6596 | HKD LE QUY THAI                          | 10 | M00000141298 | M00000141307 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6597 | HKD LE THANH HOANG                       | 2  | M00000141325 | M00000141326 |
| 6598 | HKD LE THANH HUAN                        | 1  | M00000076797 | M00000076797 |
| 6599 | HKD LE THI CHUYEN                        | 16 | M00000147798 | M00000147813 |
| 6600 | HKD LE THI DAM                           | 3  | M00000150583 | M00000150585 |
| 6601 | HKD LE THI DINH 1979                     | 38 | M00000067571 | M00000067608 |
| 6602 | HKD LE THI HA (0774771402)               | 1  | M00000150094 | M00000150094 |
| 6603 | HKD LE THI HANH                          | 1  | M00000061805 | M00000061805 |
| 6604 | HKD LE THI HANH                          | 13 | M00000068897 | M00000068909 |
| 6605 | HKD LE THI HONG HA                       | 1  | M00000042747 | M00000042747 |
| 6606 | HKD LE THI HONG NHUNG 1996               | 3  | M00000070585 | M00000070587 |
| 6607 | HKD LE THI HONG THAM                     | 7  | M00000199310 | M00000199316 |
| 6608 | HKD LE THI HUE 1981                      | 2  | M00000068657 | M00000068658 |
| 6609 | HKD LE THI HUONG GIANG                   | 4  | M00000071611 | M00000071614 |
| 6610 | HKD LE THI HUYEN DIEU                    | 5  | M00000038042 | M00000038046 |
| 6611 | HKD LE THI KHANH TRANG 98                | 5  | M00000147926 | M00000147930 |
| 6612 | HKD LE THI KIEU                          | 1  | M00000091641 | M00000091641 |
| 6613 | HKD LE THI KIM KHUYEN                    | 8  | M00000070561 | M00000070568 |
| 6614 | HKD LE THI LINH                          | 1  | M00000043836 | M00000043836 |
| 6615 | HKD LE THI LINH                          | 1  | M00000072830 | M00000072830 |
| 6616 | HKD LE THI LUONG                         | 1  | M00000074018 | M00000074018 |
| 6617 | HKD LE THI LY 1997                       | 2  | M00000154069 | M00000154070 |
| 6618 | HKD LE THI MAI                           | 3  | M00000223159 | M00000223161 |
| 6619 | HKD LE THI MAU                           | 11 | M00000061164 | M00000061174 |
| 6620 | HKD LE THI MINH CHAU                     | 13 | M00000133582 | M00000133594 |
| 6621 | HKD LE THI MINH HANG                     | 2  | M00000076795 | M00000076796 |
| 6622 | HKD LE THI MINH LY                       | 10 | M00000149479 | M00000149488 |
| 6623 | HKD LE THI MINH THU                      | 1  | M00000156103 | M00000156103 |
| 6624 | HKD LE THI MONG VAN                      | 4  | M00000141204 | M00000141207 |
| 6625 | HKD LE THI NGOC DIEM 2001                | 3  | M00000074021 | M00000074023 |
| 6626 | HKD LE THI NHUNG                         | 2  | M00000148921 | M00000148922 |
| 6627 | HKD LE THI PHU 1992                      | 4  | M00000030822 | M00000030825 |
| 6628 | HKD LE THI PHUONG                        | 1  | M00000219540 | M00000219540 |
| 6629 | HKD LE THI QUYEN 1952                    | 8  | M00000031360 | M00000031367 |
| 6630 | HKD LE THI QUYNH NHU                     | 1  | M00000043492 | M00000043492 |
| 6631 | HKD LE THI QUYNH TRANG                   | 1  | M00000156582 | M00000156582 |
| 6632 | HKD LE THI TAM 1965                      | 1  | M00000043255 | M00000043255 |
| 6633 | HKD LE THI TAM 66                        | 2  | M00000156509 | M00000156510 |
| 6634 | HKD LE THI TAM BHG                       | 1  | M00000203455 | M00000203455 |
| 6635 | HKD LE THI TAN TIEN                      | 2  | M00000191447 | M00000191448 |
| 6636 | HKD LE THI THAM BHG                      | 2  | M00000203453 | M00000203454 |
| 6637 | HKD LE THI THANH                         | 1  | M00000091712 | M00000091712 |
| 6638 | HKD LE THI THANH NGUYEN                  | 1  | M00000222580 | M00000222580 |
| 6639 | HKD LE THI THANH THUY 1994               | 1  | M00000145989 | M00000145989 |
| 6640 | HKD LE THI THAO HIEN                     | 5  | M00000149957 | M00000149961 |
| 6641 | HKD LE THI THEU                          | 1  | M00000117269 | M00000117269 |
| 6642 | HKD LE THI THIEN                         | 1  | M00000076149 | M00000076149 |
| 6643 | HKD LE THI THIN                          | 2  | M00000225697 | M00000225698 |
| 6644 | HKD LE THI THOM                          | 4  | M00000048236 | M00000048239 |
| 6645 | HKD LE THI THU                           | 4  | M00000069143 | M00000069146 |
| 6646 | HKD LE THI THU 1996                      | 1  | M00000153992 | M00000153992 |
| 6647 | HKD LE THI THU HA                        | 8  | M00000210391 | M00000210398 |
| 6648 | HKD LE THI THU HONG                      | 1  | M00000069168 | M00000069168 |
| 6649 | HKD LE THI THU PHUONG                    | 3  | M00000136743 | M00000136745 |
| 6650 | HKD LE THI THU THANH                     | 2  | M00000124286 | M00000124287 |
| 6651 | HKD LE THI THU UYEN                      | 15 | M00000145744 | M00000145758 |
| 6652 | HKD LE THI THUONG - HAI SAN C8           | 3  | M00000145000 | M00000145002 |
| 6653 | HKD LE THI TU HUONG                      | 1  | M00000091864 | M00000091864 |
| 6654 | HKD LE THI TUYET NHUNG                   | 2  | M00000040082 | M00000040083 |
| 6655 | HKD LE THI XUAN (THANH HA)               | 2  | M00000089229 | M00000089230 |
| 6656 | HKD LE THI XUAN LIEU                     | 1  | M00000223849 | M00000223849 |
| 6657 | HKD LE THI YEN CHI                       | 1  | M00000090986 | M00000090986 |
| 6658 | HKD LE TRUNG TIN ( KHU SINH THAI KAWAZO) | 4  | M00000223188 | M00000223191 |
| 6659 | HKD LE TUAN CHAU                         | 3  | M00000074268 | M00000074270 |
| 6660 | HKD LE TUAN VU                           | 1  | M00000063639 | M00000063639 |
| 6661 | HKD LE VAN CHUNG                         | 6  | M00000145060 | M00000145065 |
| 6662 | HKD LE VAN CUONG                         | 1  | M00000152233 | M00000152233 |
| 6663 | HKD LE VAN CUONG 1982                    | 1  | M00000073227 | M00000073227 |
| 6664 | HKD LE VAN DAT                           | 2  | M00000135805 | M00000135806 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6665 | HKD LE VAN GANG                          | 2  | M00000082089 | M00000082090 |
| 6666 | HKD LE VAN HIEN                          | 1  | M00000074992 | M00000074992 |
| 6667 | HKD LE VAN HOANG                         | 3  | M00000093239 | M00000093241 |
| 6668 | HKD LE VAN HUNG 92                       | 1  | M00000070824 | M00000070824 |
| 6669 | HKD LE VAN KHANG                         | 2  | M00000059114 | M00000059115 |
| 6670 | HKD LE VAN MINH                          | 11 | M00000061108 | M00000061118 |
| 6671 | HKD LE VAN MINH                          | 1  | M00000093426 | M00000093426 |
| 6672 | HKD LE VAN QUYEN                         | 38 | M00000054762 | M00000054799 |
| 6673 | HKD LE VAN TAN                           | 2  | M00000141085 | M00000141086 |
| 6674 | HKD LE VAN TAN 1995                      | 2  | M00000041645 | M00000041646 |
| 6675 | HKD LE VAN THU                           | 2  | M00000057772 | M00000057773 |
| 6676 | HKD LE VAN THU                           | 7  | M00000124503 | M00000124509 |
| 6677 | HKD LE VAN THUAN 1995                    | 3  | M00000146082 | M00000146084 |
| 6678 | HKD LE VAN THUONG                        | 2  | M00000146065 | M00000146066 |
| 6679 | HKD LE VAN TUNG 1992                     | 1  | M00000143274 | M00000143274 |
| 6680 | HKD LE VAN TUYEN                         | 1  | M00000090509 | M00000090509 |
| 6681 | HKD LE VAN VINH (NGHI)                   | 5  | M00000073528 | M00000073532 |
| 6682 | HKD LE VIET ANH 86                       | 2  | M00000018643 | M00000018644 |
| 6683 | HKD LE VU HUNG                           | 1  | M00000122840 | M00000122840 |
| 6684 | HKD LE VU THANH                          | 1  | M00000221574 | M00000221574 |
| 6685 | HKD LE XUAN BAN                          | 1  | M00000070592 | M00000070592 |
| 6686 | HKD LE XUAN QUYET                        | 4  | M00000059474 | M00000059477 |
| 6687 | HKD LE XUAN THUAT                        | 2  | M00000057682 | M00000057683 |
| 6688 | HKD LE XUAN VINH                         | 5  | M00000120376 | M00000120380 |
| 6689 | HKD LEO SPA                              | 1  | M00000093507 | M00000093507 |
| 6690 | HKD LEO TRAN                             | 37 | M00000201031 | M00000201067 |
| 6691 | HKD LILY NAILS                           | 3  | M00000223864 | M00000223866 |
| 6692 | HKD LILY VILLA                           | 1  | M00000220675 | M00000220675 |
| 6693 | HKD LIM SPA                              | 1  | M00000201255 | M00000201255 |
| 6694 | HKD LINDA SHOP                           | 1  | M00000205710 | M00000205710 |
| 6695 | HKD LINH AN                              | 1  | M00000091801 | M00000091801 |
| 6696 | HKD LINH DUONG FASHION                   | 2  | M00000150736 | M00000150737 |
| 6697 | HKD LINH KIEN DIEN THOAI TUONG LINH      | 1  | M00000140538 | M00000140538 |
| 6698 | HKD LINH LAN                             | 6  | M00000208643 | M00000208648 |
| 6699 | HKD LINH PHAP 1993                       | 2  | M00000044617 | M00000044618 |
| 6700 | HKD LINH PHU                             | 5  | M00000220774 | M00000220778 |
| 6701 | HKD LOC COC QUAN                         | 3  | M00000152252 | M00000152254 |
| 6702 | HKD LOC QUY CANG                         | 1  | M00000140527 | M00000140527 |
| 6703 | HKD LOCAL-CAFE & VINYL                   | 2  | M00000141498 | M00000141499 |
| 6704 | HKD LONA YOGA                            | 1  | M00000156813 | M00000156813 |
| 6705 | HKD LONG HEO NAM DINH                    | 2  | M00000222779 | M00000222780 |
| 6706 | HKD LONG PHUONG                          | 3  | M00000147707 | M00000147709 |
| 6707 | HKD LONG THANH 2                         | 3  | M00000225168 | M00000225170 |
| 6708 | HKD LOP MAM NON DOC LAP NGOI NHA TRE THO | 1  | M00000076175 | M00000076175 |
| 6709 | HKD LOP MAM NON DOC LAP THUY TIEN        | 1  | M00000070920 | M00000070920 |
| 6710 | HKD LOP MAM NON DOC LAP TUOI THO         | 1  | M00000153273 | M00000153273 |
| 6711 | HKD LOP TOAN THAY NAM NAQ                | 3  | M00000092092 | M00000092094 |
| 6712 | HKD LOTUS HOTEL & APARTMENT              | 1  | M00000059654 | M00000059654 |
| 6713 | HKD LUA BEAUTY                           | 3  | M00000126164 | M00000126166 |
| 6714 | HKD LUC QUAN - NHA NGHI LUC QUAN T2      | 7  | M00000081915 | M00000081921 |
| 6715 | HKD LUONG CAM HAN                        | 4  | M00000217620 | M00000217623 |
| 6716 | HKD LUONG HIEP                           | 3  | M00000054759 | M00000054761 |
| 6717 | HKD LUONG HONG NAM                       | 1  | M00000074855 | M00000074855 |
| 6718 | HKD LUONG HUE NGHI                       | 3  | M00000216760 | M00000216762 |
| 6719 | HKD LUONG MANH TAI                       | 1  | M00000217803 | M00000217803 |
| 6720 | HKD LUONG MY LINH                        | 1  | M00000140319 | M00000140319 |
| 6721 | HKD LUONG NGOC THAI                      | 1  | M00000071982 | M00000071982 |
| 6722 | HKD LUONG NGOC THANH                     | 63 | M00000072587 | M00000072649 |
| 6723 | HKD LUONG THI HA                         | 3  | M00000071875 | M00000071877 |
| 6724 | HKD LUONG THI MINH THINH                 | 5  | M00000019845 | M00000019849 |
| 6725 | HKD LUONG THI NHU                        | 1  | M00000074196 | M00000074196 |
| 6726 | HKD LUONG THI THUY                       | 2  | M00000057359 | M00000057360 |
| 6727 | HKD LUONG THI THUY                       | 1  | M00000061155 | M00000061155 |
| 6728 | HKD LUONG THI TUYEN 1977                 | 1  | M00000073501 | M00000073501 |
| 6729 | HKD LUONG VAN QUANG 1985                 | 3  | M00000046617 | M00000046619 |
| 6730 | HKD LUONG VAN THAM                       | 2  | M00000068783 | M00000068784 |
| 6731 | HKD LUONG VIET QUAN                      | 2  | M00000222773 | M00000222774 |
| 6732 | HKD LUU KY ANH                           | 4  | M00000074304 | M00000074307 |

|      |                                         |    |              |              |
|------|-----------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6733 | HKD LUU NGUYEN NGOC                     | 37 | M00000072651 | M00000072687 |
| 6734 | HKD LUU NIEM THANH NGO (NGO THI THANH)  | 1  | M00000135021 | M00000135021 |
| 6735 | HKD LUU THI HAO                         | 5  | M00000060012 | M00000060016 |
| 6736 | HKD LUU THI HONG NGAT                   | 3  | M00000072115 | M00000072117 |
| 6737 | HKD LUU THI NHUNG TUONG                 | 4  | M00000065522 | M00000065525 |
| 6738 | HKD LUU TRU NGUYEN HOAC LINH NHI        | 2  | M00000074221 | M00000074222 |
| 6739 | HKD LUU TUAN NGHIA                      | 2  | M00000075877 | M00000075878 |
| 6740 | HKD LUU VAN DONG                        | 2  | M00000075635 | M00000075636 |
| 6741 | HKD LUU VAN THANG                       | 1  | M00000061038 | M00000061038 |
| 6742 | HKD LUU VIET THAO                       | 1  | M00000059111 | M00000059111 |
| 6743 | HKD LUXUBU GAMING CS2                   | 1  | M00000091334 | M00000091334 |
| 6744 | HKD LY KIM NGAN                         | 3  | M00000221648 | M00000221650 |
| 6745 | HKD LY MY KEN                           | 5  | M00000091335 | M00000091339 |
| 6746 | HKD LY THI NGUYET                       | 3  | M00000091380 | M00000091382 |
| 6747 | HKD LY VAN DE                           | 4  | M00000069968 | M00000069971 |
| 6748 | HKD LY VAN VUI                          | 3  | M00000071143 | M00000071145 |
| 6749 | HKD M2                                  | 4  | M00000219281 | M00000219284 |
| 6750 | HKD MA HEO NUONG HAO HAO                | 1  | M00000091252 | M00000091252 |
| 6751 | HKD MA THI THAO LINH                    | 2  | M00000057528 | M00000057529 |
| 6752 | HKD MA THI TRAM                         | 1  | M00000129376 | M00000129376 |
| 6753 | HKD MADAME THAO RESTAURANT              | 5  | M00000215545 | M00000215549 |
| 6754 | HKD MAESTRO                             | 20 | M00000198450 | M00000198469 |
| 6755 | HKD MAI COFFEE HOUSE                    | 1  | M00000155785 | M00000155785 |
| 6756 | HKD MAI DO SI                           | 2  | M00000145976 | M00000145977 |
| 6757 | HKD MAI HUYNH I                         | 1  | M00000221581 | M00000221581 |
| 6758 | HKD MAI LAN                             | 1  | M00000221314 | M00000221314 |
| 6759 | HKD MAI MANH 79                         | 4  | M00000043343 | M00000043346 |
| 6760 | HKD MAI NGOC MINH TIEN                  | 6  | M00000206621 | M00000206626 |
| 6761 | HKD MAI NGUYEN                          | 2  | M00000129372 | M00000129373 |
| 6762 | HKD MAI THANH THU-LAU 68                | 1  | M00000225025 | M00000225025 |
| 6763 | HKD MAI THI GAM                         | 2  | M00000205347 | M00000205348 |
| 6764 | HKD MAI THI LOAN                        | 7  | M00000207575 | M00000207581 |
| 6765 | HKD MAI THI THU HONG                    | 1  | M00000114793 | M00000114793 |
| 6766 | HKD MAI THY                             | 8  | M00000192823 | M00000192830 |
| 6767 | HKD MAI TRUNG HUNG                      | 3  | M00000220582 | M00000220584 |
| 6768 | HKD MAI VAN NAM                         | 2  | M00000069304 | M00000069305 |
| 6769 | HKD MAIA PERFUME                        | 5  | M00000092992 | M00000092996 |
| 6770 | HKD MAISON ROYALE                       | 2  | M00000216438 | M00000216439 |
| 6771 | HKD MAM - TRA PHA MAY                   | 4  | M00000041532 | M00000041535 |
| 6772 | HKD MAM NON HOA BINH                    | 1  | M00000074421 | M00000074421 |
| 6773 | HKD MANDARIN                            | 2  | M00000124664 | M00000124665 |
| 6774 | HKD MANH MAY ANH                        | 1  | M00000028397 | M00000028397 |
| 6775 | HKD MANH ROSE                           | 2  | M00000223665 | M00000223666 |
| 6776 | HKD MANH TUONG MART                     | 45 | M00000062260 | M00000062304 |
| 6777 | HKD MARIA LUXURY SPA & ACADEMY PHU QUOC | 2  | M00000093511 | M00000093512 |
| 6778 | HKD MAT DEP                             | 5  | M00000190023 | M00000190027 |
| 6779 | HKD MAT KINH BV DIEN BIEN PHU           | 2  | M00000090641 | M00000090642 |
| 6780 | HKD MAT KINH DAI DUONG                  | 2  | M00000195133 | M00000195134 |
| 6781 | HKD MAT KINH DR.KHAI                    | 3  | M00000119036 | M00000119038 |
| 6782 | HKD MAT KINH HIEU                       | 2  | M00000199988 | M00000199989 |
| 6783 | HKD MAT KINH ITALIA                     | 3  | M00000220717 | M00000220719 |
| 6784 | HKD MAT KINH MERCY VISION CARE CENTER - | 1  | M00000219906 | M00000219906 |
| 6785 | HKD MAT KINH NGOC LAM                   | 13 | M00000215677 | M00000215689 |
| 6786 | HKD MAT KINH SAI GON NEW 2              | 2  | M00000224091 | M00000224092 |
| 6787 | HKD MAT KINH THUY HAI                   | 1  | M00000203408 | M00000203408 |
| 6788 | HKD MAT KINH TT EYEWEAR                 | 16 | M00000128736 | M00000128751 |
| 6789 | HKD MAT KINH TUAN HUY                   | 4  | M00000220457 | M00000220460 |
| 6790 | HKD MAT KINH-LUXURY-GLASSES             | 1  | M00000191547 | M00000191547 |
| 6791 | HKD MAT TROI SPA                        | 3  | M00000030465 | M00000030467 |
| 6792 | HKD MAY DESIGN 68                       | 3  | M00000216549 | M00000216551 |
| 6793 | HKD MAY MAC MUN                         | 3  | M00000044590 | M00000044592 |
| 6794 | HKD MAY SPA                             | 2  | M00000199406 | M00000199407 |
| 6795 | HKD MAY SPA 1988                        | 1  | M00000045559 | M00000045559 |
| 6796 | HKD MAY TINH TRAM                       | 22 | M00000221684 | M00000221705 |
| 6797 | HKD ME & BE SUMI                        | 6  | M00000070041 | M00000070046 |
| 6798 | HKD ME VA BE NHA DAM                    | 6  | M00000119264 | M00000119269 |
| 6799 | HKD MEI BEAUTE                          | 1  | M00000217841 | M00000217841 |
| 6800 | HKD MEO GRILL CHILL                     | 1  | M00000155304 | M00000155304 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 6801 | HKD MI CAY NAGA BINH DUONG               | 1  | M00000225173 | M00000225173 |
| 6802 | HKD MI QUANG PHO HOI                     | 1  | M00000220203 | M00000220203 |
| 6803 | HKD MICHELLE YOGA                        | 1  | M00000042943 | M00000042943 |
| 6804 | HKD MIE MIE SPA                          | 6  | M00000156511 | M00000156516 |
| 6805 | HKD MIEN LUON PHAN DAT                   | 1  | M00000223197 | M00000223197 |
| 6806 | HKD MIKAZUKT JAPANESE RESTOURANT & HOTEL | 11 | M00000054211 | M00000054221 |
| 6807 | HKD MIMI BEAUTYCARE                      | 2  | M00000223212 | M00000223213 |
| 6808 | HKD MIN COFFEE                           | 1  | M00000057490 | M00000057490 |
| 6809 | HKD MINA HOTEL AND SPA                   | 29 | M00000027335 | M00000027363 |
| 6810 | HKD MINH ANH - HEALTH & BEAUTY           | 1  | M00000220176 | M00000220176 |
| 6811 | HKD MINH BAKERY                          | 1  | M00000093294 | M00000093294 |
| 6812 | HKD MINH CHAU                            | 1  | M00000223215 | M00000223215 |
| 6813 | HKD MINH HIEU                            | 13 | M00000088586 | M00000088598 |
| 6814 | HKD MINH NHAN                            | 3  | M00000197650 | M00000197652 |
| 6815 | HKD MINH PHUONG                          | 1  | M00000091878 | M00000091878 |
| 6816 | HKD MINH QUAN                            | 16 | M00000218543 | M00000218558 |
| 6817 | HKD MINH QUOC VU                         | 4  | M00000143241 | M00000143244 |
| 6818 | HKD MINH SON PHAT                        | 2  | M00000133595 | M00000133596 |
| 6819 | HKD MINH TAM                             | 2  | M00000091853 | M00000091854 |
| 6820 | HKD MINH TAM THUY                        | 2  | M00000089509 | M00000089510 |
| 6821 | HKD MINH TIEP MOBILE                     | 1  | M00000092089 | M00000092089 |
| 6822 | HKD MINH VO                              | 1  | M00000216336 | M00000216336 |
| 6823 | HKD MINIGOODSTORE                        | 13 | M00000134829 | M00000134841 |
| 6824 | HKD MIROH STUDIO                         | 18 | M00000220783 | M00000220800 |
| 6825 | HKD MISS TIEN SPA                        | 15 | M00000084596 | M00000084610 |
| 6826 | HKD MIU SPA                              | 3  | M00000154000 | M00000154002 |
| 6827 | HKD MIU STORE                            | 3  | M00000144096 | M00000144098 |
| 6828 | HKD MIXUE KHUC THUA DU                   | 1  | M00000043080 | M00000043080 |
| 6829 | HKD MO SPA 1                             | 2  | M00000070348 | M00000070349 |
| 6830 | HKD MOBILE THANH VINH                    | 2  | M00000155320 | M00000155321 |
| 6831 | HKD MOC AN FARM MART                     | 2  | M00000137663 | M00000137664 |
| 6832 | HKD MOC BABY STORE- TANG 1,2;1988 COFFEE | 1  | M00000057642 | M00000057642 |
| 6833 | HKD MOC BEAUTIFUL                        | 1  | M00000061891 | M00000061891 |
| 6834 | HKD MOC HUY PHUC                         | 1  | M00000220650 | M00000220650 |
| 6835 | HKD MOC MIEN M.A.R.T                     | 2  | M00000196632 | M00000196633 |
| 6836 | HKD MOC NHIEU 18                         | 25 | M00000209523 | M00000209547 |
| 6837 | HKD MOCHI PEACHY                         | 3  | M00000132955 | M00000132957 |
| 6838 | HKD MOCKBA SPA & NAIL                    | 3  | M00000134027 | M00000134029 |
| 6839 | HKD MOKA ANA FOOD NHA TRANG              | 1  | M00000136041 | M00000136041 |
| 6840 | HKD MOON CHAM SOC DA                     | 3  | M00000147943 | M00000147945 |
| 6841 | HKD MOON SUN BOUTIQUE                    | 3  | M00000144101 | M00000144103 |
| 6842 | HKD MR LAM MILK TEA 5                    | 3  | M00000203364 | M00000203366 |
| 6843 | HKD MUOI GOI DAU DUONG SINH              | 7  | M00000223675 | M00000223681 |
| 6844 | HKD MUOI THANH                           | 3  | M00000092202 | M00000092204 |
| 6845 | HKD MY CAY SARANG                        | 1  | M00000227422 | M00000227422 |
| 6846 | HKD MY CAY SEOUL WIN VIET NAM - BUI DUC  | 15 | M00000046114 | M00000046128 |
| 6847 | HKD MY CHAU                              | 14 | M00000141106 | M00000141119 |
| 6848 | HKD MY DUNG                              | 2  | M00000090749 | M00000090750 |
| 6849 | HKD MY HOA LAGOON KITINGTOWN             | 3  | M00000129668 | M00000129670 |
| 6850 | HKD MY KHANH                             | 8  | M00000091503 | M00000091510 |
| 6851 | HKD MY LAN                               | 1  | M00000201411 | M00000201411 |
| 6852 | HKD MY LOVE INVITATION                   | 2  | M00000090479 | M00000090480 |
| 6853 | HKD MY PHAM ABU SQUARE                   | 4  | M00000152292 | M00000152295 |
| 6854 | HKD MY PHAM HUYEN TRANG                  | 1  | M00000084056 | M00000084056 |
| 6855 | HKD MY PHAM JAPAN NHAT BAN               | 6  | M00000040883 | M00000040888 |
| 6856 | HKD MY PHAM PHU LIEU TOC TUNG DUONG      | 1  | M00000090056 | M00000090056 |
| 6857 | HKD MY PHAM TINH HANG                    | 2  | M00000074742 | M00000074743 |
| 6858 | HKD MY PHUONG                            | 2  | M00000146923 | M00000146924 |
| 6859 | HKD MY TUONG VIEN                        | 3  | M00000021499 | M00000021501 |
| 6860 | HKD MY VIEN QUOC TE ASIA                 | 1  | M00000090289 | M00000090289 |
| 6861 | HKD NAGOMI NGUYEN THI HANG               | 3  | M00000032897 | M00000032899 |
| 6862 | HKD NAM CANH 10                          | 5  | M00000090523 | M00000090527 |
| 6863 | HKD NAM CUONG                            | 1  | M00000041621 | M00000041621 |
| 6864 | HKD NAM DANH                             | 4  | M00000119385 | M00000119388 |
| 6865 | HKD NAM LUN                              | 1  | M00000091125 | M00000091125 |
| 6866 | HKD NAM QUAN                             | 1  | M00000156689 | M00000156689 |
| 6867 | HKD NAM QUANG                            | 2  | M00000223797 | M00000223798 |
| 6868 | HKD NAM Y THIEN DUOC                     | 3  | M00000090746 | M00000090748 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 6869 | HKD NAMS STORE                           | 19  | M00000220842 | M00000220860 |
| 6870 | HKD NANCY NGUYEN 87                      | 2   | M00000221671 | M00000221672 |
| 6871 | HKD NANG QUE                             | 1   | M00000145738 | M00000145738 |
| 6872 | HKD NATHAN THAI FUSION RESTAURANT        | 2   | M00000149896 | M00000149897 |
| 6873 | HKD NEM BEN TRE                          | 1   | M00000091133 | M00000091133 |
| 6874 | HKD NEM CHUA THANH THUY                  | 2   | M00000155702 | M00000155703 |
| 6875 | HKD NEM NUONG NHA TRANG 2                | 1   | M00000091855 | M00000091855 |
| 6876 | HKD NET DEP VIET                         | 3   | M00000194812 | M00000194814 |
| 6877 | HKD NEW KOTO                             | 37  | M00000148947 | M00000148983 |
| 6878 | HKD NGA CHIEN QUAN AO THOI TRANG         | 1   | M00000068818 | M00000068818 |
| 6879 | HKD NGA LE                               | 5   | M00000141311 | M00000141315 |
| 6880 | HKD NGA VAN                              | 1   | M00000072693 | M00000072693 |
| 6881 | HKD NGHIA DAU BAC                        | 2   | M00000091824 | M00000091825 |
| 6882 | HKD NGHIA DUNG SPORTS                    | 1   | M00000144956 | M00000144956 |
| 6883 | HKD NGHIEM DINH MINH 77                  | 2   | M00000070604 | M00000070605 |
| 6884 | HKD NGHIEM NHUNG                         | 7   | M00000068659 | M00000068665 |
| 6885 | HKD NGO DINH HUY 1979                    | 2   | M00000225415 | M00000225416 |
| 6886 | HKD NGO GAI                              | 9   | M00000091340 | M00000091348 |
| 6887 | HKD NGO HUU MANH                         | 4   | M00000071136 | M00000071139 |
| 6888 | HKD NGO LAN DUNG                         | 4   | M00000069972 | M00000069975 |
| 6889 | HKD NGO QUANG CAM                        | 4   | M00000199777 | M00000199780 |
| 6890 | HKD NGO QUANG TIEN                       | 2   | M00000076227 | M00000076228 |
| 6891 | HKD NGO QUOC TUAN                        | 9   | M00000154301 | M00000154309 |
| 6892 | HKD NGO QUY THIEN NHAT                   | 3   | M00000114813 | M00000114815 |
| 6893 | HKD NGO THE BAO                          | 7   | M00000083417 | M00000083423 |
| 6894 | HKD NGO THE KIM                          | 2   | M00000068510 | M00000068511 |
| 6895 | HKD NGO THI GIANG 1990                   | 11  | M00000069289 | M00000069299 |
| 6896 | HKD NGO THI HAI HUONG                    | 7   | M00000150793 | M00000150799 |
| 6897 | HKD NGO THI HANH                         | 4   | M00000072250 | M00000072253 |
| 6898 | HKD NGO THI HANH1980                     | 1   | M00000074957 | M00000074957 |
| 6899 | HKD NGO THI HOA                          | 1   | M00000069486 | M00000069486 |
| 6900 | HKD NGO THI HONG YEN                     | 7   | M00000211607 | M00000211613 |
| 6901 | HKD NGO THI HUE                          | 1   | M00000073579 | M00000073579 |
| 6902 | HKD NGO THI KIM ANH                      | 2   | M00000218991 | M00000218992 |
| 6903 | HKD NGO THI NGOC NGAN                    | 1   | M00000142123 | M00000142123 |
| 6904 | HKD NGO THI THANH THAO                   | 1   | M00000074001 | M00000074001 |
| 6905 | HKD NGO THI THINH                        | 2   | M00000068176 | M00000068177 |
| 6906 | HKD NGO TIEN DINH                        | 4   | M00000218313 | M00000218316 |
| 6907 | HKD NGO VAN TAM                          | 1   | M00000091436 | M00000091436 |
| 6908 | HKD NGO VAN THAP                         | 1   | M00000152769 | M00000152769 |
| 6909 | HKD NGO VIET LY                          | 2   | M00000072580 | M00000072581 |
| 6910 | HKD NGO XUAN LOAN                        | 1   | M00000087877 | M00000087877 |
| 6911 | HKD NGOC ANH CHUAN SHOP                  | 1   | M00000043340 | M00000043340 |
| 6912 | HKD NGOC ANH MOBILE                      | 2   | M00000218724 | M00000218725 |
| 6913 | HKD NGOC CHAU LUXURY                     | 7   | M00000125857 | M00000125863 |
| 6914 | HKD NGOC DANG                            | 1   | M00000227341 | M00000227341 |
| 6915 | HKD NGOC HA                              | 8   | M00000194430 | M00000194437 |
| 6916 | HKD NGOC HA DESIGN                       | 6   | M00000039603 | M00000039608 |
| 6917 | HKD NGOC HANH 78                         | 4   | M00000072240 | M00000072243 |
| 6918 | HKD NGOC HOA                             | 1   | M00000113678 | M00000113678 |
| 6919 | HKD NGOC PHAT RIVERSIDE                  | 1   | M00000090486 | M00000090486 |
| 6920 | HKD NGOC TAI NGUYEN                      | 2   | M00000147582 | M00000147583 |
| 6921 | HKD NGOC TRAI VA LUU NIEM LEGEND HA LONG | 321 | M00000066170 | M00000066490 |
| 6922 | HKD NGOC TRAI VIET                       | 30  | M00000138391 | M00000138420 |
| 6923 | HKD NGOI NHA SUC KHOE                    | 4   | M00000093290 | M00000093293 |
| 6924 | HKD NGOI NHA VUI VE - PHAYA THAI         | 6   | M00000201218 | M00000201223 |
| 6925 | HKD NGOT DESSERT - NGUYEN VAN LOC        | 14  | M00000047393 | M00000047406 |
| 6926 | HKD NGU KIM TAN TIEN                     | 25  | M00000145210 | M00000145234 |
| 6927 | HKD NGUYEN AI HOANG TRAM                 | 5   | M00000143844 | M00000143848 |
| 6928 | HKD NGUYEN AI PHUOC                      | 8   | M00000221534 | M00000221541 |
| 6929 | HKD NGUYEN ANH MINH                      | 2   | M00000073582 | M00000073583 |
| 6930 | HKD NGUYEN ANH QUOC 1974                 | 2   | M00000046623 | M00000046624 |
| 6931 | HKD NGUYEN ANH SANG                      | 2   | M00000072578 | M00000072579 |
| 6932 | HKD NGUYEN ANH VAN 92 BANH BAO           | 2   | M00000046628 | M00000046629 |
| 6933 | HKD NGUYEN BA DUY                        | 3   | M00000215550 | M00000215552 |
| 6934 | HKD NGUYEN BAO NAM                       | 1   | M00000068812 | M00000068812 |
| 6935 | HKD NGUYEN BICH NGOC                     | 2   | M00000020098 | M00000020099 |
| 6936 | HKD NGUYEN CAO CUONG                     | 2   | M00000068710 | M00000068711 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 6937 | HKD NGUYEN CAO MINH TUAN                 | 31  | M00000134691 | M00000134721 |
| 6938 | HKD NGUYEN CAO TIA                       | 3   | M00000152700 | M00000152702 |
| 6939 | HKD NGUYEN CONG DUC                      | 2   | M00000149472 | M00000149473 |
| 6940 | HKD NGUYEN CONG HAN                      | 2   | M00000217512 | M00000217513 |
| 6941 | HKD NGUYEN CONG KHANH                    | 1   | M00000215448 | M00000215448 |
| 6942 | HKD NGUYEN DAC TOAN                      | 1   | M00000049354 | M00000049354 |
| 6943 | HKD NGUYEN DAI PHUC                      | 2   | M00000124799 | M00000124800 |
| 6944 | HKD NGUYEN DANG CHINH 1985               | 16  | M00000074094 | M00000074109 |
| 6945 | HKD NGUYEN DANG LUC - 1972               | 6   | M00000044366 | M00000044371 |
| 6946 | HKD NGUYEN DINH DUY 869                  | 1   | M00000072246 | M00000072246 |
| 6947 | HKD NGUYEN DINH HOA                      | 17  | M00000143208 | M00000143224 |
| 6948 | HKD NGUYEN DINH NA                       | 3   | M00000073584 | M00000073586 |
| 6949 | HKD NGUYEN DINH SANG                     | 3   | M00000226689 | M00000226691 |
| 6950 | HKD NGUYEN DINH TUAN 1997                | 2   | M00000072984 | M00000072985 |
| 6951 | HKD NGUYEN DUC ANH                       | 1   | M00000074457 | M00000074457 |
| 6952 | HKD NGUYEN DUC CUONG. A                  | 1   | M00000059239 | M00000059239 |
| 6953 | HKD NGUYEN DUC HOAI                      | 2   | M00000019804 | M00000019805 |
| 6954 | HKD NGUYEN DUC LE                        | 6   | M00000222682 | M00000222687 |
| 6955 | HKD NGUYEN DUC LUAN                      | 4   | M00000069022 | M00000069025 |
| 6956 | HKD NGUYEN DUC MARKET                    | 16  | M00000027464 | M00000027479 |
| 6957 | HKD NGUYEN DUC THANH                     | 1   | M00000089825 | M00000089825 |
| 6958 | HKD NGUYEN DUC THIEN                     | 5   | M00000090165 | M00000090169 |
| 6959 | HKD NGUYEN DUC THO (QUAN AN UT THO)      | 6   | M00000085692 | M00000085697 |
| 6960 | HKD NGUYEN DUC THUAN                     | 4   | M00000062495 | M00000062498 |
| 6961 | HKD NGUYEN DUC TOAN 1986                 | 1   | M00000064420 | M00000064420 |
| 6962 | HKD NGUYEN DUY BAY                       | 588 | M00000117909 | M00000118496 |
| 6963 | HKD NGUYEN DUY GIANG                     | 1   | M00000223131 | M00000223131 |
| 6964 | HKD NGUYEN DUY KHANH                     | 1   | M00000072182 | M00000072182 |
| 6965 | HKD NGUYEN DUY QUY                       | 2   | M00000044673 | M00000044674 |
| 6966 | HKD NGUYEN DUY QUY                       | 1   | M00000222750 | M00000222750 |
| 6967 | HKD NGUYEN DUY THANH                     | 3   | M00000075025 | M00000075027 |
| 6968 | HKD NGUYEN DUY THANH 1971                | 1   | M00000069995 | M00000069995 |
| 6969 | HKD NGUYEN GIA ANH                       | 2   | M00000071937 | M00000071938 |
| 6970 | HKD NGUYEN GIA KHOA                      | 2   | M00000226419 | M00000226420 |
| 6971 | HKD NGUYEN HA TUAN                       | 2   | M00000042277 | M00000042278 |
| 6972 | HKD NGUYEN HAO                           | 1   | M00000132189 | M00000132189 |
| 6973 | HKD NGUYEN HOA DIEN THOAI,MAY TINH,LAPTO | 24  | M00000084974 | M00000084997 |
| 6974 | HKD NGUYEN HOAI ANH 235                  | 1   | M00000076742 | M00000076742 |
| 6975 | HKD NGUYEN HOAI THUONG                   | 4   | M00000146102 | M00000146105 |
| 6976 | HKD NGUYEN HOANG LONG SHOWROOM NOI THAT  | 5   | M00000144848 | M00000144852 |
| 6977 | HKD NGUYEN HOANG MINH                    | 2   | M00000089330 | M00000089331 |
| 6978 | HKD NGUYEN HONG NAM                      | 5   | M00000054292 | M00000054296 |
| 6979 | HKD NGUYEN HONG NHUNG                    | 1   | M00000076572 | M00000076572 |
| 6980 | HKD NGUYEN HONG QUAN                     | 6   | M00000120488 | M00000120493 |
| 6981 | HKD NGUYEN HONG SON 2001                 | 4   | M00000032949 | M00000032952 |
| 6982 | HKD NGUYEN HONG THU                      | 2   | M00000207179 | M00000207180 |
| 6983 | HKD NGUYEN HONG YEN                      | 3   | M00000217312 | M00000217314 |
| 6984 | HKD NGUYEN HUU DAO 1975                  | 1   | M00000057781 | M00000057781 |
| 6985 | HKD NGUYEN HUY DUC                       | 11  | M00000059758 | M00000059768 |
| 6986 | HKD NGUYEN HUYEN TRANG                   | 5   | M00000069163 | M00000069167 |
| 6987 | HKD NGUYEN HUYNH QUOC                    | 4   | M00000196492 | M00000196495 |
| 6988 | HKD NGUYEN HUYNH QUOC THANG              | 3   | M00000156669 | M00000156671 |
| 6989 | HKD NGUYEN KHAC DAI 76                   | 5   | M00000045250 | M00000045254 |
| 6990 | HKD NGUYEN KHAC TAM                      | 1   | M00000125238 | M00000125238 |
| 6991 | HKD NGUYEN KHANH HOA                     | 3   | M00000149801 | M00000149803 |
| 6992 | HKD NGUYEN KHANH LINH-1998               | 2   | M00000147857 | M00000147858 |
| 6993 | HKD NGUYEN KIEN CUONG                    | 9   | M00000049341 | M00000049349 |
| 6994 | HKD NGUYEN KIEU BEAUTY PHUN XAM THAM MY  | 1   | M00000128819 | M00000128819 |
| 6995 | HKD NGUYEN KIM TAI 1                     | 9   | M00000142231 | M00000142239 |
| 6996 | HKD NGUYEN KIM YEN                       | 7   | M00000215630 | M00000215636 |
| 6997 | HKD NGUYEN LI VI                         | 7   | M00000046369 | M00000046375 |
| 6998 | HKD NGUYEN LIEU DIEP TRA SAI GON         | 3   | M00000226037 | M00000226039 |
| 6999 | HKD NGUYEN MAI ANH                       | 4   | M00000117805 | M00000117808 |
| 7000 | HKD NGUYEN MAI LY                        | 1   | M00000027804 | M00000027804 |
| 7001 | HKD NGUYEN MANH HUNG                     | 2   | M00000074965 | M00000074966 |
| 7002 | HKD NGUYEN MANH MAO                      | 1   | M00000059012 | M00000059012 |
| 7003 | HKD NGUYEN MANH TUAN                     | 4   | M00000073415 | M00000073418 |
| 7004 | HKD NGUYEN MINH DUC                      | 4   | M00000072970 | M00000072973 |

|      |                                   |     |              |              |
|------|-----------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 7005 | HKD NGUYEN MINH TUAN              | 3   | M00000129179 | M00000129181 |
| 7006 | HKD NGUYEN NGOC BICH THU          | 2   | M00000224053 | M00000224054 |
| 7007 | HKD NGUYEN NGOC CHUNG             | 1   | M00000124239 | M00000124239 |
| 7008 | HKD NGUYEN NGOC HOANG LOC         | 6   | M00000209190 | M00000209195 |
| 7009 | HKD NGUYEN NGOC LINH HAI VAN      | 2   | M00000195447 | M00000195448 |
| 7010 | HKD NGUYEN NGOC LUAN VU           | 8   | M00000220180 | M00000220187 |
| 7011 | HKD NGUYEN NGOC NAM 1995          | 3   | M00000065358 | M00000065360 |
| 7012 | HKD NGUYEN NGOC NHU Y             | 1   | M00000135807 | M00000135807 |
| 7013 | HKD NGUYEN NGOC THANH             | 2   | M00000059580 | M00000059581 |
| 7014 | HKD NGUYEN NGOC TRA MY            | 2   | M00000090596 | M00000090597 |
| 7015 | HKD NGUYEN NGOC TUAN              | 2   | M00000037796 | M00000037797 |
| 7016 | HKD NGUYEN NHAT DUC               | 6   | M00000145244 | M00000145249 |
| 7017 | HKD NGUYEN NHAT THU               | 3   | M00000016954 | M00000016956 |
| 7018 | HKD NGUYEN NHU PHU                | 1   | M00000076231 | M00000076231 |
| 7019 | HKD NGUYEN PHAN THAO UYEN         | 1   | M00000156031 | M00000156031 |
| 7020 | HKD NGUYEN PHAN TUYET NHUNG       | 6   | M00000145547 | M00000145552 |
| 7021 | HKD NGUYEN PHUC TUAN- PAUL'S      | 2   | M00000221637 | M00000221638 |
| 7022 | HKD NGUYEN PHUONG NAM             | 2   | M00000070200 | M00000070201 |
| 7023 | HKD NGUYEN PHUONG THAO            | 16  | M00000091919 | M00000091934 |
| 7024 | HKD NGUYEN PHUONG TRANG           | 2   | M00000057862 | M00000057863 |
| 7025 | HKD NGUYEN QUANG DAT              | 6   | M00000070126 | M00000070131 |
| 7026 | HKD NGUYEN QUANG HOP              | 2   | M00000068578 | M00000068579 |
| 7027 | HKD NGUYEN QUANG HUY              | 1   | M00000064352 | M00000064352 |
| 7028 | HKD NGUYEN QUANG PHUC             | 4   | M00000127770 | M00000127773 |
| 7029 | HKD NGUYEN QUANG TUAN 1975        | 7   | M00000045584 | M00000045590 |
| 7030 | HKD NGUYEN QUOC AN                | 4   | M00000124201 | M00000124204 |
| 7031 | HKD NGUYEN QUOC DUNG              | 3   | M00000114790 | M00000114792 |
| 7032 | HKD NGUYEN QUOC TUAN              | 3   | M00000068513 | M00000068515 |
| 7033 | HKD NGUYEN QUYNH VINH             | 2   | M00000127222 | M00000127223 |
| 7034 | HKD NGUYEN TAN                    | 1   | M00000117773 | M00000117773 |
| 7035 | HKD NGUYEN TAT THANH              | 3   | M00000054299 | M00000054301 |
| 7036 | HKD NGUYEN THAI TRAN              | 1   | M00000091803 | M00000091803 |
| 7037 | HKD NGUYEN THANH BINH             | 11  | M00000072284 | M00000072294 |
| 7038 | HKD NGUYEN THANH CANH             | 1   | M00000223673 | M00000223673 |
| 7039 | HKD NGUYEN THANH HOA              | 2   | M00000129646 | M00000129647 |
| 7040 | HKD NGUYEN THANH HUNG 1991        | 4   | M00000075929 | M00000075932 |
| 7041 | HKD NGUYEN THANH LUAN 1994        | 1   | M00000043865 | M00000043865 |
| 7042 | HKD NGUYEN THANH TAM              | 1   | M00000152921 | M00000152921 |
| 7043 | HKD NGUYEN THANH TUAN - BLUE QUAN | 2   | M00000072260 | M00000072261 |
| 7044 | HKD NGUYEN THANH TUNG             | 1   | M00000062584 | M00000062584 |
| 7045 | HKD NGUYEN THE GIANG              | 6   | M00000057676 | M00000057681 |
| 7046 | HKD NGUYEN THE MANH               | 2   | M00000060863 | M00000060864 |
| 7047 | HKD NGUYEN THE THUONG             | 1   | M00000149711 | M00000149711 |
| 7048 | HKD NGUYEN THE TUNG               | 1   | M00000057549 | M00000057549 |
| 7049 | HKD NGUYEN THE VU                 | 1   | M00000074356 | M00000074356 |
| 7050 | HKD NGUYEN THI 63                 | 53  | M00000227752 | M00000227804 |
| 7051 | HKD NGUYEN THI ANH DIEP           | 3   | M00000220956 | M00000220958 |
| 7052 | HKD NGUYEN THI ANH THAO           | 1   | M00000091354 | M00000091354 |
| 7053 | HKD NGUYEN THI ANH THO 1982       | 2   | M00000074495 | M00000074496 |
| 7054 | HKD NGUYEN THI BAN                | 23  | M00000070762 | M00000070784 |
| 7055 | HKD NGUYEN THI BEN 1987           | 1   | M00000076230 | M00000076230 |
| 7056 | HKD NGUYEN THI BICH HIEN          | 5   | M00000141120 | M00000141124 |
| 7057 | HKD NGUYEN THI BICH HONG          | 2   | M00000091814 | M00000091815 |
| 7058 | HKD NGUYEN THI BICH LY 1          | 235 | M00000092223 | M00000092457 |
| 7059 | HKD NGUYEN THI BINH               | 2   | M00000205684 | M00000205685 |
| 7060 | HKD NGUYEN THI CAO LIET           | 1   | M00000149773 | M00000149773 |
| 7061 | HKD NGUYEN THI CHAM               | 1   | M00000069485 | M00000069485 |
| 7062 | HKD NGUYEN THI CHAU               | 3   | M00000070006 | M00000070008 |
| 7063 | HKD NGUYEN THI CHINH 83           | 1   | M00000152497 | M00000152497 |
| 7064 | HKD NGUYEN THI CHUNG 1976         | 2   | M00000076718 | M00000076719 |
| 7065 | HKD NGUYEN THI CUC HOA            | 4   | M00000062487 | M00000062490 |
| 7066 | HKD NGUYEN THI DAM                | 1   | M00000071870 | M00000071870 |
| 7067 | HKD NGUYEN THI DIEM HA            | 4   | M00000018975 | M00000018978 |
| 7068 | HKD NGUYEN THI DIEM TRAM          | 2   | M00000218304 | M00000218305 |
| 7069 | HKD NGUYEN THI DIEU               | 2   | M00000224764 | M00000224765 |
| 7070 | HKD NGUYEN THI DIEU HIEN CLEVER   | 5   | M00000041647 | M00000041651 |
| 7071 | HKD NGUYEN THI DIEU HUONG PK      | 1   | M00000147456 | M00000147456 |
| 7072 | HKD NGUYEN THI DIEU THUY          | 4   | M00000155870 | M00000155873 |



|      |                                |    |              |              |
|------|--------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7073 | HKD NGUYEN THI DINH            | 2  | M00000054222 | M00000054223 |
| 7074 | HKD NGUYEN THI DIU             | 1  | M00000068295 | M00000068295 |
| 7075 | HKD NGUYEN THI DUNG            | 6  | M00000073446 | M00000073451 |
| 7076 | HKD NGUYEN THI DUNG            | 6  | M00000134262 | M00000134267 |
| 7077 | HKD NGUYEN THI DUYEN           | 1  | M00000054739 | M00000054739 |
| 7078 | HKD NGUYEN THI DUYEN           | 1  | M00000069101 | M00000069101 |
| 7079 | HKD NGUYEN THI HA              | 67 | M00000038139 | M00000038205 |
| 7080 | HKD NGUYEN THI HA LINH         | 2  | M00000032144 | M00000032145 |
| 7081 | HKD NGUYEN THI HA TRANG        | 1  | M00000059512 | M00000059512 |
| 7082 | HKD NGUYEN THI HAI             | 1  | M00000073616 | M00000073616 |
| 7083 | HKD NGUYEN THI HAI LY          | 15 | M00000068161 | M00000068175 |
| 7084 | HKD NGUYEN THI HAI VAN         | 9  | M00000061958 | M00000061966 |
| 7085 | HKD NGUYEN THI HAI VUONG       | 4  | M00000220385 | M00000220388 |
| 7086 | HKD NGUYEN THI HAI YEN 1993    | 1  | M00000067609 | M00000067609 |
| 7087 | HKD NGUYEN THI HANG            | 2  | M00000152931 | M00000152932 |
| 7088 | HKD NGUYEN THI HANG            | 1  | M00000193707 | M00000193707 |
| 7089 | HKD NGUYEN THI HANH            | 8  | M00000061119 | M00000061126 |
| 7090 | HKD NGUYEN THI HANH            | 5  | M00000208440 | M00000208444 |
| 7091 | HKD NGUYEN THI HANH 1981       | 1  | M00000046612 | M00000046612 |
| 7092 | HKD NGUYEN THI HANH HA         | 1  | M00000068817 | M00000068817 |
| 7093 | HKD NGUYEN THI HAU             | 2  | M00000071100 | M00000071101 |
| 7094 | HKD NGUYEN THI HIEN 0328       | 37 | M00000030222 | M00000030258 |
| 7095 | HKD NGUYEN THI HIEN 1981       | 8  | M00000054177 | M00000054184 |
| 7096 | HKD NGUYEN THI HIEP 01         | 3  | M00000042972 | M00000042974 |
| 7097 | HKD NGUYEN THI HOA             | 6  | M00000120718 | M00000120723 |
| 7098 | HKD NGUYEN THI HOA             | 8  | M00000135824 | M00000135831 |
| 7099 | HKD NGUYEN THI HOA             | 2  | M00000209492 | M00000209493 |
| 7100 | HKD NGUYEN THI HOA 8989        | 3  | M00000074312 | M00000074314 |
| 7101 | HKD NGUYEN THI HOA HIEU        | 2  | M00000035764 | M00000035765 |
| 7102 | HKD NGUYEN THI HOAI THANH      | 1  | M00000089828 | M00000089828 |
| 7103 | HKD NGUYEN THI HOAN            | 1  | M00000156762 | M00000156762 |
| 7104 | HKD NGUYEN THI HOAN (CHUNG)    | 1  | M00000073420 | M00000073420 |
| 7105 | HKD NGUYEN THI HONG            | 15 | M00000121406 | M00000121420 |
| 7106 | HKD NGUYEN THI HONG            | 3  | M00000136038 | M00000136040 |
| 7107 | HKD NGUYEN THI HONG 75         | 1  | M00000150600 | M00000150600 |
| 7108 | HKD NGUYEN THI HONG CAFE       | 1  | M00000045260 | M00000045260 |
| 7109 | HKD NGUYEN THI HONG LY         | 1  | M00000042699 | M00000042699 |
| 7110 | HKD NGUYEN THI HONG PHONG      | 4  | M00000069279 | M00000069282 |
| 7111 | HKD NGUYEN THI HONG THU 2      | 2  | M00000143863 | M00000143864 |
| 7112 | HKD NGUYEN THI HONG XIEM       | 6  | M00000072529 | M00000072534 |
| 7113 | HKD NGUYEN THI HUE             | 9  | M00000060854 | M00000060862 |
| 7114 | HKD NGUYEN THI HUE             | 2  | M00000062305 | M00000062306 |
| 7115 | HKD NGUYEN THI HUONG           | 1  | M00000057550 | M00000057550 |
| 7116 | HKD NGUYEN THI HUONG           | 12 | M00000093310 | M00000093321 |
| 7117 | HKD NGUYEN THI HUONG           | 4  | M00000225458 | M00000225461 |
| 7118 | HKD NGUYEN THI HUONG 01        | 3  | M00000054208 | M00000054210 |
| 7119 | HKD NGUYEN THI HUONG 1222      | 1  | M00000071801 | M00000071801 |
| 7120 | HKD NGUYEN THI HUONG 1995      | 1  | M00000071524 | M00000071524 |
| 7121 | HKD NGUYEN THI HUONG 1996      | 15 | M00000059769 | M00000059783 |
| 7122 | HKD NGUYEN THI HUONG LAN 5     | 16 | M00000065784 | M00000065799 |
| 7123 | HKD NGUYEN THI HUONG PHUONG    | 3  | M00000071087 | M00000071089 |
| 7124 | HKD NGUYEN THI HUONG PL        | 1  | M00000062725 | M00000062725 |
| 7125 | HKD NGUYEN THI HUONG TQ 1979   | 1  | M00000046661 | M00000046661 |
| 7126 | HKD NGUYEN THI HUYEN           | 29 | M00000127179 | M00000127207 |
| 7127 | HKD NGUYEN THI KHANG (PHUC)    | 3  | M00000069449 | M00000069451 |
| 7128 | HKD NGUYEN THI KIM ANH         | 1  | M00000059679 | M00000059679 |
| 7129 | HKD NGUYEN THI KIM HA          | 3  | M00000150606 | M00000150608 |
| 7130 | HKD NGUYEN THI KIM HOA         | 1  | M00000074275 | M00000074275 |
| 7131 | HKD NGUYEN THI KIM HUYEN       | 1  | M00000091057 | M00000091057 |
| 7132 | HKD NGUYEN THI KIM NGOC        | 3  | M00000220259 | M00000220261 |
| 7133 | HKD NGUYEN THI KIM OANH 081965 | 2  | M00000076245 | M00000076246 |
| 7134 | HKD NGUYEN THI KIM VAN         | 2  | M00000090322 | M00000090323 |
| 7135 | HKD NGUYEN THI KIM YEN         | 15 | M00000193593 | M00000193607 |
| 7136 | HKD NGUYEN THI LAN             | 1  | M00000073427 | M00000073427 |
| 7137 | HKD NGUYEN THI LAN ANH         | 5  | M00000055106 | M00000055110 |
| 7138 | HKD NGUYEN THI LAN ANH         | 6  | M00000138382 | M00000138387 |
| 7139 | HKD NGUYEN THI LAN ANH 1983    | 4  | M00000041611 | M00000041614 |
| 7140 | HKD NGUYEN THI LAN HUONG       | 1  | M00000054506 | M00000054506 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7141 | HKD NGUYEN THI LIEN                      | 1  | M00000072263 | M00000072263 |
| 7142 | HKD NGUYEN THI LIEU                      | 2  | M00000074426 | M00000074427 |
| 7143 | HKD NGUYEN THI LOAN                      | 1  | M00000017505 | M00000017505 |
| 7144 | HKD NGUYEN THI LOAN HP                   | 6  | M00000067855 | M00000067860 |
| 7145 | HKD NGUYEN THI LY                        | 3  | M00000068977 | M00000068979 |
| 7146 | HKD NGUYEN THI MAI                       | 2  | M00000062430 | M00000062431 |
| 7147 | HKD NGUYEN THI MAI                       | 1  | M00000124869 | M00000124869 |
| 7148 | HKD NGUYEN THI MAI TRINH                 | 22 | M00000081537 | M00000081558 |
| 7149 | HKD NGUYEN THI MIEN                      | 8  | M00000071879 | M00000071886 |
| 7150 | HKD NGUYEN THI MINH LY LC                | 3  | M00000074050 | M00000074052 |
| 7151 | HKD NGUYEN THI MINH NGUYET               | 1  | M00000076035 | M00000076035 |
| 7152 | HKD NGUYEN THI MINH TAM PL               | 14 | M00000037849 | M00000037862 |
| 7153 | HKD NGUYEN THI MINH THU                  | 1  | M00000148920 | M00000148920 |
| 7154 | HKD NGUYEN THI MINH YEN                  | 2  | M00000046384 | M00000046385 |
| 7155 | HKD NGUYEN THI MONG LANH                 | 1  | M00000222765 | M00000222765 |
| 7156 | HKD NGUYEN THI MONG THO                  | 2  | M00000156519 | M00000156520 |
| 7157 | HKD NGUYEN THI MY                        | 5  | M00000195457 | M00000195461 |
| 7158 | HKD NGUYEN THI MY CHAU                   | 1  | M00000134689 | M00000134689 |
| 7159 | HKD NGUYEN THI MY HUONG                  | 6  | M00000072964 | M00000072969 |
| 7160 | HKD NGUYEN THI MY LINH - SHOP            | 8  | M00000223808 | M00000223815 |
| 7161 | HKD NGUYEN THI MY LOC                    | 5  | M00000145702 | M00000145706 |
| 7162 | HKD NGUYEN THI MY NGOC                   | 7  | M00000218535 | M00000218541 |
| 7163 | HKD NGUYEN THI NAM                       | 1  | M00000092222 | M00000092222 |
| 7164 | HKD NGUYEN THI NGA                       | 4  | M00000065777 | M00000065780 |
| 7165 | HKD NGUYEN THI NGA                       | 4  | M00000156951 | M00000156954 |
| 7166 | HKD NGUYEN THI NGA 032293                | 4  | M00000040476 | M00000040479 |
| 7167 | HKD NGUYEN THI NGA 1972                  | 1  | M00000150029 | M00000150029 |
| 7168 | HKD NGUYEN THI NGOC                      | 3  | M00000062925 | M00000062927 |
| 7169 | HKD NGUYEN THI NGOC                      | 9  | M00000070027 | M00000070035 |
| 7170 | HKD NGUYEN THI NGOC ANH                  | 1  | M00000029032 | M00000029032 |
| 7171 | HKD NGUYEN THI NGOC BICH                 | 1  | M00000199300 | M00000199300 |
| 7172 | HKD NGUYEN THI NGOC LINH                 | 13 | M00000120213 | M00000120225 |
| 7173 | HKD NGUYEN THI NGOC THO                  | 4  | M00000093354 | M00000093357 |
| 7174 | HKD NGUYEN THI NGOC THU                  | 1  | M00000059689 | M00000059689 |
| 7175 | HKD NGUYEN THI NHAM                      | 2  | M00000063700 | M00000063701 |
| 7176 | HKD NGUYEN THI NHAM                      | 16 | M00000147426 | M00000147441 |
| 7177 | HKD NGUYEN THI NHAN                      | 6  | M00000154060 | M00000154065 |
| 7178 | HKD NGUYEN THI NHAT QUYNH                | 2  | M00000121403 | M00000121404 |
| 7179 | HKD NGUYEN THI NHO                       | 4  | M00000090659 | M00000090662 |
| 7180 | HKD NGUYEN THI NHU PHUC                  | 1  | M00000145582 | M00000145582 |
| 7181 | HKD NGUYEN THI NHUNG                     | 3  | M00000117788 | M00000117790 |
| 7182 | HKD- NGUYEN THI OANH                     | 2  | M00000153494 | M00000153495 |
| 7183 | HKD NGUYEN THI OANH                      | 3  | M00000042311 | M00000042313 |
| 7184 | HKD NGUYEN THI PHU 1977                  | 2  | M00000152570 | M00000152571 |
| 7185 | HKD NGUYEN THI PHUONG                    | 8  | M00000059075 | M00000059082 |
| 7186 | HKD NGUYEN THI PHUONG                    | 24 | M00000060025 | M00000060048 |
| 7187 | HKD NGUYEN THI PHUONG                    | 7  | M00000126105 | M00000126111 |
| 7188 | HKD NGUYEN THI PHUONG                    | 4  | M00000127218 | M00000127221 |
| 7189 | HKD NGUYEN THI PHUONG                    | 3  | M00000222725 | M00000222727 |
| 7190 | HKD NGUYEN THI PHUONG - BAO DAI          | 1  | M00000069343 | M00000069343 |
| 7191 | HKD NGUYEN THI PHUONG 1962               | 3  | M00000073574 | M00000073576 |
| 7192 | HKD NGUYEN THI PHUONG 1978               | 2  | M00000069287 | M00000069288 |
| 7193 | HKD NGUYEN THI PHUONG 1983               | 7  | M00000068516 | M00000068522 |
| 7194 | HKD NGUYEN THI PHUONG 69                 | 3  | M00000044017 | M00000044019 |
| 7195 | HKD NGUYEN THI PHUONG THAO               | 2  | M00000091520 | M00000091521 |
| 7196 | HKD NGUYEN THI PHUONG THAO (BAO AN QUAN) | 22 | M00000074025 | M00000074046 |
| 7197 | HKD NGUYEN THI PHUONG THAO 13/11/2003    | 3  | M00000070857 | M00000070859 |
| 7198 | HKD NGUYEN THI PHUONG TRAM 1983          | 3  | M00000152766 | M00000152768 |
| 7199 | HKD NGUYEN THI QUA                       | 1  | M00000152552 | M00000152552 |
| 7200 | HKD NGUYEN THI QUE                       | 3  | M00000069307 | M00000069309 |
| 7201 | HKD NGUYEN THI QUY                       | 4  | M00000070141 | M00000070144 |
| 7202 | HKD NGUYEN THI QUYNH 1996                | 1  | M00000074069 | M00000074069 |
| 7203 | HKD NGUYEN THI SAM                       | 5  | M00000150295 | M00000150299 |
| 7204 | HKD NGUYEN THI TAM                       | 1  | M00000149608 | M00000149608 |
| 7205 | HKD NGUYEN THI THAI                      | 1  | M00000068983 | M00000068983 |
| 7206 | HKD NGUYEN THI THANH HANG 1997 SKY       | 4  | M00000075654 | M00000075657 |
| 7207 | HKD NGUYEN THI THANH HOA                 | 10 | M00000057516 | M00000057525 |
| 7208 | HKD NGUYEN THI THANH HOA VIP HOTEL & APA | 4  | M00000074338 | M00000074341 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7209 | HKD NGUYEN THI THANH HUYEN-WIT           | 3  | M00000149910 | M00000149912 |
| 7210 | HKD NGUYEN THI THANH MAI                 | 13 | M00000072831 | M00000072843 |
| 7211 | HKD NGUYEN THI THANH THUY                | 2  | M00000217836 | M00000217837 |
| 7212 | HKD NGUYEN THI THANH THUY 4              | 2  | M00000142427 | M00000142428 |
| 7213 | HKD NGUYEN THI THAO                      | 3  | M00000043196 | M00000043198 |
| 7214 | HKD NGUYEN THI THAO (KHACH SAN LASKA)    | 1  | M00000224664 | M00000224664 |
| 7215 | HKD NGUYEN THI THOAN 1996                | 1  | M00000044323 | M00000044323 |
| 7216 | HKD NGUYEN THI THOANG                    | 7  | M00000068580 | M00000068586 |
| 7217 | HKD NGUYEN THI THOM                      | 2  | M00000071912 | M00000071913 |
| 7218 | HKD NGUYEN THI THU                       | 8  | M00000019669 | M00000019676 |
| 7219 | HKD NGUYEN THI THU                       | 9  | M00000219518 | M00000219526 |
| 7220 | HKD NGUYEN THI THU - GIAN 75H            | 2  | M00000224868 | M00000224869 |
| 7221 | HKD NGUYEN THI THU CUC                   | 1  | M00000223672 | M00000223672 |
| 7222 | HKD NGUYEN THI THU HA 1992               | 18 | M00000066976 | M00000066993 |
| 7223 | HKD NGUYEN THI THU HANG 1981             | 1  | M00000070593 | M00000070593 |
| 7224 | HKD NGUYEN THI THU HANH                  | 10 | M00000071071 | M00000071080 |
| 7225 | HKD NGUYEN THI THU HUONG                 | 2  | M00000039975 | M00000039976 |
| 7226 | HKD NGUYEN THI THU HUONG                 | 1  | M00000070761 | M00000070761 |
| 7227 | HKD NGUYEN THI THU HUONG 82              | 2  | M00000149932 | M00000149933 |
| 7228 | HKD NGUYEN THI THU HUYEN                 | 22 | M00000069102 | M00000069123 |
| 7229 | HKD NGUYEN THI THU MINH                  | 1  | M00000219665 | M00000219665 |
| 7230 | HKD NGUYEN THI THU THAO                  | 10 | M00000070065 | M00000070074 |
| 7231 | HKD NGUYEN THI THU THUY (CUA HANG TIEN L | 3  | M00000120694 | M00000120696 |
| 7232 | HKD NGUYEN THI THU TRANG (NHA SACH CAN G | 1  | M00000088236 | M00000088236 |
| 7233 | HKD NGUYEN THI THUAN                     | 2  | M00000070202 | M00000070203 |
| 7234 | HKD NGUYEN THI THUAN 6                   | 1  | M00000072805 | M00000072805 |
| 7235 | HKD NGUYEN THI THUC ANH                  | 5  | M00000156565 | M00000156569 |
| 7236 | HKD NGUYEN THI THUONG                    | 2  | M00000057665 | M00000057666 |
| 7237 | HKD NGUYEN THI THUONG 1                  | 6  | M00000071146 | M00000071151 |
| 7238 | HKD NGUYEN THI THUONG THUONG             | 7  | M00000076160 | M00000076166 |
| 7239 | HKD NGUYEN THI THUY                      | 1  | M00000024134 | M00000024134 |
| 7240 | HKD NGUYEN THI THUY                      | 1  | M00000071106 | M00000071106 |
| 7241 | HKD NGUYEN THI THUY                      | 3  | M00000220591 | M00000220593 |
| 7242 | HKD NGUYEN THI THUY HUYEN                | 2  | M00000064301 | M00000064302 |
| 7243 | HKD NGUYEN THI THUY LINH                 | 32 | M00000069678 | M00000069709 |
| 7244 | HKD NGUYEN THI THUY NGA                  | 2  | M00000071163 | M00000071164 |
| 7245 | HKD NGUYEN THI THUY PHUONG               | 2  | M00000062723 | M00000062724 |
| 7246 | HKD NGUYEN THI TIEN 1992                 | 2  | M00000069376 | M00000069377 |
| 7247 | HKD NGUYEN THI TIEN GIANG                | 3  | M00000147650 | M00000147652 |
| 7248 | HKD NGUYEN THI TOAN 1988                 | 1  | M00000073453 | M00000073453 |
| 7249 | HKD NGUYEN THI TRANG 1998                | 1  | M00000032068 | M00000032068 |
| 7250 | HKD NGUYEN THI TU HUONG                  | 4  | M00000124263 | M00000124266 |
| 7251 | HKD NGUYEN THI TUONG                     | 79 | M00000133500 | M00000133578 |
| 7252 | HKD NGUYEN THI TUONG VI                  | 2  | M00000093421 | M00000093422 |
| 7253 | HKD NGUYEN THI TUYET                     | 2  | M00000142398 | M00000142399 |
| 7254 | HKD NGUYEN THI TUYET (TUAN)              | 45 | M00000068219 | M00000068263 |
| 7255 | HKD NGUYEN THI TUYET 10-1983             | 2  | M00000146925 | M00000146926 |
| 7256 | HKD NGUYEN THI TUYET MAI                 | 1  | M00000226344 | M00000226344 |
| 7257 | HKD NGUYEN THI UOC 85                    | 2  | M00000071417 | M00000071418 |
| 7258 | HKD NGUYEN THI UYEN                      | 1  | M00000073507 | M00000073507 |
| 7259 | HKD NGUYEN THI VAN 15                    | 7  | M00000064949 | M00000064955 |
| 7260 | HKD NGUYEN THI VAN ANH                   | 3  | M00000145707 | M00000145709 |
| 7261 | HKD NGUYEN THI VINH PL                   | 20 | M00000070886 | M00000070905 |
| 7262 | HKD NGUYEN THI XUAN TRANG                | 1  | M00000146281 | M00000146281 |
| 7263 | HKD NGUYEN THI YEN                       | 2  | M00000068920 | M00000068921 |
| 7264 | HKD NGUYEN THI YEN 1976                  | 1  | M00000071802 | M00000071802 |
| 7265 | HKD NGUYEN THI YEN PHUONG VIET TRI       | 1  | M00000061414 | M00000061414 |
| 7266 | HKD NGUYEN THIEN THACH THAO              | 4  | M00000140985 | M00000140988 |
| 7267 | HKD NGUYEN THIEN TIEN                    | 1  | M00000073526 | M00000073526 |
| 7268 | HKD NGUYEN THO BINH                      | 1  | M00000072114 | M00000072114 |
| 7269 | HKD NGUYEN THU TRANG                     | 1  | M00000218970 | M00000218970 |
| 7270 | HKD NGUYEN THUY MAI HD                   | 1  | M00000044400 | M00000044400 |
| 7271 | HKD NGUYEN THUY VY                       | 8  | M00000209484 | M00000209491 |
| 7272 | HKD NGUYEN TIEN PHUONG                   | 19 | M00000059938 | M00000059956 |
| 7273 | HKD NGUYEN TIEN QUANG 1994               | 2  | M00000068815 | M00000068816 |
| 7274 | HKD NGUYEN TIEN SU                       | 2  | M00000147488 | M00000147489 |
| 7275 | HKD NGUYEN TIEN THANH 1997               | 1  | M00000071153 | M00000071153 |
| 7276 | HKD NGUYEN TIEU MY - 1998                | 4  | M00000065630 | M00000065633 |

|      |                                       |    |              |              |
|------|---------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7277 | HKD NGUYEN TRA MY                     | 5  | M00000090590 | M00000090594 |
| 7278 | HKD NGUYEN TRONG QUANG - DANG THI NGA | 16 | M00000140096 | M00000140111 |
| 7279 | HKD NGUYEN TRUNG DUC DUC THO REN      | 4  | M00000072415 | M00000072418 |
| 7280 | HKD NGUYEN TRUNG LAP                  | 1  | M00000149584 | M00000149584 |
| 7281 | HKD NGUYEN TRUNG QUYET                | 9  | M00000068987 | M00000068995 |
| 7282 | HKD NGUYEN TU OANH                    | 5  | M00000039527 | M00000039531 |
| 7283 | HKD NGUYEN TU TIEN                    | 4  | M00000065626 | M00000065629 |
| 7284 | HKD NGUYEN TUAN ANH                   | 6  | M00000019765 | M00000019770 |
| 7285 | HKD NGUYEN TUAN ANH 119 NTH           | 3  | M00000040878 | M00000040880 |
| 7286 | HKD NGUYEN TUONG DONG                 | 20 | M00000074475 | M00000074494 |
| 7287 | HKD NGUYEN TY                         | 9  | M00000124242 | M00000124250 |
| 7288 | HKD NGUYEN TY NA                      | 1  | M00000208952 | M00000208952 |
| 7289 | HKD NGUYEN VAN AN                     | 1  | M00000125144 | M00000125144 |
| 7290 | HKD NGUYEN VAN BA                     | 1  | M00000220307 | M00000220307 |
| 7291 | HKD NGUYEN VAN BAO                    | 3  | M00000215601 | M00000215603 |
| 7292 | HKD NGUYEN VAN BINH 1968              | 1  | M00000072226 | M00000072226 |
| 7293 | HKD NGUYEN VAN CANH 1992              | 20 | M00000074624 | M00000074643 |
| 7294 | HKD NGUYEN VAN CHINH                  | 1  | M00000124529 | M00000124529 |
| 7295 | HKD NGUYEN VAN CONG                   | 1  | M00000222849 | M00000222849 |
| 7296 | HKD NGUYEN VAN DIEP                   | 1  | M00000071034 | M00000071034 |
| 7297 | HKD NGUYEN VAN DO                     | 3  | M00000068699 | M00000068701 |
| 7298 | HKD NGUYEN VAN DUNG (NAM)             | 6  | M00000068668 | M00000068673 |
| 7299 | HKD NGUYEN VAN DUNG 1973              | 30 | M00000147584 | M00000147613 |
| 7300 | HKD NGUYEN VAN DUONG                  | 5  | M00000072688 | M00000072692 |
| 7301 | HKD NGUYEN VAN GIANG                  | 5  | M00000055086 | M00000055090 |
| 7302 | HKD NGUYEN VAN GIANG                  | 1  | M00000072000 | M00000072000 |
| 7303 | HKD NGUYEN VAN HA                     | 6  | M00000195462 | M00000195467 |
| 7304 | HKD NGUYEN VAN HAI                    | 1  | M00000076108 | M00000076108 |
| 7305 | HKD NGUYEN VAN HAU                    | 9  | M00000057481 | M00000057489 |
| 7306 | HKD NGUYEN VAN HIEP                   | 1  | M00000209204 | M00000209204 |
| 7307 | HKD NGUYEN VAN HIEU                   | 1  | M00000071535 | M00000071535 |
| 7308 | HKD NGUYEN VAN HIEU 1993              | 2  | M00000068666 | M00000068667 |
| 7309 | HKD NGUYEN VAN HOA MEDIA              | 62 | M00000041536 | M00000041597 |
| 7310 | HKD NGUYEN VAN HOI                    | 1  | M00000069094 | M00000069094 |
| 7311 | HKD NGUYEN VAN HONG YL                | 2  | M00000071172 | M00000071173 |
| 7312 | HKD NGUYEN VAN HUONG                  | 2  | M00000046525 | M00000046526 |
| 7313 | HKD NGUYEN VAN KHOI                   | 2  | M00000074336 | M00000074337 |
| 7314 | HKD NGUYEN VAN KIM                    | 14 | M00000059498 | M00000059511 |
| 7315 | HKD NGUYEN VAN LOI 1993               | 8  | M00000071672 | M00000071679 |
| 7316 | HKD NGUYEN VAN LONG                   | 5  | M00000057317 | M00000057321 |
| 7317 | HKD NGUYEN VAN LUAN 1980              | 42 | M00000075031 | M00000075072 |
| 7318 | HKD NGUYEN VAN MANH                   | 1  | M00000055022 | M00000055022 |
| 7319 | HKD NGUYEN VAN MINH                   | 1  | M00000071564 | M00000071564 |
| 7320 | HKD NGUYEN VAN MINH                   | 3  | M00000072518 | M00000072520 |
| 7321 | HKD NGUYEN VAN NAM                    | 7  | M00000068674 | M00000068680 |
| 7322 | HKD NGUYEN VAN NGHI                   | 7  | M00000147344 | M00000147350 |
| 7323 | HKD NGUYEN VAN NGHIA 1962             | 1  | M00000073052 | M00000073052 |
| 7324 | HKD NGUYEN VAN NGOC                   | 1  | M00000073452 | M00000073452 |
| 7325 | HKD NGUYEN VAN NHUAN                  | 1  | M00000073324 | M00000073324 |
| 7326 | HKD NGUYEN VAN NHUNG 1972             | 1  | M00000048225 | M00000048225 |
| 7327 | HKD NGUYEN VAN OANH                   | 5  | M00000150020 | M00000150024 |
| 7328 | HKD NGUYEN VAN PHONG                  | 1  | M00000147950 | M00000147950 |
| 7329 | HKD NGUYEN VAN QUAN                   | 29 | M00000027027 | M00000027055 |
| 7330 | HKD NGUYEN VAN QUANG                  | 4  | M00000074946 | M00000074949 |
| 7331 | HKD NGUYEN VAN QUANG                  | 4  | M00000150732 | M00000150735 |
| 7332 | HKD NGUYEN VAN QUANG                  | 2  | M00000222460 | M00000222461 |
| 7333 | HKD NGUYEN VAN QUYEN                  | 10 | M00000047560 | M00000047569 |
| 7334 | HKD NGUYEN VAN QUYEN                  | 3  | M00000216922 | M00000216924 |
| 7335 | HKD NGUYEN VAN QUYNH 5320             | 1  | M00000071054 | M00000071054 |
| 7336 | HKD NGUYEN VAN SANG                   | 1  | M00000019624 | M00000019624 |
| 7337 | HKD NGUYEN VAN SO                     | 3  | M00000093406 | M00000093408 |
| 7338 | HKD NGUYEN VAN SU DV                  | 2  | M00000074955 | M00000074956 |
| 7339 | HKD NGUYEN VAN TAM                    | 6  | M00000058710 | M00000058715 |
| 7340 | HKD NGUYEN VAN TAN                    | 1  | M00000069369 | M00000069369 |
| 7341 | HKD NGUYEN VAN TAN                    | 1  | M00000075028 | M00000075028 |
| 7342 | HKD NGUYEN VAN THANG                  | 4  | M00000068687 | M00000068690 |
| 7343 | HKD NGUYEN VAN THANH                  | 1  | M00000073359 | M00000073359 |
| 7344 | HKD NGUYEN VAN THANH                  | 16 | M00000216314 | M00000216329 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7345 | HKD NGUYEN VAN THAO 1975                 | 1  | M00000044025 | M00000044025 |
| 7346 | HKD NGUYEN VAN THIN                      | 1  | M00000143843 | M00000143843 |
| 7347 | HKD NGUYEN VAN THU                       | 1  | M00000051120 | M00000051120 |
| 7348 | HKD NGUYEN VAN THUAN                     | 1  | M00000071686 | M00000071686 |
| 7349 | HKD NGUYEN VAN THUC (HAO)                | 5  | M00000074143 | M00000074147 |
| 7350 | HKD NGUYEN VAN TIEN 1987                 | 1  | M00000076794 | M00000076794 |
| 7351 | HKD NGUYEN VAN TOAN                      | 7  | M00000057444 | M00000057450 |
| 7352 | HKD NGUYEN VAN TOAN                      | 1  | M00000072414 | M00000072414 |
| 7353 | HKD NGUYEN VAN TOAN (MINH LONG)          | 4  | M00000221409 | M00000221412 |
| 7354 | HKD NGUYEN VAN TU                        | 4  | M00000071096 | M00000071099 |
| 7355 | HKD NGUYEN VAN TUAN                      | 16 | M00000029939 | M00000029954 |
| 7356 | HKD NGUYEN VAN TUAN 1984                 | 1  | M00000074954 | M00000074954 |
| 7357 | HKD NGUYEN VAN TUE                       | 1  | M00000222373 | M00000222373 |
| 7358 | HKD NGUYEN VAN UY                        | 2  | M00000061153 | M00000061154 |
| 7359 | HKD NGUYEN VAN VIEN 1977                 | 19 | M00000071362 | M00000071380 |
| 7360 | HKD NGUYEN VIET THANG                    | 1  | M00000110868 | M00000110868 |
| 7361 | HKD NGUYEN VINH HUY                      | 1  | M00000074497 | M00000074497 |
| 7362 | HKD NGUYEN VU                            | 3  | M00000093427 | M00000093429 |
| 7363 | HKD NGUYEN VUONG HUY HIEU                | 1  | M00000223527 | M00000223527 |
| 7364 | HKD NGUYEN XUAN DINH                     | 9  | M00000058922 | M00000058930 |
| 7365 | HKD NGUYEN XUAN DUNG                     | 4  | M00000069158 | M00000069161 |
| 7366 | HKD NGUYEN XUAN MANH 1983                | 2  | M00000068505 | M00000068506 |
| 7367 | HKD NGUYEN XUAN NGOAN-PHONG CHAN TRI Y H | 1  | M00000221644 | M00000221644 |
| 7368 | HKD NGUYEN XUAN NHAT                     | 1  | M00000073615 | M00000073615 |
| 7369 | HKD NGUYEN XUAN QUYET                    | 5  | M00000149987 | M00000149991 |
| 7370 | HKD NGUYEN XUAN QUYNH (TIEM HOA QUA)     | 4  | M00000125864 | M00000125867 |
| 7371 | HKD NGUYEN XUAN THOA                     | 3  | M00000065781 | M00000065783 |
| 7372 | HKD NGUYEN XUAN THUONG                   | 2  | M00000073602 | M00000073603 |
| 7373 | HKD NGUYEN XUAN TRUONG                   | 2  | M00000145561 | M00000145562 |
| 7374 | HKD NGUYEN XUAN VI                       | 1  | M00000070760 | M00000070760 |
| 7375 | HKD NGUYEN XUAN VIEN                     | 3  | M00000065567 | M00000065569 |
| 7376 | HKD NGUYET PHAN MOONSPA                  | 3  | M00000043995 | M00000043997 |
| 7377 | HKD NHA CA                               | 1  | M00000132054 | M00000132054 |
| 7378 | HKD NHA HANG 88                          | 3  | M00000073285 | M00000073287 |
| 7379 | HKD NHA HANG ALSULTAN HA NOI             | 1  | M00000024782 | M00000024782 |
| 7380 | HKD NHA HANG AN UONG PHO DEM             | 1  | M00000087058 | M00000087058 |
| 7381 | HKD NHA HANG BANH TRANG +                | 20 | M00000147906 | M00000147925 |
| 7382 | HKD NHA HANG BAR CAFE REI                | 2  | M00000065557 | M00000065558 |
| 7383 | HKD NHA HANG CHAY VA CAFE THONG DONG     | 2  | M00000227513 | M00000227514 |
| 7384 | HKD NHA HANG CHIEN QUANG                 | 3  | M00000089716 | M00000089718 |
| 7385 | HKD NHA HANG COM PHO PHUOC AN            | 3  | M00000071140 | M00000071142 |
| 7386 | HKD NHA HANG HAI MUONG                   | 5  | M00000134062 | M00000134066 |
| 7387 | HKD NHA HANG HIEP SI (VO THI MAN)        | 1  | M00000145243 | M00000145243 |
| 7388 | HKD NHA HANG HOANG HO CA MAU             | 7  | M00000090338 | M00000090344 |
| 7389 | HKD NHA HANG HOANG QUAN                  | 22 | M00000072118 | M00000072139 |
| 7390 | HKD NHA HANG IROHA                       | 17 | M00000192906 | M00000192922 |
| 7391 | HKD NHA HANG KAKA CAO SU-HAT             | 2  | M00000227750 | M00000227751 |
| 7392 | HKD NHA HANG KHANH DIU                   | 3  | M00000073331 | M00000073333 |
| 7393 | HKD NHA HANG KINH BAC 79                 | 21 | M00000071743 | M00000071763 |
| 7394 | HKD NHA HANG MAI AN KIM                  | 1  | M00000225466 | M00000225466 |
| 7395 | HKD NHA HANG MONACO LOUNGE               | 19 | M00000141087 | M00000141105 |
| 7396 | HKD NHA HANG NB TOKYO SUSHI              | 7  | M00000074238 | M00000074244 |
| 7397 | HKD NHA HANG NGON HAI DANG (NGUYEN THI B | 1  | M00000142122 | M00000142122 |
| 7398 | HKD NHA HANG NHAT BAN - JACKPOT          | 10 | M00000128434 | M00000128443 |
| 7399 | HKD NHA HANG NHAT BAN RYO SUSHI          | 12 | M00000202657 | M00000202668 |
| 7400 | HKD NHA HANG NHAT BAN VAN PHUC           | 8  | M00000041061 | M00000041068 |
| 7401 | HKD NHA HANG NU THAN MAT TROI            | 5  | M00000039532 | M00000039536 |
| 7402 | HKD NHA HANG PHO CU                      | 3  | M00000054200 | M00000054202 |
| 7403 | HKD NHA HANG QUY BEP                     | 10 | M00000067682 | M00000067691 |
| 7404 | HKD NHA HANG SUSHI HIEN (NGUYEN THE VIET | 2  | M00000156780 | M00000156781 |
| 7405 | HKD NHA HANG TO MO ( HOANG PHUONG HOA)   | 3  | M00000154187 | M00000154189 |
| 7406 | HKD NHA HANG TRA DAO SUITOPH NHAT BAN    | 7  | M00000021492 | M00000021498 |
| 7407 | HKD NHA HANG VU XUAN HUONG               | 1  | M00000152232 | M00000152232 |
| 7408 | HKD NHA HANG VUONG CHIM                  | 4  | M00000068501 | M00000068504 |
| 7409 | HKD NHA HANG YEN DUNG                    | 3  | M00000068684 | M00000068686 |
| 7410 | HKD NHA KHOA AN KHANG                    | 2  | M00000218080 | M00000218081 |
| 7411 | HKD NHA KHOA BAC SI HIEU - BAC SI TAM    | 34 | M00000091943 | M00000091976 |
| 7412 | HKD NHA KHOA BINH MINH ALINE             | 1  | M00000128782 | M00000128782 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7413 | HKD NHA KHOA BS SANG                     | 2  | M00000090951 | M00000090952 |
| 7414 | HKD NHA KHOA DENSLEY                     | 1  | M00000080725 | M00000080725 |
| 7415 | HKD NHA KHOA DIEU THIEN                  | 13 | M00000150403 | M00000150415 |
| 7416 | HKD NHA KHOA DR.TUAN                     | 10 | M00000217328 | M00000217337 |
| 7417 | HKD NHA KHOA DUC LUAN                    | 1  | M00000065528 | M00000065528 |
| 7418 | HKD NHA KHOA DUC THU                     | 1  | M00000147579 | M00000147579 |
| 7419 | HKD NHA KHOA HA GIANG                    | 4  | M00000073219 | M00000073222 |
| 7420 | HKD NHA KHOA HARU                        | 3  | M00000090805 | M00000090807 |
| 7421 | HKD NHA KHOA HIMLAM                      | 2  | M00000222746 | M00000222747 |
| 7422 | HKD NHA KHOA KIM PHUNG                   | 3  | M00000211036 | M00000211038 |
| 7423 | HKD NHA KHOA MINH TAN SOC TRANG          | 3  | M00000090512 | M00000090514 |
| 7424 | HKD NHA KHOA QT VIET PHAP                | 3  | M00000038026 | M00000038028 |
| 7425 | HKD NHA KHOA SAI GON 3D                  | 3  | M00000145910 | M00000145912 |
| 7426 | HKD NHA KHOA SO                          | 8  | M00000145787 | M00000145794 |
| 7427 | HKD NHA KHOA SYDNEY                      | 6  | M00000055166 | M00000055171 |
| 7428 | HKD NHA KHOA TAM DUC                     | 1  | M00000072420 | M00000072420 |
| 7429 | HKD NHA KHOA TAM DUC                     | 2  | M00000198471 | M00000198472 |
| 7430 | HKD NHA KHOA TAM THIEN MY                | 4  | M00000052503 | M00000052506 |
| 7431 | HKD NHA KHOA THANH VINH                  | 1  | M00000046473 | M00000046473 |
| 7432 | HKD NHA KHOA VIET DUC                    | 2  | M00000194695 | M00000194696 |
| 7433 | HKD NHA KHOA VIET MY                     | 3  | M00000146053 | M00000146055 |
| 7434 | HKD NHA NGHI AN BICH                     | 3  | M00000074235 | M00000074237 |
| 7435 | HKD NHA NGHI BAI DAU                     | 2  | M00000223198 | M00000223199 |
| 7436 | HKD NHA NGHI HOA HUONG DUONG             | 1  | M00000223415 | M00000223415 |
| 7437 | HKD NHA NGHI HOANG ANH                   | 5  | M00000133721 | M00000133725 |
| 7438 | HKD NHA NGHI HOANG GIA VIP               | 1  | M00000042548 | M00000042548 |
| 7439 | HKD NHA NGHI HOANG HUNG 79 (PHAN THI BAY | 1  | M00000193682 | M00000193682 |
| 7440 | HKD NHA NGHI NAM                         | 1  | M00000128646 | M00000128646 |
| 7441 | HKD NHA NGHI ROSE HOME                   | 3  | M00000222908 | M00000222910 |
| 7442 | HKD NHA NGHI TAY HO                      | 2  | M00000044068 | M00000044069 |
| 7443 | HKD NHA NGHI THAO DUONG                  | 2  | M00000225207 | M00000225208 |
| 7444 | HKD NHA NGHI VAN TRANG                   | 1  | M00000155241 | M00000155241 |
| 7445 | HKD NHA SACH CAT TUONG                   | 2  | M00000222768 | M00000222769 |
| 7446 | HKD NHA SACH HUYNH MAI                   | 1  | M00000091126 | M00000091126 |
| 7447 | HKD NHA SACH KIM KHANH                   | 7  | M00000152487 | M00000152493 |
| 7448 | HKD NHA SACH NHU HAI                     | 7  | M00000145574 | M00000145580 |
| 7449 | HKD NHA SACH SAO MAI                     | 6  | M00000089961 | M00000089966 |
| 7450 | HKD NHA SACH TRUNG TIN                   | 1  | M00000222576 | M00000222576 |
| 7451 | HKD NHA SAM 88                           | 2  | M00000074455 | M00000074456 |
| 7452 | HKD NHA THUOC 213 ( NGUYEN THI HIEN)     | 1  | M00000145875 | M00000145875 |
| 7453 | HKD NHA THUOC 52B NGUYEN TRAI            | 4  | M00000029033 | M00000029036 |
| 7454 | HKD NHA THUOC ADAM EVA                   | 15 | M00000146142 | M00000146156 |
| 7455 | HKD NHA THUOC AN NHI                     | 1  | M00000091477 | M00000091477 |
| 7456 | HKD NHA THUOC AN PHUONG                  | 1  | M00000019844 | M00000019844 |
| 7457 | HKD NHA THUOC ANH DUC 55                 | 1  | M00000042507 | M00000042507 |
| 7458 | HKD NHA THUOC ANH PHUONG                 | 5  | M00000149712 | M00000149716 |
| 7459 | HKD NHA THUOC AURA PHARMACY              | 2  | M00000149499 | M00000149500 |
| 7460 | HKD NHA THUOC BICH HUY                   | 2  | M00000020530 | M00000020531 |
| 7461 | HKD NHA THUOC CO PHE                     | 4  | M00000148923 | M00000148926 |
| 7462 | HKD NHA THUOC DINH YEN                   | 1  | M00000089816 | M00000089816 |
| 7463 | HKD NHA THUOC HAI ANH                    | 2  | M00000043082 | M00000043083 |
| 7464 | HKD NHA THUOC HANG ANH                   | 2  | M00000150895 | M00000150896 |
| 7465 | HKD NHA THUOC HOA BINH 03                | 5  | M00000136808 | M00000136812 |
| 7466 | HKD NHA THUOC HOA BINH 1                 | 14 | M00000137797 | M00000137810 |
| 7467 | HKD NHA THUOC HOA BINH 2                 | 1  | M00000137638 | M00000137638 |
| 7468 | HKD NHA THUOC HOANG MEN                  | 1  | M00000091209 | M00000091209 |
| 7469 | HKD NHA THUOC HOANG YEN                  | 1  | M00000129284 | M00000129284 |
| 7470 | HKD NHA THUOC HONG DUC                   | 4  | M00000134722 | M00000134725 |
| 7471 | HKD NHA THUOC HUE                        | 1  | M00000040770 | M00000040770 |
| 7472 | HKD NHA THUOC KHANH HUNG                 | 2  | M00000091620 | M00000091621 |
| 7473 | HKD NHA THUOC MINH DUC                   | 2  | M00000018078 | M00000018079 |
| 7474 | HKD NHA THUOC NGOC AI-NGUYEN TRUONG TOAN | 70 | M00000140211 | M00000140280 |
| 7475 | HKD NHA THUOC NGOC TRAN                  | 1  | M00000091253 | M00000091253 |
| 7476 | HKD NHA THUOC NGOC TRANG                 | 1  | M00000153623 | M00000153623 |
| 7477 | HKD NHA THUOC NHAN HOA 1                 | 1  | M00000134486 | M00000134486 |
| 7478 | HKD NHA THUOC NHAN HOA 3                 | 1  | M00000119048 | M00000119048 |
| 7479 | HKD NHA THUOC NHAN HOA 5                 | 2  | M00000119270 | M00000119271 |
| 7480 | HKD NHA THUOC NHAT LAM                   | 1  | M00000221679 | M00000221679 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7481 | HKD NHA THUOC NURY PHARM LOTTE           | 21 | M00000031368 | M00000031388 |
| 7482 | HKD NHA THUOC NURY PHARM MY DINH 1       | 9  | M00000048412 | M00000048420 |
| 7483 | HKD NHA THUOC PHUC AN 606                | 3  | M00000210836 | M00000210838 |
| 7484 | HKD NHA THUOC PHUOC NHAN 5               | 2  | M00000139720 | M00000139721 |
| 7485 | HKD NHA THUOC PHUONG CHAU 22             | 1  | M00000223848 | M00000223848 |
| 7486 | HKD NHA THUOC PHUONG DONG                | 1  | M00000146081 | M00000146081 |
| 7487 | HKD NHA THUOC PHUONG HUE +               | 2  | M00000042013 | M00000042014 |
| 7488 | HKD NHA THUOC TAM AN                     | 8  | M00000031933 | M00000031940 |
| 7489 | HKD NHA THUOC TAN THAI BINH              | 1  | M00000125142 | M00000125142 |
| 7490 | HKD NHA THUOC TAY HOANG ANH              | 9  | M00000142137 | M00000142145 |
| 7491 | HKD NHA THUOC TAY VAN ANH                | 1  | M00000221639 | M00000221639 |
| 7492 | HKD NHA THUOC THANG HOA                  | 5  | M00000121292 | M00000121296 |
| 7493 | HKD NHA THUOC THANG NGA                  | 1  | M00000072225 | M00000072225 |
| 7494 | HKD NHA THUOC THANH BINH                 | 1  | M00000147862 | M00000147862 |
| 7495 | HKD NHA THUOC THANH 307A                 | 41 | M00000072537 | M00000072577 |
| 7496 | HKD NHA THUOC THINH HUONG                | 2  | M00000153515 | M00000153516 |
| 7497 | HKD NHA THUOC THU HOAI                   | 5  | M00000071709 | M00000071713 |
| 7498 | HKD NHA THUOC TRI AN                     | 1  | M00000223990 | M00000223990 |
| 7499 | HKD NHA THUOC TRI AN 2                   | 1  | M00000223989 | M00000223989 |
| 7500 | HKD NHA THUOC TRUNG TAM                  | 1  | M00000074315 | M00000074315 |
| 7501 | HKD NHA THUOC TRUONG GIANG S             | 1  | M00000141083 | M00000141083 |
| 7502 | HKD NHA THUOC TU NHAN 14 PHAM NGU LAO    | 6  | M00000156717 | M00000156722 |
| 7503 | HKD NHA THUOC TUAN TU                    | 1  | M00000068646 | M00000068646 |
| 7504 | HKD NHA THUOC VINH CHAU                  | 48 | M00000220533 | M00000220580 |
| 7505 | HKD NHA THUOC VITA PHARMACY 3            | 2  | M00000116928 | M00000116929 |
| 7506 | HKD NHA THUOC XUAN HONG                  | 5  | M00000210839 | M00000210843 |
| 7507 | HKD NHA TRANG VIP SPA                    | 1  | M00000144200 | M00000144200 |
| 7508 | HKD NHA TRO 26TTH                        | 1  | M00000143273 | M00000143273 |
| 7509 | HKD NHA TRO 86/36                        | 4  | M00000222678 | M00000222681 |
| 7510 | HKD NHA TRO BUI THANH CONG 2             | 3  | M00000225699 | M00000225701 |
| 7511 | HKD NHA TRO DAO THI THANH THUY           | 1  | M00000222502 | M00000222502 |
| 7512 | HKD NHA TRO LONG HAI                     | 1  | M00000091869 | M00000091869 |
| 7513 | HKD NHAI BANH DA CUA BO                  | 2  | M00000046964 | M00000046965 |
| 7514 | HKD NHAT LINH                            | 4  | M00000019690 | M00000019693 |
| 7515 | HKD NHAT THANH                           | 2  | M00000054302 | M00000054303 |
| 7516 | HKD NHI NHI SPA                          | 2  | M00000090984 | M00000090985 |
| 7517 | HKD NHOM KINH AN DUYEN                   | 4  | M00000221361 | M00000221364 |
| 7518 | HKD NHU QUOC HAI HAIR & BEAUTY           | 2  | M00000043221 | M00000043222 |
| 7519 | HKD NHU TERRY SHOP                       | 4  | M00000147374 | M00000147377 |
| 7520 | HKD NHU THI KIM OANH                     | 3  | M00000090162 | M00000090164 |
| 7521 | HKD NHU Y                                | 10 | M00000089370 | M00000089379 |
| 7522 | HKD NHU Y                                | 1  | M00000216208 | M00000216208 |
| 7523 | HKD NINH THI THOM                        | 5  | M00000067798 | M00000067802 |
| 7524 | HKD NOI DECAL                            | 1  | M00000215500 | M00000215500 |
| 7525 | HKD NOI THAT BMT I                       | 3  | M00000156825 | M00000156827 |
| 7526 | HKD NOI THAT TRUONG PHAT                 | 1  | M00000093409 | M00000093409 |
| 7527 | HKD NOI THAT XAY DUNG HUNG PHAT          | 1  | M00000222382 | M00000222382 |
| 7528 | HKD NONG SAN HAI GIANG                   | 2  | M00000044730 | M00000044731 |
| 7529 | HKD NONG THI TRA                         | 7  | M00000074606 | M00000074612 |
| 7530 | HKD NONG THU HA                          | 1  | M00000071053 | M00000071053 |
| 7531 | HKD NONG VAN DUNG                        | 1  | M00000072517 | M00000072517 |
| 7532 | HKD NOODLE & ROLL                        | 1  | M00000043030 | M00000043030 |
| 7533 | HKD NOOK NOOK HOMESTAY 2                 | 2  | M00000227074 | M00000227075 |
| 7534 | HKD NOYA BEAVTY                          | 5  | M00000145180 | M00000145184 |
| 7535 | HKD NPP HUONG THU HIEN CHINH HANG-DAI LY | 1  | M00000069026 | M00000069026 |
| 7536 | HKD NT HAIR SALON                        | 2  | M00000074133 | M00000074134 |
| 7537 | HKD NUMPTY S 130A                        | 1  | M00000226093 | M00000226093 |
| 7538 | HKD NUONG HOMESTAY                       | 1  | M00000147946 | M00000147946 |
| 7539 | HKD O ME LY                              | 13 | M00000220651 | M00000220663 |
| 7540 | HKD O.A.S.I.S                            | 33 | M00000206411 | M00000206443 |
| 7541 | HKD OASIS HOME                           | 5  | M00000135204 | M00000135208 |
| 7542 | HKD OC MAP                               | 56 | M00000222781 | M00000222836 |
| 7543 | HKD OC SON LOI                           | 1  | M00000076701 | M00000076701 |
| 7544 | HKD OC TRAN NGAN                         | 2  | M00000044884 | M00000044885 |
| 7545 | HKD OC TUYET 2                           | 14 | M00000216447 | M00000216460 |
| 7546 | HKD OCEAN PARK VIEW TASHI                | 13 | M00000140303 | M00000140315 |
| 7547 | HKD OCTOBER SKINLAB BY HOANG YEN         | 7  | M00000027388 | M00000027394 |
| 7548 | HKD OI CRAFT                             | 2  | M00000155944 | M00000155945 |

|      |                                         |     |              |              |
|------|-----------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 7549 | HKD ONE MORE REP-FITNEES STUDIO         | 3   | M00000090139 | M00000090141 |
| 7550 | HKD ONICI                               | 1   | M00000218726 | M00000218726 |
| 7551 | HKD ONNI HOUSE                          | 1   | M00000073996 | M00000073996 |
| 7552 | HKD ORCHID NAILS                        | 2   | M00000223077 | M00000223078 |
| 7553 | HKD ORIBERRY COFFEE PSM                 | 3   | M00000024079 | M00000024081 |
| 7554 | HKD ORIENT SPA HA NOI                   | 9   | M00000021208 | M00000021216 |
| 7555 | HKD ORY QUAN BANH TRANG CUON THIT HEO   | 3   | M00000149906 | M00000149908 |
| 7556 | HKD PANDA SHOP                          | 11  | M00000070100 | M00000070110 |
| 7557 | HKD PATE CO BICH                        | 1   | M00000042504 | M00000042504 |
| 7558 | HKD PATIN VUNG TAU                      | 2   | M00000224128 | M00000224129 |
| 7559 | HKD PEONY COFFEE 24H                    | 1   | M00000225719 | M00000225719 |
| 7560 | HKD PHAM ANH TAN                        | 11  | M00000124416 | M00000124426 |
| 7561 | HKD PHAM ANH TUAN                       | 8   | M00000061063 | M00000061070 |
| 7562 | HKD PHAM BAO THUY                       | 6   | M00000203558 | M00000203563 |
| 7563 | HKD PHAM BICH NGOC                      | 5   | M00000055152 | M00000055156 |
| 7564 | HKD PHAM CHI THANH                      | 3   | M00000046785 | M00000046787 |
| 7565 | HKD PHAM DINH HUNG                      | 7   | M00000055053 | M00000055059 |
| 7566 | HKD PHAM DUC PHONG                      | 1   | M00000070040 | M00000070040 |
| 7567 | HKD PHAM DUC SON                        | 3   | M00000043130 | M00000043132 |
| 7568 | HKD PHAM DUC TAI                        | 8   | M00000054877 | M00000054884 |
| 7569 | HKD PHAM GIA HAN 2006                   | 1   | M00000043464 | M00000043464 |
| 7570 | HKD PHAM HOANG LONG 2005                | 4   | M00000076461 | M00000076464 |
| 7571 | HKD PHAM HOANG SON BACH                 | 2   | M00000061394 | M00000061395 |
| 7572 | HKD PHAM HUNG                           | 1   | M00000043032 | M00000043032 |
| 7573 | HKD PHAM HUU NGOC - 69                  | 3   | M00000039916 | M00000039918 |
| 7574 | HKD PHAM HUY TOAN                       | 2   | M00000073370 | M00000073371 |
| 7575 | HKD PHAM HUYEN TRANG                    | 1   | M00000068959 | M00000068959 |
| 7576 | HKD PHAM MAI PHUONG THAO                | 3   | M00000091163 | M00000091165 |
| 7577 | HKD PHAM MANH HA                        | 6   | M00000065620 | M00000065625 |
| 7578 | HKD PHAM MANH THIEP                     | 2   | M00000031199 | M00000031200 |
| 7579 | HKD PHAM NGOC ANH 1975                  | 3   | M00000043480 | M00000043482 |
| 7580 | HKD PHAM NGOC BAO TRAM                  | 1   | M00000135122 | M00000135122 |
| 7581 | HKD PHAM NGOC HUNG                      | 1   | M00000218367 | M00000218367 |
| 7582 | HKD PHAM PHUONG DINH                    | 1   | M00000120939 | M00000120939 |
| 7583 | HKD PHAM PHUONG HUYEN                   | 6   | M00000041492 | M00000041497 |
| 7584 | HKD PHAM PHUONG LINH                    | 1   | M00000058719 | M00000058719 |
| 7585 | HKD PHAM QUANG TUAN 1975                | 3   | M00000135519 | M00000135521 |
| 7586 | HKD PHAM QUOC HAI                       | 23  | M00000227814 | M00000227836 |
| 7587 | HKD PHAM QUYET THANG                    | 3   | M00000150644 | M00000150646 |
| 7588 | HKD PHAM THAI ANH 1992                  | 900 | M00000048431 | M00000049330 |
| 7589 | HKD PHAM THAI SON                       | 2   | M00000069365 | M00000069366 |
| 7590 | HKD PHAM THI ANH HA                     | 1   | M00000122410 | M00000122410 |
| 7591 | HKD PHAM THI BICH THU                   | 112 | M00000193788 | M00000193899 |
| 7592 | HKD PHAM THI HA                         | 1   | M00000156092 | M00000156092 |
| 7593 | HKD PHAM THI HAI YEN 1987               | 5   | M00000072036 | M00000072040 |
| 7594 | HKD PHAM THI HOA                        | 1   | M00000091502 | M00000091502 |
| 7595 | HKD PHAM THI HUONG 1985                 | 2   | M00000041652 | M00000041653 |
| 7596 | HKD PHAM THI HUONG THAO                 | 1   | M00000220805 | M00000220805 |
| 7597 | HKD PHAM THI HUYEN                      | 6   | M00000069370 | M00000069375 |
| 7598 | HKD PHAM THI KIEU LOAN                  | 6   | M00000225875 | M00000225880 |
| 7599 | HKD PHAM THI KIM HUONG                  | 5   | M00000061885 | M00000061889 |
| 7600 | HKD PHAM THI MANH                       | 7   | M00000072975 | M00000072981 |
| 7601 | HKD PHAM THI MINH DUC                   | 12  | M00000069265 | M00000069276 |
| 7602 | HKD PHAM THI MINH TAM                   | 2   | M00000104450 | M00000104451 |
| 7603 | HKD PHAM THI MY                         | 6   | M00000145990 | M00000145995 |
| 7604 | HKD PHAM THI NAM 1985                   | 1   | M00000074860 | M00000074860 |
| 7605 | HKD PHAM THI NGOC 1985                  | 17  | M00000064398 | M00000064414 |
| 7606 | HKD PHAM THI NGOC CAFE PHONG TRA HANA 2 | 8   | M00000059646 | M00000059653 |
| 7607 | HKD PHAM THI NGOC DIEM                  | 9   | M00000211580 | M00000211588 |
| 7608 | HKD PHAM THI NGUYET                     | 10  | M00000196333 | M00000196342 |
| 7609 | HKD PHAM THI PHUOC                      | 1   | M00000139139 | M00000139139 |
| 7610 | HKD PHAM THI PHUONG                     | 1   | M00000090180 | M00000090180 |
| 7611 | HKD PHAM THI PHUONG LAN                 | 1   | M00000059709 | M00000059709 |
| 7612 | HKD PHAM THI THANH LAI ( 240 )          | 3   | M00000152528 | M00000152530 |
| 7613 | HKD PHAM THI THANH LOAN                 | 1   | M00000124310 | M00000124310 |
| 7614 | HKD PHAM THI THANH TAM                  | 4   | M00000063279 | M00000063282 |
| 7615 | HKD PHAM THI THANH THUY                 | 8   | M00000071817 | M00000071824 |
| 7616 | HKD PHAM THI THANH TRAM                 | 1   | M00000145768 | M00000145768 |



|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7617 | HKD PHAM THI THAO                        | 1  | M00000061393 | M00000061393 |
| 7618 | HKD PHAM THI THU HA                      | 2  | M00000060763 | M00000060764 |
| 7619 | HKD PHAM THI THU HOA                     | 2  | M00000070595 | M00000070596 |
| 7620 | HKD PHAM THI THUY DUNG                   | 1  | M00000041023 | M00000041023 |
| 7621 | HKD PHAM THI THUY MAI                    | 4  | M00000071852 | M00000071855 |
| 7622 | HKD PHAM THI TUYET - 11 HANG CAN         | 1  | M00000045986 | M00000045986 |
| 7623 | HKD PHAM THI TUYET ANH                   | 4  | M00000224759 | M00000224762 |
| 7624 | HKD PHAM THI TUYET MINH                  | 3  | M00000057782 | M00000057784 |
| 7625 | HKD PHAM THI VAN ANH 1999                | 1  | M00000071511 | M00000071511 |
| 7626 | HKD PHAM THI VY LA                       | 5  | M00000071844 | M00000071848 |
| 7627 | HKD PHAM TRAN KHANH                      | 2  | M00000135529 | M00000135530 |
| 7628 | HKD PHAM TRUNG VUONG                     | 3  | M00000074994 | M00000074996 |
| 7629 | HKD PHAM TUAN ANH                        | 6  | M00000060842 | M00000060847 |
| 7630 | HKD PHAM TUAN ANH 1992                   | 2  | M00000073321 | M00000073322 |
| 7631 | HKD PHAM VAN BINH                        | 1  | M00000068512 | M00000068512 |
| 7632 | HKD PHAM VAN CUONG - NHA HANG CUONG DE 3 | 7  | M00000149766 | M00000149772 |
| 7633 | HKD PHAM VAN HUNG                        | 2  | M00000147894 | M00000147895 |
| 7634 | HKD PHAM VAN HUNG 1967                   | 5  | M00000076680 | M00000076684 |
| 7635 | HKD PHAM VAN LAI                         | 1  | M00000145759 | M00000145759 |
| 7636 | HKD PHAM VAN LUYEN                       | 9  | M00000124882 | M00000124890 |
| 7637 | HKD PHAM VAN TUAN                        | 2  | M00000059324 | M00000059325 |
| 7638 | HKD PHAM VAN TUAN 1993                   | 2  | M00000149891 | M00000149892 |
| 7639 | HKD PHAM VAN TUYEN                       | 1  | M00000134726 | M00000134726 |
| 7640 | HKD PHAM XUAN HAO                        | 38 | M00000062432 | M00000062469 |
| 7641 | HKD PHAN DUC MANH                        | 16 | M00000074435 | M00000074450 |
| 7642 | HKD PHAN HUY HOANG                       | 9  | M00000125120 | M00000125128 |
| 7643 | HKD PHAN MINH THANH 1                    | 3  | M00000084735 | M00000084737 |
| 7644 | HKD PHAN NGOC DUNG                       | 42 | M00000134279 | M00000134320 |
| 7645 | HKD PHAN NHAN TRUC                       | 4  | M00000126130 | M00000126133 |
| 7646 | HKD PHAN NHU CHI THANH                   | 2  | M00000223186 | M00000223187 |
| 7647 | HKD PHAN PHU SANG                        | 1  | M00000091356 | M00000091356 |
| 7648 | HKD PHAN QUANG THAI                      | 1  | M00000222745 | M00000222745 |
| 7649 | HKD PHAN QUOC NGUYEN HD                  | 4  | M00000045263 | M00000045266 |
| 7650 | HKD PHAN THANH PHONG                     | 3  | M00000091276 | M00000091278 |
| 7651 | HKD PHAN THANH THUY                      | 3  | M00000024721 | M00000024723 |
| 7652 | HKD PHAN THI CONG LUONG                  | 3  | M00000138097 | M00000138099 |
| 7653 | HKD PHAN THI CUC                         | 4  | M00000059718 | M00000059721 |
| 7654 | HKD PHAN THI DAI TRANG                   | 1  | M00000201412 | M00000201412 |
| 7655 | HKD PHAN THI DIEP                        | 2  | M00000068963 | M00000068964 |
| 7656 | HKD PHAN THI HOA.BH                      | 1  | M00000222646 | M00000222646 |
| 7657 | HKD PHAN THI HUE                         | 2  | M00000070832 | M00000070833 |
| 7658 | HKD PHAN THI KHANH HOA                   | 1  | M00000148984 | M00000148984 |
| 7659 | HKD PHAN THI KIEU VAN 1990               | 2  | M00000071916 | M00000071917 |
| 7660 | HKD PHAN THI KIM OANH                    | 2  | M00000150728 | M00000150729 |
| 7661 | HKD PHAN THI PHUOC HAN                   | 1  | M00000155311 | M00000155311 |
| 7662 | HKD PHAN THI THANH                       | 1  | M00000220711 | M00000220711 |
| 7663 | HKD PHAN THI THUY                        | 1  | M00000130235 | M00000130235 |
| 7664 | HKD PHAN THI TUYET LAN 1971              | 2  | M00000072828 | M00000072829 |
| 7665 | HKD PHAN THI XUAN                        | 2  | M00000147352 | M00000147353 |
| 7666 | HKD PHAN THI XUAN VAN                    | 1  | M00000120178 | M00000120178 |
| 7667 | HKD PHAN VAN NHUAN                       | 9  | M00000087755 | M00000087763 |
| 7668 | HKD PHAN VAN VUNG                        | 1  | M00000071867 | M00000071867 |
| 7669 | HKD PHAP PHUC NGOC ANH                   | 2  | M00000072784 | M00000072785 |
| 7670 | HKD PHAT LOC                             | 75 | M00000132319 | M00000132393 |
| 7671 | HKD PHAYATHAI SPA-CN SUONG NGUYET ANH    | 6  | M00000205198 | M00000205203 |
| 7672 | HKD PHAYATHAI SPA-CN THONG NHAT          | 1  | M00000205204 | M00000205204 |
| 7673 | HKD PHE GOI DAU                          | 1  | M00000225166 | M00000225166 |
| 7674 | HKD PHI NGUYEN 2                         | 1  | M00000195503 | M00000195503 |
| 7675 | HKD PHO ANH HAI                          | 3  | M00000142386 | M00000142388 |
| 7676 | HKD PHO BAC - THANH NAM                  | 3  | M00000091166 | M00000091168 |
| 7677 | HKD PHO CHAO GA BUN MIEN NGAN            | 5  | M00000045551 | M00000045555 |
| 7678 | HKD PHO GA                               | 3  | M00000043838 | M00000043840 |
| 7679 | HKD PHO GA GIA LINH                      | 1  | M00000041601 | M00000041601 |
| 7680 | HKD PHO HA NOI THUY TRANG                | 2  | M00000222562 | M00000222563 |
| 7681 | HKD PHO HUONG GIANG                      | 1  | M00000048397 | M00000048397 |
| 7682 | HKD PHO NGOC 2                           | 6  | M00000218681 | M00000218686 |
| 7683 | HKD PHO NUONG TOKYO CHANH NGHIA          | 5  | M00000171069 | M00000171073 |
| 7684 | HKD PHO QUYEN                            | 1  | M00000223443 | M00000223443 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7685 | HKD PHO QUYNH                            | 7  | M00000156603 | M00000156609 |
| 7686 | HKD PHO ROLL                             | 2  | M00000041502 | M00000041503 |
| 7687 | HKD PHO SUONG                            | 1  | M00000071872 | M00000071872 |
| 7688 | HKD PHO THIN HA NOI - CHI NHANH PHU QUOC | 4  | M00000089326 | M00000089329 |
| 7689 | HKD PHO TIEN                             | 1  | M00000221547 | M00000221547 |
| 7690 | HKD PHO TO - IN MAU TRAN QUANG           | 1  | M00000219668 | M00000219668 |
| 7691 | HKD PHONG BLUE                           | 2  | M00000152219 | M00000152220 |
| 7692 | HKD PHONG CHAM SOC DA BYNP               | 1  | M00000140526 | M00000140526 |
| 7693 | HKD PHONG CHO THUE 699                   | 1  | M00000220414 | M00000220414 |
| 7694 | HKD PHONG CT YHCT NGUYEN THI HANH        | 3  | M00000047306 | M00000047308 |
| 7695 | HKD PHONG KHAM BENH NHI PHAM HAI         | 2  | M00000141492 | M00000141493 |
| 7696 | HKD PHONG KHAM CHAN DOAN HINH ANH        | 1  | M00000219238 | M00000219238 |
| 7697 | HKD PHONG KHAM CHUAN DOAN HINH ANH KINH  | 1  | M00000071091 | M00000071091 |
| 7698 | HKD PHONG KHAM CHUYEN KHOA DA LIEU PROCA | 10 | M00000218260 | M00000218269 |
| 7699 | HKD PHONG KHAM CHUYEN KHOA RANG HAM MAT  | 11 | M00000042749 | M00000042759 |
| 7700 | HKD PHONG KHAM CHUYEN KHOA RANG HAM MAT  | 1  | M00000227526 | M00000227526 |
| 7701 | HKD PHONG KHAM CHUYEN KHOA RHM NHA KHOA  | 3  | M00000037793 | M00000037795 |
| 7702 | HKD PHONG KHAM CHUYEN KHOA YHCT ONG LANG | 22 | M00000031060 | M00000031081 |
| 7703 | HKD PHONG KHAM CK RANG HAM MAT NGOC LAN  | 1  | M00000086687 | M00000086687 |
| 7704 | HKD PHONG KHAM DA KHOA AN SINH HA NOI    | 9  | M00000069036 | M00000069044 |
| 7705 | HKD PHONG KHAM DA LIEU THU HIEN          | 3  | M00000043998 | M00000044000 |
| 7706 | HKD PHONG KHAM DONG GIA                  | 3  | M00000153496 | M00000153498 |
| 7707 | HKD PHONG KHAM MANH HA                   | 5  | M00000145099 | M00000145103 |
| 7708 | HKD PHONG KHAM MAT BSKC II PHAN NHA UYEN | 3  | M00000146297 | M00000146299 |
| 7709 | HKD PHONG KHAM NGOC AN                   | 1  | M00000147645 | M00000147645 |
| 7710 | HKD PHONG KHAM NHA KHOA HAI CHAU         | 3  | M00000032040 | M00000032042 |
| 7711 | HKD PHONG KHAM NHA KHOA NHA KHOA VIET DU | 3  | M00000029099 | M00000029101 |
| 7712 | HKD PHONG KHAM NHA KHOA SINGDENT         | 18 | M00000212105 | M00000212122 |
| 7713 | HKD PHONG KHAM NHA KHOA THAM MY TUNG ANH | 1  | M00000072974 | M00000072974 |
| 7714 | HKD PHONG KHAM NHI KHOA BS. THACH THI NG | 1  | M00000092658 | M00000092658 |
| 7715 | HKD PHONG KHAM NHU Y                     | 2  | M00000225850 | M00000225851 |
| 7716 | HKD PHONG KHAM PHAU THUAT THAM MY DR.VU  | 5  | M00000207003 | M00000207007 |
| 7717 | HKD PHONG KHAM RANG HAM MAT ALIGN DENTAL | 1  | M00000040778 | M00000040778 |
| 7718 | HKD PHONG KHAM RANG HAM MAT BS NINH      | 1  | M00000090456 | M00000090456 |
| 7719 | HKD PHONG KHAM SAN NHI LIEN CUONG        | 3  | M00000090788 | M00000090790 |
| 7720 | HKD PHONG KHAM SAN PHU KHOA              | 3  | M00000071849 | M00000071851 |
| 7721 | HKD PHONG KHAM SAN PHU KHOA-BAC SI PHAN  | 12 | M00000091291 | M00000091302 |
| 7722 | HKD PHONG KHAM THAM MY NELLA             | 9  | M00000204184 | M00000204192 |
| 7723 | HKD PHONG KHAM THAM MY TD                | 8  | M00000068996 | M00000069003 |
| 7724 | HKD PHONG KHAM THU Y BAN ME VET          | 2  | M00000149881 | M00000149882 |
| 7725 | HKD PHONG KHAM THU Y PET HOME            | 5  | M00000088305 | M00000088309 |
| 7726 | HKD PHONG KHAM THU Y RONDON PET          | 1  | M00000219962 | M00000219962 |
| 7727 | HKD PHONG KHAM THU Y TIN PET             | 1  | M00000152494 | M00000152494 |
| 7728 | HKD PHONG KHAM Y HOC CO TRUYEN THAI BAO  | 1  | M00000204416 | M00000204416 |
| 7729 | HKD PHONG TAP GYM ONE COACH FITNESS      | 1  | M00000072002 | M00000072002 |
| 7730 | HKD PHONG TAP GYM, YOGA,TDND BODY FIX    | 1  | M00000217520 | M00000217520 |
| 7731 | HKD PHONG TRA LOUIS RESLIVE              | 3  | M00000199579 | M00000199581 |
| 7732 | HKD PHONG TRANH HOANG SON                | 2  | M00000029620 | M00000029621 |
| 7733 | HKD PHONG TRANH THANH PHAT               | 1  | M00000093394 | M00000093394 |
| 7734 | HKD PHONG VE DI NAO (PHAN QUOC HAI)      | 1  | M00000155736 | M00000155736 |
| 7735 | HKD PHONG XQUANG RANG - HAM - MAT        | 2  | M00000044732 | M00000044733 |
| 7736 | HKD PHONG XQUANG RANG HAM MAT            | 4  | M00000044796 | M00000044799 |
| 7737 | HKD PHOTOCOPY ANH HUY                    | 4  | M00000222904 | M00000222907 |
| 7738 | HKD PHU KIEN NAIL SAI THANH              | 2  | M00000191701 | M00000191702 |
| 7739 | HKD PHU KIEN PUNI                        | 2  | M00000092200 | M00000092201 |
| 7740 | HKD PHU KIEN THOI TRANG HONG AN          | 6  | M00000198965 | M00000198970 |
| 7741 | HKD PHU SY TOAN                          | 1  | M00000153274 | M00000153274 |
| 7742 | HKD PHU THI ANH NGA                      | 2  | M00000115349 | M00000115350 |
| 7743 | HKD PHU TUNG O TO DUONG VIET             | 1  | M00000040881 | M00000040881 |
| 7744 | HKD PHUC KHANG 2                         | 1  | M00000140539 | M00000140539 |
| 7745 | HKD PHUC LINH SHOP                       | 4  | M00000141565 | M00000141568 |
| 7746 | HKD PHUC TAN PHAT                        | 2  | M00000222934 | M00000222935 |
| 7747 | HKD PHUN XAM YEN LE                      | 1  | M00000048252 | M00000048252 |
| 7748 | HKD PHUNG NGOC THANH                     | 1  | M00000057667 | M00000057667 |
| 7749 | HKD PHUNG NGUYEN KIM CUONG               | 1  | M00000118818 | M00000118818 |
| 7750 | HKD PHUNG QUANG KHAI                     | 4  | M00000074346 | M00000074349 |
| 7751 | HKD PHUNG THI DUYEN 1984                 | 3  | M00000044586 | M00000044588 |
| 7752 | HKD PHUNG THI NHUNG                      | 2  | M00000057526 | M00000057527 |

|      |                                         |    |              |              |
|------|-----------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7753 | HKD PHUNG THI NHUNG 1989                | 3  | M00000076236 | M00000076238 |
| 7754 | HKD PHUNG THI THAM                      | 2  | M00000070075 | M00000070076 |
| 7755 | HKD PHUNG THI THANH                     | 2  | M00000075831 | M00000075832 |
| 7756 | HKD PHUNG THI THUY VINH                 | 1  | M00000068960 | M00000068960 |
| 7757 | HKD PHUNG VAN HUE 1963                  | 6  | M00000073555 | M00000073560 |
| 7758 | HKD PHUOC LONG                          | 1  | M00000083833 | M00000083833 |
| 7759 | HKD PHUOC MAI LX                        | 1  | M00000085585 | M00000085585 |
| 7760 | HKD PHUOC SNACK                         | 1  | M00000093347 | M00000093347 |
| 7761 | HKD PHUONG CHEM                         | 2  | M00000072991 | M00000072992 |
| 7762 | HKD PHUONG HANH                         | 3  | M00000227082 | M00000227084 |
| 7763 | HKD PHUONG HAO SAP 392 A2               | 1  | M00000042773 | M00000042773 |
| 7764 | HKD PHUONG LOAN                         | 1  | M00000223080 | M00000223080 |
| 7765 | HKD PHUONG MAN                          | 1  | M00000135129 | M00000135129 |
| 7766 | HKD PHUONG NAM                          | 2  | M00000155776 | M00000155777 |
| 7767 | HKD PHUONG THAO                         | 4  | M00000146919 | M00000146922 |
| 7768 | HKD PHUONG THAO KA                      | 1  | M00000149993 | M00000149993 |
| 7769 | HKD PHUONG VAN THUONG                   | 1  | M00000067896 | M00000067896 |
| 7770 | HKD PICKLEBALL VAN HIEN                 | 4  | M00000225348 | M00000225351 |
| 7771 | HKD PINE POOL                           | 12 | M00000220806 | M00000220817 |
| 7772 | HKD PINKTREE SAI GON                    | 11 | M00000190298 | M00000190308 |
| 7773 | HKD PK DA LIEU SUNFLOWER                | 5  | M00000037368 | M00000037372 |
| 7774 | HKD PK MAT, KINH THUOC, NHA THUOC, VTYT | 6  | M00000150395 | M00000150400 |
| 7775 | HKD PK NTH BS.NGUYEN TIEN LINH          | 1  | M00000220162 | M00000220162 |
| 7776 | HKD PK RHM - BS CHU THI QUYNH HUONG     | 11 | M00000018987 | M00000018997 |
| 7777 | HKD PK RHM, NHA KHOA NU CUOI 5          | 11 | M00000070743 | M00000070753 |
| 7778 | HKD PK SAN PHU KHOA LAN PHUONG          | 7  | M00000091226 | M00000091232 |
| 7779 | HKD PK SAN-PHU KHOA BSCK I VO THI THUAN | 3  | M00000156948 | M00000156950 |
| 7780 | HKD PK SPK - BS TRAM THIEN THANH        | 1  | M00000091355 | M00000091355 |
| 7781 | HKD PK THU Y BINH SON PET               | 1  | M00000154059 | M00000154059 |
| 7782 | HKD PK Y HOC CO TRUYEN THANH HA         | 1  | M00000092536 | M00000092536 |
| 7783 | HKD PKCK RANG HAM MAT NHAT TAN CS1      | 5  | M00000042967 | M00000042971 |
| 7784 | HKD PKCK TAO HINH THAM MY DR HUY        | 2  | M00000090102 | M00000090103 |
| 7785 | HKD PLUM VILLAGE                        | 3  | M00000076036 | M00000076038 |
| 7786 | HKD PT SMART PHONE                      | 5  | M00000131827 | M00000131831 |
| 7787 | HKD PU LUONG LUXURY VILLAS              | 6  | M00000152226 | M00000152231 |
| 7788 | HKD PUN BARBER HOUSE                    | 2  | M00000224508 | M00000224509 |
| 7789 | HKD QUA LUU NIEM                        | 24 | M00000193197 | M00000193220 |
| 7790 | HKD QUA VIET ACCOMMODATION              | 8  | M00000049362 | M00000049369 |
| 7791 | HKD QUACH THI DAO                       | 2  | M00000218962 | M00000218963 |
| 7792 | HKD QUACH THI HUYEN                     | 1  | M00000075107 | M00000075107 |
| 7793 | HKD QUACH VAN PHA                       | 51 | M00000084307 | M00000084357 |
| 7794 | HKD QUAN AN BAC HIEN                    | 7  | M00000221663 | M00000221669 |
| 7795 | HKD QUAN AN GIA DINH 79                 | 1  | M00000217893 | M00000217893 |
| 7796 | HKD QUAN AN GIA DINH A DIN              | 3  | M00000220340 | M00000220342 |
| 7797 | HKD QUAN AN GIA DINH OC BO SONG         | 1  | M00000218972 | M00000218972 |
| 7798 | HKD QUAN AN GIA DINH VUON TRAM          | 48 | M00000090690 | M00000090737 |
| 7799 | HKD QUAN AN HA VIT 1                    | 1  | M00000197303 | M00000197303 |
| 7800 | HKD QUAN AN HIEN NGUYET                 | 1  | M00000150004 | M00000150004 |
| 7801 | HKD QUAN AN HUNG GIA                    | 1  | M00000144464 | M00000144464 |
| 7802 | HKD QUAN AN JEJU                        | 2  | M00000135600 | M00000135601 |
| 7803 | HKD QUAN AN MINH MUC                    | 4  | M00000085748 | M00000085751 |
| 7804 | HKD QUAN AN PHUONG CUC                  | 2  | M00000145204 | M00000145205 |
| 7805 | HKD QUAN AN TAN PHUNG VY                | 3  | M00000217979 | M00000217981 |
| 7806 | HKD QUAN AO MAY SAN KIM LOAN            | 7  | M00000147510 | M00000147516 |
| 7807 | HKD QUAN AO MAY SAN NGOC THAO           | 93 | M00000085599 | M00000085691 |
| 7808 | HKD QUAN AO ME VA BE THU HONG           | 11 | M00000072162 | M00000072172 |
| 7809 | HKD QUAN AO MINH TAM                    | 1  | M00000073553 | M00000073553 |
| 7810 | HKD QUAN AO THOI TRANG N-S              | 11 | M00000191146 | M00000191156 |
| 7811 | HKD QUAN BUN BO HUE                     | 5  | M00000223792 | M00000223796 |
| 7812 | HKD QUAN CA PHE 105                     | 2  | M00000226632 | M00000226633 |
| 7813 | HKD QUAN CA PHE PHINHOLIC               | 9  | M00000115232 | M00000115240 |
| 7814 | HKD QUAN CA PHE PHUONG VY               | 1  | M00000224055 | M00000224055 |
| 7815 | HKD QUAN CA PHE PINGPONG                | 1  | M00000043520 | M00000043520 |
| 7816 | HKD QUAN CAY XOAI                       | 84 | M00000219299 | M00000219382 |
| 7817 | HKD QUAN CHAO LONG HOP LY 8             | 6  | M00000043215 | M00000043220 |
| 7818 | HKD QUAN CO UT                          | 1  | M00000221371 | M00000221371 |
| 7819 | HKD QUAN COM HUNG VAN                   | 4  | M00000149953 | M00000149956 |
| 7820 | HKD QUAN COM NGOC                       | 1  | M00000223437 | M00000223437 |

|      |                                      |    |              |              |
|------|--------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7821 | HKD QUAN EM OI                       | 2  | M00000092541 | M00000092542 |
| 7822 | HKD QUAN GIAI KHAT MAT CHA           | 4  | M00000090969 | M00000090972 |
| 7823 | HKD QUAN HU TIEU MUC TRINH           | 3  | M00000093397 | M00000093399 |
| 7824 | HKD QUAN HUNG LIEN                   | 2  | M00000074740 | M00000074741 |
| 7825 | HKD QUAN LONG HOP LY 2               | 1  | M00000043094 | M00000043094 |
| 7826 | HKD QUAN NGUYEN HAIR SALON           | 1  | M00000043151 | M00000043151 |
| 7827 | HKD QUAN NGUYENS                     | 1  | M00000204700 | M00000204700 |
| 7828 | HKD QUAN NHAU THAO VY                | 1  | M00000155942 | M00000155942 |
| 7829 | HKD QUAN NHI QUANG XUONG             | 1  | M00000150576 | M00000150576 |
| 7830 | HKD QUAN NHI TINH GIA                | 1  | M00000142126 | M00000142126 |
| 7831 | HKD QUAN NHU NGOC                    | 9  | M00000155931 | M00000155939 |
| 7832 | HKD QUAN NUONG SO 6                  | 26 | M00000031893 | M00000031918 |
| 7833 | HKD QUAN OC AN                       | 1  | M00000217095 | M00000217095 |
| 7834 | HKD QUAN OC ANH QUANG                | 3  | M00000091011 | M00000091013 |
| 7835 | HKD QUAN OC DAY NE                   | 3  | M00000093383 | M00000093385 |
| 7836 | HKD QUAN OC NGOC                     | 6  | M00000218008 | M00000218013 |
| 7837 | HKD QUAN OC PHUONG DUNG              | 2  | M00000043540 | M00000043541 |
| 7838 | HKD QUAN OC VIA HE                   | 1  | M00000146853 | M00000146853 |
| 7839 | HKD QUAN OC VY VY                    | 1  | M00000219549 | M00000219549 |
| 7840 | HKD QUAN PHO CO HAI                  | 3  | M00000071040 | M00000071042 |
| 7841 | HKD QUAN PHO NGOC TAM                | 1  | M00000093417 | M00000093417 |
| 7842 | HKD QUAN PHO THAI                    | 1  | M00000092817 | M00000092817 |
| 7843 | HKD QUAN SONG THU (TRAN THI MAN)     | 2  | M00000144099 | M00000144100 |
| 7844 | HKD QUAN THE KY (CENTURY)            | 6  | M00000216214 | M00000216219 |
| 7845 | HKD QUAN TRA DAO NHAT BAN STARTDUST  | 1  | M00000037695 | M00000037695 |
| 7846 | HKD QUANG CAO NGUYEN TAM             | 1  | M00000090802 | M00000090802 |
| 7847 | HKD QUANG MINH                       | 1  | M00000219560 | M00000219560 |
| 7848 | HKD QUANG MINH HOME - LIGHTING       | 3  | M00000153620 | M00000153622 |
| 7849 | HKD QUANG TRUNG                      | 2  | M00000045562 | M00000045563 |
| 7850 | HKD QUANG VAN PHIEU                  | 7  | M00000147865 | M00000147871 |
| 7851 | HKD QUANG VINH 80                    | 1  | M00000070594 | M00000070594 |
| 7852 | HKD QUAY 25 MAI                      | 3  | M00000222842 | M00000222844 |
| 7853 | HKD QUAY LUU NIEM 35 (TRUONG VAN HY) | 3  | M00000139710 | M00000139712 |
| 7854 | HKD QUAY THUC PHAM HONG HAI          | 6  | M00000146070 | M00000146075 |
| 7855 | HKD QUAY THUOC 67                    | 1  | M00000090968 | M00000090968 |
| 7856 | HKD QUAY THUOC AN KHANG              | 1  | M00000048360 | M00000048360 |
| 7857 | HKD QUAY THUOC MINH TAM 24H          | 1  | M00000043866 | M00000043866 |
| 7858 | HKD QUAY THUOC MINH TRANG II         | 1  | M00000044267 | M00000044267 |
| 7859 | HKD QUAY THUOC NGOC TUYEN            | 1  | M00000145581 | M00000145581 |
| 7860 | HKD QUAY THUOC QUAN Y 2              | 1  | M00000044324 | M00000044324 |
| 7861 | HKD QUAY THUOC QUAN Y SO 1           | 2  | M00000048395 | M00000048396 |
| 7862 | HKD QUAY THUOC TAY TUYET MAI         | 1  | M00000215214 | M00000215214 |
| 7863 | HKD QUE GARDEN                       | 5  | M00000145257 | M00000145261 |
| 7864 | HKD QUEEN HOTEL - KHACH SAN NU HOANG | 1  | M00000145067 | M00000145067 |
| 7865 | HKD QUOC AN                          | 2  | M00000093604 | M00000093605 |
| 7866 | HKD QUOC PHAP LE                     | 2  | M00000217760 | M00000217761 |
| 7867 | HKD QUOC VIET MOBILE                 | 1  | M00000071915 | M00000071915 |
| 7868 | HKD QUYNH CLOTHING                   | 1  | M00000225633 | M00000225633 |
| 7869 | HKD QUYNH LOP                        | 7  | M00000045612 | M00000045618 |
| 7870 | HKD QUYNH THJ 30/4                   | 1  | M00000227741 | M00000227741 |
| 7871 | HKD QUYNH THUONG-NAILS-MI-SPA        | 7  | M00000044253 | M00000044259 |
| 7872 | HKD RANG HAM MAT MINH THU            | 13 | M00000019553 | M00000019565 |
| 7873 | HKD RAU 299                          | 1  | M00000195611 | M00000195611 |
| 7874 | HKD RAU MA (RUA)                     | 1  | M00000220594 | M00000220594 |
| 7875 | HKD RECIRCLE PREMIUM PHU NHUAN       | 4  | M00000191671 | M00000191674 |
| 7876 | HKD RED DOOR EATERY (CUA DO)         | 1  | M00000081639 | M00000081639 |
| 7877 | HKD RELAX BEAUTY                     | 1  | M00000207208 | M00000207208 |
| 7878 | HKD RHODI                            | 6  | M00000037423 | M00000037428 |
| 7879 | HKD RICE & RICE                      | 3  | M00000215575 | M00000215577 |
| 7880 | HKD ROLEX                            | 1  | M00000115281 | M00000115281 |
| 7881 | HKD ROMANCE HOTEL                    | 2  | M00000208249 | M00000208250 |
| 7882 | HKD ROSE HOME                        | 3  | M00000202244 | M00000202246 |
| 7883 | HKD ROXYHOUSE                        | 1  | M00000138345 | M00000138345 |
| 7884 | HKD ROY HOME                         | 3  | M00000044774 | M00000044776 |
| 7885 | HKD S NAIL & SPA                     | 1  | M00000225666 | M00000225666 |
| 7886 | HKD S.U.G.A.R                        | 4  | M00000156088 | M00000156091 |
| 7887 | HKD SA PA YEN HOTEL                  | 7  | M00000061401 | M00000061407 |
| 7888 | HKD SACHI DINING                     | 1  | M00000045939 | M00000045939 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7889 | HKD SAI GON PHONE ACCESSORIES            | 1  | M00000220627 | M00000220627 |
| 7890 | HKD SAIGON QUIET STAY                    | 1  | M00000221391 | M00000221391 |
| 7891 | HKD SAIGONESE TREKKING HOUSE             | 1  | M00000060765 | M00000060765 |
| 7892 | HKD SALON AUTO DONG HUNG                 | 7  | M00000140430 | M00000140436 |
| 7893 | HKD SALON CUONG                          | 1  | M00000091225 | M00000091225 |
| 7894 | HKD SALON NHU Y 86                       | 1  | M00000074941 | M00000074941 |
| 7895 | HKD SALON NOI TOC GIA HIEU               | 1  | M00000224459 | M00000224459 |
| 7896 | HKD SALON THU (TIEM TOC THU)             | 2  | M00000221651 | M00000221652 |
| 7897 | HKD SALON TOC NHAN NGUYEN                | 1  | M00000220418 | M00000220418 |
| 7898 | HKD SALON TOC SAI GON                    | 3  | M00000152589 | M00000152591 |
| 7899 | HKD SAM ROOFTOP COFFEE                   | 5  | M00000045823 | M00000045827 |
| 7900 | HKD SAN CAU LONG GIA HAN                 | 1  | M00000218107 | M00000218107 |
| 7901 | HKD SAN PHAM ME VA BE                    | 2  | M00000057252 | M00000057253 |
| 7902 | HKD SAN RAMEN HAI CHAU                   | 6  | M00000143837 | M00000143842 |
| 7903 | HKD SAN THE THAO PICKLEBALL LALA         | 1  | M00000152922 | M00000152922 |
| 7904 | HKD SAN XUAT GIAY DEP NGUYEN VAN THANG   | 2  | M00000216513 | M00000216514 |
| 7905 | HKD SAND HOTEL                           | 2  | M00000225706 | M00000225707 |
| 7906 | HKD SANG TRONG LUA                       | 15 | M00000192207 | M00000192221 |
| 7907 | HKD SANH GARDEN                          | 1  | M00000091442 | M00000091442 |
| 7908 | HKD SAO BIEN                             | 20 | M00000190029 | M00000190048 |
| 7909 | HKD SASSOON HAIR SALON 01                | 5  | M00000074967 | M00000074971 |
| 7910 | HKD SAY EM                               | 3  | M00000153224 | M00000153226 |
| 7911 | HKD SEA FASHION                          | 3  | M00000121272 | M00000121274 |
| 7912 | HKD SEN HONG SPA                         | 1  | M00000021481 | M00000021481 |
| 7913 | HKD SEN SPA                              | 13 | M00000020446 | M00000020458 |
| 7914 | HKD SENORITA                             | 1  | M00000203237 | M00000203237 |
| 7915 | HKD SERIM TEAPRESSO & MORE               | 3  | M00000044249 | M00000044251 |
| 7916 | HKD SEVEN HAIR 1                         | 1  | M00000092458 | M00000092458 |
| 7917 | HKD SEVEN MARKET - SIEU THI SO 7         | 1  | M00000046780 | M00000046780 |
| 7918 | HKD SHAKETE HEALTHY STATION              | 1  | M00000043316 | M00000043316 |
| 7919 | HKD SHEE SPA                             | 4  | M00000142130 | M00000142133 |
| 7920 | HKD SHINE HAIR SALON                     | 1  | M00000221413 | M00000221413 |
| 7921 | HKD SHOP CA CHUA VA DAO AEROBIC VA YOGA  | 1  | M00000129275 | M00000129275 |
| 7922 | HKD SHOP CAMERA PHI BANG                 | 2  | M00000191258 | M00000191259 |
| 7923 | HKD SHOP HANG DUC TRANG NHU              | 16 | M00000155816 | M00000155831 |
| 7924 | HKD SHOP HIM                             | 4  | M00000070036 | M00000070039 |
| 7925 | HKD SHOP LINEN GARDEN                    | 14 | M00000204170 | M00000204183 |
| 7926 | HKD SHOP ME BUN                          | 9  | M00000206752 | M00000206760 |
| 7927 | HKD SHOP ME VA BE BOI KIDS               | 1  | M00000092133 | M00000092133 |
| 7928 | HKD SHOP MEN 2                           | 1  | M00000091288 | M00000091288 |
| 7929 | HKD SHOP NAIL 88                         | 1  | M00000072183 | M00000072183 |
| 7930 | HKD SHOP QUAN AO DIEU HAO                | 2  | M00000147966 | M00000147967 |
| 7931 | HKD SHOP THANH HIEU                      | 8  | M00000147935 | M00000147942 |
| 7932 | HKD SIEU THI DO THO HOANG HAO            | 7  | M00000146121 | M00000146127 |
| 7933 | HKD SIEU THI GIA DINH-FAMILY MART        | 5  | M00000068892 | M00000068896 |
| 7934 | HKD SIEU THI MINH NGOC                   | 2  | M00000038048 | M00000038049 |
| 7935 | HKD SIEU THI MINI HAI ANH                | 9  | M00000043239 | M00000043247 |
| 7936 | HKD SIEU THI MINI T-MART 24H             | 6  | M00000204563 | M00000204568 |
| 7937 | HKD SIEU THI SUA BAO CHAU                | 9  | M00000120169 | M00000120177 |
| 7938 | HKD SIEU THI THUC PHAM HUU CO 1986 GOURM | 6  | M00000070840 | M00000070845 |
| 7939 | HKD SIEU THI TIEN LOI MART               | 5  | M00000037815 | M00000037819 |
| 7940 | HKD SIEU THI TRUNG HOA                   | 7  | M00000073037 | M00000073043 |
| 7941 | HKD SNAKE BABBER SHOP                    | 1  | M00000147637 | M00000147637 |
| 7942 | HKD SO D-Z-A-C-H QUAN                    | 15 | M00000081881 | M00000081895 |
| 7943 | HKD SON 6 SPORT                          | 1  | M00000063346 | M00000063346 |
| 7944 | HKD SON CHIEN 1990S                      | 1  | M00000049361 | M00000049361 |
| 7945 | HKD SON GIANG CHUYEN PHO BO              | 1  | M00000046981 | M00000046981 |
| 7946 | HKD SON HAI                              | 8  | M00000091695 | M00000091702 |
| 7947 | HKD SON NAM NGA                          | 1  | M00000071527 | M00000071527 |
| 7948 | HKD SONG ANH 653                         | 2  | M00000222583 | M00000222584 |
| 7949 | HKD SONG NHAC                            | 3  | M00000090450 | M00000090452 |
| 7950 | HKD SONG THUONG                          | 4  | M00000196776 | M00000196779 |
| 7951 | HKD SONG TOAN NHAT                       | 1  | M00000081667 | M00000081667 |
| 7952 | HKD SOOWON BBQ BAC LIEU                  | 1  | M00000091160 | M00000091160 |
| 7953 | HKD SOPHIA                               | 25 | M00000089380 | M00000089404 |
| 7954 | HKD SPA & BEAUTY HANH HI                 | 1  | M00000215544 | M00000215544 |
| 7955 | HKD SPA JOJO                             | 18 | M00000209494 | M00000209511 |
| 7956 | HKD SPA KIEU MY LE                       | 1  | M00000090355 | M00000090355 |

|      |                                         |    |              |              |
|------|-----------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 7957 | HKD SPA NGUYEN TRAM ANH 1992            | 1  | M00000136737 | M00000136737 |
| 7958 | HKD SPA THIEN AN                        | 2  | M00000091475 | M00000091476 |
| 7959 | HKD ST SUA THANH BINH DONG AN 2         | 1  | M00000224667 | M00000224667 |
| 7960 | HKD STAR GYM                            | 4  | M00000076448 | M00000076451 |
| 7961 | HKD SUA TA BHG TAM HIEP                 | 5  | M00000090022 | M00000090026 |
| 7962 | HKD SUA TOT HUONG DIEN                  | 3  | M00000074975 | M00000074977 |
| 7963 | HKD SUA XE LUONG                        | 1  | M00000220432 | M00000220432 |
| 7964 | HKD SUA XE PHUC THINH 3                 | 1  | M00000092515 | M00000092515 |
| 7965 | HKD SUA XE TUAN 658A                    | 1  | M00000227078 | M00000227078 |
| 7966 | HKD SUN COFFEE & MILK TEA               | 2  | M00000220625 | M00000220626 |
| 7967 | HKD SUNNY APARTMENT UME DRINK SOUVENIRS | 1  | M00000152501 | M00000152501 |
| 7968 | HKD SUNRISE                             | 2  | M00000044396 | M00000044397 |
| 7969 | HKD SUNRISE TEA & CREAM                 | 1  | M00000045558 | M00000045558 |
| 7970 | HKD SUOI TIEN QUAN                      | 4  | M00000122382 | M00000122385 |
| 7971 | HKD SUONG WEDDING                       | 5  | M00000156673 | M00000156677 |
| 7972 | HKD SURI BEAUTY & SPA                   | 1  | M00000091256 | M00000091256 |
| 7973 | HKD SX GIAY DEP NGUYEN HUU TRINH        | 2  | M00000221706 | M00000221707 |
| 7974 | HKD TA THI KHANH                        | 1  | M00000068390 | M00000068390 |
| 7975 | HKD TA THI TUONG VI                     | 6  | M00000214200 | M00000214205 |
| 7976 | HKD TA THI TUYEN                        | 6  | M00000057438 | M00000057443 |
| 7977 | HKD TAI-PO                              | 9  | M00000189975 | M00000189983 |
| 7978 | HKD TAIPOZ THAO DIEN                    | 6  | M00000193777 | M00000193782 |
| 7979 | HKD TAM                                 | 8  | M00000223977 | M00000223984 |
| 7980 | HKD TAM AN TIEN                         | 11 | M00000091456 | M00000091466 |
| 7981 | HKD TAM COC WINDY FIELDS                | 9  | M00000060768 | M00000060776 |
| 7982 | HKD TAM GA TA                           | 8  | M00000089725 | M00000089732 |
| 7983 | HKD TAM NHI S29                         | 1  | M00000203990 | M00000203990 |
| 7984 | HKD TAM NHIN TRE                        | 10 | M00000091522 | M00000091531 |
| 7985 | HKD TAM PHAT MUSIC                      | 1  | M00000217594 | M00000217594 |
| 7986 | HKD TAM VI                              | 6  | M00000032953 | M00000032958 |
| 7987 | HKD TAN LIEM EDUCATION & SPORTS CENTER  | 4  | M00000210532 | M00000210535 |
| 7988 | HKD TAN MINH KY                         | 1  | M00000090963 | M00000090963 |
| 7989 | HKD TAN PHAT 2                          | 1  | M00000214983 | M00000214983 |
| 7990 | HKD TANG MINH                           | 2  | M00000220712 | M00000220713 |
| 7991 | HKD TANG VAN KHUONG                     | 1  | M00000058899 | M00000058899 |
| 7992 | HKD TANNY VU BEAUTY SALON               | 5  | M00000207111 | M00000207115 |
| 7993 | HKD TAP HOA 2A                          | 1  | M00000225159 | M00000225159 |
| 7994 | HKD TAP HOA A+                          | 2  | M00000223667 | M00000223668 |
| 7995 | HKD TAP HOA BAY SAN                     | 1  | M00000069379 | M00000069379 |
| 7996 | HKD TAP HOA BON BON                     | 1  | M00000044020 | M00000044020 |
| 7997 | HKD TAP HOA CHI CUC                     | 2  | M00000152485 | M00000152486 |
| 7998 | HKD TAP HOA CO BINH                     | 1  | M00000215519 | M00000215519 |
| 7999 | HKD TAP HOA CO GIAU                     | 2  | M00000149764 | M00000149765 |
| 8000 | HKD TAP HOA CO OANH                     | 1  | M00000216170 | M00000216170 |
| 8001 | HKD TAP HOA DAI DUONG                   | 2  | M00000061210 | M00000061211 |
| 8002 | HKD TAP HOA DUC LOAN                    | 4  | M00000072853 | M00000072856 |
| 8003 | HKD TAP HOA HAI NGA                     | 1  | M00000210458 | M00000210458 |
| 8004 | HKD TAP HOA HAO TINH                    | 2  | M00000043252 | M00000043253 |
| 8005 | HKD TAP HOA HIEN TIEN                   | 3  | M00000047324 | M00000047326 |
| 8006 | HKD TAP HOA KIM OANH                    | 1  | M00000042538 | M00000042538 |
| 8007 | HKD TAP HOA LINH TRANG                  | 2  | M00000072266 | M00000072267 |
| 8008 | HKD TAP HOA LUYEN PHUONG 1994           | 3  | M00000042314 | M00000042316 |
| 8009 | HKD TAP HOA LY LUAN                     | 1  | M00000072025 | M00000072025 |
| 8010 | HKD TAP HOA MINH CHAM                   | 1  | M00000042551 | M00000042551 |
| 8011 | HKD TAP HOA NGOC DIEM                   | 1  | M00000216171 | M00000216171 |
| 8012 | HKD TAP HOA NGOC TRANG                  | 2  | M00000091210 | M00000091211 |
| 8013 | HKD TAP HOA PHUONG THAO                 | 1  | M00000222665 | M00000222665 |
| 8014 | HKD TAP HOA SON BE                      | 4  | M00000222672 | M00000222675 |
| 8015 | HKD TAP HOA TAN HUONG                   | 54 | M00000135233 | M00000135286 |
| 8016 | HKD TAP HOA THANH HAI                   | 4  | M00000091744 | M00000091747 |
| 8017 | HKD TAP HOA THAO                        | 1  | M00000216557 | M00000216557 |
| 8018 | HKD TAP HOA THAO LINH                   | 2  | M00000091720 | M00000091721 |
| 8019 | HKD TAP HOA THU SUONG                   | 2  | M00000091873 | M00000091874 |
| 8020 | HKD TAP HOA THUAN PHAN                  | 5  | M00000132011 | M00000132015 |
| 8021 | HKD TAP HOA THUY DUONG                  | 57 | M00000087817 | M00000087873 |
| 8022 | HKD TAP HOA THUY NINH                   | 5  | M00000223464 | M00000223468 |
| 8023 | HKD TAP HOA TRAM ANH (NGUYEN THI TINH)  | 1  | M00000199301 | M00000199301 |
| 8024 | HKD TAP HOA TRAN GIA                    | 2  | M00000223162 | M00000223163 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8025 | HKD TAP HOA TU THUY                      | 2  | M00000037833 | M00000037834 |
| 8026 | HKD TAP HOA UYEN THU                     | 1  | M00000145917 | M00000145917 |
| 8027 | HKD TAP HOA, BIA, NUOC NGOT NHA LINH     | 1  | M00000223481 | M00000223481 |
| 8028 | HKD TARTARUS                             | 1  | M00000040091 | M00000040091 |
| 8029 | HKD TAY LAI BAKERY                       | 1  | M00000091881 | M00000091881 |
| 8030 | HKD TAY LAI BAKERY 1                     | 2  | M00000092099 | M00000092100 |
| 8031 | HKD TCHOU SPA                            | 1  | M00000221621 | M00000221621 |
| 8032 | HKD TEA & COFFE THIEN PHUC               | 4  | M00000090964 | M00000090967 |
| 8033 | HKD TEEN SHOP                            | 1  | M00000073527 | M00000073527 |
| 8034 | HKD TEMOMI SPA                           | 2  | M00000041059 | M00000041060 |
| 8035 | HKD THAI CHAU MOBILE                     | 23 | M00000083472 | M00000083494 |
| 8036 | HKD THAI HOANG VILLA                     | 1  | M00000147969 | M00000147969 |
| 8037 | HKD THAI HOUSE HERITAGE PU LUONG         | 1  | M00000049339 | M00000049339 |
| 8038 | HKD THAI LE NAM                          | 7  | M00000126087 | M00000126093 |
| 8039 | HKD THAI LOAN NHI                        | 1  | M00000149776 | M00000149776 |
| 8040 | HKD THAI PHUNG MAKE UP                   | 1  | M00000226424 | M00000226424 |
| 8041 | HKD THAI THI GIANG                       | 6  | M00000141500 | M00000141505 |
| 8042 | HKD THAI THI HAI                         | 8  | M00000149751 | M00000149758 |
| 8043 | HKD THAI THI MY NHUNG                    | 2  | M00000091214 | M00000091215 |
| 8044 | HKD THAI VAN PHUC                        | 8  | M00000224973 | M00000224980 |
| 8045 | HKD THAM MY LE HOAI                      | 1  | M00000086827 | M00000086827 |
| 8046 | HKD THAM MY TAM NGOC                     | 1  | M00000217852 | M00000217852 |
| 8047 | HKD THAM MY VAN ANH                      | 3  | M00000134801 | M00000134803 |
| 8048 | HKD THAM MY VIEN CHAM SOC SAC DEP Y LAN  | 4  | M00000040562 | M00000040565 |
| 8049 | HKD THAM MY VIEN HOANG NGAN              | 1  | M00000154222 | M00000154222 |
| 8050 | HKD THAM MY VIEN THU LAM                 | 3  | M00000021485 | M00000021487 |
| 8051 | HKD THAN THI HONG 95                     | 1  | M00000075230 | M00000075230 |
| 8052 | HKD THAN THI MINH TAM                    | 2  | M00000074618 | M00000074619 |
| 8053 | HKD THAN THI THANH THUY                  | 6  | M00000145800 | M00000145805 |
| 8054 | HKD THAN THI THOM                        | 1  | M00000071152 | M00000071152 |
| 8055 | HKD THAN VAN CUONG                       | 2  | M00000075231 | M00000075232 |
| 8056 | HKD THAN VAN LY 1967                     | 1  | M00000074003 | M00000074003 |
| 8057 | HKD THAN VAN TRUONG                      | 1  | M00000074256 | M00000074256 |
| 8058 | HKD THANG BAY SPA                        | 3  | M00000093389 | M00000093391 |
| 8059 | HKD THANH                                | 8  | M00000090624 | M00000090631 |
| 8060 | HKD THANH                                | 8  | M00000093361 | M00000093368 |
| 8061 | HKD THANH CHAU                           | 1  | M00000138033 | M00000138033 |
| 8062 | HKD THANH DANH(NGOC TRAM)                | 4  | M00000082865 | M00000082868 |
| 8063 | HKD THANH DAT MOTOR                      | 2  | M00000043338 | M00000043339 |
| 8064 | HKD THANH DIEP 1                         | 2  | M00000093392 | M00000093393 |
| 8065 | HKD THANH HUNG                           | 1  | M00000223976 | M00000223976 |
| 8066 | HKD THANH LOC PHAT                       | 2  | M00000221592 | M00000221593 |
| 8067 | HKD THANH NGA                            | 6  | M00000148941 | M00000148946 |
| 8068 | HKD THANH PHONG                          | 1  | M00000223661 | M00000223661 |
| 8069 | HKD THANH PHUOC COMPUTER                 | 1  | M00000090983 | M00000090983 |
| 8070 | HKD THANH SON                            | 1  | M00000092468 | M00000092468 |
| 8071 | HKD THANH THANH CONG                     | 2  | M00000089847 | M00000089848 |
| 8072 | HKD THANH TRUNG                          | 45 | M00000081469 | M00000081513 |
| 8073 | HKD THANH VY 1                           | 3  | M00000206762 | M00000206764 |
| 8074 | HKD THAO BIBI                            | 25 | M00000219239 | M00000219263 |
| 8075 | HKD THAO MOC SPA                         | 1  | M00000092988 | M00000092988 |
| 8076 | HKD THAO PHAM CHUYEN DO AN VAT           | 3  | M00000090739 | M00000090741 |
| 8077 | HKD THAO TAY                             | 1  | M00000192870 | M00000192870 |
| 8078 | HKD THAO VY                              | 1  | M00000091626 | M00000091626 |
| 8079 | HKD THE AN COFFEE                        | 2  | M00000082410 | M00000082411 |
| 8080 | HKD THE BEAUTY SALON                     | 1  | M00000210785 | M00000210785 |
| 8081 | HKD THE GIOI BIDA                        | 4  | M00000032159 | M00000032162 |
| 8082 | HKD THE GIOI BIM SUA                     | 1  | M00000148873 | M00000148873 |
| 8083 | HKD THE GIOI DI DONG MINH TRUONG         | 1  | M00000057349 | M00000057349 |
| 8084 | HKD THE GIOI DI DONG VNG                 | 3  | M00000057639 | M00000057641 |
| 8085 | HKD THE GIOI DIEN THOAI - PHU KIEN KHANH | 3  | M00000209166 | M00000209168 |
| 8086 | HKD THE GIOI GIA DUNG 1                  | 1  | M00000092537 | M00000092537 |
| 8087 | HKD THE GIOI MAT KINH                    | 8  | M00000140404 | M00000140411 |
| 8088 | HKD THE GIOI SUA & TA AN KHANG 2         | 2  | M00000205205 | M00000205206 |
| 8089 | HKD THE NAM                              | 2  | M00000043139 | M00000043140 |
| 8090 | HKD THE ORCHID NAILS BEAUTY SALON        | 4  | M00000220357 | M00000220360 |
| 8091 | HKD THE QUANG                            | 1  | M00000090613 | M00000090613 |
| 8092 | HKD THE ROCKS BEACH                      | 1  | M00000091500 | M00000091500 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 8093 | HKD THE THAO DIEN TU 9GAMING HAM TRU AN  | 11  | M00000225652 | M00000225662 |
| 8094 | HKD THEGIOIDOTAP.VN - 280 VO VAN NGAN    | 6   | M00000218964 | M00000218969 |
| 8095 | HKD THIEN AN                             | 1   | M00000220597 | M00000220597 |
| 8096 | HKD THIEN BINH LE                        | 1   | M00000149506 | M00000149506 |
| 8097 | HKD THIEN LOC                            | 1   | M00000193706 | M00000193706 |
| 8098 | HKD THIEN TAN                            | 3   | M00000222717 | M00000222719 |
| 8099 | HKD THIEP CUOI CAT TUONG                 | 1   | M00000219950 | M00000219950 |
| 8100 | HKD THIEP CUOI THUY TAP                  | 3   | M00000135193 | M00000135195 |
| 8101 | HKD THIET BI DIEN NUOC TRAN GIA          | 1   | M00000141309 | M00000141309 |
| 8102 | HKD THIET BI Y TE PHONG PHU              | 1   | M00000068831 | M00000068831 |
| 8103 | HKD THIET KE MAY DO PHAN                 | 7   | M00000192379 | M00000192385 |
| 8104 | HKD THINH PHAT 2                         | 6   | M00000150372 | M00000150377 |
| 8105 | HKD THINH PHAT DIEM BAN GA               | 2   | M00000223974 | M00000223975 |
| 8106 | HKD THINH PHAT GLASS KITCHEN             | 4   | M00000093262 | M00000093265 |
| 8107 | HKD THIT BE BO                           | 2   | M00000074053 | M00000074054 |
| 8108 | HKD THOA NGUYEN                          | 1   | M00000071066 | M00000071066 |
| 8109 | HKD THOI TRANG BACH KHOA CO SO 1         | 1   | M00000072528 | M00000072528 |
| 8110 | HKD THOI TRANG BENSON                    | 10  | M00000042761 | M00000042770 |
| 8111 | HKD THOI TRANG BONG BONG                 | 4   | M00000155874 | M00000155877 |
| 8112 | HKD THOI TRANG CHERRY                    | 1   | M00000217093 | M00000217093 |
| 8113 | HKD THOI TRANG CONG SO HUONG DIEU        | 4   | M00000156804 | M00000156807 |
| 8114 | HKD THOI TRANG GUMAC                     | 2   | M00000214114 | M00000214115 |
| 8115 | HKD THOI TRANG LS                        | 2   | M00000034836 | M00000034837 |
| 8116 | HKD THOI TRANG MYLULLABY                 | 4   | M00000021346 | M00000021349 |
| 8117 | HKD THOI TRANG THANH TUNG                | 6   | M00000044853 | M00000044858 |
| 8118 | HKD THOI TRANG THE THAO ANTA             | 10  | M00000051151 | M00000051160 |
| 8119 | HKD THOI TRANG TRANG SPORT               | 5   | M00000150601 | M00000150605 |
| 8120 | HKD THOI TRANG VIET 55                   | 4   | M00000091616 | M00000091619 |
| 8121 | HKD THOI TRANG VIET GIA DINH             | 5   | M00000216337 | M00000216341 |
| 8122 | HKD THOI TRANG VU TIEN                   | 1   | M00000194427 | M00000194427 |
| 8123 | HKD THOM ROM TU SON                      | 20  | M00000075843 | M00000075862 |
| 8124 | HKD THU AN SPA                           | 1   | M00000048387 | M00000048387 |
| 8125 | HKD THU BUI E.L.I.T.E                    | 2   | M00000090324 | M00000090325 |
| 8126 | HKD THU CONG MY NGHE THU HUONG           | 113 | M00000040908 | M00000041020 |
| 8127 | HKD THU CONG MY NGHE VA CA PHE LEGEND    | 2   | M00000067867 | M00000067868 |
| 8128 | HKD THU HANG SAP 130 A1                  | 11  | M00000037684 | M00000037694 |
| 8129 | HKD THU HUONG 160                        | 9   | M00000042700 | M00000042708 |
| 8130 | HKD THU LEE                              | 1   | M00000075229 | M00000075229 |
| 8131 | HKD THU LOAN 020                         | 2   | M00000071810 | M00000071811 |
| 8132 | HKD THU MUA DO CU DUC LOI                | 2   | M00000225704 | M00000225705 |
| 8133 | HKD THU MUA PHE LIEU CONG CHINH          | 1   | M00000045412 | M00000045412 |
| 8134 | HKD THU THUY                             | 1   | M00000091908 | M00000091908 |
| 8135 | HKD THU TRANG (MY MAN SHOP)              | 1   | M00000216061 | M00000216061 |
| 8136 | HKD THU Y PET 360                        | 1   | M00000091709 | M00000091709 |
| 8137 | HKD THUAN PHAT                           | 1   | M00000194688 | M00000194688 |
| 8138 | HKD THUC AN THANH DUY                    | 6   | M00000090918 | M00000090923 |
| 8139 | HKD THUC PHAM BICH SY                    | 38  | M00000129237 | M00000129274 |
| 8140 | HKD THUC PHAM GIA THUONG                 | 3   | M00000043534 | M00000043536 |
| 8141 | HKD THUC PHAM HOC PHAN                   | 13  | M00000145285 | M00000145297 |
| 8142 | HKD THUC PHAM TRUC TUYEN                 | 5   | M00000192880 | M00000192884 |
| 8143 | HKD THUC PHAM VINH THU                   | 2   | M00000044602 | M00000044603 |
| 8144 | HKD THUONG GIA KY                        | 1   | M00000220258 | M00000220258 |
| 8145 | HKD THUONG HAI 68                        | 1   | M00000225160 | M00000225160 |
| 8146 | HKD THUONG LUONG                         | 1   | M00000153973 | M00000153973 |
| 8147 | HKD THUY DUONG 1979                      | 23  | M00000218937 | M00000218959 |
| 8148 | HKD THUY GIAY XUAT KHAU                  | 2   | M00000054185 | M00000054186 |
| 8149 | HKD THUY LINH                            | 36  | M00000023500 | M00000023535 |
| 8150 | HKD THUY LOAN EYELASH                    | 3   | M00000217386 | M00000217388 |
| 8151 | HKD THUY NGUYEN                          | 2   | M00000090287 | M00000090288 |
| 8152 | HKD THUY NGUYEN                          | 1   | M00000093513 | M00000093513 |
| 8153 | HKD THUY THE GIOI YEN SAO (THAN VAN GIOI | 3   | M00000217838 | M00000217840 |
| 8154 | HKD THUY TRUC 1                          | 11  | M00000204286 | M00000204296 |
| 8155 | HKD TIAN BAKERY VA COFFEE                | 2   | M00000145770 | M00000145771 |
| 8156 | HKD TIEM BAC CAO CAP XUAN NHI III        | 8   | M00000218687 | M00000218694 |
| 8157 | HKD TIEM BAC HAI DUONG                   | 1   | M00000223637 | M00000223637 |
| 8158 | HKD TIEM BAC KIM HOAN                    | 1   | M00000150577 | M00000150577 |
| 8159 | HKD TIEM BAC MANH PHAT 2 (TRAN THI BICH  | 1   | M00000225233 | M00000225233 |
| 8160 | HKD TIEM BAC XUAN NHI II                 | 10  | M00000217572 | M00000217581 |



|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8161 | HKD TIEM BANH 5 CANH HOA                 | 6  | M00000220371 | M00000220376 |
| 8162 | HKD TIEM BANH HIEN NGUYEN                | 22 | M00000092471 | M00000092492 |
| 8163 | HKD TIEM BANH MIRA                       | 2  | M00000218934 | M00000218935 |
| 8164 | HKD TIEM BANH MO                         | 4  | M00000217998 | M00000218001 |
| 8165 | HKD TIEM BANH SAU RIENG 1998             | 9  | M00000071858 | M00000071866 |
| 8166 | HKD TIEM BANH TUOI THO MOC TRA           | 1  | M00000227063 | M00000227063 |
| 8167 | HKD TIEM BUN BO 33                       | 2  | M00000224061 | M00000224062 |
| 8168 | HKD TIEM CA PHE WHY NOT                  | 3  | M00000226465 | M00000226467 |
| 8169 | HKD TIEM CAT TIA THU CUNG NHA KU SUA     | 1  | M00000218363 | M00000218363 |
| 8170 | HKD TIEM DO BUON                         | 6  | M00000192769 | M00000192774 |
| 8171 | HKD TIEM GOI DAU NHA SHI                 | 3  | M00000153627 | M00000153629 |
| 8172 | HKD TIEM HOA THANG 08                    | 9  | M00000215581 | M00000215589 |
| 8173 | HKD TIEM KINH MORELL                     | 1  | M00000130236 | M00000130236 |
| 8174 | HKD TIEM LAM DEP SOLASTA                 | 1  | M00000048386 | M00000048386 |
| 8175 | HKD TIEM LAM MONG YEN YEN                | 1  | M00000220444 | M00000220444 |
| 8176 | HKD TIEM LAU BE MAP                      | 3  | M00000224956 | M00000224958 |
| 8177 | HKD TIEM LAU BO HAI MUOI (PHAN DO HOANG) | 2  | M00000145208 | M00000145209 |
| 8178 | HKD TIEM MAY THU THUY                    | 1  | M00000090075 | M00000090075 |
| 8179 | HKD TIEM NANG HUONG                      | 1  | M00000145559 | M00000145559 |
| 8180 | HKD TIEM NHA AN 12                       | 1  | M00000046963 | M00000046963 |
| 8181 | HKD TIEM NHA THAO                        | 2  | M00000069367 | M00000069368 |
| 8182 | HKD TIEM ONG NUOC HUNG LOI               | 5  | M00000144514 | M00000144518 |
| 8183 | HKD TIEM PHONG HUONG                     | 1  | M00000218971 | M00000218971 |
| 8184 | HKD TIEM QUE NHA                         | 8  | M00000144418 | M00000144425 |
| 8185 | HKD TIEM SUA XE LAM THO                  | 1  | M00000090045 | M00000090045 |
| 8186 | HKD TIEM TOC GANG NAM                    | 1  | M00000134842 | M00000134842 |
| 8187 | HKD TIEM TRA DECHATEA                    | 1  | M00000091501 | M00000091501 |
| 8188 | HKD TIEM TRA SAM                         | 1  | M00000223682 | M00000223682 |
| 8189 | HKD TIEM TRA SUA MUI OI                  | 2  | M00000089607 | M00000089608 |
| 8190 | HKD TIEM UON TOC TAM                     | 6  | M00000217247 | M00000217252 |
| 8191 | HKD TIEN BEP MUONG                       | 2  | M00000042505 | M00000042506 |
| 8192 | HKD TIEN PHAT                            | 13 | M00000081896 | M00000081908 |
| 8193 | HKD TIEN PHAT 3                          | 5  | M00000218560 | M00000218564 |
| 8194 | HKD TIEN THUY                            | 1  | M00000070834 | M00000070834 |
| 8195 | HKD TIGON CHAM SOC DA - 04A              | 2  | M00000144198 | M00000144199 |
| 8196 | HKD TIGON CHAM SOC DA - 22               | 4  | M00000144190 | M00000144193 |
| 8197 | HKD TIGON SPA 06                         | 4  | M00000144194 | M00000144197 |
| 8198 | HKD TIGON SPA 6                          | 1  | M00000135287 | M00000135287 |
| 8199 | HKD TINFOUR                              | 11 | M00000191466 | M00000191476 |
| 8200 | HKD TINH LAP DAT CAMERA                  | 3  | M00000093386 | M00000093388 |
| 8201 | HKD TIRAMISU BY VINCENZO                 | 3  | M00000220354 | M00000220356 |
| 8202 | HKD TM VA DV TIEN DAT                    | 2  | M00000055041 | M00000055042 |
| 8203 | HKD TMDV VLXD DO DUC HIEU                | 1  | M00000093529 | M00000093529 |
| 8204 | HKD TNR SAIGON                           | 7  | M00000199318 | M00000199324 |
| 8205 | HKD TNT15 WORKSHOP                       | 1  | M00000219671 | M00000219671 |
| 8206 | HKD TO KIM LOAN                          | 6  | M00000222649 | M00000222654 |
| 8207 | HKD TO THI HIEN                          | 35 | M00000067402 | M00000067436 |
| 8208 | HKD TO THI QUYEN                         | 14 | M00000202230 | M00000202243 |
| 8209 | HKD TO XUAN LOI                          | 1  | M00000044197 | M00000044197 |
| 8210 | HKD TOAN                                 | 2  | M00000070121 | M00000070122 |
| 8211 | HKD TOAN NGOC PHAT                       | 4  | M00000220677 | M00000220680 |
| 8212 | HKD TOC GIA VINH 123                     | 1  | M00000194667 | M00000194667 |
| 8213 | HKD TOC GIA 123                          | 5  | M00000194668 | M00000194672 |
| 8214 | HKD TON NU HOA TRANG                     | 1  | M00000152517 | M00000152517 |
| 8215 | HKD TONG K BILLIARDS                     | 1  | M00000227077 | M00000227077 |
| 8216 | HKD TONG KHO GIA DUNG MINH KHANG         | 4  | M00000069300 | M00000069303 |
| 8217 | HKD TONG KHO NHUA BINH AN                | 2  | M00000069284 | M00000069285 |
| 8218 | HKD TONG THI BUN                         | 5  | M00000073022 | M00000073026 |
| 8219 | HKD TONG THI KIEU THU                    | 12 | M00000217877 | M00000217888 |
| 8220 | HKD TONG THI NHAN                        | 5  | M00000150716 | M00000150720 |
| 8221 | HKD TONG TUAN CUONG                      | 3  | M00000076111 | M00000076113 |
| 8222 | HKD TONG VAN CANH                        | 4  | M00000064837 | M00000064840 |
| 8223 | HKD TOP KIDS SIEU THI ME & BE ANH THUONG | 16 | M00000127116 | M00000127131 |
| 8224 | HKD TOP PICKLEBALL                       | 12 | M00000048337 | M00000048348 |
| 8225 | HKD TOPONE PICKLEBALL                    | 25 | M00000042620 | M00000042644 |
| 8226 | HKD TRA - TRA SUA CHU BEO                | 1  | M00000216552 | M00000216552 |
| 8227 | HKD TRA SUA 30 GIAY                      | 1  | M00000216558 | M00000216558 |
| 8228 | HKD TRA SUA HOANG KIM                    | 1  | M00000223101 | M00000223101 |

|      |                                 |    |              |              |
|------|---------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8229 | HKD TRA SUA HONG KONG BALEY.TEA | 1  | M00000215469 | M00000215469 |
| 8230 | HKD TRA SUA HONGKONG 8386       | 1  | M00000046801 | M00000046801 |
| 8231 | HKD TRA SUA KIM                 | 2  | M00000149915 | M00000149916 |
| 8232 | HKD TRA THU CONG DUDA           | 1  | M00000225228 | M00000225228 |
| 8233 | HKD TRA TRAI CAY TUOI ANHNAT    | 4  | M00000046110 | M00000046113 |
| 8234 | HKD TRAI CA KIENG DIAMOND DA    | 2  | M00000226694 | M00000226695 |
| 8235 | HKD TRAI CAY HOT MIT            | 1  | M00000091942 | M00000091942 |
| 8236 | HKD TRAI CAY MOI NGAY 2         | 9  | M00000199237 | M00000199245 |
| 8237 | HKD TRAM BIA                    | 1  | M00000093418 | M00000093418 |
| 8238 | HKD TRAM BIA HOI HA NOI         | 3  | M00000155280 | M00000155282 |
| 8239 | HKD TRAM MOON BEAUTY            | 1  | M00000145006 | M00000145006 |
| 8240 | HKD TRAM MY VAN                 | 6  | M00000205711 | M00000205716 |
| 8241 | HKD TRAM NGUYEN LIEU            | 3  | M00000156884 | M00000156886 |
| 8242 | HKD TRAN ANH DUONG              | 1  | M00000148928 | M00000148928 |
| 8243 | HKD TRAN ANH FLORIST            | 3  | M00000072247 | M00000072249 |
| 8244 | HKD TRAN ANH NHUNG              | 6  | M00000065985 | M00000065990 |
| 8245 | HKD TRAN ANH PHUC               | 1  | M00000153445 | M00000153445 |
| 8246 | HKD TRAN BA AN                  | 1  | M00000073349 | M00000073349 |
| 8247 | HKD TRAN BA TUYEN               | 1  | M00000224712 | M00000224712 |
| 8248 | HKD TRAN BAY                    | 1  | M00000156581 | M00000156581 |
| 8249 | HKD TRAN CHIEN THANG            | 8  | M00000145981 | M00000145988 |
| 8250 | HKD TRAN CONG DUNG              | 1  | M00000037708 | M00000037708 |
| 8251 | HKD TRAN DINH DUC               | 1  | M00000076700 | M00000076700 |
| 8252 | HKD TRAN DUC QUYNH              | 6  | M00000076239 | M00000076244 |
| 8253 | HKD TRAN DUC SON 1              | 2  | M00000091289 | M00000091290 |
| 8254 | HKD TRAN DUC THANG              | 6  | M00000222898 | M00000222903 |
| 8255 | HKD TRAN DUC THINH              | 1  | M00000149995 | M00000149995 |
| 8256 | HKD TRAN DUY CUONG              | 2  | M00000075875 | M00000075876 |
| 8257 | HKD TRAN DUY HIEU               | 5  | M00000070825 | M00000070829 |
| 8258 | HKD TRAN DUY QUANG              | 2  | M00000044882 | M00000044883 |
| 8259 | HKD TRAN DUY QUYET 1991         | 7  | M00000070913 | M00000070919 |
| 8260 | HKD TRAN HOAI NAM               | 5  | M00000117797 | M00000117801 |
| 8261 | HKD TRAN HOAI PHUONG 1994       | 2  | M00000071035 | M00000071036 |
| 8262 | HKD TRAN HUU NAM                | 1  | M00000069093 | M00000069093 |
| 8263 | HKD TRAN HUU PHUC               | 1  | M00000211614 | M00000211614 |
| 8264 | HKD TRAN HUY HOANG              | 1  | M00000147365 | M00000147365 |
| 8265 | HKD TRAN HUY VIET               | 1  | M00000224763 | M00000224763 |
| 8266 | HKD TRAN LE KHOA                | 2  | M00000134958 | M00000134959 |
| 8267 | HKD TRAN MINH DAO               | 3  | M00000071414 | M00000071416 |
| 8268 | HKD TRAN MINH HUY (NIKE)        | 1  | M00000144417 | M00000144417 |
| 8269 | HKD TRAN MINH NGUYET            | 1  | M00000222559 | M00000222559 |
| 8270 | HKD TRAN NGOC ANH 89            | 4  | M00000042016 | M00000042019 |
| 8271 | HKD TRAN NGOC ANH HP            | 2  | M00000075662 | M00000075663 |
| 8272 | HKD TRAN NGOC DUC               | 1  | M00000226664 | M00000226664 |
| 8273 | HKD TRAN NGOC MINH              | 3  | M00000068291 | M00000068293 |
| 8274 | HKD TRAN NGOC SON               | 8  | M00000073545 | M00000073552 |
| 8275 | HKD TRAN NGOC THANH             | 1  | M00000074068 | M00000074068 |
| 8276 | HKD TRAN NGOC THU               | 1  | M00000125143 | M00000125143 |
| 8277 | HKD TRAN NGOC TIEN              | 3  | M00000073561 | M00000073563 |
| 8278 | HKD TRAN NGOC TOAN              | 4  | M00000149975 | M00000149978 |
| 8279 | HKD TRAN NGUYEN                 | 2  | M00000146259 | M00000146260 |
| 8280 | HKD TRAN NHAT HOANG             | 1  | M00000130238 | M00000130238 |
| 8281 | HKD TRAN NHU THANH              | 7  | M00000129801 | M00000129807 |
| 8282 | HKD TRAN PHI CONG               | 2  | M00000119383 | M00000119384 |
| 8283 | HKD TRAN QUANG THANH            | 4  | M00000054203 | M00000054206 |
| 8284 | HKD TRAN QUOC VIET              | 98 | M00000145590 | M00000145687 |
| 8285 | HKD TRAN THAI DUONG             | 8  | M00000057668 | M00000057675 |
| 8286 | HKD TRAN THANH BINH PLEIKU      | 23 | M00000147970 | M00000147992 |
| 8287 | HKD TRAN THANH DUOC             | 14 | M00000138100 | M00000138113 |
| 8288 | HKD TRAN THANH HIEN             | 9  | M00000061949 | M00000061957 |
| 8289 | HKD TRAN THANH LAM              | 1  | M00000191449 | M00000191449 |
| 8290 | HKD TRAN THANH MAI              | 2  | M00000220430 | M00000220431 |
| 8291 | HKD TRAN THANH SON              | 4  | M00000023572 | M00000023575 |
| 8292 | HKD TRAN THANH THUY             | 2  | M00000216478 | M00000216479 |
| 8293 | HKD TRAN THI BICH HOP           | 1  | M00000070467 | M00000070467 |
| 8294 | HKD TRAN THI CUC                | 5  | M00000145541 | M00000145545 |
| 8295 | HKD TRAN THI DINH               | 2  | M00000057539 | M00000057540 |
| 8296 | HKD TRAN THI DUNG 1983          | 1  | M00000220649 | M00000220649 |

|      |                                        |    |              |              |
|------|----------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8297 | HKD TRAN THI DUYEN                     | 1  | M00000044507 | M00000044507 |
| 8298 | HKD TRAN THI DUYEN                     | 1  | M00000069007 | M00000069007 |
| 8299 | HKD TRAN THI HA                        | 2  | M00000136684 | M00000136685 |
| 8300 | HKD TRAN THI HA 1987                   | 1  | M00000040653 | M00000040653 |
| 8301 | HKD TRAN THI HA TRANG 1404             | 3  | M00000048406 | M00000048408 |
| 8302 | HKD TRAN THI HAI YEN 1998              | 1  | M00000072402 | M00000072402 |
| 8303 | HKD TRAN THI HIEN                      | 7  | M00000152556 | M00000152562 |
| 8304 | HKD TRAN THI HOA                       | 1  | M00000058748 | M00000058748 |
| 8305 | HKD TRAN THI HOAI TRINH                | 1  | M00000154068 | M00000154068 |
| 8306 | HKD TRAN THI HONG THAM                 | 1  | M00000061212 | M00000061212 |
| 8307 | HKD TRAN THI HUONG                     | 3  | M00000150009 | M00000150011 |
| 8308 | HKD TRAN THI HUYEN 81                  | 10 | M00000071890 | M00000071899 |
| 8309 | HKD TRAN THI KIM ANH                   | 2  | M00000150293 | M00000150294 |
| 8310 | HKD TRAN THI KIM OANH                  | 1  | M00000089954 | M00000089954 |
| 8311 | HKD TRAN THI KIM VUI                   | 1  | M00000147578 | M00000147578 |
| 8312 | HKD TRAN THI LAN                       | 4  | M00000069188 | M00000069191 |
| 8313 | HKD TRAN THI LINH NHI                  | 2  | M00000087109 | M00000087110 |
| 8314 | HKD TRAN THI MAU 742                   | 1  | M00000071583 | M00000071583 |
| 8315 | HKD TRAN THI MINH HUONG                | 1  | M00000114559 | M00000114559 |
| 8316 | HKD TRAN THI MY BINH                   | 2  | M00000059112 | M00000059113 |
| 8317 | HKD TRAN THI MY LINH                   | 2  | M00000089547 | M00000089548 |
| 8318 | HKD TRAN THI NGA                       | 3  | M00000147900 | M00000147902 |
| 8319 | HKD TRAN THI NGOC                      | 1  | M00000122422 | M00000122422 |
| 8320 | HKD TRAN THI NGOC HUONG                | 1  | M00000220923 | M00000220923 |
| 8321 | HKD TRAN THI NGOC TUYEN                | 11 | M00000218713 | M00000218723 |
| 8322 | HKD TRAN THI NHANH-1973                | 2  | M00000072159 | M00000072160 |
| 8323 | HKD TRAN THI NHUNG                     | 3  | M00000144093 | M00000144095 |
| 8324 | HKD TRAN THI OANH                      | 7  | M00000059005 | M00000059011 |
| 8325 | HKD TRAN THI PHUONG                    | 8  | M00000042528 | M00000042535 |
| 8326 | HKD TRAN THI PHUONG                    | 1  | M00000054207 | M00000054207 |
| 8327 | HKD TRAN THI QUYNH NHU                 | 1  | M00000093425 | M00000093425 |
| 8328 | HKD TRAN THI THANH                     | 1  | M00000091705 | M00000091705 |
| 8329 | HKD TRAN THI THANH                     | 2  | M00000222383 | M00000222384 |
| 8330 | HKD TRAN THI THANH HAI 2               | 5  | M00000156679 | M00000156683 |
| 8331 | HKD TRAN THI THANH NGA 1               | 1  | M00000155789 | M00000155789 |
| 8332 | HKD TRAN THI THANH THAO                | 1  | M00000147636 | M00000147636 |
| 8333 | HKD TRAN THI THANH TRINH               | 2  | M00000142392 | M00000142393 |
| 8334 | HKD TRAN THI THI                       | 92 | M00000087114 | M00000087205 |
| 8335 | HKD TRAN THI THU 1989                  | 4  | M00000065361 | M00000065364 |
| 8336 | HKD TRAN THI THU 1990                  | 1  | M00000223463 | M00000223463 |
| 8337 | HKD TRAN THI THU DAN                   | 2  | M00000119416 | M00000119417 |
| 8338 | HKD TRAN THI THU HIEN                  | 2  | M00000150594 | M00000150595 |
| 8339 | HKD TRAN THI THU HUONG                 | 5  | M00000117040 | M00000117044 |
| 8340 | HKD TRAN THI THUY DONG                 | 3  | M00000223985 | M00000223987 |
| 8341 | HKD TRAN THI THUY VAN 1974             | 1  | M00000074135 | M00000074135 |
| 8342 | HKD TRAN THI TRANG (MOON)              | 1  | M00000223807 | M00000223807 |
| 8343 | HKD TRAN THI TUYET                     | 1  | M00000091866 | M00000091866 |
| 8344 | HKD TRAN THI XUAN                      | 2  | M00000059466 | M00000059467 |
| 8345 | HKD TRAN THI XUAN 1976                 | 5  | M00000074089 | M00000074093 |
| 8346 | HKD TRAN THI XUAN HUONG                | 6  | M00000140089 | M00000140094 |
| 8347 | HKD TRAN THI YEN-71                    | 3  | M00000043527 | M00000043529 |
| 8348 | HKD TRAN THIEN DUC                     | 2  | M00000220201 | M00000220202 |
| 8349 | HKD TRAN THU GIANG                     | 1  | M00000046463 | M00000046463 |
| 8350 | HKD TRAN THU HANG                      | 2  | M00000061976 | M00000061977 |
| 8351 | HKD TRAN THU HIEN                      | 2  | M00000072264 | M00000072265 |
| 8352 | HKD TRAN TRINH HAI THUY                | 2  | M00000093423 | M00000093424 |
| 8353 | HKD TRAN TRONG TUYEN                   | 11 | M00000061808 | M00000061818 |
| 8354 | HKD TRAN TRONG VINH HA                 | 2  | M00000068708 | M00000068709 |
| 8355 | HKD TRAN TRUONG SON ( DALAT FINE FOOD) | 1  | M00000122415 | M00000122415 |
| 8356 | HKD TRAN VAN CU                        | 2  | M00000140299 | M00000140300 |
| 8357 | HKD TRAN VAN DAT                       | 2  | M00000137018 | M00000137019 |
| 8358 | HKD TRAN VAN DUNG                      | 1  | M00000061415 | M00000061415 |
| 8359 | HKD TRAN VAN HUY                       | 3  | M00000150017 | M00000150019 |
| 8360 | HKD TRAN VAN LICH                      | 1  | M00000225393 | M00000225393 |
| 8361 | HKD TRAN VAN PHUC                      | 1  | M00000069006 | M00000069006 |
| 8362 | HKD TRAN VAN PHUONG (PHUONG PHUC)      | 3  | M00000043065 | M00000043067 |
| 8363 | HKD TRAN VAN QUANG                     | 10 | M00000135288 | M00000135297 |
| 8364 | HKD TRAN VAN TAN.                      | 2  | M00000145206 | M00000145207 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8365 | HKD TRAN VAN THANG ( THOM)               | 2  | M00000069027 | M00000069028 |
| 8366 | HKD TRAN VAN THANH                       | 2  | M00000071525 | M00000071526 |
| 8367 | HKD TRAN VAN THINH                       | 1  | M00000121421 | M00000121421 |
| 8368 | HKD TRAN VI THUC PHAM BAO VE SUC KHOE-TH | 1  | M00000046472 | M00000046472 |
| 8369 | HKD TRAN VINH PHUC 1                     | 1  | M00000152498 | M00000152498 |
| 8370 | HKD TRAN VO QUOC KHANH                   | 5  | M00000197929 | M00000197933 |
| 8371 | HKD TRAN XUAN BINH                       | 1  | M00000068814 | M00000068814 |
| 8372 | HKD TRAN XUAN DANG                       | 1  | M00000093089 | M00000093089 |
| 8373 | HKD TRAN XUAN THANH                      | 2  | M00000073364 | M00000073365 |
| 8374 | HKD TRANG BEAUTY T-JEN BOUTIQUE T - SHOE | 3  | M00000190926 | M00000190928 |
| 8375 | HKD TRANG PIGGIE BEAUTY                  | 1  | M00000089511 | M00000089511 |
| 8376 | HKD TRE ONG CHANH                        | 1  | M00000146108 | M00000146108 |
| 8377 | HKD TRIEU DUC CONG                       | 3  | M00000042906 | M00000042908 |
| 8378 | HKD TRIEU QUYET THANG                    | 2  | M00000073424 | M00000073425 |
| 8379 | HKD TRIEU VAN HOANG                      | 2  | M00000091015 | M00000091016 |
| 8380 | HKD TRINH CONG TRUONG                    | 3  | M00000059446 | M00000059448 |
| 8381 | HKD TRINH QUYNH TRANG                    | 2  | M00000073282 | M00000073283 |
| 8382 | HKD TRINH THI DIEM QUYNH 1996            | 14 | M00000043981 | M00000043994 |
| 8383 | HKD TRINH THI DUYEN HONG                 | 10 | M00000140412 | M00000140421 |
| 8384 | HKD TRINH THI HANG                       | 3  | M00000132646 | M00000132648 |
| 8385 | HKD TRINH THI HIEN                       | 1  | M00000152596 | M00000152596 |
| 8386 | HKD TRINH THI HONG                       | 1  | M00000068813 | M00000068813 |
| 8387 | HKD TRINH THI KIM LOAN                   | 1  | M00000069286 | M00000069286 |
| 8388 | HKD TRINH THI LIEN                       | 34 | M00000191887 | M00000191920 |
| 8389 | HKD TRINH THI THUONG                     | 5  | M00000076452 | M00000076456 |
| 8390 | HKD TRINH THI TOAN BG84                  | 4  | M00000074942 | M00000074945 |
| 8391 | HKD TRINH THI TUYET PHUONG               | 1  | M00000090962 | M00000090962 |
| 8392 | HKD TRINH VAN TAN 1974                   | 1  | M00000043025 | M00000043025 |
| 8393 | HKD TRIO JI MAISON                       | 37 | M00000218323 | M00000218359 |
| 8394 | HKD TRUC HANH PHUC                       | 5  | M00000091437 | M00000091441 |
| 8395 | HKD TRUC MAI SERVICES                    | 3  | M00000150279 | M00000150281 |
| 8396 | HKD TRUNG CUONG                          | 2  | M00000150067 | M00000150068 |
| 8397 | HKD TRUNG NGUYEN E COFFEE 31/2           | 1  | M00000093415 | M00000093415 |
| 8398 | HKD TRUNG TAM CHAM SOC O TO CHUYEN NGHIE | 1  | M00000220429 | M00000220429 |
| 8399 | HKD TRUNG TAM CONG NGHE SO 1 QUANG NAM   | 1  | M00000152955 | M00000152955 |
| 8400 | HKD TRUNG TAM KINH THUOC SO 1 QUANG NAM  | 1  | M00000130237 | M00000130237 |
| 8401 | HKD TRUNG TAM MUA SAM VINA MAR+          | 1  | M00000113702 | M00000113702 |
| 8402 | HKD TRUNG TAM SACH THIET BI TRUONG HOC   | 24 | M00000103212 | M00000103235 |
| 8403 | HKD TRUNG TAM SUA XE 206                 | 1  | M00000225702 | M00000225702 |
| 8404 | HKD TRUNG TAM THAM MY TNT                | 4  | M00000037736 | M00000037739 |
| 8405 | HKD TRUNG TAM THAY DO                    | 7  | M00000223011 | M00000223017 |
| 8406 | HKD TRUNG TAM TIEM CHUNG NGA CACH        | 2  | M00000070219 | M00000070220 |
| 8407 | HKD TRUNG TAM TRA XANH MINH DUNG         | 1  | M00000089837 | M00000089837 |
| 8408 | HKD TRUONG ANH TUAN                      | 12 | M00000059154 | M00000059165 |
| 8409 | HKD TRUONG BUI KIM LUYEN                 | 1  | M00000222368 | M00000222368 |
| 8410 | HKD TRUONG CAM MAI                       | 1  | M00000222731 | M00000222731 |
| 8411 | HKD TRUONG CONG THINH                    | 3  | M00000070579 | M00000070581 |
| 8412 | HKD TRUONG HANH                          | 2  | M00000207637 | M00000207638 |
| 8413 | HKD TRUONG LY TRAN 1972                  | 5  | M00000076695 | M00000076699 |
| 8414 | HKD TRUONG MAM NON SON CA                | 2  | M00000214595 | M00000214596 |
| 8415 | HKD TRUONG MAM NON TUOI THAN TIEN        | 6  | M00000210932 | M00000210937 |
| 8416 | HKD TRUONG MAM NON VIET UC PLUS          | 22 | M00000044269 | M00000044290 |
| 8417 | HKD TRUONG MN MAT TROI BE CON            | 6  | M00000225032 | M00000225037 |
| 8418 | HKD TRUONG PHAT TAI                      | 1  | M00000093475 | M00000093475 |
| 8419 | HKD TRUONG QUANG HUY                     | 32 | M00000132157 | M00000132188 |
| 8420 | HKD TRUONG SON 2025                      | 4  | M00000070133 | M00000070136 |
| 8421 | HKD TRUONG THI BICH CHI                  | 2  | M00000150907 | M00000150908 |
| 8422 | HKD TRUONG THI HANH                      | 2  | M00000217644 | M00000217645 |
| 8423 | HKD TRUONG THI HOA                       | 1  | M00000063275 | M00000063275 |
| 8424 | HKD TRUONG THI HOA                       | 1  | M00000120691 | M00000120691 |
| 8425 | HKD TRUONG THI LAN 1983                  | 2  | M00000048404 | M00000048405 |
| 8426 | HKD TRUONG THI THANH HOA                 | 3  | M00000133437 | M00000133439 |
| 8427 | HKD TRUONG THI TIET HANH                 | 4  | M00000026916 | M00000026919 |
| 8428 | HKD TRUONG TIEN PHU                      | 22 | M00000059085 | M00000059106 |
| 8429 | HKD TRUONG VAN LINH 1991                 | 1  | M00000069383 | M00000069383 |
| 8430 | HKD TRUONG VAN LY                        | 1  | M00000071043 | M00000071043 |
| 8431 | HKD TRUONG VAN NHO                       | 67 | M00000081253 | M00000081319 |
| 8432 | HKD TRUONG VAN TRIEU                     | 2  | M00000128444 | M00000128445 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 8433 | HKD TRUONG VAN VINH                      | 2   | M00000042544 | M00000042545 |
| 8434 | HKD TT MUA SAM GIAY DEP ANH TUAN         | 14  | M00000090575 | M00000090588 |
| 8435 | HKD TT THIET BI VAN PHONG - NGA QUYEN    | 1   | M00000055157 | M00000055157 |
| 8436 | HKD TU ANH SPA                           | 1   | M00000023537 | M00000023537 |
| 8437 | HKD TU BA VIET                           | 4   | M00000091687 | M00000091690 |
| 8438 | HKD TU DO CA PHE                         | 2   | M00000090606 | M00000090607 |
| 8439 | HKD TU HUYNH EUS FRUIT                   | 1   | M00000089408 | M00000089408 |
| 8440 | HKD TU NGUYEN BROWS                      | 3   | M00000216444 | M00000216446 |
| 8441 | HKD TU TAI MOBILE                        | 2   | M00000054175 | M00000054176 |
| 8442 | HKD TU THI NGUYEN LOAN                   | 3   | M00000216342 | M00000216344 |
| 8443 | HKD TUAN CUC                             | 2   | M00000141506 | M00000141507 |
| 8444 | HKD TUAN HANG MINI MART                  | 1   | M00000075593 | M00000075593 |
| 8445 | HKD TUAN NGOC                            | 4   | M00000220838 | M00000220841 |
| 8446 | HKD TUAN NHUNG                           | 2   | M00000071703 | M00000071704 |
| 8447 | HKD TUAN QUAN AO CU                      | 1   | M00000070077 | M00000070077 |
| 8448 | HKD TUAN TAI STORE                       | 4   | M00000084970 | M00000084973 |
| 8449 | HKD TUAN THI CHUYEN                      | 15  | M00000041043 | M00000041057 |
| 8450 | HKD TUAN TUAN ANH                        | 8   | M00000090646 | M00000090653 |
| 8451 | HKD TUNG MOBILE                          | 2   | M00000061202 | M00000061203 |
| 8452 | HKD TUNG NGUYEN ANH                      | 1   | M00000090738 | M00000090738 |
| 8453 | HKD TUONG BARBER 507 VU TONG PHAN        | 3   | M00000043070 | M00000043072 |
| 8454 | HKD TUONG VAN                            | 3   | M00000088214 | M00000088216 |
| 8455 | HKD TUTA BEAUTY                          | 5   | M00000023552 | M00000023556 |
| 8456 | HKD TUU LAU QUAN                         | 1   | M00000090196 | M00000090196 |
| 8457 | HKD TUYEN ANH                            | 3   | M00000141276 | M00000141278 |
| 8458 | HKD TUYET DUNG - SAP 257 A2              | 18  | M00000030661 | M00000030678 |
| 8459 | HKD TUYET DUNG SAP 253 A2 + 255 A2       | 8   | M00000032133 | M00000032140 |
| 8460 | HKD TUYET VU                             | 2   | M00000071684 | M00000071685 |
| 8461 | HKD TY CUA                               | 2   | M00000091207 | M00000091208 |
| 8462 | HKD TYRA NAILS-EYELASHES                 | 1   | M00000216935 | M00000216935 |
| 8463 | HKD U23 FITNESS & YOGA II                | 2   | M00000198447 | M00000198448 |
| 8464 | HKD UNI JAPAN - HANG NHAT NOI DIA        | 2   | M00000018982 | M00000018983 |
| 8465 | HKD UNIFORME                             | 17  | M00000044816 | M00000044832 |
| 8466 | HKD UON TOC HUONG                        | 1   | M00000221374 | M00000221374 |
| 8467 | HKD UT LUA                               | 11  | M00000082705 | M00000082715 |
| 8468 | HKD UT NGUYET                            | 3   | M00000093254 | M00000093256 |
| 8469 | HKD VAI DA THAO                          | 1   | M00000224610 | M00000224610 |
| 8470 | HKD VAN BAO VEGETARIAN RESTAURANT&HEALIN | 5   | M00000145094 | M00000145098 |
| 8471 | HKD VAN LAN                              | 3   | M00000156941 | M00000156943 |
| 8472 | HKD VAN NAM MART                         | 154 | M00000223252 | M00000223405 |
| 8473 | HKD VAN NGUYEN                           | 9   | M00000018166 | M00000018174 |
| 8474 | HKD VAN PHONG PHAM DUONG QUYNH HUONG     | 2   | M00000046793 | M00000046794 |
| 8475 | HKD VAN THI ANH HONG                     | 3   | M00000141962 | M00000141964 |
| 8476 | HKD VAN THI HUE                          | 4   | M00000139078 | M00000139081 |
| 8477 | HKD VAN THI NGOC                         | 19  | M00000068271 | M00000068289 |
| 8478 | HKD VAN VY                               | 2   | M00000204025 | M00000204026 |
| 8479 | HKD VANCHAO                              | 7   | M00000215263 | M00000215269 |
| 8480 | HKD VAT LIEU XAY DUNG - HUYEN THU        | 1   | M00000057551 | M00000057551 |
| 8481 | HKD VAT LIEU XAY DUNG HONG CUONG         | 2   | M00000143225 | M00000143226 |
| 8482 | HKD VEALTH PLUS                          | 3   | M00000117584 | M00000117586 |
| 8483 | HKD VERA PETSHOP                         | 6   | M00000093348 | M00000093353 |
| 8484 | HKD VESTON KEN                           | 5   | M00000216203 | M00000216207 |
| 8485 | HKD VESTON KEN                           | 5   | M00000218099 | M00000218103 |
| 8486 | HKD VESTON KEN                           | 9   | M00000218505 | M00000218513 |
| 8487 | HKD VESTON KEN                           | 4   | M00000220343 | M00000220346 |
| 8488 | HKD VI TINH TAY NGUYEN                   | 2   | M00000145267 | M00000145268 |
| 8489 | HKD VICMART                              | 2   | M00000146106 | M00000146107 |
| 8490 | HKD VIDINO                               | 2   | M00000090350 | M00000090351 |
| 8491 | HKD VIEC LAM HOANG DUONG                 | 9   | M00000074075 | M00000074083 |
| 8492 | HKD VIEN CHAM SOC DA JEN SPA & COMESTIC  | 3   | M00000081012 | M00000081014 |
| 8493 | HKD VIEN THONG DUC MINH                  | 244 | M00000128148 | M00000128391 |
| 8494 | HKD VIET ANH MOBILE                      | 1   | M00000061277 | M00000061277 |
| 8495 | HKD VIET DUONG                           | 1   | M00000091643 | M00000091643 |
| 8496 | HKD VIET NAM SOUVENIR                    | 90  | M00000125147 | M00000125236 |
| 8497 | HKD VIFIT GYM & PILATES                  | 1   | M00000075087 | M00000075087 |
| 8498 | HKD VINH AVIAN VET PHONG KHAM THU Y      | 1   | M00000219539 | M00000219539 |
| 8499 | HKD VINH DUNG SAP 305 A1                 | 2   | M00000043512 | M00000043513 |
| 8500 | HKD VINH HOANG HAIR SALON                | 1   | M00000145951 | M00000145951 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8501 | HKD VIT NUONG THANH NAM TRUNG YEN        | 1  | M00000045413 | M00000045413 |
| 8502 | HKD VIT QUAY 34                          | 1  | M00000222586 | M00000222586 |
| 8503 | HKD VITA COFFEE                          | 1  | M00000144152 | M00000144152 |
| 8504 | HKD VLXD BA HAO                          | 4  | M00000089833 | M00000089836 |
| 8505 | HKD VO HONG HAI                          | 1  | M00000197622 | M00000197622 |
| 8506 | HKD VO HONG YEN                          | 25 | M00000224429 | M00000224453 |
| 8507 | HKD VO LE TAN PHAT                       | 9  | M00000204701 | M00000204709 |
| 8508 | HKD VO LE UYEN                           | 14 | M00000227040 | M00000227053 |
| 8509 | HKD VO TA LONG                           | 1  | M00000152739 | M00000152739 |
| 8510 | HKD VO THANH TUAN                        | 8  | M00000118501 | M00000118508 |
| 8511 | HKD VO THI ANH NGUYET                    | 1  | M00000113679 | M00000113679 |
| 8512 | HKD VO THI HA                            | 2  | M00000128649 | M00000128650 |
| 8513 | HKD VO THI HONG                          | 2  | M00000125140 | M00000125141 |
| 8514 | HKD VO THI HONG                          | 4  | M00000223619 | M00000223622 |
| 8515 | HKD VO THI LIEU                          | 6  | M00000222418 | M00000222423 |
| 8516 | HKD VO THI MINH MAN                      | 3  | M00000136740 | M00000136742 |
| 8517 | HKD VO THI NGOC BICH                     | 9  | M00000211589 | M00000211597 |
| 8518 | HKD VO THI NGOC THUY                     | 2  | M00000222756 | M00000222757 |
| 8519 | HKD VO THI THUY NGA                      | 1  | M00000090979 | M00000090979 |
| 8520 | HKD VO THI THUY TRANG 2                  | 1  | M00000145739 | M00000145739 |
| 8521 | HKD VO VIEN PHI PHUNG (NEM NUONG NHA TRA | 1  | M00000222766 | M00000222766 |
| 8522 | HKD VO VIET PHUNG                        | 4  | M00000092023 | M00000092026 |
| 8523 | HKD VO VU LUAN GIAN 33L                  | 3  | M00000226696 | M00000226698 |
| 8524 | HKD VOILAS COFFEE ROASTERY               | 1  | M00000147644 | M00000147644 |
| 8525 | HKD VONG OI PHONG                        | 1  | M00000090337 | M00000090337 |
| 8526 | HKD VU ANH CHUONG                        | 15 | M00000154223 | M00000154237 |
| 8527 | HKD VU ANH TUAN 74                       | 1  | M00000046133 | M00000046133 |
| 8528 | HKD VU ANH TUYET                         | 2  | M00000073580 | M00000073581 |
| 8529 | HKD VU BA LAM                            | 3  | M00000042696 | M00000042698 |
| 8530 | HKD VU CONG TAI                          | 5  | M00000059723 | M00000059727 |
| 8531 | HKD VU DINH KE                           | 2  | M00000028537 | M00000028538 |
| 8532 | HKD VU DINH TAI (GAS MANH TAI)           | 1  | M00000219894 | M00000219894 |
| 8533 | HKD VU DUC ANH - LUS HAIR STUDIO         | 2  | M00000072244 | M00000072245 |
| 8534 | HKD VU HOANG DIEU                        | 2  | M00000215339 | M00000215340 |
| 8535 | HKD VU HONG QUAN                         | 3  | M00000070608 | M00000070610 |
| 8536 | HKD VU HUONG GIANG                       | 5  | M00000070754 | M00000070758 |
| 8537 | HKD VU MINH DUC                          | 4  | M00000074451 | M00000074454 |
| 8538 | HKD VU NGOC HUU                          | 2  | M00000058678 | M00000058679 |
| 8539 | HKD VU NGOC MAI                          | 7  | M00000057718 | M00000057724 |
| 8540 | HKD VU THAI HA 1980                      | 1  | M00000046376 | M00000046376 |
| 8541 | HKD VU THANH TRANG                       | 3  | M00000043493 | M00000043495 |
| 8542 | HKD VU THI BON                           | 1  | M00000225414 | M00000225414 |
| 8543 | HKD VU THI DUA                           | 1  | M00000195077 | M00000195077 |
| 8544 | HKD VU THI DUNG                          | 5  | M00000071242 | M00000071246 |
| 8545 | HKD VU THI HA TRANG                      | 1  | M00000152841 | M00000152841 |
| 8546 | HKD VU THI HIEN PL                       | 3  | M00000068681 | M00000068683 |
| 8547 | HKD VU THI HUONG                         | 2  | M00000021482 | M00000021483 |
| 8548 | HKD VU THI HUONG -17 HANG NON            | 2  | M00000037791 | M00000037792 |
| 8549 | HKD VU THI MAI                           | 1  | M00000068379 | M00000068379 |
| 8550 | HKD VU THI MINH TRANG                    | 4  | M00000034741 | M00000034744 |
| 8551 | HKD VU THI PHUONG MAI                    | 7  | M00000044291 | M00000044297 |
| 8552 | HKD VU THI THANH HUONG                   | 1  | M00000139967 | M00000139967 |
| 8553 | HKD VU THI TRANG                         | 4  | M00000059990 | M00000059993 |
| 8554 | HKD VU THI TUYET MAI                     | 1  | M00000057727 | M00000057727 |
| 8555 | HKD VU THI UOC 1980                      | 1  | M00000074084 | M00000074084 |
| 8556 | HKD VU TIEN DIEU                         | 3  | M00000042539 | M00000042541 |
| 8557 | HKD VU TRAN PHUONG 2000                  | 25 | M00000040500 | M00000040524 |
| 8558 | HKD VU TRI THUC                          | 2  | M00000064963 | M00000064964 |
| 8559 | HKD VU VAN CUONG (NI)                    | 4  | M00000072280 | M00000072283 |
| 8560 | HKD VU VAN HAI                           | 3  | M00000057546 | M00000057548 |
| 8561 | HKD VU VAN LAM                           | 1  | M00000090044 | M00000090044 |
| 8562 | HKD VU VAN MANH                          | 5  | M00000057541 | M00000057545 |
| 8563 | HKD VU VAN NHAT                          | 1  | M00000071507 | M00000071507 |
| 8564 | HKD VU VAN QUAN                          | 2  | M00000042542 | M00000042543 |
| 8565 | HKD VU VAN TRUONG                        | 1  | M00000068212 | M00000068212 |
| 8566 | HKD VU VAN VU                            | 1  | M00000069162 | M00000069162 |
| 8567 | HKD VU XUAN DUONG                        | 1  | M00000059015 | M00000059015 |
| 8568 | HKD VU XUAN HUNG                         | 1  | M00000075110 | M00000075110 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8569 | HKD VU XUAN THANH                        | 8  | M00000043057 | M00000043064 |
| 8570 | HKD VUA CUA MONG CAM                     | 4  | M00000091325 | M00000091328 |
| 8571 | HKD VUA CUA NGUYEN SOL                   | 1  | M00000091686 | M00000091686 |
| 8572 | HKD VUA GAO THANH TRUNG                  | 2  | M00000091718 | M00000091719 |
| 8573 | HKD VUA TRAI CAY DUNG TRANG              | 21 | M00000221548 | M00000221568 |
| 8574 | HKD VUA TRAI CAY KIM CO                  | 1  | M00000153987 | M00000153987 |
| 8575 | HKD VUON AM THUC DONG QUE                | 6  | M00000217165 | M00000217170 |
| 8576 | HKD VUONG DINH TINH                      | 11 | M00000019637 | M00000019647 |
| 8577 | HKD VUONG NGOC YEN                       | 1  | M00000090156 | M00000090156 |
| 8578 | HKD VY VAN HOTEL VUNG TAU                | 3  | M00000218388 | M00000218390 |
| 8579 | HKD XAM BOUTIQUE                         | 5  | M00000070835 | M00000070839 |
| 8580 | HKD XB HAIR STILIST                      | 1  | M00000136037 | M00000136037 |
| 8581 | HKD XE DAP TUAN QUYEN                    | 2  | M00000088217 | M00000088218 |
| 8582 | HKD XE DAP XE DIEN DUYEN THAO 2          | 2  | M00000222536 | M00000222537 |
| 8583 | HKD XE DIEN NGOC THU                     | 3  | M00000065882 | M00000065884 |
| 8584 | HKD XE DIEN TUAN HAI                     | 1  | M00000040123 | M00000040123 |
| 8585 | HKD XE MAY CU VAN THIEN                  | 2  | M00000071868 | M00000071869 |
| 8586 | HKD XE MAY HOANG HUNG                    | 2  | M00000070599 | M00000070600 |
| 8587 | HKD XEMAYPHATDAT                         | 3  | M00000223837 | M00000223839 |
| 8588 | HKD XIAOMI THAI BINH                     | 3  | M00000074047 | M00000074049 |
| 8589 | HKD XOI NGON 24H VINHOMES                | 3  | M00000155301 | M00000155303 |
| 8590 | HKD XOXO LEATHER CARE                    | 2  | M00000047544 | M00000047545 |
| 8591 | HKD XU BILLIARD SHOP                     | 6  | M00000152507 | M00000152512 |
| 8592 | HKD XUAN HOP SPORT                       | 8  | M00000147499 | M00000147506 |
| 8593 | HKD XUAN LAN                             | 1  | M00000145965 | M00000145965 |
| 8594 | HKD XUAN LOC AUTO                        | 1  | M00000219550 | M00000219550 |
| 8595 | HKD XUAN NGHIA MOBILE                    | 5  | M00000057530 | M00000057534 |
| 8596 | HKD XUONG MAY HAI TRA                    | 1  | M00000043812 | M00000043812 |
| 8597 | HKD XUONG SX QAMM HUONG                  | 50 | M00000044680 | M00000044729 |
| 8598 | HKD XUONG TRA THU CONG HO NAI            | 5  | M00000092507 | M00000092511 |
| 8599 | HKD XUYEN SUSHI                          | 9  | M00000125129 | M00000125137 |
| 8600 | HKD YEN 91                               | 1  | M00000076229 | M00000076229 |
| 8601 | HKD YEN CHUNG TUOI KHANH HOA             | 3  | M00000145556 | M00000145558 |
| 8602 | HKD YEN GAO                              | 6  | M00000211598 | M00000211603 |
| 8603 | HKD YEN HUNG                             | 9  | M00000071983 | M00000071991 |
| 8604 | HKD YEN PHUNG S10                        | 2  | M00000215579 | M00000215580 |
| 8605 | HKD YEN PHUONG 2                         | 3  | M00000215707 | M00000215709 |
| 8606 | HKD YEN SAO HIEN TAN KIEN GIANG          | 1  | M00000091909 | M00000091909 |
| 8607 | HKD YEN SHOP                             | 2  | M00000070789 | M00000070790 |
| 8608 | HKD YEN SKIN LAB                         | 1  | M00000092540 | M00000092540 |
| 8609 | HKD YEN TRAN CAKE                        | 3  | M00000152514 | M00000152516 |
| 8610 | HKD YI HE TANG TRAN THI YEN OANH         | 5  | M00000045957 | M00000045961 |
| 8611 | HKD YIHETANG LINH DAM                    | 7  | M00000045881 | M00000045887 |
| 8612 | HKD YOUR HOMESTAY                        | 6  | M00000219942 | M00000219947 |
| 8613 | HKD ZEZE BILLIARD CLUB                   | 1  | M00000036642 | M00000036642 |
| 8614 | HKD ZUN                                  | 6  | M00000048349 | M00000048354 |
| 8615 | HKD: LE THI BICH DUNG                    | 5  | M00000139037 | M00000139041 |
| 8616 | HKD: TT THOI TRANG LUU DI HUNG           | 1  | M00000078944 | M00000078944 |
| 8617 | HKDCT CUA HANG DUNG CU THE THAO TRUONG H | 1  | M00000093358 | M00000093358 |
| 8618 | HKDCT: HAI SAN SAM                       | 13 | M00000082397 | M00000082409 |
| 8619 | HKDCT:TONY DAT                           | 1  | M00000079998 | M00000079998 |
| 8620 | HKD-CUA HANG LAU MAM BA SAU CAN THO      | 3  | M00000041604 | M00000041606 |
| 8621 | HKDFROMDBAKINGSTUDIO                     | 23 | M00000219865 | M00000219887 |
| 8622 | HKDLETHIXUANLAN                          | 1  | M00000219667 | M00000219667 |
| 8623 | HKD-QUAN NHU Y                           | 9  | M00000225011 | M00000225019 |
| 8624 | HKDTUTHAM                                | 1  | M00000070598 | M00000070598 |
| 8625 | H'MONG SPA                               | 3  | M00000061035 | M00000061037 |
| 8626 | HO KINH DOANH TD LOUNGE                  | 6  | M00000196725 | M00000196730 |
| 8627 | HO KD CAO THI THAM                       | 22 | M00000124311 | M00000124332 |
| 8628 | HO KD CASA PU LUONG                      | 2  | M00000124812 | M00000124813 |
| 8629 | HO KD HE THONG SIEU THI ME&BE, BE TUE    | 1  | M00000120465 | M00000120465 |
| 8630 | HO KD LE KIM NGUYEN                      | 11 | M00000134438 | M00000134448 |
| 8631 | HO KD LE NHU HIEU                        | 5  | M00000122848 | M00000122852 |
| 8632 | HO KD LE THI BAU                         | 15 | M00000122825 | M00000122839 |
| 8633 | HO KD LE THI LE QUYEN                    | 3  | M00000152286 | M00000152288 |
| 8634 | HO KD NAM CUONG                          | 5  | M00000163476 | M00000163480 |
| 8635 | HO KD NGUYEN THI HAU                     | 4  | M00000130225 | M00000130228 |
| 8636 | HO KD NGUYEN THI HUYEN TRANG             | 7  | M00000114562 | M00000114568 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8637 | HO KD NGUYEN VAN DAN & VU THI THU        | 11 | M00000119367 | M00000119377 |
| 8638 | HO KD NHA HANG NHAT BAN TOKYO            | 7  | M00000114981 | M00000114987 |
| 8639 | HO KD THANH DAT MOBILE                   | 8  | M00000152821 | M00000152828 |
| 8640 | HO KD TRAN THI THUY                      | 4  | M00000120363 | M00000120366 |
| 8641 | HO KD VU KHANH HOA                       | 1  | M00000120697 | M00000120697 |
| 8642 | HO KD VU THI MAI                         | 1  | M00000156678 | M00000156678 |
| 8643 | HO KHANH                                 | 1  | M00000127319 | M00000127319 |
| 8644 | HO KINH DOANH LAN VUONG                  | 2  | M00000046788 | M00000046789 |
| 8645 | HO KINH DOANH BAO THOA                   | 6  | M00000030157 | M00000030162 |
| 8646 | HO KINH DOANH - DANG QUANG COMPUTER      | 4  | M00000085094 | M00000085097 |
| 8647 | HO KINH DOANH - DUONG THI HONG           | 42 | M00000142080 | M00000142121 |
| 8648 | HO KINH DOANH - HA VAN THIN              | 16 | M00000195920 | M00000195935 |
| 8649 | HO KINH DOANH - HKD LE THI HA            | 1  | M00000153825 | M00000153825 |
| 8650 | HO KINH DOANH - NGUYEN QUANG TRUONG 2004 | 2  | M00000043128 | M00000043129 |
| 8651 | HO KINH DOANH - NGUYEN THANH VINH        | 1  | M00000145980 | M00000145980 |
| 8652 | HO KINH DOANH - NGUYEN THI CHAM          | 1  | M00000154192 | M00000154192 |
| 8653 | HO KINH DOANH - NGUYEN THI HUONG         | 1  | M00000047494 | M00000047494 |
| 8654 | HO KINH DOANH - NGUYEN VAN NGHIEM        | 1  | M00000222932 | M00000222932 |
| 8655 | HO KINH DOANH - NHA THUOC PHUC THINH     | 1  | M00000047501 | M00000047501 |
| 8656 | HO KINH DOANH - THIEN BAO                | 1  | M00000222858 | M00000222858 |
| 8657 | HO KINH DOANH - TRAN THI MY              | 11 | M00000222564 | M00000222574 |
| 8658 | HO KINH DOANH - TRAN THI YEN             | 1  | M00000155299 | M00000155299 |
| 8659 | HO KINH DOANH - VK MART                  | 5  | M00000055161 | M00000055165 |
| 8660 | HO KINH DOANH 07 THAO DIEN               | 10 | M00000199604 | M00000199613 |
| 8661 | HO KINH DOANH 1 2 3 VIP                  | 2  | M00000206618 | M00000206619 |
| 8662 | HO KINH DOANH 101 CHUA BOC               | 1  | M00000040379 | M00000040379 |
| 8663 | HO KINH DOANH 102 MOBILE                 | 1  | M00000117212 | M00000117212 |
| 8664 | HO KINH DOANH 112H                       | 8  | M00000220399 | M00000220406 |
| 8665 | HO KINH DOANH 114H                       | 7  | M00000203974 | M00000203980 |
| 8666 | HO KINH DOANH 138 CAU GIAY               | 6  | M00000040124 | M00000040129 |
| 8667 | HO KINH DOANH 17BBQ                      | 1  | M00000041498 | M00000041498 |
| 8668 | HO KINH DOANH 196 NGUYEN TRAI            | 3  | M00000040380 | M00000040382 |
| 8669 | HO KINH DOANH 1997 HAIR SALON            | 1  | M00000044616 | M00000044616 |
| 8670 | HO KINH DOANH 24 COFFEE                  | 2  | M00000196744 | M00000196745 |
| 8671 | HO KINH DOANH 24H MART                   | 5  | M00000045930 | M00000045934 |
| 8672 | HO KINH DOANH 2A THU DAN                 | 2  | M00000088600 | M00000088601 |
| 8673 | HO KINH DOANH 2S                         | 4  | M00000043199 | M00000043202 |
| 8674 | HO KINH DOANH 3 OF SPADES TATTOO         | 9  | M00000034826 | M00000034834 |
| 8675 | HO KINH DOANH 3CE CLUB                   | 2  | M00000152576 | M00000152577 |
| 8676 | HO KINH DOANH 3T BEAUTY STORE            | 2  | M00000211034 | M00000211035 |
| 8677 | HO KINH DOANH 47T-49T                    | 8  | M00000203953 | M00000203960 |
| 8678 | HO KINH DOANH 4TEEN XMEN                 | 1  | M00000075088 | M00000075088 |
| 8679 | HO KINH DOANH 54 TRUYEN THONG            | 3  | M00000024779 | M00000024781 |
| 8680 | HO KINH DOANH 60P ON LE THI RIENG        | 2  | M00000222748 | M00000222749 |
| 8681 | HO KINH DOANH 7 KHO                      | 39 | M00000216349 | M00000216387 |
| 8682 | HO KINH DOANH 717 SPACE X                | 15 | M00000139722 | M00000139736 |
| 8683 | HO KINH DOANH 74                         | 1  | M00000159413 | M00000159413 |
| 8684 | HO KINH DOANH 763                        | 1  | M00000221358 | M00000221358 |
| 8685 | HO KINH DOANH 86 MOBILE                  | 2  | M00000070534 | M00000070535 |
| 8686 | HO KINH DOANH 8X MOBILE                  | 5  | M00000019685 | M00000019689 |
| 8687 | HO KINH DOANH 97H                        | 13 | M00000199063 | M00000199075 |
| 8688 | HO KINH DOANH 99-81 AA COFFEE & BISTRO   | 6  | M00000031050 | M00000031055 |
| 8689 | HO KINH DOANH 9X GAMING CYBER            | 3  | M00000152838 | M00000152840 |
| 8690 | HO KINH DOANH A BAO 2                    | 1  | M00000093360 | M00000093360 |
| 8691 | HO KINH DOANH A BINH                     | 2  | M00000145949 | M00000145950 |
| 8692 | HO KINH DOANH A TIEN                     | 5  | M00000145718 | M00000145722 |
| 8693 | HO KINH DOANH A TU                       | 6  | M00000218422 | M00000218427 |
| 8694 | HO KINH DOANH A' KHOAI                   | 2  | M00000217187 | M00000217188 |
| 8695 | HO KINH DOANH A6                         | 3  | M00000030681 | M00000030683 |
| 8696 | HO KINH DOANH A9                         | 4  | M00000016844 | M00000016847 |
| 8697 | HO KINH DOANH ACADEMY BILLIARDS          | 1  | M00000076575 | M00000076575 |
| 8698 | HO KINH DOANH AI BAR                     | 4  | M00000205694 | M00000205697 |
| 8699 | HO KINH DOANH ALLBYVY                    | 2  | M00000215562 | M00000215563 |
| 8700 | HO KINH DOANH ALLIN                      | 2  | M00000026964 | M00000026965 |
| 8701 | HO KINH DOANH ALO QUAN 87                | 3  | M00000156032 | M00000156034 |
| 8702 | HO KINH DOANH AM THUC CHIM RUNG          | 9  | M00000195148 | M00000195156 |
| 8703 | HO KINH DOANH AM THUC HAI LUA            | 65 | M00000189543 | M00000189607 |
| 8704 | HO KINH DOANH AM THUC HUONG RUNG         | 3  | M00000156690 | M00000156692 |



|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8705 | HO KINH DOANH AM THUC LOC HUE            | 2  | M00000081559 | M00000081560 |
| 8706 | HO KINH DOANH AM THUC NGUYEN PHONG BA MI | 3  | M00000224259 | M00000224261 |
| 8707 | HO KINH DOANH AM THUC NHAT BAN THE GIOI  | 6  | M00000191453 | M00000191458 |
| 8708 | HO KINH DOANH AM THUC RUN RICE           | 12 | M00000037411 | M00000037422 |
| 8709 | HO KINH DOANH AMARA                      | 6  | M00000090442 | M00000090447 |
| 8710 | HO KINH DOANH AMARA SKINCARE LAB         | 1  | M00000156930 | M00000156930 |
| 8711 | HO KINH DOANH AMIGO PULUONG              | 2  | M00000024653 | M00000024654 |
| 8712 | HO KINH DOANH AN - BANH CANH             | 1  | M00000140982 | M00000140982 |
| 8713 | HO KINH DOANH AN HOUSE                   | 1  | M00000220262 | M00000220262 |
| 8714 | HO KINH DOANH AN NAM SOUVENIRS           | 9  | M00000140004 | M00000140012 |
| 8715 | HO KINH DOANH AN THAI HOMESTAY HUE       | 2  | M00000122803 | M00000122804 |
| 8716 | HO KINH DOANH AN VAT QUYNH TRAM          | 1  | M00000223671 | M00000223671 |
| 8717 | HO KINH DOANH ANGELA HA NOI              | 4  | M00000040539 | M00000040542 |
| 8718 | HO KINH DOANH ANH DUNG MOBILE            | 4  | M00000128820 | M00000128823 |
| 8719 | HO KINH DOANH ANH DUY FITNESS            | 2  | M00000061416 | M00000061417 |
| 8720 | HO KINH DOANH ANH HOAN MUSIC BOX         | 2  | M00000075015 | M00000075016 |
| 8721 | HO KINH DOANH ANH KEN 2                  | 1  | M00000150637 | M00000150637 |
| 8722 | HO KINH DOANH ANH QUAN                   | 89 | M00000086964 | M00000087052 |
| 8723 | HO KINH DOANH ANH TAI QUAN 2             | 3  | M00000045239 | M00000045241 |
| 8724 | HO KINH DOANH ANH THU HOTEL              | 1  | M00000146120 | M00000146120 |
| 8725 | HO KINH DOANH ANH TUAN MOBILE            | 4  | M00000091129 | M00000091132 |
| 8726 | HO KINH DOANH ANH VIEN KHANH BAO         | 1  | M00000149605 | M00000149605 |
| 8727 | HO KINH DOANH ANMIER                     | 5  | M00000197835 | M00000197839 |
| 8728 | HO KINH DOANH ANNA COCO 2                | 18 | M00000197530 | M00000197547 |
| 8729 | HO KINH DOANH ANNACOCO SONG HANH         | 8  | M00000223204 | M00000223211 |
| 8730 | HO KINH DOANH ANNAM79                    | 15 | M00000198847 | M00000198861 |
| 8731 | HO KINH DOANH AO CUOI QUOC TRUONG        | 2  | M00000147874 | M00000147875 |
| 8732 | HO KINH DOANH AO CUOI SONG HY 2          | 3  | M00000093327 | M00000093329 |
| 8733 | HO KINH DOANH AO DAI SONG BRIDAL         | 1  | M00000142230 | M00000142230 |
| 8734 | HO KINH DOANH AO DAI TAN YEN             | 1  | M00000218408 | M00000218408 |
| 8735 | HO KINH DOANH APPLE TOAN TAM             | 3  | M00000139229 | M00000139231 |
| 8736 | HO KINH DOANH APPLE ZONE                 | 16 | M00000129030 | M00000129045 |
| 8737 | HO KINH DOANH ARENO                      | 1  | M00000042317 | M00000042317 |
| 8738 | HO KINH DOANH ARIA TAM DAO               | 1  | M00000076107 | M00000076107 |
| 8739 | HO KINH DOANH ART SPACE 49               | 3  | M00000214434 | M00000214436 |
| 8740 | HO KINH DOANH AT GYM D12 CLUB            | 2  | M00000222770 | M00000222771 |
| 8741 | HO KINH DOANH ATZ MART                   | 3  | M00000039537 | M00000039539 |
| 8742 | HO KINH DOANH AUTO NGOC MINH             | 7  | M00000089818 | M00000089824 |
| 8743 | HO KINH DOANH AUTONO1                    | 18 | M00000226783 | M00000226800 |
| 8744 | HO KINH DOANH BA ONG BO                  | 10 | M00000215723 | M00000215732 |
| 8745 | HO KINH DOANH BABY CARE                  | 1  | M00000196731 | M00000196731 |
| 8746 | HO KINH DOANH BABY HOUSE                 | 1  | M00000146115 | M00000146115 |
| 8747 | HO KINH DOANH BAC 24H                    | 2  | M00000224256 | M00000224257 |
| 8748 | HO KINH DOANH BAC QUOC HUY               | 1  | M00000030809 | M00000030809 |
| 8749 | HO KINH DOANH BAC SY NAM                 | 2  | M00000139755 | M00000139756 |
| 8750 | HO KINH DOANH BAC TOM DO QUANG           | 3  | M00000029955 | M00000029957 |
| 8751 | HO KINH DOANH BACH AN                    | 3  | M00000206607 | M00000206609 |
| 8752 | HO KINH DOANH BACH HOA CAM               | 6  | M00000092811 | M00000092816 |
| 8753 | HO KINH DOANH BACH HOA THAO              | 2  | M00000218097 | M00000218098 |
| 8754 | HO KINH DOANH BACH HOA TONG HOP CON YEU  | 1  | M00000150643 | M00000150643 |
| 8755 | HO KINH DOANH BACH HOA TONG HOP MY TIEN  | 1  | M00000087443 | M00000087443 |
| 8756 | HO KINH DOANH BACH HOA VIET TRUNG        | 2  | M00000145141 | M00000145142 |
| 8757 | HO KINH DOANH BACH HOA VIMECO            | 19 | M00000044777 | M00000044795 |
| 8758 | HO KINH DOANH BACH HOA-SIEU THI SUA KIM  | 2  | M00000086693 | M00000086694 |
| 8759 | HO KINH DOANH BAHNAR TAM HUNG            | 1  | M00000149489 | M00000149489 |
| 8760 | HO KINH DOANH BAI BIEN TU DO             | 3  | M00000090143 | M00000090145 |
| 8761 | HO KINH DOANH BALEY COFFEE & TEA         | 2  | M00000150587 | M00000150588 |
| 8762 | HO KINH DOANH BAMI SOT                   | 1  | M00000072161 | M00000072161 |
| 8763 | HO KINH DOANH BANANALEAF                 | 2  | M00000202018 | M00000202019 |
| 8764 | HO KINH DOANH BANG SA                    | 3  | M00000041911 | M00000041913 |
| 8765 | HO KINH DOANH BANH CANH CA LOC UT QUYEN  | 4  | M00000220639 | M00000220642 |
| 8766 | HO KINH DOANH BANH KEM HUONG TRINH       | 3  | M00000152283 | M00000152285 |
| 8767 | HO KINH DOANH BANH KEM MICKEY            | 2  | M00000089746 | M00000089747 |
| 8768 | HO KINH DOANH BANH MI THANH CO           | 1  | M00000045938 | M00000045938 |
| 8769 | HO KINH DOANH BANH MY 17                 | 1  | M00000038047 | M00000038047 |
| 8770 | HO KINH DOANH BANH MY KIM                | 1  | M00000045441 | M00000045441 |
| 8771 | HO KINH DOANH BANH MY PHAP PHUC HUONG    | 1  | M00000043862 | M00000043862 |
| 8772 | HO KINH DOANH BANH NGOT LINH NGAN        | 1  | M00000045435 | M00000045435 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8773 | HO KINH DOANH BAO                        | 55 | M00000081408 | M00000081462 |
| 8774 | HO KINH DOANH BAO BI HUONG QUANG         | 35 | M00000145143 | M00000145177 |
| 8775 | HO KINH DOANH BAO HAN NGUYEN             | 2  | M00000117803 | M00000117804 |
| 8776 | HO KINH DOANH BAO HIEU                   | 2  | M00000091323 | M00000091324 |
| 8777 | HO KINH DOANH BAO LINH                   | 3  | M00000019652 | M00000019654 |
| 8778 | HO KINH DOANH BAO LINH                   | 2  | M00000091158 | M00000091159 |
| 8779 | HO KINH DOANH BAO NGOC MOBILE            | 8  | M00000135741 | M00000135748 |
| 8780 | HO KINH DOANH BAO NGUYEN                 | 3  | M00000091796 | M00000091798 |
| 8781 | HO KINH DOANH BAO QUYNH                  | 3  | M00000196229 | M00000196231 |
| 8782 | HO KINH DOANH BAO THIEN                  | 2  | M00000073543 | M00000073544 |
| 8783 | HO KINH DOANH BAO VE THUC VAT NGOC LINH  | 6  | M00000145998 | M00000146003 |
| 8784 | HO KINH DOANH BARON CLUB                 | 1  | M00000092101 | M00000092101 |
| 8785 | HO KINH DOANH BAT DONG SAN HOANG THI HAN | 3  | M00000147496 | M00000147498 |
| 8786 | HO KINH DOANH BAU TROI MAY MAN (SKY LUCK | 1  | M00000160597 | M00000160597 |
| 8787 | HO KINH DOANH BAYGI HOTEL                | 1  | M00000089292 | M00000089292 |
| 8788 | HO KINH DOANH BB                         | 1  | M00000218476 | M00000218476 |
| 8789 | HO KINH DOANH BE BEAUTE & SPA            | 2  | M00000204167 | M00000204168 |
| 8790 | HO KINH DOANH BE.BA FLOWER               | 2  | M00000091498 | M00000091499 |
| 8791 | HO KINH DOANH BEAN COFFE                 | 1  | M00000043156 | M00000043156 |
| 8792 | HO KINH DOANH BEAUTY BY ANDU             | 1  | M00000059455 | M00000059455 |
| 8793 | HO KINH DOANH BEAUTY NGUYEN THUY         | 1  | M00000212396 | M00000212396 |
| 8794 | HO KINH DOANH BEE FRUITS                 | 6  | M00000045017 | M00000045022 |
| 8795 | HO KINH DOANH BEE SHOES 123              | 1  | M00000017716 | M00000017716 |
| 8796 | HO KINH DOANH BELLE PEAU BEAUTE          | 8  | M00000016693 | M00000016700 |
| 8797 | HO KINH DOANH BEN THUYEN                 | 4  | M00000155274 | M00000155277 |
| 8798 | HO KINH DOANH BEN WATCH                  | 2  | M00000091453 | M00000091454 |
| 8799 | HO KINH DOANH BEP AN                     | 4  | M00000084723 | M00000084726 |
| 8800 | HO KINH DOANH BEP D'FOODS                | 34 | M00000046491 | M00000046524 |
| 8801 | HO KINH DOANH BEP ME HOA                 | 1  | M00000225490 | M00000225490 |
| 8802 | HO KINH DOANH BEP MINH AN 98             | 3  | M00000045436 | M00000045438 |
| 8803 | HO KINH DOANH BI A PHU KY                | 2  | M00000044868 | M00000044869 |
| 8804 | HO KINH DOANH BI BIKE                    | 1  | M00000149412 | M00000149412 |
| 8805 | HO KINH DOANH BI SPA                     | 2  | M00000216312 | M00000216313 |
| 8806 | HO KINH DOANH BIA HOI HA NOI 1990        | 1  | M00000221573 | M00000221573 |
| 8807 | HO KINH DOANH BIA TAM SON 2              | 3  | M00000135516 | M00000135518 |
| 8808 | HO KINH DOANH BICH LY                    | 47 | M00000129132 | M00000129178 |
| 8809 | HO KINH DOANH BICH THUY 1                | 3  | M00000087111 | M00000087113 |
| 8810 | HO KINH DOANH BIDA HT16                  | 1  | M00000222575 | M00000222575 |
| 8811 | HO KINH DOANH BIDA QUY                   | 1  | M00000141577 | M00000141577 |
| 8812 | HO KINH DOANH BIDA VU 1                  | 1  | M00000150714 | M00000150714 |
| 8813 | HO KINH DOANH BIET THU DU LICH PHAM VINH | 2  | M00000141296 | M00000141297 |
| 8814 | HO KINH DOANH BILLIARDS CLUB 89          | 3  | M00000217994 | M00000217996 |
| 8815 | HO KINH DOANH BIN STORE 68               | 1  | M00000146608 | M00000146608 |
| 8816 | HO KINH DOANH BINH AN                    | 1  | M00000152847 | M00000152847 |
| 8817 | HO KINH DOANH BINH K-MART                | 24 | M00000134804 | M00000134827 |
| 8818 | HO KINH DOANH BITES DELI 5678            | 3  | M00000218514 | M00000218516 |
| 8819 | HO KINH DOANH BLACK WOLF                 | 4  | M00000128786 | M00000128789 |
| 8820 | HO KINH DOANH BLANCHE                    | 14 | M00000035743 | M00000035756 |
| 8821 | HO KINH DOANH BLUE GALLERY               | 1  | M00000026238 | M00000026238 |
| 8822 | HO KINH DOANH BLUESKY                    | 2  | M00000043931 | M00000043932 |
| 8823 | HO KINH DOANH BO APARTMENT               | 2  | M00000147454 | M00000147455 |
| 8824 | HO KINH DOANH BO KE THAP BA              | 6  | M00000126094 | M00000126099 |
| 8825 | HO KINH DOANH BO SONG                    | 7  | M00000082330 | M00000082336 |
| 8826 | HO KINH DOANH BO SONG MOI 2              | 21 | M00000223506 | M00000223526 |
| 8827 | HO KINH DOANH BON MUA BOUTIQUE           | 11 | M00000030646 | M00000030656 |
| 8828 | HO KINH DOANH BONITO - TA BI             | 6  | M00000041486 | M00000041491 |
| 8829 | HO KINH DOANH BONJOUR BY PHUONG          | 1  | M00000218312 | M00000218312 |
| 8830 | HO KINH DOANH BONNY BOUTIQUE             | 4  | M00000131832 | M00000131835 |
| 8831 | HO KINH DOANH BOSS CITY PET SHOP         | 5  | M00000152842 | M00000152846 |
| 8832 | HO KINH DOANH BOSS SERVICE               | 1  | M00000146253 | M00000146253 |
| 8833 | HO KINH DOANH BRAAI PIT                  | 4  | M00000134018 | M00000134021 |
| 8834 | HO KINH DOANH BREAD FACTORY              | 11 | M00000045024 | M00000045034 |
| 8835 | HO KINH DOANH BROWNIE COFFEE 2           | 3  | M00000091483 | M00000091485 |
| 8836 | HO KINH DOANH BUFFET TAM DA LAT 2        | 10 | M00000141579 | M00000141588 |
| 8837 | HO KINH DOANH BUI ANH DUNG 1996          | 6  | M00000069359 | M00000069364 |
| 8838 | HO KINH DOANH BUI DUC AN                 | 1  | M00000073421 | M00000073421 |
| 8839 | HO KINH DOANH BUI DUC CHINH              | 2  | M00000062749 | M00000062750 |
| 8840 | HO KINH DOANH BUI HUY TUNG               | 2  | M00000074065 | M00000074066 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 8841 | HO KINH DOANH BUI THI BICH LIEN          | 46  | M00000068846 | M00000068891 |
| 8842 | HO KINH DOANH BUI THI HA MY              | 1   | M00000072001 | M00000072001 |
| 8843 | HO KINH DOANH BUI THI HOA                | 4   | M00000069147 | M00000069150 |
| 8844 | HO KINH DOANH BUI THI HOANG MAI          | 1   | M00000190354 | M00000190354 |
| 8845 | HO KINH DOANH BUI THI KIEU TRANG         | 1   | M00000041602 | M00000041602 |
| 8846 | HO KINH DOANH BUI THI MAI                | 1   | M00000150599 | M00000150599 |
| 8847 | HO KINH DOANH BUI THI MAT                | 1   | M00000073281 | M00000073281 |
| 8848 | HO KINH DOANH BUI THI THANH PHUONG       | 4   | M00000072174 | M00000072177 |
| 8849 | HO KINH DOANH BUI THI THANH VAN          | 3   | M00000199704 | M00000199706 |
| 8850 | HO KINH DOANH BUI THI THU                | 2   | M00000069277 | M00000069278 |
| 8851 | HO KINH DOANH BUI THI THUY               | 1   | M00000149736 | M00000149736 |
| 8852 | HO KINH DOANH BUI THI TRAM ANH           | 2   | M00000142226 | M00000142227 |
| 8853 | HO KINH DOANH BUI VAN HUNG               | 3   | M00000070216 | M00000070218 |
| 8854 | HO KINH DOANH BUI VAN HUU                | 2   | M00000071602 | M00000071603 |
| 8855 | HO KINH DOANH BUI VAN THIEN AN           | 3   | M00000210893 | M00000210895 |
| 8856 | HO KINH DOANH BUI VAN VIET               | 1   | M00000070597 | M00000070597 |
| 8857 | HO KINH DOANH BUI VIEN HUNG              | 4   | M00000060755 | M00000060758 |
| 8858 | HO KINH DOANH BUN BO HUE LOC LOC         | 2   | M00000076720 | M00000076721 |
| 8859 | HO KINH DOANH BUN BO O LOI               | 3   | M00000152296 | M00000152298 |
| 8860 | HO KINH DOANH BUN BO VY DA               | 1   | M00000156910 | M00000156910 |
| 8861 | HO KINH DOANH BUN CA NGOC LIEN           | 6   | M00000152273 | M00000152278 |
| 8862 | HO KINH DOANH BUN CHA 140 NGOC KHANH     | 3   | M00000044765 | M00000044767 |
| 8863 | HO KINH DOANH BUN DAU HANG DUY           | 1   | M00000048427 | M00000048427 |
| 8864 | HO KINH DOANH BUN DOC MUNG GIANG MY      | 1   | M00000046758 | M00000046758 |
| 8865 | HO KINH DOANH BUN HAI SAN VU BEO         | 5   | M00000074126 | M00000074130 |
| 8866 | HO KINH DOANH BUN NGAN KHUYEN HUNG       | 2   | M00000046429 | M00000046430 |
| 8867 | HO KINH DOANH BUN RIEU CA ANH HUNG       | 1   | M00000156900 | M00000156900 |
| 8868 | HO KINH DOANH BY TRUNG NGUYEN            | 12  | M00000214036 | M00000214047 |
| 8869 | HO KINH DOANH C2 EYEWEAR                 | 2   | M00000203409 | M00000203410 |
| 8870 | HO KINH DOANH CA GO                      | 3   | M00000152732 | M00000152734 |
| 8871 | HO KINH DOANH CA PHE ALPHA               | 1   | M00000044268 | M00000044268 |
| 8872 | HO KINH DOANH CA PHE COI MOC             | 1   | M00000222471 | M00000222471 |
| 8873 | HO KINH DOANH CA PHE DA THAO             | 7   | M00000085373 | M00000085379 |
| 8874 | HO KINH DOANH CA PHE DUC PHAT            | 1   | M00000090946 | M00000090946 |
| 8875 | HO KINH DOANH CA PHE MELIORA             | 7   | M00000192793 | M00000192799 |
| 8876 | HO KINH DOANH CA PHE ON NT               | 1   | M00000154186 | M00000154186 |
| 8877 | HO KINH DOANH CA PHE TAM AN              | 2   | M00000070049 | M00000070050 |
| 8878 | HO KINH DOANH CA PHE THE NOTE COFFEE     | 7   | M00000021373 | M00000021379 |
| 8879 | HO KINH DOANH CA THE PHAM THANH BINH     | 1   | M00000037844 | M00000037844 |
| 8880 | HO KINH DOANH CAFE 51                    | 3   | M00000041974 | M00000041976 |
| 8881 | HO KINH DOANH CAFE AATELIER              | 3   | M00000216333 | M00000216335 |
| 8882 | HO KINH DOANH CAFE GOC HA NOI            | 1   | M00000076685 | M00000076685 |
| 8883 | HO KINH DOANH CAFE SAN                   | 1   | M00000156828 | M00000156828 |
| 8884 | HO KINH DOANH CAFE SIMBA                 | 2   | M00000155940 | M00000155941 |
| 8885 | HO KINH DOANH CAFE THE FIG               | 4   | M00000190403 | M00000190406 |
| 8886 | HO KINH DOANH CAFE&CAC MON CHAY AN PHUC  | 1   | M00000153967 | M00000153967 |
| 8887 | HO KINH DOANH CALLA                      | 14  | M00000136982 | M00000136995 |
| 8888 | HO KINH DOANH CAM DO DAI THANG LOI 2     | 44  | M00000220263 | M00000220306 |
| 8889 | HO KINH DOANH CAM DO GIA BAO             | 8   | M00000225667 | M00000225674 |
| 8890 | HO KINH DOANH CAM DO HOANG DONG          | 1   | M00000222585 | M00000222585 |
| 8891 | HO KINH DOANH CAM DO LE CUONG            | 117 | M00000224270 | M00000224386 |
| 8892 | HO KINH DOANH CAM DO N8                  | 3   | M00000227809 | M00000227811 |
| 8893 | HO KINH DOANH CAMELIA BRAND              | 1   | M00000223528 | M00000223528 |
| 8894 | HO KINH DOANH CAN HO ANNA                | 2   | M00000145996 | M00000145997 |
| 8895 | HO KINH DOANH CAN HO MINH HUONG          | 1   | M00000155924 | M00000155924 |
| 8896 | HO KINH DOANH CAO DUY HIEU               | 2   | M00000069710 | M00000069711 |
| 8897 | HO KINH DOANH CAO HAI YEN                | 4   | M00000071908 | M00000071911 |
| 8898 | HO KINH DOANH CAO LE                     | 2   | M00000220419 | M00000220420 |
| 8899 | HO KINH DOANH CAO THI HA 1982            | 4   | M00000063262 | M00000063265 |
| 8900 | HO KINH DOANH CAO THI NGOAN              | 7   | M00000059016 | M00000059022 |
| 8901 | HO KINH DOANH CAO THI THOA -KM           | 9   | M00000026197 | M00000026205 |
| 8902 | HO KINH DOANH CAO VIET BACH              | 6   | M00000059870 | M00000059875 |
| 8903 | HO KINH DOANH CAO VIET HUNG              | 4   | M00000150590 | M00000150593 |
| 8904 | HO KINH DOANH CAU COFFEE                 | 1   | M00000141084 | M00000141084 |
| 8905 | HO KINH DOANH CAU HAI KIDS               | 1   | M00000153201 | M00000153201 |
| 8906 | HO KINH DOANH CAY DUOC 2                 | 3   | M00000218360 | M00000218362 |
| 8907 | HO KINH DOANH CAY GIONG HOA KIENG THAI S | 5   | M00000091329 | M00000091333 |
| 8908 | HO KINH DOANH CEN HOTEL                  | 4   | M00000190254 | M00000190257 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8909 | HO KINH DOANH CENTELLA                   | 15 | M00000142449 | M00000142463 |
| 8910 | HO KINH DOANH C'GYM                      | 1  | M00000204499 | M00000204499 |
| 8911 | HO KINH DOANH CH ANH KHOA                | 2  | M00000147646 | M00000147647 |
| 8912 | HO KINH DOANH CHAM BI                    | 3  | M00000031390 | M00000031392 |
| 8913 | HO KINH DOANH CHAM COFFEE                | 3  | M00000045568 | M00000045570 |
| 8914 | HO KINH DOANH CHAM SOC DA MAT HOAN MY    | 4  | M00000169208 | M00000169211 |
| 8915 | HO KINH DOANH CHAM SOC RANG MIENG NHA KH | 3  | M00000148914 | M00000148916 |
| 8916 | HO KINH DOANH CHAM SPA                   | 1  | M00000226423 | M00000226423 |
| 8917 | HO KINH DOANH CHAO HA THANH              | 2  | M00000042910 | M00000042911 |
| 8918 | HO KINH DOANH CHAO HAU O MAI             | 2  | M00000139539 | M00000139540 |
| 8919 | HO KINH DOANH CHAO VIT LIEN              | 13 | M00000217521 | M00000217533 |
| 8920 | HO KINH DOANH CHAU THI MY HANH           | 2  | M00000150401 | M00000150402 |
| 8921 | HO KINH DOANH CHAU VAN TUAN 2000         | 1  | M00000091511 | M00000091511 |
| 8922 | HO KINH DOANH CHEERIO                    | 2  | M00000202655 | M00000202656 |
| 8923 | HO KINH DOANH CHELSEA FITNESS            | 4  | M00000020057 | M00000020060 |
| 8924 | HO KINH DOANH CHI ANH                    | 1  | M00000024193 | M00000024193 |
| 8925 | HO KINH DOANH CHI KHANG                  | 29 | M00000087393 | M00000087421 |
| 8926 | HO KINH DOANH CHI LAM                    | 1  | M00000226682 | M00000226682 |
| 8927 | HO KINH DOANH CHI SPA 1                  | 2  | M00000219512 | M00000219513 |
| 8928 | HO KINH DOANH CHI SPA 2                  | 3  | M00000195706 | M00000195708 |
| 8929 | HO KINH DOANH CHI SPA 6                  | 7  | M00000214147 | M00000214153 |
| 8930 | HO KINH DOANH CHI SPA 7                  | 6  | M00000214116 | M00000214121 |
| 8931 | HO KINH DOANH CHI STORE 1                | 3  | M00000083466 | M00000083468 |
| 8932 | HO KINH DOANH CHIC BEER & FOOD           | 10 | M00000224594 | M00000224603 |
| 8933 | HO KINH DOANH CHIEN CHUYEN               | 1  | M00000073323 | M00000073323 |
| 8934 | HO KINH DOANH CHIHIO                     | 3  | M00000225174 | M00000225176 |
| 8935 | HO KINH DOANH CHILL HAIR SALON           | 2  | M00000046732 | M00000046733 |
| 8936 | HO KINH DOANH CHILL SPA                  | 1  | M00000217164 | M00000217164 |
| 8937 | HO KINH DOANH CHIN TRUNG 2               | 17 | M00000089851 | M00000089867 |
| 8938 | HO KINH DOANH CHINO-CAKE & DESSERT       | 3  | M00000145807 | M00000145809 |
| 8939 | HO KINH DOANH CHU BA BANG 1956           | 10 | M00000070536 | M00000070545 |
| 8940 | HO KINH DOANH CHU JAPAN                  | 1  | M00000023538 | M00000023538 |
| 8941 | HO KINH DOANH CHU THI HAI YEN            | 2  | M00000043537 | M00000043538 |
| 8942 | HO KINH DOANH CHU THI PHUONG             | 1  | M00000072844 | M00000072844 |
| 8943 | HO KINH DOANH CHU THI TU                 | 3  | M00000073606 | M00000073608 |
| 8944 | HO KINH DOANH CHU THU THAO               | 6  | M00000031941 | M00000031946 |
| 8945 | HO KINH DOANH CHU VAN HIEN               | 3  | M00000074432 | M00000074434 |
| 8946 | HO KINH DOANH CHUC THANH PHOAN           | 1  | M00000146068 | M00000146068 |
| 8947 | HO KINH DOANH CHUOI RUA VA CHAM SOC XE 5 | 1  | M00000152243 | M00000152243 |
| 8948 | HO KINH DOANH CHUONG                     | 1  | M00000191661 | M00000191661 |
| 8949 | HO KINH DOANH CIAO BELLA                 | 12 | M00000205968 | M00000205979 |
| 8950 | HO KINH DOANH CIBI HOMES                 | 5  | M00000041455 | M00000041459 |
| 8951 | HO KINH DOANH CITA COSMETICS             | 3  | M00000076251 | M00000076253 |
| 8952 | HO KINH DOANH CLARA UT                   | 10 | M00000217969 | M00000217978 |
| 8953 | HO KINH DOANH CLOUD 9 SPA FOR MAN        | 1  | M00000209196 | M00000209196 |
| 8954 | HO KINH DOANH CNES HA NOI                | 5  | M00000019850 | M00000019854 |
| 8955 | HO KINH DOANH CO KHI DUC GIANG           | 2  | M00000226035 | M00000226036 |
| 8956 | HO KINH DOANH CO SO BOI DUONG NANG CAO K | 1  | M00000146205 | M00000146205 |
| 8957 | HO KINH DOANH CO SO CAM DO Y BINH        | 24 | M00000087444 | M00000087467 |
| 8958 | HO KINH DOANH CO SO DIEU KHAC DA NGUYEN  | 28 | M00000124891 | M00000124918 |
| 8959 | HO KINH DOANH CO SO HONG PHUC            | 5  | M00000147557 | M00000147561 |
| 8960 | HO KINH DOANH CO SO TOAN THANG           | 29 | M00000141042 | M00000141070 |
| 8961 | HO KINH DOANH COCONY                     | 2  | M00000218974 | M00000218975 |
| 8962 | HO KINH DOANH COFFE CAI KHE              | 2  | M00000090154 | M00000090155 |
| 8963 | HO KINH DOANH COFFEE SHOP                | 1  | M00000021674 | M00000021674 |
| 8964 | HO KINH DOANH COM 36                     | 2  | M00000040384 | M00000040385 |
| 8965 | HO KINH DOANH COM CO HAI - PT            | 5  | M00000155925 | M00000155929 |
| 8966 | HO KINH DOANH COM GA TAM KY - GIA BAO    | 1  | M00000215964 | M00000215964 |
| 8967 | HO KINH DOANH COM GIA BAO                | 1  | M00000043352 | M00000043352 |
| 8968 | HO KINH DOANH COM NHA                    | 1  | M00000220861 | M00000220861 |
| 8969 | HO KINH DOANH COM NHA SIN                | 2  | M00000214223 | M00000214224 |
| 8970 | HO KINH DOANH COM PHO BINH HIEN          | 3  | M00000047281 | M00000047283 |
| 8971 | HO KINH DOANH COM RANG PHO DIEM HUONG    | 1  | M00000048165 | M00000048165 |
| 8972 | HO KINH DOANH COM TAM LINH OANH          | 2  | M00000149597 | M00000149598 |
| 8973 | HO KINH DOANH COM TU CHON PHU MY         | 2  | M00000224569 | M00000224570 |
| 8974 | HO KINH DOANH CON BUOM XANH              | 16 | M00000024475 | M00000024490 |
| 8975 | HO KINH DOANH CORNY BEAUTY               | 11 | M00000219270 | M00000219280 |
| 8976 | HO KINH DOANH COURTART                   | 40 | M00000153448 | M00000153487 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 8977 | HO KINH DOANH CRYSTAL BEACH COFFEE       | 1  | M00000076196 | M00000076196 |
| 8978 | HO KINH DOANH CRYSTAL MUSIC BOX          | 1  | M00000227806 | M00000227806 |
| 8979 | HO KINH DOANH CU SAM RUNG                | 19 | M00000139968 | M00000139986 |
| 8980 | HO KINH DOANH CUA HANG 30 S              | 1  | M00000040550 | M00000040550 |
| 8981 | HO KINH DOANH CUA HANG 79 MART           | 2  | M00000029028 | M00000029029 |
| 8982 | HO KINH DOANH CUA HANG BAU TROI MONSTER  | 12 | M00000192386 | M00000192397 |
| 8983 | HO KINH DOANH CUA HANG BITCOIN           | 30 | M00000031416 | M00000031445 |
| 8984 | HO KINH DOANH CUA HANG CUON NGON         | 1  | M00000044077 | M00000044077 |
| 8985 | HO KINH DOANH CUA HANG DIEN THOAI DI DON | 28 | M00000087351 | M00000087378 |
| 8986 | HO KINH DOANH CUA HANG DIEN THOAI DI DON | 1  | M00000220389 | M00000220389 |
| 8987 | HO KINH DOANH CUA HANG DIEN THOAI DUY KH | 2  | M00000086838 | M00000086839 |
| 8988 | HO KINH DOANH CUA HANG DIEN THOAI THANH  | 3  | M00000087432 | M00000087434 |
| 8989 | HO KINH DOANH CUA HANG DMP PROCARE       | 3  | M00000218020 | M00000218022 |
| 8990 | HO KINH DOANH CUA HANG DO DA LAFORCE TRA | 1  | M00000019806 | M00000019806 |
| 8991 | HO KINH DOANH CUA HANG GAO HUU PHUOC     | 5  | M00000215437 | M00000215441 |
| 8992 | HO KINH DOANH CUA HANG HOANG LONG        | 1  | M00000145769 | M00000145769 |
| 8993 | HO KINH DOANH CUA HANG KHOI NGHIEP SSO   | 3  | M00000155741 | M00000155743 |
| 8994 | HO KINH DOANH CUA HANG LAM LINH          | 1  | M00000155704 | M00000155704 |
| 8995 | HO KINH DOANH CUA HANG LINH MART         | 4  | M00000017895 | M00000017898 |
| 8996 | HO KINH DOANH CUA HANG LUU NIEM HOA LAN  | 6  | M00000129061 | M00000129066 |
| 8997 | HO KINH DOANH CUA HANG MAI HOA 3         | 2  | M00000089411 | M00000089412 |
| 8998 | HO KINH DOANH CUA HANG ME VA BE CA ROT   | 3  | M00000124226 | M00000124228 |
| 8999 | HO KINH DOANH CUA HANG MIRAI             | 6  | M00000032959 | M00000032964 |
| 9000 | HO KINH DOANH CUA HANG NGOC TRINH        | 2  | M00000216330 | M00000216331 |
| 9001 | HO KINH DOANH CUA HANG NGOC UYEN         | 1  | M00000203266 | M00000203266 |
| 9002 | HO KINH DOANH CUA HANG NOI THAT ANH TRI  | 15 | M00000145270 | M00000145284 |
| 9003 | HO KINH DOANH CUA HANG PHUONG THAO       | 1  | M00000086692 | M00000086692 |
| 9004 | HO KINH DOANH CUA HANG QUAN AO, HANG GIA | 1  | M00000146290 | M00000146290 |
| 9005 | HO KINH DOANH CUA HANG SUA MIDO          | 6  | M00000090148 | M00000090153 |
| 9006 | HO KINH DOANH CUA HANG TAP HOA SUA, BHG  | 1  | M00000226692 | M00000226692 |
| 9007 | HO KINH DOANH CUA HANG TAP HOA THU THUY  | 1  | M00000089614 | M00000089614 |
| 9008 | HO KINH DOANH CUA HANG THAI ANH          | 1  | M00000220469 | M00000220469 |
| 9009 | HO KINH DOANH CUA HANG THANH QUANG       | 1  | M00000150033 | M00000150033 |
| 9010 | HO KINH DOANH CUA HANG THAO MY           | 3  | M00000084533 | M00000084535 |
| 9011 | HO KINH DOANH CUA HANG THU CHIEN         | 2  | M00000045820 | M00000045821 |
| 9012 | HO KINH DOANH CUA HANG TIEN DAT. AP      | 3  | M00000225204 | M00000225206 |
| 9013 | HO KINH DOANH CUA HANG TIEN LOI          | 3  | M00000055036 | M00000055038 |
| 9014 | HO KINH DOANH CUA HANG TIEN LOI 24ZONE   | 99 | M00000142259 | M00000142357 |
| 9015 | HO KINH DOANH CUA HANG TINH CANH         | 1  | M00000090953 | M00000090953 |
| 9016 | HO KINH DOANH CUA HANG TOAN DET          | 1  | M00000031413 | M00000031413 |
| 9017 | HO KINH DOANH CUA HANG TONG HOP NE NE    | 11 | M00000227515 | M00000227525 |
| 9018 | HO KINH DOANH CUA HANG TRANG NHIM        | 1  | M00000069378 | M00000069378 |
| 9019 | HO KINH DOANH CUA HANG TRUONG CONG NGAN  | 4  | M00000153255 | M00000153258 |
| 9020 | HO KINH DOANH CUA HANG VIETTEL THUAN GIA | 13 | M00000226385 | M00000226397 |
| 9021 | HO KINH DOANH CUA HANG VTNN VAN LOI - AG | 8  | M00000091467 | M00000091474 |
| 9022 | HO KINH DOANH CUA HANG XE DIEN VIET PHAT | 2  | M00000220446 | M00000220447 |
| 9023 | HO KINH DOANH CUA HANG XE MAY-XE DIEN HU | 1  | M00000155297 | M00000155297 |
| 9024 | HO KINH DOANH CUA HANG XIN CHAO SO MOT   | 2  | M00000193195 | M00000193196 |
| 9025 | HO KINH DOANH CUA HANG YEN GAO           | 1  | M00000215411 | M00000215411 |
| 9026 | HO KINH DOANH CUA HANG YEN GAO           | 9  | M00000218493 | M00000218501 |
| 9027 | HO KINH DOANH CUA HANG YEN GAO           | 13 | M00000218861 | M00000218873 |
| 9028 | HO KINH DOANH CUC MO SHOP                | 1  | M00000145256 | M00000145256 |
| 9029 | HO KINH DOANH CUONG ANH                  | 1  | M00000090632 | M00000090632 |
| 9030 | HO KINH DOANH CUONG KUN HAIR SALON       | 6  | M00000090205 | M00000090210 |
| 9031 | HO KINH DOANH CUONG OANH                 | 1  | M00000224766 | M00000224766 |
| 9032 | HO KINH DOANH CUONG PHAT 3               | 2  | M00000090686 | M00000090687 |
| 9033 | HO KINH DOANH CUONG THUY                 | 4  | M00000153988 | M00000153991 |
| 9034 | HO KINH DOANH CUSHY                      | 5  | M00000227261 | M00000227265 |
| 9035 | HO KINH DOANH D - MAX                    | 1  | M00000145786 | M00000145786 |
| 9036 | HO KINH DOANH D.POWER STUDIO             | 19 | M00000210399 | M00000210417 |
| 9037 | HO KINH DOANH D11                        | 45 | M00000222587 | M00000222631 |
| 9038 | HO KINH DOANH D24                        | 7  | M00000085345 | M00000085351 |
| 9039 | HO KINH DOANH D8 HHT                     | 4  | M00000153845 | M00000153848 |
| 9040 | HO KINH DOANH DAC PHUONG                 | 1  | M00000218259 | M00000218259 |
| 9041 | HO KINH DOANH DAI LY GAO 57              | 2  | M00000149913 | M00000149914 |
| 9042 | HO KINH DOANH DAI LY NUOC MAM THANG HANG | 2  | M00000072796 | M00000072797 |
| 9043 | HO KINH DOANH DAI LY PHAN BON NAM DUYEN  | 1  | M00000089546 | M00000089546 |
| 9044 | HO KINH DOANH DAI LY THUOC THU Y THUC AN | 2  | M00000145004 | M00000145005 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9045 | HO KINH DOANH DAI LY VIETTEL-VIETTEL POS | 17 | M00000084738 | M00000084754 |
| 9046 | HO KINH DOANH DAI PHUC                   | 7  | M00000192538 | M00000192544 |
| 9047 | HO KINH DOANH DAILY MART                 | 8  | M00000156058 | M00000156065 |
| 9048 | HO KINH DOANH DAKAO QUARTIER             | 18 | M00000206985 | M00000207002 |
| 9049 | HO KINH DOANH DALAT FLOWER 365 DAYS      | 13 | M00000018176 | M00000018188 |
| 9050 | HO KINH DOANH DALIPHAR                   | 1  | M00000047083 | M00000047083 |
| 9051 | HO KINH DOANH DAM QUANG TRUNG            | 9  | M00000061213 | M00000061221 |
| 9052 | HO KINH DOANH DAM THANH TU               | 3  | M00000043531 | M00000043533 |
| 9053 | HO KINH DOANH DAM THI THU HOAI           | 13 | M00000026783 | M00000026795 |
| 9054 | HO KINH DOANH DAN HUONG CHAY             | 15 | M00000074878 | M00000074892 |
| 9055 | HO KINH DOANH DAN TUYEN A                | 1  | M00000146325 | M00000146325 |
| 9056 | HO KINH DOANH DAN XE VU PHAN             | 1  | M00000043808 | M00000043808 |
| 9057 | HO KINH DOANH DANA MARKET                | 23 | M00000144930 | M00000144952 |
| 9058 | HO KINH DOANH DANANG BOUTIQUE            | 1  | M00000118500 | M00000118500 |
| 9059 | HO KINH DOANH DANG ANH HUNG              | 1  | M00000044380 | M00000044380 |
| 9060 | HO KINH DOANH DANG CHI MART              | 10 | M00000122654 | M00000122663 |
| 9061 | HO KINH DOANH DANG DINH SON              | 16 | M00000046867 | M00000046882 |
| 9062 | HO KINH DOANH DANG KHAC DUY              | 2  | M00000072826 | M00000072827 |
| 9063 | HO KINH DOANH DANG KHANH DAT             | 12 | M00000214235 | M00000214246 |
| 9064 | HO KINH DOANH DANG NGUYEN NHAT MINH      | 5  | M00000147443 | M00000147447 |
| 9065 | HO KINH DOANH DANG QUANG THANH           | 1  | M00000072586 | M00000072586 |
| 9066 | HO KINH DOANH DANG QUOC DAT 1996         | 2  | M00000071828 | M00000071829 |
| 9067 | HO KINH DOANH DANG QUOC TUAN (NGUYEN LIE | 3  | M00000141441 | M00000141443 |
| 9068 | HO KINH DOANH DANG THANH PHUONG          | 1  | M00000220643 | M00000220643 |
| 9069 | HO KINH DOANH DANG THI BE                | 5  | M00000135077 | M00000135081 |
| 9070 | HO KINH DOANH DANG THI BICH              | 4  | M00000019794 | M00000019797 |
| 9071 | HO KINH DOANH DANG THI HANG              | 3  | M00000070024 | M00000070026 |
| 9072 | HO KINH DOANH DANG THI LANH HA NOI       | 3  | M00000047535 | M00000047537 |
| 9073 | HO KINH DOANH DANG THI MINH              | 1  | M00000217185 | M00000217185 |
| 9074 | HO KINH DOANH DANG THI QUYNH TRANG 1991  | 1  | M00000071812 | M00000071812 |
| 9075 | HO KINH DOANH DANG THI THANH             | 1  | M00000071939 | M00000071939 |
| 9076 | HO KINH DOANH DANG THI THUAN             | 2  | M00000047454 | M00000047455 |
| 9077 | HO KINH DOANH DANG THI THUY NGAN         | 4  | M00000156035 | M00000156038 |
| 9078 | HO KINH DOANH DANG THU HA                | 13 | M00000030504 | M00000030516 |
| 9079 | HO KINH DOANH DANG THUY TRANG HKD        | 11 | M00000145810 | M00000145820 |
| 9080 | HO KINH DOANH DANG TIN NGHIA             | 1  | M00000145262 | M00000145262 |
| 9081 | HO KINH DOANH DANG TRAN THANH HANG       | 2  | M00000199171 | M00000199172 |
| 9082 | HO KINH DOANH DANG TU HOANH              | 1  | M00000141578 | M00000141578 |
| 9083 | HO KINH DOANH DANG VAN KIEN              | 1  | M00000030790 | M00000030790 |
| 9084 | HO KINH DOANH DANG XUAN LOC              | 13 | M00000037820 | M00000037832 |
| 9085 | HO KINH DOANH DAO CONG TRONG             | 1  | M00000145975 | M00000145975 |
| 9086 | HO KINH DOANH DAO HUU PHOI               | 3  | M00000217611 | M00000217613 |
| 9087 | HO KINH DOANH DAO QUANG TAN              | 1  | M00000141223 | M00000141223 |
| 9088 | HO KINH DOANH DAO QUOC MANH              | 6  | M00000059460 | M00000059465 |
| 9089 | HO KINH DOANH DAO THANH TUAN             | 3  | M00000156099 | M00000156101 |
| 9090 | HO KINH DOANH DAO THI HUYEN              | 2  | M00000140518 | M00000140519 |
| 9091 | HO KINH DOANH DAO THI KIEU LINH          | 2  | M00000059574 | M00000059575 |
| 9092 | HO KINH DOANH DAO THI KIM OANH           | 1  | M00000042844 | M00000042844 |
| 9093 | HO KINH DOANH DAO THI LAN-YEN LAP        | 2  | M00000068644 | M00000068645 |
| 9094 | HO KINH DOANH DAO THI MAI HOA            | 12 | M00000075863 | M00000075874 |
| 9095 | HO KINH DOANH DAO THI OANH               | 5  | M00000054304 | M00000054308 |
| 9096 | HO KINH DOANH DAO THI THUY               | 5  | M00000021612 | M00000021616 |
| 9097 | HO KINH DOANH DAO THI TRA GIANG          | 1  | M00000021673 | M00000021673 |
| 9098 | HO KINH DOANH DAPHALE STUDIOS            | 12 | M00000195484 | M00000195495 |
| 9099 | HO KINH DOANH DAT LY                     | 1  | M00000220407 | M00000220407 |
| 9100 | HO KINH DOANH DAU HANG 2                 | 3  | M00000218473 | M00000218475 |
| 9101 | HO KINH DOANH DAU HU BAC NINH            | 1  | M00000223670 | M00000223670 |
| 9102 | HO KINH DOANH DAVID PIZZA                | 33 | M00000214162 | M00000214194 |
| 9103 | HO KINH DOANH DE HUONG SON               | 1  | M00000155319 | M00000155319 |
| 9104 | HO KINH DOANH DE NHAT GA NUONG           | 47 | M00000221199 | M00000221245 |
| 9105 | HO KINH DOANH DELINN                     | 1  | M00000225694 | M00000225694 |
| 9106 | HO KINH DOANH DEO BICH TUYEN             | 3  | M00000140329 | M00000140331 |
| 9107 | HO KINH DOANH DEP BEN                    | 5  | M00000206406 | M00000206410 |
| 9108 | HO KINH DOANH DERMACARE BY DR NGA        | 2  | M00000220452 | M00000220453 |
| 9109 | HO KINH DOANH DESTINY SPA                | 1  | M00000216694 | M00000216694 |
| 9110 | HO KINH DOANH DET CHIEU TAN CHAU LONG    | 1  | M00000080985 | M00000080985 |
| 9111 | HO KINH DOANH DHA KIDS SMART             | 2  | M00000091935 | M00000091936 |
| 9112 | HO KINH DOANH DI DONG 7                  | 25 | M00000055111 | M00000055135 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 9113 | HO KINH DOANH DIAMOND BBQ                | 4   | M00000208962 | M00000208965 |
| 9114 | HO KINH DOANH DICH VU BOC XEP LINH NGUYE | 1   | M00000227339 | M00000227339 |
| 9115 | HO KINH DOANH DICH VU CAM DO LUYEN THU   | 7   | M00000211666 | M00000211672 |
| 9116 | HO KINH DOANH DICH VU CAM DO THANH DAT   | 10  | M00000153826 | M00000153835 |
| 9117 | HO KINH DOANH DICH VU CAM DO TRAN THI PH | 6   | M00000087103 | M00000087108 |
| 9118 | HO KINH DOANH DICH VU M&A                | 1   | M00000016972 | M00000016972 |
| 9119 | HO KINH DOANH DICH VU PACHIRA            | 6   | M00000224642 | M00000224647 |
| 9120 | HO KINH DOANH DICH VU PHOTO PALETTE      | 2   | M00000090186 | M00000090187 |
| 9121 | HO KINH DOANH DICH VU XOA BOP BU SAN (BU | 1   | M00000136665 | M00000136665 |
| 9122 | HO KINH DOANH DIEM MO                    | 13  | M00000090495 | M00000090507 |
| 9123 | HO KINH DOANH DIEM THI NGOC 1            | 1   | M00000068970 | M00000068970 |
| 9124 | HO KINH DOANH DIEN MAY GOC 1             | 13  | M00000129084 | M00000129096 |
| 9125 | HO KINH DOANH DIEN MAY GOC 3             | 18  | M00000134969 | M00000134986 |
| 9126 | HO KINH DOANH DIEN MAY SAO MAI           | 9   | M00000082908 | M00000082916 |
| 9127 | HO KINH DOANH DIEN NUOC - NOI THAT HA HO | 2   | M00000152238 | M00000152239 |
| 9128 | HO KINH DOANH DIEN NUOC HUE TIEN         | 2   | M00000044768 | M00000044769 |
| 9129 | HO KINH DOANH DIEN NUOC NAM PHAT         | 3   | M00000223406 | M00000223408 |
| 9130 | HO KINH DOANH DIEN THOAI NGAN TRUONG     | 77  | M00000203068 | M00000203144 |
| 9131 | HO KINH DOANH DIEN THOAI PHUCBO STORE    | 10  | M00000018080 | M00000018089 |
| 9132 | HO KINH DOANH DIEP THI KIM               | 1   | M00000145588 | M00000145588 |
| 9133 | HO KINH DOANH DIEP TRUNG TIN             | 1   | M00000092146 | M00000092146 |
| 9134 | HO KINH DOANH DIEU HOA                   | 3   | M00000062470 | M00000062472 |
| 9135 | HO KINH DOANH DINH DAI TRANG             | 3   | M00000074223 | M00000074225 |
| 9136 | HO KINH DOANH DINH HOANG NGOC HUY        | 9   | M00000122400 | M00000122408 |
| 9137 | HO KINH DOANH DINH MAI LAN               | 1   | M00000152505 | M00000152505 |
| 9138 | HO KINH DOANH DINH NHAN                  | 34  | M00000128948 | M00000128981 |
| 9139 | HO KINH DOANH DINH PHONG STORE           | 2   | M00000147877 | M00000147878 |
| 9140 | HO KINH DOANH DINH QUANG TRUONG          | 1   | M00000071105 | M00000071105 |
| 9141 | HO KINH DOANH DINH THE LIEM              | 1   | M00000071780 | M00000071780 |
| 9142 | HO KINH DOANH DINH THI DUNG              | 1   | M00000128945 | M00000128945 |
| 9143 | HO KINH DOANH DINH THI LIEN              | 3   | M00000071552 | M00000071554 |
| 9144 | HO KINH DOANH DINH THI THUAN 1972        | 2   | M00000075927 | M00000075928 |
| 9145 | HO KINH DOANH DINH THI XUAN              | 3   | M00000150596 | M00000150598 |
| 9146 | HO KINH DOANH DINH THI YEN               | 2   | M00000068380 | M00000068381 |
| 9147 | HO KINH DOANH DINH VAN TUNG              | 1   | M00000224474 | M00000224474 |
| 9148 | HO KINH DOANH DINH VIET QUY              | 1   | M00000147632 | M00000147632 |
| 9149 | HO KINH DOANH DINH YEN CHI               | 1   | M00000018229 | M00000018229 |
| 9150 | HO KINH DOANH DITI MART                  | 1   | M00000089539 | M00000089539 |
| 9151 | HO KINH DOANH DL THUOC THU Y THUY SAN VA | 1   | M00000090793 | M00000090793 |
| 9152 | HO KINH DOANH DO BOI VA PHU KIEN BINH HO | 3   | M00000132394 | M00000132396 |
| 9153 | HO KINH DOANH DO CU ACB                  | 23  | M00000145852 | M00000145874 |
| 9154 | HO KINH DOANH DO GO THANH NHAN           | 1   | M00000091644 | M00000091644 |
| 9155 | HO KINH DOANH DO HOANG HUY               | 4   | M00000141572 | M00000141575 |
| 9156 | HO KINH DOANH DO LUXURY                  | 27  | M00000045383 | M00000045409 |
| 9157 | HO KINH DOANH DO NAM CUONG               | 2   | M00000057728 | M00000057729 |
| 9158 | HO KINH DOANH DO NGOC OANH               | 1   | M00000147931 | M00000147931 |
| 9159 | HO KINH DOANH DO NUONG LINH NGOAN        | 1   | M00000076571 | M00000076571 |
| 9160 | HO KINH DOANH DO TAN DAT                 | 3   | M00000124876 | M00000124878 |
| 9161 | HO KINH DOANH DO THANH HUNG              | 10  | M00000153207 | M00000153216 |
| 9162 | HO KINH DOANH DO THE DUY                 | 3   | M00000042647 | M00000042649 |
| 9163 | HO KINH DOANH DO THI BICH THUY           | 1   | M00000133754 | M00000133754 |
| 9164 | HO KINH DOANH DO THI HUE                 | 1   | M00000045242 | M00000045242 |
| 9165 | HO KINH DOANH DO THI HUYEN               | 1   | M00000045636 | M00000045636 |
| 9166 | HO KINH DOANH DO THI THE                 | 279 | M00000073633 | M00000073911 |
| 9167 | HO KINH DOANH DO TRONG TAN               | 4   | M00000069953 | M00000069956 |
| 9168 | HO KINH DOANH DO VAN MINH                | 8   | M00000191489 | M00000191496 |
| 9169 | HO KINH DOANH DO VAN XA                  | 7   | M00000072798 | M00000072804 |
| 9170 | HO KINH DOANH DO XUAN HOAN               | 1   | M00000076457 | M00000076457 |
| 9171 | HO KINH DOANH DO XUAN LINH               | 3   | M00000071955 | M00000071957 |
| 9172 | HO KINH DOANH DOAN NGAN CHAU             | 20  | M00000212372 | M00000212391 |
| 9173 | HO KINH DOANH DOAN THI DIEM MY           | 3   | M00000150030 | M00000150032 |
| 9174 | HO KINH DOANH DOAN THI LAN ANH           | 4   | M00000064394 | M00000064397 |
| 9175 | HO KINH DOANH DOAN THI THANH HOA         | 5   | M00000067862 | M00000067866 |
| 9176 | HO KINH DOANH DOAN THI THUY              | 3   | M00000074498 | M00000074500 |
| 9177 | HO KINH DOANH DOAN THI VAN               | 1   | M00000071705 | M00000071705 |
| 9178 | HO KINH DOANH DOAN VAN HUNG              | 1   | M00000073356 | M00000073356 |
| 9179 | HO KINH DOANH DOAN VAN KHAN              | 1   | M00000059456 | M00000059456 |
| 9180 | HO KINH DOANH DOB.EVERYWEAR              | 2   | M00000216209 | M00000216210 |

|      |                                           |    |              |              |
|------|-------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9181 | HO KINH DOANH DOLPHIN                     | 1  | M00000041454 | M00000041454 |
| 9182 | HO KINH DOANH DOLPHIN THANH XUAN          | 2  | M00000044770 | M00000044771 |
| 9183 | HO KINH DOANH DOM DOM SHOP                | 13 | M00000131849 | M00000131861 |
| 9184 | HO KINH DOANH DONG ANH                    | 10 | M00000081152 | M00000081161 |
| 9185 | HO KINH DOANH DONG TAY                    | 2  | M00000024846 | M00000024847 |
| 9186 | HO KINH DOANH DONG THE LAM                | 1  | M00000071185 | M00000071185 |
| 9187 | HO KINH DOANH DONG THI BICH QUYEN         | 7  | M00000075836 | M00000075842 |
| 9188 | HO KINH DOANH DONG TIEN GIANG             | 6  | M00000201937 | M00000201942 |
| 9189 | HO KINH DOANH DREAM TATTOO                | 2  | M00000087422 | M00000087423 |
| 9190 | HO KINH DOANH DTDD BAO AN                 | 1  | M00000140301 | M00000140301 |
| 9191 | HO KINH DOANH DU LICH SINH THAI MIEN TAY  | 15 | M00000086656 | M00000086670 |
| 9192 | HO KINH DOANH DU THI THU HA               | 1  | M00000154288 | M00000154288 |
| 9193 | HO KINH DOANH DUA                         | 1  | M00000197683 | M00000197683 |
| 9194 | HO KINH DOANH DUA XANH MUI NE             | 3  | M00000140281 | M00000140283 |
| 9195 | HO KINH DOANH DUC PHUONG                  | 1  | M00000224606 | M00000224606 |
| 9196 | HO KINH DOANH DUCCIO                      | 2  | M00000024141 | M00000024142 |
| 9197 | HO KINH DOANH DUNG HANH                   | 3  | M00000073564 | M00000073566 |
| 9198 | HO KINH DOANH DUOC THAO VIET              | 1  | M00000043026 | M00000043026 |
| 9199 | HO KINH DOANH DUONG CHUNG                 | 16 | M00000032250 | M00000032265 |
| 9200 | HO KINH DOANH DUONG DUONG MAKEUP          | 5  | M00000074613 | M00000074617 |
| 9201 | HO KINH DOANH DUONG LAN HUONG             | 1  | M00000199001 | M00000199001 |
| 9202 | HO KINH DOANH DUONG LAU BO                | 1  | M00000147876 | M00000147876 |
| 9203 | HO KINH DOANH DUONG MINH HIEU 98          | 17 | M00000076132 | M00000076148 |
| 9204 | HO KINH DOANH DUONG NGOC NGHI             | 4  | M00000152519 | M00000152522 |
| 9205 | HO KINH DOANH DUONG QUANG BINH            | 2  | M00000156610 | M00000156611 |
| 9206 | HO KINH DOANH DUONG QUANG HAI 1987        | 4  | M00000152817 | M00000152820 |
| 9207 | HO KINH DOANH DUONG SINH DIZENKI          | 3  | M00000032229 | M00000032231 |
| 9208 | HO KINH DOANH DUONG TAT HUY               | 1  | M00000140079 | M00000140079 |
| 9209 | HO KINH DOANH DUONG THI HA                | 2  | M00000139945 | M00000139946 |
| 9210 | HO KINH DOANH DUONG THI LOAN              | 1  | M00000043539 | M00000043539 |
| 9211 | HO KINH DOANH DUONG THI TOI               | 1  | M00000069344 | M00000069344 |
| 9212 | HO KINH DOANH DUONG VAN MANH              | 2  | M00000072526 | M00000072527 |
| 9213 | HO KINH DOANH DUONG VAN QUAN              | 1  | M00000072108 | M00000072108 |
| 9214 | HO KINH DOANH DUY AN                      | 2  | M00000041036 | M00000041037 |
| 9215 | HO KINH DOANH DUY KHANH                   | 36 | M00000135041 | M00000135076 |
| 9216 | HO KINH DOANH DUYEN THAO 2                | 3  | M00000223137 | M00000223139 |
| 9217 | HO KINH DOANH DV CAM DO 168               | 8  | M00000092528 | M00000092535 |
| 9218 | HO KINH DOANH EBISU                       | 9  | M00000192429 | M00000192437 |
| 9219 | HO KINH DOANH ECO CHAN                    | 2  | M00000206391 | M00000206392 |
| 9220 | HO KINH DOANH ECO RESTAURANT              | 6  | M00000124374 | M00000124379 |
| 9221 | HO KINH DOANH ECOGREEN FARM               | 1  | M00000032236 | M00000032236 |
| 9222 | HO KINH DOANH ECOMART                     | 17 | M00000041460 | M00000041476 |
| 9223 | HO KINH DOANH ELAN HEALTHY FOOD           | 2  | M00000089849 | M00000089850 |
| 9224 | HO KINH DOANH ELYSIAN CLINIC              | 2  | M00000032146 | M00000032147 |
| 9225 | HO KINH DOANH EM MEO HA NOI- JAPAN        | 8  | M00000033180 | M00000033187 |
| 9226 | HO KINH DOANH EMC COFFEE                  | 4  | M00000215476 | M00000215479 |
| 9227 | HO KINH DOANH EMIA BEAUTY & SPA           | 1  | M00000204216 | M00000204216 |
| 9228 | HO KINH DOANH EMILY PHAM                  | 11 | M00000052507 | M00000052517 |
| 9229 | HO KINH DOANH EMMALAB SPA                 | 8  | M00000037977 | M00000037984 |
| 9230 | HO KINH DOANH EN EN FOOD                  | 1  | M00000223660 | M00000223660 |
| 9231 | HO KINH DOANH EN ROSE TEA ROOM & BOUTIQUE | 1  | M00000084475 | M00000084475 |
| 9232 | HO KINH DOANH ERAWAN                      | 2  | M00000083424 | M00000083425 |
| 9233 | HO KINH DOANH ESC VACA                    | 2  | M00000147903 | M00000147904 |
| 9234 | HO KINH DOANH EURODANA                    | 5  | M00000145970 | M00000145974 |
| 9235 | HO KINH DOANH EVEREST HOTEL               | 1  | M00000043146 | M00000043146 |
| 9236 | HO KINH DOANH FAMI                        | 3  | M00000026379 | M00000026381 |
| 9237 | HO KINH DOANH FIMM                        | 3  | M00000220601 | M00000220603 |
| 9238 | HO KINH DOANH FLORA SPA                   | 1  | M00000044614 | M00000044614 |
| 9239 | HO KINH DOANH FOOD AND DRINK              | 3  | M00000085700 | M00000085702 |
| 9240 | HO KINH DOANH FOR YOU CLUB                | 55 | M00000153753 | M00000153807 |
| 9241 | HO KINH DOANH FRESH MORNING               | 2  | M00000221673 | M00000221674 |
| 9242 | HO KINH DOANH FRIDAY 65 HO TUNG MAU       | 10 | M00000021767 | M00000021776 |
| 9243 | HO KINH DOANH FRIENDLY                    | 1  | M00000126036 | M00000126036 |
| 9244 | HO KINH DOANH G CAFE HXH                  | 2  | M00000215553 | M00000215554 |
| 9245 | HO KINH DOANH G FOOD                      | 6  | M00000195450 | M00000195455 |
| 9246 | HO KINH DOANH GA FITNESS                  | 1  | M00000126042 | M00000126042 |
| 9247 | HO KINH DOANH GA NUONG                    | 1  | M00000139944 | M00000139944 |
| 9248 | HO KINH DOANH GA PHO CO                   | 3  | M00000043978 | M00000043980 |



|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9249 | HO KINH DOANH GA TA NGON SO 1            | 4  | M00000221090 | M00000221093 |
| 9250 | HO KINH DOANH GA TA TAM KY 68            | 1  | M00000091266 | M00000091266 |
| 9251 | HO KINH DOANH GAM VOC                    | 1  | M00000040405 | M00000040405 |
| 9252 | HO KINH DOANH GAO HAI HAU                | 1  | M00000045238 | M00000045238 |
| 9253 | HO KINH DOANH GAO PHUONG NAM 2           | 5  | M00000154193 | M00000154197 |
| 9254 | HO KINH DOANH GAO STORE                  | 1  | M00000140540 | M00000140540 |
| 9255 | HO KINH DOANH GAO TUOI NGUYEN CAM        | 3  | M00000059494 | M00000059496 |
| 9256 | HO KINH DOANH GARA MY                    | 2  | M00000145324 | M00000145325 |
| 9257 | HO KINH DOANH GARA O TO HOA              | 1  | M00000227034 | M00000227034 |
| 9258 | HO KINH DOANH GARA O TO THUYEN           | 1  | M00000146094 | M00000146094 |
| 9259 | HO KINH DOANH GARAGE HUU LINH            | 1  | M00000091143 | M00000091143 |
| 9260 | HO KINH DOANH GARDEN MART                | 1  | M00000059497 | M00000059497 |
| 9261 | HO KINH DOANH GAS XUAN VU                | 1  | M00000090643 | M00000090643 |
| 9262 | HO KINH DOANH GENJI CAFE                 | 2  | M00000226094 | M00000226095 |
| 9263 | HO KINH DOANH GHIEEN CON                 | 1  | M00000120381 | M00000120381 |
| 9264 | HO KINH DOANH GIA AN STUDIO              | 21 | M00000222346 | M00000222366 |
| 9265 | HO KINH DOANH GIA BAO                    | 2  | M00000020094 | M00000020095 |
| 9266 | HO KINH DOANH GIA CAM CUONG LIEN         | 1  | M00000068394 | M00000068394 |
| 9267 | HO KINH DOANH GIA DUNG MART              | 5  | M00000089349 | M00000089353 |
| 9268 | HO KINH DOANH GIA DUNG NAM Y             | 1  | M00000222538 | M00000222538 |
| 9269 | HO KINH DOANH GIA HAN PHAT               | 11 | M00000084710 | M00000084720 |
| 9270 | HO KINH DOANH GIA KHANH MA               | 27 | M00000080846 | M00000080872 |
| 9271 | HO KINH DOANH GIA LE HOTEL               | 11 | M00000069124 | M00000069134 |
| 9272 | HO KINH DOANH GIA SU TUTOR ENGLISH       | 1  | M00000134485 | M00000134485 |
| 9273 | HO KINH DOANH GIAN 7B                    | 3  | M00000215442 | M00000215444 |
| 9274 | HO KINH DOANH GIAN HANG NGO ANH          | 2  | M00000140327 | M00000140328 |
| 9275 | HO KINH DOANH GIANG APPLE                | 4  | M00000149490 | M00000149493 |
| 9276 | HO KINH DOANH GIANG DONNA                | 1  | M00000191847 | M00000191847 |
| 9277 | HO KINH DOANH GIANG MINH PHUONG TRANG    | 5  | M00000030496 | M00000030500 |
| 9278 | HO KINH DOANH GIAP THI THAO              | 2  | M00000072982 | M00000072983 |
| 9279 | HO KINH DOANH GIAP VAN LAP               | 4  | M00000057313 | M00000057316 |
| 9280 | HO KINH DOANH GIAT HAP NHAT QUANG        | 1  | M00000222642 | M00000222642 |
| 9281 | HO KINH DOANH GIAY DEP AU VIET           | 2  | M00000218224 | M00000218225 |
| 9282 | HO KINH DOANH GLOW GO                    | 15 | M00000225881 | M00000225895 |
| 9283 | HO KINH DOANH GO BIEN SO CHUONG          | 2  | M00000156071 | M00000156072 |
| 9284 | HO KINH DOANH GO MARKET                  | 1  | M00000134343 | M00000134343 |
| 9285 | HO KINH DOANH GO WITH SPANISH            | 4  | M00000048332 | M00000048335 |
| 9286 | HO KINH DOANH GOFIT 31 TRAN HOANG TRUC A | 1  | M00000046474 | M00000046474 |
| 9287 | HO KINH DOANH GOI DAU DUONG SINH VENUS S | 1  | M00000154071 | M00000154071 |
| 9288 | HO KINH DOANH GOLD KTV                   | 20 | M00000065843 | M00000065862 |
| 9289 | HO KINH DOANH GOLO COFFEE & AP           | 1  | M00000145573 | M00000145573 |
| 9290 | HO KINH DOANH GOM NGOI DA DAT VIET       | 1  | M00000044495 | M00000044495 |
| 9291 | HO KINH DOANH GOM SU BAY THU             | 3  | M00000040771 | M00000040773 |
| 9292 | HO KINH DOANH GOM SU MINH HUY            | 2  | M00000044814 | M00000044815 |
| 9293 | HO KINH DOANH GON CHILL 1                | 2  | M00000090295 | M00000090296 |
| 9294 | HO KINH DOANH GOSO                       | 4  | M00000214154 | M00000214157 |
| 9295 | HO KINH DOANH GOYA                       | 3  | M00000215445 | M00000215447 |
| 9296 | HO KINH DOANH GUNG                       | 1  | M00000021345 | M00000021345 |
| 9297 | HO KINH DOANH H & O FASHION              | 4  | M00000222845 | M00000222848 |
| 9298 | HO KINH DOANH H&G SPA                    | 1  | M00000210150 | M00000210150 |
| 9299 | HO KINH DOANH H.I.S.A                    | 4  | M00000225606 | M00000225609 |
| 9300 | HO KINH DOANH H2T PHONE                  | 21 | M00000142402 | M00000142422 |
| 9301 | HO KINH DOANH HA HAN                     | 1  | M00000081668 | M00000081668 |
| 9302 | HO KINH DOANH HA HUY                     | 1  | M00000150877 | M00000150877 |
| 9303 | HO KINH DOANH HA HUYEN                   | 1  | M00000150586 | M00000150586 |
| 9304 | HO KINH DOANH HA LE NGUYEN 2000          | 4  | M00000149494 | M00000149497 |
| 9305 | HO KINH DOANH HA LONG                    | 1  | M00000083431 | M00000083431 |
| 9306 | HO KINH DOANH HA MINH KIET               | 8  | M00000204404 | M00000204411 |
| 9307 | HO KINH DOANH HA NOI COFFEE CULTRE       | 4  | M00000032481 | M00000032484 |
| 9308 | HO KINH DOANH HA NOI QUAN                | 4  | M00000150572 | M00000150575 |
| 9309 | HO KINH DOANH HA QUOC HUAN               | 2  | M00000156754 | M00000156755 |
| 9310 | HO KINH DOANH HA SON BINH 1957           | 2  | M00000076469 | M00000076470 |
| 9311 | HO KINH DOANH HA THI                     | 1  | M00000084297 | M00000084297 |
| 9312 | HO KINH DOANH HA THI LAN                 | 1  | M00000226345 | M00000226345 |
| 9313 | HO KINH DOANH HA THI THUY                | 6  | M00000127162 | M00000127167 |
| 9314 | HO KINH DOANH HA THI TIEN                | 6  | M00000208312 | M00000208317 |
| 9315 | HO KINH DOANH HA THU PHUONG              | 4  | M00000152592 | M00000152595 |
| 9316 | HO KINH DOANH HA VAN DUY                 | 4  | M00000091911 | M00000091914 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9317 | HO KINH DOANH HA VAN HUONG               | 8  | M00000057507 | M00000057514 |
| 9318 | HO KINH DOANH HA YEN                     | 1  | M00000147965 | M00000147965 |
| 9319 | HO KINH DOANH HABIBI                     | 2  | M00000092766 | M00000092767 |
| 9320 | HO KINH DOANH HACHEE                     | 1  | M00000224157 | M00000224157 |
| 9321 | HO KINH DOANH HAI CHA                    | 3  | M00000082721 | M00000082723 |
| 9322 | HO KINH DOANH HAI NAM                    | 8  | M00000215662 | M00000215669 |
| 9323 | HO KINH DOANH HAI ROM                    | 2  | M00000145952 | M00000145953 |
| 9324 | HO KINH DOANH HAI SAN ALASKA 1           | 2  | M00000076104 | M00000076105 |
| 9325 | HO KINH DOANH HAI SAN BA MIEN            | 5  | M00000225161 | M00000225165 |
| 9326 | HO KINH DOANH HAI SAN BAO OANH           | 4  | M00000089616 | M00000089619 |
| 9327 | HO KINH DOANH HAI SAN CUONG              | 1  | M00000155930 | M00000155930 |
| 9328 | HO KINH DOANH HAI SAN GIO BIEN           | 2  | M00000090293 | M00000090294 |
| 9329 | HO KINH DOANH HAI SAN KY VY              | 1  | M00000145003 | M00000145003 |
| 9330 | HO KINH DOANH HAI SAN LANG CHAI          | 1  | M00000221357 | M00000221357 |
| 9331 | HO KINH DOANH HAI SAN MINH CHI           | 20 | M00000085352 | M00000085371 |
| 9332 | HO KINH DOANH HAI SAN MINH QUANG         | 4  | M00000146283 | M00000146286 |
| 9333 | HO KINH DOANH HAI SAN NGOC LAN           | 1  | M00000083239 | M00000083239 |
| 9334 | HO KINH DOANH HAI SAN THUY DUONG         | 2  | M00000152830 | M00000152831 |
| 9335 | HO KINH DOANH HAI SAN TUOI SONG DAI PHAT | 2  | M00000091378 | M00000091379 |
| 9336 | HO KINH DOANH HAI SIM GHEP I             | 3  | M00000147547 | M00000147549 |
| 9337 | HO KINH DOANH HAI THI HOTEL              | 2  | M00000149418 | M00000149419 |
| 9338 | HO KINH DOANH HAI VAN                    | 1  | M00000220715 | M00000220715 |
| 9339 | HO KINH DOANH HAIR OF THE DOG            | 29 | M00000030054 | M00000030082 |
| 9340 | HO KINH DOANH HAIR SALON HA NGUYEN       | 1  | M00000225452 | M00000225452 |
| 9341 | HO KINH DOANH HAIR SALON PHUONG          | 1  | M00000223203 | M00000223203 |
| 9342 | HO KINH DOANH HAIR SALON TIEN            | 1  | M00000194796 | M00000194796 |
| 9343 | HO KINH DOANH HAIR STUDIO DUONG NGUYEN   | 9  | M00000119395 | M00000119403 |
| 9344 | HO KINH DOANH HAKIU HAIR SALON           | 2  | M00000043844 | M00000043845 |
| 9345 | HO KINH DOANH HALI                       | 1  | M00000072178 | M00000072178 |
| 9346 | HO KINH DOANH HALONG BAY TOURS           | 1  | M00000024130 | M00000024130 |
| 9347 | HO KINH DOANH HAN CUNG SAPA              | 6  | M00000211482 | M00000211487 |
| 9348 | HO KINH DOANH HAN FOOD                   | 3  | M00000088427 | M00000088429 |
| 9349 | HO KINH DOANH HAN HUONG                  | 5  | M00000081363 | M00000081367 |
| 9350 | HO KINH DOANH HAN MINH CHIEN             | 1  | M00000156672 | M00000156672 |
| 9351 | HO KINH DOANH HANAKO                     | 3  | M00000045609 | M00000045611 |
| 9352 | HO KINH DOANH HANAMI                     | 6  | M00000018063 | M00000018068 |
| 9353 | HO KINH DOANH HANG HEO SUA               | 3  | M00000024188 | M00000024190 |
| 9354 | HO KINH DOANH HANG TIEU DUNG THAI LAN    | 4  | M00000143829 | M00000143832 |
| 9355 | HO KINH DOANH HANH PHUOC                 | 1  | M00000142124 | M00000142124 |
| 9356 | HO KINH DOANH HANNA NAIL                 | 1  | M00000207121 | M00000207121 |
| 9357 | HO KINH DOANH HANOI SILK HOUSE           | 4  | M00000045628 | M00000045631 |
| 9358 | HO KINH DOANH HANSRY VN                  | 6  | M00000220378 | M00000220383 |
| 9359 | HO KINH DOANH HAPPY APARTMENT            | 1  | M00000202046 | M00000202046 |
| 9360 | HO KINH DOANH HAPPY DREAM DA NANG 2      | 12 | M00000120466 | M00000120477 |
| 9361 | HO KINH DOANH HAPPY HOUSE HOMESTAY       | 2  | M00000145554 | M00000145555 |
| 9362 | HO KINH DOANH HAU HAPPY 5K               | 1  | M00000145785 | M00000145785 |
| 9363 | HO KINH DOANH HAZEN CAKE                 | 1  | M00000071981 | M00000071981 |
| 9364 | HO KINH DOANH HD DERMA                   | 3  | M00000221645 | M00000221647 |
| 9365 | HO KINH DOANH HELAN COFFEE               | 1  | M00000143862 | M00000143862 |
| 9366 | HO KINH DOANH HELEN COFFEE               | 1  | M00000148874 | M00000148874 |
| 9367 | HO KINH DOANH HELLO MISS                 | 2  | M00000208259 | M00000208260 |
| 9368 | HO KINH DOANH HERA                       | 15 | M00000044905 | M00000044919 |
| 9369 | HO KINH DOANH HERA SPA                   | 1  | M00000196634 | M00000196634 |
| 9370 | HO KINH DOANH HERE AND NOW               | 5  | M00000221597 | M00000221601 |
| 9371 | HO KINH DOANH HERMES TRUONG              | 3  | M00000222374 | M00000222376 |
| 9372 | HO KINH DOANH HEY PET                    | 1  | M00000021672 | M00000021672 |
| 9373 | HO KINH DOANH HIBIKI                     | 13 | M00000024322 | M00000024334 |
| 9374 | HO KINH DOANH HIDDEN BAR                 | 3  | M00000041033 | M00000041035 |
| 9375 | HO KINH DOANH HIEN PHI                   | 1  | M00000154163 | M00000154163 |
| 9376 | HO KINH DOANH HIEP CA                    | 1  | M00000146119 | M00000146119 |
| 9377 | HO KINH DOANH HIEU LONG                  | 7  | M00000092461 | M00000092467 |
| 9378 | HO KINH DOANH HIEU MAT KINH PHUONG DONG  | 2  | M00000152212 | M00000152213 |
| 9379 | HO KINH DOANH HIEU TOC BELLA             | 2  | M00000041632 | M00000041633 |
| 9380 | HO KINH DOANH HIEU TRUONG                | 1  | M00000047284 | M00000047284 |
| 9381 | HO KINH DOANH HIN HIN HAIR SALON         | 1  | M00000220255 | M00000220255 |
| 9382 | HO KINH DOANH HINH ANH NHA KHOA          | 10 | M00000044604 | M00000044613 |
| 9383 | HO KINH DOANH HIRO                       | 1  | M00000152923 | M00000152923 |
| 9384 | HO KINH DOANH HKD - PHAM THI THU HUONG   | 4  | M00000068267 | M00000068270 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9385 | HO KINH DOANH HKD CUA HANG THANH DAT     | 1  | M00000092520 | M00000092520 |
| 9386 | HO KINH DOANH HKD LA EM                  | 2  | M00000135750 | M00000135751 |
| 9387 | HO KINH DOANH HKD LE THI MAI-1995        | 1  | M00000156803 | M00000156803 |
| 9388 | HO KINH DOANH HKD TRUC XINH              | 2  | M00000223123 | M00000223124 |
| 9389 | HO KINH DOANH HN GYM                     | 1  | M00000225347 | M00000225347 |
| 9390 | HO KINH DOANH HO KINH DOANH NGUYEN HOA H | 1  | M00000070132 | M00000070132 |
| 9391 | HO KINH DOANH HO NHAT QUANG              | 45 | M00000146160 | M00000146204 |
| 9392 | HO KINH DOANH HO NHIEU THUY (M&K)        | 2  | M00000203173 | M00000203174 |
| 9393 | HO KINH DOANH HO THANH LOC               | 4  | M00000045564 | M00000045567 |
| 9394 | HO KINH DOANH HO THI DUNG                | 2  | M00000152525 | M00000152526 |
| 9395 | HO KINH DOANH HO THI KIM HUE             | 3  | M00000124879 | M00000124881 |
| 9396 | HO KINH DOANH HO THI KIM NGAN 99         | 1  | M00000044398 | M00000044398 |
| 9397 | HO KINH DOANH HO THI MY LINH             | 2  | M00000145564 | M00000145565 |
| 9398 | HO KINH DOANH HO THI PHUONG THAO         | 5  | M00000137077 | M00000137081 |
| 9399 | HO KINH DOANH HO THUY NGA                | 1  | M00000148876 | M00000148876 |
| 9400 | HO KINH DOANH HO VIET TIEN               | 9  | M00000128637 | M00000128645 |
| 9401 | HO KINH DOANH HOA DUONG                  | 5  | M00000040527 | M00000040531 |
| 9402 | HO KINH DOANH HOA HOA 1984               | 1  | M00000148912 | M00000148912 |
| 9403 | HO KINH DOANH HOA KIENG THUY NGA         | 4  | M00000208465 | M00000208468 |
| 9404 | HO KINH DOANH HOA NGOC LAN               | 3  | M00000092075 | M00000092077 |
| 9405 | HO KINH DOANH HOA PHAT                   | 2  | M00000089733 | M00000089734 |
| 9406 | HO KINH DOANH HOA PHAT                   | 2  | M00000089831 | M00000089832 |
| 9407 | HO KINH DOANH HOA QUA HANH BUI           | 3  | M00000069137 | M00000069139 |
| 9408 | HO KINH DOANH HOA QUA TRANG VU           | 6  | M00000075237 | M00000075242 |
| 9409 | HO KINH DOANH HOA THIEN                  | 3  | M00000218364 | M00000218366 |
| 9410 | HO KINH DOANH HOA THONG BREWING          | 4  | M00000134786 | M00000134789 |
| 9411 | HO KINH DOANH HOA TUNG SON               | 1  | M00000072003 | M00000072003 |
| 9412 | HO KINH DOANH HOA TUOI MY HIEU           | 2  | M00000122853 | M00000122854 |
| 9413 | HO KINH DOANH HOA TUOI THANH NGAN        | 2  | M00000222936 | M00000222937 |
| 9414 | HO KINH DOANH HOA TUOI THUY THUY         | 1  | M00000049351 | M00000049351 |
| 9415 | HO KINH DOANH HOA VIP QUY NHON           | 2  | M00000153820 | M00000153821 |
| 9416 | HO KINH DOANH HOALE BEAUTYSPA & AESTHETI | 1  | M00000049338 | M00000049338 |
| 9417 | HO KINH DOANH HOAN HAO                   | 12 | M00000143245 | M00000143256 |
| 9418 | HO KINH DOANH HOANG ANH 1992             | 4  | M00000071721 | M00000071724 |
| 9419 | HO KINH DOANH HOANG BAO NHU              | 1  | M00000070846 | M00000070846 |
| 9420 | HO KINH DOANH HOANG CONG CHIEN 82        | 1  | M00000152699 | M00000152699 |
| 9421 | HO KINH DOANH HOANG DUC ANH              | 1  | M00000091877 | M00000091877 |
| 9422 | HO KINH DOANH HOANG DUC THANG            | 5  | M00000129232 | M00000129236 |
| 9423 | HO KINH DOANH HOANG HONG NHUNG           | 21 | M00000069428 | M00000069448 |
| 9424 | HO KINH DOANH HOANG HUONG LAN            | 1  | M00000069673 | M00000069673 |
| 9425 | HO KINH DOANH HOANG HUONG LY             | 2  | M00000071815 | M00000071816 |
| 9426 | HO KINH DOANH HOANG HUONG QUAN           | 1  | M00000221624 | M00000221624 |
| 9427 | HO KINH DOANH HOANG HUU MINH             | 3  | M00000070786 | M00000070788 |
| 9428 | HO KINH DOANH HOANG HUY                  | 2  | M00000135196 | M00000135197 |
| 9429 | HO KINH DOANH HOANG KIM                  | 2  | M00000190517 | M00000190518 |
| 9430 | HO KINH DOANH HOANG LAN                  | 1  | M00000217598 | M00000217598 |
| 9431 | HO KINH DOANH HOANG LONG                 | 7  | M00000217257 | M00000217263 |
| 9432 | HO KINH DOANH HOANG OANH                 | 9  | M00000150074 | M00000150082 |
| 9433 | HO KINH DOANH HOANG QUOC                 | 1  | M00000201410 | M00000201410 |
| 9434 | HO KINH DOANH HOANG THE TUAN             | 1  | M00000054404 | M00000054404 |
| 9435 | HO KINH DOANH HOANG THI DU               | 4  | M00000090060 | M00000090063 |
| 9436 | HO KINH DOANH HOANG THI HAO 74           | 10 | M00000073027 | M00000073036 |
| 9437 | HO KINH DOANH HOANG THI HAU              | 5  | M00000139249 | M00000139253 |
| 9438 | HO KINH DOANH HOANG THI HIEN             | 2  | M00000227319 | M00000227320 |
| 9439 | HO KINH DOANH HOANG THI KET              | 2  | M00000074979 | M00000074980 |
| 9440 | HO KINH DOANH HOANG THI KIEU UYEN        | 1  | M00000132318 | M00000132318 |
| 9441 | HO KINH DOANH HOANG THI QUYNH HOA        | 2  | M00000082736 | M00000082737 |
| 9442 | HO KINH DOANH HOANG THI THANH            | 1  | M00000072030 | M00000072030 |
| 9443 | HO KINH DOANH HOANG THI THANH TRA 09-198 | 1  | M00000155878 | M00000155878 |
| 9444 | HO KINH DOANH HOANG THI THIN             | 1  | M00000068296 | M00000068296 |
| 9445 | HO KINH DOANH HOANG THI THOM             | 10 | M00000114575 | M00000114584 |
| 9446 | HO KINH DOANH HOANG THI THUAN            | 1  | M00000139757 | M00000139757 |
| 9447 | HO KINH DOANH HOANG THI THUONG           | 3  | M00000152563 | M00000152565 |
| 9448 | HO KINH DOANH HOANG THI TOAN 1987        | 2  | M00000065390 | M00000065391 |
| 9449 | HO KINH DOANH HOANG THI TRANG 1988       | 2  | M00000073540 | M00000073541 |
| 9450 | HO KINH DOANH HOANG THOM                 | 3  | M00000071777 | M00000071779 |
| 9451 | HO KINH DOANH HOANG THUY NGA             | 3  | M00000024196 | M00000024198 |
| 9452 | HO KINH DOANH HOANG THUY YEN             | 1  | M00000074231 | M00000074231 |

|      |                                       |    |              |              |
|------|---------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9453 | HO KINH DOANH HOANG TRAN THANH VAN    | 1  | M00000041477 | M00000041477 |
| 9454 | HO KINH DOANH HOANG TUAN              | 1  | M00000218531 | M00000218531 |
| 9455 | HO KINH DOANH HOANG TUYET             | 2  | M00000044194 | M00000044195 |
| 9456 | HO KINH DOANH HOANG VAN BINH          | 1  | M00000018666 | M00000018666 |
| 9457 | HO KINH DOANH HOANG VAN HIEN          | 1  | M00000120031 | M00000120031 |
| 9458 | HO KINH DOANH HOANG VAN TUAN          | 1  | M00000076232 | M00000076232 |
| 9459 | HO KINH DOANH HOANG VIET HUNG         | 1  | M00000043809 | M00000043809 |
| 9460 | HO KINH DOANH HOANG XUAN KHANH        | 3  | M00000074357 | M00000074359 |
| 9461 | HO KINH DOANH HOANG YEN 89 FASHION    | 2  | M00000091004 | M00000091005 |
| 9462 | HO KINH DOANH HOI BINH DUONG          | 1  | M00000208649 | M00000208649 |
| 9463 | HO KINH DOANH HOI VINTAGE             | 1  | M00000215874 | M00000215874 |
| 9464 | HO KINH DOANH HOLA CAFE               | 1  | M00000152920 | M00000152920 |
| 9465 | HO KINH DOANH HOLA COFFEE             | 2  | M00000224859 | M00000224860 |
| 9466 | HO KINH DOANH HOLLYWOOD BARBER SHOP   | 1  | M00000222837 | M00000222837 |
| 9467 | HO KINH DOANH HOME NGUYEN PHUNG       | 1  | M00000152271 | M00000152271 |
| 9468 | HO KINH DOANH HOMEMART MINH ANH       | 8  | M00000203945 | M00000203952 |
| 9469 | HO KINH DOANH HOMESTAY SANTORA        | 3  | M00000141286 | M00000141288 |
| 9470 | HO KINH DOANH HOMOY HOUSE             | 1  | M00000083451 | M00000083451 |
| 9471 | HO KINH DOANH HON DA TAN PHAT         | 1  | M00000141916 | M00000141916 |
| 9472 | HO KINH DOANH HONEY SPA               | 8  | M00000139591 | M00000139598 |
| 9473 | HO KINH DOANH HONG CUC                | 1  | M00000061152 | M00000061152 |
| 9474 | HO KINH DOANH HONG NGOC               | 2  | M00000090987 | M00000090988 |
| 9475 | HO KINH DOANH HONG NGOC 2             | 1  | M00000080982 | M00000080982 |
| 9476 | HO KINH DOANH HONG THAM 7777          | 1  | M00000226418 | M00000226418 |
| 9477 | HO KINH DOANH HU TIEU BAO GIA NGHIA   | 1  | M00000145797 | M00000145797 |
| 9478 | HO KINH DOANH HU TIEU MI MINH KY      | 4  | M00000222761 | M00000222764 |
| 9479 | HO KINH DOANH HU TIEU NGOC BICH       | 3  | M00000225663 | M00000225665 |
| 9480 | HO KINH DOANH HUA THI LE              | 2  | M00000226577 | M00000226578 |
| 9481 | HO KINH DOANH HUE DANG                | 1  | M00000071943 | M00000071943 |
| 9482 | HO KINH DOANH HUE HAI SAN             | 9  | M00000147465 | M00000147473 |
| 9483 | HO KINH DOANH HUNG AN                 | 4  | M00000141494 | M00000141497 |
| 9484 | HO KINH DOANH HUNG HANARE             | 13 | M00000198171 | M00000198183 |
| 9485 | HO KINH DOANH HUNG HUNG               | 2  | M00000044812 | M00000044813 |
| 9486 | HO KINH DOANH HUNG JIMMII             | 1  | M00000076754 | M00000076754 |
| 9487 | HO KINH DOANH HUNG LONG               | 1  | M00000061312 | M00000061312 |
| 9488 | HO KINH DOANH HUNG THINH              | 32 | M00000042711 | M00000042742 |
| 9489 | HO KINH DOANH HUONG COFFEE            | 1  | M00000043203 | M00000043203 |
| 9490 | HO KINH DOANH HUONG GIANG HOA QUA     | 1  | M00000156745 | M00000156745 |
| 9491 | HO KINH DOANH HUONG NUI               | 3  | M00000081564 | M00000081566 |
| 9492 | HO KINH DOANH HUONG QUE               | 1  | M00000227344 | M00000227344 |
| 9493 | HO KINH DOANH HUU DUYEN PHAT          | 2  | M00000091280 | M00000091281 |
| 9494 | HO KINH DOANH HUYEN BI                | 23 | M00000157428 | M00000157450 |
| 9495 | HO KINH DOANH HUYEN SI                | 17 | M00000189956 | M00000189972 |
| 9496 | HO KINH DOANH HUYNH DE                | 1  | M00000217100 | M00000217100 |
| 9497 | HO KINH DOANH HUYNH MY                | 1  | M00000089815 | M00000089815 |
| 9498 | HO KINH DOANH HUYNH NHU Y             | 2  | M00000226554 | M00000226555 |
| 9499 | HO KINH DOANH HUYNH NUI               | 5  | M00000085714 | M00000085718 |
| 9500 | HO KINH DOANH HUYNH QUOC THANG        | 1  | M00000145331 | M00000145331 |
| 9501 | HO KINH DOANH HUYNH SONG HAO          | 3  | M00000207465 | M00000207467 |
| 9502 | HO KINH DOANH HUYNH THI BICH THUY     | 1  | M00000116937 | M00000116937 |
| 9503 | HO KINH DOANH HUYNH THI BINH PHUOC    | 2  | M00000223248 | M00000223249 |
| 9504 | HO KINH DOANH HUYNH THI HOA 61        | 2  | M00000142371 | M00000142372 |
| 9505 | HO KINH DOANH HUYNH THI HONG KHUONG   | 2  | M00000220868 | M00000220869 |
| 9506 | HO KINH DOANH HUYNH THI KHAI HOANG    | 1  | M00000091242 | M00000091242 |
| 9507 | HO KINH DOANH HUYNH THI LIEU          | 1  | M00000149583 | M00000149583 |
| 9508 | HO KINH DOANH HWA JIN'S KITCHEN       | 3  | M00000217991 | M00000217993 |
| 9509 | HO KINH DOANH I DO NAILS              | 2  | M00000225226 | M00000225227 |
| 9510 | HO KINH DOANH I WASH                  | 1  | M00000225167 | M00000225167 |
| 9511 | HO KINH DOANH IN AN THANH PHUC        | 2  | M00000152523 | M00000152524 |
| 9512 | HO KINH DOANH INDIGO STORE            | 9  | M00000017254 | M00000017262 |
| 9513 | HO KINH DOANH INTECHCO COFFEE         | 3  | M00000155773 | M00000155775 |
| 9514 | HO KINH DOANH IPHONEDOC.VN            | 6  | M00000114569 | M00000114574 |
| 9515 | HO KINH DOANH IRO STUDIO 23/5         | 2  | M00000207109 | M00000207110 |
| 9516 | HO KINH DOANH J & C ACCESSORIES STORE | 1  | M00000225225 | M00000225225 |
| 9517 | HO KINH DOANH J SNACK                 | 2  | M00000043204 | M00000043205 |
| 9518 | HO KINH DOANH J-A-D-E TRAN            | 1  | M00000217094 | M00000217094 |
| 9519 | HO KINH DOANH JAPAN - ORDER STORE     | 4  | M00000215670 | M00000215673 |
| 9520 | HO KINH DOANH JELIEL                  | 5  | M00000043084 | M00000043088 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9521 | HO KINH DOANH JOLLY KIDS HA NOI          | 12 | M00000029037 | M00000029048 |
| 9522 | HO KINH DOANH JOVEN                      | 2  | M00000193964 | M00000193965 |
| 9523 | HO KINH DOANH JOY                        | 3  | M00000043841 | M00000043843 |
| 9524 | HO KINH DOANH JOY GREEN                  | 25 | M00000202021 | M00000202045 |
| 9525 | HO KINH DOANH JUAN'S TAILOR              | 4  | M00000047365 | M00000047368 |
| 9526 | HO KINH DOANH JUN FOR HAIR               | 1  | M00000224269 | M00000224269 |
| 9527 | HO KINH DOANH JVI MUSIC                  | 7  | M00000047317 | M00000047323 |
| 9528 | HO KINH DOANH KALIN                      | 1  | M00000226384 | M00000226384 |
| 9529 | HO KINH DOANH KANEBO THANH HOA           | 1  | M00000140148 | M00000140148 |
| 9530 | HO KINH DOANH KANUS                      | 5  | M00000225590 | M00000225594 |
| 9531 | HO KINH DOANH KAOHAIR STUDIO             | 5  | M00000043522 | M00000043526 |
| 9532 | HO KINH DOANH KARAOKE GOLD               | 1  | M00000084514 | M00000084514 |
| 9533 | HO KINH DOANH KARAOKE OLA                | 5  | M00000058749 | M00000058753 |
| 9534 | HO KINH DOANH KARAOKE ROYAL              | 1  | M00000116952 | M00000116952 |
| 9535 | HO KINH DOANH KARAOKE VEGAS              | 4  | M00000209184 | M00000209187 |
| 9536 | HO KINH DOANH KARAOKE VVIP               | 1  | M00000093514 | M00000093514 |
| 9537 | HO KINH DOANH KAREN                      | 10 | M00000032535 | M00000032544 |
| 9538 | HO KINH DOANH KASEN                      | 7  | M00000182620 | M00000182626 |
| 9539 | HO KINH DOANH KATE BEAUTY                | 2  | M00000225171 | M00000225172 |
| 9540 | HO KINH DOANH KATUN                      | 2  | M00000082306 | M00000082307 |
| 9541 | HO KINH DOANH KE ANH TRUNG               | 1  | M00000044620 | M00000044620 |
| 9542 | HO KINH DOANH KEBAB88                    | 1  | M00000192136 | M00000192136 |
| 9543 | HO KINH DOANH KEM DUA 276                | 2  | M00000220607 | M00000220608 |
| 9544 | HO KINH DOANH KEM NGHIA VI VI AN         | 30 | M00000190309 | M00000190338 |
| 9545 | HO KINH DOANH KEY HAIR STUDIO            | 3  | M00000046978 | M00000046980 |
| 9546 | HO KINH DOANH KHA PHI                    | 2  | M00000084931 | M00000084932 |
| 9547 | HO KINH DOANH KHA TRA SPA                | 1  | M00000156102 | M00000156102 |
| 9548 | HO KINH DOANH KHACH SAN NAM ANH          | 1  | M00000156073 | M00000156073 |
| 9549 | HO KINH DOANH KHACH SAN NAM LONG         | 6  | M00000218368 | M00000218373 |
| 9550 | HO KINH DOANH KHAI BONG                  | 3  | M00000133608 | M00000133610 |
| 9551 | HO KINH DOANH KHAI YEN                   | 1  | M00000090182 | M00000090182 |
| 9552 | HO KINH DOANH KHANG BUI                  | 4  | M00000090798 | M00000090801 |
| 9553 | HO KINH DOANH KHANG HOMESTAY             | 2  | M00000152221 | M00000152222 |
| 9554 | HO KINH DOANH KHANH                      | 11 | M00000030404 | M00000030414 |
| 9555 | HO KINH DOANH KHANH LY ALISA             | 2  | M00000039564 | M00000039565 |
| 9556 | HO KINH DOANH KHANH NGOC                 | 2  | M00000148903 | M00000148904 |
| 9557 | HO KINH DOANH KHANH TRAVEL               | 1  | M00000155298 | M00000155298 |
| 9558 | HO KINH DOANH KHANH VINH                 | 17 | M00000205717 | M00000205733 |
| 9559 | HO KINH DOANH KHEN                       | 1  | M00000091279 | M00000091279 |
| 9560 | HO KINH DOANH KHOI BBQ                   | 3  | M00000064298 | M00000064300 |
| 9561 | HO KINH DOANH KHOI GARDEN                | 2  | M00000090490 | M00000090491 |
| 9562 | HO KINH DOANH KHONG TEN                  | 1  | M00000040406 | M00000040406 |
| 9563 | HO KINH DOANH KHONG THI THUY (CUONG)     | 3  | M00000074856 | M00000074858 |
| 9564 | HO KINH DOANH KHU DU LICH SINH THAI BA D | 1  | M00000080873 | M00000080873 |
| 9565 | HO KINH DOANH KHU RUNG NHO CAFE          | 1  | M00000156916 | M00000156916 |
| 9566 | HO KINH DOANH KICO MALL                  | 1  | M00000048240 | M00000048240 |
| 9567 | HO KINH DOANH KIDS MART                  | 1  | M00000221708 | M00000221708 |
| 9568 | HO KINH DOANH KIDSMART                   | 6  | M00000093400 | M00000093405 |
| 9569 | HO KINH DOANH KIEN MOBILE                | 1  | M00000043152 | M00000043152 |
| 9570 | HO KINH DOANH KIEU MINH HAI              | 3  | M00000145298 | M00000145300 |
| 9571 | HO KINH DOANH KIEU TRANG NINH - SAM      | 1  | M00000090944 | M00000090944 |
| 9572 | HO KINH DOANH KIEU VAN KHAN              | 8  | M00000085703 | M00000085710 |
| 9573 | HO KINH DOANH KIM BUU 779                | 4  | M00000085221 | M00000085224 |
| 9574 | HO KINH DOANH KIM DINH                   | 4  | M00000091612 | M00000091615 |
| 9575 | HO KINH DOANH KIM DUC TENNIS SHOP        | 6  | M00000073350 | M00000073355 |
| 9576 | HO KINH DOANH KIM GOLDEN - TRI LIEU CO T | 2  | M00000128472 | M00000128473 |
| 9577 | HO KINH DOANH KIM KHI DIEN NUOC TUAN ANH | 2  | M00000043213 | M00000043214 |
| 9578 | HO KINH DOANH KIM KHI TONG HOP QUANG CHA | 1  | M00000073423 | M00000073423 |
| 9579 | HO KINH DOANH KIM LAM                    | 1  | M00000215873 | M00000215873 |
| 9580 | HO KINH DOANH KIM MINH                   | 2  | M00000126381 | M00000126382 |
| 9581 | HO KINH DOANH KIM NGAN ORGANIC           | 3  | M00000146091 | M00000146093 |
| 9582 | HO KINH DOANH KIM NGAN PHAT              | 1  | M00000220581 | M00000220581 |
| 9583 | HO KINH DOANH KIM NHON                   | 65 | M00000226718 | M00000226782 |
| 9584 | HO KINH DOANH KIM PHAT                   | 1  | M00000088680 | M00000088680 |
| 9585 | HO KINH DOANH KING & I SPA               | 1  | M00000221415 | M00000221415 |
| 9586 | HO KINH DOANH KING SAN BAY               | 14 | M00000155722 | M00000155735 |
| 9587 | HO KINH DOANH KINH MAT MINH HUONG        | 1  | M00000043814 | M00000043814 |
| 9588 | HO KINH DOANH KINH THOI TRANG OANH OANH  | 1  | M00000031389 | M00000031389 |

|      |                                          |     |              |              |
|------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 9589 | HO KINH DOANH KNAR BOOTMAKER             | 1   | M00000041610 | M00000041610 |
| 9590 | HO KINH DOANH KONOHA SUSHI               | 3   | M00000040545 | M00000040547 |
| 9591 | HO KINH DOANH KOSMAN                     | 6   | M00000149922 | M00000149927 |
| 9592 | HO KINH DOANH KUNGFU PANDA               | 2   | M00000156906 | M00000156907 |
| 9593 | HO KINH DOANH KUNI CARE                  | 3   | M00000225229 | M00000225231 |
| 9594 | HO KINH DOANH KUNI SHOP                  | 6   | M00000225634 | M00000225639 |
| 9595 | HO KINH DOANH KY GUI 161 TAN TRIEU       | 1   | M00000047369 | M00000047369 |
| 9596 | HO KINH DOANH KY LEE BARBER SHOP         | 5   | M00000149813 | M00000149817 |
| 9597 | HO KINH DOANH LA BRISE                   | 1   | M00000145269 | M00000145269 |
| 9598 | HO KINH DOANH LA CHERIE                  | 1   | M00000134690 | M00000134690 |
| 9599 | HO KINH DOANH LA COFFEE & TEA            | 5   | M00000088569 | M00000088573 |
| 9600 | HO KINH DOANH LA DUC THIEN AN            | 1   | M00000153514 | M00000153514 |
| 9601 | HO KINH DOANH LA HAI YEN                 | 27  | M00000032905 | M00000032931 |
| 9602 | HO KINH DOANH LA MER BALI                | 1   | M00000138085 | M00000138085 |
| 9603 | HO KINH DOANH LA PAIX HUE RIVERSIDE VILL | 1   | M00000124776 | M00000124776 |
| 9604 | HO KINH DOANH LAGI SUNRISE               | 1   | M00000128916 | M00000128916 |
| 9605 | HO KINH DOANH LAI THI HUE                | 3   | M00000054096 | M00000054098 |
| 9606 | HO KINH DOANH LAI THI THANH DIEP         | 1   | M00000057538 | M00000057538 |
| 9607 | HO KINH DOANH LAK BEEF STEAK             | 8   | M00000204027 | M00000204034 |
| 9608 | HO KINH DOANH LALISA                     | 2   | M00000029161 | M00000029162 |
| 9609 | HO KINH DOANH LAM KIM                    | 1   | M00000225425 | M00000225425 |
| 9610 | HO KINH DOANH LAM KIM QUANG              | 1   | M00000134828 | M00000134828 |
| 9611 | HO KINH DOANH LAM NGOC HUONG             | 2   | M00000200880 | M00000200881 |
| 9612 | HO KINH DOANH LAM NHO                    | 2   | M00000145915 | M00000145916 |
| 9613 | HO KINH DOANH LAM OANH BUI               | 102 | M00000212610 | M00000212711 |
| 9614 | HO KINH DOANH LAM TAN PHAT               | 2   | M00000215733 | M00000215734 |
| 9615 | HO KINH DOANH LAM THE HAO                | 5   | M00000114801 | M00000114805 |
| 9616 | HO KINH DOANH LAM THI HIEU               | 4   | M00000039912 | M00000039915 |
| 9617 | HO KINH DOANH LAM THI THANH DUYEN        | 1   | M00000141919 | M00000141919 |
| 9618 | HO KINH DOANH LAM TRUNG QUY              | 4   | M00000071944 | M00000071947 |
| 9619 | HO KINH DOANH LAMY                       | 13  | M00000125869 | M00000125881 |
| 9620 | HO KINH DOANH LAN CHIEN                  | 5   | M00000142430 | M00000142434 |
| 9621 | HO KINH DOANH LAN NGOC PHAT              | 2   | M00000091867 | M00000091868 |
| 9622 | HO KINH DOANH LANG NUONG KIM HUONG       | 1   | M00000122409 | M00000122409 |
| 9623 | HO KINH DOANH LAP THUY MOTO              | 1   | M00000042526 | M00000042526 |
| 9624 | HO KINH DOANH LAU BO NHA GO              | 51  | M00000218880 | M00000218930 |
| 9625 | HO KINH DOANH LAU DE SAI GON             | 1   | M00000091267 | M00000091267 |
| 9626 | HO KINH DOANH LAU DE TU KY 2             | 6   | M00000220361 | M00000220366 |
| 9627 | HO KINH DOANH LAU TOM SEN DAO            | 2   | M00000037386 | M00000037387 |
| 9628 | HO KINH DOANH LAZA SHOP                  | 4   | M00000120940 | M00000120943 |
| 9629 | HO KINH DOANH LE BA ANH TUAN             | 9   | M00000142050 | M00000142058 |
| 9630 | HO KINH DOANH LE BA TU                   | 1   | M00000043126 | M00000043126 |
| 9631 | HO KINH DOANH LE BA TUAN                 | 2   | M00000027440 | M00000027441 |
| 9632 | HO KINH DOANH LE CAM DANG 107H           | 7   | M00000224635 | M00000224641 |
| 9633 | HO KINH DOANH LE CAO THANG               | 2   | M00000071176 | M00000071177 |
| 9634 | HO KINH DOANH LE DANG HUNG               | 4   | M00000026303 | M00000026306 |
| 9635 | HO KINH DOANH LE DINH CONG 1995          | 7   | M00000075017 | M00000075023 |
| 9636 | HO KINH DOANH LE HOA BRIDAL              | 5   | M00000220628 | M00000220632 |
| 9637 | HO KINH DOANH LE HONG ANH                | 1   | M00000090636 | M00000090636 |
| 9638 | HO KINH DOANH LE HOUSE                   | 4   | M00000208251 | M00000208254 |
| 9639 | HO KINH DOANH LE HUONG GIANG             | 1   | M00000070146 | M00000070146 |
| 9640 | HO KINH DOANH LE HUU BACH                | 4   | M00000074874 | M00000074877 |
| 9641 | HO KINH DOANH LE KIM HOA                 | 7   | M00000217194 | M00000217200 |
| 9642 | HO KINH DOANH LE MAU HOAN                | 1   | M00000145717 | M00000145717 |
| 9643 | HO KINH DOANH LE ME BAR                  | 2   | M00000227420 | M00000227421 |
| 9644 | HO KINH DOANH LE NGOC ANH                | 1   | M00000030416 | M00000030416 |
| 9645 | HO KINH DOANH LE NGOC MINH THU           | 32  | M00000144968 | M00000144999 |
| 9646 | HO KINH DOANH LE NGOC TUNG               | 1   | M00000122664 | M00000122664 |
| 9647 | HO KINH DOANH LE NGOC VAN                | 18  | M00000197945 | M00000197962 |
| 9648 | HO KINH DOANH LE NGUYEN MINH TRI         | 1   | M00000145589 | M00000145589 |
| 9649 | HO KINH DOANH LE QUANG TRUNG             | 1   | M00000145540 | M00000145540 |
| 9650 | HO KINH DOANH LE QUOC UYEN               | 2   | M00000075169 | M00000075170 |
| 9651 | HO KINH DOANH LE THAI HIEN               | 9   | M00000089838 | M00000089846 |
| 9652 | HO KINH DOANH LE THANH HAI               | 2   | M00000153443 | M00000153444 |
| 9653 | HO KINH DOANH LE THANH PHONG             | 4   | M00000224095 | M00000224098 |
| 9654 | HO KINH DOANH LE THI BAY YEN             | 1   | M00000071914 | M00000071914 |
| 9655 | HO KINH DOANH LE THI BICH THUY           | 1   | M00000150056 | M00000150056 |
| 9656 | HO KINH DOANH LE THI BICH THUY           | 5   | M00000215471 | M00000215475 |

|      |                                    |    |              |              |
|------|------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9657 | HO KINH DOANH LE THI CONG DUNG     | 4  | M00000196635 | M00000196638 |
| 9658 | HO KINH DOANH LE THI DAO 1         | 4  | M00000132428 | M00000132431 |
| 9659 | HO KINH DOANH LE THI DUNG 1970     | 3  | M00000075890 | M00000075892 |
| 9660 | HO KINH DOANH LE THI DUYEN HUONG   | 1  | M00000019694 | M00000019694 |
| 9661 | HO KINH DOANH LE THI GAM           | 11 | M00000018999 | M00000019009 |
| 9662 | HO KINH DOANH LE THI HANG          | 30 | M00000119274 | M00000119303 |
| 9663 | HO KINH DOANH LE THI HAO           | 2  | M00000071725 | M00000071726 |
| 9664 | HO KINH DOANH LE THI HOA           | 10 | M00000146909 | M00000146918 |
| 9665 | HO KINH DOANH LE THI HONG DAO      | 3  | M00000149415 | M00000149417 |
| 9666 | HO KINH DOANH LE THI HUE           | 1  | M00000071565 | M00000071565 |
| 9667 | HO KINH DOANH LE THI HUE 1986      | 3  | M00000074869 | M00000074871 |
| 9668 | HO KINH DOANH LE THI HUONG         | 7  | M00000044634 | M00000044640 |
| 9669 | HO KINH DOANH LE THI HUONG         | 3  | M00000116938 | M00000116940 |
| 9670 | HO KINH DOANH LE THI HUONG         | 7  | M00000136960 | M00000136966 |
| 9671 | HO KINH DOANH LE THI HUONG 1980    | 1  | M00000134339 | M00000134339 |
| 9672 | HO KINH DOANH LE THI HUONG 2       | 9  | M00000074148 | M00000074156 |
| 9673 | HO KINH DOANH LE THI HUYN TRANG HT | 2  | M00000147406 | M00000147407 |
| 9674 | HO KINH DOANH LE THI KHANH DUYEN   | 1  | M00000135572 | M00000135572 |
| 9675 | HO KINH DOANH LE THI KIM HANG      | 1  | M00000061313 | M00000061313 |
| 9676 | HO KINH DOANH LE THI KIM NGAN      | 29 | M00000085225 | M00000085253 |
| 9677 | HO KINH DOANH LE THI KIM SANG      | 9  | M00000091243 | M00000091251 |
| 9678 | HO KINH DOANH LE THI LAN           | 2  | M00000072180 | M00000072181 |
| 9679 | HO KINH DOANH LE THI LIEN          | 1  | M00000044585 | M00000044585 |
| 9680 | HO KINH DOANH LE THI LUYEN         | 4  | M00000141488 | M00000141491 |
| 9681 | HO KINH DOANH LE THI LY 1976       | 1  | M00000045591 | M00000045591 |
| 9682 | HO KINH DOANH LE THI MY DUNG 3     | 17 | M00000144894 | M00000144910 |
| 9683 | HO KINH DOANH LE THI MY LUONG      | 3  | M00000149760 | M00000149762 |
| 9684 | HO KINH DOANH LE THI NGOC DIEP     | 1  | M00000147550 | M00000147550 |
| 9685 | HO KINH DOANH LE THI NGOC THAO     | 3  | M00000150392 | M00000150394 |
| 9686 | HO KINH DOANH LE THI NHUNG         | 4  | M00000075221 | M00000075224 |
| 9687 | HO KINH DOANH LE THI OANH          | 3  | M00000071102 | M00000071104 |
| 9688 | HO KINH DOANH LE THI PHUONG HOA    | 6  | M00000199177 | M00000199182 |
| 9689 | HO KINH DOANH LE THI THAM 1987     | 2  | M00000048154 | M00000048155 |
| 9690 | HO KINH DOANH LE THI THU DUYEN     | 2  | M00000087753 | M00000087754 |
| 9691 | HO KINH DOANH LE THI THU HONG      | 1  | M00000215341 | M00000215341 |
| 9692 | HO KINH DOANH LE THI THU LAN       | 3  | M00000147947 | M00000147949 |
| 9693 | HO KINH DOANH LE THI THU NGHIEM    | 2  | M00000038040 | M00000038041 |
| 9694 | HO KINH DOANH LE THI THUY 1980     | 1  | M00000076459 | M00000076459 |
| 9695 | HO KINH DOANH LE THI THUY AI       | 1  | M00000222933 | M00000222933 |
| 9696 | HO KINH DOANH LE THI THUY LY       | 3  | M00000046989 | M00000046991 |
| 9697 | HO KINH DOANH LE THI THUY NGOC     | 1  | M00000057515 | M00000057515 |
| 9698 | HO KINH DOANH LE THI TRAM 39A1     | 6  | M00000224629 | M00000224634 |
| 9699 | HO KINH DOANH LE THI TRANG         | 35 | M00000037985 | M00000038019 |
| 9700 | HO KINH DOANH LE THI TRANG         | 1  | M00000064938 | M00000064938 |
| 9701 | HO KINH DOANH LE THI TRANG         | 1  | M00000146291 | M00000146291 |
| 9702 | HO KINH DOANH LE THI TUOI          | 5  | M00000119404 | M00000119408 |
| 9703 | HO KINH DOANH LE THI VAN           | 1  | M00000060049 | M00000060049 |
| 9704 | HO KINH DOANH LE THIEN THANH       | 6  | M00000145732 | M00000145737 |
| 9705 | HO KINH DOANH LE THU               | 1  | M00000215431 | M00000215431 |
| 9706 | HO KINH DOANH LE THUY AN           | 2  | M00000089735 | M00000089736 |
| 9707 | HO KINH DOANH LE THUY LINH         | 1  | M00000063203 | M00000063203 |
| 9708 | HO KINH DOANH LE THUY MAI          | 2  | M00000223925 | M00000223926 |
| 9709 | HO KINH DOANH LE TRONG KHOAN       | 5  | M00000072521 | M00000072525 |
| 9710 | HO KINH DOANH LE TUAN PHONG        | 1  | M00000054557 | M00000054557 |
| 9711 | HO KINH DOANH LE VAN BIEN          | 2  | M00000089768 | M00000089769 |
| 9712 | HO KINH DOANH LE VAN CUONG         | 6  | M00000147996 | M00000148001 |
| 9713 | HO KINH DOANH LE VAN GIOI          | 1  | M00000210575 | M00000210575 |
| 9714 | HO KINH DOANH LE VAN HUNG          | 1  | M00000223662 | M00000223662 |
| 9715 | HO KINH DOANH LE VAN HUONG         | 25 | M00000089549 | M00000089573 |
| 9716 | HO KINH DOANH LE VAN MANH          | 1  | M00000208311 | M00000208311 |
| 9717 | HO KINH DOANH LE VAN NHAM          | 2  | M00000146087 | M00000146088 |
| 9718 | HO KINH DOANH LE VAN NHO           | 1  | M00000153254 | M00000153254 |
| 9719 | HO KINH DOANH LE VAN NHUT          | 5  | M00000149818 | M00000149822 |
| 9720 | HO KINH DOANH LE VAN SANG          | 14 | M00000091627 | M00000091640 |
| 9721 | HO KINH DOANH LE VAN THINH         | 2  | M00000140530 | M00000140531 |
| 9722 | HO KINH DOANH LE VAN VINH          | 4  | M00000091622 | M00000091625 |
| 9723 | HO KINH DOANH LE VI                | 2  | M00000070098 | M00000070099 |
| 9724 | HO KINH DOANH LE XUAN TUAN ANH     | 1  | M00000076109 | M00000076109 |

|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9725 | HO KINH DOANH LELIX PRIME                | 1  | M00000045835 | M00000045835 |
| 9726 | HO KINH DOANH LEN SOI XUYEN TRANG        | 1  | M00000091865 | M00000091865 |
| 9727 | HO KINH DOANH LENS OPTIC                 | 2  | M00000217384 | M00000217385 |
| 9728 | HO KINH DOANH L'ESPOIR                   | 45 | M00000191956 | M00000192000 |
| 9729 | HO KINH DOANH LESPOIR                    | 13 | M00000026307 | M00000026319 |
| 9730 | HO KINH DOANH LH-MART                    | 3  | M00000033615 | M00000033617 |
| 9731 | HO KINH DOANH LI GA                      | 4  | M00000032166 | M00000032169 |
| 9732 | HO KINH DOANH LIANA SPA                  | 2  | M00000129058 | M00000129059 |
| 9733 | HO KINH DOANH LICH PHUONG                | 10 | M00000147537 | M00000147546 |
| 9734 | HO KINH DOANH LIDI PHOTOBOOTH            | 20 | M00000223037 | M00000223056 |
| 9735 | HO KINH DOANH LIEN PHAT                  | 2  | M00000215639 | M00000215640 |
| 9736 | HO KINH DOANH LIEN PHAT LOC              | 1  | M00000200471 | M00000200471 |
| 9737 | HO KINH DOANH LIFE BUSINESS HOUSEHOLD    | 3  | M00000156931 | M00000156933 |
| 9738 | HO KINH DOANH LIGHT HOUSE                | 2  | M00000222663 | M00000222664 |
| 9739 | HO KINH DOANH LILAS MAISON               | 4  | M00000034746 | M00000034749 |
| 9740 | HO KINH DOANH LINH                       | 1  | M00000204024 | M00000204024 |
| 9741 | HO KINH DOANH LINH ANH FRUIT             | 4  | M00000040495 | M00000040498 |
| 9742 | HO KINH DOANH LINH CAM VAN               | 1  | M00000223669 | M00000223669 |
| 9743 | HO KINH DOANH LINH SON LS                | 2  | M00000146279 | M00000146280 |
| 9744 | HO KINH DOANH LINH SPA                   | 1  | M00000134987 | M00000134987 |
| 9745 | HO KINH DOANH LINH SPORTS                | 3  | M00000202669 | M00000202671 |
| 9746 | HO KINH DOANH LINH TATTOO 98             | 1  | M00000047389 | M00000047389 |
| 9747 | HO KINH DOANH LINH THI BEAUTY ACADEMY    | 2  | M00000090510 | M00000090511 |
| 9748 | HO KINH DOANH LINH THI DIEU 1993         | 6  | M00000076764 | M00000076769 |
| 9749 | HO KINH DOANH LO LEM                     | 3  | M00000149502 | M00000149504 |
| 9750 | HO KINH DOANH LO RUOU THANH TAM          | 1  | M00000086766 | M00000086766 |
| 9751 | HO KINH DOANH LOAN NGUYEN                | 4  | M00000220347 | M00000220350 |
| 9752 | HO KINH DOANH LOBSTER QUEEN              | 4  | M00000032355 | M00000032358 |
| 9753 | HO KINH DOANH LOINGUYEN                  | 5  | M00000049333 | M00000049337 |
| 9754 | HO KINH DOANH LONG BLUE                  | 1  | M00000043815 | M00000043815 |
| 9755 | HO KINH DOANH LONG HAI                   | 6  | M00000217514 | M00000217519 |
| 9756 | HO KINH DOANH LONG LOAN                  | 3  | M00000147528 | M00000147530 |
| 9757 | HO KINH DOANH LONG MEN                   | 4  | M00000145332 | M00000145335 |
| 9758 | HO KINH DOANH LOP TRONG PHU              | 1  | M00000048426 | M00000048426 |
| 9759 | HO KINH DOANH LOUIS                      | 3  | M00000152763 | M00000152765 |
| 9760 | HO KINH DOANH LOVINE                     | 2  | M00000215628 | M00000215629 |
| 9761 | HO KINH DOANH LOZZI                      | 3  | M00000184312 | M00000184314 |
| 9762 | HO KINH DOANH LU THAI HANG               | 1  | M00000220600 | M00000220600 |
| 9763 | HO KINH DOANH LUC THI BINH               | 3  | M00000072257 | M00000072259 |
| 9764 | HO KINH DOANH LUC TRA TINH HOA           | 2  | M00000093395 | M00000093396 |
| 9765 | HO KINH DOANH LUON CHUONG MAP            | 4  | M00000215850 | M00000215853 |
| 9766 | HO KINH DOANH LUONG HIEM                 | 3  | M00000149476 | M00000149478 |
| 9767 | HO KINH DOANH LUONG LV AUTO              | 1  | M00000152300 | M00000152300 |
| 9768 | HO KINH DOANH LUONG NINH NINH            | 1  | M00000154067 | M00000154067 |
| 9769 | HO KINH DOANH LUONG THI HANH             | 1  | M00000064965 | M00000064965 |
| 9770 | HO KINH DOANH LUONG TRI                  | 2  | M00000089503 | M00000089504 |
| 9771 | HO KINH DOANH LUONG VAN THAN             | 1  | M00000147633 | M00000147633 |
| 9772 | HO KINH DOANH LUONG XUAN DINH            | 2  | M00000071941 | M00000071942 |
| 9773 | HO KINH DOANH LUU BAO CHUNG              | 2  | M00000044880 | M00000044881 |
| 9774 | HO KINH DOANH LUU CONG DANH              | 2  | M00000156928 | M00000156929 |
| 9775 | HO KINH DOANH LUU HONG NHUNG - 34B LUONG | 14 | M00000045969 | M00000045982 |
| 9776 | HO KINH DOANH LUU HUNG                   | 3  | M00000225483 | M00000225485 |
| 9777 | HO KINH DOANH LUU PHUONG THAO            | 2  | M00000074055 | M00000074056 |
| 9778 | HO KINH DOANH LUU THI LY                 | 3  | M00000070123 | M00000070125 |
| 9779 | HO KINH DOANH LUU TRU NGUYEN VUONG ANH   | 1  | M00000074276 | M00000074276 |
| 9780 | HO KINH DOANH LUXE AQUA                  | 2  | M00000224387 | M00000224388 |
| 9781 | HO KINH DOANH LUXE HAIR SALON            | 2  | M00000189608 | M00000189609 |
| 9782 | HO KINH DOANH LUYEN BONNY GZ             | 2  | M00000046460 | M00000046461 |
| 9783 | HO KINH DOANH LY MAN NHI                 | 1  | M00000224107 | M00000224107 |
| 9784 | HO KINH DOANH LY NGOC LANG               | 2  | M00000215432 | M00000215433 |
| 9785 | HO KINH DOANH LY PHAM                    | 8  | M00000219153 | M00000219160 |
| 9786 | HO KINH DOANH LY THI CAM                 | 1  | M00000152837 | M00000152837 |
| 9787 | HO KINH DOANH LY THI THU (NHUNG SPA GIA  | 30 | M00000040331 | M00000040360 |
| 9788 | HO KINH DOANH M FAMILY                   | 4  | M00000156655 | M00000156658 |
| 9789 | HO KINH DOANH MA MAY                     | 13 | M00000091361 | M00000091373 |
| 9790 | HO KINH DOANH MA THI VAN                 | 10 | M00000076150 | M00000076159 |
| 9791 | HO KINH DOANH MACLIN                     | 10 | M00000220188 | M00000220197 |
| 9792 | HO KINH DOANH MAI DUC TOAN               | 1  | M00000145913 | M00000145913 |



|      |                                          |    |              |              |
|------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9793 | HO KINH DOANH MAI LY                     | 2  | M00000072582 | M00000072583 |
| 9794 | HO KINH DOANH MAI QUY 1                  | 11 | M00000150265 | M00000150275 |
| 9795 | HO KINH DOANH MAI SAO BEAUTY CENTER      | 1  | M00000070921 | M00000070921 |
| 9796 | HO KINH DOANH MAI THI ANH XUONG          | 1  | M00000220470 | M00000220470 |
| 9797 | HO KINH DOANH MAI TRAN THINH             | 1  | M00000147354 | M00000147354 |
| 9798 | HO KINH DOANH MAI VAN BAC                | 9  | M00000144202 | M00000144210 |
| 9799 | HO KINH DOANH MAI VINH                   | 1  | M00000040383 | M00000040383 |
| 9800 | HO KINH DOANH MAILAN HAIRSLON            | 9  | M00000037388 | M00000037396 |
| 9801 | HO KINH DOANH MAM NON BAC AU             | 13 | M00000155886 | M00000155898 |
| 9802 | HO KINH DOANH MAN THU                    | 2  | M00000223250 | M00000223251 |
| 9803 | HO KINH DOANH MANH CUONG                 | 1  | M00000020102 | M00000020102 |
| 9804 | HO KINH DOANH MANH DUC 118               | 2  | M00000034838 | M00000034839 |
| 9805 | HO KINH DOANH MANH DUOC                  | 1  | M00000217997 | M00000217997 |
| 9806 | HO KINH DOANH MANONG HAIR SALON          | 2  | M00000190285 | M00000190286 |
| 9807 | HO KINH DOANH MANOS & MUSUBI DINING      | 23 | M00000027667 | M00000027689 |
| 9808 | HO KINH DOANH MANYO TTEOKBOKKI           | 1  | M00000147864 | M00000147864 |
| 9809 | HO KINH DOANH MASSAGE & SPA KY ANH       | 51 | M00000028667 | M00000028717 |
| 9810 | HO KINH DOANH MASSAGE BONY 2             | 2  | M00000084364 | M00000084365 |
| 9811 | HO KINH DOANH MASSAGE HOA SEN            | 1  | M00000073419 | M00000073419 |
| 9812 | HO KINH DOANH MAT KINH                   | 1  | M00000091014 | M00000091014 |
| 9813 | HO KINH DOANH MAT KINH BV DIEN BIEN PHU  | 3  | M00000210444 | M00000210446 |
| 9814 | HO KINH DOANH MAT KINH CONG DONG         | 1  | M00000091870 | M00000091870 |
| 9815 | HO KINH DOANH MAT KINH DAT CHO LON       | 3  | M00000216553 | M00000216555 |
| 9816 | HO KINH DOANH MAT KINH DIEN BIEN PHU     | 3  | M00000090157 | M00000090159 |
| 9817 | HO KINH DOANH MAT KINH HOANG THI THEM    | 1  | M00000227813 | M00000227813 |
| 9818 | HO KINH DOANH MAT KINH MIA               | 19 | M00000135786 | M00000135804 |
| 9819 | HO KINH DOANH MAT KINH PHUONG            | 1  | M00000198470 | M00000198470 |
| 9820 | HO KINH DOANH MAT KINH SAI GON           | 2  | M00000150897 | M00000150898 |
| 9821 | HO KINH DOANH MAT KINH SAI GON           | 4  | M00000221588 | M00000221591 |
| 9822 | HO KINH DOANH MAT KINH SAI GON (TRUNG NA | 1  | M00000140984 | M00000140984 |
| 9823 | HO KINH DOANH MAT KINH THU TRANG         | 2  | M00000222385 | M00000222386 |
| 9824 | HO KINH DOANH MAY BEAUTY                 | 1  | M00000048402 | M00000048402 |
| 9825 | HO KINH DOANH MAY BOM NUOC LAM THANG     | 1  | M00000044619 | M00000044619 |
| 9826 | HO KINH DOANH MAY CORNER                 | 1  | M00000055052 | M00000055052 |
| 9827 | HO KINH DOANH MAY GARDEN                 | 9  | M00000203479 | M00000203487 |
| 9828 | HO KINH DOANH MAY HAN DUNG NGUYEN        | 3  | M00000221680 | M00000221682 |
| 9829 | HO KINH DOANH MAY SPA                    | 1  | M00000156066 | M00000156066 |
| 9830 | HO KINH DOANH MBY                        | 4  | M00000046781 | M00000046784 |
| 9831 | HO KINH DOANH MC BROWS & SPA             | 1  | M00000054885 | M00000054885 |
| 9832 | HO KINH DOANH ME BAU VA BE CUNG          | 1  | M00000083843 | M00000083843 |
| 9833 | HO KINH DOANH MEKOONG                    | 2  | M00000217891 | M00000217892 |
| 9834 | HO KINH DOANH MELY                       | 2  | M00000221372 | M00000221373 |
| 9835 | HO KINH DOANH MERA'S                     | 2  | M00000221575 | M00000221576 |
| 9836 | HO KINH DOANH MF SPA                     | 37 | M00000021171 | M00000021207 |
| 9837 | HO KINH DOANH MFIX                       | 93 | M00000044920 | M00000045012 |
| 9838 | HO KINH DOANH MI CAY TRUC LY             | 27 | M00000227279 | M00000227305 |
| 9839 | HO KINH DOANH MI NHAT OSAKA              | 2  | M00000223861 | M00000223862 |
| 9840 | HO KINH DOANH MI QUAN DAI GIA PHU        | 1  | M00000223816 | M00000223816 |
| 9841 | HO KINH DOANH MI QUANG HAI VI            | 1  | M00000146090 | M00000146090 |
| 9842 | HO KINH DOANH MI QUANG-BEP MUA           | 5  | M00000146904 | M00000146908 |
| 9843 | HO KINH DOANH MIA CAFE 1                 | 9  | M00000156572 | M00000156580 |
| 9844 | HO KINH DOANH MIA GYM                    | 1  | M00000092800 | M00000092800 |
| 9845 | HO KINH DOANH MIA LYN SPA                | 1  | M00000061278 | M00000061278 |
| 9846 | HO KINH DOANH MIC MIC                    | 1  | M00000140147 | M00000140147 |
| 9847 | HO KINH DOANH MIDORI                     | 50 | M00000143762 | M00000143811 |
| 9848 | HO KINH DOANH MIE NAIL                   | 1  | M00000221709 | M00000221709 |
| 9849 | HO KINH DOANH MIE SHOP                   | 2  | M00000081949 | M00000081950 |
| 9850 | HO KINH DOANH MIMI BOX                   | 1  | M00000156811 | M00000156811 |
| 9851 | HO KINH DOANH MIMI COFFEE                | 1  | M00000147861 | M00000147861 |
| 9852 | HO KINH DOANH MINA HOME-HOMESTAY BMT 1   | 10 | M00000141225 | M00000141234 |
| 9853 | HO KINH DOANH MINAMI                     | 2  | M00000020100 | M00000020101 |
| 9854 | HO KINH DOANH MINE HOMESPA               | 1  | M00000083386 | M00000083386 |
| 9855 | HO KINH DOANH MINH ANH                   | 3  | M00000203942 | M00000203944 |
| 9856 | HO KINH DOANH MINH ANH HOUSE             | 1  | M00000140302 | M00000140302 |
| 9857 | HO KINH DOANH MINH ANH KHOA              | 5  | M00000204193 | M00000204197 |
| 9858 | HO KINH DOANH MINH ANH WEARING           | 1  | M00000074137 | M00000074137 |
| 9859 | HO KINH DOANH MINH DANG MART             | 1  | M00000084959 | M00000084959 |
| 9860 | HO KINH DOANH MINH DAT                   | 1  | M00000145914 | M00000145914 |

|      |                                        |    |              |              |
|------|----------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9861 | HO KINH DOANH MINH HAI AUTO            | 1  | M00000146326 | M00000146326 |
| 9862 | HO KINH DOANH MINH HANH 86             | 37 | M00000075998 | M00000076034 |
| 9863 | HO KINH DOANH MINH HIEU 78             | 1  | M00000219298 | M00000219298 |
| 9864 | HO KINH DOANH MINH HOAN QUAN           | 2  | M00000147634 | M00000147635 |
| 9865 | HO KINH DOANH MINH HOANG - NGOC LINH   | 6  | M00000084925 | M00000084930 |
| 9866 | HO KINH DOANH MINH KHANG               | 3  | M00000048423 | M00000048425 |
| 9867 | HO KINH DOANH MINH MINH GARDEN         | 1  | M00000149498 | M00000149498 |
| 9868 | HO KINH DOANH MINH NHAT                | 2  | M00000142187 | M00000142188 |
| 9869 | HO KINH DOANH MINH PHUONG              | 7  | M00000073044 | M00000073050 |
| 9870 | HO KINH DOANH MINH QUY MOBILE          | 2  | M00000072227 | M00000072228 |
| 9871 | HO KINH DOANH MINH THANH               | 1  | M00000187860 | M00000187860 |
| 9872 | HO KINH DOANH MINH TIN                 | 1  | M00000084069 | M00000084069 |
| 9873 | HO KINH DOANH MINH TRUNG               | 4  | M00000093257 | M00000093260 |
| 9874 | HO KINH DOANH MINI MART DUNG VUI       | 12 | M00000149585 | M00000149596 |
| 9875 | HO KINH DOANH MINT KIDS                | 1  | M00000145944 | M00000145944 |
| 9876 | HO KINH DOANH MIO MART                 | 18 | M00000032209 | M00000032226 |
| 9877 | HO KINH DOANH MIRAN                    | 4  | M00000043142 | M00000043145 |
| 9878 | HO KINH DOANH MISA HANG HIEU XUAT KHAU | 1  | M00000190011 | M00000190011 |
| 9879 | HO KINH DOANH MIXU BOX                 | 1  | M00000155243 | M00000155243 |
| 9880 | HO KINH DOANH MIXUE                    | 5  | M00000155705 | M00000155709 |
| 9881 | HO KINH DOANH MIXUE CAM THUY           | 4  | M00000075637 | M00000075640 |
| 9882 | HO KINH DOANH MJ BEAUTY PLUS           | 1  | M00000045968 | M00000045968 |
| 9883 | HO KINH DOANH MOC AN SPA               | 2  | M00000141563 | M00000141564 |
| 9884 | HO KINH DOANH MOC NHIEU GARDEN COFFEE  | 1  | M00000150721 | M00000150721 |
| 9885 | HO KINH DOANH MOC QUAN                 | 2  | M00000042536 | M00000042537 |
| 9886 | HO KINH DOANH MOC QUAN OC              | 3  | M00000091821 | M00000091823 |
| 9887 | HO KINH DOANH MOLLYNISTA               | 1  | M00000204164 | M00000204164 |
| 9888 | HO KINH DOANH MON COFFE                | 3  | M00000072429 | M00000072431 |
| 9889 | HO KINH DOANH MON KHOI                 | 1  | M00000082628 | M00000082628 |
| 9890 | HO KINH DOANH MONAROSA MAKEUP          | 1  | M00000044764 | M00000044764 |
| 9891 | HO KINH DOANH MOND SPA                 | 1  | M00000117191 | M00000117191 |
| 9892 | HO KINH DOANH MONG TRAM BANH CO REP    | 1  | M00000072988 | M00000072988 |
| 9893 | HO KINH DOANH MONOPI PETSHOP           | 1  | M00000198990 | M00000198990 |
| 9894 | HO KINH DOANH MOOD                     | 2  | M00000153259 | M00000153260 |
| 9895 | HO KINH DOANH MOON BEAUTY SPA HA NOI   | 3  | M00000042930 | M00000042932 |
| 9896 | HO KINH DOANH MOON TEA                 | 1  | M00000040525 | M00000040525 |
| 9897 | HO KINH DOANH MOORIS                   | 8  | M00000217376 | M00000217383 |
| 9898 | HO KINH DOANH MOSEF                    | 5  | M00000190280 | M00000190284 |
| 9899 | HO KINH DOANH MOT MET LONG             | 4  | M00000073610 | M00000073613 |
| 9900 | HO KINH DOANH MOTOR CITY               | 1  | M00000227805 | M00000227805 |
| 9901 | HO KINH DOANH MR VEST                  | 1  | M00000016848 | M00000016848 |
| 9902 | HO KINH DOANH MR.GOOD TEA              | 3  | M00000146269 | M00000146271 |
| 9903 | HO KINH DOANH MS HUYEN ENGLISH         | 2  | M00000216410 | M00000216411 |
| 9904 | HO KINH DOANH MUA THU HA NOI           | 1  | M00000037973 | M00000037973 |
| 9905 | HO KINH DOANH MUDRA                    | 1  | M00000224258 | M00000224258 |
| 9906 | HO KINH DOANH MUN                      | 3  | M00000044886 | M00000044888 |
| 9907 | HO KINH DOANH MUSE                     | 3  | M00000045954 | M00000045956 |
| 9908 | HO KINH DOANH MUSEUM SOUVENIR SHOP     | 10 | M00000035032 | M00000035041 |
| 9909 | HO KINH DOANH MY BINH                  | 2  | M00000124251 | M00000124252 |
| 9910 | HO KINH DOANH MY CAY SEOUL             | 41 | M00000141920 | M00000141960 |
| 9911 | HO KINH DOANH MY DUC 2                 | 1  | M00000079384 | M00000079384 |
| 9912 | HO KINH DOANH MY DUNG                  | 1  | M00000125055 | M00000125055 |
| 9913 | HO KINH DOANH MY DUNG                  | 2  | M00000128917 | M00000128918 |
| 9914 | HO KINH DOANH MY DUNG                  | 2  | M00000216515 | M00000216516 |
| 9915 | HO KINH DOANH MY LE                    | 1  | M00000152848 | M00000152848 |
| 9916 | HO KINH DOANH MY LE                    | 15 | M00000218976 | M00000218990 |
| 9917 | HO KINH DOANH MY PHAM BONBON           | 1  | M00000026206 | M00000026206 |
| 9918 | HO KINH DOANH MY PHAM HUONG ANH        | 2  | M00000069099 | M00000069100 |
| 9919 | HO KINH DOANH MY PHO                   | 1  | M00000090640 | M00000090640 |
| 9920 | HO KINH DOANH MY THO SNEAKER           | 2  | M00000082337 | M00000082338 |
| 9921 | HO KINH DOANH MY TRAM BEAUTY & ACADEMY | 3  | M00000150005 | M00000150007 |
| 9922 | HO KINH DOANH MYA CAFE & STAY          | 1  | M00000074981 | M00000074981 |
| 9923 | HO KINH DOANH MY'S                     | 2  | M00000140428 | M00000140429 |
| 9924 | HO KINH DOANH MYS SPA NHA TRANG 2      | 1  | M00000140868 | M00000140868 |
| 9925 | HO KINH DOANH NAGE                     | 5  | M00000193708 | M00000193712 |
| 9926 | HO KINH DOANH NAHEE BEAUTY & ACADEMY   | 2  | M00000142172 | M00000142173 |
| 9927 | HO KINH DOANH NAM RI                   | 7  | M00000087259 | M00000087265 |
| 9928 | HO KINH DOANH NAM TUAN                 | 2  | M00000089982 | M00000089983 |

|      |                                       |     |              |              |
|------|---------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 9929 | HO KINH DOANH NARI BEAUTY SPA         | 1   | M00000040558 | M00000040558 |
| 9930 | HO KINH DOANH NATHAN TRAN             | 8   | M00000218565 | M00000218572 |
| 9931 | HO KINH DOANH NAU NAU                 | 2   | M00000146158 | M00000146159 |
| 9932 | HO KINH DOANH NAVY SPA                | 4   | M00000222775 | M00000222778 |
| 9933 | HO KINH DOANH NET QUE 99              | 2   | M00000093150 | M00000093151 |
| 9934 | HO KINH DOANH NEW AGE SPORTS          | 1   | M00000209161 | M00000209161 |
| 9935 | HO KINH DOANH NEW SPORT HAI DUONG     | 5   | M00000055025 | M00000055029 |
| 9936 | HO KINH DOANH NEWSEOUL5               | 5   | M00000023266 | M00000023270 |
| 9937 | HO KINH DOANH NGA DUNG 1              | 2   | M00000040548 | M00000040549 |
| 9938 | HO KINH DOANH NGA SHOP                | 1   | M00000140298 | M00000140298 |
| 9939 | HO KINH DOANH NGAN GIA PHAT           | 5   | M00000150638 | M00000150642 |
| 9940 | HO KINH DOANH NGHIA                   | 13  | M00000222732 | M00000222744 |
| 9941 | HO KINH DOANH NGHIEM DINH DOAN        | 1   | M00000027844 | M00000027844 |
| 9942 | HO KINH DOANH NGHIEM THI BIEN         | 1   | M00000044615 | M00000044615 |
| 9943 | HO KINH DOANH NGHIEM THI NGAN         | 2   | M00000073520 | M00000073521 |
| 9944 | HO KINH DOANH NGO DINH DUC LONG       | 2   | M00000071161 | M00000071162 |
| 9945 | HO KINH DOANH NGO DUC VAN             | 15  | M00000046238 | M00000046252 |
| 9946 | HO KINH DOANH NGO KIM CUC             | 1   | M00000041603 | M00000041603 |
| 9947 | HO KINH DOANH NGO KY NAM              | 1   | M00000030915 | M00000030915 |
| 9948 | HO KINH DOANH NGO NGOC LY             | 6   | M00000068757 | M00000068762 |
| 9949 | HO KINH DOANH NGO THANH BINH          | 1   | M00000133763 | M00000133763 |
| 9950 | HO KINH DOANH NGO THANH GIANG         | 63  | M00000075766 | M00000075828 |
| 9951 | HO KINH DOANH NGO THI ANH             | 13  | M00000133729 | M00000133741 |
| 9952 | HO KINH DOANH NGO THI DAO             | 1   | M00000150008 | M00000150008 |
| 9953 | HO KINH DOANH NGO THI HA              | 1   | M00000073604 | M00000073604 |
| 9954 | HO KINH DOANH NGO THI HA VY           | 1   | M00000140295 | M00000140295 |
| 9955 | HO KINH DOANH NGO THI HANG            | 3   | M00000075833 | M00000075835 |
| 9956 | HO KINH DOANH NGO THI HUYEN           | 2   | M00000076774 | M00000076775 |
| 9957 | HO KINH DOANH NGO THI LOAN 1994       | 2   | M00000071107 | M00000071108 |
| 9958 | HO KINH DOANH NGO THI PHI NGA         | 19  | M00000040889 | M00000040907 |
| 9959 | HO KINH DOANH NGO THI THANH TRINH     | 14  | M00000218517 | M00000218530 |
| 9960 | HO KINH DOANH NGO THI XUAN 1969       | 1   | M00000048163 | M00000048163 |
| 9961 | HO KINH DOANH NGO TIEN TRUNG          | 2   | M00000048421 | M00000048422 |
| 9962 | HO KINH DOANH NGO VAN TU              | 1   | M00000057271 | M00000057271 |
| 9963 | HO KINH DOANH NGO VAN VAN             | 2   | M00000057708 | M00000057709 |
| 9964 | HO KINH DOANH NGO XUAN PHUC           | 1   | M00000046630 | M00000046630 |
| 9965 | HO KINH DOANH NGOAI NGU THAY ANH      | 1   | M00000223988 | M00000223988 |
| 9966 | HO KINH DOANH NGOC CUONG              | 5   | M00000084482 | M00000084486 |
| 9967 | HO KINH DOANH NGOC HUONG SPA          | 1   | M00000189614 | M00000189614 |
| 9968 | HO KINH DOANH NGOC LICH               | 4   | M00000119418 | M00000119421 |
| 9969 | HO KINH DOANH NGOC MINH MOTOR         | 1   | M00000215528 | M00000215528 |
| 9970 | HO KINH DOANH NGOC NAIL 12            | 2   | M00000046610 | M00000046611 |
| 9971 | HO KINH DOANH NGOC NGAN               | 1   | M00000086747 | M00000086747 |
| 9972 | HO KINH DOANH NGOC NHU                | 1   | M00000218477 | M00000218477 |
| 9973 | HO KINH DOANH NGOC NU GEMS            | 1   | M00000150073 | M00000150073 |
| 9974 | HO KINH DOANH NGOC OANH               | 141 | M00000085441 | M00000085581 |
| 9975 | HO KINH DOANH NGOC SON                | 2   | M00000223135 | M00000223136 |
| 9976 | HO KINH DOANH NGOC THO                | 1   | M00000195449 | M00000195449 |
| 9977 | HO KINH DOANH NGOC THUY BEAUTY        | 2   | M00000085126 | M00000085127 |
| 9978 | HO KINH DOANH NGOC TOAN HAI           | 2   | M00000191464 | M00000191465 |
| 9979 | HO KINH DOANH NGOC TRAI VONG VIENG    | 3   | M00000061396 | M00000061398 |
| 9980 | HO KINH DOANH NGON LANH FRUITS & MORE | 1   | M00000043069 | M00000043069 |
| 9981 | HO KINH DOANH NGON SO 1               | 57  | M00000221026 | M00000221082 |
| 9982 | HO KINH DOANH NGON SO 1               | 77  | M00000221122 | M00000221198 |
| 9983 | HO KINH DOANH NGU BICH VAN            | 4   | M00000216931 | M00000216934 |
| 9984 | HO KINH DOANH NGU VAN CO CAM LE       | 1   | M00000150811 | M00000150811 |
| 9985 | HO KINH DOANH NGUOI HA NOI SANH AN    | 19  | M00000019721 | M00000019739 |
| 9986 | HO KINH DOANH NGUYEN AN DUNG          | 1   | M00000072411 | M00000072411 |
| 9987 | HO KINH DOANH NGUYEN ANH TU           | 1   | M00000063278 | M00000063278 |
| 9988 | HO KINH DOANH NGUYEN BA HOANG         | 8   | M00000072232 | M00000072239 |
| 9989 | HO KINH DOANH NGUYEN BINH 2           | 1   | M00000210454 | M00000210454 |
| 9990 | HO KINH DOANH NGUYEN CAO QUOC         | 1   | M00000044589 | M00000044589 |
| 9991 | HO KINH DOANH NGUYEN CHI NGHIA        | 41  | M00000091058 | M00000091098 |
| 9992 | HO KINH DOANH NGUYEN CHI TAM          | 1   | M00000145909 | M00000145909 |
| 9993 | HO KINH DOANH NGUYEN CHUONG           | 1   | M00000117265 | M00000117265 |
| 9994 | HO KINH DOANH NGUYEN COFFEE           | 4   | M00000085172 | M00000085175 |
| 9995 | HO KINH DOANH NGUYEN CONG             | 3   | M00000032156 | M00000032158 |
| 9996 | HO KINH DOANH NGUYEN CONG THANH       | 1   | M00000128446 | M00000128446 |

|       |                                      |    |              |              |
|-------|--------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 9997  | HO KINH DOANH NGUYEN DANG HUYNH 1979 | 3  | M00000046235 | M00000046237 |
| 9998  | HO KINH DOANH NGUYEN DAO BAO NGAN    | 2  | M00000045292 | M00000045293 |
| 9999  | HO KINH DOANH NGUYEN DINH DAT        | 3  | M00000070137 | M00000070139 |
| 10000 | HO KINH DOANH NGUYEN DINH THAO       | 3  | M00000142222 | M00000142224 |
| 10001 | HO KINH DOANH NGUYEN DUC BAO         | 1  | M00000155242 | M00000155242 |
| 10002 | HO KINH DOANH NGUYEN DUC DAT         | 15 | M00000043107 | M00000043121 |
| 10003 | HO KINH DOANH NGUYEN DUC MINH 2021   | 1  | M00000156927 | M00000156927 |
| 10004 | HO KINH DOANH NGUYEN DUC THU HN      | 12 | M00000039900 | M00000039911 |
| 10005 | HO KINH DOANH NGUYEN DUC XUAN 1984   | 7  | M00000076083 | M00000076089 |
| 10006 | HO KINH DOANH NGUYEN DUY CUONG       | 8  | M00000133937 | M00000133944 |
| 10007 | HO KINH DOANH NGUYEN DUY DAN         | 3  | M00000046196 | M00000046198 |
| 10008 | HO KINH DOANH NGUYEN DUY NHAT        | 2  | M00000054623 | M00000054624 |
| 10009 | HO KINH DOANH NGUYEN DUY THANH       | 3  | M00000068953 | M00000068955 |
| 10010 | HO KINH DOANH NGUYEN HA NHI          | 3  | M00000145741 | M00000145743 |
| 10011 | HO KINH DOANH NGUYEN HA THUAN        | 2  | M00000042985 | M00000042986 |
| 10012 | HO KINH DOANH NGUYEN HAI             | 3  | M00000143812 | M00000143814 |
| 10013 | HO KINH DOANH NGUYEN HAI HA          | 1  | M00000072229 | M00000072229 |
| 10014 | HO KINH DOANH NGUYEN HAIR            | 2  | M00000046982 | M00000046983 |
| 10015 | HO KINH DOANH NGUYEN HOANG ANH       | 3  | M00000064932 | M00000064934 |
| 10016 | HO KINH DOANH NGUYEN HOANG NHAT TAN  | 1  | M00000124240 | M00000124240 |
| 10017 | HO KINH DOANH NGUYEN HOANG THU MINH  | 2  | M00000124632 | M00000124633 |
| 10018 | HO KINH DOANH NGUYEN HONG GIANG      | 4  | M00000153499 | M00000153502 |
| 10019 | HO KINH DOANH NGUYEN HONG HOA        | 5  | M00000220586 | M00000220590 |
| 10020 | HO KINH DOANH NGUYEN HUNG VIET       | 1  | M00000032170 | M00000032170 |
| 10021 | HO KINH DOANH NGUYEN HUU HOAN        | 7  | M00000224510 | M00000224516 |
| 10022 | HO KINH DOANH NGUYEN HUU LOC         | 1  | M00000140520 | M00000140520 |
| 10023 | HO KINH DOANH NGUYEN HUU TIEN        | 2  | M00000120974 | M00000120975 |
| 10024 | HO KINH DOANH NGUYEN HUY HUE         | 16 | M00000059241 | M00000059256 |
| 10025 | HO KINH DOANH NGUYEN HUY KHIEN       | 1  | M00000065396 | M00000065396 |
| 10026 | HO KINH DOANH NGUYEN KHAC HAI        | 2  | M00000039524 | M00000039525 |
| 10027 | HO KINH DOANH NGUYEN KHANH TUNG      | 2  | M00000074622 | M00000074623 |
| 10028 | HO KINH DOANH NGUYEN KIEU ANH        | 8  | M00000019677 | M00000019684 |
| 10029 | HO KINH DOANH NGUYEN KIM NHAT        | 4  | M00000071062 | M00000071065 |
| 10030 | HO KINH DOANH NGUYEN KY              | 2  | M00000218306 | M00000218307 |
| 10031 | HO KINH DOANH NGUYEN KY MANH         | 7  | M00000074057 | M00000074063 |
| 10032 | HO KINH DOANH NGUYEN LAI             | 7  | M00000139703 | M00000139709 |
| 10033 | HO KINH DOANH NGUYEN LAN             | 1  | M00000149774 | M00000149774 |
| 10034 | HO KINH DOANH NGUYEN LAN PHUONG      | 7  | M00000027456 | M00000027462 |
| 10035 | HO KINH DOANH NGUYEN LOAN TN         | 1  | M00000227266 | M00000227266 |
| 10036 | HO KINH DOANH NGUYEN LUONG KHANH     | 2  | M00000146113 | M00000146114 |
| 10037 | HO KINH DOANH NGUYEN LY - QUAN GA    | 67 | M00000220959 | M00000221025 |
| 10038 | HO KINH DOANH NGUYEN MANH HA         | 3  | M00000029156 | M00000029158 |
| 10039 | HO KINH DOANH NGUYEN MANH HUNG       | 3  | M00000149997 | M00000149999 |
| 10040 | HO KINH DOANH NGUYEN MINH LOC        | 2  | M00000224517 | M00000224518 |
| 10041 | HO KINH DOANH NGUYEN MINH PHUONG     | 10 | M00000042798 | M00000042807 |
| 10042 | HO KINH DOANH NGUYEN NA              | 4  | M00000194589 | M00000194592 |
| 10043 | HO KINH DOANH NGUYEN NAM HA          | 1  | M00000154312 | M00000154312 |
| 10044 | HO KINH DOANH NGUYEN NANG TAI        | 2  | M00000074271 | M00000074272 |
| 10045 | HO KINH DOANH NGUYEN NGOC HUNG       | 44 | M00000019573 | M00000019616 |
| 10046 | HO KINH DOANH NGUYEN NGOC LINH TIEN  | 14 | M00000129987 | M00000130000 |
| 10047 | HO KINH DOANH NGUYEN NGOC TUYEN      | 3  | M00000073442 | M00000073444 |
| 10048 | HO KINH DOANH NGUYEN NGOC VY 106H    | 15 | M00000224614 | M00000224628 |
| 10049 | HO KINH DOANH NGUYEN NHU HOAN        | 5  | M00000070907 | M00000070911 |
| 10050 | HO KINH DOANH NGUYEN NHUNG           | 3  | M00000199003 | M00000199005 |
| 10051 | HO KINH DOANH NGUYEN PHAM QUYNH ANH  | 1  | M00000068980 | M00000068980 |
| 10052 | HO KINH DOANH NGUYEN PHUONG          | 9  | M00000219198 | M00000219206 |
| 10053 | HO KINH DOANH NGUYEN PHUONG LY       | 2  | M00000021765 | M00000021766 |
| 10054 | HO KINH DOANH NGUYEN PHUONG THU 1992 | 1  | M00000074019 | M00000074019 |
| 10055 | HO KINH DOANH NGUYEN QUANG VINH      | 4  | M00000224049 | M00000224052 |
| 10056 | HO KINH DOANH NGUYEN QUOC TUAN       | 1  | M00000156912 | M00000156912 |
| 10057 | HO KINH DOANH NGUYEN TAN THANH       | 19 | M00000084935 | M00000084953 |
| 10058 | HO KINH DOANH NGUYEN TAT BAO NHAN    | 3  | M00000148917 | M00000148919 |
| 10059 | HO KINH DOANH NGUYEN THANG           | 4  | M00000034989 | M00000034992 |
| 10060 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH           | 4  | M00000205757 | M00000205760 |
| 10061 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH BINH 1984 | 4  | M00000043226 | M00000043229 |
| 10062 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH CHUNG     | 2  | M00000076677 | M00000076678 |
| 10063 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH HAI       | 3  | M00000209374 | M00000209376 |
| 10064 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH HAU       | 2  | M00000226579 | M00000226580 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10065 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH HUYEN - 16A H | 2  | M00000029963 | M00000029964 |
| 10066 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH MAI 1995      | 7  | M00000043073 | M00000043079 |
| 10067 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH NGOC UYEN     | 1  | M00000124519 | M00000124519 |
| 10068 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH PHONG         | 9  | M00000149717 | M00000149725 |
| 10069 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH SON SORA      | 1  | M00000156934 | M00000156934 |
| 10070 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH TAM 2         | 1  | M00000220624 | M00000220624 |
| 10071 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH TRUONG NGA    | 1  | M00000225722 | M00000225722 |
| 10072 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH TUAN          | 5  | M00000114483 | M00000114487 |
| 10073 | HO KINH DOANH NGUYEN THANH VUI           | 1  | M00000145560 | M00000145560 |
| 10074 | HO KINH DOANH NGUYEN THE DUONG           | 1  | M00000068924 | M00000068924 |
| 10075 | HO KINH DOANH NGUYEN THE HAI             | 1  | M00000224106 | M00000224106 |
| 10076 | HO KINH DOANH NGUYEN THE HONG XAY DUNG   | 8  | M00000226289 | M00000226296 |
| 10077 | HO KINH DOANH NGUYEN THE YEN             | 1  | M00000031093 | M00000031093 |
| 10078 | HO KINH DOANH NGUYEN THI AI LY           | 1  | M00000152506 | M00000152506 |
| 10079 | HO KINH DOANH NGUYEN THI AI VAN          | 5  | M00000019300 | M00000019304 |
| 10080 | HO KINH DOANH NGUYEN THI AN              | 1  | M00000073013 | M00000073013 |
| 10081 | HO KINH DOANH NGUYEN THI AN              | 6  | M00000153889 | M00000153894 |
| 10082 | HO KINH DOANH NGUYEN THI ANH             | 4  | M00000065932 | M00000065935 |
| 10083 | HO KINH DOANH NGUYEN THI ANH 1           | 2  | M00000091816 | M00000091817 |
| 10084 | HO KINH DOANH NGUYEN THI ANH TUYET       | 1  | M00000152959 | M00000152959 |
| 10085 | HO KINH DOANH NGUYEN THI BAC             | 1  | M00000061971 | M00000061971 |
| 10086 | HO KINH DOANH NGUYEN THI BE              | 1  | M00000121405 | M00000121405 |
| 10087 | HO KINH DOANH NGUYEN THI BICH HUONG      | 1  | M00000072268 | M00000072268 |
| 10088 | HO KINH DOANH NGUYEN THI BINH 1983       | 3  | M00000065489 | M00000065491 |
| 10089 | HO KINH DOANH NGUYEN THI CHIU            | 5  | M00000071924 | M00000071928 |
| 10090 | HO KINH DOANH NGUYEN THI CHUNG           | 5  | M00000068214 | M00000068218 |
| 10091 | HO KINH DOANH NGUYEN THI CUC HOA         | 2  | M00000153202 | M00000153203 |
| 10092 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DA LE           | 1  | M00000143283 | M00000143283 |
| 10093 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DAO             | 1  | M00000090663 | M00000090663 |
| 10094 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DIEU PT         | 1  | M00000150906 | M00000150906 |
| 10095 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DINH            | 3  | M00000143826 | M00000143828 |
| 10096 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DINH            | 2  | M00000220177 | M00000220178 |
| 10097 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DINH 1978       | 1  | M00000071959 | M00000071959 |
| 10098 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DIU             | 1  | M00000076801 | M00000076801 |
| 10099 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DUOC 52         | 6  | M00000068597 | M00000068602 |
| 10100 | HO KINH DOANH NGUYEN THI DUYEN           | 4  | M00000043122 | M00000043125 |
| 10101 | HO KINH DOANH NGUYEN THI GIANG 86 HD     | 1  | M00000043950 | M00000043950 |
| 10102 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HAI VAN 2       | 1  | M00000152272 | M00000152272 |
| 10103 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HANG            | 1  | M00000055046 | M00000055046 |
| 10104 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HANG            | 1  | M00000071683 | M00000071683 |
| 10105 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HANH            | 2  | M00000141040 | M00000141041 |
| 10106 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HOA             | 1  | M00000071936 | M00000071936 |
| 10107 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HOAI 1966       | 8  | M00000153261 | M00000153268 |
| 10108 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HOI             | 3  | M00000074951 | M00000074953 |
| 10109 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HOI             | 27 | M00000146581 | M00000146607 |
| 10110 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HONG            | 5  | M00000043322 | M00000043326 |
| 10111 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HONG            | 3  | M00000072033 | M00000072035 |
| 10112 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HONG NHUNG 1996 | 18 | M00000144911 | M00000144928 |
| 10113 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HONG THUY       | 3  | M00000147507 | M00000147509 |
| 10114 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUE             | 2  | M00000017824 | M00000017825 |
| 10115 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUE             | 2  | M00000071528 | M00000071529 |
| 10116 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUONG           | 12 | M00000141465 | M00000141476 |
| 10117 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUONG (NTH)     | 5  | M00000154296 | M00000154300 |
| 10118 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUONG 1994      | 1  | M00000070140 | M00000070140 |
| 10119 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUONG 74        | 1  | M00000043031 | M00000043031 |
| 10120 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUONG 81        | 3  | M00000065300 | M00000065302 |
| 10121 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUONG TRA       | 4  | M00000155781 | M00000155784 |
| 10122 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUYEN           | 8  | M00000192003 | M00000192010 |
| 10123 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUYEN 1978      | 3  | M00000041607 | M00000041609 |
| 10124 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUYEN 1979      | 7  | M00000153217 | M00000153223 |
| 10125 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUYEN 1987      | 1  | M00000075014 | M00000075014 |
| 10126 | HO KINH DOANH NGUYEN THI HUYEN TRANG     | 1  | M00000073455 | M00000073455 |
| 10127 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIEU TRANG      | 4  | M00000035758 | M00000035761 |
| 10128 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIM ANH         | 1  | M00000125237 | M00000125237 |
| 10129 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIM CHAU        | 7  | M00000153630 | M00000153636 |
| 10130 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIM DUNG        | 7  | M00000195365 | M00000195371 |
| 10131 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIM HIEN        | 3  | M00000150725 | M00000150727 |
| 10132 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIM HUE 849     | 4  | M00000209162 | M00000209165 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10133 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIM OANH 1996   | 2  | M00000149606 | M00000149607 |
| 10134 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIM SEN         | 7  | M00000125113 | M00000125119 |
| 10135 | HO KINH DOANH NGUYEN THI KIM THAO        | 1  | M00000188662 | M00000188662 |
| 10136 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LA              | 1  | M00000147364 | M00000147364 |
| 10137 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LAN             | 1  | M00000043158 | M00000043158 |
| 10138 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LAN             | 1  | M00000076458 | M00000076458 |
| 10139 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LAN             | 4  | M00000225389 | M00000225392 |
| 10140 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LEN             | 3  | M00000030791 | M00000030793 |
| 10141 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LIEN 1983       | 2  | M00000068843 | M00000068844 |
| 10142 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LIEU 82         | 3  | M00000048428 | M00000048430 |
| 10143 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LINH            | 1  | M00000156765 | M00000156765 |
| 10144 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LOAN            | 1  | M00000043898 | M00000043898 |
| 10145 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LOAN            | 5  | M00000061073 | M00000061077 |
| 10146 | HO KINH DOANH NGUYEN THI LUYEN           | 2  | M00000027913 | M00000027914 |
| 10147 | HO KINH DOANH NGUYEN THI MAI             | 1  | M00000135228 | M00000135228 |
| 10148 | HO KINH DOANH NGUYEN THI MAI             | 14 | M00000149777 | M00000149790 |
| 10149 | HO KINH DOANH NGUYEN THI MAN             | 1  | M00000071597 | M00000071597 |
| 10150 | HO KINH DOANH NGUYEN THI MAU             | 1  | M00000073456 | M00000073456 |
| 10151 | HO KINH DOANH NGUYEN THI ME RY           | 1  | M00000152832 | M00000152832 |
| 10152 | HO KINH DOANH NGUYEN THI MIEN            | 3  | M00000149919 | M00000149921 |
| 10153 | HO KINH DOANH NGUYEN THI MINH TUYET 1972 | 1  | M00000043846 | M00000043846 |
| 10154 | HO KINH DOANH NGUYEN THI MY 164          | 3  | M00000215981 | M00000215983 |
| 10155 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGA             | 1  | M00000199235 | M00000199235 |
| 10156 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGA (SHOP RUOU  | 6  | M00000213979 | M00000213984 |
| 10157 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGA 1989        | 1  | M00000046379 | M00000046379 |
| 10158 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGA 2026        | 1  | M00000047310 | M00000047310 |
| 10159 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGAN            | 16 | M00000224789 | M00000224804 |
| 10160 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGOC ANH        | 1  | M00000073577 | M00000073577 |
| 10161 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGOC BICH       | 2  | M00000125111 | M00000125112 |
| 10162 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGOC LOAN       | 1  | M00000031021 | M00000031021 |
| 10163 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NGUYEN          | 1  | M00000124814 | M00000124814 |
| 10164 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NHAN 1985       | 1  | M00000074958 | M00000074958 |
| 10165 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NHAN 1992       | 2  | M00000043314 | M00000043315 |
| 10166 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NHI             | 2  | M00000224427 | M00000224428 |
| 10167 | HO KINH DOANH NGUYEN THI NIEM            | 2  | M00000204284 | M00000204285 |
| 10168 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHU DUNG        | 4  | M00000122799 | M00000122802 |
| 10169 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHUONG          | 8  | M00000059438 | M00000059445 |
| 10170 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHUONG          | 27 | M00000071109 | M00000071135 |
| 10171 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHUONG ANH      | 1  | M00000134015 | M00000134015 |
| 10172 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHUONG CHI      | 36 | M00000187861 | M00000187896 |
| 10173 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHUONG NHI KT   | 2  | M00000152703 | M00000152704 |
| 10174 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHUONG THANH    | 3  | M00000155737 | M00000155739 |
| 10175 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHUONG THAO     | 3  | M00000084177 | M00000084179 |
| 10176 | HO KINH DOANH NGUYEN THI PHUONG THAO     | 1  | M00000121402 | M00000121402 |
| 10177 | HO KINH DOANH NGUYEN THI QUANG           | 2  | M00000091240 | M00000091241 |
| 10178 | HO KINH DOANH NGUYEN THI QUY             | 3  | M00000030813 | M00000030815 |
| 10179 | HO KINH DOANH NGUYEN THI QUYNH TRAM      | 1  | M00000040882 | M00000040882 |
| 10180 | HO KINH DOANH NGUYEN THI QUYNH TRANG     | 3  | M00000057322 | M00000057324 |
| 10181 | HO KINH DOANH NGUYEN THI SOT 1954        | 45 | M00000075951 | M00000075995 |
| 10182 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TAM             | 2  | M00000057280 | M00000057281 |
| 10183 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TAM 1989S       | 3  | M00000041499 | M00000041501 |
| 10184 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THANH           | 2  | M00000144685 | M00000144686 |
| 10185 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THANH HUONG     | 15 | M00000032466 | M00000032480 |
| 10186 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THANH NHAN      | 15 | M00000030481 | M00000030495 |
| 10187 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THO             | 5  | M00000153277 | M00000153281 |
| 10188 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THU             | 2  | M00000057536 | M00000057537 |
| 10189 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THU CHANG 95    | 5  | M00000045267 | M00000045271 |
| 10190 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THU HUYEN       | 5  | M00000114796 | M00000114800 |
| 10191 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THU LIEU        | 2  | M00000035996 | M00000035997 |
| 10192 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THU LOAN KT     | 2  | M00000156743 | M00000156744 |
| 10193 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THUAN 76        | 1  | M00000073360 | M00000073360 |
| 10194 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THUONG 1989     | 2  | M00000033178 | M00000033179 |
| 10195 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THUY 1975       | 5  | M00000074138 | M00000074142 |
| 10196 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THUY 1978       | 1  | M00000150300 | M00000150300 |
| 10197 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THUY LANH       | 24 | M00000083768 | M00000083791 |
| 10198 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THUY LINH       | 1  | M00000088279 | M00000088279 |
| 10199 | HO KINH DOANH NGUYEN THI THUY TIEN       | 1  | M00000089771 | M00000089771 |
| 10200 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TINH            | 5  | M00000047407 | M00000047411 |

|       |                                      |    |              |              |
|-------|--------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10201 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TRA GIANG 1 | 2  | M00000076171 | M00000076172 |
| 10202 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TRANG 1983  | 2  | M00000042035 | M00000042036 |
| 10203 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TRANG PHO   | 1  | M00000049340 | M00000049340 |
| 10204 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TRIEU       | 3  | M00000071555 | M00000071557 |
| 10205 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TRINH       | 1  | M00000133753 | M00000133753 |
| 10206 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TRUNG ANH   | 1  | M00000147373 | M00000147373 |
| 10207 | HO KINH DOANH NGUYEN THI TUYET CHINH | 1  | M00000073445 | M00000073445 |
| 10208 | HO KINH DOANH NGUYEN THI VAN         | 10 | M00000153977 | M00000153986 |
| 10209 | HO KINH DOANH NGUYEN THI VAN ANH     | 1  | M00000075893 | M00000075893 |
| 10210 | HO KINH DOANH NGUYEN THI VUONG       | 1  | M00000073567 | M00000073567 |
| 10211 | HO KINH DOANH NGUYEN THI VUONG 1961  | 2  | M00000043478 | M00000043479 |
| 10212 | HO KINH DOANH NGUYEN THI XUYEN       | 12 | M00000071584 | M00000071595 |
| 10213 | HO KINH DOANH NGUYEN THIEN THAO      | 3  | M00000067727 | M00000067729 |
| 10214 | HO KINH DOANH NGUYEN THU HA          | 3  | M00000019756 | M00000019758 |
| 10215 | HO KINH DOANH NGUYEN THU HA          | 6  | M00000068971 | M00000068976 |
| 10216 | HO KINH DOANH NGUYEN THU HANG        | 3  | M00000065355 | M00000065357 |
| 10217 | HO KINH DOANH NGUYEN THUY GIANG      | 4  | M00000142152 | M00000142155 |
| 10218 | HO KINH DOANH NGUYEN THUY LOI        | 1  | M00000070906 | M00000070906 |
| 10219 | HO KINH DOANH NGUYEN TIEN DUNG       | 1  | M00000224090 | M00000224090 |
| 10220 | HO KINH DOANH NGUYEN TRONG TIN       | 1  | M00000149474 | M00000149474 |
| 10221 | HO KINH DOANH NGUYEN TRONG TOAN      | 2  | M00000017053 | M00000017054 |
| 10222 | HO KINH DOANH NGUYEN TRUNG DUC       | 3  | M00000141554 | M00000141556 |
| 10223 | HO KINH DOANH NGUYEN TRUNG TUAN ANH  | 10 | M00000044870 | M00000044879 |
| 10224 | HO KINH DOANH NGUYEN TRUONG GIANG    | 2  | M00000061310 | M00000061311 |
| 10225 | HO KINH DOANH NGUYEN TRUONG NHAT     | 67 | M00000221246 | M00000221312 |
| 10226 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN AN          | 2  | M00000071873 | M00000071874 |
| 10227 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN BAO         | 2  | M00000152503 | M00000152504 |
| 10228 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN CAM         | 2  | M00000083410 | M00000083411 |
| 10229 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN CUONG       | 1  | M00000073614 | M00000073614 |
| 10230 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN DIEN        | 1  | M00000217230 | M00000217230 |
| 10231 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN DONG        | 4  | M00000223844 | M00000223847 |
| 10232 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN DUNG        | 1  | M00000219561 | M00000219561 |
| 10233 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN DUONG 65    | 3  | M00000045282 | M00000045284 |
| 10234 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN GIANG       | 1  | M00000146157 | M00000146157 |
| 10235 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN HACH        | 4  | M00000090104 | M00000090107 |
| 10236 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN HAN         | 3  | M00000030787 | M00000030789 |
| 10237 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN HAO 1       | 7  | M00000070797 | M00000070803 |
| 10238 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN HUAN 1998   | 3  | M00000075596 | M00000075598 |
| 10239 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN HUNG A      | 5  | M00000220463 | M00000220467 |
| 10240 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN HUONG       | 5  | M00000074350 | M00000074354 |
| 10241 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN KHANH       | 3  | M00000072111 | M00000072113 |
| 10242 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN LINH - 1993 | 7  | M00000071178 | M00000071184 |
| 10243 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN LOI 1976    | 1  | M00000142435 | M00000142435 |
| 10244 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN LUU         | 2  | M00000070351 | M00000070352 |
| 10245 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN MANH        | 2  | M00000044762 | M00000044763 |
| 10246 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN MANH 1985   | 1  | M00000046462 | M00000046462 |
| 10247 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN NGUYEN      | 1  | M00000074004 | M00000074004 |
| 10248 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN PHIEN       | 6  | M00000196327 | M00000196332 |
| 10249 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN PHUC        | 2  | M00000061758 | M00000061759 |
| 10250 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN PHUC        | 1  | M00000071682 | M00000071682 |
| 10251 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN QUAN 1974   | 2  | M00000065775 | M00000065776 |
| 10252 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN QUANG       | 2  | M00000074620 | M00000074621 |
| 10253 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN QUY         | 11 | M00000054715 | M00000054725 |
| 10254 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN QUYEN       | 1  | M00000075109 | M00000075109 |
| 10255 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN TAO         | 2  | M00000046386 | M00000046387 |
| 10256 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN TAP 2       | 3  | M00000068925 | M00000068927 |
| 10257 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN THIEN       | 1  | M00000207778 | M00000207778 |
| 10258 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN THINH       | 4  | M00000030684 | M00000030687 |
| 10259 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN THO 1973    | 3  | M00000074972 | M00000074974 |
| 10260 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN THU         | 4  | M00000070212 | M00000070215 |
| 10261 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN THUONG      | 14 | M00000062729 | M00000062742 |
| 10262 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN THUONG      | 1  | M00000074136 | M00000074136 |
| 10263 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN TINH 95     | 1  | M00000041031 | M00000041031 |
| 10264 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN TU          | 10 | M00000034752 | M00000034761 |
| 10265 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN TUAN        | 7  | M00000136953 | M00000136959 |
| 10266 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN TUYEN       | 1  | M00000023551 | M00000023551 |
| 10267 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN TY          | 2  | M00000144853 | M00000144854 |
| 10268 | HO KINH DOANH NGUYEN VAN VY 1981     | 7  | M00000045828 | M00000045834 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10269 | HO KINH DOANH NGUYEN VIET HUNG           | 10 | M00000044800 | M00000044809 |
| 10270 | HO KINH DOANH NGUYEN XUAN BO             | 27 | M00000137611 | M00000137637 |
| 10271 | HO KINH DOANH NGUYEN XUAN DUNG           | 1  | M00000135232 | M00000135232 |
| 10272 | HO KINH DOANH NGUYEN XUAN NGUYEN         | 4  | M00000072845 | M00000072848 |
| 10273 | HO KINH DOANH NGUYEN XUAN TIEN           | 1  | M00000152289 | M00000152289 |
| 10274 | HO KINH DOANH NGUYET NGUYEN              | 17 | M00000219173 | M00000219189 |
| 10275 | HO KINH DOANH NHA CAT                    | 1  | M00000125868 | M00000125868 |
| 10276 | HO KINH DOANH NHA CUA HY                 | 4  | M00000221365 | M00000221368 |
| 10277 | HO KINH DOANH NHA CUA SAM                | 5  | M00000044898 | M00000044902 |
| 10278 | HO KINH DOANH NHA HANG - CA PHE CHIC DON | 2  | M00000133742 | M00000133743 |
| 10279 | HO KINH DOANH NHA HANG - SANHO           | 34 | M00000145106 | M00000145139 |
| 10280 | HO KINH DOANH NHA HANG AN UONG 1960      | 4  | M00000039566 | M00000039569 |
| 10281 | HO KINH DOANH NHA HANG BA CHIA           | 13 | M00000043465 | M00000043477 |
| 10282 | HO KINH DOANH NHA HANG BIEN MO           | 1  | M00000067681 | M00000067681 |
| 10283 | HO KINH DOANH NHA HANG BUN CA            | 11 | M00000034967 | M00000034977 |
| 10284 | HO KINH DOANH NHA HANG CA BAY            | 49 | M00000130173 | M00000130221 |
| 10285 | HO KINH DOANH NHA HANG COM NIEU KHE      | 1  | M00000210443 | M00000210443 |
| 10286 | HO KINH DOANH NHA HANG GALBI             | 3  | M00000068207 | M00000068209 |
| 10287 | HO KINH DOANH NHA HANG GIANG SON         | 1  | M00000076460 | M00000076460 |
| 10288 | HO KINH DOANH NHA HANG HAI DUONG         | 3  | M00000068391 | M00000068393 |
| 10289 | HO KINH DOANH NHA HANG JUNA              | 25 | M00000040628 | M00000040652 |
| 10290 | HO KINH DOANH NHA HANG KIM GA NE         | 2  | M00000219669 | M00000219670 |
| 10291 | HO KINH DOANH NHA HANG LUA VANG          | 7  | M00000134890 | M00000134896 |
| 10292 | HO KINH DOANH NHA HANG MAN               | 1  | M00000138114 | M00000138114 |
| 10293 | HO KINH DOANH NHA HANG NGUYEN MINH NGOC  | 9  | M00000039611 | M00000039619 |
| 10294 | HO KINH DOANH NHA HANG NHAT NUONG        | 1  | M00000147891 | M00000147891 |
| 10295 | HO KINH DOANH NHA HANG PIANO             | 9  | M00000214459 | M00000214467 |
| 10296 | HO KINH DOANH NHA HANG QUAN NEM          | 13 | M00000037373 | M00000037385 |
| 10297 | HO KINH DOANH NHA HANG SONG BIEN         | 4  | M00000129227 | M00000129230 |
| 10298 | HO KINH DOANH NHA HANG THIEN NAM         | 21 | M00000192516 | M00000192536 |
| 10299 | HO KINH DOANH NHA HANG VUA GA TUOI MANH  | 1  | M00000073542 | M00000073542 |
| 10300 | HO KINH DOANH NHA KHOA DAC Y(0935679012) | 3  | M00000145945 | M00000145947 |
| 10301 | HO KINH DOANH NHA KHOA DAI NAM           | 2  | M00000090290 | M00000090291 |
| 10302 | HO KINH DOANH NHA KHOA GTGT              | 17 | M00000208476 | M00000208492 |
| 10303 | HO KINH DOANH NHA KHOA HOA SU            | 76 | M00000210576 | M00000210651 |
| 10304 | HO KINH DOANH NHA KHOA HOAN MY           | 4  | M00000134030 | M00000134033 |
| 10305 | HO KINH DOANH NHA KHOA KIEU GIANG        | 18 | M00000194705 | M00000194722 |
| 10306 | HO KINH DOANH NHA KHOA MIA               | 2  | M00000041619 | M00000041620 |
| 10307 | HO KINH DOANH NHA KHOA QUOC TE VINCENT   | 1  | M00000216062 | M00000216062 |
| 10308 | HO KINH DOANH NHA KHOA THIEN NHAN        | 2  | M00000091254 | M00000091255 |
| 10309 | HO KINH DOANH NHA KHOA UC CHAU           | 3  | M00000037974 | M00000037976 |
| 10310 | HO KINH DOANH NHA NGHI HOA SAPA          | 1  | M00000044266 | M00000044266 |
| 10311 | HO KINH DOANH NHA NGHI HOANG GIA         | 4  | M00000068528 | M00000068531 |
| 10312 | HO KINH DOANH NHA NGHI LA E              | 2  | M00000145104 | M00000145105 |
| 10313 | HO KINH DOANH NHA NGHI NHAT MINH 109     | 2  | M00000225209 | M00000225210 |
| 10314 | HO KINH DOANH NHA NGHI SONG BIEN PHAN TH | 2  | M00000147993 | M00000147994 |
| 10315 | HO KINH DOANH NHA O CHAM (PHAM THI TAU)  | 4  | M00000155307 | M00000155310 |
| 10316 | HO KINH DOANH NHA SACH TRANG NGUYEN      | 4  | M00000146321 | M00000146324 |
| 10317 | HO KINH DOANH NHA SACH VAN HOA           | 1  | M00000027025 | M00000027025 |
| 10318 | HO KINH DOANH NHA THUOC 119 PHARMACY     | 1  | M00000041094 | M00000041094 |
| 10319 | HO KINH DOANH NHA THUOC 24H              | 2  | M00000046377 | M00000046378 |
| 10320 | HO KINH DOANH NHA THUOC AN HUNG          | 1  | M00000049357 | M00000049357 |
| 10321 | HO KINH DOANH NHA THUOC ANH THO          | 1  | M00000091056 | M00000091056 |
| 10322 | HO KINH DOANH NHA THUOC BAO HUY 1        | 23 | M00000155840 | M00000155862 |
| 10323 | HO KINH DOANH NHA THUOC BICH DI          | 8  | M00000214883 | M00000214890 |
| 10324 | HO KINH DOANH NHA THUOC DONG PHUONG HONG | 1  | M00000071504 | M00000071504 |
| 10325 | HO KINH DOANH NHA THUOC DONG SON         | 2  | M00000142228 | M00000142229 |
| 10326 | HO KINH DOANH NHA THUOC GREEN            | 4  | M00000044376 | M00000044379 |
| 10327 | HO KINH DOANH NHA THUOC HIEU HIEN        | 1  | M00000042760 | M00000042760 |
| 10328 | HO KINH DOANH NHA THUOC HL               | 2  | M00000213682 | M00000213683 |
| 10329 | HO KINH DOANH NHA THUOC HOANG CHAU 2     | 4  | M00000206630 | M00000206633 |
| 10330 | HO KINH DOANH NHA THUOC LONG TAM DUC I   | 2  | M00000041070 | M00000041071 |
| 10331 | HO KINH DOANH NHA THUOC MINH KHOI 2      | 1  | M00000200469 | M00000200469 |
| 10332 | HO KINH DOANH NHA THUOC MINH THI 2       | 5  | M00000226684 | M00000226688 |
| 10333 | HO KINH DOANH NHA THUOC NGA CACH         | 5  | M00000055136 | M00000055140 |
| 10334 | HO KINH DOANH NHA THUOC NHAN HOA 2       | 1  | M00000124305 | M00000124305 |
| 10335 | HO KINH DOANH NHA THUOC NOI TIET 24H     | 2  | M00000042309 | M00000042310 |
| 10336 | HO KINH DOANH NHA THUOC NURY PHARM LAND  | 9  | M00000026265 | M00000026273 |



|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10337 | HO KINH DOANH NHA THUOC NURY PHARM MY DI | 14 | M00000026920 | M00000026933 |
| 10338 | HO KINH DOANH NHA THUOC PEARL PHARMACY   | 4  | M00000217253 | M00000217256 |
| 10339 | HO KINH DOANH NHA THUOC PHAM GIA         | 1  | M00000042852 | M00000042852 |
| 10340 | HO KINH DOANH NHA THUOC PHUONG LE        | 1  | M00000019651 | M00000019651 |
| 10341 | HO KINH DOANH NHA THUOC PHUONG LIEN      | 2  | M00000045261 | M00000045262 |
| 10342 | HO KINH DOANH NHA THUOC SO 1 DUC TU      | 2  | M00000044023 | M00000044024 |
| 10343 | HO KINH DOANH NHA THUOC SON HAI 1        | 3  | M00000063272 | M00000063274 |
| 10344 | HO KINH DOANH NHA THUOC TAM CHAU         | 1  | M00000221670 | M00000221670 |
| 10345 | HO KINH DOANH NHA THUOC TAN PHU          | 1  | M00000205931 | M00000205931 |
| 10346 | HO KINH DOANH NHA THUOC TAY THIEN HAO    | 1  | M00000090441 | M00000090441 |
| 10347 | HO KINH DOANH NHA THUOC TAY THIEN PHUC 6 | 3  | M00000210572 | M00000210574 |
| 10348 | HO KINH DOANH NHA THUOC THANH DAT 036    | 30 | M00000197840 | M00000197869 |
| 10349 | HO KINH DOANH NHA THUOC THANH TAM        | 1  | M00000043497 | M00000043497 |
| 10350 | HO KINH DOANH NHA THUOC THANH TAM        | 1  | M00000044265 | M00000044265 |
| 10351 | HO KINH DOANH NHA THUOC THU HIEN         | 9  | M00000195139 | M00000195147 |
| 10352 | HO KINH DOANH NHA THUOC TRI THUC         | 2  | M00000090977 | M00000090978 |
| 10353 | HO KINH DOANH NHA THUOC TRUONG GIANG     | 18 | M00000146233 | M00000146250 |
| 10354 | HO KINH DOANH NHA THUOC VAN AN           | 9  | M00000139129 | M00000139137 |
| 10355 | HO KINH DOANH NHA THUOC XUAN TU 2        | 22 | M00000041095 | M00000041116 |
| 10356 | HO KINH DOANH NHA TRANG QUAN             | 1  | M00000226089 | M00000226089 |
| 10357 | HO KINH DOANH NHA TRO PHUC LONG          | 1  | M00000071843 | M00000071843 |
| 10358 | HO KINH DOANH NHAN - LOI                 | 6  | M00000082599 | M00000082604 |
| 10359 | HO KINH DOANH NHAN THANH CO SO 3         | 2  | M00000085698 | M00000085699 |
| 10360 | HO KINH DOANH NHANH 1                    | 82 | M00000090356 | M00000090437 |
| 10361 | HO KINH DOANH NHAT BAO                   | 20 | M00000214048 | M00000214067 |
| 10362 | HO KINH DOANH NHAT HUY                   | 3  | M00000091487 | M00000091489 |
| 10363 | HO KINH DOANH NHI BARBER                 | 1  | M00000090335 | M00000090335 |
| 10364 | HO KINH DOANH NHI DO CAU                 | 1  | M00000218492 | M00000218492 |
| 10365 | HO KINH DOANH NHI TUI                    | 1  | M00000142211 | M00000142211 |
| 10366 | HO KINH DOANH NHIEU KIM HOANG            | 2  | M00000217989 | M00000217990 |
| 10367 | HO KINH DOANH NHOM KINH QUANG HIEU       | 1  | M00000046797 | M00000046797 |
| 10368 | HO KINH DOANH NHU THUY                   | 6  | M00000147884 | M00000147889 |
| 10369 | HO KINH DOANH NHU Y                      | 1  | M00000043949 | M00000043949 |
| 10370 | HO KINH DOANH NHU Y CAT TUONG SHOP       | 3  | M00000223183 | M00000223185 |
| 10371 | HO KINH DOANH NHUAN NAM                  | 1  | M00000048336 | M00000048336 |
| 10372 | HO KINH DOANH NHUNG                      | 1  | M00000202017 | M00000202017 |
| 10373 | HO KINH DOANH NHUNG SPA                  | 23 | M00000040132 | M00000040154 |
| 10374 | HO KINH DOANH NHUNG SPA                  | 31 | M00000040155 | M00000040185 |
| 10375 | HO KINH DOANH NHUNG SPA                  | 11 | M00000040217 | M00000040227 |
| 10376 | HO KINH DOANH NHUNG SPA                  | 22 | M00000040228 | M00000040249 |
| 10377 | HO KINH DOANH NHUNG SPA                  | 33 | M00000040295 | M00000040327 |
| 10378 | HO KINH DOANH NHUNG SPA                  | 1  | M00000071706 | M00000071706 |
| 10379 | HO KINH DOANH NHUNG SPA 1                | 45 | M00000040250 | M00000040294 |
| 10380 | HO KINH DOANH NHUNG SPA-HA NAM           | 16 | M00000040361 | M00000040376 |
| 10381 | HO KINH DOANH NHUNG VU BEAUTY            | 4  | M00000227742 | M00000227745 |
| 10382 | HO KINH DOANH NHUT LE                    | 1  | M00000089739 | M00000089739 |
| 10383 | HO KINH DOANH NHUT MANH                  | 74 | M00000123219 | M00000123292 |
| 10384 | HO KINH DOANH NHUT TAN                   | 2  | M00000081561 | M00000081562 |
| 10385 | HO KINH DOANH NICHANLUX                  | 1  | M00000220390 | M00000220390 |
| 10386 | HO KINH DOANH NOI THAT MINH DAT          | 7  | M00000040532 | M00000040538 |
| 10387 | HO KINH DOANH NOI THAT NAM ANH           | 3  | M00000128722 | M00000128724 |
| 10388 | HO KINH DOANH NOI THAT O TO VAN MINH     | 2  | M00000141238 | M00000141239 |
| 10389 | HO KINH DOANH NOI THATKHONG GIAN NHA DEP | 2  | M00000198445 | M00000198446 |
| 10390 | HO KINH DOANH NON BAO HIEM HALO          | 5  | M00000217502 | M00000217506 |
| 10391 | HO KINH DOANH NOVEMBER NAIL STUDIO       | 1  | M00000021380 | M00000021380 |
| 10392 | HO KINH DOANH NU CUOI VIET               | 1  | M00000149763 | M00000149763 |
| 10393 | HO KINH DOANH NU DO                      | 4  | M00000134457 | M00000134460 |
| 10394 | HO KINH DOANH NUOC GIAI KHAT 16          | 4  | M00000045875 | M00000045878 |
| 10395 | HO KINH DOANH NUOC MIA GIAI KHAT 196     | 2  | M00000046798 | M00000046799 |
| 10396 | HO KINH DOANH NUP GIO                    | 1  | M00000152291 | M00000152291 |
| 10397 | HO KINH DOANH NYNA KIDS                  | 1  | M00000147701 | M00000147701 |
| 10398 | HO KINH DOANH O H MART                   | 1  | M00000020195 | M00000020195 |
| 10399 | HO KINH DOANH O MAI HANH PHUC            | 1  | M00000043542 | M00000043542 |
| 10400 | HO KINH DOANH O P U S 82                 | 24 | M00000192231 | M00000192254 |
| 10401 | HO KINH DOANH OANH THANG                 | 4  | M00000147574 | M00000147577 |
| 10402 | HO KINH DOANH OC 10.000                  | 33 | M00000080924 | M00000080956 |
| 10403 | HO KINH DOANH OC 10000                   | 3  | M00000083273 | M00000083275 |
| 10404 | HO KINH DOANH OC CAY                     | 4  | M00000156901 | M00000156904 |

|       |                                      |    |              |              |
|-------|--------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10405 | HO KINH DOANH OC CAY                 | 2  | M00000156944 | M00000156945 |
| 10406 | HO KINH DOANH OC CAY 14              | 4  | M00000156756 | M00000156759 |
| 10407 | HO KINH DOANH OC CAY THUY            | 1  | M00000046234 | M00000046234 |
| 10408 | HO KINH DOANH OC MANH BEO SAI GON    | 3  | M00000042523 | M00000042525 |
| 10409 | HO KINH DOANH OC THANH               | 3  | M00000064355 | M00000064357 |
| 10410 | HO KINH DOANH OC TIEN HUONG          | 4  | M00000147569 | M00000147572 |
| 10411 | HO KINH DOANH OHAYO SHOP             | 3  | M00000203287 | M00000203289 |
| 10412 | HO KINH DOANH OLIBAE                 | 3  | M00000224805 | M00000224807 |
| 10413 | HO KINH DOANH OLWEN                  | 1  | M00000217537 | M00000217537 |
| 10414 | HO KINH DOANH ONE MART               | 1  | M00000026778 | M00000026778 |
| 10415 | HO KINH DOANH ONE STOP               | 12 | M00000137811 | M00000137822 |
| 10416 | HO KINH DOANH ONG MAP                | 1  | M00000203772 | M00000203772 |
| 10417 | HO KINH DOANH OPPA GINSENG           | 3  | M00000021350 | M00000021352 |
| 10418 | HO KINH DOANH ORANGE SHOP            | 3  | M00000217468 | M00000217470 |
| 10419 | HO KINH DOANH ORENO EM OI            | 13 | M00000035798 | M00000035810 |
| 10420 | HO KINH DOANH ORI LUXURY             | 1  | M00000091374 | M00000091374 |
| 10421 | HO KINH DOANH OVEN FOOD              | 11 | M00000135811 | M00000135821 |
| 10422 | HO KINH DOANH OWL                    | 2  | M00000195207 | M00000195208 |
| 10423 | HO KINH DOANH PAM EYEWEAR            | 2  | M00000043867 | M00000043868 |
| 10424 | HO KINH DOANH PAPPAROTI PHAN RI CUA  | 1  | M00000145066 | M00000145066 |
| 10425 | HO KINH DOANH PEACE BISTRO           | 2  | M00000128647 | M00000128648 |
| 10426 | HO KINH DOANH PENTHOUSE              | 5  | M00000087888 | M00000087892 |
| 10427 | HO KINH DOANH PG CAO CAP             | 8  | M00000199302 | M00000199309 |
| 10428 | HO KINH DOANH PHA LE                 | 1  | M00000018273 | M00000018273 |
| 10429 | HO KINH DOANH PHAM ANH THUY VI       | 1  | M00000090658 | M00000090658 |
| 10430 | HO KINH DOANH PHAM ANH TUAN          | 11 | M00000068928 | M00000068938 |
| 10431 | HO KINH DOANH PHAM BICH DIEP         | 3  | M00000024225 | M00000024227 |
| 10432 | HO KINH DOANH PHAM CONG HOANG        | 5  | M00000223438 | M00000223442 |
| 10433 | HO KINH DOANH PHAM DUC DUY           | 5  | M00000019248 | M00000019252 |
| 10434 | HO KINH DOANH PHAM DUC HOANG         | 1  | M00000070145 | M00000070145 |
| 10435 | HO KINH DOANH PHAM DUY PHUNG         | 20 | M00000057684 | M00000057703 |
| 10436 | HO KINH DOANH PHAM HUU HOA           | 2  | M00000073617 | M00000073618 |
| 10437 | HO KINH DOANH PHAM HUY QUAN          | 3  | M00000069992 | M00000069994 |
| 10438 | HO KINH DOANH PHAM LOC               | 1  | M00000071727 | M00000071727 |
| 10439 | HO KINH DOANH PHAM MINH LIEM         | 3  | M00000145921 | M00000145923 |
| 10440 | HO KINH DOANH PHAM NGOC BINH         | 27 | M00000192309 | M00000192335 |
| 10441 | HO KINH DOANH PHAM NGOC HUY 1989     | 12 | M00000076040 | M00000076051 |
| 10442 | HO KINH DOANH PHAM NGOC MAI          | 5  | M00000208456 | M00000208460 |
| 10443 | HO KINH DOANH PHAM NGOC TIEN         | 12 | M00000215215 | M00000215226 |
| 10444 | HO KINH DOANH PHAM NHAT ANH          | 1  | M00000023557 | M00000023557 |
| 10445 | HO KINH DOANH PHAM QUANG HUY         | 1  | M00000073396 | M00000073396 |
| 10446 | HO KINH DOANH PHAM THAI HAU          | 3  | M00000041086 | M00000041088 |
| 10447 | HO KINH DOANH PHAM THAI HOC          | 8  | M00000115223 | M00000115230 |
| 10448 | HO KINH DOANH PHAM THAI SON          | 1  | M00000132190 | M00000132190 |
| 10449 | HO KINH DOANH PHAM THANH GIANG       | 2  | M00000145783 | M00000145784 |
| 10450 | HO KINH DOANH PHAM THI ANH           | 12 | M00000196732 | M00000196743 |
| 10451 | HO KINH DOANH PHAM THI CAM NHUNG     | 1  | M00000091794 | M00000091794 |
| 10452 | HO KINH DOANH PHAM THI DAN 1979      | 1  | M00000046800 | M00000046800 |
| 10453 | HO KINH DOANH PHAM THI HA            | 3  | M00000120367 | M00000120369 |
| 10454 | HO KINH DOANH PHAM THI HAI THU       | 1  | M00000135198 | M00000135198 |
| 10455 | HO KINH DOANH PHAM THI HAO           | 1  | M00000134061 | M00000134061 |
| 10456 | HO KINH DOANH PHAM THI HOA           | 2  | M00000152495 | M00000152496 |
| 10457 | HO KINH DOANH PHAM THI HOA 1684      | 2  | M00000045381 | M00000045382 |
| 10458 | HO KINH DOANH PHAM THI HOA LAN       | 10 | M00000135095 | M00000135104 |
| 10459 | HO KINH DOANH PHAM THI HONG          | 7  | M00000135083 | M00000135089 |
| 10460 | HO KINH DOANH PHAM THI KIM DUNG      | 2  | M00000219564 | M00000219565 |
| 10461 | HO KINH DOANH PHAM THI MINH HUYEN    | 1  | M00000076854 | M00000076854 |
| 10462 | HO KINH DOANH PHAM THI MINH THIEN    | 1  | M00000156304 | M00000156304 |
| 10463 | HO KINH DOANH PHAM THI MY DUNG       | 2  | M00000091434 | M00000091435 |
| 10464 | HO KINH DOANH PHAM THI NGA           | 1  | M00000059326 | M00000059326 |
| 10465 | HO KINH DOANH PHAM THI NHUAN         | 1  | M00000044382 | M00000044382 |
| 10466 | HO KINH DOANH PHAM THI NHUNG         | 7  | M00000073508 | M00000073514 |
| 10467 | HO KINH DOANH PHAM THI NU 1986       | 2  | M00000071948 | M00000071949 |
| 10468 | HO KINH DOANH PHAM THI THANH         | 2  | M00000069141 | M00000069142 |
| 10469 | HO KINH DOANH PHAM THI THU 1984      | 2  | M00000037740 | M00000037741 |
| 10470 | HO KINH DOANH PHAM THI THUY HANG     | 7  | M00000224861 | M00000224867 |
| 10471 | HO KINH DOANH PHAM THI THUY TIEN 39A | 21 | M00000226556 | M00000226576 |
| 10472 | HO KINH DOANH PHAM THI TO UYEN       | 2  | M00000201261 | M00000201262 |

|       |                                          |     |              |              |
|-------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 10473 | HO KINH DOANH PHAM THI TRUC              | 12  | M00000197392 | M00000197403 |
| 10474 | HO KINH DOANH PHAM THI TU                | 13  | M00000204325 | M00000204337 |
| 10475 | HO KINH DOANH PHAM THI XIM               | 1   | M00000043327 | M00000043327 |
| 10476 | HO KINH DOANH PHAM THI XUAN DINH         | 2   | M00000021843 | M00000021844 |
| 10477 | HO KINH DOANH PHAM THIEN HIEU            | 7   | M00000114806 | M00000114812 |
| 10478 | HO KINH DOANH PHAM THU HA                | 3   | M00000128934 | M00000128936 |
| 10479 | HO KINH DOANH PHAM THUY LINH             | 33  | M00000069310 | M00000069342 |
| 10480 | HO KINH DOANH PHAM TRUNG TUAN            | 11  | M00000074362 | M00000074372 |
| 10481 | HO KINH DOANH PHAM TU ANH-BUN CA SUA TAN | 1   | M00000071889 | M00000071889 |
| 10482 | HO KINH DOANH PHAM VAN DAI               | 3   | M00000226333 | M00000226335 |
| 10483 | HO KINH DOANH PHAM VAN DAM               | 3   | M00000058716 | M00000058718 |
| 10484 | HO KINH DOANH PHAM VAN LAN               | 1   | M00000072173 | M00000072173 |
| 10485 | HO KINH DOANH PHAM VAN NGOC              | 7   | M00000146272 | M00000146278 |
| 10486 | HO KINH DOANH PHAN DINH CHIEN 1          | 6   | M00000089740 | M00000089745 |
| 10487 | HO KINH DOANH PHAN DUC NGOC              | 4   | M00000140291 | M00000140294 |
| 10488 | HO KINH DOANH PHAN HONG HAI              | 2   | M00000156760 | M00000156761 |
| 10489 | HO KINH DOANH PHAN HUNG                  | 1   | M00000124775 | M00000124775 |
| 10490 | HO KINH DOANH PHAN LONG HOANG            | 1   | M00000146232 | M00000146232 |
| 10491 | HO KINH DOANH PHAN NANG                  | 1   | M00000150570 | M00000150570 |
| 10492 | HO KINH DOANH PHAN NGOC VINH             | 7   | M00000142196 | M00000142202 |
| 10493 | HO KINH DOANH PHAN QUOC TRANG            | 4   | M00000145336 | M00000145339 |
| 10494 | HO KINH DOANH PHAN THAI                  | 1   | M00000149994 | M00000149994 |
| 10495 | HO KINH DOANH PHAN THANH DIEP            | 2   | M00000026797 | M00000026798 |
| 10496 | HO KINH DOANH PHAN THI ANH               | 69  | M00000122432 | M00000122500 |
| 10497 | HO KINH DOANH PHAN THI HOA LY            | 1   | M00000153624 | M00000153624 |
| 10498 | HO KINH DOANH PHAN THI HONG TUOI         | 2   | M00000222644 | M00000222645 |
| 10499 | HO KINH DOANH PHAN THI HUE               | 25  | M00000117165 | M00000117189 |
| 10500 | HO KINH DOANH PHAN THI KIEU HANH         | 7   | M00000086680 | M00000086686 |
| 10501 | HO KINH DOANH PHAN THI PHONG             | 2   | M00000069004 | M00000069005 |
| 10502 | HO KINH DOANH PHAN THI PHU               | 2   | M00000063276 | M00000063277 |
| 10503 | HO KINH DOANH PHAN THI THANH THUY        | 6   | M00000047495 | M00000047500 |
| 10504 | HO KINH DOANH PHAN THI THUY TRINH        | 4   | M00000142146 | M00000142149 |
| 10505 | HO KINH DOANH PHAN THI XUAN THUY         | 12  | M00000226581 | M00000226592 |
| 10506 | HO KINH DOANH PHAN THI YEN               | 2   | M00000142212 | M00000142213 |
| 10507 | HO KINH DOANH PHAN THIET SHIP            | 3   | M00000144953 | M00000144955 |
| 10508 | HO KINH DOANH PHAN THUY TRANG            | 3   | M00000075226 | M00000075228 |
| 10509 | HO KINH DOANH PHAN THUY TRANG 79         | 23  | M00000045296 | M00000045318 |
| 10510 | HO KINH DOANH PHAN TRONG HUAN            | 3   | M00000227067 | M00000227069 |
| 10511 | HO KINH DOANH PHAN VAN CHIEN             | 5   | M00000093335 | M00000093339 |
| 10512 | HO KINH DOANH PHAN VAN DOI EM            | 2   | M00000085583 | M00000085584 |
| 10513 | HO KINH DOANH PHAN VAN KHANH             | 2   | M00000076249 | M00000076250 |
| 10514 | HO KINH DOANH PHAN VIET DANG             | 1   | M00000199286 | M00000199286 |
| 10515 | HO KINH DOANH PHAT KY                    | 1   | M00000043157 | M00000043157 |
| 10516 | HO KINH DOANH PHAT TAI                   | 2   | M00000226311 | M00000226312 |
| 10517 | HO KINH DOANH PHIEU LINH                 | 2   | M00000198322 | M00000198323 |
| 10518 | HO KINH DOANH PHO BAC HAI HA NOI         | 3   | M00000222343 | M00000222345 |
| 10519 | HO KINH DOANH PHO BO 1985                | 2   | M00000044903 | M00000044904 |
| 10520 | HO KINH DOANH PHO BO 59                  | 3   | M00000046625 | M00000046627 |
| 10521 | HO KINH DOANH PHO GA NGUYET              | 61  | M00000046308 | M00000046368 |
| 10522 | HO KINH DOANH PHO GA TAY NGUYEN          | 2   | M00000143236 | M00000143237 |
| 10523 | HO KINH DOANH PHO GANH                   | 1   | M00000222676 | M00000222676 |
| 10524 | HO KINH DOANH PHO HANG DAU               | 1   | M00000200470 | M00000200470 |
| 10525 | HO KINH DOANH PHO HOA                    | 2   | M00000156723 | M00000156724 |
| 10526 | HO KINH DOANH PHO KHANH VY               | 1   | M00000045023 | M00000045023 |
| 10527 | HO KINH DOANH PHO LE                     | 11  | M00000216189 | M00000216199 |
| 10528 | HO KINH DOANH PHO LQS                    | 2   | M00000036625 | M00000036626 |
| 10529 | HO KINH DOANH PHO MIEN GA KY DONG        | 102 | M00000221420 | M00000221521 |
| 10530 | HO KINH DOANH PHO NGOC NHUNG             | 1   | M00000090055 | M00000090055 |
| 10531 | HO KINH DOANH PHO NUONG TOKYO            | 20  | M00000117853 | M00000117872 |
| 10532 | HO KINH DOANH PHO THAT                   | 2   | M00000045410 | M00000045411 |
| 10533 | HO KINH DOANH PHO VIET HOANG             | 1   | M00000145093 | M00000145093 |
| 10534 | HO KINH DOANH PHONG GYM GOFIT            | 2   | M00000192438 | M00000192439 |
| 10535 | HO KINH DOANH PHONG KHAM CHUA RANG HAM M | 2   | M00000073572 | M00000073573 |
| 10536 | HO KINH DOANH PHONG KHAM CHUYEN KHOA SAN | 5   | M00000147702 | M00000147706 |
| 10537 | HO KINH DOANH PHONG KHAM DUC HANH        | 1   | M00000071090 | M00000071090 |
| 10538 | HO KINH DOANH PHONG KHAM HAC THANH       | 6   | M00000153517 | M00000153522 |
| 10539 | HO KINH DOANH PHONG KHAM NGOAI GIO BS.CK | 1   | M00000153490 | M00000153490 |
| 10540 | HO KINH DOANH PHONG KHAM RANG HA NOI     | 6   | M00000043163 | M00000043168 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10541 | HO KINH DOANH PHONG KHAM SAN PHU KHOA TU | 2  | M00000141917 | M00000141918 |
| 10542 | HO KINH DOANH PHONG KHAM THAM MY HONG NH | 10 | M00000044078 | M00000044087 |
| 10543 | HO KINH DOANH PHONG NGUYEN MOBILE        | 1  | M00000152551 | M00000152551 |
| 10544 | HO KINH DOANH PHONG TIEM CHUNG THU BA    | 1  | M00000146052 | M00000146052 |
| 10545 | HO KINH DOANH PHONG TRUNG BAY NGHE THUAT | 3  | M00000043169 | M00000043171 |
| 10546 | HO KINH DOANH PHONG XET NGHIEM MEDTECH   | 1  | M00000129231 | M00000129231 |
| 10547 | HO KINH DOANH PHOTO LANG                 | 1  | M00000156685 | M00000156685 |
| 10548 | HO KINH DOANH PHU CUONG 22               | 2  | M00000092459 | M00000092460 |
| 10549 | HO KINH DOANH PHU CUONG NGUYEN           | 1  | M00000150277 | M00000150277 |
| 10550 | HO KINH DOANH PHU GIA                    | 5  | M00000192137 | M00000192141 |
| 10551 | HO KINH DOANH PHU KIEN SINH NHAT         | 1  | M00000068290 | M00000068290 |
| 10552 | HO KINH DOANH PHU MY QUAN                | 1  | M00000220871 | M00000220871 |
| 10553 | HO KINH DOANH PHU TUNG LINH              | 1  | M00000148002 | M00000148002 |
| 10554 | HO KINH DOANH PHU TUNG O TO HOANG ANH    | 1  | M00000043056 | M00000043056 |
| 10555 | HO KINH DOANH PHU TUNG O TO PHAT LE      | 1  | M00000152836 | M00000152836 |
| 10556 | HO KINH DOANH PHU TUNG O TO TIEN DAT     | 1  | M00000045232 | M00000045232 |
| 10557 | HO KINH DOANH PHU TUNG OTO HOANG         | 3  | M00000146129 | M00000146131 |
| 10558 | HO KINH DOANH PHUC BINH                  | 6  | M00000147355 | M00000147360 |
| 10559 | HO KINH DOANH PHUC HAU                   | 8  | M00000030826 | M00000030833 |
| 10560 | HO KINH DOANH PHUC HAU 1                 | 5  | M00000032900 | M00000032904 |
| 10561 | HO KINH DOANH PHUC KHANG COFFEE & CAKE   | 1  | M00000088213 | M00000088213 |
| 10562 | HO KINH DOANH PHUC NGUYEN MART           | 3  | M00000018645 | M00000018647 |
| 10563 | HO KINH DOANH PHUC THUY 1                | 1  | M00000089416 | M00000089416 |
| 10564 | HO KINH DOANH PHUN XAM PHUONG THANH      | 2  | M00000072857 | M00000072858 |
| 10565 | HO KINH DOANH PHUNG HONG TRONG           | 1  | M00000145979 | M00000145979 |
| 10566 | HO KINH DOANH PHUNG NGOC SON             | 1  | M00000066635 | M00000066635 |
| 10567 | HO KINH DOANH PHUNG THI THAM             | 1  | M00000147863 | M00000147863 |
| 10568 | HO KINH DOANH PHUNG VAN DIEP             | 2  | M00000091979 | M00000091980 |
| 10569 | HO KINH DOANH PHUNG VAN HAI              | 1  | M00000074861 | M00000074861 |
| 10570 | HO KINH DOANH PHUOC CUONG                | 1  | M00000087096 | M00000087096 |
| 10571 | HO KINH DOANH PHUOC LY                   | 9  | M00000083834 | M00000083842 |
| 10572 | HO KINH DOANH PHUOC NHAP                 | 8  | M00000139765 | M00000139772 |
| 10573 | HO KINH DOANH PHUOC NHAT TRUONG          | 2  | M00000148898 | M00000148899 |
| 10574 | HO KINH DOANH PHUOC TAN                  | 50 | M00000082006 | M00000082055 |
| 10575 | HO KINH DOANH PHUOC TOAN                 | 5  | M00000147696 | M00000147700 |
| 10576 | HO KINH DOANH PHUONG KE                  | 3  | M00000143859 | M00000143861 |
| 10577 | HO KINH DOANH PHUONG NGUYEN              | 6  | M00000081514 | M00000081519 |
| 10578 | HO KINH DOANH PHUONG SPA                 | 1  | M00000225693 | M00000225693 |
| 10579 | HO KINH DOANH PHUONG SUN                 | 19 | M00000048313 | M00000048331 |
| 10580 | HO KINH DOANH PHUONG TAN                 | 1  | M00000055024 | M00000055024 |
| 10581 | HO KINH DOANH PILATESAURA                | 2  | M00000045556 | M00000045557 |
| 10582 | HO KINH DOANH PINGU                      | 1  | M00000141308 | M00000141308 |
| 10583 | HO KINH DOANH PO GARDEN                  | 7  | M00000133623 | M00000133629 |
| 10584 | HO KINH DOANH PONNY                      | 1  | M00000146128 | M00000146128 |
| 10585 | HO KINH DOANH PQS SHOP                   | 1  | M00000145546 | M00000145546 |
| 10586 | HO KINH DOANH PRINTZ                     | 2  | M00000092044 | M00000092045 |
| 10587 | HO KINH DOANH PT- BOX RECORDING          | 5  | M00000144429 | M00000144433 |
| 10588 | HO KINH DOANH PUNO                       | 2  | M00000075923 | M00000075924 |
| 10589 | HO KINH DOANH PURE BLISS SPA             | 5  | M00000017627 | M00000017631 |
| 10590 | HO KINH DOANH Q MARKET                   | 2  | M00000141974 | M00000141975 |
| 10591 | HO KINH DOANH QC MART                    | 5  | M00000020537 | M00000020541 |
| 10592 | HO KINH DOANH QT COM VA BIA              | 1  | M00000217357 | M00000217357 |
| 10593 | HO KINH DOANH QUACH THI KIM HANG         | 6  | M00000070791 | M00000070796 |
| 10594 | HO KINH DOANH QUAN 13 CAO THANG          | 2  | M00000154190 | M00000154191 |
| 10595 | HO KINH DOANH QUAN 180                   | 4  | M00000221542 | M00000221545 |
| 10596 | HO KINH DOANH QUAN AN 7 CHI              | 1  | M00000147463 | M00000147463 |
| 10597 | HO KINH DOANH QUAN AN CO HIEN ( HA )     | 3  | M00000152573 | M00000152575 |
| 10598 | HO KINH DOANH QUAN AN CU BIN             | 1  | M00000195626 | M00000195626 |
| 10599 | HO KINH DOANH QUAN AN GIA DINH 555       | 4  | M00000090608 | M00000090611 |
| 10600 | HO KINH DOANH QUAN AN GIA PHU            | 1  | M00000215207 | M00000215207 |
| 10601 | HO KINH DOANH QUAN AN HOA VIET           | 1  | M00000196471 | M00000196471 |
| 10602 | HO KINH DOANH QUAN AN VIET HUONG         | 1  | M00000152299 | M00000152299 |
| 10603 | HO KINH DOANH QUAN ANH KIET              | 1  | M00000145806 | M00000145806 |
| 10604 | HO KINH DOANH QUAN AO CHAU NGAN          | 11 | M00000211615 | M00000211625 |
| 10605 | HO KINH DOANH QUAN AO TRE EM TUN SHOP    | 2  | M00000071505 | M00000071506 |
| 10606 | HO KINH DOANH QUAN BANH CHI              | 47 | M00000134843 | M00000134889 |
| 10607 | HO KINH DOANH QUAN BAU PIZZA             | 4  | M00000068753 | M00000068756 |
| 10608 | HO KINH DOANH QUAN BIEN DAO OC           | 1  | M00000222381 | M00000222381 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10609 | HO KINH DOANH QUAN BO NE 3 NGON          | 1  | M00000218504 | M00000218504 |
| 10610 | HO KINH DOANH QUAN CA PHE MILANO- 0343   | 1  | M00000150809 | M00000150809 |
| 10611 | HO KINH DOANH QUAN CAY BANG              | 2  | M00000146251 | M00000146252 |
| 10612 | HO KINH DOANH QUAN CHAY PHAP DUYEN       | 1  | M00000145572 | M00000145572 |
| 10613 | HO KINH DOANH QUAN COM GIA DINH          | 1  | M00000224476 | M00000224476 |
| 10614 | HO KINH DOANH QUAN COM KIM THOA          | 1  | M00000224740 | M00000224740 |
| 10615 | HO KINH DOANH QUAN HOA                   | 2  | M00000042845 | M00000042846 |
| 10616 | HO KINH DOANH QUAN HOA TRA               | 3  | M00000076466 | M00000076468 |
| 10617 | HO KINH DOANH QUAN KEM BINGXUE           | 6  | M00000154004 | M00000154009 |
| 10618 | HO KINH DOANH QUAN LONG BA LUONG         | 3  | M00000224469 | M00000224471 |
| 10619 | HO KINH DOANH QUAN MUI NE NHIET DOI      | 1  | M00000146264 | M00000146264 |
| 10620 | HO KINH DOANH QUAN NGUYEN                | 4  | M00000046431 | M00000046434 |
| 10621 | HO KINH DOANH QUAN NHAU UYEN NHU         | 2  | M00000147457 | M00000147458 |
| 10622 | HO KINH DOANH QUAN NUONG NGON            | 2  | M00000042546 | M00000042547 |
| 10623 | HO KINH DOANH QUAN PHO NGUYET            | 1  | M00000152555 | M00000152555 |
| 10624 | HO KINH DOANH QUAN PHO NUI               | 6  | M00000129073 | M00000129078 |
| 10625 | HO KINH DOANH QUAN PHUONG NGHIA          | 9  | M00000147475 | M00000147483 |
| 10626 | HO KINH DOANH QUAN PIANOLAB              | 7  | M00000145235 | M00000145241 |
| 10627 | HO KINH DOANH QUAN Q91                   | 33 | M00000145876 | M00000145908 |
| 10628 | HO KINH DOANH QUAN RANG 453              | 1  | M00000216556 | M00000216556 |
| 10629 | HO KINH DOANH QUAN SONG 1                | 67 | M00000222940 | M00000223006 |
| 10630 | HO KINH DOANH QUAN TOMS                  | 1  | M00000024078 | M00000024078 |
| 10631 | HO KINH DOANH QUANG                      | 1  | M00000223818 | M00000223818 |
| 10632 | HO KINH DOANH QUANG DAT                  | 1  | M00000220468 | M00000220468 |
| 10633 | HO KINH DOANH QUANG TAM                  | 2  | M00000220605 | M00000220606 |
| 10634 | HO KINH DOANH QUANG TU 1993              | 2  | M00000076247 | M00000076248 |
| 10635 | HO KINH DOANH QUAY 15D                   | 5  | M00000215710 | M00000215714 |
| 10636 | HO KINH DOANH QUAY BIA KHO MUC           | 7  | M00000091722 | M00000091728 |
| 10637 | HO KINH DOANH QUAY LUU NIEM 31 (TRUONG T | 12 | M00000141247 | M00000141258 |
| 10638 | HO KINH DOANH QUAY NGUYEN TRANG          | 2  | M00000042922 | M00000042923 |
| 10639 | HO KINH DOANH QUAY THUOC KHANH NHAN      | 2  | M00000142438 | M00000142439 |
| 10640 | HO KINH DOANH QUAY THUOC LAN PHUONG      | 1  | M00000149775 | M00000149775 |
| 10641 | HO KINH DOANH QUAY THUOC MINH MINH KHOI  | 1  | M00000091486 | M00000091486 |
| 10642 | HO KINH DOANH QUAY THUOC TUE TAM         | 1  | M00000019243 | M00000019243 |
| 10643 | HO KINH DOANH QUAY THUOC VU HONG TUOI    | 3  | M00000062499 | M00000062501 |
| 10644 | HO KINH DOANH QUEEN GARDEN               | 3  | M00000219285 | M00000219287 |
| 10645 | HO KINH DOANH QUEEN TRAVEL               | 2  | M00000049331 | M00000049332 |
| 10646 | HO KINH DOANH QUOC CUONG                 | 3  | M00000148929 | M00000148931 |
| 10647 | HO KINH DOANH QUOC HUNG                  | 1  | M00000216440 | M00000216440 |
| 10648 | HO KINH DOANH QUOC TOAN QUOC TUAN 11     | 4  | M00000221577 | M00000221580 |
| 10649 | HO KINH DOANH QUY DANG                   | 2  | M00000047449 | M00000047450 |
| 10650 | HO KINH DOANH QUY PHI SPA                | 1  | M00000215676 | M00000215676 |
| 10651 | HO KINH DOANH QUYET DUNG                 | 2  | M00000150027 | M00000150028 |
| 10652 | HO KINH DOANH QUYNH ANH SKINCARE & SPA   | 1  | M00000047559 | M00000047559 |
| 10653 | HO KINH DOANH QUYNH GIAO NGUYEN          | 4  | M00000089483 | M00000089486 |
| 10654 | HO KINH DOANH QUYNH NHU                  | 6  | M00000089271 | M00000089276 |
| 10655 | HO KINH DOANH QUYNH SI TUYEN             | 1  | M00000223663 | M00000223663 |
| 10656 | HO KINH DOANH RAC STUDIO                 | 1  | M00000068197 | M00000068197 |
| 10657 | HO KINH DOANH RACH                       | 3  | M00000080784 | M00000080786 |
| 10658 | HO KINH DOANH RALLY PICKLEBALL           | 6  | M00000226150 | M00000226155 |
| 10659 | HO KINH DOANH RAM QUANG NGON             | 1  | M00000199236 | M00000199236 |
| 10660 | HO KINH DOANH RAN BIEN                   | 2  | M00000216770 | M00000216771 |
| 10661 | HO KINH DOANH RANI COFFEE                | 2  | M00000030502 | M00000030503 |
| 10662 | HO KINH DOANH RAU DANG                   | 2  | M00000090924 | M00000090925 |
| 10663 | HO KINH DOANH REBORN                     | 7  | M00000216163 | M00000216169 |
| 10664 | HO KINH DOANH REDSILK SHOP               | 1  | M00000124288 | M00000124288 |
| 10665 | HO KINH DOANH REM CUA NEM PHUONG NHI     | 5  | M00000150288 | M00000150292 |
| 10666 | HO KINH DOANH REU CA PHE                 | 1  | M00000152282 | M00000152282 |
| 10667 | HO KINH DOANH REVERIE                    | 1  | M00000215569 | M00000215569 |
| 10668 | HO KINH DOANH RUBY CLINIC                | 2  | M00000079910 | M00000079911 |
| 10669 | HO KINH DOANH RUBY SHOP NGOC             | 3  | M00000142184 | M00000142186 |
| 10670 | HO KINH DOANH RUBY'S                     | 4  | M00000197388 | M00000197391 |
| 10671 | HO KINH DOANH RX88 PLUS                  | 1  | M00000155744 | M00000155744 |
| 10672 | HO KINH DOANH S BAR                      | 5  | M00000134449 | M00000134453 |
| 10673 | HO KINH DOANH S COFFEE                   | 1  | M00000215470 | M00000215470 |
| 10674 | HO KINH DOANH S E O K 2 P O C H A        | 5  | M00000084954 | M00000084958 |
| 10675 | HO KINH DOANH SAC BE                     | 1  | M00000075233 | M00000075233 |
| 10676 | HO KINH DOANH SAHARA MART                | 5  | M00000135511 | M00000135515 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10677 | HO KINH DOANH SAI GON GA                 | 1  | M00000198273 | M00000198273 |
| 10678 | HO KINH DOANH SAI GON KITCHEN CAFE       | 23 | M00000215941 | M00000215963 |
| 10679 | HO KINH DOANH SAI GON NEW                | 1  | M00000227338 | M00000227338 |
| 10680 | HO KINH DOANH SAIGON OMOTENASHI          | 2  | M00000200512 | M00000200513 |
| 10681 | HO KINH DOANH SAIGON SOUTH SERVICED APAR | 1  | M00000222660 | M00000222660 |
| 10682 | HO KINH DOANH SAKURA 2001                | 13 | M00000044383 | M00000044395 |
| 10683 | HO KINH DOANH SALON BEAUTY MY TOAN       | 1  | M00000043817 | M00000043817 |
| 10684 | HO KINH DOANH SALON CUONG DC             | 4  | M00000196496 | M00000196499 |
| 10685 | HO KINH DOANH SALON HOANG ANH            | 1  | M00000073605 | M00000073605 |
| 10686 | HO KINH DOANH SALON HUYEN TRAN           | 1  | M00000226440 | M00000226440 |
| 10687 | HO KINH DOANH SALON MR.THƠ               | 1  | M00000043068 | M00000043068 |
| 10688 | HO KINH DOANH SALON QUY HA               | 3  | M00000047390 | M00000047392 |
| 10689 | HO KINH DOANH SALON SON HAIR             | 1  | M00000091799 | M00000091799 |
| 10690 | HO KINH DOANH SAM BA +                   | 1  | M00000085582 | M00000085582 |
| 10691 | HO KINH DOANH SAM HOUSE                  | 1  | M00000139673 | M00000139673 |
| 10692 | HO KINH DOANH SAN RAMEN                  | 6  | M00000135035 | M00000135040 |
| 10693 | HO KINH DOANH SAN SAN NAIL               | 2  | M00000224472 | M00000224473 |
| 10694 | HO KINH DOANH SAN SPORT                  | 3  | M00000142134 | M00000142136 |
| 10695 | HO KINH DOANH SAN XUAT BANH PHO          | 1  | M00000043162 | M00000043162 |
| 10696 | HO KINH DOANH SANG SANG                  | 3  | M00000207582 | M00000207584 |
| 10697 | HO KINH DOANH SANH COFFEE                | 2  | M00000043159 | M00000043160 |
| 10698 | HO KINH DOANH SAO BIEN                   | 17 | M00000084263 | M00000084279 |
| 10699 | HO KINH DOANH SAO BIEN 2                 | 2  | M00000148905 | M00000148906 |
| 10700 | HO KINH DOANH SAO MAI                    | 1  | M00000043127 | M00000043127 |
| 10701 | HO KINH DOANH SAU HUONG                  | 1  | M00000044260 | M00000044260 |
| 10702 | HO KINH DOANH SAU MAO                    | 3  | M00000149407 | M00000149409 |
| 10703 | HO KINH DOANH SAU THU                    | 5  | M00000140320 | M00000140324 |
| 10704 | HO KINH DOANH SEN VIET-FOOT MASSAGE      | 1  | M00000019625 | M00000019625 |
| 10705 | HO KINH DOANH SENA NAILS                 | 1  | M00000150383 | M00000150383 |
| 10706 | HO KINH DOANH SENDA SPA                  | 1  | M00000225491 | M00000225491 |
| 10707 | HO KINH DOANH SEN-MY                     | 1  | M00000139987 | M00000139987 |
| 10708 | HO KINH DOANH SERENE                     | 1  | M00000219893 | M00000219893 |
| 10709 | HO KINH DOANH SERENE COFFEE              | 6  | M00000046475 | M00000046480 |
| 10710 | HO KINH DOANH SHARON APARTMENT AND SPA   | 3  | M00000134657 | M00000134659 |
| 10711 | HO KINH DOANH SHELF BEAUTY STUDIO        | 3  | M00000150722 | M00000150724 |
| 10712 | HO KINH DOANH SHOP 10K2                  | 1  | M00000149599 | M00000149599 |
| 10713 | HO KINH DOANH SHOP ANGEL                 | 2  | M00000090027 | M00000090028 |
| 10714 | HO KINH DOANH SHOP BABY SHARK            | 1  | M00000072262 | M00000072262 |
| 10715 | HO KINH DOANH SHOP HOANG VU              | 1  | M00000145831 | M00000145831 |
| 10716 | HO KINH DOANH SHOP LADY                  | 1  | M00000082718 | M00000082718 |
| 10717 | HO KINH DOANH SHOP ME & BE 84            | 1  | M00000043530 | M00000043530 |
| 10718 | HO KINH DOANH SHOP ME GAU                | 1  | M00000148911 | M00000148911 |
| 10719 | HO KINH DOANH SHOP NAPI                  | 2  | M00000092105 | M00000092106 |
| 10720 | HO KINH DOANH SHOP NGHE 01               | 2  | M00000042997 | M00000042998 |
| 10721 | HO KINH DOANH SHOP QUAN AO NGUYEN HIEU T | 1  | M00000043135 | M00000043135 |
| 10722 | HO KINH DOANH SHOP SHE THANH H HOAI      | 3  | M00000061156 | M00000061158 |
| 10723 | HO KINH DOANH SHOP T&T 799               | 1  | M00000150681 | M00000150681 |
| 10724 | HO KINH DOANH SIEU THI DAILY             | 4  | M00000034978 | M00000034981 |
| 10725 | HO KINH DOANH SIEU THI HD                | 1  | M00000018971 | M00000018971 |
| 10726 | HO KINH DOANH SIEU THI NOI THAT          | 4  | M00000149898 | M00000149901 |
| 10727 | HO KINH DOANH SIEU THI QUANG CHAU        | 2  | M00000072584 | M00000072585 |
| 10728 | HO KINH DOANH SIP 999                    | 8  | M00000218270 | M00000218277 |
| 10729 | HO KINH DOANH SKIN HOUSE BY SUNNIE       | 4  | M00000227107 | M00000227110 |
| 10730 | HO KINH DOANH SKINART DE BEAUTE          | 1  | M00000224099 | M00000224099 |
| 10731 | HO KINH DOANH SKY MART                   | 1  | M00000037798 | M00000037798 |
| 10732 | HO KINH DOANH SKY NIGHT                  | 21 | M00000202680 | M00000202700 |
| 10733 | HO KINH DOANH SNOW 131H                  | 1  | M00000200860 | M00000200860 |
| 10734 | HO KINH DOANH SOC KIDS                   | 1  | M00000070611 | M00000070611 |
| 10735 | HO KINH DOANH SODA SHOP                  | 7  | M00000207782 | M00000207788 |
| 10736 | HO KINH DOANH SOHE - CHAO DINH DUONG     | 2  | M00000072109 | M00000072110 |
| 10737 | HO KINH DOANH SOHO                       | 1  | M00000135128 | M00000135128 |
| 10738 | HO KINH DOANH SOHO BOUTIQUE              | 1  | M00000155740 | M00000155740 |
| 10739 | HO KINH DOANH SON CA                     | 1  | M00000091871 | M00000091871 |
| 10740 | HO KINH DOANH SON CUA DONG               | 5  | M00000226474 | M00000226478 |
| 10741 | HO KINH DOANH SON MAI LAM PHAT 2         | 2  | M00000215257 | M00000215258 |
| 10742 | HO KINH DOANH SON MAI NHU Y              | 3  | M00000190504 | M00000190506 |
| 10743 | HO KINH DOANH SONG                       | 1  | M00000201069 | M00000201069 |
| 10744 | HO KINH DOANH SONG ANH                   | 25 | M00000081569 | M00000081593 |

|       |                                          |     |              |              |
|-------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 10745 | HO KINH DOANH SONG BE                    | 2   | M00000190224 | M00000190225 |
| 10746 | HO KINH DOANH SONG COFFEE VA MIXOLOGY    | 3   | M00000072026 | M00000072028 |
| 10747 | HO KINH DOANH SONG KIM                   | 1   | M00000071503 | M00000071503 |
| 10748 | HO KINH DOANH SONG OANH                  | 60  | M00000208556 | M00000208615 |
| 10749 | HO KINH DOANH SONG PHA HIEU              | 9   | M00000090035 | M00000090043 |
| 10750 | HO KINH DOANH SONG QUE                   | 1   | M00000093253 | M00000093253 |
| 10751 | HO KINH DOANH SOSHAKANSTUDIO             | 2   | M00000188297 | M00000188298 |
| 10752 | HO KINH DOANH SOUND HIT MUSIC            | 2   | M00000090637 | M00000090638 |
| 10753 | HO KINH DOANH SPA BEAUTY III             | 10  | M00000213763 | M00000213772 |
| 10754 | HO KINH DOANH SPA D7                     | 1   | M00000200431 | M00000200431 |
| 10755 | HO KINH DOANH SPA GIA LINH TAM           | 1   | M00000149909 | M00000149909 |
| 10756 | HO KINH DOANH SPA KIEU ANH               | 1   | M00000090334 | M00000090334 |
| 10757 | HO KINH DOANH SPA LE HA                  | 1   | M00000091512 | M00000091512 |
| 10758 | HO KINH DOANH SPA LOTUS                  | 1   | M00000043328 | M00000043328 |
| 10759 | HO KINH DOANH SPA NGA ANH                | 1   | M00000090052 | M00000090052 |
| 10760 | HO KINH DOANH SPA THANH HUYEN 123        | 2   | M00000047315 | M00000047316 |
| 10761 | HO KINH DOANH SPEAK EASY                 | 7   | M00000195797 | M00000195803 |
| 10762 | HO KINH DOANH STAR BILLIARDS CLUB        | 4   | M00000224455 | M00000224458 |
| 10763 | HO KINH DOANH STAR COFFEE                | 3   | M00000145263 | M00000145265 |
| 10764 | HO KINH DOANH STAR GOLF                  | 2   | M00000043248 | M00000043249 |
| 10765 | HO KINH DOANH STAR KIDS                  | 3   | M00000156808 | M00000156810 |
| 10766 | HO KINH DOANH STAR LAKE HOMESTAY DONG DO | 5   | M00000074299 | M00000074303 |
| 10767 | HO KINH DOANH SUA XANH GROUP 2           | 3   | M00000225716 | M00000225718 |
| 10768 | HO KINH DOANH SUA XE DINH DAM            | 2   | M00000092809 | M00000092810 |
| 10769 | HO KINH DOANH SUA XE RUA XE 668          | 3   | M00000215564 | M00000215566 |
| 10770 | HO KINH DOANH SUN PET                    | 6   | M00000216055 | M00000216060 |
| 10771 | HO KINH DOANH SUN PET                    | 15  | M00000216418 | M00000216432 |
| 10772 | HO KINH DOANH SUN SPA                    | 1   | M00000091010 | M00000091010 |
| 10773 | HO KINH DOANH SUNFLOWER SPA              | 4   | M00000026774 | M00000026777 |
| 10774 | HO KINH DOANH SUPER NASTY                | 2   | M00000045414 | M00000045415 |
| 10775 | HO KINH DOANH SUSHI JION                 | 17  | M00000189526 | M00000189542 |
| 10776 | HO KINH DOANH SUSHI NGU                  | 1   | M00000089538 | M00000089538 |
| 10777 | HO KINH DOANH SUSHI TO                   | 10  | M00000207015 | M00000207024 |
| 10778 | HO KINH DOANH SUZY NAILS                 | 1   | M00000147372 | M00000147372 |
| 10779 | HO KINH DOANH SWING                      | 1   | M00000084062 | M00000084062 |
| 10780 | HO KINH DOANH T&T HAIR SALON             | 4   | M00000227257 | M00000227260 |
| 10781 | HO KINH DOANH TA KHANH LINH              | 4   | M00000221387 | M00000221390 |
| 10782 | HO KINH DOANH TA MANH HOACH              | 2   | M00000152586 | M00000152587 |
| 10783 | HO KINH DOANH TA QUANG LANH              | 2   | M00000122411 | M00000122412 |
| 10784 | HO KINH DOANH TA THI ANH                 | 3   | M00000068264 | M00000068266 |
| 10785 | HO KINH DOANH TA VAN TRUNG 1984          | 1   | M00000042854 | M00000042854 |
| 10786 | HO KINH DOANH TA VAN TUAN                | 13  | M00000119023 | M00000119035 |
| 10787 | HO KINH DOANH TA VIET VUONG              | 3   | M00000073428 | M00000073430 |
| 10788 | HO KINH DOANH TAI TUYET                  | 1   | M00000042743 | M00000042743 |
| 10789 | HO KINH DOANH TAM AN                     | 1   | M00000040400 | M00000040400 |
| 10790 | HO KINH DOANH TAM AN MY                  | 1   | M00000028719 | M00000028719 |
| 10791 | HO KINH DOANH TAM AN TINH                | 1   | M00000046859 | M00000046859 |
| 10792 | HO KINH DOANH TAM COC SERENITY HOTEL & B | 3   | M00000069384 | M00000069386 |
| 10793 | HO KINH DOANH TAM DUC                    | 5   | M00000217050 | M00000217054 |
| 10794 | HO KINH DOANH TAM NGUYEN (DUONG THE HUY) | 252 | M00000211853 | M00000212104 |
| 10795 | HO KINH DOANH TAMA                       | 14  | M00000027861 | M00000027874 |
| 10796 | HO KINH DOANH TAMU                       | 1   | M00000044593 | M00000044593 |
| 10797 | HO KINH DOANH TAN DINH VINTAGE           | 6   | M00000219956 | M00000219961 |
| 10798 | HO KINH DOANH TAN HUNG NGA               | 6   | M00000221582 | M00000221587 |
| 10799 | HO KINH DOANH TAN LONG HUNG              | 7   | M00000192196 | M00000192202 |
| 10800 | HO KINH DOANH TAN MY 1                   | 3   | M00000018979 | M00000018981 |
| 10801 | HO KINH DOANH TAN NGUYEN                 | 130 | M00000204570 | M00000204699 |
| 10802 | HO KINH DOANH TAN TAN QUAN               | 5   | M00000082250 | M00000082254 |
| 10803 | HO KINH DOANH TAN THANH SPORT            | 6   | M00000215501 | M00000215506 |
| 10804 | HO KINH DOANH TAN THAO HUYEN             | 1   | M00000139610 | M00000139610 |
| 10805 | HO KINH DOANH TANG THI DUYEN 1           | 4   | M00000065596 | M00000065599 |
| 10806 | HO KINH DOANH TANG VAN TRONG             | 2   | M00000046730 | M00000046731 |
| 10807 | HO KINH DOANH TAO DO ISTORE              | 7   | M00000117780 | M00000117786 |
| 10808 | HO KINH DOANH TAO VAN SON                | 2   | M00000046862 | M00000046863 |
| 10809 | HO KINH DOANH TAP HOA AN                 | 4   | M00000045013 | M00000045016 |
| 10810 | HO KINH DOANH TAP HOA CHINH THAO         | 2   | M00000031056 | M00000031057 |
| 10811 | HO KINH DOANH TAP HOA CO BA              | 2   | M00000090012 | M00000090013 |
| 10812 | HO KINH DOANH TAP HOA CO LY              | 4   | M00000222369 | M00000222372 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 10813 | HO KINH DOANH TAP HOA GIA ANH            | 1  | M00000148872 | M00000148872 |
| 10814 | HO KINH DOANH TAP HOA H                  | 3  | M00000041642 | M00000041644 |
| 10815 | HO KINH DOANH TAP HOA HA LAM             | 1  | M00000040394 | M00000040394 |
| 10816 | HO KINH DOANH TAP HOA HANG NHAT          | 1  | M00000155905 | M00000155905 |
| 10817 | HO KINH DOANH TAP HOA HANH               | 1  | M00000223134 | M00000223134 |
| 10818 | HO KINH DOANH TAP HOA HONG PHUC          | 9  | M00000027845 | M00000027853 |
| 10819 | HO KINH DOANH TAP HOA HONG PHUC          | 5  | M00000041089 | M00000041093 |
| 10820 | HO KINH DOANH TAP HOA HUNG LIEN          | 1  | M00000093248 | M00000093248 |
| 10821 | HO KINH DOANH TAP HOA KHANH NHAN         | 8  | M00000061923 | M00000061930 |
| 10822 | HO KINH DOANH TAP HOA LY MINH            | 2  | M00000215674 | M00000215675 |
| 10823 | HO KINH DOANH TAP HOA MY PHAM THANH TRAM | 1  | M00000149996 | M00000149996 |
| 10824 | HO KINH DOANH TAP HOA NGOC HAN           | 1  | M00000134664 | M00000134664 |
| 10825 | HO KINH DOANH TAP HOA PHUC NGAN 1        | 1  | M00000145504 | M00000145504 |
| 10826 | HO KINH DOANH TAP HOA TAO                | 2  | M00000153275 | M00000153276 |
| 10827 | HO KINH DOANH TAP HOA THAO NHU           | 1  | M00000156940 | M00000156940 |
| 10828 | HO KINH DOANH TAP HOA THAO VY            | 5  | M00000043959 | M00000043963 |
| 10829 | HO KINH DOANH TAP HOA THIEN HA           | 1  | M00000222655 | M00000222655 |
| 10830 | HO KINH DOANH TAP HOA THU NGAN           | 1  | M00000041910 | M00000041910 |
| 10831 | HO KINH DOANH TAP HOA TIEN DAT           | 1  | M00000141324 | M00000141324 |
| 10832 | HO KINH DOANH TAP HOA TRINH BO           | 2  | M00000153271 | M00000153272 |
| 10833 | HO KINH DOANH TAP HOA TUAN HOA           | 24 | M00000026966 | M00000026989 |
| 10834 | HO KINH DOANH TAP HOA XUAN HIEP          | 3  | M00000215525 | M00000215527 |
| 10835 | HO KINH DOANH T-ARMY                     | 2  | M00000150054 | M00000150055 |
| 10836 | HO KINH DOANH TARZAN                     | 1  | M00000208550 | M00000208550 |
| 10837 | HO KINH DOANH TAY LAI 2                  | 2  | M00000091218 | M00000091219 |
| 10838 | HO KINH DOANH TCH MART                   | 29 | M00000204432 | M00000204460 |
| 10839 | HO KINH DOANH TDM FITNESS AND BOXING     | 1  | M00000200770 | M00000200770 |
| 10840 | HO KINH DOANH TE SPA                     | 2  | M00000134016 | M00000134017 |
| 10841 | HO KINH DOANH TEAFRUIT                   | 6  | M00000073325 | M00000073330 |
| 10842 | HO KINH DOANH TEEMAY                     | 3  | M00000217599 | M00000217601 |
| 10843 | HO KINH DOANH TEEMAY 07                  | 2  | M00000225710 | M00000225711 |
| 10844 | HO KINH DOANH TEMOMI SPA                 | 1  | M00000041634 | M00000041634 |
| 10845 | HO KINH DOANH TEPPAN YAKI DIAMOND        | 6  | M00000031407 | M00000031412 |
| 10846 | HO KINH DOANH TH MOBILE                  | 1  | M00000145563 | M00000145563 |
| 10847 | HO KINH DOANH THACH                      | 3  | M00000224417 | M00000224419 |
| 10848 | HO KINH DOANH THAI BINH 273              | 7  | M00000153503 | M00000153509 |
| 10849 | HO KINH DOANH THAI FOOD                  | 11 | M00000024067 | M00000024077 |
| 10850 | HO KINH DOANH THAI THANH                 | 5  | M00000192191 | M00000192195 |
| 10851 | HO KINH DOANH THAI THANH QUAN NT         | 1  | M00000139672 | M00000139672 |
| 10852 | HO KINH DOANH THAM LUC                   | 2  | M00000223833 | M00000223834 |
| 10853 | HO KINH DOANH THAM MY PHUONG LOAN        | 2  | M00000117835 | M00000117836 |
| 10854 | HO KINH DOANH THAN NGUYET MINH           | 4  | M00000042037 | M00000042040 |
| 10855 | HO KINH DOANH THAN THE DINH              | 1  | M00000057272 | M00000057272 |
| 10856 | HO KINH DOANH THAN THI PHUC              | 1  | M00000072107 | M00000072107 |
| 10857 | HO KINH DOANH THAN THI PHUC              | 5  | M00000074373 | M00000074377 |
| 10858 | HO KINH DOANH THAN THI THAO              | 1  | M00000072179 | M00000072179 |
| 10859 | HO KINH DOANH THAN THI TUYET HONG        | 2  | M00000089829 | M00000089830 |
| 10860 | HO KINH DOANH THAN VAN DINH              | 1  | M00000074739 | M00000074739 |
| 10861 | HO KINH DOANH THAN VAN HANH              | 10 | M00000058687 | M00000058696 |
| 10862 | HO KINH DOANH THAN VAN TAN               | 16 | M00000061047 | M00000061062 |
| 10863 | HO KINH DOANH THAN VAN THUONG            | 4  | M00000058683 | M00000058686 |
| 10864 | HO KINH DOANH THANG CAO SPORTS           | 4  | M00000146254 | M00000146257 |
| 10865 | HO KINH DOANH THANH DAT 696              | 2  | M00000040566 | M00000040567 |
| 10866 | HO KINH DOANH THANH DUONG                | 5  | M00000133764 | M00000133768 |
| 10867 | HO KINH DOANH THANH DUY                  | 6  | M00000089955 | M00000089960 |
| 10868 | HO KINH DOANH THANH HUNG                 | 3  | M00000148900 | M00000148902 |
| 10869 | HO KINH DOANH THANH LIEM                 | 6  | M00000141279 | M00000141284 |
| 10870 | HO KINH DOANH THANH LINH COSMETIC 1688   | 31 | M00000048093 | M00000048123 |
| 10871 | HO KINH DOANH THANH PHAT                 | 1  | M00000091802 | M00000091802 |
| 10872 | HO KINH DOANH THANH QUANG                | 1  | M00000085587 | M00000085587 |
| 10873 | HO KINH DOANH THANH SU                   | 3  | M00000091715 | M00000091717 |
| 10874 | HO KINH DOANH THANH THANH                | 1  | M00000223470 | M00000223470 |
| 10875 | HO KINH DOANH THANH THANH SHOP           | 1  | M00000221571 | M00000221571 |
| 10876 | HO KINH DOANH THANH THIEN MART           | 7  | M00000210459 | M00000210465 |
| 10877 | HO KINH DOANH THANH THUY                 | 3  | M00000156829 | M00000156831 |
| 10878 | HO KINH DOANH THANH TIEP - DAC SAN MANG  | 1  | M00000130172 | M00000130172 |
| 10879 | HO KINH DOANH THANH TRANG                | 3  | M00000086840 | M00000086842 |
| 10880 | HO KINH DOANH THANH TUNG                 | 4  | M00000084900 | M00000084903 |



|       |                                          |     |              |              |
|-------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 10881 | HO KINH DOANH THAO CUA CA MAU            | 1   | M00000040114 | M00000040114 |
| 10882 | HO KINH DOANH THE BUTTER BAKE            | 36  | M00000219702 | M00000219737 |
| 10883 | HO KINH DOANH THE DUC THE THAO NGOC LAN  | 3   | M00000090980 | M00000090982 |
| 10884 | HO KINH DOANH THE FIRST PERFUME          | 1   | M00000216054 | M00000216054 |
| 10885 | HO KINH DOANH THE HIDDEN SPINE           | 3   | M00000210338 | M00000210340 |
| 10886 | HO KINH DOANH THE HOT BEER GARDEN        | 18  | M00000136666 | M00000136683 |
| 10887 | HO KINH DOANH THE LEGEND FITNESS AND YOG | 8   | M00000059032 | M00000059039 |
| 10888 | HO KINH DOANH THE LOCK                   | 22  | M00000032323 | M00000032344 |
| 10889 | HO KINH DOANH THE ONE FITNESS            | 5   | M00000145688 | M00000145692 |
| 10890 | HO KINH DOANH THE PEARL                  | 1   | M00000209679 | M00000209679 |
| 10891 | HO KINH DOANH THE PILATES 100            | 4   | M00000046657 | M00000046660 |
| 10892 | HO KINH DOANH THE PREMIUM BUTCHER        | 15  | M00000018131 | M00000018145 |
| 10893 | HO KINH DOANH THE ROSE                   | 1   | M00000042987 | M00000042987 |
| 10894 | HO KINH DOANH THE SCORPIO                | 5   | M00000222525 | M00000222529 |
| 10895 | HO KINH DOANH THE SIGNATURE              | 1   | M00000139034 | M00000139034 |
| 10896 | HO KINH DOANH THE SKIN LAB 1             | 2   | M00000220415 | M00000220416 |
| 10897 | HO KINH DOANH THE SQN                    | 2   | M00000139533 | M00000139534 |
| 10898 | HO KINH DOANH THE SWAN ATELIERE          | 9   | M00000218226 | M00000218234 |
| 10899 | HO KINH DOANH THE THAO - DU LICH PROVA   | 1   | M00000156729 | M00000156729 |
| 10900 | HO KINH DOANH THE THAO HOANG GIANG       | 1   | M00000046757 | M00000046757 |
| 10901 | HO KINH DOANH THE TREE KARAOKE           | 4   | M00000217985 | M00000217988 |
| 10902 | HO KINH DOANH THE TWELVE                 | 3   | M00000212568 | M00000212570 |
| 10903 | HO KINH DOANH THEA - NAIL & BEATE ATELIE | 7   | M00000214228 | M00000214234 |
| 10904 | HO KINH DOANH THEKINGS                   | 6   | M00000208820 | M00000208825 |
| 10905 | HO KINH DOANH THEMOSSBOX                 | 1   | M00000191242 | M00000191242 |
| 10906 | HO KINH DOANH THEWEEZ HAIR STUDIO        | 8   | M00000042933 | M00000042940 |
| 10907 | HO KINH DOANH THI MY XUYEN               | 1   | M00000199002 | M00000199002 |
| 10908 | HO KINH DOANH THI THO                    | 1   | M00000221569 | M00000221569 |
| 10909 | HO KINH DOANH THIEN AN 1                 | 1   | M00000220714 | M00000220714 |
| 10910 | HO KINH DOANH THIEN MINH                 | 2   | M00000083470 | M00000083471 |
| 10911 | HO KINH DOANH THIEN PHUC MOBILE          | 3   | M00000082611 | M00000082613 |
| 10912 | HO KINH DOANH THIEN QUANG                | 4   | M00000114014 | M00000114017 |
| 10913 | HO KINH DOANH THIEN TAM                  | 7   | M00000192571 | M00000192577 |
| 10914 | HO KINH DOANH THIEP LA                   | 3   | M00000208684 | M00000208686 |
| 10915 | HO KINH DOANH THIET BI VE SINH THU HA    | 6   | M00000041124 | M00000041129 |
| 10916 | HO KINH DOANH THIRD WAVE ROASTERY        | 5   | M00000041038 | M00000041042 |
| 10917 | HO KINH DOANH THO TAY                    | 2   | M00000220622 | M00000220623 |
| 10918 | HO KINH DOANH THOA NANG- G7MART          | 13  | M00000075641 | M00000075653 |
| 10919 | HO KINH DOANH THOA VIHOTEL               | 7   | M00000133756 | M00000133762 |
| 10920 | HO KINH DOANH THOC STORE                 | 2   | M00000128926 | M00000128927 |
| 10921 | HO KINH DOANH THOI TRANG 12HH LINH DAM   | 2   | M00000040377 | M00000040378 |
| 10922 | HO KINH DOANH THOI TRANG 231 CHUA BOC    | 4   | M00000026779 | M00000026782 |
| 10923 | HO KINH DOANH THOI TRANG 72 CHUA LANG    | 2   | M00000040130 | M00000040131 |
| 10924 | HO KINH DOANH THOI TRANG ARISITINO       | 1   | M00000037696 | M00000037696 |
| 10925 | HO KINH DOANH THOI TRANG GUMAC QUY NHON  | 1   | M00000152829 | M00000152829 |
| 10926 | HO KINH DOANH THOI TRANG HIEN MODE       | 38  | M00000044546 | M00000044583 |
| 10927 | HO KINH DOANH THOI TRANG LO LEM          | 2   | M00000134012 | M00000134013 |
| 10928 | HO KINH DOANH THOI TRANG LOLEM           | 2   | M00000133790 | M00000133791 |
| 10929 | HO KINH DOANH THOI TRANG ROLL SNEAKER    | 6   | M00000044891 | M00000044896 |
| 10930 | HO KINH DOANH THOI TRANG TAM DO          | 2   | M00000030171 | M00000030172 |
| 10931 | HO KINH DOANH THONG                      | 1   | M00000154147 | M00000154147 |
| 10932 | HO KINH DOANH THU HA                     | 5   | M00000190293 | M00000190297 |
| 10933 | HO KINH DOANH THU PHUONG CLINIC          | 2   | M00000058952 | M00000058953 |
| 10934 | HO KINH DOANH THU TRANG SPORT            | 1   | M00000039570 | M00000039570 |
| 10935 | HO KINH DOANH THUAN PHAT                 | 2   | M00000220408 | M00000220409 |
| 10936 | HO KINH DOANH THUAN STORE LUXURY         | 3   | M00000223200 | M00000223202 |
| 10937 | HO KINH DOANH THUAN THAO                 | 2   | M00000215637 | M00000215638 |
| 10938 | HO KINH DOANH THUC - MY DUNG             | 1   | M00000165328 | M00000165328 |
| 10939 | HO KINH DOANH THUC PHAM NHAP KHAU        | 9   | M00000054743 | M00000054751 |
| 10940 | HO KINH DOANH THUC PHAM THANH THUY       | 1   | M00000145266 | M00000145266 |
| 10941 | HO KINH DOANH THUONG MAI SAN XUAT NHI LO | 1   | M00000036536 | M00000036536 |
| 10942 | HO KINH DOANH THUONG SPA                 | 16  | M00000128763 | M00000128778 |
| 10943 | HO KINH DOANH THUY DUONG                 | 2   | M00000043336 | M00000043337 |
| 10944 | HO KINH DOANH THUY HAI SAN THUY HA       | 172 | M00000045041 | M00000045212 |
| 10945 | HO KINH DOANH THUY HO 1976               | 5   | M00000135539 | M00000135543 |
| 10946 | HO KINH DOANH THUY HOA                   | 1   | M00000089615 | M00000089615 |
| 10947 | HO KINH DOANH THUY LADY                  | 4   | M00000061967 | M00000061970 |
| 10948 | HO KINH DOANH THUY SHOP                  | 4   | M00000198977 | M00000198980 |

|       |                                          |     |              |              |
|-------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 10949 | HO KINH DOANH THUY THANH                 | 1   | M00000147474 | M00000147474 |
| 10950 | HO KINH DOANH THUY TIEN STORE            | 2   | M00000156936 | M00000156937 |
| 10951 | HO KINH DOANH THUY TRAM                  | 3   | M00000083510 | M00000083512 |
| 10952 | HO KINH DOANH TI DO STORE                | 1   | M00000086688 | M00000086688 |
| 10953 | HO KINH DOANH TIAMO                      | 1   | M00000034745 | M00000034745 |
| 10954 | HO KINH DOANH TIARA                      | 5   | M00000145954 | M00000145958 |
| 10955 | HO KINH DOANH TIEM AN 16                 | 1   | M00000040442 | M00000040442 |
| 10956 | HO KINH DOANH TIEM AN MIU MIU (TRAN THI  | 6   | M00000150362 | M00000150367 |
| 10957 | HO KINH DOANH TIEM AN SHIKI              | 3   | M00000155778 | M00000155780 |
| 10958 | HO KINH DOANH TIEM BAC ANH THU           | 1   | M00000197529 | M00000197529 |
| 10959 | HO KINH DOANH TIEM BAC HAI DUONG 6       | 1   | M00000226634 | M00000226634 |
| 10960 | HO KINH DOANH TIEM BAC ONMOOD            | 1   | M00000146069 | M00000146069 |
| 10961 | HO KINH DOANH TIEM BANH AN AN            | 1   | M00000147968 | M00000147968 |
| 10962 | HO KINH DOANH TIEM BANH HUONG PARIS      | 1   | M00000043927 | M00000043927 |
| 10963 | HO KINH DOANH TIEM BANH VAN              | 2   | M00000145505 | M00000145506 |
| 10964 | HO KINH DOANH TIEM CAM DO KIM TAN PHAT   | 121 | M00000225038 | M00000225158 |
| 10965 | HO KINH DOANH TIEM CHUNG MINH H          | 2   | M00000156763 | M00000156764 |
| 10966 | HO KINH DOANH TIEM CUOI CO TICH          | 2   | M00000156069 | M00000156070 |
| 10967 | HO KINH DOANH TIEM GIAY CAM              | 1   | M00000043195 | M00000043195 |
| 10968 | HO KINH DOANH TIEM GOI DAU YEN           | 1   | M00000092033 | M00000092033 |
| 10969 | HO KINH DOANH TIEM LUOI                  | 1   | M00000150905 | M00000150905 |
| 10970 | HO KINH DOANH TIEM MEOWSHOP              | 1   | M00000048230 | M00000048230 |
| 10971 | HO KINH DOANH TIEM NHA BONG              | 1   | M00000040557 | M00000040557 |
| 10972 | HO KINH DOANH TIEM TOC LANG TU           | 2   | M00000149973 | M00000149974 |
| 10973 | HO KINH DOANH TIEM TOC TOMY              | 8   | M00000217042 | M00000217049 |
| 10974 | HO KINH DOANH TIEM TRA AN NHIE           | 7   | M00000210447 | M00000210453 |
| 10975 | HO KINH DOANH TIEM VAI CAM VINH 1        | 2   | M00000089766 | M00000089767 |
| 10976 | HO KINH DOANH TIEM VAI PHUONG ANH        | 9   | M00000149936 | M00000149944 |
| 10977 | HO KINH DOANH TIEM YEN CHUNG             | 1   | M00000153512 | M00000153512 |
| 10978 | HO KINH DOANH TIEN CHU MOBILE            | 1   | M00000090146 | M00000090146 |
| 10979 | HO KINH DOANH TIEN DUNG                  | 2   | M00000156570 | M00000156571 |
| 10980 | HO KINH DOANH TIENG LE                   | 12  | M00000219161 | M00000219172 |
| 10981 | HO KINH DOANH TIGON COFFEE               | 3   | M00000133726 | M00000133728 |
| 10982 | HO KINH DOANH TIM KAFE-                  | 1   | M00000047314 | M00000047314 |
| 10983 | HO KINH DOANH TINH HOA                   | 2   | M00000145711 | M00000145712 |
| 10984 | HO KINH DOANH TIPBLU                     | 3   | M00000216544 | M00000216546 |
| 10985 | HO KINH DOANH TIRA ACTIVE                | 4   | M00000040779 | M00000040782 |
| 10986 | HO KINH DOANH TITAN                      | 1   | M00000027056 | M00000027056 |
| 10987 | HO KINH DOANH TIU TIT MILK TEA           | 1   | M00000142225 | M00000142225 |
| 10988 | HO KINH DOANH TO CONG THANG              | 3   | M00000155786 | M00000155788 |
| 10989 | HO KINH DOANH TO HAIR II                 | 10  | M00000092079 | M00000092088 |
| 10990 | HO KINH DOANH TO QUAN                    | 2   | M00000156056 | M00000156057 |
| 10991 | HO KINH DOANH TO THI THU THAO            | 1   | M00000090147 | M00000090147 |
| 10992 | HO KINH DOANH TOAN NGOC 2                | 52  | M00000117213 | M00000117264 |
| 10993 | HO KINH DOANH TOAN NGUYEN                | 4   | M00000145966 | M00000145969 |
| 10994 | HO KINH DOANH TOAN SONG THAN             | 20  | M00000216712 | M00000216731 |
| 10995 | HO KINH DOANH TOC GIA HANA QUYNH         | 1   | M00000219264 | M00000219264 |
| 10996 | HO KINH DOANH TOC GIA HUNG JUSTYLE       | 1   | M00000040401 | M00000040401 |
| 10997 | HO KINH DOANH TODAY                      | 4   | M00000089487 | M00000089490 |
| 10998 | HO KINH DOANH TOKYO 2                    | 1   | M00000152816 | M00000152816 |
| 10999 | HO KINH DOANH TON SAT KIM VAN            | 1   | M00000146086 | M00000146086 |
| 11000 | HO KINH DOANH TONG QUANG HOP             | 1   | M00000071940 | M00000071940 |
| 11001 | HO KINH DOANH T-PHONE                    | 2   | M00000147562 | M00000147563 |
| 11002 | HO KINH DOANH TRA CA PHE TAN SANH        | 1   | M00000192378 | M00000192378 |
| 11003 | HO KINH DOANH TRA QUYNH 86               | 1   | M00000048253 | M00000048253 |
| 11004 | HO KINH DOANH TRA SUA & AN VAT & MI CAY  | 1   | M00000145710 | M00000145710 |
| 11005 | HO KINH DOANH TRA SUA CA PHE OCHA        | 2   | M00000071680 | M00000071681 |
| 11006 | HO KINH DOANH TRA SUA HONG KONG          | 1   | M00000222713 | M00000222713 |
| 11007 | HO KINH DOANH TRA SUA HONG KONG          | 1   | M00000222716 | M00000222716 |
| 11008 | HO KINH DOANH TRA SUA HONG KONG BALEY    | 2   | M00000215467 | M00000215468 |
| 11009 | HO KINH DOANH TRA SUA KHA UYEN           | 1   | M00000141487 | M00000141487 |
| 11010 | HO KINH DOANH TRA SUA SO 6 CHUA QUYNH    | 1   | M00000043161 | M00000043161 |
| 11011 | HO KINH DOANH TRA SUA TRON 94            | 7   | M00000209197 | M00000209203 |
| 11012 | HO KINH DOANH TRA SUA YIHETANG 91 NGUYEN | 2   | M00000043833 | M00000043834 |
| 11013 | HO KINH DOANH TRAI CAY CO HIEN           | 1   | M00000225222 | M00000225222 |
| 11014 | HO KINH DOANH TRAI CAY FRUITS            | 1   | M00000041622 | M00000041622 |
| 11015 | HO KINH DOANH TRAKY                      | 2   | M00000225223 | M00000225224 |
| 11016 | HO KINH DOANH TRAN - THANH               | 1   | M00000215561 | M00000215561 |

|       |                                     |     |              |              |
|-------|-------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 11017 | HO KINH DOANH TRAN BICH HANG        | 4   | M00000072155 | M00000072158 |
| 11018 | HO KINH DOANH TRAN CONG DUY         | 1   | M00000116933 | M00000116933 |
| 11019 | HO KINH DOANH TRAN CONG MINH 1996   | 1   | M00000041032 | M00000041032 |
| 11020 | HO KINH DOANH TRAN DAT              | 3   | M00000048409 | M00000048411 |
| 11021 | HO KINH DOANH TRAN DINH HAM         | 5   | M00000058697 | M00000058701 |
| 11022 | HO KINH DOANH TRAN DINH HUY         | 1   | M00000155899 | M00000155899 |
| 11023 | HO KINH DOANH TRAN DINH NHAN        | 39  | M00000128982 | M00000129020 |
| 11024 | HO KINH DOANH TRAN DINH QUA 1981    | 4   | M00000152735 | M00000152738 |
| 11025 | HO KINH DOANH TRAN DUC HOANG CHUONG | 24  | M00000076052 | M00000076075 |
| 11026 | HO KINH DOANH TRAN DUY ANH          | 1   | M00000090181 | M00000090181 |
| 11027 | HO KINH DOANH TRAN DUY DIEU         | 1   | M00000149804 | M00000149804 |
| 11028 | HO KINH DOANH TRAN GIA VIET         | 1   | M00000221683 | M00000221683 |
| 11029 | HO KINH DOANH TRAN HUNG CHUNG       | 2   | M00000075245 | M00000075246 |
| 11030 | HO KINH DOANH TRAN HUY THO          | 34  | M00000044032 | M00000044065 |
| 11031 | HO KINH DOANH TRAN LE LAM           | 3   | M00000059313 | M00000059315 |
| 11032 | HO KINH DOANH TRAN MANH CUONG 96    | 7   | M00000076076 | M00000076082 |
| 11033 | HO KINH DOANH TRAN MINH TRANG       | 9   | M00000067139 | M00000067147 |
| 11034 | HO KINH DOANH TRAN MINH XUAN        | 2   | M00000074073 | M00000074074 |
| 11035 | HO KINH DOANH TRAN NAM THUC         | 1   | M00000152569 | M00000152569 |
| 11036 | HO KINH DOANH TRAN NGA              | 2   | M00000045839 | M00000045840 |
| 11037 | HO KINH DOANH TRAN NGOC THANH THU   | 3   | M00000152566 | M00000152568 |
| 11038 | HO KINH DOANH TRAN NGUYEN THAO      | 1   | M00000073525 | M00000073525 |
| 11039 | HO KINH DOANH TRAN NGUYEN TU ANH    | 1   | M00000133993 | M00000133993 |
| 11040 | HO KINH DOANH TRAN PHUC DUY         | 3   | M00000072021 | M00000072023 |
| 11041 | HO KINH DOANH TRAN QUANG            | 2   | M00000201177 | M00000201178 |
| 11042 | HO KINH DOANH TRAN QUANG DAI        | 4   | M00000149805 | M00000149808 |
| 11043 | HO KINH DOANH TRAN QUANG HIEN       | 11  | M00000075879 | M00000075889 |
| 11044 | HO KINH DOANH TRAN QUOC DAT         | 2   | M00000044889 | M00000044890 |
| 11045 | HO KINH DOANH TRAN TAM DUC          | 523 | M00000047570 | M00000048092 |
| 11046 | HO KINH DOANH TRAN THAI BAO QUYEN   | 45  | M00000198277 | M00000198321 |
| 11047 | HO KINH DOANH TRAN THANH MAI 1974   | 2   | M00000031954 | M00000031955 |
| 11048 | HO KINH DOANH TRAN THANH TAM        | 20  | M00000124612 | M00000124631 |
| 11049 | HO KINH DOANH TRAN THI XUAN         | 1   | M00000027442 | M00000027442 |
| 11050 | HO KINH DOANH TRAN THI BANG CHAU    | 1   | M00000191946 | M00000191946 |
| 11051 | HO KINH DOANH TRAN THI DAN 1955     | 1   | M00000037735 | M00000037735 |
| 11052 | HO KINH DOANH TRAN THI DOAN         | 2   | M00000070606 | M00000070607 |
| 11053 | HO KINH DOANH TRAN THI HA 1995      | 1   | M00000044252 | M00000044252 |
| 11054 | HO KINH DOANH TRAN THI HIEN         | 1   | M00000068845 | M00000068845 |
| 11055 | HO KINH DOANH TRAN THI HOA          | 9   | M00000138334 | M00000138342 |
| 11056 | HO KINH DOANH TRAN THI HUE          | 1   | M00000149505 | M00000149505 |
| 11057 | HO KINH DOANH TRAN THI HUYEN        | 56  | M00000061819 | M00000061874 |
| 11058 | HO KINH DOANH TRAN THI KHUYEN       | 13  | M00000156074 | M00000156086 |
| 11059 | HO KINH DOANH TRAN THI LANH         | 1   | M00000203232 | M00000203232 |
| 11060 | HO KINH DOANH TRAN THI LE THU       | 33  | M00000144815 | M00000144847 |
| 11061 | HO KINH DOANH TRAN THI LIEN         | 17  | M00000044734 | M00000044750 |
| 11062 | HO KINH DOANH TRAN THI LIEN         | 2   | M00000146062 | M00000146063 |
| 11063 | HO KINH DOANH TRAN THI LOC          | 1   | M00000148932 | M00000148932 |
| 11064 | HO KINH DOANH TRAN THI LY           | 4   | M00000034762 | M00000034765 |
| 11065 | HO KINH DOANH TRAN THI MY TAM       | 2   | M00000204368 | M00000204369 |
| 11066 | HO KINH DOANH TRAN THI NGHIA        | 1   | M00000145740 | M00000145740 |
| 11067 | HO KINH DOANH TRAN THI NGOC DIEP    | 1   | M00000149811 | M00000149811 |
| 11068 | HO KINH DOANH TRAN THI NHUNG        | 8   | M00000071045 | M00000071052 |
| 11069 | HO KINH DOANH TRAN THI NHUNG - 69   | 41  | M00000072184 | M00000072224 |
| 11070 | HO KINH DOANH TRAN THI NHUNG 1989   | 2   | M00000043940 | M00000043941 |
| 11071 | HO KINH DOANH TRAN THI NINH         | 16  | M00000057491 | M00000057506 |
| 11072 | HO KINH DOANH TRAN THI NO           | 2   | M00000074131 | M00000074132 |
| 11073 | HO KINH DOANH TRAN THI PHUONG       | 6   | M00000218002 | M00000218007 |
| 11074 | HO KINH DOANH TRAN THI QUYEN 1      | 5   | M00000067663 | M00000067667 |
| 11075 | HO KINH DOANH TRAN THI THANH XUYEN  | 1   | M00000055084 | M00000055084 |
| 11076 | HO KINH DOANH TRAN THI THAO - 1998  | 8   | M00000064966 | M00000064973 |
| 11077 | HO KINH DOANH TRAN THI THOM 1956    | 3   | M00000076101 | M00000076103 |
| 11078 | HO KINH DOANH TRAN THI THU HA       | 2   | M00000220779 | M00000220780 |
| 11079 | HO KINH DOANH TRAN THI THU LAN      | 108 | M00000122665 | M00000122772 |
| 11080 | HO KINH DOANH TRAN THI THUY PHUONG  | 1   | M00000071871 | M00000071871 |
| 11081 | HO KINH DOANH TRAN THI THUY TRAM 1  | 1   | M00000147653 | M00000147653 |
| 11082 | HO KINH DOANH TRAN THI TRA-RUA VANG | 1   | M00000075001 | M00000075001 |
| 11083 | HO KINH DOANH TRAN THI TUYET        | 1   | M00000152588 | M00000152588 |
| 11084 | HO KINH DOANH TRAN THI TUYET CHINH  | 3   | M00000216475 | M00000216477 |

|       |                                      |     |              |              |
|-------|--------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 11085 | HO KINH DOANH TRAN THI TUYET PHI     | 2   | M00000147731 | M00000147732 |
| 11086 | HO KINH DOANH TRAN THI VAN ANH       | 1   | M00000049350 | M00000049350 |
| 11087 | HO KINH DOANH TRAN THI YEN           | 1   | M00000147695 | M00000147695 |
| 11088 | HO KINH DOANH TRAN THU HUONG         | 6   | M00000208814 | M00000208819 |
| 11089 | HO KINH DOANH TRAN THY DAN VY        | 8   | M00000149873 | M00000149880 |
| 11090 | HO KINH DOANH TRAN TRONG BIEN        | 2   | M00000072230 | M00000072231 |
| 11091 | HO KINH DOANH TRAN VAN CHIEN         | 4   | M00000071830 | M00000071833 |
| 11092 | HO KINH DOANH TRAN VAN LAM           | 7   | M00000218441 | M00000218447 |
| 11093 | HO KINH DOANH TRAN VAN LOI           | 3   | M00000148937 | M00000148939 |
| 11094 | HO KINH DOANH TRAN VAN NAM           | 1   | M00000042654 | M00000042654 |
| 11095 | HO KINH DOANH TRAN VAN NGHIA         | 15  | M00000055060 | M00000055074 |
| 11096 | HO KINH DOANH TRAN VAN PHUONG        | 1   | M00000042962 | M00000042962 |
| 11097 | HO KINH DOANH TRAN VAN SON           | 15  | M00000031201 | M00000031215 |
| 11098 | HO KINH DOANH TRAN VAN TIEN          | 1   | M00000074002 | M00000074002 |
| 11099 | HO KINH DOANH TRAN VAN TIEN          | 173 | M00000227532 | M00000227704 |
| 11100 | HO KINH DOANH TRAN XUAN THANH        | 5   | M00000203355 | M00000203359 |
| 11101 | HO KINH DOANH TRAN YEN               | 1   | M00000089817 | M00000089817 |
| 11102 | HO KINH DOANH TRANG BUI              | 6   | M00000031919 | M00000031924 |
| 11103 | HO KINH DOANH TRANG CHI              | 1   | M00000224713 | M00000224713 |
| 11104 | HO KINH DOANH TRANG KIDS             | 1   | M00000091831 | M00000091831 |
| 11105 | HO KINH DOANH TRANG TAY SPA          | 2   | M00000152499 | M00000152500 |
| 11106 | HO KINH DOANH TRANG TRAN FRUITS      | 1   | M00000090161 | M00000090161 |
| 11107 | HO KINH DOANH TRANGHOANGG            | 5   | M00000027758 | M00000027762 |
| 11108 | HO KINH DOANH TRE 1                  | 2   | M00000140533 | M00000140534 |
| 11109 | HO KINH DOANH TRE XANH               | 1   | M00000089748 | M00000089748 |
| 11110 | HO KINH DOANH TRINH BA TUYEN         | 5   | M00000040568 | M00000040572 |
| 11111 | HO KINH DOANH TRINH HUY LIEU         | 1   | M00000042527 | M00000042527 |
| 11112 | HO KINH DOANH TRINH THI HUYEN CHAM   | 4   | M00000048398 | M00000048401 |
| 11113 | HO KINH DOANH TRINH THI NGOC BAO     | 26  | M00000032270 | M00000032295 |
| 11114 | HO KINH DOANH TRINH THI PHUONG DUNG  | 11  | M00000208628 | M00000208638 |
| 11115 | HO KINH DOANH TRINH THI THU HIEN     | 9   | M00000044859 | M00000044867 |
| 11116 | HO KINH DOANH TRINH THI THU HONG     | 7   | M00000091736 | M00000091742 |
| 11117 | HO KINH DOANH TRINH THUY HA          | 1   | M00000071887 | M00000071887 |
| 11118 | HO KINH DOANH TRINH THUY HANH        | 1   | M00000074163 | M00000074163 |
| 11119 | HO KINH DOANH TRINH VO MY LINH       | 1   | M00000152234 | M00000152234 |
| 11120 | HO KINH DOANH TRIUMPH SO 1           | 1   | M00000042015 | M00000042015 |
| 11121 | HO KINH DOANH TRO BILLIARDS CLUB     | 3   | M00000046777 | M00000046779 |
| 11122 | HO KINH DOANH TRO LAI                | 8   | M00000206892 | M00000206899 |
| 11123 | HO KINH DOANH TRONG HOANG            | 1   | M00000140400 | M00000140400 |
| 11124 | HO KINH DOANH TRONG TUAN             | 3   | M00000140401 | M00000140403 |
| 11125 | HO KINH DOANH TRUC PHUONG            | 8   | M00000225417 | M00000225424 |
| 11126 | HO KINH DOANH TRUC TUNG              | 10  | M00000091804 | M00000091813 |
| 11127 | HO KINH DOANH TRUM CUA               | 1   | M00000144201 | M00000144201 |
| 11128 | HO KINH DOANH TRUNG NGUYEN           | 1   | M00000152572 | M00000152572 |
| 11129 | HO KINH DOANH TRUONG BA VINH         | 2   | M00000215435 | M00000215436 |
| 11130 | HO KINH DOANH TRUONG CONG KHANH      | 1   | M00000091157 | M00000091157 |
| 11131 | HO KINH DOANH TRUONG KHAC TIEN 1     | 5   | M00000068965 | M00000068969 |
| 11132 | HO KINH DOANH TRUONG KHANH TRINH     | 1   | M00000135544 | M00000135544 |
| 11133 | HO KINH DOANH TRUONG PHONG           | 2   | M00000091713 | M00000091714 |
| 11134 | HO KINH DOANH TRUONG QUOC HUU        | 2   | M00000072143 | M00000072144 |
| 11135 | HO KINH DOANH TRUONG THI BICH DAO 68 | 1   | M00000042853 | M00000042853 |
| 11136 | HO KINH DOANH TRUONG THI DIEU TRAM   | 2   | M00000090604 | M00000090605 |
| 11137 | HO KINH DOANH TRUONG THI PHUONG      | 13  | M00000133406 | M00000133418 |
| 11138 | HO KINH DOANH TRUONG THI TAM         | 2   | M00000156583 | M00000156584 |
| 11139 | HO KINH DOANH TRUONG THI THANH THUY  | 33  | M00000089574 | M00000089606 |
| 11140 | HO KINH DOANH TRUONG THI THU THUONG  | 3   | M00000071558 | M00000071560 |
| 11141 | HO KINH DOANH TRUONG THO             | 4   | M00000146292 | M00000146295 |
| 11142 | HO KINH DOANH TRUONG TIEN            | 2   | M00000146056 | M00000146057 |
| 11143 | HO KINH DOANH TRUONG VAN CAO         | 5   | M00000073014 | M00000073018 |
| 11144 | HO KINH DOANH TRUONG VAN TAM         | 2   | M00000216201 | M00000216202 |
| 11145 | HO KINH DOANH TRUONG VAN THANG       | 4   | M00000225462 | M00000225465 |
| 11146 | HO KINH DOANH TRUONG XUAN BANG       | 3   | M00000068498 | M00000068500 |
| 11147 | HO KINH DOANH TU                     | 3   | M00000091480 | M00000091482 |
| 11148 | HO KINH DOANH TU ANH                 | 6   | M00000120494 | M00000120499 |
| 11149 | HO KINH DOANH TU GA                  | 2   | M00000045230 | M00000045231 |
| 11150 | HO KINH DOANH TU HIEU KY             | 8   | M00000168765 | M00000168772 |
| 11151 | HO KINH DOANH TU HIEU VINH HOA       | 40  | M00000081323 | M00000081362 |
| 11152 | HO KINH DOANH TU HOA                 | 1   | M00000142195 | M00000142195 |

|       |                                         |    |              |              |
|-------|-----------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 11153 | HO KINH DOANH TU HOANG STORE            | 1  | M00000134422 | M00000134422 |
| 11154 | HO KINH DOANH TU NGHIA                  | 1  | M00000147905 | M00000147905 |
| 11155 | HO KINH DOANH TU TRAN                   | 14 | M00000080968 | M00000080981 |
| 11156 | HO KINH DOANH TUAN                      | 2  | M00000091303 | M00000091304 |
| 11157 | HO KINH DOANH TUAN                      | 1  | M00000135749 | M00000135749 |
| 11158 | HO KINH DOANH TUAN ANH MOBILE           | 3  | M00000072104 | M00000072106 |
| 11159 | HO KINH DOANH TUAN FLOWERS              | 6  | M00000083257 | M00000083262 |
| 11160 | HO KINH DOANH TUAN LOC PHAT             | 14 | M00000125887 | M00000125900 |
| 11161 | HO KINH DOANH TUAN THUY                 | 3  | M00000031082 | M00000031084 |
| 11162 | HO KINH DOANH TUNG                      | 1  | M00000153822 | M00000153822 |
| 11163 | HO KINH DOANH TUNG LAM FOOD             | 2  | M00000061893 | M00000061894 |
| 11164 | HO KINH DOANH TUNG NGA 2                | 1  | M00000152502 | M00000152502 |
| 11165 | HO KINH DOANH TUNG WEDDING              | 1  | M00000149918 | M00000149918 |
| 11166 | HO KINH DOANH TUOI SPORTS               | 1  | M00000090508 | M00000090508 |
| 11167 | HO KINH DOANH TUONG VI DNGN             | 10 | M00000227705 | M00000227714 |
| 11168 | HO KINH DOANH TUONG VY-NGUYEN THI TUONG | 2  | M00000125495 | M00000125496 |
| 11169 | HO KINH DOANH TUYEN TRAN SPA            | 1  | M00000210892 | M00000210892 |
| 11170 | HO KINH DOANH TUYET LAN 2               | 3  | M00000192583 | M00000192585 |
| 11171 | HO KINH DOANH TUYET NGA                 | 1  | M00000071563 | M00000071563 |
| 11172 | HO KINH DOANH TY MART                   | 2  | M00000018675 | M00000018676 |
| 11173 | HO KINH DOANH TY NAM SPORT              | 2  | M00000150749 | M00000150750 |
| 11174 | HO KINH DOANH TY THE VU                 | 1  | M00000024699 | M00000024699 |
| 11175 | HO KINH DOANH TYMO CENTER               | 41 | M00000205225 | M00000205265 |
| 11176 | HO KINH DOANH UNI                       | 2  | M00000207407 | M00000207408 |
| 11177 | HO KINH DOANH UYEN VY                   | 1  | M00000061209 | M00000061209 |
| 11178 | HO KINH DOANH V.HOMESTAY                | 1  | M00000126050 | M00000126050 |
| 11179 | HO KINH DOANH VAI NHA LOAN              | 2  | M00000147879 | M00000147880 |
| 11180 | HO KINH DOANH VAN HA                    | 1  | M00000044399 | M00000044399 |
| 11181 | HO KINH DOANH VAN MINH                  | 2  | M00000218104 | M00000218105 |
| 11182 | HO KINH DOANH VAN NGOC YEN              | 2  | M00000089507 | M00000089508 |
| 11183 | HO KINH DOANH VAN PHONG PHAM KIM SU     | 1  | M00000090639 | M00000090639 |
| 11184 | HO KINH DOANH VAN PHONG PHAM MOC AN     | 1  | M00000043543 | M00000043543 |
| 11185 | HO KINH DOANH VAN PHUC PHUOC            | 1  | M00000092104 | M00000092104 |
| 11186 | HO KINH DOANH VAN THUONG                | 2  | M00000150730 | M00000150731 |
| 11187 | HO KINH DOANH VAT LIEU XAY DUNG - TRANG | 1  | M00000153200 | M00000153200 |
| 11188 | HO KINH DOANH VE AO DINH TUAN           | 3  | M00000195136 | M00000195138 |
| 11189 | HO KINH DOANH VE VE                     | 20 | M00000141444 | M00000141463 |
| 11190 | HO KINH DOANH VEST DEP                  | 2  | M00000191428 | M00000191429 |
| 11191 | HO KINH DOANH VESTON KEN                | 1  | M00000217593 | M00000217593 |
| 11192 | HO KINH DOANH VI DA XUA                 | 2  | M00000076852 | M00000076853 |
| 11193 | HO KINH DOANH VI TINH QUANG VINH        | 2  | M00000221522 | M00000221523 |
| 11194 | HO KINH DOANH VICH MARKET               | 44 | M00000125913 | M00000125956 |
| 11195 | HO KINH DOANH VIEN DAT                  | 2  | M00000091707 | M00000091708 |
| 11196 | HO KINH DOANH VIEN MY                   | 2  | M00000145507 | M00000145508 |
| 11197 | HO KINH DOANH VIEN TRIEU GALAXY         | 3  | M00000143238 | M00000143240 |
| 11198 | HO KINH DOANH VIET AN                   | 1  | M00000222759 | M00000222759 |
| 11199 | HO KINH DOANH VIET HOANG                | 1  | M00000046622 | M00000046622 |
| 11200 | HO KINH DOANH VIET HUNG                 | 2  | M00000085304 | M00000085305 |
| 11201 | HO KINH DOANH VIET HUNG                 | 1  | M00000125499 | M00000125499 |
| 11202 | HO KINH DOANH VIET HUYEN                | 10 | M00000068910 | M00000068919 |
| 11203 | HO KINH DOANH VIET NHAT MOTOR           | 2  | M00000203055 | M00000203056 |
| 11204 | HO KINH DOANH VIET PEARL                | 13 | M00000062586 | M00000062598 |
| 11205 | HO KINH DOANH VIET PEARL 2              | 8  | M00000071735 | M00000071742 |
| 11206 | HO KINH DOANH VIET SUNG                 | 3  | M00000129097 | M00000129099 |
| 11207 | HO KINH DOANH VIETTEL XUAN THO          | 30 | M00000085254 | M00000085283 |
| 11208 | HO KINH DOANH VIN BEAUTY                | 2  | M00000155305 | M00000155306 |
| 11209 | HO KINH DOANH VIN KAFE                  | 1  | M00000045295 | M00000045295 |
| 11210 | HO KINH DOANH VINH CHI                  | 1  | M00000043813 | M00000043813 |
| 11211 | HO KINH DOANH VINH DIMSUM               | 2  | M00000040392 | M00000040393 |
| 11212 | HO KINH DOANH VIP MASSAGE BONY          | 1  | M00000084363 | M00000084363 |
| 11213 | HO KINH DOANH VIIT QUAY HUNG PHAT       | 1  | M00000226336 | M00000226336 |
| 11214 | HO KINH DOANH VITIMEX                   | 5  | M00000223644 | M00000223648 |
| 11215 | HO KINH DOANH VLXD THANH LIEM           | 2  | M00000153823 | M00000153824 |
| 11216 | HO KINH DOANH VO DAC TUNG               | 3  | M00000222499 | M00000222501 |
| 11217 | HO KINH DOANH VO KIM XUAN               | 2  | M00000080874 | M00000080875 |
| 11218 | HO KINH DOANH VO MINH THONG             | 1  | M00000152553 | M00000152553 |
| 11219 | HO KINH DOANH VO PHAM HOANG QUYEN       | 7  | M00000155879 | M00000155885 |
| 11220 | HO KINH DOANH VO THE LOI 1              | 1  | M00000146076 | M00000146076 |

|       |                                         |    |              |              |
|-------|-----------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 11221 | HO KINH DOANH VO THI HANG               | 2  | M00000147963 | M00000147964 |
| 11222 | HO KINH DOANH VO THI MAI THUY           | 1  | M00000198964 | M00000198964 |
| 11223 | HO KINH DOANH VO THI THU                | 1  | M00000198449 | M00000198449 |
| 11224 | HO KINH DOANH VO THI TRA MY             | 2  | M00000153269 | M00000153270 |
| 11225 | HO KINH DOANH VO TRAN BAO CHAU          | 8  | M00000219657 | M00000219664 |
| 11226 | HO KINH DOANH VO TUAN DEU               | 1  | M00000147490 | M00000147490 |
| 11227 | HO KINH DOANH VO VAN NGA                | 2  | M00000150893 | M00000150894 |
| 11228 | HO KINH DOANH VPBIKE                    | 1  | M00000062502 | M00000062502 |
| 11229 | HO KINH DOANH VPP VIET ANH              | 1  | M00000048156 | M00000048156 |
| 11230 | HO KINH DOANH VPP-PHOTO-IN THANH VAN    | 1  | M00000080992 | M00000080992 |
| 11231 | HO KINH DOANH VTFITNESS CENTER          | 4  | M00000201179 | M00000201182 |
| 11232 | HO KINH DOANH VU DANG CHIEN             | 1  | M00000069140 | M00000069140 |
| 11233 | HO KINH DOANH VU DI                     | 3  | M00000156113 | M00000156115 |
| 11234 | HO KINH DOANH VU DUC TRUNG              | 1  | M00000225026 | M00000225026 |
| 11235 | HO KINH DOANH VU DUY KIEN               | 4  | M00000030657 | M00000030660 |
| 11236 | HO KINH DOANH VU DUY TUAN               | 3  | M00000152833 | M00000152835 |
| 11237 | HO KINH DOANH VU HAI YEN                | 1  | M00000045874 | M00000045874 |
| 11238 | HO KINH DOANH VU HONG DANG              | 6  | M00000043964 | M00000043969 |
| 11239 | HO KINH DOANH VU HONG DUNG              | 18 | M00000058901 | M00000058918 |
| 11240 | HO KINH DOANH VU HONG HANH 1987         | 1  | M00000043971 | M00000043971 |
| 11241 | HO KINH DOANH VU LOAN                   | 1  | M00000090160 | M00000090160 |
| 11242 | HO KINH DOANH VU MINH CHIEN             | 10 | M00000076090 | M00000076099 |
| 11243 | HO KINH DOANH VU NGOC LINH              | 4  | M00000068808 | M00000068811 |
| 11244 | HO KINH DOANH VU NHAT LINH              | 1  | M00000071510 | M00000071510 |
| 11245 | HO KINH DOANH VU NHU QUYNH              | 1  | M00000018986 | M00000018986 |
| 11246 | HO KINH DOANH VU QUANG VAN              | 3  | M00000066691 | M00000066693 |
| 11247 | HO KINH DOANH VU QUOC DONG              | 6  | M00000027690 | M00000027695 |
| 11248 | HO KINH DOANH VU QUY TAN                | 2  | M00000061806 | M00000061807 |
| 11249 | HO KINH DOANH VU THE CONG               | 5  | M00000069031 | M00000069035 |
| 11250 | HO KINH DOANH VU THI HAU                | 2  | M00000044075 | M00000044076 |
| 11251 | HO KINH DOANH VU THI HOA                | 2  | M00000208318 | M00000208319 |
| 11252 | HO KINH DOANH VU THI HONG ANH SHOP      | 1  | M00000222426 | M00000222426 |
| 11253 | HO KINH DOANH VU THI HONG HANH          | 2  | M00000068508 | M00000068509 |
| 11254 | HO KINH DOANH VU THI KIM NHAN 2000      | 19 | M00000036034 | M00000036052 |
| 11255 | HO KINH DOANH VU THI LIEU HP            | 1  | M00000074355 | M00000074355 |
| 11256 | HO KINH DOANH VU THI MAI LAN            | 4  | M00000071932 | M00000071935 |
| 11257 | HO KINH DOANH VU THI MAI-1991           | 2  | M00000075594 | M00000075595 |
| 11258 | HO KINH DOANH VU THI NGA                | 37 | M00000084755 | M00000084791 |
| 11259 | HO KINH DOANH VU THI NHAN               | 1  | M00000073284 | M00000073284 |
| 11260 | HO KINH DOANH VU THI THANH PHUONG       | 8  | M00000021578 | M00000021585 |
| 11261 | HO KINH DOANH VU THI THU HA             | 2  | M00000044374 | M00000044375 |
| 11262 | HO KINH DOANH VU THI XIU                | 1  | M00000045294 | M00000045294 |
| 11263 | HO KINH DOANH VU THUY LIEN              | 22 | M00000032043 | M00000032064 |
| 11264 | HO KINH DOANH VU VAN HIEP               | 6  | M00000125067 | M00000125072 |
| 11265 | HO KINH DOANH VU VAN HIEU               | 1  | M00000028431 | M00000028431 |
| 11266 | HO KINH DOANH VU VIET HUNG              | 2  | M00000071522 | M00000071523 |
| 11267 | HO KINH DOANH VU XUAN PHONG             | 4  | M00000023547 | M00000023550 |
| 11268 | HO KINH DOANH VUA GAO PHUOC AN          | 7  | M00000091856 | M00000091862 |
| 11269 | HO KINH DOANH VUA THAN CHO DAM          | 1  | M00000150738 | M00000150738 |
| 11270 | HO KINH DOANH VUON BIA SAO VANG 77 PHAN | 2  | M00000137016 | M00000137017 |
| 11271 | HO KINH DOANH VUON ONG NOI              | 1  | M00000154066 | M00000154066 |
| 11272 | HO KINH DOANH VUONG CHAU DUONG          | 1  | M00000073997 | M00000073997 |
| 11273 | HO KINH DOANH VUONG DOAN MOTO           | 3  | M00000043136 | M00000043138 |
| 11274 | HO KINH DOANH VUONG THI DIEP            | 1  | M00000068961 | M00000068961 |
| 11275 | HO KINH DOANH VUONG THI THU HANG        | 1  | M00000070912 | M00000070912 |
| 11276 | HO KINH DOANH VUONG VIT CO              | 11 | M00000203160 | M00000203170 |
| 11277 | HO KINH DOANH WAKANA                    | 3  | M00000192133 | M00000192135 |
| 11278 | HO KINH DOANH WARDA SPA ORGANIC         | 3  | M00000045935 | M00000045937 |
| 11279 | HO KINH DOANH WEILU                     | 8  | M00000091490 | M00000091497 |
| 11280 | HO KINH DOANH WEST LIFE                 | 3  | M00000061973 | M00000061975 |
| 11281 | HO KINH DOANH WETRIP                    | 2  | M00000035087 | M00000035088 |
| 11282 | HO KINH DOANH WIN                       | 1  | M00000091876 | M00000091876 |
| 11283 | HO KINH DOANH WINDY VILLA HOMESTAY      | 1  | M00000150093 | M00000150093 |
| 11284 | HO KINH DOANH WINFIT                    | 1  | M00000066639 | M00000066639 |
| 11285 | HO KINH DOANH WINKPERRY                 | 7  | M00000191675 | M00000191681 |
| 11286 | HO KINH DOANH WINKPERRY                 | 2  | M00000204261 | M00000204262 |
| 11287 | HO KINH DOANH WINKPERRY                 | 2  | M00000227807 | M00000227808 |
| 11288 | HO KINH DOANH X - MEN                   | 4  | M00000090001 | M00000090004 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 11289 | HO KINH DOANH XANH MART                  | 2  | M00000135822 | M00000135823 |
| 11290 | HO KINH DOANH XE MAY DIEN HOANG HAI      | 14 | M00000149737 | M00000149750 |
| 11291 | HO KINH DOANH XINH SHOP BEN CAT          | 2  | M00000222387 | M00000222388 |
| 11292 | HO KINH DOANH XOAN RETREAT               | 2  | M00000073533 | M00000073534 |
| 11293 | HO KINH DOANH XOI HUONG                  | 5  | M00000045604 | M00000045608 |
| 11294 | HO KINH DOANH XU CO RE                   | 29 | M00000120179 | M00000120207 |
| 11295 | HO KINH DOANH XU QUAN                    | 1  | M00000071764 | M00000071764 |
| 11296 | HO KINH DOANH XUAMI SPA                  | 2  | M00000045560 | M00000045561 |
| 11297 | HO KINH DOANH XUAN 1985                  | 1  | M00000047493 | M00000047493 |
| 11298 | HO KINH DOANH XUAN HUONG                 | 2  | M00000063392 | M00000063393 |
| 11299 | HO KINH DOANH XUAN KIEN                  | 4  | M00000142394 | M00000142397 |
| 11300 | HO KINH DOANH XUAN LAN                   | 1  | M00000219666 | M00000219666 |
| 11301 | HO KINH DOANH XUAN THANH                 | 8  | M00000072146 | M00000072153 |
| 11302 | HO KINH DOANH XUONG MAY VAN AN           | 12 | M00000046966 | M00000046977 |
| 11303 | HO KINH DOANH XUONG O TO THANH OANH      | 2  | M00000075243 | M00000075244 |
| 11304 | HO KINH DOANH XUONG TRA THU CONG BIEN HO | 3  | M00000090057 | M00000090059 |
| 11305 | HO KINH DOANH Y DUONG                    | 1  | M00000150810 | M00000150810 |
| 11306 | HO KINH DOANH Y THANH                    | 61 | M00000217101 | M00000217161 |
| 11307 | HO KINH DOANH YAA TEA                    | 7  | M00000192816 | M00000192822 |
| 11308 | HO KINH DOANH YAMAGUCHI                  | 2  | M00000140524 | M00000140525 |
| 11309 | HO KINH DOANH YEN DO SI                  | 1  | M00000217602 | M00000217602 |
| 11310 | HO KINH DOANH YEN GAO                    | 1  | M00000215412 | M00000215412 |
| 11311 | HO KINH DOANH YEN GAO 336                | 3  | M00000215413 | M00000215415 |
| 11312 | HO KINH DOANH YEN GAO TB                 | 6  | M00000217650 | M00000217655 |
| 11313 | HO KINH DOANH YEN HAI SAN                | 2  | M00000133631 | M00000133632 |
| 11314 | HO KINH DOANH YEN LUONG                  | 1  | M00000226149 | M00000226149 |
| 11315 | HO KINH DOANH YEN NGOC BEAUTY            | 3  | M00000085711 | M00000085713 |
| 11316 | HO KINH DOANH YEN SAO HANH DAT           | 1  | M00000141576 | M00000141576 |
| 11317 | HO KINH DOANH YEN SAO NHA TRANG NANEST   | 1  | M00000027120 | M00000027120 |
| 11318 | HO KINH DOANH YEN SAO PHAM AN            | 6  | M00000134344 | M00000134349 |
| 11319 | HO KINH DOANH YEN STORE FASHION          | 1  | M00000090929 | M00000090929 |
| 11320 | HO KINH DOANH YESTERDAY STUDIO           | 3  | M00000074308 | M00000074310 |
| 11321 | HO KINH DOANH YIN DISTRICT               | 3  | M00000067795 | M00000067797 |
| 11322 | HO KINH DOANH Y-O-K-O                    | 1  | M00000189955 | M00000189955 |
| 11323 | HO KINH DOANH YORU 21                    | 32 | M00000044513 | M00000044544 |
| 11324 | HO KINH DOANH YOUNG BEAUTY SPA           | 1  | M00000086671 | M00000086671 |
| 11325 | HO KINH DOANH YOUTH MARKET               | 11 | M00000085588 | M00000085598 |
| 11326 | HO KINH DOANH YUKI                       | 3  | M00000142127 | M00000142129 |
| 11327 | HO KINH DOANH YUMI                       | 10 | M00000208498 | M00000208507 |
| 11328 | HO KINH DOANH Z                          | 3  | M00000089543 | M00000089545 |
| 11329 | HO KINH DOANH ZELDA MAI THAO             | 13 | M00000207123 | M00000207135 |
| 11330 | HO KINH DOANH ZINGPHONE                  | 2  | M00000091710 | M00000091711 |
| 11331 | HO KINH DOANH ZOO MART                   | 1  | M00000146296 | M00000146296 |
| 11332 | HO KINH DOANH ZZII GROUP                 | 10 | M00000045272 | M00000045281 |
| 11333 | HO KINH DOANH: LY THI HANH               | 1  | M00000042276 | M00000042276 |
| 11334 | HO KINH DOANH: SHOP MBB                  | 1  | M00000122869 | M00000122869 |
| 11335 | HO KINH DOANH: TRAN THI THUY             | 2  | M00000149904 | M00000149905 |
| 11336 | HO KINH DOANH OMNIA HAIR BOUTIQUE        | 2  | M00000018069 | M00000018070 |
| 11337 | HO KINH DOANH-NGUYEN THI HAI YEN 1993    | 5  | M00000040395 | M00000040399 |
| 11338 | HO KINH DOANH-NGUYEN THI HIEN            | 2  | M00000146095 | M00000146096 |
| 11339 | HO KINHDOANHSHUSHI HUNG                  | 16 | M00000198184 | M00000198199 |
| 11340 | HOA NHAN                                 | 2  | M00000083412 | M00000083413 |
| 11341 | HOANG ANH 68                             | 6  | M00000087468 | M00000087473 |
| 11342 | HOANG HOA                                | 3  | M00000117046 | M00000117048 |
| 11343 | HOANG MINH                               | 1  | M00000119430 | M00000119430 |
| 11344 | HOI KIEM TOAN VIEN HANH NGHE VIET NAM    | 2  | M00000003017 | M00000003018 |
| 11345 | HOKINHDOANHCOCOPARIS                     | 4  | M00000145192 | M00000145195 |
| 11346 | HOKINHDOANHNHATHUOCMINHLONG              | 1  | M00000145178 | M00000145178 |
| 11347 | HOKINHDOANHORCHIDYOONA                   | 7  | M00000145185 | M00000145191 |
| 11348 | HOKINHDOANHORCHIDYOONA                   | 8  | M00000145196 | M00000145203 |
| 11349 | HOKINHDOANHTHECHARMHOTEL                 | 1  | M00000145242 | M00000145242 |
| 11350 | HOME HOIAN -CN CT CP TM DV NGON VIET NAM | 21 | M00000110099 | M00000110119 |
| 11351 | HOME SAIGON RESTAURANT-CN CTCP TM VA DV  | 40 | M00000024731 | M00000024770 |
| 11352 | HOME TRAVEL MEEKONG CAN THO              | 2  | M00000084294 | M00000084295 |
| 11353 | HOP TAC XA LAM SON                       | 13 | M00000156043 | M00000156055 |
| 11354 | HOP TAC XA TRA BUP NGOC                  | 1  | M00000071961 | M00000071961 |
| 11355 | HOP TAC XA VAN HOA KET NOI CONG DONG     | 1  | M00000067739 | M00000067739 |
| 11356 | HT MART MANH KIEN                        | 4  | M00000018269 | M00000018272 |

|       |                                          |     |              |              |
|-------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 11357 | HTX DV DL LANG NGHE TAM HUONG QUANG PHU  | 2   | M00000046131 | M00000046132 |
| 11358 | HTX DVU VA KT HAI SAN XA BO XA PHO QUANG | 32  | M00000104648 | M00000104679 |
| 11359 | HTX SAN XUAT - THUONG MAI VA DICH VU TU  | 15  | M00000140013 | M00000140027 |
| 11360 | HTX SXKD THUC PHAM AN TOAN HA THANG      | 1   | M00000132432 | M00000132432 |
| 11361 | HTX THUC PHAM HUU CO NONG AN             | 1   | M00000139611 | M00000139611 |
| 11362 | HTX XI NGHIEP CB VA KD THAN HUY HOANG    | 44  | M00000062928 | M00000062971 |
| 11363 | HU TIU THANH TIN                         | 8   | M00000216579 | M00000216586 |
| 11364 | HUNG PHUONG M.A.R.T                      | 4   | M00000194583 | M00000194586 |
| 11365 | HUONG                                    | 6   | M00000082391 | M00000082396 |
| 11366 | HUYNH NGUYEN MINH HAI                    | 1   | M00000146282 | M00000146282 |
| 11367 | INLVALID CIF                             | 2   | M00000120577 | M00000120578 |
| 11368 | INTERNATIONAL ORGANIZATION FOR MIGRATION | 45  | M00000000216 | M00000000260 |
| 11369 | INTERNATIONAL ORGANIZATION FOR MIGRATION | 57  | M00000157108 | M00000157164 |
| 11370 | IUY THE BEAUTY                           | 2   | M00000059257 | M00000059258 |
| 11371 | JANG SOO                                 | 2   | M00000139526 | M00000139527 |
| 11372 | JAPAN MART                               | 3   | M00000018782 | M00000018784 |
| 11373 | JAPAN MART 1                             | 4   | M00000018778 | M00000018781 |
| 11374 | KARAOKE GALAXY                           | 1   | M00000080983 | M00000080983 |
| 11375 | KARAOKE HAN LINH                         | 1   | M00000204035 | M00000204035 |
| 11376 | KHA AI                                   | 1   | M00000142151 | M00000142151 |
| 11377 | KHACH SAN CAM THANH                      | 1   | M00000104119 | M00000104119 |
| 11378 | KHACH SAN DAU KHI THAI BINH - CN CTCP D  | 3   | M00000050065 | M00000050067 |
| 11379 | KHACH SAN EQUATORIAL TP. HO CHI MINH     | 253 | M00000192923 | M00000193175 |
| 11380 | KHACH SAN GRAND PALACE                   | 1   | M00000157372 | M00000157372 |
| 11381 | KHACH SAN HUONG SEN                      | 45  | M00000157063 | M00000157107 |
| 11382 | KHACH SAN NAM HANG                       | 5   | M00000150378 | M00000150382 |
| 11383 | KHACH SAN THINH GIA 2                    | 5   | M00000125749 | M00000125753 |
| 11384 | KHACH SAN THINH GIA 3                    | 1   | M00000149759 | M00000149759 |
| 11385 | KHANG HOANG LONG                         | 4   | M00000082002 | M00000082005 |
| 11386 | KHANH VINH MOBILE                        | 4   | M00000057552 | M00000057555 |
| 11387 | KHUC THUY DU                             | 2   | M00000091748 | M00000091749 |
| 11388 | KHUYEN ACCESSORIES                       | 3   | M00000199325 | M00000199327 |
| 11389 | KIEU NGAN                                | 1   | M00000093606 | M00000093606 |
| 11390 | KILL SYSTEM                              | 2   | M00000203770 | M00000203771 |
| 11391 | KIM BOUTIQUE                             | 1   | M00000136981 | M00000136981 |
| 11392 | KIM HOANG 1                              | 2   | M00000216212 | M00000216213 |
| 11393 | KIM LAM-CUA HANG TU CHON                 | 15  | M00000027743 | M00000027757 |
| 11394 | KIM TUYEN                                | 4   | M00000117776 | M00000117779 |
| 11395 | KINH MAT QUANG NHAN                      | 1   | M00000044641 | M00000044641 |
| 11396 | KINH MAT QUANG NHAN                      | 2   | M00000071707 | M00000071708 |
| 11397 | KS BALCONA DN-CNCTCP SAO VANG NHA TRANG  | 322 | M00000112665 | M00000112986 |
| 11398 | KS MUONG THANH LUXURY SG-CNCTCP TAP DOAN | 17  | M00000191682 | M00000191698 |
| 11399 | KS MUONG THANH LUXURY SONG HAN-CN CTCP T | 2   | M00000107707 | M00000107708 |
| 11400 | KS MUONGTHANH LUXURY HN-CNCTCP TAP DOAN  | 1   | M00000052836 | M00000052836 |
| 11401 | LAMHOUSE                                 | 2   | M00000200472 | M00000200473 |
| 11402 | LANG NUONG AM THUC HAI SAN TAY NAM BO    | 1   | M00000088568 | M00000088568 |
| 11403 | LAU DE 135                               | 6   | M00000081909 | M00000081914 |
| 11404 | LAU DE HIEN 1                            | 1   | M00000148913 | M00000148913 |
| 11405 | LE HIEU                                  | 1   | M00000141323 | M00000141323 |
| 11406 | LE HUY HUNG                              | 1   | M00000043896 | M00000043896 |
| 11407 | LE NHAT LY                               | 9   | M00000016829 | M00000016837 |
| 11408 | LE THANH NHAN                            | 39  | M00000081596 | M00000081634 |
| 11409 | LE THANH PHONG (PHONG THUY QUAN)         | 1   | M00000118819 | M00000118819 |
| 11410 | LE THI BICH                              | 55  | M00000116964 | M00000117018 |
| 11411 | LE THI HUYEN                             | 1   | M00000091642 | M00000091642 |
| 11412 | LE THI KIEU DUNG                         | 4   | M00000216345 | M00000216348 |
| 11413 | LE THI TUYEN                             | 1   | M00000018090 | M00000018090 |
| 11414 | LE VAN HIEN( HO KINH DOANH CA NHAN)      | 43  | M00000114988 | M00000115030 |
| 11415 | LE VAN PHI                               | 11  | M00000125056 | M00000125066 |
| 11416 | LEA TASTE HOTPOT-CN CT TNHH GPAV GREEN   | 1   | M00000227079 | M00000227079 |
| 11417 | LIEN HUONG                               | 2   | M00000222938 | M00000222939 |
| 11418 | LINTHE                                   | 1   | M00000120051 | M00000120051 |
| 11419 | LMN DL CHUONG VANG                       | 3   | M00000224607 | M00000224609 |
| 11420 | LONG DUC QUAN                            | 2   | M00000090598 | M00000090599 |
| 11421 | LOP MAM NON ABC                          | 1   | M00000222760 | M00000222760 |
| 11422 | LOP MAM NON DOC LAP HOA HONG             | 3   | M00000041598 | M00000041600 |
| 11423 | LOP MAM NON DOC LAP KEN(COCOON PRESCHOOL | 3   | M00000147378 | M00000147380 |
| 11424 | LOP MAM NON DOC LAP NEP NHA XANH         | 9   | M00000030794 | M00000030802 |



|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 11425 | LOP MAM NON DOC LAP NGOI NHA MARIA (MARI | 7  | M00000061878 | M00000061884 |
| 11426 | LOP MAM NON DOC LAP NGOI SAO NHO         | 4  | M00000080727 | M00000080730 |
| 11427 | LOP MAM NON DOC LAP NHUNG BUOC CHAN DAU  | 1  | M00000037710 | M00000037710 |
| 11428 | LOP MAM NON DOC LAP TRE TAI NANG         | 1  | M00000032163 | M00000032163 |
| 11429 | LOP MAM NON DOC LAP VANG ANH             | 1  | M00000224056 | M00000224056 |
| 11430 | LOP MAM NON SEN VIET                     | 1  | M00000224723 | M00000224723 |
| 11431 | LOP MAU GIAO DLTT HOA ANH DAO NHO        | 1  | M00000028718 | M00000028718 |
| 11432 | LOP MAU GIAO DOC LAP VUON HONG           | 1  | M00000217536 | M00000217536 |
| 11433 | LOP MAU GIAO NGOI SAO MOI                | 4  | M00000227527 | M00000227530 |
| 11434 | LOP MGD L TRUNG TIN                      | 2  | M00000090072 | M00000090073 |
| 11435 | LOP MNDL NGOI NHA SANG TAO               | 1  | M00000040526 | M00000040526 |
| 11436 | LOP MNDL VANG ANH                        | 1  | M00000093526 | M00000093526 |
| 11437 | LUU THI LOAN                             | 17 | M00000057561 | M00000057577 |
| 11438 | LUYEN BAC                                | 2  | M00000069029 | M00000069030 |
| 11439 | MADAME MART                              | 6  | M00000216763 | M00000216768 |
| 11440 | MAM NON DOC LAP HOA ANH DAO NHO 2        | 2  | M00000024132 | M00000024133 |
| 11441 | MAM NON MAT TROI NHO                     | 10 | M00000093476 | M00000093485 |
| 11442 | MAM NON NGOC HA                          | 5  | M00000084057 | M00000084061 |
| 11443 | MAO LY                                   | 4  | M00000218023 | M00000218026 |
| 11444 | MAT KINH NAM CUONG                       | 6  | M00000163481 | M00000163486 |
| 11445 | MAT KINH SAI GON.COM                     | 3  | M00000193307 | M00000193309 |
| 11446 | MAT KINH TAN BINH                        | 2  | M00000218502 | M00000218503 |
| 11447 | MAT KINH VIET MY - PHONG KHAM, CHUA BENH | 1  | M00000201357 | M00000201357 |
| 11448 | MAY MAY                                  | 1  | M00000216211 | M00000216211 |
| 11449 | ME BOI SPA                               | 2  | M00000030477 | M00000030478 |
| 11450 | ME VA BE KITTY'S                         | 6  | M00000120036 | M00000120041 |
| 11451 | ME VA BE ZENTA                           | 1  | M00000127624 | M00000127624 |
| 11452 | MEKONG RIVERSIDE HOMESTAY                | 2  | M00000083426 | M00000083427 |
| 11453 | MIEN PHO GA 43 MAC DINH CHI              | 4  | M00000217308 | M00000217311 |
| 11454 | MIMISI                                   | 3  | M00000217614 | M00000217616 |
| 11455 | MINH THIEN                               | 6  | M00000080957 | M00000080962 |
| 11456 | MOC COFFE VA TEA                         | 1  | M00000223462 | M00000223462 |
| 11457 | MY DUNG                                  | 7  | M00000120042 | M00000120048 |
| 11458 | MY PHAM XUAN MAI                         | 3  | M00000027385 | M00000027387 |
| 11459 | NANG SAI GON                             | 5  | M00000216433 | M00000216437 |
| 11460 | NGAN HA                                  | 1  | M00000089405 | M00000089405 |
| 11461 | NGAN LINH                                | 4  | M00000018671 | M00000018674 |
| 11462 | NGO THI LINH GIANG                       | 1  | M00000124205 | M00000124205 |
| 11463 | NGO THI THU HONG                         | 4  | M00000150420 | M00000150423 |
| 11464 | NGOC DAN 2                               | 18 | M00000171394 | M00000171411 |
| 11465 | NGOC TRINH                               | 31 | M00000132397 | M00000132427 |
| 11466 | NGOC UYEN HAN                            | 2  | M00000089968 | M00000089969 |
| 11467 | NGUYEN ANH DUNG                          | 5  | M00000071918 | M00000071922 |
| 11468 | NGUYEN BA HUNG CUONG                     | 18 | M00000018148 | M00000018165 |
| 11469 | NGUYEN DANG TAM                          | 26 | M00000054371 | M00000054396 |
| 11470 | NGUYEN DINH LUYEN                        | 6  | M00000059449 | M00000059454 |
| 11471 | NGUYEN HAI DANG                          | 1  | M00000070830 | M00000070830 |
| 11472 | NGUYEN HOANG LONG                        | 14 | M00000060057 | M00000060070 |
| 11473 | NGUYEN HONG THANG                        | 1  | M00000075996 | M00000075996 |
| 11474 | NGUYEN NHAT AI                           | 4  | M00000090682 | M00000090685 |
| 11475 | NGUYEN NHI HAI                           | 2  | M00000131836 | M00000131837 |
| 11476 | NGUYEN PHUONG HOANG                      | 2  | M00000068981 | M00000068982 |
| 11477 | NGUYEN PHUONG TRUONG                     | 1  | M00000054622 | M00000054622 |
| 11478 | NGUYEN QUY KHANH                         | 15 | M00000055091 | M00000055105 |
| 11479 | NGUYEN THANH CHUNG                       | 2  | M00000146901 | M00000146902 |
| 11480 | NGUYEN THANH SON                         | 3  | M00000085169 | M00000085171 |
| 11481 | NGUYEN THANH TUNG                        | 1  | M00000055085 | M00000055085 |
| 11482 | NGUYEN THI BICH CHI                      | 9  | M00000222462 | M00000222470 |
| 11483 | NGUYEN THI BICH QUI                      | 3  | M00000032500 | M00000032502 |
| 11484 | NGUYEN THI BICH THUY                     | 1  | M00000147643 | M00000147643 |
| 11485 | NGUYEN THI CHANG THU                     | 5  | M00000061159 | M00000061163 |
| 11486 | NGUYEN THI CHIEN                         | 12 | M00000147951 | M00000147962 |
| 11487 | NGUYEN THI DIEU THIEN                    | 5  | M00000135781 | M00000135785 |
| 11488 | NGUYEN THI HONG                          | 3  | M00000055158 | M00000055160 |
| 11489 | NGUYEN THI HUONG                         | 9  | M00000060746 | M00000060754 |
| 11490 | NGUYEN THI HUONG                         | 5  | M00000071497 | M00000071501 |
| 11491 | NGUYEN THI HUYEN                         | 5  | M00000120384 | M00000120388 |
| 11492 | NGUYEN THI LE                            | 1  | M00000117802 | M00000117802 |

|       |                                          |    |              |              |
|-------|------------------------------------------|----|--------------|--------------|
| 11493 | NGUYEN THI LUONG                         | 5  | M00000147564 | M00000147568 |
| 11494 | NGUYEN THI MUNG                          | 12 | M00000019740 | M00000019751 |
| 11495 | NGUYEN THI NGOC ANH                      | 1  | M00000090515 | M00000090515 |
| 11496 | NGUYEN THI NGOC PHUONG (MOC GIA DUNG, BA | 5  | M00000088280 | M00000088284 |
| 11497 | NGUYEN THI NHU HOA                       | 1  | M00000128752 | M00000128752 |
| 11498 | NGUYEN THI QUYET                         | 5  | M00000147626 | M00000147630 |
| 11499 | NGUYEN THI TAO                           | 2  | M00000149809 | M00000149810 |
| 11500 | NGUYEN THI THAI                          | 11 | M00000120452 | M00000120462 |
| 11501 | NGUYEN THI THANH HONG                    | 5  | M00000144687 | M00000144691 |
| 11502 | NGUYEN THI THANH HUONG                   | 1  | M00000076226 | M00000076226 |
| 11503 | NGUYEN THI THOA                          | 2  | M00000059013 | M00000059014 |
| 11504 | NGUYEN THI THOA (HKD)                    | 1  | M00000042843 | M00000042843 |
| 11505 | NGUYEN THI TUYEN                         | 2  | M00000018076 | M00000018077 |
| 11506 | NGUYEN THO HOAN                          | 1  | M00000055081 | M00000055081 |
| 11507 | NGUYEN TUONG HOA                         | 1  | M00000152235 | M00000152235 |
| 11508 | NGUYEN VAN DIEP                          | 1  | M00000054752 | M00000054752 |
| 11509 | NGUYEN VAN DONG                          | 3  | M00000043153 | M00000043155 |
| 11510 | NGUYEN VAN HINH                          | 3  | M00000057451 | M00000057453 |
| 11511 | NGUYEN VAN HOAN                          | 29 | M00000144161 | M00000144189 |
| 11512 | NGUYEN VAN HOP                           | 1  | M00000071502 | M00000071502 |
| 11513 | NGUYEN VAN KHOAT                         | 84 | M00000072700 | M00000072783 |
| 11514 | NGUYEN VAN THANH                         | 17 | M00000057254 | M00000057270 |
| 11515 | NGUYEN VAN THUY                          | 1  | M00000055023 | M00000055023 |
| 11516 | NGUYEN VAN VUONG                         | 9  | M00000193970 | M00000193978 |
| 11517 | NHA HANG 327                             | 4  | M00000071803 | M00000071806 |
| 11518 | NHA HANG BUJA                            | 2  | M00000057785 | M00000057786 |
| 11519 | NHA HANG C.INE                           | 9  | M00000119039 | M00000119047 |
| 11520 | NHA HANG CUONG PHAT                      | 1  | M00000059040 | M00000059040 |
| 11521 | NHA HANG DELICATO                        | 1  | M00000018374 | M00000018374 |
| 11522 | NHA HANG DUC HIP                         | 1  | M00000068210 | M00000068210 |
| 11523 | NHA HANG HANWOOL                         | 3  | M00000190083 | M00000190085 |
| 11524 | NHA HANG HONG HANH VIEW3                 | 5  | M00000059041 | M00000059045 |
| 11525 | NHA HANG NHAT BAN (TOKYO SUSHI) NINH BIN | 1  | M00000057361 | M00000057361 |
| 11526 | NHA HANG QUAN NUONG HAN QUOC             | 1  | M00000142156 | M00000142156 |
| 11527 | NHA HANG SAKURA                          | 1  | M00000054297 | M00000054297 |
| 11528 | NHA HANG SONG CAU                        | 2  | M00000067437 | M00000067438 |
| 11529 | NHA HANG THE MONKEY GALLERY-CN CT TNHH D | 7  | M00000192224 | M00000192230 |
| 11530 | NHA HANG THUY DO                         | 18 | M00000147408 | M00000147425 |
| 11531 | NHA HANG THUY HONG                       | 11 | M00000147816 | M00000147826 |
| 11532 | NHA HANG TUAN MAP SAI GON                | 9  | M00000128458 | M00000128466 |
| 11533 | NHA HANG TUYET                           | 3  | M00000150034 | M00000150036 |
| 11534 | NHA HANG VIT TAN TIEN                    | 6  | M00000044026 | M00000044031 |
| 11535 | NHA HANG VUA COM NIEU                    | 6  | M00000126030 | M00000126035 |
| 11536 | NHA KHACH BACH DANG                      | 5  | M00000049615 | M00000049619 |
| 11537 | NHA KHACH QUOC HOI TAI DA NANG           | 42 | M00000111536 | M00000111577 |
| 11538 | NHA KHACH QUOC HOI TAI THANH PHO HO CHI  | 6  | M00000158753 | M00000158758 |
| 11539 | NHA KHACH QUY NHON - BINH DOAN 15        | 6  | M00000156695 | M00000156700 |
| 11540 | NHA KHACH TINH UY GIA LAI                | 9  | M00000098801 | M00000098809 |
| 11541 | NHA KHACH TONG LIEN DOAN-CN DA LAT       | 13 | M00000105818 | M00000105830 |
| 11542 | NHA KHOA A DONG SMILE                    | 3  | M00000040868 | M00000040870 |
| 11543 | NHA KHOA HIROMI                          | 1  | M00000188225 | M00000188225 |
| 11544 | NHA KHOA HOAN MY                         | 4  | M00000043089 | M00000043092 |
| 11545 | NHA KHOA LAM GIA                         | 1  | M00000082614 | M00000082614 |
| 11546 | NHA KHOA LE QUANG HIEN                   | 2  | M00000081399 | M00000081400 |
| 11547 | NHA KHOA PHUONG KHOI                     | 7  | M00000045243 | M00000045249 |
| 11548 | NHA KHOA SAI GON                         | 7  | M00000217870 | M00000217876 |
| 11549 | NHA KHOA SAO VIET                        | 4  | M00000218409 | M00000218412 |
| 11550 | NHA KHOA TAN PHONG                       | 5  | M00000218727 | M00000218731 |
| 11551 | NHA KHOA THAM MY RHM 108                 | 3  | M00000043235 | M00000043237 |
| 11552 | NHA MAY BE BE II                         | 2  | M00000152204 | M00000152205 |
| 11553 | NHA MAY LA                               | 6  | M00000125901 | M00000125906 |
| 11554 | NHA MAY THANH TUYEN                      | 1  | M00000093261 | M00000093261 |
| 11555 | NHA NGHI BINH HA                         | 1  | M00000068962 | M00000068962 |
| 11556 | NHA NGHI GO                              | 3  | M00000082869 | M00000082871 |
| 11557 | NHA NGHI NGOC MAI                        | 1  | M00000064435 | M00000064435 |
| 11558 | NHA NGHI QUEENIE HOUSE                   | 1  | M00000080715 | M00000080715 |
| 11559 | NHA NGHI SANH DIEU                       | 2  | M00000043894 | M00000043895 |
| 11560 | NHA NGHI THUY DUONG                      | 1  | M00000069306 | M00000069306 |

|       |                                          |     |              |              |
|-------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 11561 | NHA O LUX QUY NHON - HOMESTAY LUX QUY NH | 2   | M00000120064 | M00000120065 |
| 11562 | NHA RANG CA PHE QUY NHON ADIUVAT         | 2   | M00000117266 | M00000117267 |
| 11563 | NHA THIEU NHI TINH QUANG TRI             | 6   | M00000099360 | M00000099365 |
| 11564 | NHA THUOC LIEN DUNG                      | 1   | M00000147556 | M00000147556 |
| 11565 | NHA THUOC MINH VU                        | 1   | M00000042645 | M00000042645 |
| 11566 | NHA THUOC MY ANH                         | 5   | M00000193685 | M00000193689 |
| 11567 | NHA THUOC SO 30 PHAM NGOC THACH          | 4   | M00000199173 | M00000199176 |
| 11568 | NHA THUOC TAY KIM TIEN THAO              | 2   | M00000227342 | M00000227343 |
| 11569 | NHA THUOC THANH HUYEN                    | 1   | M00000072536 | M00000072536 |
| 11570 | NHA THUOC TUE TAM                        | 2   | M00000019244 | M00000019245 |
| 11571 | NHA THUOC TUONG SAN                      | 9   | M00000135579 | M00000135587 |
| 11572 | NHA THUOC VIET ANH                       | 1   | M00000218223 | M00000218223 |
| 11573 | NHOM LOP MN TU THUC NGOI SAO VIET        | 3   | M00000043928 | M00000043930 |
| 11574 | NHOM TRE, LOP MAU GIAO DOC LAP TU THUC N | 1   | M00000037709 | M00000037709 |
| 11575 | NHOM TRE, LOP MAU GIAO DOC LAP TU THUC T | 1   | M00000085747 | M00000085747 |
| 11576 | NHUNG SPA                                | 31  | M00000040186 | M00000040216 |
| 11577 | NOME                                     | 1   | M00000192537 | M00000192537 |
| 11578 | NONG TRANG HAI AU                        | 10  | M00000090614 | M00000090623 |
| 11579 | NONG TRANG XANH                          | 1   | M00000122653 | M00000122653 |
| 11580 | NT- LMG BONG HONG NHO                    | 1   | M00000224475 | M00000224475 |
| 11581 | OC QUYEN 2                               | 2   | M00000191426 | M00000191427 |
| 11582 | ORI PETS                                 | 1   | M00000218258 | M00000218258 |
| 11583 | PHAM BA XUAN                             | 1   | M00000141464 | M00000141464 |
| 11584 | PHAM KHAC HIEU                           | 2   | M00000072254 | M00000072255 |
| 11585 | PHAM THANH HAI                           | 46  | M00000082126 | M00000082171 |
| 11586 | PHAM THI CHUNG                           | 3   | M00000055030 | M00000055032 |
| 11587 | PHAM THI HAI VAN                         | 4   | M00000119051 | M00000119054 |
| 11588 | PHAM THI KIM TRAM                        | 1   | M00000069045 | M00000069045 |
| 11589 | PHAM THI SEN                             | 12  | M00000120747 | M00000120758 |
| 11590 | PHAM THU                                 | 17  | M00000200452 | M00000200468 |
| 11591 | PHAM TRUONG THANH LONG                   | 37  | M00000085308 | M00000085344 |
| 11592 | PHAM VAN PHIEM                           | 3   | M00000073502 | M00000073504 |
| 11593 | PHAN THAI ANH                            | 3   | M00000216510 | M00000216512 |
| 11594 | PHAN THI MINH NGUYET                     | 1   | M00000149893 | M00000149893 |
| 11595 | PHAN THI THUY                            | 25  | M00000134991 | M00000135015 |
| 11596 | PHAN THI TUYET LE                        | 1   | M00000120714 | M00000120714 |
| 11597 | PHAN THUY MAI                            | 31  | M00000054637 | M00000054667 |
| 11598 | PHAN VAN DUNG                            | 99  | M00000190089 | M00000190187 |
| 11599 | PHAN VAN HUYEN                           | 3   | M00000091375 | M00000091377 |
| 11600 | PHAN XUAN THANG                          | 2   | M00000149902 | M00000149903 |
| 11601 | PHO NAM HAI                              | 2   | M00000044678 | M00000044679 |
| 11602 | PHONG CONG CHUNG SO 1                    | 4   | M00000142423 | M00000142426 |
| 11603 | PHONG KHAM BAC SY TRI CHI                | 10  | M00000145821 | M00000145830 |
| 11604 | PHONG KHAM BAO SANH                      | 1   | M00000144929 | M00000144929 |
| 11605 | PHONG KHAM BENH NGOAI GIO BAC SI LUONG T | 3   | M00000145069 | M00000145071 |
| 11606 | PHONG KHAM CHUA BENH BANG Y HOC CO TRUYE | 1   | M00000224838 | M00000224838 |
| 11607 | PHONG KHAM CHUA BENH BS.LE ANH THU       | 3   | M00000219545 | M00000219547 |
| 11608 | PHONG KHAM CHUYEN KHOA DA LIEU-THAM MY D | 7   | M00000017637 | M00000017643 |
| 11609 | PHONG KHAM CHUYEN KHOA RANG HAM MAT BAC  | 5   | M00000146854 | M00000146858 |
| 11610 | PHONG KHAM CK TRI LIEU TK COT SONG HOAKY | 171 | M00000163774 | M00000163944 |
| 11611 | PHONG KHAM DA KHOA HOA SEN               | 16  | M00000158548 | M00000158563 |
| 11612 | PHONG KHAM DA KHOA HOA SEN-CN HA NOI     | 2   | M00000008725 | M00000008726 |
| 11613 | PHONG KHAM NHA KHOA SAI GON H.N          | 3   | M00000018266 | M00000018268 |
| 11614 | PHONG KHAM NOI TIEU HOA                  | 13  | M00000209471 | M00000209483 |
| 11615 | PHONG KHAM QUANG HA                      | 1   | M00000043194 | M00000043194 |
| 11616 | PHONG KHAM RANG MINH THU                 | 5   | M00000024156 | M00000024160 |
| 11617 | PHONG KHAM THU Y QUANG VINH              | 8   | M00000215715 | M00000215722 |
| 11618 | PHONG PHU                                | 46  | M00000080876 | M00000080921 |
| 11619 | PHONG TRANH NGAN CUONG                   | 8   | M00000124289 | M00000124296 |
| 11620 | PHONG VE MAY BAY TIEN DUNG               | 8   | M00000194697 | M00000194704 |
| 11621 | PHU KIEN DIEN THOI VIVIX                 | 1   | M00000018054 | M00000018054 |
| 11622 | PHU LIEU HUYEN TRAN                      | 3   | M00000120687 | M00000120689 |
| 11623 | PHUNG TIEN                               | 1   | M00000199999 | M00000199999 |
| 11624 | PHUONG THAO                              | 5   | M00000054887 | M00000054891 |
| 11625 | PK PHAU THUAT THAM MY                    | 4   | M00000031950 | M00000031953 |
| 11626 | PKCK PTTM NGOAI GIO TS BS DO THANH TRI   | 4   | M00000203447 | M00000203450 |
| 11627 | PKCK TRI LIEU TK COTSONG HOAKY-CN TAI HN | 32  | M00000168295 | M00000168326 |
| 11628 | PT MART                                  | 13  | M00000017948 | M00000017960 |

|       |                                          |                          |                    |                     |
|-------|------------------------------------------|--------------------------|--------------------|---------------------|
| 11629 | PT MART                                  | 10                       | M00000018802       | M00000018811        |
| 11630 | PTMART GREENBAY                          | 1                        | M00000018801       | M00000018801        |
| 11631 | PUPPY PET SHOP                           | 2                        | M00000019246       | M00000019247        |
| 11632 | QUAN AN GANH HAO - CN DNTN XANG DAU LONG | 235                      | M00000193979       | M00000194213        |
| 11633 | QUAN AN GANH HAO 2 - DNTN XANG DAU LONG  | 120                      | M00000194262       | M00000194381        |
| 11634 | QUAN AN HOI HOP                          | 1                        | M00000215568       | M00000215568        |
| 11635 | QUAN APPLE                               | 2                        | M00000136738       | M00000136739        |
| 11636 | QUAN BE THUI BAY PHUONG                  | 4                        | M00000147896       | M00000147899        |
| 11637 | QUAN BUN CHA NUONG KIM CHI               | 2                        | M00000147648       | M00000147649        |
| 11638 | QUAN BUN TRINH HUE                       | 1                        | M00000147525       | M00000147525        |
| 11639 | QUAN CAY XOAI                            | 3                        | M00000042927       | M00000042929        |
| 11640 | QUAN CON CAO (FOX BAR)                   | 9                        | M00000191016       | M00000191024        |
| 11641 | QUAN DAO HOA DAO                         | 1                        | M00000079073       | M00000079073        |
| 11642 | QUAN DONG LOI 1                          | 1                        | M00000082244       | M00000082244        |
| 11643 | QUAN LAU DE THANH TAN II                 | 5                        | M00000084358       | M00000084362        |
| 11644 | QUAN MUI DA - CN DNTN XANG DAU LONG PHUO | 48                       | M00000194214       | M00000194261        |
| 11645 | QUAN OC DEM D17                          | 2                        | M00000216547       | M00000216548        |
| 11646 | QUAN TU PHE                              | 7                        | M00000216740       | M00000216746        |
| 11647 | QUAY THUOC MINH THOA                     | 1                        | M00000031113       | M00000031113        |
| 11648 | QUAY THUOC VIET PHAP                     | 1                        | M00000027463       | M00000027463        |
| 11649 | RANVERBAE                                | 11                       | M00000214025       | M00000214035        |
| 11650 | RAON ANCIENT TOWN HOTEL - CHI NHANH CONG | 3                        | M00000138015       | M00000138017        |
| 11651 | RAU STORE                                | 2                        | M00000125145       | M00000125146        |
| 11652 | ROXY LINEN WEAR                          | 4                        | M00000220448       | M00000220451        |
| 11653 | ROYAL COUNTER AND LOUNGE                 | 8                        | M00000125017       | M00000125024        |
| 11654 | ROYAL MANSION BOUTIQUE HOI AN CO.,LTD    | 3                        | M00000113713       | M00000113715        |
| 11655 | RUS THAO DIEN - CN CT TNHH RU SIGNATURE  | 7                        | M00000205932       | M00000205938        |
| 11656 | S Y D N                                  | 3                        | M00000084897       | M00000084899        |
| 11657 | S77 - THOI TRANG XUAT KHAU               | 3                        | M00000073522       | M00000073524        |
| 11658 | SA KE                                    | 1                        | M00000220604       | M00000220604        |
| 11659 | SAC MAU                                  | 1                        | M00000081151       | M00000081151        |
| 11660 | SANG LY                                  | 1                        | M00000192815       | M00000192815        |
| 11661 | SAT THEP HOANG PHAT                      | 3                        | M00000092989       | M00000092991        |
| 11662 | SEOUL VIET HAN BBQ                       | 3                        | M00000081951       | M00000081953        |
| 11663 | S-E-X-Y-F-O-R-E-V-E-R                    | 1                        | M00000215567       | M00000215567        |
| 11664 | SHOP CHUONG                              | 3                        | M00000205946       | M00000205948        |
| 11665 | SHOP JAMMY                               | 2                        | M00000125817       | M00000125818        |
| 11666 | SHOP ME BONG 2                           | 2                        | M00000127132       | M00000127133        |
| 11667 | SHOP ME KAY 2                            | 1                        | M00000127208       | M00000127208        |
| 11668 | SHOP ME VA BE CON YEU                    | 2                        | M00000149951       | M00000149952        |
| 11669 | S-H-O-P SU BEO                           | 1                        | M00000087266       | M00000087266        |
| 11670 | SIEU THI DO AN VAT 2                     | 4                        | M00000213691       | M00000213694        |
| 11671 | SIEU THI MINI PANPAN NHAT BAN            | 3                        | M00000059457       | M00000059459        |
| 11672 | SKECHERS                                 | 12                       | M00000192262       | M00000192273        |
| 11673 | SON NGUYEN MARKET                        | 2                        | M00000120049       | M00000120050        |
| 11674 | SON NHUNG                                | 9                        | M00000116941       | M00000116949        |
| 11675 | SOP DIEN THOA1 - HUYEN APPLE             | 17                       | M00000199582       | M00000199598        |
| 11676 | SU SU                                    | 3                        | M00000090926       | M00000090928        |
| 11677 | SUNRISE NHA TRANG                        | 163                      | M00000098502       | M00000098664        |
| 11678 | SUSHI YA                                 | 1                        | M00000127225       | M00000127225        |
| 11679 | SWEET HOME MART                          | 1                        | M00000124677       | M00000124677        |
| 11680 | TAM HUNG VU                              | 1                        | M00000216769       | M00000216769        |
| 11681 | TAP HOA TAP PHAM PHUC LOC THO            | 1                        | M00000215410       | M00000215410        |
| 11682 | TBMART                                   | 9                        | M00000024491       | M00000024499        |
| 11683 | TÊN KHÁCH HÀNG                           | SỐ LƯỢNG<br>MÃ DỰ THƯỜNG | TỪ MÃ DỰ THƯỜNG SỐ | ĐẾN MÃ DỰ THƯỜNG SỐ |
| 11684 | THANG CHINH                              | 1                        | M00000089978       | M00000089978        |
| 11685 | THANH DUY S-T-O-R-E                      | 3                        | M00000084368       | M00000084370        |
| 11686 | THAO HOANG                               | 1                        | M00000081875       | M00000081875        |
| 11687 | THE DUDE                                 | 9                        | M00000124520       | M00000124528        |
| 11688 | THE GIOI BONG DA                         | 1                        | M00000199599       | M00000199599        |
| 11689 | THE GIOI DI DONG VH                      | 1                        | M00000059003       | M00000059003        |
| 11690 | THE GIOI DTDD HUONG MINH PHAT            | 1                        | M00000197404       | M00000197404        |
| 11691 | THE GIOI MAT KINH                        | 1                        | M00000221359       | M00000221359        |
| 11692 | THE GIOI SUA C.O.L.O.S.T.R.U.M           | 3                        | M00000090664       | M00000090666        |
| 11693 | THE HIPPO                                | 2                        | M00000081817       | M00000081818        |
| 11694 | THIEN APPLE                              | 6                        | M00000197406       | M00000197411        |

|       |                                          |     |              |              |
|-------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 11695 | THU YURI                                 | 4   | M00000119431 | M00000119434 |
| 11696 | THUONG GIA DI DONG                       | 30  | M00000125073 | M00000125102 |
| 11697 | TIEM BAC THANH SON                       | 1   | M00000093024 | M00000093024 |
| 11698 | TIEM CHIM 45                             | 6   | M00000203226 | M00000203231 |
| 11699 | TIEM LAU BO NHA GO                       | 75  | M00000217894 | M00000217968 |
| 11700 | TOAN THANG                               | 1   | M00000042926 | M00000042926 |
| 11701 | TOMOMI                                   | 4   | M00000092095 | M00000092098 |
| 11702 | TRA DAM +                                | 11  | M00000089868 | M00000089878 |
| 11703 | TRA MY                                   | 1   | M00000120168 | M00000120168 |
| 11704 | TRAM KHACH T41 - TT BD PHIA NAM - VP BCY | 4   | M00000224057 | M00000224060 |
| 11705 | TRAM Y TE PHUONG DONG DA                 | 2   | M00000046489 | M00000046490 |
| 11706 | TRAN DINH THANG                          | 10  | M00000072786 | M00000072795 |
| 11707 | TRAN DUC MINH                            | 2   | M00000020550 | M00000020551 |
| 11708 | TRAN EM                                  | 1   | M00000216695 | M00000216695 |
| 11709 | TRAN NU THUY TRINH                       | 1   | M00000148875 | M00000148875 |
| 11710 | TRAN THAI HOA                            | 2   | M00000116950 | M00000116951 |
| 11711 | TRAN THI DUYEN                           | 3   | M00000018658 | M00000018660 |
| 11712 | TRAN THI HANH-63                         | 10  | M00000042912 | M00000042921 |
| 11713 | TRAN THI HOAI THAN-HO MINH CUC           | 2   | M00000117590 | M00000117591 |
| 11714 | TRAN THI KIM XUYEN                       | 1   | M00000083440 | M00000083440 |
| 11715 | TRAN THI THANH                           | 2   | M00000055033 | M00000055034 |
| 11716 | TRAN THI THUY                            | 5   | M00000054733 | M00000054737 |
| 11717 | TRAN THI TUAT                            | 4   | M00000136849 | M00000136852 |
| 11718 | TRAN VAN QUYET                           | 1   | M00000020445 | M00000020445 |
| 11719 | TRAN VAN THE                             | 1   | M00000194694 | M00000194694 |
| 11720 | TRAN XUAN DUC                            | 2   | M00000030679 | M00000030680 |
| 11721 | TRANH THEU TAY NGHE THUAT SO VA          | 2   | M00000133498 | M00000133499 |
| 11722 | TREE HUGGER                              | 3   | M00000120715 | M00000120717 |
| 11723 | TRI HANG II                              | 11  | M00000134423 | M00000134433 |
| 11724 | TRINH HOAI NAM                           | 2   | M00000044021 | M00000044022 |
| 11725 | TRUC LINH MOBILE                         | 59  | M00000197870 | M00000197928 |
| 11726 | TRUNG APPLE                              | 10  | M00000120478 | M00000120487 |
| 11727 | TRUNG HIEU                               | 67  | M00000216063 | M00000216129 |
| 11728 | TRUNG TAM DICH VU VA DU LICH DAO CON CO  | 6   | M00000126383 | M00000126388 |
| 11729 | TRUNG TAM DIEN THOAI DI DONG DAI VIET PH | 10  | M00000199051 | M00000199060 |
| 11730 | TRUNG TAM GIAO DUC NGHE NGHIEP TAM AN    | 72  | M00000103236 | M00000103307 |
| 11731 | TRUNG TAM HOI NGHI VA NHA KHACH TRA VINH | 3   | M00000089413 | M00000089415 |
| 11732 | TRUNG TAM MUA BAN XE DAP VA XE DIEN VAN  | 2   | M00000147484 | M00000147485 |
| 11733 | TRUNG TAM MUA SAM LOI QUE                | 1   | M00000146085 | M00000146085 |
| 11734 | TRUNG TAM O TO DAESCO QUANG TRI - CN CT  | 102 | M00000149609 | M00000149710 |
| 11735 | TRUNG TAM SAN XUAT VA PHAN PHOI DO GO MY | 2   | M00000124380 | M00000124381 |
| 11736 | TRUONG CAO DANG THUONG MAI VA DU LICH HN | 370 | M00000022779 | M00000023148 |
| 11737 | TRUONG MAM NON 19/5                      | 2   | M00000117270 | M00000117271 |
| 11738 | TRUONG MAM NON AU CO                     | 4   | M00000065750 | M00000065753 |
| 11739 | TRUONG MAM NON CHIM CANH CUT             | 1   | M00000160007 | M00000160007 |
| 11740 | TRUONG MAM NON DORAEMON                  | 1   | M00000113941 | M00000113941 |
| 11741 | TRUONG MAM NON HOA HUONG DUONG-EHOME 3   | 18  | M00000185896 | M00000185913 |
| 11742 | TRUONG MAM NON HOC VIEN THIEN THAN       | 2   | M00000182627 | M00000182628 |
| 11743 | TRUONG MAM NON NGOI SAO                  | 3   | M00000019648 | M00000019650 |
| 11744 | TRUONG MAM NON NGOI SAO SANG             | 4   | M00000207566 | M00000207569 |
| 11745 | TRUONG MAM NON NHA TRANG MONTESSORI      | 2   | M00000104636 | M00000104637 |
| 11746 | TRUONG MAM NON NHUNG BUOC CHAN DAU TIEN  | 14  | M00000020103 | M00000020116 |
| 11747 | TRUONG MAM NON SASUKE HA DONG            | 15  | M00000042020 | M00000042034 |
| 11748 | TRUONG MAM NON SASUKE TAY MO             | 11  | M00000043851 | M00000043861 |
| 11749 | TRUONG MAM NON THE GIOI MAT TROI         | 13  | M00000199287 | M00000199299 |
| 11750 | TRUONG MAM NON THIEN HUONG               | 8   | M00000156746 | M00000156753 |
| 11751 | TRUONG MAM NON THO NGOC                  | 2   | M00000156946 | M00000156947 |
| 11752 | TRUONG MAM NON TU THUC HOA KY            | 10  | M00000039960 | M00000039969 |
| 11753 | TRUONG MAM NON TU THUC NHUNG NGON TAY BA | 8   | M00000027448 | M00000027455 |
| 11754 | TRUONG MAM NON VUON KHAM PHA             | 52  | M00000015635 | M00000015686 |
| 11755 | TRUONG MAM NON VUON TUOI THO             | 1   | M00000200000 | M00000200000 |
| 11756 | TRUONG TH,THCS VA THPT QUOC TE HOA BINH  | 17  | M00000080529 | M00000080545 |
| 11757 | TRUONG TH,THCS&THPT TRUNG VUONG          | 25  | M00000102143 | M00000102167 |
| 11758 | TRUONG THCS VA THPT ALFRED NOBEL         | 117 | M00000014662 | M00000014778 |
| 11759 | TRUONG THCS VA THPT LE QUY DON           | 36  | M00000014779 | M00000014814 |
| 11760 | TRUONG THCS VA THPT VIET UC HA NOI       | 16  | M00000006612 | M00000006627 |
| 11761 | TRUONG THI HOA BINH                      | 5   | M00000120012 | M00000120016 |
| 11762 | TRUONG TIEU HOC - TRUNG HOC CO SO VIET   | 59  | M00000199112 | M00000199170 |

|       |                                          |     |              |              |
|-------|------------------------------------------|-----|--------------|--------------|
| 11763 | TRUONG TIEU HOC LE QUY DON               | 39  | M00000006363 | M00000006401 |
| 11764 | TRUONG TIEU HOC TU THUC ALFRED NOBEL     | 110 | M00000001908 | M00000002017 |
| 11765 | TRUONG TIEU HOC VIET - UC HA NOI         | 19  | M00000008652 | M00000008670 |
| 11766 | TRUONG TIEU HOC VIET MY                  | 5   | M00000182573 | M00000182577 |
| 11767 | TRUONG TIEU HOC,THCS,THPT VIET MY        | 19  | M00000182601 | M00000182619 |
| 11768 | TT CUNG UNG DV CONG XA HOC MON           | 1   | M00000218973 | M00000218973 |
| 11769 | TT DANG KIEM XE CO GIOI 15-08D-CN CT TNH | 300 | M00000060177 | M00000060476 |
| 11770 | TT DIEU DUONG NGUOI CO CONG VA CAN BO TI | 3   | M00000053004 | M00000053006 |
| 11771 | TT DV CHAM SOC XE O TO BINH PHUOC        | 3   | M00000090453 | M00000090455 |
| 11772 | TT GD NGHE NGHIEP LAI XE QUANG KHAI      | 3   | M00000207404 | M00000207406 |
| 11773 | TT HOAT DONG VH KH VAN MIEU-QUOC TU GIAM | 166 | M00000012404 | M00000012569 |
| 11774 | TT VIEN CONG NGHE CHAU A TAI VIET NAM    | 38  | M00000018191 | M00000018228 |
| 11775 | TTDK XE CO GIOI 36-09D - CN CONG TY CP D | 3   | M00000117766 | M00000117768 |
| 11776 | TTDVTDTT-CTCP TV XD&DT QUANG NGUYEN      | 1   | M00000101067 | M00000101067 |
| 11777 | TU HOA                                   | 5   | M00000043347 | M00000043351 |
| 11778 | TUYET THOM                               | 1   | M00000117190 | M00000117190 |
| 11779 | TY THE VU                                | 2   | M00000017706 | M00000017707 |
| 11780 | TY-RI-BEE                                | 6   | M00000190226 | M00000190231 |
| 11781 | UT TICH                                  | 6   | M00000128928 | M00000128933 |
| 11782 | UYEN UONG STORE                          | 2   | M00000069135 | M00000069136 |
| 11783 | VAN PHONG BAN VE HANG HANG KHONG KOREAN  | 175 | M00000192586 | M00000192760 |
| 11784 | VAN PHONG CONG CHUNG BAO VIET            | 11  | M00000038029 | M00000038039 |
| 11785 | VAN PHONG CONG CHUNG DONG SON            | 1   | M00000129223 | M00000129223 |
| 11786 | VAN PHONG CONG CHUNG MHA TAN HIEP        | 8   | M00000172391 | M00000172398 |
| 11787 | VAN PHONG CONG CHUNG NAM THANH PHO HO CH | 1   | M00000196631 | M00000196631 |
| 11788 | VAN PHONG CONG CHUNG NGUYEN THI THANH    | 2   | M00000156938 | M00000156939 |
| 11789 | VAN PHONG CONG CHUNG PHU CUONG           | 15  | M00000211516 | M00000211530 |
| 11790 | VAN PHONG CONG CHUNG QUAN 2              | 12  | M00000192401 | M00000192412 |
| 11791 | VAN PHONG CONG CHUNG RACH GIA            | 3   | M00000079001 | M00000079003 |
| 11792 | VAN PHONG CONG CHUNG TAN THANH           | 8   | M00000165131 | M00000165138 |
| 11793 | VAN PHONG CONG CHUNG TRUNG TAM THU DUC   | 3   | M00000224266 | M00000224268 |
| 11794 | VAT LIEU XAY DUNG KIM HIEN               | 2   | M00000090794 | M00000090795 |
| 11795 | VF BAN VE HHK ASIANA AIRLINES INC.       | 55  | M00000181295 | M00000181349 |
| 11796 | VF BAN VE HHK PHILIPPINE AIRLINES, INC   | 30  | M00000196746 | M00000196775 |
| 11797 | VIEN PHAP TAI DA NANG                    | 2   | M00000095459 | M00000095460 |
| 11798 | VIEN PHAT TRIEN GIAO DUC VIET NAM        | 4   | M00000173169 | M00000173172 |
| 11799 | VIEN THONG NGOC THANG                    | 8   | M00000194419 | M00000194426 |
| 11800 | VIET PARIS                               | 1   | M00000127245 | M00000127245 |
| 11801 | VINH DIEN                                | 21  | M00000082056 | M00000082076 |
| 11802 | VO QUYNH LAM                             | 1   | M00000128947 | M00000128947 |
| 11803 | VO THI THE LOAN                          | 5   | M00000219265 | M00000219269 |
| 11804 | VO TRONG NGHIA                           | 9   | M00000084070 | M00000084078 |
| 11805 | VP CONG CHUNG BEN NGHE                   | 12  | M00000164999 | M00000165010 |
| 11806 | VP CONG CHUNG HAC THANH                  | 2   | M00000103354 | M00000103355 |
| 11807 | VPDD CT TNHH DVTM TH HAI AN              | 1   | M00000149800 | M00000149800 |
| 11808 | VU VIET KHAI                             | 12  | M00000217364 | M00000217375 |
| 11809 | YEN HA                                   | 2   | M00000091915 | M00000091916 |